

Bức Tâm Thư của Ban Biên Tập

Kỷ niệm 70 năm thành lập SĐ 5 BB/VNCH (1953-2023)

Kính thưa quý bậc trưởng thượng,

Kính thưa quý niên trưởng, quý chiến hữu,

Kính thưa quý đồng hương và quý tác giả có tác phẩm trong Đặc San này,

Ban Biên Tập Đặc San kỷ niệm 70 năm (1953 – 2023) thành lập Sư Đoàn 5 Bộ Binh (SĐ 5 BB) Việt Nam Cộng Hòa (VNCH), và Hội Ái Hữu SĐ 5 xin trân trọng kính chào toàn thể quý vị.

Chắc hẳn quý vị vô cùng ngạc nhiên vì chưa hề nghe nói đến Hội Ái Hữu Sư Đoàn 5 Bộ Binh này. Thật vậy, thưa quý vị, sống ở miền Nam Việt Nam trong giai đoạn chiến tranh quyết liệt giữa Quốc Cộng, có lẽ chúng ta đã nghe đến tên một đại đơn vị mang tên Sư Đoàn 5 Bộ Binh, một Sư Đoàn nằm trong lãnh thổ của Quân Đoàn III và Quân Khu 3 mà sau trận chiến ở Bình Long, An Lộc năm 1972 đã nổi tiếng với danh hiệu “Sư Đoàn Bình-Long, Anh-Dũng” do chính Tổng Thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu đã trao tặng.

Kính thưa quý vị, trôi theo dòng đời, và theo vận nước suy vong vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, vị Tư Lệnh cuối cùng đáng kính của SĐ 5 BB là Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ đã tuần tiết đèn nợ nước ngay tại tư dinh của Bộ Tư Lệnh SĐ trong căn cứ Lai Khê, thuộc quận Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Sau khi Tổng Thống VNCH bù nhìn Dương Văn Minh kêu gọi buông súng đầu hàng, Tướng Vỹ đã tự sát trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Miền Nam sụp đổ, dân tình ly tán, hàng triệu quân dân cán chính VNCH, trong đó có các chiến sỹ SĐ 5 đã phải vào trại giam tập trung của cộng sản dựng lên khắp ba miền đất nước. Những người còn sống sót đã tìm đường vượt biển hay theo chương trình nhân đạo H.O của chính phủ Hoa Kỳ đi tỵ nạn ra khỏi nước tìm tự do. Tuy vậy còn rất nhiều thương phế binh, cô nhi, quả phụ của SĐ 5 nói riêng và của QLVNCH nói chung còn phải ở lại trong nước chịu bao nhiêu kỳ thị và ngược đãi.

Kính thưa Quý vị, với mục đích tập hợp lại các chiến hữu nguyên thuộc SĐ 5 BB đã đến được bến bờ tự do hay còn trong nước, Hội Ái Hữu SĐ 5 BB đã được thành lập đúng vào năm 2020, nhân dịp kỷ niệm 45 năm ngày Quốc Hận.

2 | Đặ c S an 2023

Kính thưa quý vị, năm nay 2023 để đánh dấu 70 năm thành lập Sư Đoàn và kỷ niệm trận chiến Bình Long, An Lộc năm 1972 vang dội toàn cầu, mà SĐ 5 đã tử thủ, cùng các đơn vị bạn, gần 100 ngày đêm, và đi đến chiến thắng, Ban Biên Tập chúng tôi rất vui mừng và hân hạnh cho ra mắt cuốn Đặc San đặc biệt này. Cuốn đặc san cũng đề nêu cao một lần nữa *Chính nghĩa Quốc Gia VNCH* và *tinh thần chiến đấu anh dũng của QLVNCH* trong đó có SĐ 5 BB.

Tuy Ban Biên Tập chúng tôi, dù không phải văn sỹ, thi sỹ, hay nhạc sỹ nhưng với tấm lòng nhớ về quê hương, nhớ về miền Nam thân yêu ngày nào, nhớ về SĐ 5 BB, nên đã mạnh dạn cầm bút ghi lại những chiến công, những chặng đường gian nan và tâm tình của mình khi cầm súng bảo vệ tổ quốc chống cộng sản xâm lược trong cuộc chiến (1954-1975) vừa qua. Bởi thế sẽ không tránh được nhiều sai sót, kính mong quý vị lượng thứ. Chúng tôi cũng xin cảm ơn những tác giả có bài viết trong đặc san này, và cũng xin lỗi một số tác giả chúng tôi đã không liên lạc được để xin phép trước khi đăng.

Xin chân thành cảm tạ và xin kính chúc quý vị luôn an vui mạnh khỏe.

Ban Biên Tập:

Phạm Gia Đại

Phạm Minh Huyền

Nguyễn Định

Đinh Tính



SƯ ĐOÀN 5 BỘ BINH

hành khúc

Nhạc và Lời: VŨ ĐỨC NGHIỆM

Moderato (♩ = c. 99)

Introduction...

9

16 Chúng ta là đoàn trai xông pha phong sương Ra đi tươi cười vui hát khúc ca ly hương

23 Chón sa trường cười vang coi khinh đau thương Đắt nước lấm nguy đoàn ta tiến nhanh lên đường.

31 Trong gian nan, tiến lên đi Sư Đoàn 5 Cứu muôn dân thề xây ngày mai tươi sáng

40 Thu đông đây miền rừng hoang, vươn lên bàn tay kiến thiết, đấu tranh cho Việt Nam tự do.

47 Ngày mai một ngày đẹp tươi — Toàn dân vang lời ca vang

54 Trên đường Bắc tiến cứu quê hương Diệt quân hồ lang tan tác.

62 Đi lên Sư Đoàn 5, Ca vang trên đường xa Cùng nhau tiến lên oai hùng trong sương gió —

62 Đi lên Sư Đoàn 5, Muôn dân dang chờ ta Làm cho núi sông lừng danh Sư Đoàn 5.

Lược ghi về đời binh nghiệp của Tướng Lê Văn Hưng



Tướng Lê Văn Hưng xuất thân khóa 5 Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức, mãn khóa vào tháng 1/1955. Sau ngày ra trường, ông đã có một thời gian dài chiến đấu tại chiến trường Miền Tây qua các chức vụ các chức vụ chỉ huy từ cấp đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn thuộc Sư đoàn 21 Bộ binh (BB). Năm 1966, ở cấp Thiếu tá, ông là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 31 BB. Cũng trong năm 1966, ông được các phóng viên chiến trường vinh danh là một trong năm ngũ hổ U Minh Thượng (ngoài Tiểu đoàn trưởng Lê Văn Hưng, 4 sĩ quan khác là: Thiếu tá Lưu Trọng Kiệt, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 42 BĐQ; Thiếu tá Nguyễn Văn Huy, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 44 BĐQ, Đại úy Vương Văn Trỏ, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 3/33BB; Đại úy Hồ Ngọc Cẩn, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1/33BB).

Năm 1968, ở cấp bậc Trung tá, Sĩ quan Lê Văn Hưng là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 31 BB. Ông đã chỉ huy Trung đoàn 31 BB lập nhiều chiến tích tại chiến trường Hậu Giang. Cũng trong thời gian chỉ huy trung đoàn 31BB, ông đã được thăng cấp đại tá. Giữa tháng 6/1971, ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Tư lệnh Sư đoàn 5 BB khi còn mang cấp đại tá, hơn 9 tháng sau, ông được thăng cấp chuẩn tướng, tiếp tục giữ chức Tư lệnh Sư đoàn này đến ngày 3 tháng 9/1972, sau đó được cử giữ chức tư lệnh phó Quân khu 3. Một năm sau, Tướng Hưng được bổ nhiệm làm Tư lệnh Sư đoàn 21 BB, cuối tháng 10/1974, ông đảm nhận chức vụ Tư lệnh phó Quân đoàn 4 và đã tự sát vào tối ngày 30 tháng 4/1975 tại Cần Thơ.

* * *



Chuẩn Tướng Lê Nguyễn Vỹ
(1933-1975)

SINH VI TƯỚNG TỬ VI THẦN: CHUẨN TƯỚNG LÊ NGUYỄN VỸ

Sau khi nhận lệnh buông súng đầu hàng.
Tướng Vỹ đã dòng đặc tuyên bố:
"Vi tôi là một Tướng chỉ huy mặt trận, tôi không thể thi hành lệnh này. Tôi nghĩ thân làm Tướng là phần nào đã hưởng vinh dự và ân huệ của Quốc Gia hơn các anh em, nên tôi phải chọn lấy con đường riêng của tôi".

Tướng Vỹ đã rút súng tự sát vào 30/4/1975

Mục Lục

- Bức Tâm Thư của Ban Biên Tập	1
- Sự Thành Lập và Hoạt Động của Hội Sư Đoàn 5 BB VNCH.....	7
- Bốn mươi năm vẫn một bóng hình anh tôi	11
- 10 Bài Thơ của Tha Nhân Trần Chương Lương.....	33
- Cuộc Chiến An Lộc Mùa Hè Năm 1972.....	37
- Gửi Em Cô Gái Bình Long	49
- Đại Đội 50 - Tiểu Đoàn 5 Quân Y	51
- Đại đội 4/52 BĐQ	58
- Hồi Ký Cựu Trung Úy Lê Cảnh Sao.....	76
- Anh Hùng Sư Đoàn 5	87
- Nhớ về trận chiến trên chiến trường Snoul, Kumpuachia năm 1971.....	94
- Phan Rang Trận Chiến Cuối Cùng Của LĐ 31/BĐQ	106
- Sư Đoàn 5 Bộ Binh Việt Nam Cộng Hòa	115
- Những Hình Ảnh đáng Ghi Nhớ.....	120
- Tiểu Đoàn 2/8 Trong trận chiến An Lộc,.....	127
- Di sản để cho con cháu về sau	132
- Một Thời “Ốp- Xọc” Quan Sát	147
- The 5th Infantry Division.....	166
- Tướng Lê Văn Hưng	169
- Vì Sao Chợ Tắt.....	190

- Buồn Vui chiến trường.....	201
- Vị Tư Lệnh Thứ 2 Của Sư Đoàn Nùng, Tiền Thân Của Sư Đoàn 5 Bộ Binh	209
- Vị Tư Lệnh Cuối Cùng Của Sư Đoàn 5 Bộ Binh QLVNCH.....	213
- Kontum Kiêu Hùng	220
- Hai Đứa Bé Gái	222
- Ván Vương Ngọn Bà Rá	234
- Mười Cái Chết Oan Khiên Sau Ngày 30-4-1975	239
- Khép Lại Núi Rừng.....	255
- Hoài Niệm Những Mùa Xuân	265
- Có Những Mùa Xuân	269
- Tạ Ôn.....	277
- Cõi chùng Tu Hú.....	279
- 48 Năm Nhìn Lại	282
- Một Chiều Lai Khê.....	285
- THÁI BÁ TÂN	288
- Bông Hồng Thắm cho Đại Hội Kỷ Niệm 50 Năm Chiến Thắng An Lộc tại Quốc Dương Studio	135
- Sư Đoàn 5 Diễn Hành Tết Quý Mão trên Đại Lộ Bolsa.....	140

Sự Thành Lập và Hoạt Động của Hội Sư Đoàn 5 BB VNCH

Nguyễn Định

Lần đầu tiên sau cuộc chiến vào ngày 30 tháng Tư năm 1975, những người lính chiến thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh Việt Nam Cộng Hòa mới có dịp tổ chức buổi hội ngộ đầu tiên tại Nhà Hàng Paracel, Westminster, Nam California vào 6 giờ chiều Chủ Nhật, ngày 1 tháng 3, 2020.

Niên trưởng Dương Văn Chiến đảm nhiệm Trưởng Ban Tổ Chức buổi họp mặt. Sau nghi thức chào cờ và mặc niệm. Qua lời chào mừng quan khách và các chiến hữu Sư Đoàn 5 BB cùng gia đình và các thân hữu, niên trưởng Dương Văn Chiến nói, “Ngày 30 tháng Tư năm 1975 các chiến sĩ Sư Đoàn 5 BB cũng như toàn thể QL/VNCH phải buông súng trong tức tưởi, uất nghẹn, và tủi nhục. Đa số các chiến sĩ Sư Đoàn 5 đã bị giam giữ trong các trại tù từ Nam ra Bắc. Trong hoàn cảnh đen tối của xã hội đổi thay và sau nhiều năm trong ngục tù Cộng Sản, các chiến sĩ Sư Đoàn 5 chúng tôi vẫn tìm đến nhau trong tinh thần tương kính, gặp lại nhau xem ai còn, ai mất!

“Ngày hôm nay, 45 năm sau cuộc chiến, những cựu quân nhân của Sư Đoàn 5 BB hội ngộ về đây để tìm về nhau, tưởng nhớ về nhau cho dù thời gian có trôi qua bao lâu theo như lời một vị Đại Tướng đã nói Người lính già không bao giờ chết, họ chỉ phai mờ theo thời gian.

“Hào khí vẫn còn luân lưu trong mọi người lính Sư Đoàn 5 Bộ Binh, vẫn đang nuôi dưỡng

một tinh thần nhân ái, tinh thần đồng đội và mãi mãi là tinh thần của người chiến sĩ Quân Lực VNCH. Hôm nay với sự linh thiêng của hồn thiêng sông núi, với anh linh của các chiến sĩ vị quốc vong thân, của các anh hùng tử sĩ, xin tuyên bố khai mạc buổi họp mặt và ước mong hoài bão này sẽ tiếp tục được giữ gìn và phát huy trong tương lai,



Ban hợp ca Sư Đoàn 5 Bộ Binh đồng ca “Sư Đoàn 5 Hành Khúc” trong ngày hội ngộ lần đầu tại Little Saigon.



Buổi Hội Ngộ kỷ niệm 50 năm chiến thắng Bình Long An Lộc (1972-2022) được tổ chức

hôm Thứ Bảy, 14 Tháng Năm, tại Quốc Dương Studio, thành phố Garden Grove, Nam California, Hoa Kỳ - một địa điểm rộng rãi khang trang do nhà hàng SeaFod World đảm trách phần ẩm thực. Các cựu chiến sĩ Sư Đoàn 5 Bộ Binh VNCH và các đơn vị bạn cùng thân hữu xa gần đã cùng tề tựu trong Buổi Hội Ngộ Kỷ Niệm chiến thắng vang lừng Bình Long An Lộc này.



Lễ truy điệu anh linh tử sĩ và hai vị nguyên tư lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Tướng Lê Văn Hưng và Tướng Lê Nguyên Vỹ trong buổi họp mặt lần đầu Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Các chiến hữu Sư Đoàn 5 Bộ Binh vui mừng gặp lại trong ngày họp mặt đầu tiên tại Little Saigon trong đó có sự hiện diện của Cựu Chuẩn Tướng Trần Quốc Lịch và Phu nhân.

Trước đó, hôm Thứ Sáu, các cựu chiến sĩ Sư Đoàn 5 Bộ Binh đã tập họp trước Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Mỹ, Westminster, để đặt vòng hoa truy điệu tưởng niệm các quân cán chính đã hy sinh cho công cuộc chiến đấu bảo vệ cho tự do tại Bình Long.

Hội Sư Đoàn 5 Bộ Binh Việt Nam Cộng

Hòa (VNCH) cùng một số cựu chiến sĩ Quân Lực VNCH đã có phiên họp tại Lake Park Mobile Home, Santa Ana, vào trưa Thứ Bảy, 2 Tháng Tư, cũng như phổ biến thông tin lên các đài phát thanh truyền hình để chuẩn bị tổ chức Đại Hội Kỷ Niệm 50 Năm Ngày Chiến Thắng Bình Long, An Lộc.



Các thành viên trong ban tổ chức. Các chiến hữu Quân Lực VNCH đến dự. Chiến hữu Nguyễn Định (trái), hội trưởng Hội Ái Hữu Sư Đoàn 5 Bộ Binh VNCH, bắt tay vui mừng gặp lại chiến hữu Quang Diệm (Thiếu Sinh Quân) và Phạm Thụy.



Lễ truy điệu quân dân cán chính trong mặt trận Bình Long An Lộc, do các cựu chiến sĩ Sư Đoàn 5 Bộ Binh tổ chức tại tượng đài Chiến Sĩ Việt Mỹ. Ông Richard Jose Tallman nói về cuộc chiến đấu tại chiến trường Bình Long An Lộc, bên trên là di ảnh của thân phụ, cố Thiếu Tướng Richard J. Tallman, trong lễ kỷ niệm 50 năm chiến thắng Bình Long An Lộc

Chiến hữu Nguyễn Định cho hay: “Chương trình đại hội vào ngày 14 Tháng Năm gồm có:

- 1/ Chào mừng quan khách, các chiến hữu bạn và đồng hương đến dự.
- 2/ Triển lãm tranh ảnh và tài liệu chiến thắng tại trận Bình Long, An Lộc.
- 3/ Lễ Chào Quốc, Quân Kỳ VNCH-Hoa Kỳ và phút mặc niệm.
- 4/ Giới thiệu các thành viên trong Ban Chấp Hành của Hội Sư Đoàn 5 Bộ Binh VNCH.
- 5/ Diễn văn khai mạc của trưởng ban tổ

chức.

6/ Phát biểu của các vị niên trưởng và quan khách đến dự.

7/ Chiếu phim tài liệu lịch sử ‘Trận Chiến An Lộc 1972.’

8/ Chương trình văn nghệ với sự đóng góp của nhiều ca sĩ danh tiếng tại Little Saigon và các chiến hữu Quân Lực VNCH.

9/ Bế mạc.



Chiến hữu Phạm Minh Huyền, thành viên trong ban tổ chức, kể: “Từ Tháng Năm, 1971. Sau khi Chiến Đoàn 8, Sư Đoàn 5 Bộ Binh đã rút ra khỏi thị trấn Snoul, Cambodia, thì Cộng Quân đã có cả một năm để chuẩn bị cho trận đánh Lộc Ninh và An Lộc vào năm 1972. Mùa Hè 1972, Cộng Quân đã mở ra ba mặt trận lớn. Theo tài liệu của Cộng Quân là Quảng Trị, Kon Tum, Lộc Ninh và An Lộc thuộc tỉnh Bình Long.”

Buổi hội ngộ với sự hiện diện các cựu chiến sĩ Sư Đoàn 5 Bộ Binh và các đơn vị cùng tham chiến, gồm Lực Lượng 81 Biệt Cách Dù, Nhảy Dù, Biệt Động Quân, Không Quân, Pháo Binh, Thiết Giáp, cả các quân cán chính cùng tham gia trong chiến trường.



Thiếu Tá Richard Joseph Tallman và thân phụ, cựu Đại Tá Richard Jose Tallman trong lễ kỷ niệm 50 chiến thắng Bình Long An Lộc. Thiếu Tá Phạm Châu Tài, thuộc Lực Lượng 81 Biệt Cách Nhảy Dù: “Không tin nổi khi tôi còn sống sau 68 ngày đêm tử thủ tại chiến trường Bình Long An Lộc. Ban Tù Ca Xuân Diễm trong hành khúc “Ta Là Linh” trong lễ kỷ niệm 50 năm chiến thắng Bình Long An Lộc.

Ban chấp hành Hội Sư Đoàn 5 cũng đã tham dự nhiều buổi tiễn đưa an tang, phủ cờ,

phân ưu như phủ cờ cố Chuẩn Tướng Trần Quốc Lịch cựu tư lệnh, phủ cờ Thiếu Úy Đinh Công Chánh, Trung Đoàn 7 SĐ 5 bộ binh, phủ cờ Thiếu úy Nguyễn Chí Công, Trung Đoàn 7 SĐ 5 bộ binh, cũng như tiễn đưa HQ Đại Tá Nguyễn Trọng Hiệp bào huynh của bác sĩ Nguyễn Nam Hùng thuộc SĐ 5 bộ binh, và tiễn đưa bác sĩ Phạm Gia Cồn thuộc binh chủng nhảy dù, và đăng tin phân ưu trên các báo viết ngữ. Ban chấp hành hội Ái hữu SĐ 5 cũng đã quyên góp hiện kim và đã gửi về giúp đỡ cho thương phế binh SĐ5/BB tại quê nhà số tiền tổng cộng là \$5,000 qua 2 lần gửi.

Nguyễn Định

(Hội Trưởng Hội Ái Hữu SĐ BB)

Hương Trầm

*Hương khói đầu Xuân vượt ngút ngàn
 Nguyện cầu Dân, Nước được bình an
 Giấc mơ nhỏ bé nhưng chưa đạt
 Bốn thập niên rồi vẫn trái ngang.*



Lê Trị

Bốn mươi năm vẫn một bóng hình anh tôi

Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng

Lê Văn Kim

Một lời mở đầu

Thành kính ghi ơn các chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, Cán Bộ, Công Chức các ngành trong Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa và Đồng Bào Việt Nam đã hy sinh trong cuộc chiến chống cộng sản xâm lăng để bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam.

Tên các Tướng lãnh được xếp theo thứ tự vần a, b, c... quay theo chiều kim đồng hồ từ trên đỉnh 12 giờ:

Chuẩn Tướng Trần Văn Hai (1925-1975): Tư Lệnh Sư Đoàn **7** Bộ Binh. Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng (1933-1975): Tư Lệnh Phó Quân Đoàn **IV**. Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam (1927-1975): Tư Lệnh Quân Đoàn **IV**. Thiếu Tướng Phạm Văn

Phú (1928-1975): Tư Lệnh Quân Đoàn **II**.

Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ (1933-1975):

Tư Lệnh Sư Đoàn **5** Bộ Binh.

Ghi chú những chữ viết tắt:

VNCH: Việt Nam Cộng Hòa

CSVN - VC: Cộng sản Việt Nam - Việt cộng, cùng một nghĩa: quân xâm lăng. Chữ Anh, viết hoa: Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng

Chiến trường An Lộc

Trên đường ra mặt trận sáng ngày 23-02-1971 chiếc phi cơ trực thăng chở Trung Tướng Đỗ Cao



Trí phát nổ trên bầu trời phía Bắc Tây Ninh - một thiên tài về quân sự của Quân Lực VNCH đã khuất bóng, một khúc quanh mới trong lịch sử chiến tranh Việt Nam bắt đầu. Trên chuyến bay chỉ huy hành quân định mệnh đó, ngoài phi hành đoàn, đoàn sĩ quan tùy viên, còn có nhà báo Mỹ gốc Pháp, ông Francois Sully (nhiều tài liệu cho là cố vấn Mỹ, thực chất lúc đó

quân đội Mỹ không được quyền đánh sang đất Miền).

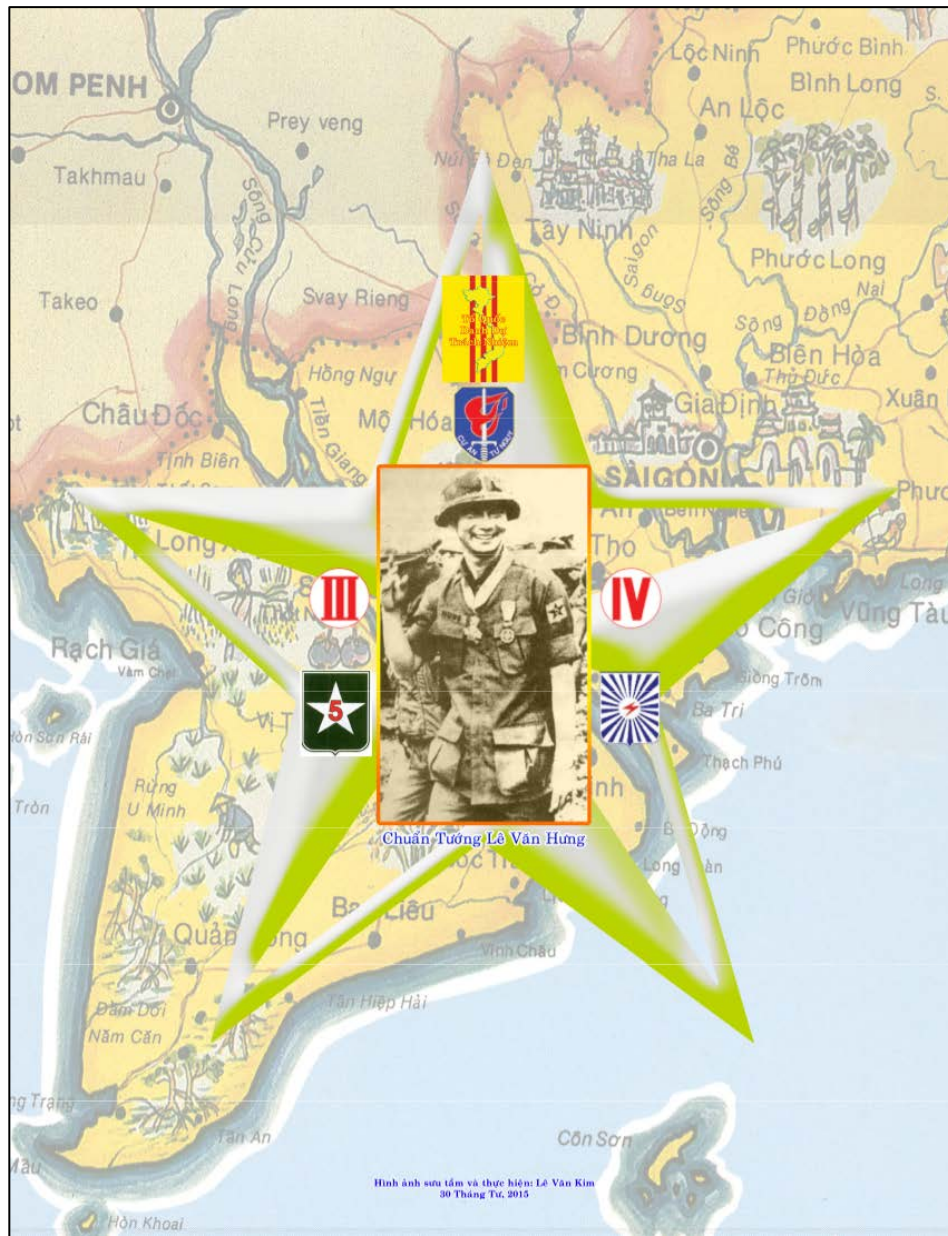


Trung Tướng Trần Văn Minh, Tư Lệnh Không Quân Quân Lực VNCH, cảm thấy mình có trách nhiệm, ông cho gọi gấp Đại Tá Đặng Văn Phước, Không Đoàn Trưởng Không Đoàn 51 trực thăng, Sư Đoàn I



Không Quân VNCH - Đà Nẵng, về Sài-Gòn trình diện ngay Bộ Tư Lệnh Không Quân, để tham khảo về vụ nổ trực thăng của Tướng Trí, vì ông Phước có rất nhiều kinh nghiệm bay trên các loại phi cơ trực thăng, từ H-34

đến UH-1. Khi được vị Tư Lệnh hỏi tại sao trực thăng của Tướng Trí đang bay lại phát nổ trên trời? Ông Phước điềm nhiên trả lời cho Tướng Minh: “*Trực thăng đang bay mà phát nổ, chỉ có một trực trực duy nhất là nghệt*



 Trường Sĩ Quan Bộ Binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa	
 Quân Đoàn III - Vùng 3 Chiến Thuật	 Quân Đoàn IV - Vùng 4 Chiến Thuật
 Sư Đoàn 5 Bộ Binh	 Sư Đoàn 21 Bộ Binh

filter (bộ phận lọc gió để đưa vào buồng nổ của động cơ), mà trục thẳng của V.I.P. (Very Important Person), làm sao có thể xảy ra được?” Bằng một cử chỉ thân thiện với Đại Tá Phước, Tướng Minh đưa ngón tay trở lên, chặn ngang hai vành môi của ông rồi như ra lệnh Đại Tá Phước: “Xuyt! Anh biết nhưng nên im lặng!”

Vài ngày sau đó, tang lễ của Tướng Trí đã được tổ chức trọng thể tại tư gia, đường Phùng Khắc Khoan cạnh nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi. Linh cữu ông được chuyển đi bằng một chiếc thiết vận xa M-113 đưa đến nghĩa trang Quân Đội Quốc Gia Biên Hòa, theo sau là gia đình cùng thân quyến, chiến hữu, bạn hữu, chính khách Việt Mỹ, và đã được an táng theo đúng lễ nghi quân cách của một vị cố Đại Tướng.

Ông là vị Tướng đầu tiên được an táng tại nghĩa trang quân đội, tỉnh Biên Hòa, cũng là nơi chôn nhau cắt rốn của ông, và đã được đặt nằm bên cạnh mộ các chiến sĩ Quân Lực-VNCH, đúng như ước nguyện lúc ông còn sống: “Một lòng sống chết với lính” (1929-1971). Hưởng dương 42 tuổi.

Cuộc chiến An Lộc đã bắt đầu từ hôm đó.

Đại Tướng Đỗ Cao Trí với tài thao lược quân sự xuất chúng, chỉ trong một thời gian ngắn sau khi nhận chức Tư Lệnh Quân Đoàn III và Vùng 3 Chiến Thuật, ông vừa bình định xong lãnh thổ đem lại an ninh ở nông thôn, vừa mở các cuộc hành quân tấn công liên tục các Sư Đoàn nòng cốt của Cộng Sản Bắc Việt. Theo Tướng Trí, phải tận diệt luôn đến hạ tầng cơ sở, tiêu diệt tận gốc nguồn tiếp liệu về vũ khí, đạn dược và lương thực của địch, lúc đó mới được kể là chiến thắng. Kể từ tháng 3-1970, Ông đưa chiến tranh ra khỏi lãnh thổ Vùng 3 Chiến Thuật. Dùng các lực lượng xung kích, các đơn vị Thiết Giáp, Bộ Binh,

Biệt Động Quân tinh nhuệ để tiêu diệt các căn cứ chiến lược chủ yếu của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN) bên đất Miền, hầu cắt đứt con đường chuyển vận huyết mạch chính của chúng từ Miền Bắc xuống tận vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tướng Trí mất đi, Trung Tướng Nguyễn Văn Minh, Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô được đưa về thay thế chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn III và Vùng 3 Chiến Thuật, theo đề nghị của Phó Tổng Thống VNCH Trần Văn Hương.

Cái chết của Tướng Trí đã làm cho Tướng Minh dè dặt hơn trong bối cảnh lịch sử chiến tranh Việt Nam lúc đó; không phải ông sợ đánh giặc, mà chỉ sợ phải đánh thế nào cho đúng qui ước về chính trị lẫn quân sự bởi vì tất cả tiềm năng chiến đấu của Quân Lực-VNCH hoàn toàn lệ thuộc vào Mỹ. Trước khi tổ chức lại việc phòng thủ một vùng chiến thuật khá rộng lớn và quan trọng nhất là gìn giữ thủ đô Sài-Gòn, Tướng Minh đã tăng cường thêm lực lượng Dù và Thủy Quân Lục Chiến để tấn công và đẩy lui quân VC vào sâu trong đất Miền.

Tướng Minh đã chọn Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, người Trung Đoàn Trưởng được tin cậy nhất lúc ông còn làm Tư Lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh - Quân Đoàn IV và Vùng 4 Chiến Thuật, làm Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh, một cánh tay mặt của Tư Lệnh Quân Đoàn III.

Sư Đoàn 5 Bộ Binh đảm trách hành quân và an ninh lãnh thổ gồm ba tỉnh: Bình Dương, Bình Long và Phước Long.

Một năm sau khi Tướng Trí mất, không có cuộc tấn công nào vào mặt khu VC trên đất Miền, các cuộc hành quân của Quân Đoàn III chỉ nhằm bảo vệ lãnh thổ; một năm đủ để VC bổ sung thêm quân số và tiếp tế đầy đủ

đạn dược, quân cụ chiến tranh cần thiết từ Nga-Tàu qua ngã cộng sản Bắc Việt, để tiến sát Sài-Gòn. VC đã lợi dụng được thế thượng phong, tăng cường thêm các sư đoàn chủ lực với đại pháo và xe tăng nằm trong các mật khu trên đất Miền; trong lúc Quân Lực-VNCH đang đi trên con đường “Việt Nam Hóa Chiến Tranh” do các chính trị gia Mỹ vạch ra.



Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN) đang bị lập lờ trên bàn hội nghị Ba- Lê vì cái gọi là “chính phủ MTGPMN” không có đất, không có dân, thì làm sao được gọi là một quốc gia để cùng ngồi ngang hàng với chính phủ VNCH trên bàn hội nghị bốn bên: Hoa Kỳ - Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (tức cộng sản Bắc Việt) và Việt Nam Cộng Hòa - Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (một hư cấu do cộng sản Bắc Việt dàn dựng). Chiếu theo căn bản Hiệp Định Genève 1954 (ký giữa Pháp và Đảng Cộng Sản Việt Nam), hai miền Nam Bắc Việt Nam đã là hai quốc gia; miền Bắc: Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, do đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo; miền Nam: Việt Nam Cộng Hòa,

theo chính thể tự do dân chủ. Không có cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam trong đó! Cộng sản miền Bắc đã ngang nhiên xâm nhập miền Nam, rồi dàn dựng lên MTGPMN, quyết tâm tấn công và chiếm đoạt một vùng đất nào đó, để có một thế đứng cho MTGPMN trên bàn hội nghị.

Thị xã An Lộc, tỉnh Bình Long, mảnh đất hiền hòa của dân lành miền Nam đang sinh sống, mà Bắc quân đã tàn ác, vô nhân, quyết xua quân tấn chiếm.

Phân trận chiến An Lộc được trích dưới đây từ bài viết: “TUỐNG LÊ VĂN HÙNG VÀ NHỮNG SỰ THỰC Ở CHIẾN TRƯỜNG AN LỘC TRONG MÙA

HÈ 1972.” của Trung Tá Nguyễn Văn Dưỡng, sĩ quan quân báo phòng 2, Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Quân Lực VNCH.



“2 giờ sáng ngày 31 tháng 3, lực lượng CSBV pháo kích và tấn công dữ dội tất cả các căn cứ đóng quân của Chiến Đoàn 49, Sư Đoàn 18 Bộ Binh, suốt trực lộ 22 từ tiền đồn Xa Mát ở biên giới Việt Miên dẫn vào đến Thiên Ngôn phía bắc tỉnh ly Tây Ninh. Quan

trọng nhất là... Căn cứ Lạc Long, vì không chịu nổi cường lực tấn công của địch nên toàn bộ đơn vị hơn cấp tiểu đoàn, gồm bộ binh, pháo và quân xa rút khỏi căn cứ định về thị xã Tây Ninh, lọt vào ổ phục kích cấp trung đoàn của chúng buổi sáng sớm hôm đó, bị tổn thất rất nặng. Ngay trong buổi sáng đó, Tướng Minh chỉ thị cho Tướng Hưng và tôi bay lên Bộ Tư lệnh Tiền phương Quân Đoàn III ở Tây Ninh gặp ông. Khi Tướng Hưng và tôi đến đã thấy Trung tá Bình, Trưởng Phòng 2 Quân Đoàn III & Vùng 3 Chiến Thuật chờ Trung tướng Minh ở phòng khách trước văn phòng Tư lệnh. Tướng Minh từ Biên Hòa đến, đi thẳng vào phòng không bắt tay ai, kể cả Tướng Hưng. Chúng tôi theo vào. Tướng Minh nhìn thẳng vào Trung tá Bình và tôi, xát muối: *“Mấy người làm tình báo như vậy đó. Nó đánh tan Trung Đoàn 49 rồi! Tính sao đây? Tình hình sẽ ra sao?”* Trung tá Bình (hiện ở Nam California) trước năm 1971 là Trưởng Khối Tình báo Quốc Nội của Phòng 2/Bộ Tổng Tham Mưu, là một sĩ quan Quân Báo lỗi lạc, nắm vững tình hình CSBV trên toàn quốc cả miền Bắc lẫn miền Nam, bình tĩnh trình Trung tướng Minh rằng ông tin chắc chắn CSBV và Trung Ương Cục Miền Nam (TƯC/MN) - (Đầu não chỉ huy của quân sự MTGPMN-Việt Cộng) vẫn nhắm tấn công vào Bình Long và chiếm An Lộc. Trận đánh trong đêm và sáng đó trên trục lộ 22, ở Tây Ninh, chỉ là ‘hư chiêu’...

“Nhưng tình hình đã diễn ra khá kỳ lạ... Rồi chuyện gì phải đến đã đến. Chiến dịch Nguyễn Huệ của CSBV ở QĐ III & V3CT thực sự mở màn. Đêm 4 rạng ngày 5, tháng 4, 1972...”

Tướng Hưng ra lệnh cho Thiếu Tá Dương lên ngay Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn (TTHQ/SĐ), và nói thêm là: “Tụi nó

đánh lớn rồi. Chiến dịch của tụi nó mở màn”. Trận chiến đã bắt đầu.

...“Khi trực thăng chỉ huy của Tướng Hưng đang bay trên vùng không phận Lộc Ninh, Tướng Hưng nhận được báo cáo của Trung tá Nguyễn Đức Dương là đơn vị Thiết kỵ của ông đang di chuyển trên Quốc Lộ-13 bị phục kích ở phía nam ấp Lộc Thạnh nên xin hủy bỏ “mấy con gà cồ” - tức 4 khẩu pháo 105 ly và 2 khẩu 155 ly được tăng phái cho Thiết đoàn 1 Kỵ binh trước đó- để được nhẹ nhàng và di chuyển nhanh hơn. Câu trả lời cũng là lệnh của Tướng Hưng cho Trung tá Dương nghe rõ trong máy dẫn hợp, cho phép ông này phá hủy các khẩu pháo đó sau khi hạ thấp bắn trực xạ vào toán quân Cộng Sản(CS) phục kích hai bên đường. Dĩ nhiên khẩu lệnh được mã hóa bằng các ám hiệu truyền tin. Một chập sau nghe Trung tá Dương báo cáo đã thi hành xong, tuy nhiên không thể tiếp tục tiến về thị xã Lộc Ninh vì CS phục kích với đơn vị lớn. Tướng Hưng ra lệnh cho Trung tá Dương đưa thiết kỵ trở lại Ngã ba Lộc Tấn chờ đón Tiểu đoàn 74 Biệt Động Quân Biên Phòng (BDQ/BP), sau đó sẽ tập trung lực lượng, trở lại giải tỏa Lộc Ninh.’...

“Khi tiếp xúc được với Tướng Minh, trên trực thăng chỉ huy, Tướng Hưng báo cáo việc này cho Tướng Minh. Tức khắc, Hưng bị xát muối lần đầu tiên trong chiến trường An Lộc 1972. Tiếng nói của Tướng Minh, Tư lệnh Quân đoàn, nghe rất rõ: *“Đánh đấm gì lạ vậy! Chưa có gì mà đã bỏ của ...”* Máy bị cúp. Tướng Hưng ngỡ ngàng. Mọi người trên trực thăng buồn bã và yên lặng chỉ nghe tiếng máy cánh quạt và tiếng máy nổ phành phạch. Trực thăng phải rời vùng để Không Quân VN vào đánh yểm trợ cho căn cứ chỉ huy của Chiến đoàn 9 đang bị tấn công bộ binh. Sau các oanh tạc cơ của Không Quân VN rời

vùng, trực thăng chỉ huy của Tướng Hưng cũng quay về Lai Khê vì sắp cạn nhiên liệu”...

Trên chiến trường, người chỉ huy nắm rõ tình hình nhất phải là người trực tiếp tại mặt trận, không chỉ nghe báo cáo tường trình, nhìn bản đồ rồi quyết định; không phải Tướng Hưng quyết định bỏ của chạy lấy người, mà Anh chỉ muốn bảo toàn tính mạng của binh sĩ trong tình huống nguy ngập ấy. Anh thương yêu binh sĩ của Anh vô cùng. Một lần lúc Anh còn là Trung Tá, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 31, Sư Đoàn 21 Bộ Binh; trong chiến dịch U-Minh 1970, Anh đã từ chối đổ quân vào ban đêm do Thiếu Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi ra lệnh: *“Thiếu Tướng muốn phạt tôi thế nào cũng được, tôi chấp nhận, nếu Thiếu Tướng muốn thực hiện kế hoạch đó, xin cứ kiếm người thế tôi, vì nếu đổ quân ban đêm kiểu đó, (binh lính) chỉ làm mồi cho địch.”* Ông Nghi biết Anh là một sĩ quan rất giàu kinh nghiệm chiến trường, trầm ngâm trong giây phút, rồi phải nghe theo.

...“Một chập sau nghe tiếng Đại tá Miller hỏi: “What did Gen. Minh say, 45?” Không có tiếng trả lời. “Forty-five, hay 45”, là danh hiệu chỉ huy trong hệ thống truyền tin của Tướng Hưng. Miller hỏi Tướng Minh đã nói gì. Không ai còn đủ sức trả lời cho ông ta. Và lại có những điều một tư lệnh Việt Nam không thể nói cho cố vấn Hoa Kỳ của mình biết. Và nhiều điều ở chiến trường An Lộc, Tướng Hưng không thể nói cho Đại tá William Miller cố vấn trưởng Sư đoàn biết, nên sinh ra sự hiểu lầm lớn sau đó trong trận chiến quan trọng này.”...

...”Tướng Hưng có biệt tài về sử dụng không yểm dù điều động các chiến đấu cơ xạ kích vào địch quân chỉ cách quân bạn một con đường hay đánh bom với các tọa độ chính xác

mà không cần nhìn vào bản đồ khi ngồi trên trực thăng. Sở dĩ được như vậy là vì trên bản đồ mà ông sử dụng hằng ngày ông ghi tọa độ tất cả các ngã ba, ngã tư của các con đường, các ngã ba sông, các thị trấn, thị xã, các cao điểm, và các điểm nhớ quan trọng. Gần như ông thuộc lòng tọa độ địa hình các nơi đó trong toàn lãnh thổ trách nhiệm. Ngày thường, khi thuyết trình tình hình cho ông nên thận trọng về địa điểm và tọa độ. Cách ‘đọc bản đồ trong trí nhớ dựa trên các điểm chuẩn’ này rất khoa học và cần thiết cho mọi cấp chỉ huy. Đó là ưu điểm để nhanh chóng đánh trả đũa quân địch bằng pháo binh hay không quân, hoặc hướng dẫn điều động quân nhanh chóng và chính xác, nhất là khi chỉ huy trên trực thăng, từ khi ông còn làm Trung đoàn trưởng ở Sư Đoàn 21 Bộ Binh. Làm việc với ông, tôi đã cố gắng học nghệ thuật tác chiến này.”

Cộng quân tiếp tục tấn công dồn dập, quyết chiếm Lộc Ninh để có thế mạnh trên bàn hội nghị Ba-Lê; vận dụng tất cả hệ thống phòng không để triệt tiêu sức yểm trợ của Không Quân VNCH, hàng trăm chiến xa, với các sư đoàn nòng cốt tăng cường cho Trung Ương Cục của MTGPMN. Chiến trận tiếp tục với cường độ tấn công mạnh của VC đối đầu với sức kháng cự mãnh liệt của các chiến sĩ Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Biệt Động Quân Biên Phòng, Thiết Giáp và các Chiến Đoàn Đặc Nhiệm.

...“Các căn cứ của Chi Khu Lộc Ninh, của Tiểu đoàn 53 Pháo binh và Bộ Chỉ huy Chiến đoàn 9 của Đại tá Nguyễn Công Vĩnh bị pháo kích dữ dội nhiều đợt suốt đêm 5 rạng ngày 6 này. Căn cứ Chiến đoàn 9 ở cuối sân bay bị pháo nặng nhất, hầm cứu thương sập, tất cả Trung đội Quân y bị chết gần hết. Trong ngày quân CSBV mở nhiều đợt tấn công vào căn cứ nhưng đều bị đẩy lùi. Sự thực căn cứ này đứng vững được là nhờ vào yểm

trợ của Không Quân VN với các khu trục, phản lực đánh sát bờ rào đất khá cao chung quanh. Cộng quân tổn thất rất lớn về nhân mạng. Căn cứ Tiểu đoàn 53 Pháo binh gần đó của Trung tá Thông cũng bị pháo giập nặng; các ụ pháo và các khẩu pháo của Tiểu đoàn hoàn toàn bị... câm tiếng, không còn một khẩu nào sử dụng được. Thương binh ở hai căn cứ này lên quá cao. Không một trực thăng nào của Không Quân VN hay Hoa Kỳ đáp được xuống được để tải thương hay tiếp tế suốt hai ngày đêm liền vì phòng không của địch quá dày và quá mạnh.”...

...“Tiểu đoàn 3/9 (-) (không nhớ tên Tiểu đoàn trưởng) hành quân ở phía nam thị xã, trong buổi chiều đó tuy bị Cộng quân bám tấn công nhưng báo cáo là đã về được cuối sân bay, ở bìa rừng cao-su hướng đông phi đạo và của căn cứ Chiến đoàn 9. Tướng Hưng trực tiếp liên lạc với Tiểu đoàn trưởng và chỉ thị cho giữ quân tại chỗ để bảo vệ mặt ngoài cho Chiến đoàn chỉ trừ một đại đội vào căn cứ tăng cường cho Đại tá Vĩnh và một trung đội khác cho TĐ53/PB của Trung tá Thông. Tất cả các đơn vị của Chiến đoàn nằm chịu trận tại chỗ, suốt đêm 6 rạng ngày 7, kể cả hai đơn vị dã ngoại là Tiểu Đoàn 2/9 (-), Đại Đội 9 Trinh Sát và Tiểu Đoàn 3/9 (-), húng pháo của địch quân đến 4 giờ sáng ngày 7 thì mất liên lạc với Đại úy Nguyễn Quang Nghi, Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 2/9 và cả Trung úy Thái Minh Châu, Đại đội trưởng Đại Đội 9 Trinh Sát. Coi như cánh quân cuối cùng ở phía bắc Lộc Ninh kéo về thị xã Lộc Ninh bị tan rã. Tướng Hưng mất gần 2 nghìn quân, hơn 80 chiến xa và quân xa, và hơn hai chục khẩu pháo 105 ly và 155 ly. Màn đêm sắp phủ trùm lên sự nghiệp làm tướng của Tướng Hưng.” Anh rất mến thương các chiến hữu đã và đang sát cánh bên Anh, cùng chiến đấu chống quân thù cộng sản Bắc Việt. Mất

đi trên 2 ngàn quân thiện chiến chỉ trong vài ngày, nào ai có biết cho nỗi lòng Anh đang đau quặn.

...“Tướng Minh chưa một lần nào nặng lời với ông. Tướng Hưng nói với tôi, ‘Dưỡng à, trận chiến này vô cùng nguy hiểm, sống chết chỉ trong giây phút. Cùng khoa, cùng trung đội của Thầy Chiêu, ngày nay tôi đã lên tướng mà Dưỡng và các bạn khác, đến nay, chưa một người nào thăng được cấp trung tá. Như vậy là quá mức rồi, chết cũng đáng. Còn Dưỡng, tội tình gì mà ở đây cho thiệt thân, uổng mạng. Ngày mai về Lai Khê đi. Đưa Đại úy Bé lên đây là được rồi’.”

Tình đồng đội của người chiến binh Quân Lực-VNCH thật khảng khít và cao thượng vì họ cùng nhau chiến đấu cho một lý tưởng chung, chiến đấu để bảo vệ Tổ Quốc và Đồng Bào Việt Nam, họ sẽ không bỏ cuộc trong một cuộc chiến đầy cam go, bất khuất, cuộc chiến chống làn sóng xâm lược đỏ của ngoại bang.

...“Tôi không nói gì và suy nghĩ nhiều về lời tâm sự của Tướng Hưng. Một chập sau tôi dứt khoát trả lời là tôi không về Lai Khê... Buổi cơm thật buồn, vì chúng tôi mất mát, tổn thất lớn lao, mà chính tôi cũng có trách nhiệm là không hiểu tường tận về khả năng to lớn của CSBV ở biên giới tây bắc, vùng Lưỡi Câu, nơi tập trung quân trước trận đánh và các căn cứ địch trên dòng sông Chllong trong tỉnh Kratié của Kampuchia.”

Trận chiến càng ngày càng khốc liệt hơn khi CSBV tăng cường thêm chiến xa với bộ binh từng thiết, quyết tử chiến để chiếm Lộc Ninh.

“Khởi đầu ở buổi sáng, khoảng 6 giờ, khi binh sĩ ở mặt tiền căn cứ của Chiến đoàn 9 thấy chiến xa CSBV lù lù tiến vào cổng của

căn cứ, hoảng sợ bỏ chạy mà chưa có tấn công bộ binh như mấy ngày trước. Chiến xa của chúng vào trận địa chậm một đôi ngày nhưng gây ngay chấn động. Chùng bốn chiếc T. 54 của chúng tiến vào con đường dốc và bắn đại bác vào căn cứ. Đại tá Nguyễn Công Vĩnh trong hầm chỉ huy được báo cáo tin này. Ông báo cáo lên Bộ Tư lệnh nhẹ của Tướng Hưng là căn cứ bị chiến xa tấn công.”

Bộ chỉ huy căn cứ Chiến Đoàn 9 bị tràn ngập bởi chiến xa và bộ binh VC, một số cấp chỉ huy, cố vấn Mỹ và binh sĩ rút nhanh ra đều bị VC bắt; một số đông còn lại tiếp tục chiến đấu thật dũng cảm, họ nhất quyết không đầu hàng. Họ chấp nhận tất cả những gian nguy mà người lính Quân Lực-VNCH đang đối đầu trong mọi cuộc chiến, dù phải hy sinh chính cả bản thân mình để chống lại làn sóng xâm lăng của quân thù cộng sản Bắc Việt.

...“Thiếu tá Trần Đăng Khoa, Trung Đoàn phó yêu cầu:

- Xin dội bom trên đầu tôi, chúng đã tràn ngập căn cứ và đang bắn vào hầm chỉ huy, xin 45 đừng do dự...

Tướng Hưng nói:

- Khoa, đây 45 nghe rõ, tôi sẽ làm đúng lời yêu cầu của anh. Tôi sẽ lo chu đáo cho gia đình anh...

Mấy tiếng sau cùng của Thiếu tá Khoa:

- Xin cảm ơn và vĩnh biệt 45...

Nghe rõ kèm theo một tiếng nổ. Mắt Tướng Hưng hoen đỏ, đầy nước mắt...”

Sau khi Lộc Ninh mất, Anh đã thấy rõ mưu đồ VC đánh chiếm An Lộc đúng như đã dự đoán. Anh ra lệnh phá cầu Cần Lê để chặn đường tiến vào An Lộc của Bắc quân, trung dụng tất cả các loại xe be kéo gỗ và các loại

xe vận tải lớn hiện có trong tỉnh để làm chướng ngại vật án ngữ trục lộ dẫn vào thành phố.

...“Ở đây phải ghi nhận quyết tâm và kiến thức quân sự vững chãi của Tướng Hưng. Ông đã nhận định rõ kích thước lớn lao của trận chiến sắp diễn ra, hay đã diễn ra từ hai hôm trước, nên nhanh chóng chọn quyết định phản ứng thích nghi của một vị tướng chỉ huy ngoài mặt trận và can đảm nhận chịu trách nhiệm về mọi quyết định của mình trước thượng cấp. Ở chiến địa, tình hình chuyển biến nhanh chóng từng phút, từng giây, thân làm tướng chỉ huy mà còn hỏi trình thưa hỏi về lệnh lạc thì làm sao mà đánh giặc được... Vì vậy, mặc dù bị Tướng Minh xài xể nặng, khi buông ống nói điện thoại với Tướng Minh, ông chuyển sang tần số gọi Trung tá Lý Đức Quân, Trung đoàn trưởng Trung Đoàn 7, hỏi xem chuyện lập chướng ngại vật trong vòng đai phòng thủ phía bắc tiến triển đến đâu...”

“...Sau khi Tướng Hưng tự ra lệnh phá hủy cầu Cần Lê (không phải do Đại tá Trần Văn Nhật, Tiểu khu trưởng Bình Long, đề nghị, như một số bài báo viết sai lạc) một số nhịp cầu hư hại nặng. Ở vùng cầu Cần Lê, Chiến đoàn 52, được tướng Hưng cho điều động Tiểu Đoàn 31 Biệt Động Quân - vừa mới được tăng viện- tiến lên áp An Hữu phía nam cầu, tiếp ứng và yểm trợ, về được An Lộc với hơn 400 quân còn tác chiến được. Tình hình đã không còn nguy hiểm như buổi sáng ngày đó.” Là một chiến hữu và bạn cùng khóa với Anh, Thiếu Tá Nguyễn Văn Dưỡng, người sát cánh bên Anh từng giây phút tại An Lộc, chắc hẳn ông hiểu rõ Anh nhiều hơn ai hết.

“...Thử nghĩ, nếu An Lộc mất ngay trong ngày đó, 7/4/1972, Saigon sẽ ra sao?

Washington sẽ nghĩ gì và làm gì? Sách lược “Việt Nam hóa Chiến tranh” của Nixon-Kissinger ở giai đoạn áp chót đó sẽ đi đến đâu? Mất An Lộc trong ngày đó sẽ tạo ảnh hưởng dây chuyền vô cùng khốc hại là chính phủ Nam Việt Nam và Quân Lực VNCH phải lo bảo vệ Thủ đô Saigon là chính... Lấy quân ở đâu ra mà tăng cường tiếp viện cho Kontum và Quảng Trị? Hay Hoa Kỳ sẽ phải đưa Thủy Quân Lục Chiến trở lại Việt Nam? Không thể có chuyện đó. Và như vậy có phải sẽ mất tất cả hay không? Là thua cuộc sớm hơn và Hoa Kỳ còn tiếng tăm gì với thế giới!... Vậy phải chăng quyết định sáng suốt và nhanh chóng của một tướng lãnh như Tướng Lê Văn Hưng ở An Lộc trong thời điểm đó không những là quyết định lớn nhất mang tính cách quyết định trong Chiến Tranh Việt Nam, đã cứu nguy cho cả Saigon lẫn Washington? Ông có xứng danh là một danh tướng của miền Nam hay không?”

Không tiến quân nhanh qua cầu Cần Lê được để chiếm An Lộc, cộng quân đổi chiến thuật bao vây thành phố, cắt đứt các trục lộ giao thông chính dẫn vào thị xã, An Lộc hoàn toàn bị cô lập kể từ ngày 10 Tháng Tư, 1972. Được trau dồi đặc tính kiên cường và bất khuất trong kỷ luật quân đội, những người chiến binh Quân Lực VNCH lên cao tinh thần khi nghe Tướng Hưng ra lệnh: “Tử Thủ An Lộc.”

Trước đó tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III, Tướng Hưng đã trình xong kế hoạch phòng thủ An Lộc cho Trung Tướng Minh: “...*Khi nào tôi chết tại An Lộc, lúc đó Trung Tướng hãy lo!*” Chắc hẳn còn nhiều bí ẩn khác, vì lúc đó các cố vấn Mỹ bên cạnh Tướng Minh còn chần chờ chưa chịu khai thác hết khả năng của Không Lực Hoa Kỳ.

“...‘Trong buổi sáng ngày 9 tháng 4, một

phái đoàn phóng viên của Nhật báo Sóng Thần gồm Dương Phục, Thu Thủy và Nguyễn Tiến bay trực thăng lên An Lộc định phỏng vấn Tướng Lê văn Hưng về chiến trường sắp diễn ra. Lúc đó Tướng Hưng đang bận nên ủy thác cho tôi tiếp phái đoàn. Tướng Hưng nói với tôi là xin cáo lỗi phái đoàn vì ông bận việc hành quân không tiếp được, Chỉ cho phép tôi nói là ‘ÔNG NHẤT QUYẾT TỬ THỦ AN LỘC VÀ SẼ NHẤT ĐỊNH CHẾT Ở ĐÓ NẾU THÀNH PHỐ NÀY BỊ CÔNG SẢN CHIẾM’...”

Tình chiến hữu của các chiến sĩ Quân Lực-VNCH quá cao thượng, họ không những đang chiến đấu chống quân thù cộng sản Bắc Việt để bảo vệ Tổ Quốc và đồng bào Việt Nam, mà còn mang một tình đồng đội bác ái, vị tha.

“Nếu Tướng Hưng quyết tự sát khi mất An Lộc, tôi tin rằng chúng tôi sẽ đem được xác ông và xẻng ra rừng đốt và mang than tro hài cốt về được Lai Khê trong vòng hai tuần. Tôi khẳng định với Hưng, như lời hứa của một người bạn, là tôi sẽ giữ mạng sống của mình và mang xác Hưng về. Tôi ở lại với Hưng ở chiến trường này. Chuyện này sau đó tôi cho Đại úy Dương Tấn Triệu, Trung úy Lê văn Chánh, Đại đội trưởng Trinh Sát và Trung Úy Nguyễn Đức Trạch, tức nhà thơ Trạch Gầm, con trai trưởng của Nữ sĩ Tùng Long, là những sĩ quan thân tín phụ trách những công tác mật và gay go trong các mật khu của CSBV trong khu vực chiến thuật của Sư đoàn trước trận chiến. Ba sĩ quan ưu tú này là những người bạn thân cận, dám sống chết với tôi.”

An Lộc bị vây, việc tiếp tế chỉ còn trông nhờ vào Không Quân VNCH và Không Lực Hoa Kỳ. Trung Tướng Nguyễn Văn Minh, Tư Lệnh Quân Đoàn III, xin Bộ Tổng Tham

Muru điều động thêm Sư Đoàn 21 Bộ Binh, Trung đoàn 15 của Sư Đoàn 9 Bộ Binh tăng viện ở mặt trận Bình Long. Và cũng vì sợ nguy ngập cho Saigon, nên Tổng Thống Thiệu còn điều động hai Lữ Đoàn 3 Dù từ Vùng 2 Chiến Thuật về tăng viện Tướng Minh, đưa Lữ Đoàn 1 Dù và Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù vào An Lộc cho Tướng Hưng.

Phi Đoàn 221 trực thăng, Sư Đoàn III Không Quân, Biên Hòa, do Thiếu Tá Nguyễn Văn Úc, Phi Đoàn Trưởng nhận lãnh trách nhiệm này (đưa Lữ Đoàn 1 Dù và Liên Đoàn 81 Biệt kích Dù vào An Lộc cho Tướng Hưng). Cuộc giải vây cho An Lộc, thực sự đầy nguy hiểm! Khi chiếc trực thăng chỉ huy C N C - Command And Control - của Thiếu Tá Úc với “slick” cuối cùng vừa chạm đất, trên một bãi đáp bí mật (đã do Đại Tá Lê Quang Lưỡng, Lữ Đoàn 1 Dù, chọn) để tiến quân lên tái chiếm đồi Gió; ông Lưỡng trong ánh mắt đăm chiêu, bắt tay từ già ông Thiếu Tá Phi Đoàn Trưởng 221 với lời cảm ơn đầy tình chiến hữu: *“Cám ơn anh, chắc anh em mình sẽ khó có cơ hội gặp trở lại.”* “...Toàn bộ đại bộ phận của Lữ đoàn 1 Dù gồm Bộ Chỉ huy Lữ đoàn, Đại đội Trinh sát, Tiểu đoàn 5 và Tiểu đoàn 8 Dù đã đổ quân hoàn tất vào khoảng 3 giờ chiều ngày 15 tháng 4 ở bãi đáp gần đồi Gió.”

Cuộc đổ quân thần sầu của Lữ Đoàn 1 Dù để giải vây An Lộc, không bị một thiệt hại nhỏ về đạn pháo của Bắc quân, là do công của Đại Tá Lê Quang Lưỡng vạch ra sau khi tham vấn với Tướng Hưng tại hầm Bộ Tư Lệnh hành quân Sư Đoàn 5 Bộ Binh - An Lộc, ngày hôm trước.

...“Kế hoạch này khi đưa về SD5 thì được Đại tá Cố vấn William Miller yểm trợ hết mình, nhưng Tướng Hưng do dự vì muốn gặp Đại tá Lê Quang Lưỡng, Lữ Đoàn

Trưởng Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù trước cuộc đổ quân vào giải tỏa An Lộc ngày hôm sau 14 tháng 4. Ngày đó, vào sáng tinh sương, một trực thăng bay sát ngọn cây đưa Đại tá Lê Quang Lưỡng vào Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu của Đại Tá Trần Văn Nhật. Tôi được lệnh đến đó đón Đại Tá Lê Quang Lưỡng về Bộ Tư lệnh Sư đoàn. Khi vào hầm chỉ huy của Tiểu khu, tôi hiểu vì sao sau này các cố vấn Hoa Kỳ “mê” và hết lời khen ngợi Đại tá Trần Văn Nhật, Tỉnh Trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng Bình Long. Hầm ngầm của Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu, gọi là B-15, trước đó của Lực lượng Đặc Biệt Quân Lực-VNCH, được Hoa Kỳ xây dựng, sâu, kiên cố và rộng rãi gấp ba lần chiếc hầm u tối, chật hẹp, của Bộ Tư lệnh Hành Quân Sư Đoàn. Trong hầm, đèn sáng choang, các sĩ quan Việt Mỹ ngồi ở các bàn hành quân đề huề, đầu ra đó; bản đồ thành phố, bản đồ hành quân đầy đủ. Cũng không thiếu thuốc lá, café, trà ngon và thực phẩm khác.”

Phi Đoàn 221 trực thăng, liên hồi, tiếp tục đổ quân của Trung Đoàn 8 - Sư Đoàn 5 Bộ Binh vào An Lộc. Sau khi đổ xong hai Tiểu Đoàn của Trung Đoàn 8, thì trời đã sụp tối, mây mù, mưa lất phất. Thiếu Tá Úc, Phi Đoàn Trưởng ra lệnh các phi công của ông quay trở về Lai Khê vì thời tiết xấu không cho phép đổ quân tiếp, phải đợi sáng mai; riêng ông ở lại, cùng sẵn dịp, viếng thăm một người bạn, hay nói đúng hơn, phải là một chiến hữu tâm giao, và ông sẽ bay về lại Lai Khê sau đó. Thiếu Tá Úc đi thẳng vào Bộ Tư Lệnh Hành Quân của Sư Đoàn, ông và Tướng Hưng tay bắt mặt mừng sau cái chào tay thân thiện của người có cấp bậc nhỏ hơn. Tướng Hưng đã mời Thiếu Tá Úc ở lại “chơi qua đêm,” và nhường lại chiếc “ghế bố Tướng” cho ông Úc nằm; cùng xếp thêm 3 cái khác cho cả phi hành đoàn, phi công phụ và 2 xạ thủ đại

liên nghỉ ngơi. Sáng hôm sau, thức dậy sớm khoảng 5, 6 giờ, ông Thiếu Tá Không Quân chắc ngủ không được thẳng giấc vì nghe tiếng ồn ào trên máy tuyến tin và tiếng pháo địch rót vào âm ã, vang dội cả đêm. Thấy Tướng Hưng ngồi khoanh tay, mắt luôn dán nhìn vào tấm bản đồ hành quân của tỉnh Bình Long và thành phố An Lộc, đang chăm chú vào các tọa độ để điều quân trên các mặt trận ngoài vòng đai qua ống liên hợp.

- Chuẩn Tướng không ngủ à!

Tướng Hưng quay sang ông Úc:

- Tôi đang tìm cách cứu An Lộc.

Chắc hẳn Trung Tá Úc giờ đây nơi hải ngoại và cả phi hành đoàn trực thăng chỉ huy - CNC - của ông, sẽ không bao giờ quên được một đêm dài “An và Lộc”, trên “Đoạn Đường Chiến Binh” mà những người lính bộ binh can trường của Quân Lực-VNCH đang đi.

“Xin tưởng tượng, một thành phố với chiều ngang 1 km và chiều dài 2 km chỉ trong đêm 12 rạng 13 tháng 4, phải chịu từ bốn đến năm nghìn quả đạn đại pháo của Cộng Sản Bắc Việt thì có nơi nào không bị pháo dội phải? Binh sĩ phòng thủ và cư dân trong thành phố bị thương rất cao. Bệnh viện tỉnh nằm trước mặt Bộ Tư Lệnh Hành Quân Sư Đoàn, cách một con đường, bị pháo nhiều đợt. Người bị thương đưa vào đó trong những ngày trước chết nằm la liệt khắp nơi...”

“...An Lộc là một thành phố của một tỉnh, không có hệ thống phòng thủ kiên cố như Điện Biên Phủ, như Khe Sanh. Trong thành phố đó nếu tính theo tỷ lệ nhân số thì chỉ có một quân nhân trong năm hoặc sáu cư dân. Vậy nếu An Lộc được bảo vệ bằng bốn, năm, hay sáu nghìn chiến sĩ thì có từ hai mươi nghìn thường dân hay nhiều hơn. Khi trận chiến khởi diễn, mấy nghìn cư dân, từng

đoàn, chạy theo xa lộ về Chơn Thành, hay Bình Dương, bị bộ đội cụ Hồ bắn thẳng bằng súng trường AK-47 hay pháo kích pháo, thân chết đầy đoạn đường dài mấy cây số quãng từ đồn điền cao su Xa Cam trở về hướng nam. Ngày đầu tiên, khi tấn công An Lộc từ hướng đông, chúng đã lừa hàng trăm thường dân ở Quản Lợi làm mộc che phía trước bộ đội của chúng tiến theo ở phía sau. Hèn nhát và vô nhân. Chúng tôi thà chịu đựng cuộc tấn công đó một cách khó khăn và tránh làm thiệt hại cho thường dân, tránh không sử dụng hỏa lực tập thể của pháo binh hay không quân. Ngược lại cũng trong ngày này, chúng pháo kích vào nhà thương tỉnh lỵ, và nhiều lần khác trong các ngày sau, quân chúng bị thương hàng mấy trăm người đến đó, bị chết gần hết. Rồi thấy người chết bị chúng dập thêm pháo, tan xác, mất đầu, cụt tay chân. Rồi đợt pháo khác nữa... thân người biến thành những đồng thít nhầy nhụa hay văng vãi tứ tung khắp trong ngoài bệnh viện. Đại tá Bùi Đức Diễm, Tham Mưu Trưởng hành quân của Tướng Hưng phải tự mình lái xe xúc đất bulldozer đào các đường rãnh sâu dài nhiều chục thước và rộng trên ba thước rồi chiến sĩ Đại Đội 5 Trinh Sát phụ chôn xác tập thể dưới các đường rãnh đó, như nói trên...”

Trong lúc VC, do Tướng Trần Văn Trà chỉ huy, vừa bao vây vừa đánh nháp thử vào các tuyến phòng thủ của Sư Đoàn 5 Bộ Binh VNCH trong ba tuần lễ kế tiếp. Phải chăng ông Trà, lúc đó đang câu giờ để chờ đoàn xe tăng Bắc quân bên kia biên giới, được tăng phái từ Bắc Việt, cùng với lực lượng của các sư đoàn chủ lực, nghiền nát An Lộc? Lúc đó Trung Tướng Nguyễn Văn Minh đã dàn xong thế trận, với các đơn vị chủ lực, Dù, Biệt Kích 81 Nhảy Dù, Biệt Động Quân, các Thiết Đoàn Kỵ Binh của Quân Đoàn, các Sư

Đoàn 9, 21 Bộ Binh tăng phái từ Vùng 4 Chiến Thuật, đánh từ ngoài vào trong An Lộc; Trung Đoàn 7, 8 và phần còn lại của Trung Đoàn 9, Sư Đoàn 5 Bộ Binh “tử thủ An Lộc” cùng với dân quân cán chính tỉnh Bình Long.

VC dốc toàn lực vào muốn nghiền nát An Lộc ngõ hầu tạo nên thế mạnh trên bàn hội nghị Ba-Lê, bộ binh và xe tăng bọn chúng tràn đầy thành phố; nhưng với ý chí bất khuất của dân quân cán chính tỉnh Bình Long, tất cả những đợt tấn công của cộng quân đều bị đẩy lui, và cuối cùng, ngày 18 Tháng Sáu, 1972, Trung Tướng Nguyễn Văn Minh tuyên bố An Lộc đã được hoàn toàn giải tỏa. Không những Tướng Minh đã trực tiếp cứu An Lộc mà còn gián tiếp làm cho một số chính trị gia Mỹ được hồi sinh, trên con đường “Việt Nam Hóa Chiến Tranh”.

“**An hùng An Lộc**” vang danh khắp bốn vùng chiến thuật.

Tướng Lê Văn Hưng quyết tử thủ An Lộc không những chỉ vì địa vị làm cấp chỉ huy của mình mà còn vì sự sống còn của Tổ Quốc Việt Nam. Anh hiểu rất nhiều về người Mỹ, Anh đã đụng chạm đến các viên chức cố vấn Mỹ từ lúc còn là cấp chỉ huy nhỏ. Theo ông James E. Parker, Jr., một giới chức tình báo của CIA, tác giả cuốn sách “**Last Man Out**” trang 344: “*Why fighting a losing battle?*” - “*Tại sao lại đánh một trận chiến đang thua?*” Tác giả thắc mắc thì tướng Hưng mỉm cười và hỏi lại: “*What are my choices?*” - “*Tôi còn có những lựa chọn gì nữa đâu?*” rồi chậm rãi nói tiếp: “*This is my country.*” - “*Đây là đất nước của tôi.*”

Anh đâu có tự đặt ra cái danh xưng “**An hùng An Lộc**” đó!

Cho dù có hơn 50 cái huy chương Anh Dũng Bội Tinh trên áo ngực, thêm một Đệ Tam Đảng Bảo Quốc Huân Chương, một

trong những huy chương cao quý nhất của Việt Nam Cộng Hòa, sau trận chiến An Lộc, Anh vốn là người biết nhiều, nói ít. Anh biết rằng những chiến sĩ đã hy sinh mới xứng đáng là anh hùng. Mắt Anh vẫn luôn hoen đỏ, Anh thương những người lính ấy vô cùng:

“**Nhất Tướng Công Thành Vạn Cốt Khô**”



An Lộc còn là nhờ sự chiến đấu can trường của dân quân An Lộc. Nhờ sự hy sinh cao cả của các chiến sĩ Quân LựcVNCH. Nhờ vào sự yểm trợ của Không Lực Hoa Kỳ. Nhờ và còn nhờ rất nhiều yếu tố khác hơn nữa.

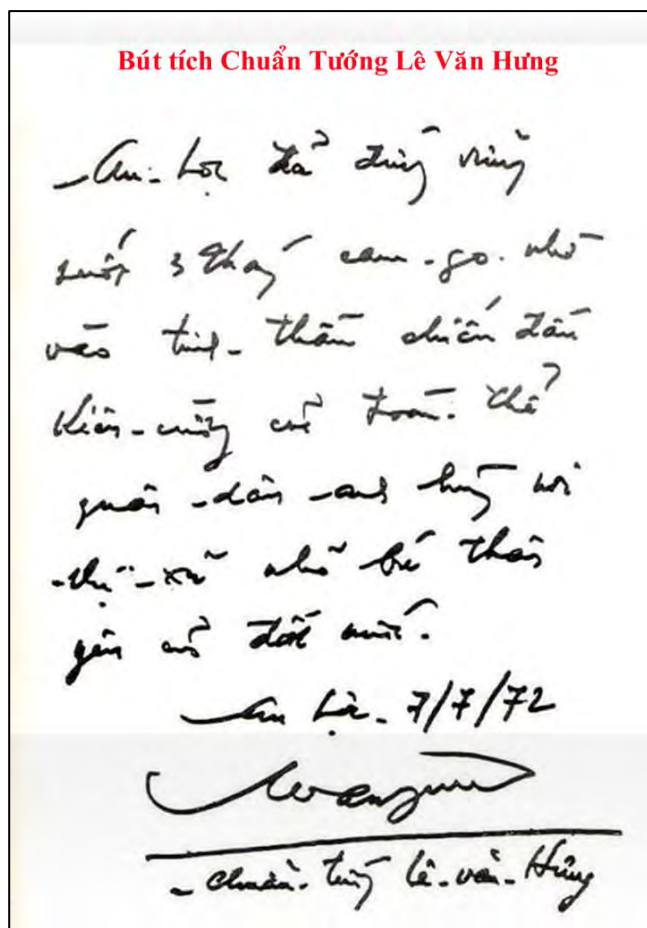
Vì bốn chữ: “**An hùng An Lộc**” mà có một số người ganh ghét Anh vì vị kỷ cá nhân, rồi đưa ra những lời dèm pha, trách móc: “**Nhờ Dù (lính nhảy dù) vào cứu An Lộc đó!**”

Nghe Dù nhảy vô, Tướng Hưng “mừng hết lớn” (?) Nhờ Biệt Kích 81 Dù cứu An Lộc mà! “...một cô thư ký hành chánh tỉnh chạy giặc ẩn trú trong khu vực của Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù đã viết hai câu đối ca ngợi chiến sĩ của đơn vị thiện chiến này “**An Lộc địa sử ghi chiến tích. Biệt Kích Dù vị quốc vong thân.**” Như vậy cô thư ký này cũng đã tham dự vào chiến công giữ vững An Lộc.”

Anh hùng cái gì, suốt trận An Lộc “**ông**” ở dưới hầm không à! Không thấy sao? Ở dưới hầm cả tháng nên khi lên gặp ánh sáng, mắt “**ông**” nháy lia lịa, không thấy sao? Người ta đâu có biết những cái nháy mắt là cái bầm tạt hồi còn nhỏ của Anh, từ lúc Anh còn phụ mẹ

buôn bán tại chợ quận Hóc Môn. Than ôi! Cái bầm tạt của những kẻ tiểu nhân là ưa nói xấu người khác.

“...Địch chiếm Ty Chiêu Hồi và Trường Trung học Tỉnh, đang tấn công vào Đại đội 5 Trinh Sát, cũng... chỉ cách một con đường. Như vậy Bộ Tư Lệnh Hành Quân đang bị tấn công ở phía tây bắc cách hầm chỉ huy của Tướng Hưng chừng 150m và hướng đông bắc chừng hơn 100m. Tướng Hưng tức tốc ra khỏi hầm hành quân với toán Truyền tin vô tuyến và Thiếu úy Tùng, Sĩ quan Tùy viên, theo sau là Đại tá Ulmer. Toán binh sĩ tùy tùng tư lệnh nằm trong villa và canh gác đêm qua liền bố trí bao quanh Tướng Hưng và Đại tá Ulmer đứng trên sân gần cột cờ, đang liên lạc với các đơn vị trưởng.”



“...Tôi nằm ở một nơi bên trong bờ rào đất đắp dọc theo con đường trước dãy nhà làm

việc. Tiếng súng nổ dồn dã ở khắp các tuyến khác. Một chập sau, tôi tự thấy mình vô lý quá. Nhiệm vụ của mình đâu phải là nằm đây để bắn... ai đó mà phải ở gần tướng tư lệnh sư đoàn giúp đỡ ông ta khi cần biết đến những gì liên quan đến địch quân. Nhìn quanh không thấy Trung tá Đăng, Trưởng phòng 3 ở đâu, chắc là ông đã trở xuống Trung tâm Hành Quân, tôi trở lại sân cờ nơi Tướng Hưng đứng và đến gần Thiếu úy Tùng, sĩ quan tùy viên của ông. Lúc đó tôi mới biết là Tướng Hưng vừa cầm ống vô tuyến vừa liên lạc với Trung úy Chánh, Trung tá Quân Trung đoàn trưởng Trung Đoàn 7 và Trung tá Biệt, Chiến đoàn trưởng Chiến đoàn 3/Biệt Động Quân, vừa liên lạc điều động phản lực oanh kích Không Quân VN yểm trợ cho tuyến của mấy ông này.”



Ra đến hải ngoại, nhiều ông cấp lớn còn lên tiếng ba hoa là nếu không có mấy ông ấy ở An Lộc thì Tướng Hưng đã đầu hàng rồi. Các ông đó, được bổng lộc của Mỹ quá nhiều nên quên cả cội nguồn dân tộc, không còn nhớ những gì đã xảy ra trong ngày cuối cùng khi miền Nam Việt Nam bị sụp đổ đón đầu. “...Sự ghét bỏ Tướng Hưng của Đại tá Miller dù muốn che đậy qua vẻ lịch sự thương nhật của người phương Tây, nhưng Ông đã không tự kềm chế được lúc đó - và sau này nữa- khi về lại Hoa Kỳ, Miller đã tạo nên một luồng dư luận lớn tấn công vào uy tín của Tướng Hưng và Bộ Tham mưu Hành Quân của Sư Đoàn 5

Bộ Binh là bất lực, thụ động, không làm được việc gì, “kể cả công việc tham mưu hành quân hoàn toàn do toán cố vấn Hoa Kỳ của Ông ta đảm trách suốt trận đánh An Lộc.” Ông ta còn cung cấp tài liệu thiếu chính xác mà nhiều bìa đặt nói trên cho Trung úy James H. Willbanks, trong toán cố vấn của Chiến đoàn 52 của Sư Đoàn 18 Bộ Binh tăng phái, mà, sau này về Mỹ đi học lại, đã dựa vào để viết, trình, luận án Tiến sĩ (sau đó in thành sách với tựa đề “The Battle of AnLoc”, Indiana University Press, 2005), như nói phần trên. Tài liệu này của Wilbanks và các cuộc hội thảo khác về Trận An Lộc của Đại tá William Miller đã biếm nhẽ và hạ thấp uy tín của Tướng Lê Văn Hưng đến mức cao nhất trong Quân lực Hoa Kỳ. Trở lại thời điểm đó, nhìn rõ cục diện chiến trường mới thấy rằng sự hiểu biết của William Miller là nông cạn, đúng như Tướng Hưng nhận xét.”...

“...Thế nhưng nếu rút quân Dù đi khỏi khu vực đó hợp lực với một số đơn vị khác mà mở cuộc phản công chiếm lại phía bắc thành phố và Sân bay Đồng Long như chủ trương của Đại tá Cố vấn William Miller là thứ chiến thuật không tưởng, hạng bét. Vậy mà không hiểu tại sao Đại tá Miller không hiểu rõ tình thế lúc đó vẫn tiếp tục thôi thúc và cãi vã với Tướng Hưng về việc này cho mãi đến cuối tháng 4/1972.”

Những cái nhìn thiên cận đó chỉ đúng trong một góc cạnh nhỏ của một vòng tròn; Tướng Nguyễn Văn Minh, Tư Lệnh Quân

Đoàn III, đã vẽ được một vòng tròn hoàn hảo 360 độ để điều quân cứu An Lộc, ắt phải chính nhờ một tâm điểm cố định: “Tướng Lê Văn Hưng - Tử Thủ An Lộc”.

“Quyết định quan trọng nhất là rút Tiểu đoàn 5 Dù của Trung tá Nguyễn Chí Hiếu từ ngoại vi đông nam An Lộc lên phía bắc, vào thành phố, để phản công chiếm lại các nơi đã bị địch chiếm, đồng thời đưa Đại đội Trinh Sát của Lữ đoàn Dù từ tuyến phòng thủ gần Bộ Chỉ Huy Tiểu khu lên bảo vệ cho Bộ Tư Lệnh Hành Quân của Sư Đoàn 5 Bộ Binh mà Đại đội 5 Trinh sát đã quyết tử giữ vững hơn bốn giờ trước đó. Quyết định này vô cùng quan trọng là tuy nói lỏng hệ thống phòng thủ tuyến nam và đông nam An Lộc, nhưng bảo

đảm được sự tồn tại của An Lộc vì đã bảo vệ được Bộ Tư lệnh Hành Quân Sư Đoàn 5 cũng là Bộ



Tư lệnh Hành Quân của chiến trường An Lộc. Tướng Hưng và Đại tá Lương đã quyết định vận mệnh của An Lộc... Trên hết mọi quyết định khác của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III & Vùng 3 Chiến Thuật hay của Bộ Tư Lệnh TRAC (Third Regional Assistance Command- Bộ Tư Lệnh Yểm Trợ Vùng 3 Chiến Thuật), của Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực VNCH hay của Bộ Tư Lệnh MACV (Military Assistance Command Vietnam), của Saigon hay Washington. Thực là rõ ràng.”...

Sự thật về An Lộc chỉ có những con người thật mới biết rõ.

Tuy bị khiển trách nhiều nơi Tướng Minh trong lúc đang đánh giặc nhưng Anh vẫn biết

Tướng Minh có tài và hiểu biết nhiều về chính trị. Sau khi giải tỏa được An Lộc, biết Không Lực Mỹ sẽ không can thiệp nhiều thêm khi không có lý do chính đáng, Tướng Minh đã hội thảo với Chuẩn Tướng Huỳnh Bá Tính (thành viên trong Phật Giáo Hòa Hảo - Tỉnh Long Xuyên), Tư Lệnh Sư Đoàn 3 Không Quân VNCH, về khả năng tác chiến của Không Quân VN, nếu như ông muốn chiếm lại Lộc Ninh và được Tướng Tính trả lời là sẽ dùng hết khả năng Không Quân Sư Đoàn 3 của ông. Tướng Minh ra lệnh Tướng Tính, cần nhất là phải “búng” hết các kho đạn, xăng dầu và tiếp liệu của “nó” trước. Tướng Tính thi hành đúng chỉ thị của Tướng Minh, ông cho triệt hạ một số trong nhiều cơ sở đó sát thành phố

Lộc Ninh; thi hành chưa xong công tác đó thì Tướng Minh đã bị “búng” khỏi chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn III và Vùng 3 Chiến Thuật. Tướng Hưng trước đó đã được bổ nhiệm về làm Tư Lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh - Quân Khu IV và Vùng 4 Chiến Thuật.

Có phải các ông quan to chức lớn hơn quá sợ “băng miền Tây” của Tướng Minh đang ở gần Dinh Độc Lập hay là bị Mỹ ngăn cản lại vì Lộc Ninh “đã được giá” rồi chăng? Và có thể cả hai đều là câu trả lời.

* * *

Sáng ngày 30 tháng Tư, 1975, phi trường Tân Sơn Nhất gần như tê liệt, hầu như không còn một phi cơ nào cất cánh lên được sau đêm mưa pháo dữ dội của địch quân vào đêm trước. Bộ Tư Lệnh Không Quân đã “di tản”,

cấp chỉ huy cao không còn ai. Bộ Tổng Tham Muu Quân Lực VNCH, bị thiệt hại nặng vì đạn pháo của quân cộng sản Bắc Việt, chỉ còn một đơn vị của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù bảo vệ. Binh sĩ hoang mang vì không còn người chỉ huy, tình cảnh lúc đó thật bi thương, ai oán.

Tôi đang bàng hoàng ngỡ ngác. Một anh bạn tôi la lớn: “*Tao chạy trước!*” Tôi rất ngạc nhiên vì tôi biết anh là người rất trầm tĩnh và can đảm trong mọi nhiệm vụ những lần hai

đưa đi công tác chung. Anh vụt chạy về hướng ngã tư Bảy Hiền, rồi chạy thẳng đến Quân Vụ Thị Trấn để mong tìm được thêm tin tức gì mới của các cấp chỉ huy, giống như những binh sĩ bị lạc đơn vị lúc VC tấn công vào Sài-Gòn -

Tết Mậu Thân - 1968. Không có một lệnh gì mới tại Quân Vụ Thị Trấn, vì họ cũng không còn cấp chỉ huy. Anh vụt trực chỉ về tư dinh của Trung Tướng Nguyễn Văn Minh, cậu ruột của anh, góc đường Phan Thanh Giản/Pasteur: “*Cậu Minh kêu tao lên lâu. - “Mình thua rồi con à!” “Rồi ông kéo học tử bàn viết ra, đưa một cái đồng hồ Rolex cho tao.” - “Cậu cho con cái này nè, nhớ cất để làm của” - “Tao thấy trong đó có một cây P-38 và một trái lựu đạn ‘mini’, chắc để dành cho gia đình ông quá!”*”

Lúc Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức trao quyền lại cho Phó Tổng Thống Trần Văn Hương, ông Hương bổ nhiệm Trung Tướng Nguyễn Văn Minh giữ chức vụ Tổng Trấn Sài-Gòn Gia Định. Sau đó ông Hương bị



áp lực của quốc hội VNCH trao quyền hành lại cho ông Dương Văn Minh, ông Tổng Thống 48 tiếng đồng hồ của miền Nam tự do, cho triệu tập một nội các để chuẩn bị ra mắt đồng bào, hội đồng tướng lãnh do Chuẩn Tướng Nguyễn Hữu Hạnh cầm đầu đã trình cho Tổng Thống Dương Văn Minh một bản thỉnh nguyện thư, có chữ ký của một số các sĩ quan quân đội trong nội các mới, để “Đầu hàng Mặt Trận Giải Phóng Miền



Nam vô điều kiện” và hỏi: “*Có ai có ý kiến gì không?*” Tướng Minh phẫn nộ, đứng dậy đập bàn: “*Ai đầu hàng, đầu hàng hội nào?*” Chữ ký của Trung Tướng Nguyễn Văn Minh đã “được ai đó” tùy tiện ký sẵn; toán cận vệ theo ông đã xô xát và suýt nổ súng với toán giữ anh ninh trong phòng họp.

Trong lúc hai cậu cháu đang ngồi nói chuyện thì nghe tiếng ồn ào dưới sân nhà, một chiếc xe Falcon đen và hai chiếc xe Jeep với một toán lính Thủy Quân Lục Chiến, một người Mỹ mặc thường phục, áo trắng, trên nách ông có đeo một khẩu súng cá nhân, đang xông vào xin gặp Tướng Minh. Người mặc áo trắng nói như ra lệnh ông Tướng: “*In the order of General XYZ you and your family have 5 minutes to leave here, General!*” - “*Theo lệnh của Tướng XYZ, ông và gia đình chỉ có 5 phút phải rời khỏi nơi đây, thưa Ngài!*” Vừa nói, ông Mỹ vừa kẹp Tướng Minh đi ra, đẩy vào chiếc xe Falcon, còn các anh lính theo ông Mỹ đó dẫn bà Minh và các đứa con còn lại theo sau, đoàn xe trực chỉ ra một chiếc trục

thăng đang đậu tại trụ sở chính của Ủy Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên mà không phải là Tòa Đại Sứ Mỹ; lúc đó Trung Tướng Nguyễn Văn Minh vẫn còn đang mặc bộ đồ ngủ (pyjama)... Một loạt tiếng súng M-16 bắn chỉ thiên, toán lính cận vệ của Tướng Minh vẫn còn đang ngỡ ngác không biết ai đã vào bắt đi chủ tướng của mình. Vài tiếng đồng hồ sau, miền Nam Việt Nam hoàn toàn lọt vào tay cộng sản. Mỹ đã giúp kết thúc cuộc đời làm tướng của ông Nguyễn Văn Minh.

Phải chăng đời binh nghiệp của hai ông tướng tài ba trong Quân Lực VNCH, Tướng Đỗ Cao Trí và Tướng Nguyễn Văn Minh đã được hoạch định trong một cái triết lý tâm thường của những lái buôn chính trị ngoại bang: “Oán Trả - Ân Đền”.

Vài tháng sau, tôi và anh bạn đó bị VC bắt, tuy ở hai nơi xa khác nhau, nhưng cùng chung một tội danh: “*Quân Đội Ngụy, hoạt động gián điệp tình báo cho Đế Quốc Mỹ.*”

Giờ đây nơi hải ngoại, đến ngày 30 Tháng Tư mỗi năm, ngồi bên tách cà-phê đắng, tôi vẫn còn bùi ngùi nhớ lại hình ảnh Ngày 30 Tháng Tư năm ấy... Đất Nước tôi! Ôi, Đất Nước tôi!

* * *

Gia đình và Tổ Quốc Việt Nam

Căn cứ Lai Khê rộn rịp, tung bừng chào đón các chiến binh của sư đoàn “tử thủ” An

Lộc. Minh Ngà hân hoan đón mừng chồng, Thiếu Úy Đồng tùy viên của Anh, và anh mình về trong niềm hân hoan khôn tả: “*An Lộc xong rồi mà Anh còn đeo hai trái lựu đạn làm em thấy sợ quá*” - Ôm và vuốt tóc người em gái út của mình, tay Anh vừa chỉ từng trái lựu đạn đang đeo trên áo, vừa nói: “*Một trái cho địch, một trái cho ta*”. Ôi, sao anh tôi quá anh hùng!

“*Tôi còn, An Lộc còn.*” Câu nói đã được ghi nhận trong buổi tiệc liên hoan mừng chiến thắng tại Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh - Lai Khê. Khi mọi người hàn huyên tâm sự về cường độ pháo dập của cộng quân thật khủng khiếp chưa từng thấy trong chiến sự Quân Lực VNCH, tưởng chừng như san bằng cả thành phố, sẽ không còn một ai sống sót; Anh mỉm cười, nhớ lại lời đã hứa với Tướng Minh: “*...Khi nào Tôi chết tại An Lộc, lúc đó Trung Tướng hãy lo!*” rồi thốt lên: “*Tôi còn, An Lộc còn.*” Và được các nhà báo Mỹ chuyển ngữ: “*As long as I'm still alive, An Loc will remain standing for.* - General Le Van Hung.”

Vài hôm sau anh về thăm má, hai má con ôm choàng rơi lệ: “*Con còn sống, má mừng!*” Sau đó những buổi cơm gia đình thân mật, trò chuyện huyền thoại, Ngọc, Ngà không ngớt hỏi han đủ điều, rồi kể cho anh mình nghe những tin tức chiến sự trong thời gian anh đang nằm tại An Lộc, anh lắng nghe, rồi chỉ mỉm cười về những tin tức đó, nụ cười của niềm tự tin muôn thuở. Đang nói về chuyện anh làm tướng, má vui miệng cười:

- Ai như con, người ta làm tướng có nhà lầu, xe hơi, tiền của khắp nơi, còn tướng gì như con... tướng nghèo!”

Anh cũng nở một nụ cười trên môi, nhìn “trách” má:

- Tại má, tại má lúc sanh con ra, má không chịu cấy cái máu tham vào người con làm chi, thì bây giờ... nghèo là phải.

Bốn má con cùng nhau cười. Minh Ngà nhìn má: “*Má biết hông, anh chỉ mê đánh giặc chứ không mê tiền đâu.*” Cả bốn má con lại cùng nhìn nhau cười. Anh tôi đó!

Con đường quan lộc của Anh suôn sẻ bao nhiêu thì con đường hạnh phúc gia đình Anh trắc trở bấy nhiêu. Anh lập gia đình rất sớm với chị Nguyễn Thị Xuân Mai, sanh ra cháu Lê Kiều Ánh Tuyết, không mấy năm thì anh chị chia tay. Sau đó anh gặp chị Trần Xuân Nga, sanh ra cháu Lê Kiều Ánh Nguyệt, rồi sau hai người lại cũng chia tay. Người cuối cùng cho đến khi anh tuần tiết là chị Phạm Thị Kim Hoàng, nữ sinh trường trung học Vĩnh Long, sanh ra hai cháu, trai Lê Uy Hải và gái Lê Thiên Hà; (riêng cháu Hà, lúc chưa sanh anh muốn coi như là một nàng công chúa: “*nếu con gái, anh sẽ đặt tên cháu là Lê Hoàng Vương Khanh, Lê là họ của anh, Hoàng là tên của chị,*” và sau này các em cũng không biết rõ thêm).

Anh rất có hiếu với mẹ, mỗi lần đi phép về thăm nhà, anh luôn lo chu đáo những gì mẹ cần nơi anh. Anh vẫn thường xuyên hỏi thăm mẹ hoặc gửi lính đem quà biếu về cho mẹ, những lúc anh bận công tác xa. Đôi lúc mẹ nhớ anh, mẹ lại đi thăm anh, có những nơi ở Vùng 4 miền Nam, sông rạch chằng chịt, mẹ và Minh Ngọc, Minh Ngà phải đi xuống qua, nhất là lúc anh còn làm Quận Trưởng Trà Ôn. Con người anh rất tình cảm, thương yêu gia đình nhưng không quên tổ quốc. Một lần sau khi cơm nước xong, mẹ thường ăn trà, anh tự tay khui lon sữa bò lấy sữa ra, rồi dùng nó để cho mẹ nhỏ trà. Rảnh rỗi sau khi ăn, anh lại thích dùng súng bắn chim để giải trí, anh bắn súng rất giỏi, bách phát bách trúng. Một

hôm, anh đang nhắm để bắn một con chim đang đậu trên cành cây cổ thụ, nghe tiếng mẹ hỏi:

- Con đang làm gì đó?

- Con bắn chim.

- Thôi đi con, nếu con bắn nó chết, nó không về ổ được, thì con nó làm sao?

Anh ngừng lại, má nói tiếp:

- Tỉ dụ như má đang đi xe đò xuống thăm con, bị Việt Cộng giết mìn chết, thì má làm sao thấy con.

Anh chùn tay, cặp mắt chớm buồn nhìn má; từ đó anh không còn bắn chim nữa. Anh rất thương má. Anh thường đi chùa, ăn chay theo lời má dặn, một cách đơn giản, đọt bí, bầu



Một chiến hữu và Trung Úy Lê Văn Hùng

Chiến Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn 6 Bộ Binh Lê Văn Hùng

luộc chấm với chao; má thường nói: “Ăn chay mà cần gì phải ăn ngon, nấu nồi kiểm đủ thứ làm chi, rồi còn làm thịt giả chay chi cho mang tội.” Ngày chay nào anh không đi chùa được, anh cho lính đem lễ vật đến cúng. Trong những ngày anh bị vây ở An Lộc, các thầy hằng đêm tụng kinh cầu an, cầu nguyện cho anh.

Anh rất thương lính, những lúc má, Minh Ngọc, Minh Ngà xuống Cần Thơ thăm, anh thường dẫn đi xem nhà ăn của lính, một hình thức anh kiểm soát luôn cách nấu ăn cho quân đội của các ông nhà thầu nấu ăn cho lính, rồi giới thiệu má và các em anh. Binh sĩ dưới quyền rất thương phục anh. Trong trận chiến An Lộc, đại đội trinh sát cận vệ chỉ còn lại 42 người, vẫn chiến đấu oai hùng, đẩy lui hàng

chục đợt tấn công của địch để bảo vệ bộ chỉ huy.

Anh rất kính trọng những người lính đã hy sinh; trước khi xác lính được liệm vào quan tài, anh đi dọc theo hàng ponchos gói xác những người lính, đang nằm bất động trong đó, trình trọng đưa tay lên chào những người mà vài giờ trước đó đã theo lệnh anh tấn công địch, họ đã theo lệnh anh để hy sinh bảo vệ Đồng Bào và Tổ Quốc Việt Nam, họ rất xứng đáng được cấp chỉ huy nghiêm kính chào lần chót.

Lúc anh làm Tỉnh Trưởng Phong Dinh, các quận, xã, ấp đều được anh để ý và bổ nhiệm các cấp chỉ huy giỏi trông coi. Thị xã Cần Thơ được thanh bình yên ả.

Anh còn rất thương thú vật, nơi anh ở, anh nuôi nhiều giống vật lạ, khi, nhím...; anh thích nhất là mấy con chó Berger Đức, giống chó rất khôn và trung thành; khi anh ngủ, mấy chú chó đó là toán cận vệ sát bên anh, chúng theo anh từ Cần Thơ lên đến Lai Khê. Một sự thông minh của loài chó này rất khó tưởng tượng được, căn cứ quân sự thì lúc nào trực thăng cũng bay lên xuống không ngừng, vậy mà khi thấy mấy chú chó quẫy đuôi chạy ra, đó là lúc chiếc trực thăng chỉ huy của anh đang đáp xuống.

Một hôm anh vội vã về thăm má và các em ở Gia Định; má hỏi:

- Con về lần này sao không ở lâu?

- Tổng Thống Thiệu kêu trình diện.

Minh Ngọc nhanh miệng:

- Chắc Ông cho anh lên hai sao chứ gì?

Vẫn một nụ cười tự tin trên môi:

- Chuyện riêng của anh.

Anh đã đem theo chuyện riêng đó cho đến ngày anh tuấn tiết. Anh biết nhiều, nói ít, chắc tại anh không thích làm những điều gì mà người khác nhờ ông Thiệu nói. Anh chiến đấu chống cộng sản xâm lược để bảo vệ Tổ Quốc và Đồng Bào Việt Nam, anh không đi bảo vệ cho một chế độ cầm quyền.

Thiếu Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, rồi đến Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam rất quý mến và biết tài đánh giặc của anh; khi Tướng Nghi rời nhiệm sở, Tướng Nam thay thế và đưa anh lên làm phụ tá Tư Lệnh, Tư Lệnh Phó Quân Đoàn IV và Vùng 4 Chiến Thuật. Anh duyệt lại khả năng của các ông trung đoàn trưởng, anh biết rất nhiều về các ông ấy vì đôi giày sô của anh đã “dẫm nát” Vùng 4 Chiến Thuật. Trí nhớ rất sáng suốt, anh nhớ rất nhiều tên các sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ dưới quyền. Trước ngày anh tuấn tiết không lâu, một sĩ quan đến viếng thăm anh tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn:

- Anh Truyền đi đâu vậy, đến đây có việc gì không?

- Dạ, đến thăm Chuẩn Tướng chơi, chứ không có gì.

- Lúc này ra sao?

- Dạ cũng bình thường, thưa Chuẩn Tướng, làm quận trưởng cũng mệt quá.

- Tôi biết, thôi ráng đi.

Anh còn nhớ Trung Úy Truyền, Đại Đội Trưởng thuộc Trung Đoàn 31/Sư Đoàn 21 Bộ Binh của anh, nằm mọp chiến đấu bên bờ ruộng, cạnh anh và các cố vấn Hoa Kỳ trong trận Mậu Thân 1968. Mất anh đâm

chiêu, không phải vì cố gắng nhớ tên người sĩ quan đó mà chắc đang lo lắng thêm vì tình hình chiến sự của hai vùng Chiến Thuật 1 và 2. Giờ đây ông Truyền đang làm quận trưởng Phong Thuận, tỉnh Phong Dinh - Cần Thơ - Thiếu Tá Lê Nguyễn Thiện Truyền, một cái tên khá dài, anh vẫn còn nhớ, có lẽ cũng vì cùng họ Lê.

Vài tuần lễ trước biến cố đau thương của dân tộc, anh đưa một phong thơ, nhờ anh sĩ quan tùy viên đem về Sài-Gòn đưa cho má và các em. Anh dặn dò Ngọc, Ngà, ở gần ráng lo cho má khi không có anh: “...*hai em thay anh lo cho má như từ thuở nào..., nhưng bản tính cố hữu của anh là rất ít nói... Con xin lỗi má, con nhớ má lắm, vì tình hình đất nước không cho phép, nên con không về thăm má được... Nếu Sài-Gòn có bề gì, má và gia đình hai em phải xuống liền Cần Thơ vì nơi đây con còn có cả một lực lượng Hòa Hảo...*” Đọc xong, má ngậm ngùi: “*Chắc Cần Thơ giống như An Lộc quá hai con ơi!*” Những dòng chữ anh viết mãi mãi nằm trong ký ức của má và các em. Không ngờ sau này, bức thơ đó là bức thơ tuyệt mạng của anh tôi!

Vài ngày sau khi Sài Gòn sụp đổ, Má anh đến gặp Ba, tuy hai người đã không còn chung sống với nhau nữa, cho Ba hay tin anh đã chết. Má của anh và má của em như là hai người bạn thân từ thuở trước, liên lạc với nhau rất thường; lúc má anh còn buôn bán tại chợ quận Hóc Môn, má em phụ giúp bà nội lo ruộng vườn ở tại thôn Thuận Kiều, xã Bà Điểm, quận Hóc Môn. Ba buồn, nhưng biết rõ tính anh. Trận An Lộc, ba rất hãnh diện với bạn bè của ba: “*Đánh giặc phải lì như thằng Hưng mới được.*” Rồi má anh tiếp tục kể về cái chết của anh cho ba nghe. Các sĩ quan tùy viên và những người thân của anh còn lo sợ VC biết sẽ trả thù, chỉ còn anh Tài,

lính nấu cơm cho Anh, lên về tìm nhà má, kể cho má biết mọi chuyện. Xác Anh đã được chị Hoàng và các người sát cánh bên Anh lo chôn cất chu đáo.

Theo lời thuật của Trung úy Nghĩa, tùy viên của Anh:

“... Tôi bước vào phòng trình tự sự lên 2 vị Tướng. Tôi thấy mắt Chuẩn Tướng hơi chùng xuống, rồi gạt đầu tỏ ý không cần thêm gì nữa. Tôi bước ra ngoài, một nhân viên văn phòng trao chiếc radio và cho biết đài phát thanh Sài Gòn thông báo dân chúng đón nghe thông điệp khẩn của Tổng Thống Dương Văn Minh. Tôi quay trở vào phòng trình Chuẩn Tướng. Lúc này Thiếu Tướng Nam đã trở về phòng ông.

Chuẩn Tướng vội vã rời phòng bước xuống bậc thềm hướng về tòa nhà Tư Lệnh. Mười lăm phút sau, tôi ghi vội nội dung lời phát biểu cuối cùng của Tổng Thống Minh, định sang trình 2 vị Tướng. Gặp Chuẩn Tướng đang bước xuống bậc tam cấp, tôi vừa trao tờ giấy vừa nói vắn tắt:

- Tổng Thống Minh đã đầu hàng!...

Chuẩn Tướng quày quả đẩy cửa vào Phòng Tư Lệnh, 15 phút sau, Chuẩn Tướng trở lại văn phòng mình và bảo tôi gọi để ông nói chuyện cùng 16 Tiểu Khu Trưởng. Đó là lệnh ban hành thiết quân luật trên toàn lãnh thổ Vùng 4 kể từ giờ phút này. Các đơn vị dừng quân và bố trí tại chỗ chờ lệnh Quân Đoàn. Nếu nó ‘bung’ thì làm lại liền. Thiếu Tướng Tư Lệnh cũng gọi cho 3 Tư Lệnh Sư Đoàn 7, 9 và 21.

Mặc dù nhận rõ thông điệp của Tổng Thống Minh, nhưng hai vị Tướng Lãnh trách nhiệm sinh tử Vùng 4 lúc này muốn ngăn trở những hỗn loạn có thể xảy ra trong cảnh tối tăm này. Chính vì vậy mà giờ phút này,

Chuẩn Tướng vẫn liên lạc cùng Tướng Tần, Tư Lệnh Sư Đoàn 4 Không Quân, hỏi ông về việc sử dụng bom CPU. Tôi không rõ chuyện thảo luận của 2 vị về việc này, nhưng 1 tiếng sau đó, sau khi rời phòng họp, Tướng Tần cùng các sĩ quan của ông đã lên các phi cơ rời căn cứ... nói gót lực lượng Hải Quân!...

Giờ phút này, tôi đang giúp Chuẩn Tướng điều chỉnh lại bộ dây ba chạc trên người ông, Chuẩn Tướng như đang trong tư thế đối đầu tại chiến tuyến. Cửa phòng xoạc mở, 3, 4 Đại Tá tất bật kéo nhau vào. Các vị này trong số 7 vị Đại Tá được Tư Lệnh Quân Đoàn đề cử vào chức vụ Phụ Tá Tư Lệnh Phó đặc trách về Xây Dựng và Bình Định, Địa Phương Quân và Nghĩa Quân... Thấy điệu dạng họ như vậy, Chuẩn Tướng cười mỉm:

- Các ông làm gì vậy? Tôi còn đây mà.

Thì ra các vị đến để yêu cầu ông Tướng trình Tướng Tư Lệnh để họ được đảm nhiệm chức vụ Trung Đoàn Trưởng, lấp chỗ các vị đã tự ý rời nhiệm. Tôi ngầm hiểu ý nghĩa về việc yêu cầu đó: Thông thường các Trung Đoàn Trưởng được cấp trực thăng C N C sử dụng trong ngày. Tôi được biết Đại Tá Bùi Huy Sánh, Trung Đoàn 33 cũng vừa rời bỏ chức vụ. Chẳng biết ông có di tản được không?”

...

“...13 giờ, chúng tôi trở vào Bộ Tư Lệnh, cách tư dinh Tư Lệnh Phó độ 300 mét. Tôi thấy xe Falcon đen cũng đưa bà Tướng cùng 2 con rời công dinh. Tôi hơi ngạc nhiên và lo lắng...Có tiếng ồn ào phía Phòng 2 Quân Đoàn: Một núi giấy tờ đang được đốt cháy ngàn ngút. Có lẽ các hồ sơ quan trọng được thiêu hủy? Tôi không rõ Đại Tá Trưởng Phòng có còn đó không, và việc thiêu hủy giấy tờ này do lệnh của ai? Tôi cũng không rõ giờ phút này có còn đủ các Trưởng

Phòng không? Chuẩn Tướng cũng không gọi đến vị Trưởng Phòng nào, ngay cả Trung Tá Tông, Trưởng Phòng 3! Tôi tự hỏi, “Trong tình huống này, 2 vị Tướng có còn chỉ huy cấp dưới được nữa hay không.” Khuôn viên Bộ Tư Lệnh vắng ngắt, nghệt thờ.

14 giờ 30, Chuẩn Tướng lại trở về tư dinh. Ông bước lên bậc thềm, nhưng không bước vào trong như mọi khi, mà đứng tại hiên tiền đình, nhìn mông lung ra khoảnh sân phía trước. Tôi đứng bên trái Chuẩn Tướng, cách vài bước, hơi chếch phía sau, hướng tầm mắt theo ông. Mới vào Hè mà cảnh vật như đã sang Thu, Đông. Trời chiều âm đạm, thê lương, từng mảng mưa bụi lạnh lẽo thả xuống tàn phượng vĩ đang nở hoa đỏ ối giữa sân, thêm hình ảnh bất động của Chuẩn Tướng trước mặt, tất cả mang đến cho tôi một cảm giác u-buồn, tan tác... Bất chợt, Chuẩn Tướng quay lại hỏi tôi:

- Cô đi đâu?

- Thưa, cô đến nhà thờ xin lễ rửa tội.

Vừa lúc đó cửa cổng dinh mở toang, chiếc Falcon trườn vào. Tôi thở ra nhẹ nhõm.”

“...Mấy ngày nay, tình hình chiến sự, tình hình đất nước đen tối như vậy, mà người thợ may riêng không ngót giải quyết mớ vải vóc mới tinh cho bà Tướng cùng thân quyến. Bây giờ lại đi xin rửa tội. Tôi không bao giờ nghĩ ra chuyện ông bà Tướng đã âm thầm cùng bàn bạc chuẩn bị cái chết cho toàn gia đình. Và phần bà đã dọn mình bằng chính cung cách riêng của bà. Bà muốn khi từ giã cõi đời sẽ cùng con cái được đón nhận là con chiên của Chúa, và bước vào áo quan với bộ đồ mới tinh, trong trắng... Nhưng vào phút cuối cùng, khi nhìn thấy 2 con thơ dại, Chuẩn

Tướng thay đổi ý và nằn nì bà ở lại đùm bọc 2 con.”

“...Gương mặt Chuẩn Tướng thoáng chút rạng rỡ khi thấy vợ con về đến dinh an toàn. Ông bước đến bên xe đón bà, trao đổi vài lời rồi lên xe trở lại Bộ Tư Lệnh.”

“...Tôi không nghe Chuẩn Tướng báo với Thiếu Tướng chuyện ông tính đến đài phát thanh mà không thành. Cuộc điện đàm giữa 2 vị Tướng kết thúc. Buông ống liên hợp xuống, Chuẩn Tướng thừ người, ngòai bất động. Lần đầu tiên tôi nhận ra vẻ mệt nhọc tuyệt vọng trên gương mặt ông. Chỗ dựa cuối cùng đối với đơn vị và những đàn em thân tín mà ông từng chỉ huy giờ đã bật gốc.”

“...10 phút sau, Chuẩn Tướng gọi tôi lên lầu gặp ông. Tại đây tôi thấy ngoài tôi và Thiếu Tá Phương, còn có đông đủ những binh sĩ đã từng phục dịch Chuẩn Tướng cùng gia đình rất lâu năm. Chuẩn Tướng đứng tại phòng ngủ, hai cánh tay ghì chặt đưa con gái 3 tuổi để cho đầu cháu tựa vào má ông. Bà Tướng đứng bên cạnh. Hai bàn tay măng non của cháu bé hồn nhiên lùa vào mái tóc cha làm lỏa xõa vài lọn tóc rối trên trán Chuẩn Tướng. Bức tranh bi thảm ấy khiến lòng tôi ngậm ngùi tê cứng. Bằng giọng nói tha thiết, ân cần, Chuẩn Tướng gọi lại bà cùng 2 con cho chúng tôi. Ông quả quyết từ giờ cho tới sáng sẽ không có chuyện gì xảy ra, bảo chúng tôi cố gắng hộ tống bà cùng gia đình về Sài Gòn rạng sáng ngày mai, 1 Tháng 5. Đó là lời uỷ thác cuối cùng của Chuẩn Tướng. Dù đã từng xông pha bao chiến trận, nhưng trong giờ phút tử biệt này, Chuẩn Tướng không nén được nỗi uất nghẹn trong lời nói. Ông lấy lại trầm tĩnh thật nhanh, quát bảo tất cả trở xuống dưới nhà, chỉ còn mình tôi và bà Tướng ở lại. Để rồi giây phút vĩnh

quyết đã đến!...”

Đúng 8 Giờ 45 Phút tối ngày 30 Tháng Tư, 1975, một tiếng súng nổ vang dội trong phòng, lá cờ **Quốc Gia Việt Nam, Nền Vàng Ba Sọc Đỏ** mà Anh hằng ấp ủ trong tim tung ra như hàng vạn cánh bông cờ, ôm trùm phủ xác thân Anh trong giờ tiễn biệt.

Mờ trong bóng đêm, trên cõi vô hình, thấp thoáng hàng hàng lớp lớp hình bóng các chiến binh anh hùng của Tổ Quốc Việt Nam đang vẫy tay chào đón thêm một vị Anh Hùng Dân Tộc, Anh Hùng An Lộc, Anh Hùng của Tổ Quốc Việt Nam: Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng. (1933-1975) Hưởng dương 42 tuổi.

Vài ngày sau, một toán công an Việt Cộng ụp thẳng vào nhà tại đường Hoàng Hoa Thám, Gia Định, trong lúc má và Minh Ngà còn đang ngỡ ngàng, run sợ. Một tên nói rất giọng “bác kỳ bảy lăm” tra hỏi tông tích anh:

- *Thằng Hưng đâu rồi?*
- *Con tôi nó chết rồi.*
- *Bà nói dối, nó đâu rồi, chỉ ngay.*
- *Tôi nói thiệt, con tôi nó chết rồi.*

- *Bà nói dối, thằng Hưng chết là thằng Hưng giả, thằng Hưng thiệt nó đi vào rừng rồi.*

Bọn chúng vẫn còn khiếp sợ uy danh của Anh, chia nhau đi lục soát từng góc, khắp nơi trong một căn nhà nhỏ. Sau đó mỗi ngày, chúng thay phiên đến ngồi tại nhà má liên tục cả tháng trời để mong tìm xem người anh hùng An Lộc thực sự còn hay chết.

Mỗi năm kế tiếp, để tưởng nhớ đến ngày giỗ anh, má và Minh Ngà thường cúng giỗ

vào ngày 30 Tháng Tư, mà không dùng ngày âm lịch như thông lệ của nhiều người Việt Nam. Một mâm cơm đơn giản với vài miếng thịt heo quay và một cái dĩa heo, một chai bia, thấp lên hai ngọn đèn cầy, đốt vài nén nhang, má nói: “*Anh con thích.*” Theo tuổi già sức yếu, má đã qua bên kia thế giới để gặp anh ngày 28 tháng 10, (ÂL), năm Ất Sửu - 09 Tháng 12, 1985.

Đọc lại những gì đã viết về Anh cho Minh Ngọc, Minh Ngà nghe. Ba đứa cùng nhìn nhau khóc trào. Trong những giọt nước mắt long lanh ấy, vẫn còn hiện rõ hình bóng Anh, với một nụ cười tự tin của một chàng thư sinh trong bộ đồ lính trận, giày sô, nón sắt. Anh chưa chết đâu anh!

Bốn mươi năm vẫn một bóng hình anh tôi:
Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng.

Ước mong những người Việt đang xa quê hương đừng quên Ngày 30 Tháng Tư, Ngày Tang Thương của đất nước Việt Nam và hãy cùng nhau tay trong tay quyết tâm đấu tranh để giải thể đảng cộng sản, quang phục lại quê hương Việt Nam.

*“Non cao những ngóng cùng trông,
Suối khô giòng lệ chờ mong tháng ngày.
Xương mai một nắm hao gầy,
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.”*

*

*“Dù cho sông cạn đá mòn,
Còn non còn nước, vẫn còn thề xưa.”*

Lê Văn Kim,

30 Tháng Tư, 2015, Nam California, Hoa Kỳ.

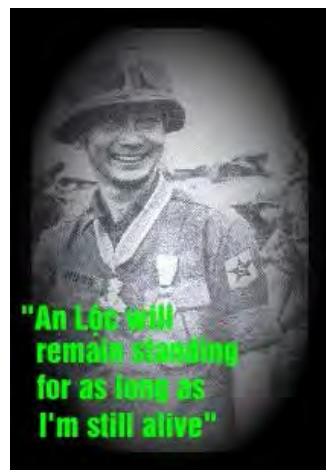
10 Bài Thơ của Tha Nhân Trần Chương Lương

Nguyễn Như Thành

ANH HÙNG TỬ KHÍ HÙNG BÁT TỬ

(Vinh danh Tướng Lê Văn Hưng)

ANH linh chiến sĩ vệt Non Sông
HÙNG dũng xông pha tỏ tác lòng
TỬ trận sa trường hồn Lạc Việt
KHÍ thiêng Đất Nước giống Tiên Rồng
HÙNG oai phong cách đồng bào trọng
BÁT sợ gian nguy chiến hữu trông
TỬ sĩ hy sinh trang sử rạng
DÒNG VƯƠNG ĐẠO TỔ QUỐC GHI ƠN!



ANH HÙNG TỬ KHÍ HÙNG BÁT TỬ

(Vinh Danh Tướng LÊ NGUYỄN VỸ)



ANH là Tư Lệnh vẹn tài năng
HÙNG dũng sấn cờ, sao vệt băng!
TỬ giữ Bình Long công trạng hiếm
KHÍ hào chiến thắng ít ai bằng
HÙNG oai kỷ luật nghiêm minh thẳng
BÁT kể mạng vong quyết chẳng hàng
TỬ với giang sơn hồn nhập thánh
LÊ NGUYỄN VỸ sáng tựa như Trăng

BUỒN THƯƠNG KHÓ NÉN!

Quê Hương ta đó tít mù khơi
Xa cả thời gian cả đất trời!
Từ độ ra đi sầu chát ngắt
Bao năm cách biệt nhớ khôn vui!
“Gọng kềm lịch sử” trò bày đặt
“Sức mạnh cuồng hung” thứ vẽ vờ!?

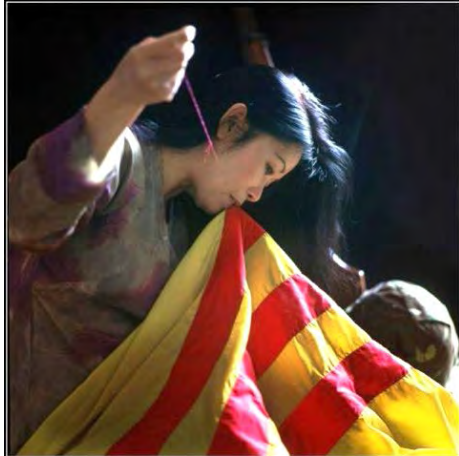
*Tết đến Xuân về lòng thôn thức
Buồn thương khó nén giọt châu rơi!*

BÓNG TỐI TƯƠNG LAI!

*Hương về quê Mẹ làm sao vui
Càng nghĩ lại càng thấy ngậm ngùi!!
Hải phận bắc phương đang trấn giữ
Đặc Khu nội gián cố dăng chui
Tình người nhào nặn nên vô cảm
Đạo lý bóp nhồi hóa chột thui
Ở cuối đường hầm toàn bóng tối
Tương lai mò mẫm giống mù đi!!*

BUỒN VIỄN XỨ

*Quê Hương nắng dẫu còn nồng
Người xưa lính trận ngóng trông ngày về
Khó đau phủ kín sơn Khê
Lòng ta vẫn nặng lời thề Nước Non
Hoài hương đầy nỗi héo hon
Cố Quận thương nhớ máu hồng vón đông
Đã mang biết mấy chờ mong
Dấu yêu kỷ niệm trong lòng khó quên
Nỗi buồn quê cũ buồn thêm
Một thời hoa mộng êm đềm chóng qua
Chỉ còn một nỗi xót xa
Lòng người viễn xứ nhớ Nhà Việt Nam!
Quê Hương sầu hận ngút ngàn
Đạn khô súng gãy uất tràn cuồng điên
Lưu vong ngày tháng ưu phiền
Nỗi buồn viễn xứ triền miên đong sâu
Hỏi ai chia sẻ niềm đau
Bao năm sống tạm nhớ câu trùng phùng
Một ngày hết giặc cuồng hung
Việt Nam quê Mẹ ta cùng hồi hương!!*



CẢM ƠN ANH

Cám ơn Anh người thương binh
Đã vì Đất Nước hy sinh phận mình
Trải qua trận chiến điêu linh
Thân Anh tàn phế một mình khổ đau
Chiến tranh chấm dứt từ lâu
Đời Anh vẫn mãi như hầu tả tôi
Chúng ta huynh đệ một thời
Riêng Anh mãi chịu cả đời đắng cay

Làm sao chia sẻ tình này?!!

Chi binh huynh đệ, hằng ngày nhớ Anh.

Chỉ mong quỷ đỏ tàn nhanh

Ta về nổi lại mầm xanh đượm tình

Để cho huynh đệ chúng mình

Luôn luôn gắn bó thắm tình đệ huynh.

Suốt đời chinh chiến điêu linh

Giữ gìn Tổ Quốc quên mình vì dân

Cho dù chiến cuộc tàn dân

Thân Anh tật ách, tôi thân xứ người

Công Anh Tổ Quốc nhớ đời

Giang Sơn ghi dấu rạng ngời sĩ danh

Lòng tôi thẹn với non xanh

Không tròn vinh dự xả thân chiến trường

Góp công chút ít máu xương

Vun bồi Tổ Quốc trường tồn Non Sông

Để rồi mang hận lưu vong

Cám ơn Anh vẫn một lòng thủy chung!!

CẦU CHÚC

Xuân về mà chẳng muốn mừng Xuân

Tuần tự thời gian cứ chuyển vần

Thế giới nhiều người đang quá khổ

Quanh ta lắm kẻ vẫn trầm luân!

Cầu xin mọi chốn ngừng giao chiến



*Chúc khắp nơi nơi tiết giảm quân!
Nhân loại hòa bình điều hạnh phúc
Nhà nhà sung túc đó là Xuân!*

CỜ VÀNG CHÍNH NGHĨA

*Chính nghĩa Cờ Vàng vẫn mãi đây
Cho dù vắng mặt, còn ngoài này!
Tiền nhân dựng nước luôn gìn giữ
Hậu duệ chúng tôi tiếp tục ngay
Quốc nội nổi lên cùng lật Cộng
Năm châu yểm trợ tay trong tay
Một ngày nhất định ta toàn thắng
Chính nghĩa Cờ Vàng phát phới bay!!*



CỜ VÀNG PHỤC QUỐC

*Ngàn xưa Quốc Tổ dựng Sơn Hà
Đến lũ giặc Hồ phá nước ta
Bán Đất tham quyền tan Đất Mẹ
Buôn Dân cố vị nát Dân Cha
HÙNG VƯƠNG tiền bối xưa xưa qui
Hậu duệ Cờ Vàng nay đuổi ma
Dân Chủ Tự Do toàn xứ Việt
Hòa bình no ấm khúc hoan ca!!*

CỨU QUỐC VÙNG LÊN

*Dấu tích Mậu Thân thật khó phai
"Nhân văn Giai Phẩm" nổi oan dài
Hố chôn tập thể xiềng-dây-xích
Tàn sát hàng đoàn xô-kẽm-gai
Trí Phú xóa tan đào tận gốc
Địa Hào diệt sạch trúc từng hài
Trái ngang thảm thiết do Hồ Cáo
Cứu quốc vùng lên vai sát vai!!*

(Trích trong Tuyển Tập Thơ Tha Nhân: "NON NƯỚC NGHIỆT OAN")

(Những câu chuyện bên lề)

Phạm minh Huyền P3/TTHQ/BTL SĐ5BB



Chuẩn tướng Lê Nguyên Vỹ. Vị Tư Lệnh cuối cùng của Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Ông đã tuấn tiết ngày 30 tháng 4 năm 1972.

Cuộc Chiến An Lộc Mùa Hè Năm 1972

Bên lề 1: Thời gian khoảng đầu tháng 2 năm 1972, từ Tiểu Đoàn 2, Trung Đoàn 8 BB tôi được chuyển về Phòng 3 /Trung Tâm Hành Quân/Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Trung tâm hành quân có 3 (toán) phiên trực. Vào thời điểm đó, 2 toán trực làm việc ở căn cứ Lai Khê nơi có Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn. Một toán lên An Lộc làm việc 24hr/24hr. X 7 ngày liên tục. Sau đó toán này trở về Lai Khê và toán khác lên thay thế. Thời gian đó, Sĩ Quan trách nhiệm điều hành BTL. Tiền Phương cao cấp nhất là Đại Tá Lê Nguyên Vỹ. Anh em thuộc TTHQ và các Phòng ban thuộc BTL Tiền Phương Sư Đoàn, sáng, chiều đều có thuyết trình tình hình cho Đại Tá Vỹ với danh xưng là Đại Tá Tư Lệnh Phó Sư Đoàn. Sở dĩ tôi phải viết rõ ràng như thế vì chúng tôi đã thuyết trình hàng ngày cho Đại Tá Lê Nguyên Vỹ với danh xưng như thế. (vì có nhiều người nói Đại Tá Vỹ không phải là Tư Lệnh Phó lúc đó). Sang đầu tháng 3 năm 1972 tình hình bắt đầu căng thẳng, Đại Tá Vỹ được điều sang mặt trận bên Tây Ninh lo giúp cho Trung Tướng Nguyễn Văn Minh Tư Lệnh Quân Đoàn 3 Quân Khu 3, vì khi đó, theo tình hình chuyển quân của địch được lượng giá là chúng sẽ tấn công vào Tây Ninh. Thay thế cho

vị trí của Đại Tá Vỹ tại An Lộc là Đại Tá Bùi Đức Diễm từ Long Khánh lên. Thuyết trình cho Đại Tá Diễm hàng ngày, chúng tôi thuyết trình với danh xưng là Đại Tá Phụ Tá Hành Quân cho Tư Lệnh.

Bên lề 2: Đêm ngày 4, rạng ngày 5 tháng 4 năm 1972 khoảng 2:30 sáng, Ban 3 của Bộ chỉ huy Trung Đoàn 9 Bộ Binh trên Lộc Ninh báo cáo về TTHQ/BTL tiền phương trên An Lộc là Địch dùng chiến xa bắt đầu tấn công Tiểu Đoàn 3/9. Nửa giờ sau, Ban 3 Trung Đoàn 9BB lại xin báo cáo lại là không phải tiếng chiến xa mà là tiếng xe be đi làm rừng. Rồi sau đó lại xin báo cáo lại lần chót chính xác là tiếng chiến xa đang di chuyển. Tất cả những chi tiết này, chúng tôi đều trình về cho Tư Lệnh dưới Lai Khê và ngay lúc 3 giờ sáng, Chuẩn Tướng Tư Lệnh và các Trưởng Phòng 2, Phòng 3 đều xuống hầm TTHQ/SĐ để theo dõi tình hình. Trận Lộc Ninh bắt đầu từ đây. Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng luôn luôn bay trên bầu trời Lộc Ninh để điều động các cánh quân cũng như lo không yểm cho mặt trận Lộc Ninh.

Bên lề 3: Trưa ngày 6 tháng 4 năm 1972, từ Lộc Ninh bay về An Lộc, ghé vào TTHQ/SĐ, Chuẩn Tướng Tư Lệnh chỉ thị cho tôi:

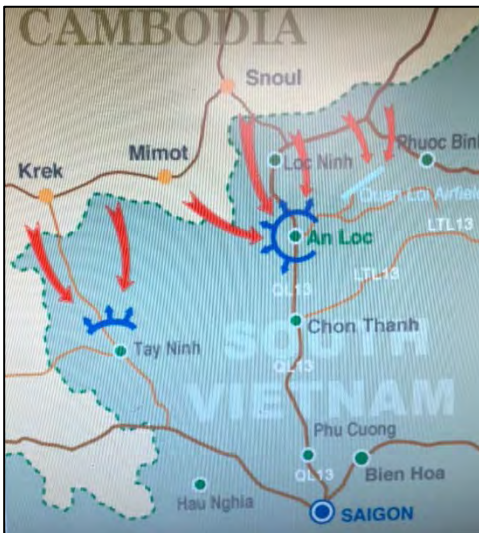
- Phải theo dõi sát Thiết Đoàn 1 Ky Binh, trong vòng 10 phút nếu Thiết Đoàn này lên tiếng phải báo cáo ngay.

Ra lệnh xong, Chuẩn Tướng đi về phòng Tư Lệnh. Tôi bước theo ra cửa, Thiếu Úy Phúc

Sỹ quan Tùy Viên Tư Lệnh hiểu ý tôi nên quay lại nói với tôi: “Ông muốn đánh CBU vào đó”. Từ sáng sớm ngày 6 tháng 4, Chuẩn Tướng bay trên trời mà không còn liên lạc được với Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh nữa. Ông đã gọi Phi tuần của Không Lực Hoa Kỳ có mang bomb CBU lên vùng Lộc Ninh sẵn sàng... nhưng... lại chờ... cuối cùng không đánh CBU, Phi cơ phải mang bomb bay về lại căn cứ của họ.

Bên lề 4: Trưa ngày 7 tháng 4 năm 1972, Lộc Ninh thất thủ hoàn toàn. Chuẩn Tướng Hưng bay trực thăng trở về An Lộc. Đúng lúc đó, trong TTHQ/SĐ điện thoại đường giây Hotline của Quân Đoàn reo, tôi bốc máy:

- Alô.



Các cánh quân của quân Cộng sản Bắc Việt, từ Kumpuachia đổ xuống để tấn công Lộc Ninh ngày 5 tháng 4 năm 1972. Sau đó họ điều quân xuống đánh An Lộc.

Đầu giây bên kia có giọng nói của Trung Tướng Minh, Tư Lệnh Quân Đoàn 3:

- Tướng Hưng đã về tới dưới đó chưa.

Tôi đáp:

- Dạ tới rồi, tôi thấy Trực Thăng Tư Lệnh đáp xuống rồi.

- O.K khi nào Tướng Hưng vào, nói Ông gọi lại cho tôi ngay.

Vừa lúc đó, Tướng Hưng bước vào hầm hành quân, tôi nói:

- Thưa Chuẩn Tướng, có Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn trên đầu giây.

Tướng Hưng nói chuyện với Tư Lệnh Quân Đoàn về tình hình Lộc Ninh, sau đó Tướng Minh nói:

- Tụi nó sẽ đánh xuống An Lộc, bây giờ tôi trả Đại Tá Vỹ về phụ với anh, anh có nhận không?

Tướng Hưng trả lời:

- Dạ thưa, nếu có Đại Tá Vỹ về phụ tôi, tôi mừng lắm.

Thế rồi cúp máy, khoảng một tiếng sau đó, trực thăng đã mang Đại Tá Vỹ từ Tây Ninh trở về đến An Lộc.

Bên lề 5: Khoảng 2 giờ trưa ngày 7 tháng 4 năm 1972, đang ngồi trong phòng hành quân, tôi thấy anh Trung sỹ người Mỹ thuộc toán trực TTHQ của Mỹ ở phòng bên cạnh, vác hành trang ra xe Dodge. Anh ta chạy vào vác cả nệm giường mang ra xe. Tôi chạy ra hỏi anh ta:

- Anh đi đâu?

Anh ta trả lời:

- Tôi được lệnh về Biên Hòa để làm việc, vì ở đây không có an toàn.

Nghe thấy thế, tôi vội chạy sang phòng Tư Lệnh, gặp Thiếu Úy Phúc đang đứng ở cửa phòng, tôi nói:

- Phúc, tụi Mỹ trực ở T.O.C bỏ đi kìa.

Phúc nói:

- Thật không?

Tôi đáp:

- Thì họ đang chất đồ lên xe đó.

Phúc chạy ra nói chuyện với mấy quân nhân Mỹ xong đi vào báo cáo với Tướng Hưng. Ngay sau đó, Đại Tá Lê Nguyên Vỹ

được lệnh đi lo liệu tìm nơi làm việc khác cho TTHQ/SĐ. Nơi làm việc hiện nay quá nhỏ bé, không thích hợp cho một trận chiến lớn sẽ xảy ra. Địa điểm mới cho BTL/SĐ 5 BB là doanh trại cũ của BCH/Tkhu Bình Long, doanh trại này hiện đang bỏ trống vì BCH/TK đã dời đi từ vài tháng trước. Đại Tá Vỹ đã cho dọn dẹp sạch sẽ, tu bổ thêm bao cát trên nóc căn hầm và cho bổ thêm những ống giấy cart-tông, những ống này khi trước đã dùng để đựng đạn súng cối 81 ly, trên những ống đó lại xếp thêm một lớp bao cát nữa, mục đích là để bớt sức công phá của những trái đạn “nổ chậm”. Ngoài ra, Đại Tá Lê Nguyên Vỹ còn lo điều động, trực tiếp chỉ huy các Đơn Vị thuộc Trung Đoàn 7 Bộ Binh lập các chướng ngại vật bằng xe be, xe bus tại đầu các con đường dẫn vào thị xã An Lộc. Đồng thời cho gài mìn chống chiến xa dày đặc trên những khu vực này. Suốt cuộc chiến, chiến xa địch đã không thể vào được những nơi mà Đại Tá Vỹ đã tiên liệu và ngăn chặn trước.

Bên lề 6: Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu Bình Long cũ, nằm đối diện với Trường Nữ Trung Học Tỉnh Bình Long, ngay góc đường Nguyễn Huệ và đường Phan Bội Châu. Doanh trại lấy tên là Trại Đỗ Cao Trí, mang tên vị Đại Tướng Nguyên Tư Lệnh Quân Đoàn 3 Quân Khu 3 đã tử nạn trực thăng bên Tây Ninh vào khoảng giữa tháng 1 năm 1971. Đầu năm 1972, Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu Bình Long dời đến địa điểm mới. Địa điểm mới mà BCH Tiểu Khu dời vào là của Đơn Vị Hoa Kỳ đã để lại, cạnh BCH này có sân bay trực thăng được gọi tên là sân bay B.15. Khi Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù vào An Lộc ngày 15 tháng 4 năm 1972, Đại Tá Lê Quang Lương và Ban Chỉ Huy Lữ Đoàn xuống hầm Chỉ Huy của Tướng Hưng để làm việc được chừng 3 tiếng đồng hồ. Vì hầm quá nhỏ, Tướng Hưng đề nghị Đại Tá Lương sang làm việc trong TTHQ của Tiểu Khu cho rộng rãi hơn. Ngay buổi chiều hôm đó, ngày 15 tháng 4 năm

1972, Ban Chỉ Huy của Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù đã sang bên T.O.C của Tiểu Khu Bình Long.

Bên lề 7: Ngày 8 tháng 4 năm 1972, toàn thể các phòng, ban thuộc Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh Tiền phương thu dọn để di chuyển sang chỗ làm việc mới. Tôi phải ở lại nơi cũ để làm việc như không hề có sự di dời. Tới chiều 10 tháng 4 năm 1972 mọi sự ở nơi mới đã chuẩn bị xong và đã sẵn sàng hoạt động, tôi mới được lệnh thu xếp hành trang qua nơi mới. Vừa vào đến nơi mới, tôi thấy Đại Tá Vỹ đi ngang qua, thấy tôi, Đại Tá vừa chỉ tay xuống đất vừa nói: “Đào hầm ngay tại đây, đào sâu xuống, nay mai nó pháo một ngày cả trên 1000 quả, không có hầm hố không chịu nổi đâu”. Nói xong Đại Tá lại đi lo công việc. Tôi thấy hành động của Đại Tá Vỹ rất vội vã để lo cho việc phòng thủ. Khoảng một tiếng sau, Đại Tá Vỹ lại quay đến nơi tôi ngồi làm việc, Đại Tá nói: “Anh làm ngay công điện Hỏa Túc, yêu cầu Quân Đoàn 3 chuyển gấp 3000 quả mìn chống chiến xa nữa, viết xong công điện đưa tôi ký”.



Sau cuộc chiến Mùa Hè Đỏ Lửa, Thị xã An Lộc chỉ còn là đồng gạch vụn.

Bên lề 8: Buổi chiều ngày 11 tháng 4 năm 1972, một trái đại bác do địch quân pháo vào đã nổ ngay trên mặt đất, cạnh hầm Chỉ huy của Tướng Hưng, nơi đó có một lỗ thông hơi cho

căn hầm. Mảnh của đại bác đã lọt qua lỗ thông hơi, chui xuống hầm làm bị thương nặng 3 Sĩ Quan, một người thuộc Phòng 3, hai người thuộc Bộ chỉ huy Pháo binh Sư đoàn. Sau đó, các lỗ thông hơi được che chắn lại bằng những bao cát, từ đó về sau miếng đạn pháo nổ bên ngoài không còn chui vào hầm nữa. Tuy nhiên Tướng Hưng vẫn thường xuyên đội nón sắt,

mặc áo giáp dù đang làm việc ở dưới hầm. Như đã tường thuật ở mục Bên lề 5 bên trên, căn hầm này được nằm khuất và lại thấp hơn 2 dãy nhà ngói lớn ở góc đường Nguyễn Huệ và đường Phan Bội Châu. Khi thiết kế hệ thống Antenna để liên lạc với khắp nơi, Đại Úy Phân phụ trách kỹ thuật của Truyền

tin đã không thiết lập bất cứ một Antenna nào cao ngất ngưởng lên trời. Ngay cả 2 tấm vĩ Antenna cho hệ thống Siêu tần Số cũng được đặt rất thấp, chúng được đặt ngay trên nóc hầm hành quân của Tướng Hưng và phương giác phát, nhận sóng của chúng được xoay thẳng về hướng Núi Ba Đen ở Tây Ninh, núi Bà Đen cao hơn mực nước biển gần 1,000 mét nó là điểm trung chuyển chính cho mọi tin tức đi và đến cho An Lộc trong suốt cuộc chiến. Yêu tố Antenna được đặt thấp và đặt nơi khuất như vậy nên suốt cuộc chiến địch không biết được đích xác vị trí chỉ huy của Tướng Hưng ở đâu để mà tấn công.

Bên lề 9: Địch quân đã chốt chặn nhiều nơi

trên đường Quốc lộ 13, đồng thời súng cao xạ và phòng không của địch rất mạnh, báo chí ở Sài Gòn thời gian đó đã gọi “An Lộc, trận Điện Biên Phủ trên không”, khi gọi với cái tên như vậy, họ có ý nói sức mạnh của địch quân đã ở thể thượng phong. Súng cao xạ và phòng không của Địch đã khiến cho việc tiếp tế, tản thương cũng như bổ xung quân số gặp rất nhiều



Với ưu thế về quân số, quân Cộng sản Bắc Việt đã bao vây trọn vẹn An Lộc. Nhưng kết quả sau cùng, họ không đánh bại được ý chí kiên cường của quân VNCH.

khó khăn. Tiếp tế bằng thả dù của Không quân VNCH hoàn toàn không có kết quả, phi cơ nhào xuống để thả dù tiếp tế, khi bốc để bay lên họ đã bị đạn phòng không bắn cháy trên bầu trời. Sư Đoàn 5 Bộ Binh đã dùng đoạn đường QL.13 nơi gần ngã Ba đi vào Xa Cam để làm bãi đáp trực thăng, nhưng kết quả

không khả quan vì địch thường xuyên pháo vào bãi đáp, các phi cơ không thể chờ lâu ở bãi đáp, hơn nữa các Thương binh lại tranh nhau để lên phi cơ tản thương khiến phi cơ luôn luôn quá tải, gây ra tai nạn nguy hiểm khi phi cơ bốc bay lên, nhiều người đu bám vào càng trực thăng đã bị rớt xuống. Có những phi cơ bị đu bám quá nhiều người, phi hành đoàn sợ quá, họ phải bỏ phi cơ mà chạy. Địch pháo kích vào thị xã ngày càng nặng nề hơn. Bệnh viện Tỉnh Bình Long nơi cấp cứu, chữa trị cho Dân, Quân trên An Lộc đã bị pháo sập hoàn toàn không còn sử dụng được. Có nhiều thương binh từ các Đơn vị được mang về Bộ tư lệnh để mong được cấp cứu. Tại đó, có Bác Sĩ, có Y tá nhưng lại thiếu thuốc men cũng như không có phòng giải phẫu

để làm phẫu thuật. Các ca mổ được thực hiện ngay trên mặt bàn, ngay trong căn nhà ngói cạnh hầm chỉ huy, nhưng thường không thành công. Như trường hợp của anh Trung sỹ Trung thuộc phòng Tâm lý Chiến, Bộ tư lệnh Sư đoàn. Anh Trung ở cùng căn hầm gần góc đường đối diện với Trường Nữ Trung học Tỉnh Bình Long, có Trung Tá Khải Tham mưu phó Chiến Tranh Chính Trị Sư Đoàn và một vài anh em thuộc Khôi CTCT ở chung trong hầm. Vì có chuyện cần bước ra ngoài hầm, mới bước ra, anh Trung trúng một mảnh đạn pháo kích loại 122 ly, miếng pháo găm ngay cần cổ, phía sau ót. Mấy anh em chạy ra, khiêng anh Trung vào căn nhà ngói lớn cạnh hầm hành quân của Tướng Hưng. Các Bác sỹ và y tá đặt anh Trung nằm sấp trên mặt bàn, dùng dụng cụ y khoa gấp miếng đạn còn nằm trong cần cổ ra. Mấy người phải đè giữ anh Trung, mổ sống không có thuốc men, không có tiếp nước biển, không có máu để tiếp thêm cho anh. Đứng gần bên, tôi nghe thấy rõ tiếng phì phò do hơi thở dồn dập nơi cổ anh Trung. Sau khi mảnh đạn được lấy ra, vết thương được khâu lại xong, chừng mười phút sau đó thì Trung chết. Nhiều thương binh từ các nơi đưa về đây, họ đau đớn, rên la vì vết thương hành hạ. Một anh thuộc Trung Đoàn 8 BB, đã về đây được ba ngày. Băng cứu thương quấn trên đầu anh ta hai, ba cái về phía mặt bên trái. Máu chảy ra thấm vào các băng cứu thương trông đã khô. Đau đớn rên la liên tục, anh ta nài nỉ xin các bác sỹ giúp chăm sóc vết thương. Khi bác sỹ Giang dùng kéo cắt băng cứu thương trên mặt ra. Thật là kinh hoàng khi tôi phải chứng kiến cảnh này, mặt anh ta đã mất đi một phần da thịt trên khuôn mặt và đã mất hẳn cái tai bên trái, trong hốc của lỗ tai, dòi bọ lúc nhúc, vết thương đã bị nhiễm trùng nặng. Bác sỹ Giang rửa ráy sơ sơ vết thương cho anh, thay cho anh cái băng cứu thương khác. Đó là tất cả những gì mà các bác sỹ có

thể làm cho anh. Mấy tiếng đồng hồ sau, anh ấy đã dùng súng bắn vào đầu để tự kết liễu cuộc đời sau một thời gian chịu đựng với vết thương quá nặng. Thật đau lòng khi thấy cảnh đó. Chính Trung Tá Trịnh Đình Đăng, Trưởng phòng 3 Sư Đoàn bị trúng miếng pháo ngay đỉnh đầu, máu ra rất nhiều nhưng may mắn không bị bể xương sọ. Được Bác Sỹ Vũ Thế Hùng Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 5 Quân Y khâu sống vết thương ngay trong hầm Chỉ huy, không băng băng, không có thuốc cầm máu. Mỗi lần Bác sỹ Hùng kéo sợi chỉ khâu là Trung tá Đăng phải nhắm mắt, nghiến răng. Trung sỹ Phạm chí Hiếu Phòng 3 SĐ bèn xin Tướng Hưng 1 điều thuốc lá, mồi lửa xong, Trung sỹ Hiếu đặt điều thuốc lá vào mồm cho Trung tá Đăng ngậm miệng, răng cắn vào điều thuốc lá mỗi khi sợi chỉ khâu được kéo.

Bên lề 10: Tình hình quân số của quân tử thủ đã sa sút đến mức độ báo động vì mức độ pháo của địch dường như gia tăng thêm mỗi ngày, cộng với sự tấn công bằng chiến xa có bộ binh từng thiết đã xảy ra nhiều lần khiến con số thương vong cũng gia tăng. Quân số bổ xung không thể vào được nhiều. Khoảng ngày 14 tháng 4 năm 1972, Đại tá Võ bước xuống hầm hành quân bàn chuyện với Tướng Hưng, Đại Tá Võ nói:

- Phải cho các cánh quân bung rộng ra không thì tổn thất sẽ tăng lên.

Tướng Hưng trả lời:

- Không thể bung lúc này được, quân số còn ít quá không đủ sức bung.

Anh Trung Sỹ Thông dịch viên ngồi cạnh 3 Cố vấn Mỹ nói cho Ông Đại Tá Miller Cố vấn trưởng Sư Đoàn nghe về lời thảo luận giữa Tướng Hưng và Đại Tá Võ, Ông ta cũng đồng ý với Tướng Hưng là chưa thể bung rộng ra bây giờ được. Trưa ngày hôm sau, ngày 15 tháng 4 năm 1972, Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù vào An

Lộc. Tiểu Đoàn 5 và Tiểu Đoàn 8 Dù đi xuống khu vực Xả Xa Cam hướng Nam Đông Nam của An Lộc để lo phòng thủ mặt Nam cho An Lộc. Sau 2 tuần lễ, khoảng đầu tháng 5 năm 1972, Tiểu Đoàn 5 Dù vẫn ở lại khu Xả Xa Cam còn Tiểu Đoàn 8 Dù thì kéo ra ngoài, họ đóng quân dọc hai bên của QL.13 và đã kéo dài xuống hướng Nam được khoảng 3 cây số. Từ khi Tiểu Đoàn 8 Dù kéo ra đường QL.13, họ lo giữ an ninh hai bên đường, biến đường QL.13 này thành một bãi đáp trực thăng dài, giúp cho các phi cơ trực thăng thường xuyên thay đổi được điểm đáp cũng như thay đổi được điểm bốc thương binh. Từ đó, công việc tiếp tế, tản thương và tăng cường quân số được dễ dàng hơn nhiều. Coi như một vấn nạn lớn đã được giải quyết.

Bên lề 11: Đầu tháng 5 năm 1972, một bài toán hóc búa khác đã được giải quyết. Không quân Hoa kỳ đã có cách thả dù tiếp tế theo phương pháp tối tân hơn. Mặc dù phòng không của địch vẫn nặng nề, không thuyên giảm nhưng Không quân Hoa Kỳ đã dùng những chiếc dù “lủng lỗ” không cản gió nhiều khiến kiện hàng rơi xuống rất nhanh vượt qua được vùng lưới của đạn cao xạ và phòng không luôn luôn bắn lên mỗi khi dù được thả. Nhờ có kỹ thuật cao, Không quân Hoa Kỳ đã có thể ước lượng được hướng và sức gió ở tầm gần mặt đất, đồng thời họ đã có một dụng cụ điện tử có khả năng tính được thời gian và điều khiển cho một cái dù khác bung ra, tạo ra thế an toàn cho kiện hàng rơi xuống đất nhẹ nhàng không hư nát và rơi chính xác trong phạm vi sân vận động nhỏ bé nằm trước Tòa Hành Chánh Tỉnh Bình Long. Tôi nhớ lại ngày đầu tiên khi áp dụng cách thả dù mới này. Đang ngồi trực, tôi nghe Cố vấn Mỹ nói: “*Bắt đầu thả dù*”. Tôi chạy ra khỏi hầm để xem, tôi thấy đạn cao xạ và phòng không bắn lên tạo thành những đám khói trắng xóa, che phủ một phần của bầu trời

đang trong xanh, những dù cánh dơi đang rơi xuống chui qua đám mây khói trắng đó. Gần mặt đất nhiều cái dù lớn được bung ra nhưng lại bung ra hơi sớm khiến dù đã bay vào khu vực có quân địch đóng. Một số dù cánh dơi khác cứ tiếp tục rơi và không có dù lớn bung ra để cản độ rơi, khiến những kiện hàng đó rớt xuống đất nghe cái “*ầm*”, tạo ra một chấn động rung rinh mặt đất. Tôi chạy vào hầm thì điện thoại hotline của Quân Đoàn 3 reo, tôi bốc ống nghe:

- Alô, xin lỗi ai đầu dây.

Có tiếng trả lời của đầu dây bên kia:

- Tôi Đại tá Cao, Trưởng phòng 4 Quân Đoàn đây, anh cho tôi biết kết quả cuộc thả dù vừa rồi kết quả ra sao?

Tôi trả lời:

- Thưa Đại tá xin Đại tá chờ để Thiếu tá Lộc Phòng 4 sẽ trả lời cho Đại Tá sau.

Đại tá Cao hỏi tôi:

- Anh có thấy lúc dù được thả không?

Tôi trả lời:

- Thưa Đại tá tôi thấy nhưng đó là phần hành của Thiếu tá Lộc, ông Thiếu tá Lộc sẽ báo cáo sau.

Đại tá Cao sốt ruột nói:

- Anh thấy kết quả ra sao thì cho tôi biết vì Phi cơ của Mỹ họ đang chờ, họ muốn biết kết quả để họ còn thả tiếp ngay bây giờ.

Tôi vội nói kết quả của chuyến thả dù vừa rồi như thế nào cho Đại Tá Cao nghe. Đến lúc đó, Tướng Hưng la lên:

- Thành nhỏ, mày đang nói gì? Mày đang nói với ai? thằng Đãng đâu?

Tôi thấy Trung tá Đãng, ông xếp của tôi đang ngồi ở ghé bố của ông. Trung tá Đãng chạy lại, Chuẩn Tướng Hưng la lên nói với

Trung Tá Đăng:

- Mày biết cái gì về kết quả thả dù vừa rồi không?

Trung tá Đăng trả lời:

- Dạ thưa không.

Tướng Hưng tiếp tục nói lớn:

- Mày không biết, thế thằng nhỏ của mày nó đang nói gì với ai đó.

Trung tá Đăng bước lại thụi mấy cái vào lưng tôi và la lên:

- Mày nói cái gì, mày biết gì mà nói.

Tôi giữ im lặng, lúc đó Thiếu tá Lộc từ trên bước xuống hầm, Chuẩn tướng Hưng lại la Thiếu tá Lộc:

- Kết quả thả dù vừa rồi ra sao?

Thiếu Tá Lộc báo cáo lại kết quả thả dù không tốt như tôi đã báo cáo với Đại Tá Cao. Tướng Hưng chửi:

- Đồ cái lờ... què, hai thằng mày đi ra đó nhặt dù về cho tao.

Do mấy anh Thông dịch viên nghe câu chuyện Tướng Hưng đã la tôi, họ thuật lại cho mấy ông Cố vấn Mỹ nghe. Vài phút sau, ông Đại Tá Ulmer đến bên cạnh, vỗ vai tôi rồi nói với tôi cũng như cho những người ngồi chung quanh đều nghe:

- Đừng lo, chuyên thả dù vừa rồi chỉ để Testing thôi, tất cả những dù đó đều là dù đất.

Chừng vài tiếng đồng hồ sau, Chuẩn Tướng Hưng đến sau lưng tôi và nói:

- Mày báo cáo kết quả đúng, nhưng mày phải trình cho tao trước, nếu không tụi Mỹ nó nghe kết quả xấu rồi nó không thả dù nữa thì sao.

Tôi đáp: “Dạ vâng”, rồi tiếp tục làm việc. Sau đó, kết quả thả dù đều tốt có thể đếm được

từ 80% đến 90%. Từ ngày dù được thả như thế, thực phẩm, thuốc men và đạn dược đã được tiếp tế đầy đủ hơn. Mỗi buổi chiều, Thiếu Tá Lộc phụ tá Phòng Tư Sư Đoàn đệ trình nhu cầu cần tiếp tế cho Tướng Tư Lệnh duyệt xét trước khi bản nhu cầu được gửi đi. Mỗi buổi sáng, khi phi cơ thả dù đến thì Đại Tá Bùi đức Diễm cùng Thiếu Tá Lộc luôn luôn có mặt tại sân thả dù để kiểm điểm và giúp phân phối các mặt hàng tùy theo nhu cầu mà các đơn vị đã xin từ trước. Đại diện các đơn vị đang tham chiến trên An Lộc đều có mặt để nhận hàng về cho đơn vị của mình.



B.52 là hung thần, là cơn ác mộng của quân Cộng sản Bắc Việt. Để tránh sự tổn thương. Họ cố bám sát vào quân VNCH. Quân VNCH chống trả, đẩy họ xa ra xa cho không yểm làm việc.

Bên lề 12: Kể từ khi An Lộc bị cộng quân vây hãm, tấn công và pháo kích nặng nề cả ngày lẫn đêm. Quân tử thủ cũng bị khôn đốn, xáo trộn về mặt ăn ở, tắm rửa và vệ sinh cá nhân. Trời An lộc đã vào hè, không khí nóng bức oi ả, nhất là ở dưới hầm hành quân vừa đông người, vừa chật chội. Quân trang, quân phục cũng tương đối được thả lỏng, ăn mặc xuề xòa cho con người được nhẹ nhàng hơn, chẳng thấy ai còn đeo lon, đeo lá gì. Tướng Hưng thì quần lính, áo may-ô nhà binh màu cứt ngựa,

đôi khi nóng quá, ông Tướng cũng vo vo cái áo lên giữa ngực. Áo giáp và nón sắt sẵn sàng bên cạnh, nếu cần với tay ra là có liền. Trung đội bảo vệ cho Tư lệnh đã làm cho Tướng Hưng một ống sắt trước dùng để đựng thuốc bôi pháo binh, họ chôn ống sắt xuống lưng lưng ngay bên ngoài cửa hầm để làm hồ tiêu cho ông Tướng dùng mà thôi. Còn tất cả các quân nhân khác đã có hầm cầu lộ thiên với hai thanh gỗ bắt ngang, hồ xí tập thể này được làm vội vàng nên không có vách ngăn che đậy, cũng không có bao cát che chắn gì hết. Ngày đêm, ai muốn đi tiêu, đi tiểu thì phải đi vòng ra ngoài này. Lâu ngày, ăn uống thất thường, ngay nước uống cũng phải giới hạn vì không dễ gì mà có nước dư giả để uống trong giai đoạn này. Ít uống nước nên đi cầu khó khăn hơn. Đang lúc làm công tác vệ sinh nơi lộ thiên này mà nghe tiếng đạn pháo đến thì thật là khổ sở, không biết phải làm sao... đành ngồi chịu trận... với tâm trạng kinh hoàng đang chờ đón. Những đơn vị ở vùng trũng, hay vùng bìa ngoài của thị xã tức vùng tương đối thấp thì nước lại không phải là vấn đề nan giải, nhưng những khu vực trên thế đất đồi, trên cao như khu Bộ tư lệnh Sư Đoàn hay Ban chỉ huy của Trung đoàn 7 BB đóng ở kế bên thì nước là một vấn đề nhức nhối. Tôi cũng than thở điều thiếu nước này với ông Tướng, với cái áo thun vo cao lên trên rốn, đứng sau lưng tôi, ông nói: “Mày than cái gì nhỏ, tao đây một ngày cũng chỉ có một nón sắt nước cho đủ mọi thứ trong ngày mà tao cũng phải chịu thôi”. Vậy mà một buổi chiều kia, khi Thiếu Tá Lộc phụ tá Phòng Tư SĐ đang ngồi làm bảng nhu cầu những món cần được tiếp tế thả dù, tôi nói Thiếu tá Lộc ghi thêm vào: “Cần một pallet ‘nước đá cục’ cho Bộ tư lệnh Sư Đoàn. Thiếu tá Lộc ghi vào, khi phiếu nhu cầu trình cho ông Tướng duyệt ký, mục ‘nước đá cục’ của tôi bị gạch bỏ đầu tiên. Cũng có những ngày có mưa trong mùa hè, thật là hạnh phúc, mọi người chạy ủa ra, quần áo cởi hết, đứng dưới làn nước mưa mát lạnh từ mái ngói chảy xuống những thân thể trần truồng như

nhộng, Mỹ, Việt nhìn nhau cười. Họ cười vì nhìn thấy những phần trên thân thể lâu ngày không có việc làm, nó tiu nghỉu buồn thảm làm sao. Có anh ra tắm mưa hơi chậm, đang xát xà bông thì hết mưa, lại một màn chọc phá rộ lên quên hết những buồn phiền lo lắng. Nhiều khi vì nhu cầu cần tắm tấp hay cần có nước để xử dụng trong những ngày tới, các quân nhân ở trên khu đồi cao phải đi xuống khu nhà thờ Thánh Mẫu nơi có ao, có giếng nước. Còn nếu không thì đi xuống khu làng Ga, khu Chùa Tịnh Độ đa số dân trên An Lộc họ tụ tập về vùng trũng này vì có nhiều suối nước. Đi tắm hay đi lấy nước kiểu này cũng gặp nhiều nguy hiểm, phải rủ nhau chừng 3 hay 4 người đi chung với nhau để có gì cùng giúp đỡ lẫn nhau. Mỗi người phải mang theo một thùng đựng nước để lấy nước về dùng, khi đi phải có áo giáp, nón sắt. Phải chạy từ nhà này qua nhà kia để đề phòng pháo. Phải nghe ngóng xem có tiếng depart của pháo địch không rồi mới chạy sang nhà khác. Nhiều khi đang chạy mà nghe tiếng đạn đến thì phải nằm sát xuống đất, chờ cho đạn pháo nổ xong thì mới đứng lên chạy tiếp. Cẩn thận là vậy, nhưng số mạng thì không ai nói trước được, có nhiều người đi lấy nước cũng là ngày từ già cõi trần luôn.



Tướng Lê Văn Hưng Tư Lệnh Sư Đoàn Bộ Binh đồng thời ông cũng là Tư Lệnh mặt trận An Lộc. Ông đã thể tử thủ, không để mất An Lộc và ông đã làm được.

Bên lề 13: Kể từ khởi đầu cuộc chiến trên An Lộc là ngày 7 tháng 4 năm 1972. Sau khi đã bao vây, không chế được vùng trời An Lộc. Địch đã gia tăng pháo kích, tấn công vào An Lộc nhiều lần. Số thương vong của quân tử thủ và các thường dân ngày càng gia tăng. Người chết thì được chôn cất bất cứ nơi đâu có thể chôn được. Dân thì chôn ngay trong sân nhà, ngay trong lòng nhà. Lính tráng thì chôn ngay trên các lề đường, vỉa hè hoặc những nơi nào có miếng đất trống. Chôn vội vàng với bất cứ cái gì có thể che, cuốn được xác chết là đem chôn ngay khi xác chưa kịp lạnh. Bọn bè, đồng đội chôn nhau, không đưa tiền, không nghi lễ, không điều dưỡng, chôn cho lẹ để còn chạy tránh pháo.



Chuẩn tướng Lục quân Hoa Kỳ, RICHARD J. TALLMAN. Năm 1972, ông giữ chức vụ là Cố Vấn Phó cho Cố Vấn Trưởng của Quân Đoàn III. Ông đã tử nạn vì pháo của quân Bắc Việt khi trực thăng của ông từ Biên Hòa lên thăm chiến trường An Lộc ngày 09 -07-1972.

Hôm nay chôn người rồi ngày mai hay chốc lát nữa thôi, người khác sẽ chôn mình. An Lộc xinh đẹp đã thành một nghĩa địa vô trật tự. Người chết đã đành, còn người bị thương, quân cũng như dân được đưa về Bệnh viện Tỉnh. Bệnh viện là nơi cứu chữa, nơi cấp cứu những người thương tật, nhưng giặc Cộng cũng không chừa, không loại ra khỏi mục tiêu pháo của chúng. Trong vòng 2 tuần lễ khởi từ đầu cuộc

tấn công thì Bệnh viện đã bị pháo tan tành, sụp đổ hoàn toàn. Quân, dân bị thương nặng mang về đây chỉ là để chờ chết, và dần dần họ đã chết hết. Vết thương không được băng bó, không được lau chùi máu mủ, không được thay bông băng, không thuốc men chữa trị thì làm sao sức người có thể chống chọi được. Số người tử vong cũng lên đến hàng mấy trăm người, xác chết chường xình thối. Lo sợ bệnh dịch sẽ xảy ra, Đại Tá Bùi Đức Diễm đã điều động anh em Lao công đào binh làm công tác chôn cất những người tử vong đó trong một ngôi mộ tập thể lớn nằm trong sân Trường Nữ Trung Học Tỉnh Bình Long, ngay góc đường Phan Bội Châu và đường Minh Mạng.

Bên lề 14: Một buổi chiều gần cuối tháng 4 năm 1972, khi đang đứng nhìn sang khu Bệnh viện Tiểu khu đã bị đổ nát, tôi thấy một người Ngoại quốc, anh ta mặc một áo may-ô trắng, một cánh tay bị thương đã được băng bó, có một sợi dây đeo choàng qua cổ để đỡ cánh tay bị thương. Đến chiều tối, tôi thấy ông Trung tá Cố vấn Mỹ cùng toán Cố vấn với Đại tá Cố vấn trưởng Miller dẫn anh ngoại quốc bị thương nơi cánh tay kê trên xuống hầm Chỉ huy của Tướng Hưng. Họ cho anh ta nằm nghỉ trên ghế bó của họ. Đêm đó, ngồi trực hành quân tôi buồn ngủ quá, đầu gục xuống bàn để ngủ. Tướng Hưng bước tới đập tay vào vai tôi, lay tôi dậy: “*Dậy mày nhỏ*”. Tôi ngồi dậy được một lúc, rồi tôi lại ngủ gật tiếp, ông Tướng lại đến đập vai tôi lần nữa: “*Dậy, dậy, không được ngủ*”. Tôi đáp: “*Mệt quá Chuẩn Tướng ơi*”. Chuẩn tướng nói: “*Mày không được ngủ, mày ngủ thẳng phóng viên kia nó chụp hình bản đồ hành quân là mày chết*”. Nghe thấy thế, tôi hét hồn, tôi nhìn qua ghé bó của Cố vấn Mỹ thấy anh chàng kia cũng đang ngồi ở mép ghé bó, mắt hấn nhìn qua nhìn lại trong hầm. Trước mặt tôi, đặt trên cạnh mặt bàn làm việc, dựa vào vách tường là hai tấm bản đồ lớn. Một tấm là diễn tiến các cánh quân trên An Lộc. Một tấm khác là diễn tiến các cánh quân dưới vùng

Chon Thành. Nếu hắn chụp được là tiêu đời rồi. Thì ra từ khi anh phóng viên kia xuống dưới hầm này là ông Tướng đã luôn luôn đề ý đến hắn ta. Tôi hiểu chuyện, tôi sợ quá, lấy mấy ngón tay day day hai chân mày cho tỉnh ngủ. Chẳng qua Toán Trục của chúng tôi đã bị thiếu hụt người vì đã thiệt mạng mất 4 Sĩ quan khi những anh này xách súng chạy ra giao thông hào để chờ bắn xe tăng địch nhưng họ lại bị trúng đạn pháo của địch. Tôi cũng ra đó nhưng thoát chết, tôi chạy về hầm tường thuật cho ông Tướng biết, Ông la lên: "Trời ơi sao đau khổ quá vậy". Về anh chàng phóng viên bị thương kia, lúc trời sáng, anh ta đang đánh răng trên mặt đất thì mấy anh an ninh đến, kè anh ta ra sân bay trực thăng để đẩy anh ta về Lai Khê.

Bên lề 15: Tại Bộ tư lệnh Sư Đoàn trên An Lộc, có 2 máy phát điện nhỏ. Những máy này được để trong căn nhà ngói gần cổng ra vào, đơn vị Truyền tin lo phụ trách trông coi những máy phát điện này. Luôn phiên nhau máy được chạy ngày, chạy đêm không khi nào ngừng vì máy Siêu tần số cũng cần có điện mới làm việc được, rồi máy của tổng đài điện thoại, chưa kể nó còn phải cung cấp điện cho một bóng đèn tròn 60 watt duy nhất treo tòng teng trên trần trong hầm chỉ huy hành quân của Tướng Hưng. Mất hơn 3 tuần lễ, không có tiếp tế, ngay đến xăng để chạy máy phát điện cũng sắp cạn. Thiếu Tá Hiền Trưởng Phòng Truyền Tin Sư Đoàn trình sự việc cho Tướng Hưng giải quyết. Tướng Hưng cho anh em Truyền Tin đi rào quanh để tìm xăng trong các xe hơi ở trong thị xã. Lấy ống rút xăng ra để về chạy máy phát điện, anh em đi rút xăng cũng có người trúng pháo kích chết và thùng xăng cũng bị pháo bẻ nát, xăng không về được với máy phát điện. Không còn cảnh chết chóc hy sinh tính mạng nào mà không được xảy ra trên An Lộc.

Bên lề 16: Chiến xa Việt cộng có bộ đội từng thiết tấn công vào An Lộc lần đầu tiên là sáng ngày 13 tháng 4 năm 1972 và lần thứ hai là sáng ngày 15 tháng 4 năm 1972. Chúng tiến

vào Thị xã An Lộc, mũi tấn công mạnh nhất từ hướng Bắc và Tây Bắc, tức đánh thẳng vào phòng tuyến của Trung Đoàn 8 BB. (Trung Đoàn 8 BB mới được đổ quân xuống An Lộc chiều ngày 12 tháng 4 năm 1972, qua một đêm chịu pháo kích, sáng hôm sau 13-4-1972 địch tấn công ngay) và chúng cũng đánh thẳng vào tuyến phòng thủ của Liên Đoàn 3 BĐQ, tức vùng Phi trường L.19 nằm đối diện với Đồi Đồng Long, cách nhau bởi con đường QL.13, vùng có đầm tiếp liệu của SĐ 5 BB kề cận bãi đáp trực thăng mà trực thăng Chinook C.47 trước đó vẫn lên xuống thường xuyên. Địch còn tấn công vào khu Trường Tiểu Học Tàu, vùng Khu gia binh và khu đồn Cảnh sát Dã Chiến. Với sức tấn công mạnh mẽ, Chúng chọc thủng phòng tuyến của các đơn vị phòng thủ. Các đơn vị bị giao động phải lùi vào trong Thị xã để lập tuyến kháng cự lại. Phi cơ trực thăng võ trang Mỹ, Việt lên can thiệp kịp thời, sau khoảng một giờ quần thảo đã tiêu diệt hết tất cả xe tăng địch, còn bộ đội địch thì đã tràn vào chiếm giữ các khu vực nhà cửa, khu gia binh, khu đồn Cảnh Sát Dã Chiến mà những ngày sau đó, những khu vực này là những mục tiêu của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù phải hy sinh gian khổ để chiếm lại. Sau khi các cuộc tấn công bị đẩy lui, các đơn vị tiến lên truy xét, đã bắt được tù binh, và lục soát tìm thấy Đặc Lệnh Truyền Tin của SĐ 5 BB đang hiện hành lúc đó có trong xe tăng Việt Cộng. Lập tức Tướng Hưng ban lệnh hủy bỏ Đặc lệnh Truyền Tin cũ và khẩn cấp thay thế Đặc Lệnh Truyền Tin mới, đồng thời các bản đồ Thị xã được phát ra có mẫu mã chữ hoặc số cho từng khu vực của Thị Xã An Lộc, được phổ biến ra cho các đơn vị xử dụng, khi muốn báo cáo về vị trí đứng của các đơn vị họ chỉ cần báo bằng mật mã, mật số thôi. Trong những ngày này, những cuộc đấu khẩu trên các tần số giữa hai bên luôn diễn ra, mạnh mẽ nhất là đấu khẩu giữa cấp chỉ huy nào đó của Việt Cộng và Đại Tá Trần Văn Nhật Tỉnh Trưởng Bình Long. Sau đó Chuẩn Tướng Hưng ra lệnh cấm, không cho

những cuộc đấu khẩu đó xảy ra nữa.

Bên lề 17: Từ ngày 3 tháng 6 năm 1972, Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù đã từ Lai Khê tiến lên đánh giải vây cho An Lộc. Họ vào Ấp Tân Khai trước, rồi qua Ấp Đức Vinh. Sáng ngày 6 tháng 6 năm 1972 họ tiến vào phía Nam rừng cao su An lộc. Đánh sang phía phải của Quốc Lộ 13 nơi có Trung Đoàn 33 BB do Trung Tá Nguyễn viết Cẩn là Trung đoàn trưởng đang bị địch quân vây hãm tại đây từ ngày 13 tháng 5 năm 1972. Trong hầm hành quân của Bộ tư lệnh trên An Lộc, Tướng Hưng ra lệnh cho Truyền Tin vào tần số nội bộ của Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù. Sau khi đã chuẩn bị máy truyền tin xong, Chuẩn Tướng ra lệnh cho tôi ngồi vào máy để theo dõi Nhảy Dù tiến quân. Với headphôn up vào tai, tôi ngồi theo dõi. Có nhiều người đứng sau lưng tôi. Tôi nghe chỉ huy Nhảy dù la lớn, họ không còn dùng ngựa nữa, ngựa số gì nữa vì họ đang ở thế tấn công: “Đ.M bỏ ba lô xuống, dàn hàng ngang ra, lên, vừa chạy vừa la xung phong vừa bắn... OK... Nào bắt đầu..., xung phong... xung phong”. Tôi nghe tiếng la vang trời, tiếng đạn bắn không ngừng. Họ xung phong thẳng vào các chốt, các kiềng của địch, khiến địch trở tay không kịp, lớp chết, lớp bỏ chạy như vịt, kéo nhau chạy về hướng Đồi Gió. Xung phong chạy khoảng 100 mét thì dừng lại bố trí chờ toán sau lên thay thế vị trí. Sau khi đã được thay thế, toán xung phong đầu quay trở lại vị trí xuất phát để lấy balô. Lấy balô xong thì quay trở lại và bố trí cho toán trên kia bắt đầu xung phong tiếp. Trong khi xung phong, những anh em bị thương hay tử thương sẽ nằm lại tại chỗ, đã có những toán cấp cứu tiến lên lo liệu. Cứ từng đoạn, từng đoạn họ nhổ hết chốt này đến chốt khác và giải vây xong cho Trung Đoàn 33 BB. Trời đã về chiều, Tiểu đoàn 6 Dù dừng lại tại đó, bố trí phòng thủ và nghỉ qua đêm, ngày hôm sau họ sẽ đánh qua bên trái đường QL. 13 để đánh giải vây cho Trung Đoàn 15 BB do Trung Tá Hồ Ngọc Cẩn là Trung Đoàn Trưởng.

Ngồi theo dõi, hứng chí khi nghe người chỉ huy la: “Đ.M... Đ.M...”. Tôi cũng la “Đ.M” theo họ. Tướng Hưng nói: “*Thôi, được rồi*”. Tôi bỏ máy, cười khoan khoái. Tin đồn lan truyền nhanh chóng, toàn An Lộc vui mừng. Sang buổi trưa ngày 8 tháng 6 năm 1972 Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù đã bắt tay được với Tiểu Đoàn 8 Dù đang chờ sẵn. Cú bắt tay lịch sử này, mang lại vinh quang cho QL/VNCH, nhưng là cái nhục cho quân Cộng sản xâm lược.



Đề ghi dấu cho Chiến thắng lẫy lừng, vang danh Quân Sư. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đã cho phát hành Hai con Tem khác nhau và cho phát hành ngày đầu tiên là ngày 25 tháng 11 năm 1972.

Bên lề 18: Khoảng 8:00 sáng ngày 7 tháng 7 năm 1972, khi tôi đang ngồi làm việc tại bàn máy điện thoại thì Đại Tá Ulmer, cố vấn trưởng Sư đoàn đến nói với tôi: “Anh phải đi khỏi nơi đây, ngay”. Tôi hỏi lại: “Tại sao?” Không trả lời, mà ông ta quay ra đi về chỗ ngồi. Tôi thấy làm lạ, tại sao các ông xếp của tôi không ai nói gì, tôi quay lại hỏi Tướng Hưng đang ngồi trên ghé bó: “Chuẩn Tướng, tại sao Cố vấn Mỹ đuổi tôi ra ngoài ngay bây giờ”. Tướng Hưng đáp: “Thì mày đi đi”. Tôi bước đi, bàn trực hành quân lúc này hoàn toàn bỏ trống, không có một ai trực. Tôi đi lên trên, đến chỗ Đại Tá Bùi Đức Diễm đang ngồi góc nhà uống cà-phê. Bên cạnh Đại Tá Diễm là anh Ngôn, một người Lao Công Đào Binh là người lo phục dịch cho Đại Tá Diễm từ mấy tháng qua. Tôi nói: “Đại Tá oi, không biết có gì lạ quá, tôi đang ngồi trực mà Đại Tá cố vấn Mỹ Ulmer đến đuổi tôi đi là sao?, tôi cũng có hỏi lại Tướng Hưng nhưng ông ấy bảo tôi, đi đi... sao vậy... à mà Đại Tá

này, tôi nghĩ hay là có thể Ông Thiệu lên đây không chừng?”. Đại Tá Điền nói: “Thằng đó chết nhất làm sao dám lên. Mà uống cà-fê không?”. Tôi đáp: “vâng, Đại tá cho một ly”. Trong khi ngồi chờ ly cà-fê, nhìn ra ngoài trời, tôi thấy trời An Lộc hôm nay mây mù giăng đầy. Ngoài kia, người đi cách xa chừng mười mét là không trông thấy người. Vài phút sau, tôi nghe tiếng trực thăng Corbra bay, tôi đoán ít nhất cũng phải hai chiếc. Chỉ nghe tiếng mà không thấy phi cơ, rồi vài phút sau đó nữa, nhìn ra hướng công, tôi thấy một xe jeep mũ trần đang đi vào. Người lái xe là Đại Tá Trần Văn Nhứt, Tỉnh trưởng Bình Long, người ngồi bên cạnh là Tổng thống VNCH Nguyễn văn Thiệu, băng ghế sau là ông Hoàng Đức Nhã, Bí thư đặc biệt của Tổng thống Thiệu. Bỏ ly cà-fê xuống, tôi la lớn: “Kìa, đứng rồi, Tổng Thống lên”. Tôi chạy ra sân và la lớn: “Anh em ơi chạy ra đón mừng Tổng Thống VNCH lên thăm nè”. La xong, tôi vẫy tay ngoác các anh em đang ngồi bố trí quanh giao thông hào, anh em chạy lên, tôi chạy đến, bồng, nâng Tổng Thống Thiệu lên. Anh em chạy lại, bồng chuyên Tổng Thống Thiệu. Nổi hân hoan sung sướng đến tột cùng. Khi đó một chiếc jeep thứ hai đi vào, trên xe có Trung Tướng Minh, Tư Lệnh QĐ III, bên cạnh là Đại Tướng Cao văn Viên, Tổng Tham Muu Trường Quân đội. Băng sau là một người Mỹ mặc bộ quần áo 4 túi màu trắng xám nhạt mà tôi không biết tên. Lúc đó, Tổng Thống Thiệu nói: “Có Đại Tướng Viên lên thăm anh em nữa nè, anh em ra chào Đại Tướng đi”. Mọi người bỏ Tổng thống Thiệu xuống và quay qua tung bê Đại Tướng Viên. Tới đó thì tôi chạy vào hầm hành quân, quang cảnh trống vắng, tôi thấy Chuẩn Tướng Tư Lệnh đã quân phục chỉnh tề đang ngồi chờ nơi bàn làm việc, tôi nói: “Thưa Chuẩn Tướng, Tổng Thống lên rồi đang ở ngoài sân đằng trước”. Chuẩn Tướng Hưng cười và nói: “OK”, rồi bước đi ra ngoài sân. Tổng Thống VNCH Nguyễn văn Thiệu và phái đoàn từ Sài Gòn lên thăm mặt trận An Lộc. Chuyến đi của Tổng thống được an toàn,

cũng may lúc Tổng Thống lên và đi thăm thì địch không pháo kích. Sang sáng ngày 9 tháng 7 năm 1972, ông Chuẩn tướng Mỹ tên Richard J. Tallman là Cố vấn phó cho Tướng Minh Tư lệnh Quân đoàn 3, cùng phái đoàn lên thăm mặt trận An Lộc. Đại Tá Cố vấn trưởng Sư Đoàn 5 BB tên Walter Ulmer (đã thay thế cho Đại Tá Miller mãn nhiệm kỳ và trở về Mỹ từ cuối tháng 4 năm 1972). Hạ Sỹ Lê văn Sáu là tài xế lái xe cho ông Đại tá cố vấn Ulmer, anh ta đã chuẩn bị xe để chở ông cố vấn sang sân bay B.15 đón phái đoàn cố vấn từ Biên Hòa lên. Trực thăng đáp xuống sân bay, phái đoàn đi bộ để vào Bộ chỉ huy Tiểu Khu. Hạ Sỹ Sáu gọi Đại Tá Ulmer lên xe Jeep, ông chần chừ một chút nhưng rồi cũng quay lại và ngồi lên xe. Một trái đạn pháo của Cộng sản pháo vào An Lộc, rơi và nổ ngay sau lưng của phái đoàn cố vấn khiến 3 Sỹ quan Mỹ, một Trung Tá, một Thiếu Tá, một Trung Úy và một Trung Sỹ Thông dịch viên tên Sơn (thông dịch viên của Tiểu Khu) chết liền tại chỗ. Ông Chuẩn Tướng Tallman thì bị thương nặng và đã chết trên phi cơ tản thương. Cố Thiếu Tướng Tallman là vị tướng Mỹ cuối cùng tử trận trên chiến trường Việt Nam. Riêng Đại Tá cố vấn Ulmer thì an toàn trong cuộc pháo kích đó. Trở về hầm làm việc, ông ôm hôn anh Hạ Sỹ Sáu tới mấy lần để cảm ơn, nhờ anh ta gọi trở lại xe jeep mà ông cố vấn này thoát chết.

Ngày 17 tháng 7 năm 1972, SĐ 5 BB được trực thăng vận về Lai Khê và SĐ 18 BB của Chuẩn Tướng Lê Minh Đảo vào thay thế nhiệm vụ trên An Lộc.

Santa Ana, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Phạm Minh Huyền

*Sỹ Quan Hành Quân Không Trạ - Phòng 3
Bộ Tư Lệnh SĐ5BB*

*(Được ghi lại theo trí nhớ về một trận chiến
lầy lừng trong Quân Sĩ của QL/VNCH*

Gửi Em Cô Gái Bình Long

Biệt Kích Vô Danh



*Vinh Danh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa
Thấp Nén Hương Tượng Niệm Tử Sĩ Anh Hùng*



Ngoài câu thơ bất hủ:

*“An Lộc Địa sử lưu chiến tích
Biệt Cách Dù vị quốc vong thân”*

Mà cô giáo Pha để lại trên tấm bia trước nghĩa trang Biệt Cách 81 Dù tại An Lộc còn có một bài thơ khác của cô viết tặng cho binh chủng kiêu hùng này của QĐVNCH.

*Anh Biệt Kích hề ngàn xưa bất hủ
Em thực nữ hề trong trắng ngoài xinh
Ta quen nhau hề Lý Bạch lưu linh
Khi chợt tình hề khối tình trong mộng
Em chỉ muốn hề thương chàng qua bóng
Để rồi mơ hề rồi mộng rồi mơ
Biệt Kích ơi hề tâm ý thành thơ
Xin gửi đó hề chừ thương nhớ mãi.”*

Cô Giáo Pha

Bài thơ dưới đây của một người lính Biệt Kích vô danh. Anh là một hạ sĩ trẻ của biệt-đội I. Tháng 1/75 nhảy vào Phước Long. Bị thương và bị bắt. Trong giờ phút cuối cùng

của đời người, anh đã cố viết được một bài thơ rất cảm động với mong muốn gửi tặng cô giáo Pha.

Anh ấy đã chết sau đó 8 ngày và bài thơ đã được giao lại cho một người bạn đồng cảnh ngộ. Và anh bạn ấy đã học thuộc lòng mang tới vùng đất Tự Do từ lao tù CS.

Tựa bài thơ đó là “*Gửi Em Cô Gái Bình Long*”.

Thơ rằng:

*“Nhớ theo Hồ Xám vào An Lộc
Đội pháo trên đầu như đội mưa
Múa kiếm đứng ngăn thù cửa Bắc
Mà tưởng mình là Nguyễn Huệ xưa.
Trong tiếng đạn reo mù khói trận
Bỗng gặp em, cô giáo như mơ
Em ngồi rũ tóc trong hầm tối
Đọc tiếng kinh cầu, như đọc thơ”.*
*“Lạy Chúa con là người ngoại đạo
Nhưng tin có Chúa ngự trên trời*

C

Chúa ơi, Biệt Kích là thi sĩ
Thi sĩ cầm gươm như đi chơi”.
“An Lộc địa sử lưu chiến tích
Biệt Cách Dù vị quốc vong thân”
Lời thơ hôm ấy sao hay quá
Nghĩa trang buồn như tiếng lá rơi.
Pha hồi, bây chừ em đâu nhỉ?
Cô giáo hôm xưa đã lấy chồng?
Chúc em hạnh phúc răng long bạc
Còn anh hôm nay vào Phước Long.
Anh theo quân vào nơi hiểm địa
Hét tiếng xung phong đến vỡ trời
Bắn cháy xe tăng như uống rượu
Mà tưởng em đang rót chén mời.
Bóng địch chập chùng nơi cửa ngõ
Ba trăm quân đánh một sư đoàn
Mãnh hổ nan địch quân hồ bại
Anh thối binh về mà thấy oan.
Nửa chừng lại gặp cơn bão lửa
Toán Delta bị kích giữa đàng

Ôi lại Phước Long lưu chiến tích
Anh bị trúng đạn giữa rừng hoang.
Và chừ giờ đang ngồi bó gối
Tay xích chân xiềng trong trại giam
Máu bụng vẫn tuôn ra như suối
Anh biết mình thôi thế là tan.
Nhưng giây phút cuối anh vẫn nhớ
Màu áo hoa dù nón mũ xanh
Nhớ dáng em xưa cô giáo nhỏ
Họa bút thành thơ như tiếng oanh.
“Túy ngọa sa trường quân mạc tiểu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi”
Sá gì một cõi đi về đất
Biệt Cách lưu danh, Biệt Kích đời.”



Đại Đội 50 - Tiểu Đoàn 5 Quân Y

Sư Đoàn 5 Bộ Binh - Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa

Nguyễn Nam Hùng

Nhắc đến Sư Đoàn 5 Bộ Binh (SĐ5BB) ai cũng liên tưởng đến Mùa Hè Đỏ Lửa 1972.

Mùa hè bị đốt phá bởi 3 trận chiến khốc liệt: Bình Long An Lộc, Kontum và Quảng Trị.

Chiến sự thế giới đã xếp chiến trường Bình Long An Lộc vào loại độc nhất, quan trọng cho sự sống còn của Việt Nam Cộng Hòa (VNCH). Cộng quân đã thất bại về quân sự, nhân mạng và chính nghĩa.

Tôi được tăng phái lên An Lộc từ bệnh xá SĐ5BB ngày 4 tháng 4 năm 1972 theo lệnh của y sĩ Đại Úy Tiểu

Đoàn Trưởng Vũ Thế Hùng. Tiểu Đoàn 5 Quân Y phối hợp công tác với bệnh viện Tiểu Khu Bình Long (BVTKBL). Bệnh viện Tiểu Khu Bình Long chăm sóc dân sự: nội, ngoại, sản, nhi khoa, nha khoa, các Địa Phương Quân và dân tộc thiểu số. Đại Đội 50 Quân Y thuộc Tiểu Đoàn 5 Quân Y được phép sử dụng phòng hành chánh và ngoại chẩn làm phòng cấp cứu, tiểu phẫu, kho thuốc dã chiến. Đại Đội 50 Quân Y có trách nhiệm cấp cứu, tiểu phẫu, băng bó, lựa thương, chuyển thương bệnh binh nặng nhẹ từ các đơn vị tham chiến của Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân - Chiến Đoàn 52 Sư Đoàn 18 Bộ Binh - Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù (Tiểu Đoàn 1, 6, 8)

- Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù.

Lộc Ninh thất thủ.

Bên ta mất Chiến Đoàn 52 Sư Đoàn 18 Bộ Binh, Trung Đoàn 9 Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Thiết Đoàn 1 Kỳ Binh. Hai y sĩ Tiểu Đoàn 5 Quân Y bị VC bắt làm tù binh, đưa qua biên giới Kampuchia. Bác sĩ Cao Phú Quốc, bác sĩ Thùy chạy thoát về thị xã An Lộc.



Đêm 13 Tháng 4, 1972 cộng quân tấn công đợt 1 với trận mưa pháo trên 8,000 quả đủ loại vào thị xã An Lộc từ 11 giờ đêm đến 5 giờ sáng. Vừa dứt

mưa pháo, các loại tăng T-54, PT-76 ồ ạt xâm nhập thị xã với bộ binh và các tiểu đoàn đặc công từng thiết. Nhiều chiếc tăng T-54, PT-76 bị bắn cháy bởi M 72 của các chiến sĩ anh hùng tử thủ An Lộc. Trên vòm trời An Lộc, các phi công thuộc Không Quân Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ tiêu diệt các đoàn tăng địch trông rất ngoạn mục. Nhiều phi vụ pháo đài bay B-52 can thiệp để tiêu diệt các đợt xâm nhập của cộng quân. Bệnh viện tiểu khu Bình Long bị trúng pháo kích vào phòng giải phẫu lớn, phòng nha khoa và phòng quang tuyến X. Sau đó 3 bác sĩ Quý, Chi, Phúc được Đại Tá Trần Văn Nhựt, tỉnh trưởng Bình Long, cho phép

thiết lập trạm cấp cứu trong hầm chìm của Tiểu Khu Bình Long.

Tổng kết trong thời gian đầu, hàng trăm thương binh được đồng đội các đơn vị khiêng cáng hoặc chở bằng xe Jeep dính đầy bùn, àoạt chuyển về bệnh viện tiểu khu, để hy vọng được cấp cứu, tiểu phẫu, băng bó. Họ đã từ các đơn vị can trường Biệt Động Quân, Sư đoàn 18, Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Vết thương của các chiến binh đó có đủ loại: Vết thương bụng lòi ruột bầy nhầy, loang lổ máu đỏ tươi, vết thương đầu, nơi vùng ngực, có anh cụt chân, cụt tay... Bác sĩ Tích, tôi và các toán y tá tích cực tiểu phẫu liên tục, lựa thương, chuyển thương binh nặng từ bệnh viện tiểu khu Bình Long ra bãi đáp trực thăng để được chuyển về bệnh xá Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Phạm Bá Lương. Các anh y tá, tài xế thuộc Đại Đội 50 / Tiểu Đoàn 5 Quân Y liềm mình phóng xe Jeep, Dodge Hồng Thập Tự giữa tiếng hú rợn gáy, nối tiếp với tiếng nổ âm vang của pháo địch. Nhóm tài xế xe Jeep, Dodge Hồng Thập Tự đôi khi phải chào thua các thương binh khác đã nhanh chân phóng lên đeo cang trực thăng vừa đáp xuống. Đáng thương thay cho các thương binh nặng còn lại, phải được chuyển trở về bệnh viện tiểu khu. Họ tạm trú nằm chờ qua đêm với hy vọng được trực thăng bốc đi sáng sớm hôm sau.



Ký giả Gerard Hebert của Canada, theo sát Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân, bị một vết thương xuyên thấu (plaie en seton) ở xương

đòn gánh trái. Tôi phải tiểu phẫu anh trong tư thế ngồi xổm trên mặt đường lộ, tràn ngập các thương binh nặng, nhẹ nằm la liệt. Bất ngờ một tiếng hú đạn pháo vang lên, tôi vội đẩy mạnh thân mình to lớn của Gerard Hebert nằm sát mặt đất. Tôi vội nghiêng thân mình xuống trong chiếc áo giáp, một phần nằm trên thân mình của Gerard Hebert. Tối hôm đó tôi cho Gerard Hebert nghỉ ngơi trong phòng làm việc của bác sĩ Chí. Suốt đêm đó tôi, bác sĩ Thùy, nha sĩ Tài và một em gái học sinh cùng ngồi dựa lưng trong vách tường phòng để ngủ đi qua đêm.

Sáng hôm sau tôi chỉ hỏi Gerard Hebert:

- Ông có viết bài nói xấu về quân đội VNCH không?

Đa số các anh ký giả “mù” ngoại quốc thường lấy tin chiến sự ở khách sạn Continental, các quán cà phê Givral, Brodard để viết lên những bài phóng sự “ruồi”, mô tả các trận chiến tại Việt Nam.

- Tôi là ký giả tự do, tôi không làm cho Reuter, AP... Bài phóng sự tôi viết mỗi chữ là 2.00 đô la Mỹ.

Ngày 15 tháng 4, 1972 địch tấn công đợt 2.

Mở màn bằng mưa pháo, ban ngày pháo lai rai, ban đêm pháo mạnh như thác đổ từ 10 giờ đêm đến 5 giờ sáng. Các anh y tá Minh, Đồng, Chánh, Trung Sĩ Hải kho dược bệnh xá Sư Đoàn 5 Bộ Binh, phải cấp tốc đào hầm trú ẩn dã chiến, dài 2 mét, cao 1 mét, ngang 1.5 mét. Trên nắp hầm là giường sắt bệnh nhân. Trên giường sắt chõng chát các Dịch Truyền Dextrose, Ringer Lactate, băng gạc, compress, băng tam giác cấp cứu, thuốc kháng sinh. Các thùng sắt tròn đựng alcohol được xếp chõng lên cao từ mặt đất lên trần nhà. Nếu chẳng may có một viên đạn pháo rớt ngay vào các thùng alcohol đó anh em chúng tôi sẽ bị thiêu sống ra tro. Gọi là hầm nổi cho oai, thực sự được dàn

dựng bằng 2 chiếc giường sắt bệnh viện kê song song. Một bên dành cho tôi, bác sĩ Thùy, bác sĩ Tích và bà xã. Chị Tích đang mang bầu 3 tháng lúc đó. Một bên giường kia dành cho 3 anh y tá Minh, Chánh, Đông và Trung Sĩ Hải. Mỗi đêm chúng tôi đổ giấc ngủ bằng bằng cách kể chuyện tiếu lâm cho nhau nghe cho đến khi sụp mí mắt ngủ khò.

Tổng kết cuộc tấn công của địch lần 2, bên ta có hàng trăm thương binh đủ loại. Các vết thương đầu, ngực, bụng, cụt tay, cụt chân được đưa về bệnh viện tiểu khu. Tôi, bác sĩ Tích và các anh y tá làm việc cấp cứu, tiểu phẫu, băng bó không ngớt tay. Lạ thương, tản thương liên tục. Xe cứu thương chạy tới lui từ bệnh viện tiểu khu đến bãi đáp trực thăng tải thương UH-1 liên hồi. Lúc chuyển thương thành công, các thương binh nặng được đưa về căn cứ Lai Khê, bệnh xá Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Phạm Bá Lương. Bệnh Viện 3 Dã Chiến Bình Dương có nhóm các bác sĩ chuyên môn giải phẫu kỹ thuật tăng cường cho bệnh xá Sư Đoàn 5. Lúc chuyển thương thất bại, các thương binh nặng phải được chuyển trở lại bệnh viện tiểu khu để nằm chờ các chuyến trực thăng hôm sau. Nhiều thương binh nặng phải chịu chết lần hồi vì kiệt sức và bội nhiễm, nằm dài dọc theo hành lang bên ngoài bệnh viện. Mùi tử khí nồng nặc bốc lên từ những xác chết chưa kịp chôn. Đại Tá Bùi Đức Diễm phải đích thân dùng xe ủi đất



Một cảnh xe cấp cứu trên Quốc Lộ 13 - 1972

dân sự, đào nhiều hố lớn để chôn tập thể các chiến sĩ anh hùng tử thủ An Lộc. Ông và toán lao công đào binh đã can đảm đào xới không mệt mỏi dưới những cơn mưa pháo khủng khiếp không ngừng của Cộng quân.

Tôi đích thân kiểm soát từng thương binh nặng nằm dọc theo hành lang

bệnh viện mỗi đêm. Đôi mắt nào mở toang hoác: linh hồn người đó đã được về cõi vĩnh hằng nơi Nước Chúa hoặc siêu thoát về Cõi Phật. Không biết bao lần tôi đã làm dấu Thánh Giá để tiễn đưa linh hồn những người lính trẻ trong suốt thời gian An Lộc bị bao vây.

Ngày 18 tháng 4, 1972 địch tấn công đợt 3.

Màn mưa pháo tiếp tục tái diễn. Cường độ pháo đập mạnh hơn 2 lần trước, đạn pháo đủ loại 122 ly, 106 ly, cối 82 ly. Những mảng pháo rơi khắp nơi, nghe lớp độp trên mái tôn của bệnh viện tiểu khu. Nhiều ánh lửa lóe soi lập lòe rồi vụt tắt. Một đêm vào khoảng lúc 11 giờ, có tiếng gõ cửa rầm rộ bên phòng nhận bệnh của Đại Đội 50 Quân Y. Một giọng đàn ông lẫn đàn bà lên tiếng kêu xin cấp cứu. Tôi ra lệnh cho



Đồng bào An Lộc đi tản trốn pháo kích Việt cộng - 1972

anh y tá Đông mở cửa. Một sản phụ đang đau bụng sanh, được dìu bởi anh chồng cụt 1 chân vì bị mảnh pháo cắt đứt vài tuần trước, di chuyển bằng chiếc nạn nhôm. Bà cho biết bà là bệnh nhân của bác sĩ Phúc. Nhưng vì mấy ngày nay không tìm được bác sĩ Phúc, vì đau bụng quá và sợ trúng đạn pháo kích nên hai vợ

chồng đã liều mình. Họ đốt đèn dầu đi trong đêm tối trên mặt lộ đầy mảnh pháo kích rơi vương vãi, tìm hướng về bệnh viện tiểu khu xin cấp cứu.

Tôi trấn an: “Tôi sẽ giúp chị sanh em bé.” Tôi yêu cầu người chồng về nhà nghỉ ngơi, sáng mai trở lại đón em bé về. Tôi cũng xin cáo lỗi với chị ấy trước với lý do: phải giúp chị sanh nở trên sàn nhà gạch bông, được phủ đầy một lớp băng dầy cộm. Vì cả ngày anh em chúng tôi quá bận lo cấp cứu hàng trăm thương binh được chuyển về bệnh viện. Tình chiến hữu, nghĩa đồng bào. Tôi khám thai và cho chị ấy biết là em bé sẽ chào đời trong vài phút nữa thôi! Tôi chuẩn bị một chai dịch truyền Dextrose 1 lít treo sẵn ở cần câu. Phòng nhận bệnh tối đen vì không có điện. Với ánh đèn soi loe loét từ cục pin của máy truyền tin do một anh y tá sáng chế. Tôi chọc phá túi nước ối để sản phụ dễ sanh. Sản phụ thấy đau ngang thắt lưng, tôi yêu cầu sản phụ hít một hơi thật sâu, rặn thật mạnh. Đầu em bé chui ra một nửa, tôi xoay đầu em bé vừa đủ để chị ấy rặn thêm một lần nữa, em bé vọt ra thật mạnh. Tôi đỡ em bé trong vòng tay, dốc ngược và vỗ vô đít thật mạnh. Tiếng khóc oe oe chào đời của em bé át hẳn tiếng pháo âm âm của địch bên ngoài! Tôi báo tin chị sanh con trai và chúc mừng chị. Một tương lai mới của Quân Lực VNCH, tôi thầm nghĩ.

Vì vội vàng đi đến bệnh viện, chị đã không chuẩn bị quần áo cho cháu bé. Tôi dùng khăn tam giác màu kaki thường được dùng để băng các vết thương gãy ở cánh tay. Tôi khoét 2 lỗ tròn, làm áo che ngực cho cháu. Còn băng hình tam giác thứ hai được chế thành tấm tả cho bé. Chị âu yếm hôn con, bắt chấp các tiếng pháo

nổ âm vang của địch từ bên ngoài bệnh viện. Chừng nửa giờ sau, bánh nhau lọt ra khỏi thân mình sản phụ. Tôi kiểm tra lại bánh nhau 100% nguyên vẹn. Sản phụ mất máu và mất sức nhiều, tôi phải thêm truyền dịch Dextrose 5%, trong bối cảnh ngọn đèn lờ mờ của cục pin sắp hết. Sáng hôm sau người chồng đến đón hai mẹ con. May mắn cho tất cả, “mẹ tròn con vuông”.

Tiền chân anh chị và cháu bé mới sanh, tôi thân tặng họ một hộp sữa Ông Thọ mà mẹ tôi thường gói nhét trong ba lô những lần về phép thăm nhà cuối tuần.

Một ngày như mọi ngày, An Lộc tiếp tục chìm đắm trong khói lửa chiến tranh. Địch vẫn tiếp tục chiến thuật tiền pháo hậu xung. Ban ngày pháo lai rai, ban đêm tập trung hỏa lực pháo liên tiếp không ngừng, luôn xảy ra từ lúc đêm khuya đến gần sáng. Bộ binh địch có tăng T-54, PT-76 cùng các tiểu đoàn đặc công VC, xiết chặt vòng vây thị xã An Lộc. Các đợt tấn công của địch đều bị tiêu diệt bởi tinh thần chiến đấu dũng cảm, oai hùng của các đơn vị phòng thủ và giải vây thị xã, Quân Dân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa. Vì dân quyết chiến, vì Nước quên mình. Pháo đài bay B-52 của Không Lực Mỹ đã đóng một vai trò quan trọng trong những phi xuất đánh bom kinh hoàng, chặn đứng làn sóng tiếp viện của địch từ xa. Tổng kết số thương binh được đưa về bệnh viện tiểu khu mỗi ngày trên dưới 100 người, theo như sổ ghi chép của các y tá trong Đại Đội 50 Quân Y.

Từ mỗi sáng sớm, tôi, bác sĩ Tích và các y tá luôn phiên làm công việc cấp cứu thương binh. Tiểu phẫu, băng bó, truyền dịch Dextrose, Ringer Lactate cho hàng trăm người, từ nặng đến nhẹ được đưa về từ các trận giao tranh đẫm máu trên đường, góc phố An Lộc, hơn hẳn trận



Một góc cảnh hoang tàn đổ nát của thành phố An Lộc sau khi bị Việt cộng pháo kích thành bình địa, giết chết hàng chục ngàn dân lành vô tội - 1972.

tổng công kích Tết Mậu Thân 1968. Các xe cứu thương không ngừng chuyển tiếp các thương binh nặng từ bệnh viện tiểu khu ra bãi đáp trực thăng xuyên qua các làn mưa pháo của địch.

Một buổi sáng lúc 8 giờ, Hạ Sĩ Mai y tá gõ cửa báo tin có bác sĩ Cao Phú Quốc muốn gặp tôi.

Tôi cũng vừa thức giấc và chuẩn bị ăn sáng. Tôi mời bác sĩ Quốc một chén mì gói được nấu bằng bông gòn tẩm alcohol. Hai anh em cùng nhắc đến chuyện vui của những lần đi công tác Vùng 4 Cần Thơ. Trước khi ra về, tôi đã cung cấp thêm cho anh Quốc một số thuốc kháng sinh, dịch truyền Dextrose, Ringer Lactate, kim chích... để dành thêm cho Đại Đội 183 Quân Y, đang thiếu hụt trong nhu cầu cấp cứu.

Khoảng 11 giờ 30 cùng ngày, Hạ Sĩ Mai cấp báo cho tôi biết là bác sĩ Quốc vừa bị trúng đạn pháo kích trên đường về vị trí đóng quân của Đại Đội 183 Quân Y. Tôi lặng người gần như tê liệt rất lâu! Cái chết đến quá nhanh trong tích tắc! Tôi thầm cầu nguyện cho vong linh anh Quốc sớm được vào nước Thiên Đàng. Ba hôm sau, mộ phần của anh bị trúng một quả pháo lần thứ hai. Thêm “Một người chết hai lần” trên chiến trường An Lộc, bác sĩ Cao Phú Quốc.

Ngày 13 Tháng 5, 1972, địch tấn công đợt 4.

Vẫn tiếp tục chiến thuật tiền pháo hậu xung, cộng quân mở đầu với hỏa lực mạnh hơn, tăng cường độ pháo kích với hơn 10,000 quả, hỏa tiễn 122 ly, pháo 106 ly, cối 82 ly, từ đêm khuya cho đến rạng sáng. Toán quân y phải xuống trọn dưới hầm chìm, ngồi xôm liên tục...mạnh ai nấy lo dâng lời cầu nguyện.



Riêng tôi mồ hôi vã ra như tắm, vừa nóng, vừa chuẩn bị cho phần linh hồn trước hoàn cảnh nguy hiểm đó. Con xin phó thác linh hồn con cho Chúa, Mẹ Maria xin cứu con. Một tiếng động thật mạnh, một khối sắt hực lửa xuyên qua mái tôn rơi xuống sàn gạch bông phòng cấp cứu... tôi thiếp đi đến sáng. Khối lửa đem

qua chính là một đầu đạn hỏa tiễn 122 ly bị tịt ngòi, phá một lỗ thủng trên một góc tường của bệnh viện.

Sau ngày 14 Tháng 5, 1972, y sĩ Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 5 Quân Y, Vũ Thế Hùng đến thăm bệnh viện tiểu khu trong

cảnh hoang tàn đổ nát của bệnh viện với hơn một nửa đoàn xe cứu thương đã không còn sử dụng được. Bác sĩ Tích, chị Tích và tôi đề nghị xin chuyển tất cả qua hầm chìm trong bệnh viện tiểu khu để hoạt động cấp cứu. Tình hình chiến sự lắng dịu, địch đồng loạt rút lui trong thảm bại ê chề. Bình Long An Lộc đứng vững oai hùng và chiến tích đó đã đi vào quân sử Việt Nam Cộng Hòa bất diệt.

Ngày 7 Tháng 7, 1972, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã xuống trực thăng ngay bãi đáp trong tiểu khu. Ông hãnh diện vinh danh tất cả các chiến sĩ tử thủ An Lộc và đặc một danh hiệu cho chiến trường đó: “Bình Long Anh Dũng”. Mỗi chiến binh được thăng lên một cấp.

Hai hôm sau, sáng ngày 9 Tháng 7, 1972, Chuẩn Tướng Mỹ Richard Tallman đáp trực thăng xuống thăm tiểu khu. Ông đi bộ cùng với 5 tùy viên và Trung Sĩ Sơn thông dịch viên. Một tiếng rít xé gió tiếp theo một tiếng nổ âm vang vội! Hai người lính Địa Phương Quân

kiêng cáng một quân nhân Mỹ vào phòng cấp cứu. Tôi đang ở trong phòng chìm, lật đặt hồi hải chạy theo sau cáng khiêng, rồi cấp tốc chỉ thị các anh lính đặt Chuẩn Tướng Tallman lên bàn giải phẫu liền sau đó. Bắt mạch, kiểm tra các vết thương toàn thân ông ta. Nghe nhịp tim đập rất yếu, tôi liền yêu cầu anh Ba Sàm chuyên viên tê mê (anesthetic), truyền dịch Dextrose và Ringer Lactate gấp. Vô số vết thương nhỏ ghim sâu trên lồng ngực và cổ. HA: 60/40mmHg. Mắt: mydriase 2 bên. Tôi liền chích thuốc trợ tim và Solucortef 100mg. Bác sĩ Phúc xuất hiện ngay sau đó bên cạnh Tướng Tallman để quan sát, và ra lệnh xin trực thăng chuyển gấp ông Tướng ấy về Bệnh Viện 3 Dã Chiến. Trên đường về bệnh viện, Tướng Richard Tallman đã trút hơi thở cuối cùng trên vòm trời xanh thẳm An Lộc. Ông Tướng Mỹ cuối cùng bị tử trận trên chiến trường Việt Nam.

Ngày 20 Tháng 7, 1972. Bác sĩ và chị Tích cùng tôi được trở về hậu cứ Sư Đoàn 5, Lai Khê. Mẹ tôi bất ngờ ra đón trước căn phòng tôi ở. Phòng này do bác sĩ Lãng tạm trú trong suốt thời gian tôi làm “người hùng bắt đắc dĩ” trên chiến trường An Lộc. Niềm vui khôn tả khi gặp lại được người mẹ kính yêu, hy sinh cho con, tất cả vì con. Mẹ Việt Nam bất khuất. Bố tôi cũng luôn cầu nguyện tại nhà thờ La Vang, xin ơn bình an cho đứa con trai hiếu thảo. Tôi xin ghi ân Trung Tá và chị Nguyễn Văn Hiền đã giúp đỡ bố mẹ tôi, giúp liên lạc với tôi qua đường dây hotline trong những ngày An Lộc bị cộng quân bao vây.

Quả đất tròn. Năm mươi năm sau tôi hân hạnh được đại gia đình Tướng Richard Tallman, con trai, con gái, các cháu nội ngoại, đón tiếp tại tư gia ở Boulder, Colorado-Hoa

Kỳ. Con trai ông, Đại Tá Joe Tallman đã về hưu, lắc lắc cườm tay trái hỏi tôi một cách thân thiện: “Anh còn nhớ cái này không? Kỷ vật của cha tôi đó.” Tôi quay lại ký ức, gật đầu mang máng nhớ lại một anh chàng lính Mỹ tôi đã cấp cứu ngày nào trên chiến trường An Lộc. Một chiếc đồng hồ đeo tay trông sang trọng và quá đẹp.



Hôm 13 Tháng 5, 2022, lễ kỷ niệm 50 năm chiến thắng An Lộc được tổ chức tại quận Cam, Nam Cali có đại gia đình ông Tướng Richard Tallman và bạn bè ông tham dự. Cháu nội ông Tướng Tallman, hiện là Thiếu Tá Nhảy Dù của quân đội Mỹ, đại diện tất cả gia đình lên phát biểu đôi lời cảm ơn đến các người lính VNCH đã tham chiến tại An Lộc. Một cuộc chiến đầy chính nghĩa để bảo vệ thế giới tự do. Cũng trong dịp này, con gái tôi Dorothy và chồng được dịp hãnh diện, chia sẻ niềm vui kỷ niệm chiến thắng An Lộc của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, một trận chiến được đưa vào quân sử các chiến trận nổi danh trên Thế Giới.



Chiến sử Bình Long An Lộc được vinh dự khắc ghi tên Chuẩn Tướng Richard Tallman vào danh sách các Tướng Mỹ đã hy sinh tại Việt Nam. MAY GOD BLESS AMERICA FOREVER.

Trước anh linh các chiến sĩ anh hùng tử thủ

Bình Long An Lộc, tôi thành kính nghiêng mình, kính chào, ngưỡng mộ sự hy sinh cao cả của các anh, các chị và đồng bào địa phương tỉnh Bình Long mến yêu.

Nguyện cầu Hội Ái Hữu Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, luôn phát triển, nối kết tình chiến hữu rải rác khắp nơi trên thế giới, nêu cao tinh thần chính nghĩa quốc gia và mạnh dạng đứng lên, hùng mạnh tung ca bản Quốc Ca Việt Nam Cộng Hòa: “Này Công Dân Oi Quốc Gia Đến Ngày Giải Phóng...”

Ước mong các bạn trẻ thế hệ hậu duệ Việt Nam Cộng Hòa hãy cùng tiếp ứng chúng tôi tiến bước lên đường đấu tranh để quang phục lại quê hương Việt Nam. “Ngày bao hùng binh tiến lên...”

(Nguyễn Nam Hùng, y sĩ trưởng bệnh xá Phạm Bá Lương, Sư Đoàn 5 Bộ Binh QLVNCH)

Tháng Tư, 2023

* * *

Nhớ Mãi Tình Cha

Tình Cha vẫn mãi theo con
 Tình cho dân tộc nước non gia đình
 Một đời Cha đã hy sinh
 Tuổi xuân cầm súng giữ gìn Miền Nam
 Chống loài Cộng Sản hung tàn
 Chống quân xâm lược phá làng giết dân
 Noi gương các bậc tiền nhân
 Xông pha lửa đạn tiến quân sa trường
 Rồi trong nghịch cảnh tang thương
 Súng gươm bỏ lại chiến trường năm xưa

Lao tù Cộng Sản đẩy đưa
 Tình nhà nợ nước vẫn chưa vẹn lòng
 Mẹ già mỗi mắt chờ trông
 Con thơ vợ trẻ nhớ mong đêm ngày
 Khổ đau năm tháng tù đày
 Khí hùng giữ trọn giữa bầy Cộng nô
 Ngày về nước mắt cạn khô
 Mẹ già đã khuất năm vô ngục tù
 Nghẹn buồn nhớ mẹ ngàn thu
 Những thương yêu cũ viễn du xa vời
 Vợ gầy tàn tạ giữa đời
 Đàn con nay đã qua thời ấu thơ
 Hạnh phúc thôi chỉ là mơ
 Cộng Sản thối nát vét vợ dân lành
 Cho con lẽ nghĩa học hành
 Cơm no áo ấm trở thành người ngay
 Cha nào quản ngại đêm ngày
 Bương chải giúp vợ, vun đầy yêu thương
 Dạy con qua những tấm gương
 Tiền nhân vị quốc chống phường xâm lăng
 Dạy lời các bậc thánh nhân
 Ông Cha bảo quốc an dân năm nào
 Cháu con luôn mãi tự hào
 Ông Cha là những Vì Sao Cộng Hòa
 Dù cho năm tháng trôi qua
 Hy sinh người lính Cộng Hòa quang vinh
 Sống cho không thẹn với mình
 Sống cho dân tộc gia đình nước non
 Giờ Cha đã mãi không còn
 Lời Cha vẫn mãi theo con suốt đời.

Hùng Biên

Atlanta 02/02/2016

Đại đội 4/52 BĐQ Tại chiến trường An Lộc - 1972

BĐQ Đoàn Trọng Hiếu

40 năm nhìn lại trận chiến Bình Long trong phạm vi của một đại đội trưởng BĐQ đã từ thù từ ngày đầu cuộc chiến mùng 6 tháng 4 năm 1972 đến ngày 5 tháng 7 năm 1972. Viết lại để tưởng nhớ đến 9 chiến hữu thuộc ĐĐ4 và tổng cộng 89 chiến hữu Tiểu Đoàn 52 Biệt Động Quân đã hy sinh trong những ngày máu lửa này.

o o o

Cuối tháng 3/1972, đang từ vùng hành quân Kampong Trabek trên lãnh thổ Kampuchia, toàn bộ LĐ3 BĐQ được lệnh bàn giao cho SĐ25 BB rồi rút về tái trang bị và bổ sung quân số chuẩn bị cho một nhiệm vụ khác. Khi tiểu đoàn 52 BĐQ nghỉ dưỡng quân tại Suối Đá, cách chân núi Bà Đen chừng 3km, đại đội được phân ra làm hai cho đi phép 3 ngày mỗi đợt. Sau hơn một tuần, hầu như mọi quân nhân đã trở về đơn vị, tái trang bị đạn dược và với 7 ngày lương tươi (gạo, trái su, cá khô đù) sẵn sàng chờ lệnh hành quân.

Ngày 6 tháng 4 năm 1972, lệnh hành quân được ban ra, toàn bộ Liên Đoàn được tăng phái cho SĐ5 BB tại Bình Long. Lúc này Việt Cộng đang gia tăng áp lực lên các Trung Đoàn 9 SĐ5 và Trung Đoàn 52 SĐ18 tại Snoul (Kampuchia) và khu Bù Đẳng – Bù Đốp.

Đúng 12 giờ trưa, ĐĐ4/52 của chúng tôi là đơn vị đầu tiên của Liên Đoàn được trực thăng vận từ Tây Ninh vào An Lộc, Bình Long. Khả

năng tham chiến của đại đội lần này là 89 người, quân số mà kể từ ngày ra trường năm 1968 đến nay tôi chưa bao giờ thấy được ở đơn vị này, lần này chúng tôi phải xử dụng đến 12 chiếc trực thăng để chuyên quân.

Ngang qua không phận Dầu Tiếng, nhìn dãy núi Voi và những cánh rừng cao su bạt ngàn bên dưới, tôi lại nhớ đến những ngày giày sô bê bết đất đỏ của vùng Long Khánh, đến những cơn run vì sốt rét đã khiến Tiểu Đoàn 52 Biệt Động Quân chúng tôi đang từ danh hiệu “Sấm Sét Miền Đông” đã được anh em đọc trại là “Sốt Rét Miền Đông”.

Nhìn về hướng đông, đỉnh Bà Rá Phước Long thấp thoáng dưới những đám mây trắng. Sau hơn nửa giờ bay, đoàn trực thăng hạ dần cao độ, thị trấn An Lộc được bao bọc chung quanh bởi những cánh rừng cao su ngút ngàn đã hiện ra bên cánh trái, trực thăng vòng qua phía Quán Lợi rồi chúi xuống sân bay An Lộc. Khi càng trực thăng vừa chạm mặt đất cũng là lúc hàng chục trái hỏa tiễn rớt vào An Lộc như thể chào đón chúng tôi. Phóng mình ra khỏi phi cơ, cả đại đội lao vội vào các công sự phòng thủ hai bên sân bay để tránh pháo, đạn pháo vọt qua đầu rớt vào trong thị trấn. Ngày hôm sau được biết có một cô giáo chết và vài người dân bị thương vì loạt đạn pháo này.

Cũng như Tây Ninh, Bình Long là một thành phố mà không khí chiến tranh luôn bao

trùm suốt bao năm qua, không nhà nào không có hầm chống pháo kích kiên cố. Người dân quá quen với những tiếng “đề pa” xuất phát từ trong rừng, không la hét quỳnh quáng như người dân ở một vài thành phố an bình khác, mà chỉ bình thản hô lớn “pháo kích” rồi chạy vào hầm phò mặc cho “Trời gọi ai nấy chịu”. Nếu có ai bị thương vong trong các cuộc pháo kích bừa bãi này thì họ xúm lại hỏi thăm chia buồn rồi sau đó mọi sinh hoạt lại trở lại bình thường.

Sau khi pháo tạm ngưng, chúng tôi được lệnh tiến về phía đông bắc sân bay chừng hơn 500 thước, bố trí và đào hầm hố phòng thủ tại đây. Sau đó, từng đợt đổ quân tiếp tục cho đến chiều tối thì toàn bộ Liên Đoàn 3 BĐQ chúng tôi đã hoàn tất cuộc chuyển quân và các đơn vị đã vào vị trí phòng thủ. Cả buổi chiều chiếc xe lam phóng thanh của Ty Thông Tin Bình Long chạy qua lại phát đi lời kêu gọi của Đại Tá Trần Văn Nhật tỉnh trưởng Bình Long: “Đồng bào an tâm! Đã có các chiến sĩ Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân vào giữ an ninh và bảo vệ đồng bào. Ngày mai yêu cầu mọi sinh hoạt hãy trở lại bình thường”.

Ngay sau lời kêu gọi thì một số đơn vị phải di chuyển ngang qua thành phố. Có nhiều nữ sinh mang kem và bánh kẹo đồ ra đường chào đón, thật là cảm động và chí tình. Hầu như năm nào đơn vị chúng tôi cũng đều ghé ngang Bình Long ít nhất một lần, nên nơi đây đã trở nên quen thuộc. Cư dân Bình Long đa phần là gốc Quảng Bình, di cư vào Nam và được đưa lên đây định cư làm phu cạo mũ cao su từ thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Ngoài ra, trong các làng mạc, trong khu đồn điền còn có những người dân miền Bắc di cư vào từ thời “Bazanh mộ phu đồn điền”, đặc biệt là ở các Làng 5, Làng 7 trên Quận Lộc Ninh cách Bình Long 27 cây số về hướng Bắc.

Cả tiểu đoàn được lệnh lập tuyến tử thủ hàng ngang. Những tin tức về số phận của các trung đoàn bộ binh đang bị vây khốn ở biên giới Việt Miên càng làm cho tình hình thêm căng thẳng. Cả đơn vị căng mắt chờ giặc suốt đêm, tiếng “đề pa” của đạn pháo vào thành phố từ hướng đông (Hớn Quản) và từ hướng tây bắc nghe mỗi lúc một gần.

Sáng ngày 07/4/1972, chúng tôi được tin hai trung đoàn bộ binh rút lui, và được lệnh cẩn thận chờ đón anh em chạy về. Tôi nghe đầu buổi chiều có mấy chiếc M113 chạy về ngang qua cầu Cần Lê, nơi đây vẫn còn một đại đội Địa Phương Quân trấn giữ.

Đêm mùng 07/4/72, tin Quận Lộc Ninh thất thủ, tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 74 BĐQ Biên Phòng hy sinh, đại đội chúng tôi lại căng mắt chờ giặc suốt đêm. Hoả châu từ hướng Lộc Ninh lại nhiều hơn, địch cũng pháo vào thành phố nhiều hơn, lần này còn nghe cả như có tiếng “đề pa” của 155 ly đầu bạc, có lẽ chúng lấy được của các trung đoàn bộ binh. Không biết trong hai đêm qua có bao nhiêu dân thường vô tội chết vì pháo của Cộng Quân, tôi chỉ nghe tiếng khóc tiếng kêu gào vọng ra nghe quá não nề. Lại một đêm nữa căng thẳng trôi qua.

Ngày 08/4/1972, tiểu đoàn chúng tôi hoán chuyển vị trí cho TD31 BĐQ, chúng tôi phòng thủ từ nhà ga Hớn Quản trải dài xuống phía nam đến ngọn Đồi Gió. ĐĐ2 và ĐĐ1 phòng thủ dọc theo khu đường rầy xe lửa, trong khi ĐĐ4 chúng tôi giữ đồi 169, cái yên ngựa nổi với Đồi Gió, và ĐĐ3 trấn giữ trên đỉnh Đồi Gió. Kể từ hôm nay đã bắt đầu có những cuộc chạm súng nhỏ vào ban đêm giữa các tiền đồn với đám trinh sát thăm dò đường của Cộng Quân.

Đêm ngày 12/4/1972, Cộng Quân tấn công Đồi Gió và chiếm một phần ngọn đồi này. Sáng

ngày 13/4/72, ĐĐ4 được lệnh tăng cường cho ĐĐ3 phải đẩy lui cộng quân bằng mọi giá để giữ vững ngọn đồi này. Đây là điểm cao có thể chế ngự cái trảng trống ở phía đông nam nơi được chọn làm bãi đáp để đổ quân vào tăng viện cho An Lộc. ĐĐ4 chúng tôi đánh bọc lưng chừng đồi vào hông của cộng quân. Dưới sự yểm trợ của Không Quân đến khoảng 2 giờ chiều thì Cộng Quân phải bỏ chạy để lại hơn 10 xác.

Trận tổng tấn công lần thứ nhất của Cộng Quân

Đêm ngày 14 rạng ngày 15/4/1972. Cộng quân mở màn trận đánh đầu tiên trên quy mô lớn vào An Lộc. Hàng ngàn quả đạn pháo đủ loại từ hỏa tiễn 107, 122 đến pháo 130 ly, thậm chí cả pháo 105 và 155 ly chúng lấy được liên tiếp nã vào thành phố. An Lộc đã rung chuyển như có động đất, với một diện tích chỉ vỏn vẹn không đầy 1km vuông (khoảng 1.000.000 mét vuông) mà đã hứng chịu gần chục ngàn quả pháo trong đêm, chia đều ra thì cứ cách 3 mét lại hứng một quả. Đến khoảng gần 4 giờ sáng thì đoàn chiến xa cùng bộ binh địch hung hãn tiến vào thành phố từ 4 hướng.

- Phía bắc từ áp Be Moi đánh xuống dọc theo QL13 vào phòng tuyến của một trung đoàn thuộc SĐ5 BB bên phía đồi Đồng Long và vào TĐ31 BĐQ bên phía sân bay An Lộc.

- Phía nam từ dưới Xa Cam, Xa Cát dọc theo QL13 đánh lên vào phòng tuyến của BB và Địa Phương Quân.

- Phía đông từ trong Quản Lợi đánh ra vào phòng tuyến của TĐ36 BĐQ tại Sóc Gòn và TĐ52 BĐQ chúng tôi tại nhà ga Hớn Quản và Đồi Gió.

- Phía tây từ trong Phú Lố đánh ra vào phòng tuyến của một trung đoàn thuộc SĐ5 BB.

Lần đầu tiên đối diện trực tiếp với chiến xa nên thoát đầu hầu hết các đơn vị đều lúng túng. Tôi chỉ biết chiến xa địch đã lọt vào giữa thành phố, qua tiếng gầm rú ở phía sau lưng. Phòng tuyến của đại đội chúng tôi chỉ bị tấn công bằng bộ binh nhưng chúng bị chặn đứng ở dưới chân đồi, tôi bị mấy miếng B40 ghim vào cổ, nên vội vàng quấn băng cá nhân để cầm máu rồi tiếp tục chiến đấu. Đến lúc này đã có 4 bị thương trong đó có Thiếu úy Vũ Văn Nghị là đại đội phó kiêm trung đội trưởng Tr/ ĐĐ2. Thấy không thể chọc thủng phòng tuyến của chúng tôi được nên rạng sáng chúng đã rút lui.

Tuy nhiên bên cánh trái trong khu vực Sóc Gòn, chiến xa của Cộng Quân đang tấn công mãnh liệt vào phòng tuyến của Tiểu Đoàn 36 BĐQ đang chặn đường tiến của chúng từ hướng Quản Lợi vào. Đại úy Nguyễn Minh Tâm của TĐ 36 BĐQ sau nhiều giờ quần thảo với Cộng Quân, cuối cùng vì sức cùng lực kiệt, đã yêu cầu Không Quân đánh bom ngay trên phòng tuyến để ngăn chặn sức tấn công vô cùng hung hãn của Cộng Quân. Kết quả hai chiếc T54 bị bốc cháy, vài chiếc khác cùng bộ binh địch từng thiết phải tháo chạy, nhưng Đ/u Tâm và một số binh sĩ đã hy sinh trong đợt đánh bom cảm tử này.

Ngày 16/4/1972, Nhảy Dù tăng viện vào An Lộc. Từng đoàn trực thăng đổ xuống cái trảng trống hướng đông nam Đồi Gió. Khoảng 4 giờ chiều, tôi nhận được lệnh đón ĐT Lê Quang Lương, Lữ Đoàn Trưởng Dù, và sẵn sàng một trung đội để đưa ông vào gặp Tướng Lê Văn Hưng. ĐT Lương cùng một số sĩ quan tham mưu khoảng mười người từ phía Sóc Gòn đi vào. Sau khi hộ tống ông vào BTL tiền phương thì khoảng 6 giờ tối chúng tôi được lệnh giao lại phòng tuyến cho Nhảy Dù và kéo quân vào thành phố.

Lúc này trời đã xúp tối, địch đặt một cây

thượng liên ở hướng nam phía cuối con đường vòng đai thành phố bắn ngược lên, phải mất hơn một tiếng đại đội mới băng qua được con đường. Vào đến BCH/TĐ tôi chỉ kịp nhận một cái phóng đồ thành phố với một khẩu lệnh ngăn ngừa từ Thiếu tá tiểu đoàn trưởng Lê Quý Dậu,

- Mà mang đại đội vào D34, bên trái mà lại là thằng đại đội 1 nó đã vào cái D35 từ chiều. Liên lạc hàng ngang tránh ngộ nhận, hiện giờ Việt Cộng nó đã ở nhiều nơi trong thành phố, dặn dò con cái phải thật cẩn thận.

Tôi nhìn vào cái phóng đồ, từ BCH/TĐ phải băng qua hướng tây hai con đường rồi quẹo phải lên hướng bắc qua một con đường nữa mới đến cái D34 nằm bên tay trái. Không kịp giờ tay chào, tôi chỉ nói một câu ngăn ngừa “Tôi đi thiếu tá” rồi chui ra khỏi hầm, lệnh cho đại đội một hàng dọc chạy theo tôi. Khi cả đại đội sẵn sàng, tôi mở khóa an toàn cây M16 chạy đi đầu, vừa ra khỏi chùng 50 mét đã nghe tiếng hô lớn rồi một ánh đèn pin quét về phía chúng tôi

- Ai đó

- Biệt Động Quân! Tôi trả lời

- Đứng lại! Coi chừng mình.

Có lẽ họ nhận rõ chúng tôi nên người cầm đèn pin bước ra khỏi lô cốt rồi hướng dẫn chúng tôi một đoạn chùng hơn 20 mét ra khỏi khu vực phòng thủ của họ. Thấy quá nguy hiểm không thể tiếp tục chạy về hướng tây tôi chạy thẳng lên hướng bắc chùng hai trăm mét rồi cho đại đội dừng lại bố trí phòng thủ. Thì ra đây là doanh trại của một đơn vị nhỏ thuộc Liên Đoàn 73 Quân Y.

Trong lúc đang lo phòng thủ thì được Chuẩn Úy Thập Lữ báo cáo là nghe tiếng đào đất ngay bên cạnh cách xa không đầy 20 mét, tôi đánh liều bò lại gần lên tiếng:

- Biệt Động Quân đây! Ai bên đó đó

- Đại đội 4/31 của đại úy Niều

- Nói với đại úy Niều là có đại đội 4/52 bên này, nghe không?

“Hú hồn! Mà sao 31 lại ở đây? Đây là chỗ nào? Hay ông Niều cũng cứ chạy vào rồi tấp đại vào đây như mình? Nhưng dù sao thì mình cũng an tâm.” Đại úy Niều, năm 1969 là đại đội trưởng cũ của tôi khi tôi vừa ra trường cũng tại đại đội 4/52 này, sau đó ông chuyển sang TĐ31 làm trưởng ban 3. Có lẽ ông xuống làm đại đội trưởng cho anh đại đội trưởng nào bị “rách áo” hay “đi phép dài hạn” đây chăng?

“Cối Minh” đệ tử ruột cùng HS “Thường Trọc” và HS “Hòa râu” là hai người mang máy truyền tin lấy mấy cái bàn xếp chung quanh làm thành cái hầm nổi dã chiến, và tìm được một cái “nệm mút” đã rách toi tả trải ra làm chỗ trú ẩn qua đêm. Trong khó khăn nguy cấp, một chút che chắn tạm bợ cũng làm cho mình vững tin, một chút phương tiện nhỏ nhoi cũng làm cho mình hạnh phúc. Bốn anh em thầy trò chúng tôi chen chúc nhau ngả lưng chập chờn, mặc kệ không cần đếm xỉa đến những tiếng “đè pa” và tiếng nổ chung quanh có khi chỉ cách vài chục thước, “Trời gọi ai nấy dạ” mà. Cả đêm địch pháo cầm chừng nhưng cũng chừng vài trăm quả.

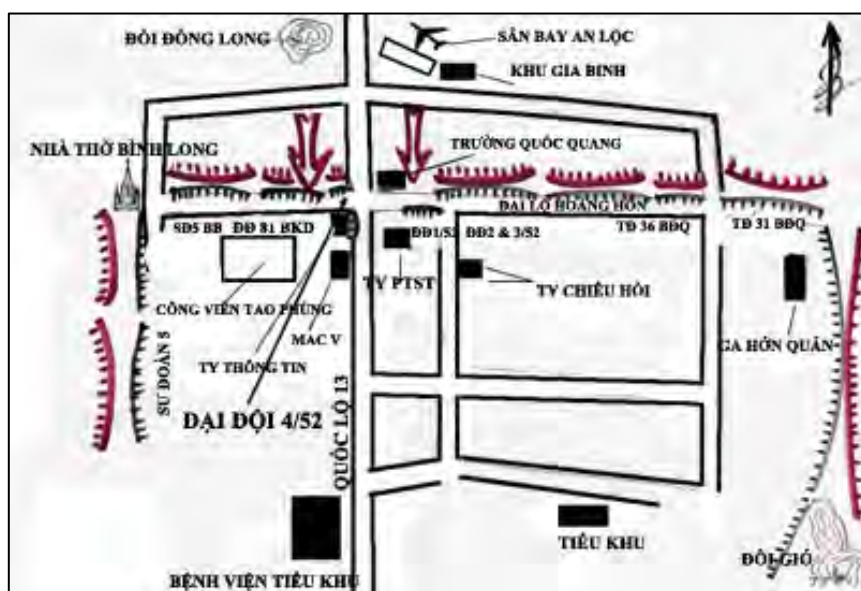
Sáng sớm hôm sau, ngày 17/4/1972, mở mắt ra tôi đã thấy ngôi nhà lầu 3 tầng to tướng ở phía trước mặt cách xa khoảng hơn trăm mét với cái bảng “Trường Quốc Quang”. Tôi giờ tám phóng đồ ra đối chiếu, thì ra cái D34 mà tôi phải đến chỉ nằm đối diện bên kia đường, đó là cái “Ty Phát Triển SắcTộc”. Đang định ra lệnh cho đại đội chuẩn bị di chuyển vào vị trí thì đã nghe tiếng tiểu đoàn phó, Đại úy Huỳnh Công Hiến, gọi gặp ở đầu máy,

- Ê Minh Hiếu! Mà đang ở đâu thì cứ dậm chân tại chỗ, cho mấy thằng em chuẩn bị đón tao, có lệnh mới cho mà.

Không đầy 10 phút sau đã thấy ông cùng người truyền tin lò dò đến, ông thắc mắc hỏi tôi,

- *Làm sao đem qua mìn mang đại đội vào đây được? Sáng nay, tao đi qua mà phải nhờ mấy thằng ông địa (ĐPQ) dắt ra khỏi cái bãi mìn.*

- *Thì tôi cũng liều mạng chạy đầu rồi cả đại đội theo sau, cũng nhờ họ hướng dẫn qua. May mà nó còn bình tĩnh nhận ra bạn, chứ ban đêm*



nó hoảng quá mà nổ súng thì chỉ có thác.

Sau đó, tôi cho ông biết là cái D34 nằm bên kia đường. Ông bèn lệnh cho tôi mang đại đội vào cái D34. Ngay khi vừa bắt đầu di chuyển thì những tiếng “đề pa” lại vọng đến, không dồn dập ào ạt như trong đêm. Có hai người mặc cảnh phục Cảnh Sát Dã Chiến đi trên một chiếc Vespa chạy đến xin tôi chỉ cho con đường nào an toàn để đến bệnh viện tiểu khu tìm gia đình. Tôi nói với họ là tôi không biết và khuyên họ nên tìm chỗ ẩn nấp đợi ngưng pháo hãy đi, nói đoạn tôi cùng Đ/u Hiền băng qua đường để vào cái D34. Khi vừa mới bước chân lên lề đường bên kia thì một tiếng rít của đạn pháo ngay phía trước mặt sát đỉnh đầu. Kinh nghiệm cho biết là không ổn, chúng tôi lăn vội

xuống lề đường, một tiếng nổ như xé rách màng tai ngay phía sau lưng.

Tôi nhìn lại phía sau thì thấy chiếc xe vespa văng lên lề đường đang bốc cháy còn hai người cảnh sát thì thân xác văng mỗi nơi một mảnh, trái đạn đã rơi trúng ngay nơi tôi cùng đứng với họ dăm phút trước đây. Cũng không thể nấn ná ở đây thêm, tôi thúc đại đội ào nhanh vào cái D34. Đây là Ty Phát Triển Sắc Tộc, căn nhà đã bị phá hủy, giữa nhà có một thi thể người Thượng đã trương phình lên đầy ruồi nhặng bu

quanh. Chung quanh nhà là những góc soài to đến cả hơn một người ôm, cành gãy la liệt ngổn ngang. Bên kia đường là cái trụ sở MACV có cái trụ antenna cao ngất với cái đèn đỏ vẫn còn nhấp nháy. À! Thì ra cũng vì cái ngọn antenna này nên bọn CS mới chọn nơi này làm trung tâm điểm của các trận pháo.

Đ/u Hiền cho gọi Tr/u Lê Văn Hiếu, đại đội trưởng ĐĐ1, đang nằm án ngữ ở Ty Thông Tin đến họp. Nhiệm vụ của ĐĐ1 là phải

chiếm lại cái nhà hai tầng lầu bên kia đại lộ Trần Hưng Đạo (đại lộ Hoàng Hôn). Sau này, tôi biết là căn nhà này là của đại úy Hiệp, hội đồng tỉnh mới xây lên. Còn ĐĐ4 chúng tôi có nhiệm vụ tiến chiếm lại cái trường Quốc Quang.

Tôi gọi các trung đội trưởng lại phân chia nhiệm vụ cụ thể, sau đó các trung đội thi hành theo kế hoạch. Mở đầu trung đội 3 của Thượng sĩ Lữ nằm ngay dưới đường cống đối diện cái bùng binh dùng M72 thổi vào đục thủng vài lỗ ở cái tường phía trước Trường Quốc Quang, tức thì một loạt đạn đáp trả từ trên lầu 1 một cách yếu ớt. Sau vài trái M79 được bắn vào các ô cửa sổ, thì lập tức một tiểu đội khinh binh của

trung đội 1 được lệnh băng qua đường. Ngay lúc này, hỏa lực địch từ những căn nhà đổ nát bên cạnh mới khai hỏa mãnh liệt. Hai binh sĩ hy sinh, số còn lại phóng lọt qua bên kia đường, áp sát vào bức tường dùng lựu đạn thanh toán ổ kháng cự trên lầu 1. Sau khi tiểu đội khinh binh của trung đội 1 ra dấu đã làm chủ tình hình toàn bộ ngôi trường thì phần còn lại của trung đội 1 cùng vượt qua đường dưới sự yểm trợ hỏa lực của trung đội 3, sau đó trung đội 2 của trung sĩ I Quận tiếp tục băng qua đường lên phòng thủ tại lầu 2 yểm trợ cho ĐĐ1 đang tấn công vào căn nhà hai tầng bên trái QL13. Đ/ư Hiền tiểu đoàn phó, với tôi cùng thêm khẩu đội đại liên M60 của Ban Chỉ Huy Đại Đội cũng nối theo sau đó.

Cùng đi với chúng tôi lúc này có phóng viên quân đội Tăng Thành Châu, vài binh sĩ bị thương được anh em kéo ngược về băng bó. Khi vào đến tòa nhà thì một khung cảnh hãi hùng hiện ra trước mắt, gần một trăm xác đã sứt là thường dân nằm chết chồng chất lên nhau, có vài xác anh em TĐ31 BĐQ và Sư Đoàn 5 BB. Đường như tất cả đều chết vào cái ngày chiến xa tấn công lần đầu tiên rạng sáng ngày 15-4-1972.

Trung đội 1 dùng Trường Quốc Quang làm bàn đạp tấn công qua các căn nhà bên phải dọc theo Đại lộ Trần Hưng Đạo (Hoàng Hôn) nhưng không thành công, vì bọn VC trong những căn hầm trú ẩn kiên cố kháng cự mãnh liệt, đồng thời hỏa lực yểm trợ của chúng từ phía sau bắn tới khiến trung đội 1 cứ loay hoay dọc bức tường ở cái sân bóng rổ không vượt qua được. Vài trái đạn đại bác của Cộng Quân bắn trực xạ vào các bức tường hướng bắc khiến thêm ba binh sĩ hy sinh và một số bị thương. Thoạt đầu tôi định ninh là chúng dùng 57 hay 75 không giật, nhưng sau này mới biết té ra là đạn 100ly từ chiến xa T54, chúng chui vào nắp

ngụy trang sau những bức tường nhà cách không đầy trăm mét, vừa để tránh bom B52 vừa hỗ trợ cho lực lượng bộ binh địch.

Lúc này bên cánh ĐĐ1 được thêm sự yểm trợ hỏa lực của chúng tôi từ trên cao bên cánh trái nên cũng đã chiếm được căn nhà lầu hai tầng. Giao tranh vẫn dữ dội phía bên ngoài, cũng giống như trường hợp của chúng tôi nhưng mãnh liệt hơn, hơn chục quả đạn đại bác của Việt cộng trực xạ vào tòa nhà khiến tường xung quanh bên trên đổ sụp chỉ còn trơ lại các cột bê tông chống đỡ các sàn lầu.

Trời sụp tối, nhận thấy không thể phòng thủ tại ngôi trường vì mùi hôi thối nồng nặc, và hỏa lực quá mạnh của chúng từ phía đằng sau, tôi cho gài lựu đạn cũng như mìn Claymore trên các tầng lầu và chung quanh ngôi trường, và chỉ để lại một toán tiền đồn ở phía mặt tiền dọc theo ống cống Đại Lộ Hoàng Hôn, còn toàn bộ đại đội rút về phía bên đây đường, cũng phòng thủ dọc theo ống cống ven đường.

Tôi cùng hai người lính mang máy truyền tin tìm được cái hồ rác mỗi bề chừng non hai mét, chúng tôi lấy một tấm đan dựng vào vách hồ tạo thành một chỗ trú ẩn tạm qua đêm. Sau khi kiểm soát phòng tuyến và căn dặn binh sĩ từng hai người một thay phiên canh gác cẩn thận. Cảm thấy quá mệt mỏi, tôi nằm trên chiếc băng ca đặt bên dưới hồ rác rồi chợp mắt trong cơn ngủ chập chờn.

Trận tổng tấn công lần thứ hai của Cộng Quân

Khoảng 2 giờ sáng ngày 18/4/1972, một trận pháo tập trung vào An Lộc kéo dài suốt mấy tiếng đồng hồ, gồm đủ loại đạn rớt vào thành phố, từ hỏa tiễn 107 ly, 122ly đến đại pháo 130 ly, cả 105 và 155ly bọn chúng lấy được của ta. Có những trái đạn chúng vội vã quên không gắn đầu nổ rớt xuống đường nhựa kêu loong coong, ước tính có đến hơn chục

ngàn quả pháo mà nếu chia đều cho khoảng hơn 6,000 ngàn người lính tử thủ thì có lẽ mỗi người cũng chịu hơn một quả. Khu vực có cái antenna của cơ quan MACV là trung tâm điểm, ngay bên cạnh đối diện bên đây đường là phòng tuyến của đại đội chúng tôi. Đạn chạm vào ngọn xoài nổ ngay trên đầu, đạn chạm đất nổ ngay cạnh hố không đầy ba thước.

Ba thầy trò chúng tôi co rúm nép đằng sau tấm đan, hai máy PRC25 dựng ở hai đầu vừa liên lạc vừa dùng để chắn miêng, nhiều mảnh đạn văng vào tấm đan nghe “bụp bụp” đến ớn xương sống. Gần 5 giờ sáng khi pháo tạm lắng dịu tôi đánh vội một vòng kiểm soát và đôn đốc tinh thần binh sĩ, nhờ chui dọc theo lỗ cống nên đại đội không bị thiệt hại. Tôi trấn an và lệnh cho mọi người sẵn sàng chiến đấu, các cây M72 được dương ra sẵn sàng chờ đón chiến xa địch. Tôi nhắc nhở là không được bắn vào pháo tháp chiến xa vì nó quá dày, phải bắn từ bên hông phía sau hay vào guồng kéo xích sẽ khiến chúng đứt xích không còn chạy được, bắn vào phía sau để dễ trúng bình xăng nhất v.v...

Vừa trở về đến vị trí của mình thì đã nghe tiếng xích sắt nghiền trên đường từ hướng Đài Kitô Vua tiến vào và từ hướng bắc cách hơn hai trăm mét tiến xuống. Thì ra là sau trận tấn công bằng chiến xa lần đầu tiên ngày 14/4/1972, các chiến xa còn lại đã chui vào ẩn nấp sau các bức tường chỉ cách phòng tuyến chúng tôi vài trăm mét, vừa để tránh bom B52 thường đánh cách phòng tuyến khoảng non cây số, vừa để yểm trợ cho bộ binh của chúng.

Từ trên đầu dốc, tôi nhìn về hướng Đài Kitô Vua thấy một đoàn chiến xa khoảng gần chục chiếc đang tiến tới, theo sau mỗi chiếc có bộ binh địch chạy theo. Giao tranh đang xảy ra khốc liệt giữa chúng với một lực lượng của SĐ5 BB. Khi chúng đến ngang Công Viên Tao Phùng nơi toàn bộ các khẩu pháo 105 và 155 ly

còn lại của chúng ta đặt tại đây, vài tên lính CS khiêng con ngựa bằng kẽm gai chặn ngang. Ngay lúc đó, gần chục cây đại bác trong căn cứ trực xạ vào đội hình tấn công của chúng, khiến hầu hết số chiến xa này bị tiêu diệt. Đám lính VC vừa chết và bị thương nằm ngổn ngang trên đường. Số còn lại hoảng loạn chạy thực mạng, nhưng chiếc đi đầu thoát được phóng nhanh lên đầu dốc. Vừa ngang tuyến phòng thủ của đại đội tôi thì hai trái M72 từ trung đội 2 của Tr/SI Quận đã thổi trúng bên hông nó. Cái guồng kéo xích văng ra, động cơ rú lên rồi tắt. Ngay lúc đó Hạ Sĩ Tám (Tám lác) của ĐĐ1 nằm phía bên kia đường đã leo thoát lên quãng lựu đạn vào trong. Chiếc chiến xa bốc cháy từ bên trong sau đó hàng chục quả đạn 100 ly phát nổ.



Chiến xa T54 bị ĐĐ4/52 bắn cháy tại ngã tư QL13 và Đại lộ Trần Hưng Đạo

Ngay lúc này, ba chiếc T54 từ phía bắc tràn xuống tác xạ hung hãn vào dãy phố đổ nát sau lưng, trong khi chúng tôi vẫn nằm im dưới đường cống. Chúng đánh một vòng quanh bùng binh, xích sắt nghiền nát lề đường nơi chúng tôi đang núp. Có lẽ chúng nhìn thấy chiếc T54 đang cháy và không thấy những chiếc khác nên hoảng hốt chạy ngược về hướng bắc vì kế hoạch hợp đồng tác chiến của bọn chúng đã bị đập tan. Hai trái M72 từ trung đội 1 phóng đi vào chiếc xe sau nhưng cả hai quả đạn lại trật mục tiêu, một trái chạm mặt đường sau đít xe còn một trái không biết về đâu. Thế là cả ba

chiếc chiến xa lại chui vào sau những căn nhà đổ nát và mất dạng.

Tình hình lúc này lại lằng địu, đại đội lo chuyên vài binh sĩ bị thương về BCH/TĐ, may mắn không một ai tử thương. Tôi chạy sang phía ĐĐ1 gặp Tr/u Lê Văn Hiếu. Ông buồn rầu cho biết hai ngày nay đại đội đã có 16 hy sinh và hơn hai chục bị thương, trong đó có thiếu úy Lê Văn Lăng đại đội phó. Tôi nói với ông là đại đội tôi cũng đã 5 tử trận và gần chục bị thương, trong đó cũng có thiếu úy Vũ Văn Nghị đại đội phó. Tôi đã từng là đại đội phó đại đội 1 cho ông chỉ mới mấy tháng trước đây nên trước tình cảnh mất mát hy sinh của những anh em mà tôi đã từng chung sống khiến tôi thật ngậm ngùi, nắm tay ông tôi chỉ nói mỗi câu ngắn ngủi “cẩn thận” rồi băng nhanh qua đường về đại đội.

Chiều xuống, tôi mang ban chỉ huy đại đội sang nằm bên Ty Thông Tin, tại đây có một đường hầm nối với Công Viên Tao Phùng nơi đặt các khẩu pháo binh. Cũng có vài gia đình tá túc tại đây vì hầm bên MAVC quá đông. Địch không còn “pháo bày” (tiếng VC) như đêm qua nhưng cũng “pháo cầm canh” (tiếng VNCH). Tôi phải yêu cầu các gia đình ngủ ngay dưới đường hầm để tránh pháo kích nhưng đồng thời cũng ngăn ngừa bọn tiền sát của chúng trà trộn trong dân điều chỉnh pháo hay đột kích lúc mình sơ hở.

Nửa đêm ngày 20-4-1972, bọn Việt cộng tìm cách chọc thủng phòng tuyến của chúng tôi. Chúng nhào lên tiến chiếm trường Quốc Quang nhưng gặp phải mìn bẫy chúng tôi gài lại mấy ngày trước nên bị thiệt hại, tuy nhiên toán tiền đồn của trung đội 1 nằm ở ống cống bên đường chạm nặng nên toàn trung đội phải sang tăng cường. Cuộc chiến diễn ra sau những bức tường, cả hai bên trao đổi qua lại bằng lựu đạn thỉnh thoảng mới có vài loạt đạn

khi thấy rõ nhau, trận chiến cứ thế giằng dai cho đến gần sáng thì tạm ngừng. Lại thêm hai binh sĩ hy sinh trong đó có Hạ sĩ Sắc là con của ông Sáu, tuy phải làm chung với vợ tôi tại Ty Xã Hội Biên Hòa.

Phía Đại Đội 3 bên cánh phải dường như chạm nặng, chúng dùng hỏa lực chiến xa thổi xập các bức tường che chắn. Trung úy Hà Ngọc Tĩnh, khoá 23 Thủ Đức là đại đội trưởng hy sinh. Tuy nhiên bọn chúng cũng không vượt qua được “tuyến tử thủ” của ĐĐ3/52 BĐQ, đại đội nòng cốt, cái xương sống của tiểu đoàn trong suốt nhiều năm từ trận Đồng Xoài năm 65 đến trận Kim Hải năm 67, nơi xuất thân của các đàn anh tên tuổi như Trần Thanh Thủy, Nguyễn Ngọc Quang, Đào Văn Năng v.v...

Tình hình chung là hầu như tất cả các đại đội đều có giao tranh từng giờ từng phút, vì cả hai bên đều trong tư thế “cài răng lược”, có khác chăng là chạm nặng hay nhẹ mà thôi. Nếu so với các đại đội khác thì ĐĐ4 chúng tôi chịu áp lực tương đối nhẹ hơn nên cũng thiệt hại ít hơn. Vài ngày sau, chúng tôi được lệnh đổi vị trí cho Đại Đội 1, vì trong mấy ngày qua giao tranh khốc liệt nên giàn cán bộ Hạ Sĩ Quan và Sĩ Quan đã hy sinh hoặc bị thương nặng. Hai cán bộ duy nhất còn lại là Trung úy Lê Văn Hiếu và Thượng sĩ Đông thường vụ đại đội.

Cuộc chuyển quân thay thế thật gay go, cứ mỗi lần băng qua đường là hàng loạt đạn AK hay RPD lại bắn xối xả. Đến chiều tối thì cả hai đơn vị đã vào vị trí, tuy nhiên cũng không tránh khỏi tổn thất tuy nhẹ với vài binh sĩ bị thương. Vì tình hình di chuyển khó khăn, hơn nữa Bệnh Viện Tiểu Khu mấy hôm nay đang là điểm tập trung pháo của địch nên chỉ trường hợp quá nguy kịch mới chuyển lên tiểu đoàn hay liên đoàn, còn nhẹ thì băng bó nghỉ ngơi tại chỗ và tiếp tục chiến đấu.

Cùng ngày này Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù

cũng vào thay thế vị trí của Trung Đoàn 7/SĐ5 BB bên cạnh chúng tôi. Theo anh em 81 cho biết thì họ nhảy vào An Lộc đã mấy ngày nay, rồi bằng sở trường di chuyển tấn công đêm, họ đã từ cánh rừng cao su phía đông băng qua phía bắc đồi Đồng Long, không chạm địch nhưng cũng không gặp đơn vị bạn nên trở lui, và bắt đầu chạm địch từ vòng đai thành phố khi trở vào. Điều này cho thấy các đại đơn vị địch đều bám sát các đơn vị của ta để tránh bom, vì B52 lúc này đã thả ngay trên vành đai thành phố cách vị trí của ta chỉ hơn năm trăm mét.

Tuyến tử thủ bên trái tôi lúc này là Đại Đội 3/81 BCD do Đại úy Phạm Châu Tài làm đại đội trưởng. Có anh 81 BCD nằm bên cạnh mình tôi cảm thấy ấm hơn, nhưng vì màu cờ sắc áo nên cũng phải lý hơn cho dù quân số lúc này chỉ còn bằng 1/3 quân số đại đội Biệt Cách Dù. Vị trí của đại đội chúng tôi vô cùng trọng yếu, đối diện bên kia đường QL13 là Trường Quốc Quang tuyến đường việt cộng xâm nhập vào để tấn công chúng tôi từ bên hông cũng như tấn công thẳng vào Bộ Tư Lệnh SĐ5BB, nếu chiến xa địch từ phía Đồng Long xuống chắc chắn cũng sẽ phải tiến qua phòng tuyến của đại đội tôi.

Mấy hôm nay đã thấy thấp thoáng một đơn vị Dù lập tuyến phòng thủ bảo vệ Bộ Tư Lệnh Tiền Phương ở phía sau, đã nghe được tiếng “đề pa” của Pháo binh Dù từ Đồi Gió vọng vào thêm “ấm lòng chiến sĩ”, tôi hy vọng tình hình sẽ sáng sủa hơn, nhưng chỉ được vài hôm thì đêm 18-4-1972 Tiểu Đoàn 6 Dù bị tràn ngập, thế là niềm hy vọng lại tắt ngúm.

Tình trạng lương thực và đạn dược càng ngày càng thiếu thốn, các cánh dù tiếp tế thả từ trên cao hầu hết bay sang phía Việt Cộng, họa hoàn may mắn có chiếc nào rơi gần thì cũng phải khó khăn lắm mới bò ra dưới hỏa lực địch để lôi vào. Cũng may tình trạng này không kéo

dài vì sang đến khoảng đầu tháng 5 thì phương cách thả dù tiếp tế được thay đổi, thay vì dùng dù to thì nay dù có nhiều lỗ trống để xuống chính xác hơn nhanh hơn, số dù lạc ra ngoài không còn như trước. Các đơn vị chia xẻ cho nhau lương thực cũng như đạn dược để cùng nhau tử thủ, duy chỉ có pin xử dụng cho máy PRC25 là không thấy có cho mãi đến cuối tháng 5. Đến nay đại đội vẫn phải trong tình trạng mở máy liên lạc với tiểu đoàn vào mỗi đầu giờ, còn các trung đội thì chỉ mở máy liên lạc khi khẩn cấp. Cũng may là ngày nhảy vào An Lộc các máy PRC25 đều được thay pin mới và mang theo một cục phòng hồ nên cũng bớt khó khăn về liên lạc truyền tin.

Quả thật tình hình vào lúc này các đại đội cũng chẳng trông mong gì được ở tiểu đoàn. Các đại đội tự lo về mọi mặt, chẳng khác nào đại đội đang hoạt động đơn độc trong lòng địch không có bất cứ một yểm trợ nào. Chúng tôi cho đào giao thông hào chung quanh trên nền nhà, và dùng các mảng tường vỡ chông chát lên làm thành hầm trú ẩn. Mọi di chuyển tuyệt đối phải dưới giao thông hào. Trên các tầng lầu cũng chát các mảng tường vỡ làm lô cốt phòng thủ, mọi di chuyển phải bò lom khom trên sàn vì cứ thấy bóng người là bọn chúng lại xô vào như mưa từ phía sau trường Quốc Quang sang, cũng như từ mấy căn nhà ở phía bắc xuống.

Hầu như không đêm nào là bọn đặc công của Đoàn 429 đặc công VC không tìm cách tấn công. Khi thì chúng lợi dụng đêm tối thoa lọ nghệ bò vào, khi thì chúng đội những tấm tôn để che dấu rồi di chuyển vào bằng thế ngòi xôm, nhưng tất cả đều bị phát giác tiêu diệt hoặc đánh bật ra. Nhờ một bành lựu đạn và đạn súng cối 60 rơi ngay cạnh đại đội nên cây cối 60 hàng đêm bắt đầu bắn quây rối cách phòng tuyến chừng vài chục mét và thỉnh thoảng lại tung ra vài trái lựu đạn chung quanh gây cho chúng tổn thất cũng như khó khăn. Đại đội

cũng thỉnh thoảng tung những toán phục kích ra ngoài vào ban đêm gây cho chúng tổn thất bất ngờ, nhưng cũng đôi lần chỉ vừa ra khỏi phòng tuyến chưa đầy vài thước là bị chúng phát giác và bị đánh bật vào.

Các tử thi rải rác phía xa ngoài phòng tuyến chừng vài chục mét dưới cái nắng của cuối tháng tư cộng thêm vài cơn mưa rào không ướt đất đã thổi rửa bốc mùi khiến không khí vừa căng thẳng vừa ô nhiễm đến ngột ngạt. Vấn đề vệ sinh ăn ở cho cả đại đội cũng là một vấn đề khó khăn, tuy nhiên nhờ có một cái giếng cạn trong nhà và một nhà vệ sinh có bàn cầu con thỏ nên cũng tạm ổn.

Cho đến những ngày cuối tháng tư, sau khi đại đội bắn hạ được chiếc T54 vào ngày 18/4 cũng như đạn dược và lương thực được tiếp tế thì tinh thần binh sĩ phần chấn lên hẳn. Cũng chính vì cái tình trạng luôn nằm trong thế phòng thủ chờ địch tấn công đêm cũng như ngày lúc đầu còn làm cho tinh thần căng thẳng, nhưng dần dà nó trở thành quen, quen đến nỗi nếu thấy bóng địch quân thấp thoáng sau mấy bức tường cách xa vài chục thước cũng chẳng cần bắn vội, cứ đợi cho chúng đến gần chừng mươi thước thì tất cả đồng loạt tác xạ.

Tin Trung Úy Đỗ Mạnh Trường đại đội trưởng đại đội 2 bị thương, và Thiếu úy Đức đại đội phó tử trận, khiến tôi nhớ lại lời của Hạ Sĩ I Tạ Tư thuộc khẩu đội 81 của tiểu đoàn nói với tôi hôm tháng 12 /71 khi tiểu đoàn đang “hấp” tại Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân Dục Mỹ,

- Kỳ này về tiểu đoàn mình đựng nặng lắm, đại đội trưởng chỉ còn mình ông.

- Sao mày biết?

- Tôi coi bài thấy vậy nên nói thiếu úy nghe

- Mày mồm miệng ăn mắm ăn muối đừng nói bậy, Thiếu tá Đậu ông nghe thì mệt nhe

mày.

- Tôi chỉ nói cho mình ông thầy nghe thôi mà.

Nhớ lại điều này tôi vào tần số nội bộ của đại đội 1 nói chuyện với Trung Úy Lê Văn Hiếu nhắc chừng ông cẩn thận, và kết luận với câu quen thuộc “*Ê! thùng thì thủ, cù lủ thì dương nghe ông*”.

Hai đại đội 2&3 không còn đại đội trưởng cũng như quân số hao hụt nhiều thì được nhập lại, và Đại Úy Nguyễn Thế Kỳ trưởng ban 3 tạm thời xuống chỉ huy hai đại đội này.

Vào một đêm tối trời, Hạ sĩ I On đang trong ca gác đôi, vì trời tối đen đến nỗi đưa bàn tay ra trước mặt cũng chỉ thấy lờ mờ, nên toán gác ở trên lầu cũng như cây súng cối 60 thỉnh thoảng vẫn quăng lựu đạn và bắn cầm chừng cách phòng tuyến chừng vài chục mét để ngăn chặn bọn chúng bò vào. Nhưng đêm nay có lẽ bọn đặc công tinh quái hơn, chúng đã lườn lách để lọt vào sát chân tường, đang toan tính đột nhập vào bất ngờ chúng gây một tiếng động nhỏ, ngay lập tức hai trái lựu đạn trong tay chỉ cần gạt chốt an toàn phụ được Hạ sĩ On buông ra ngay trước mặt không đầy hai thước, và gần chục trái lựu đạn tung ra tiếp theo cùng một vài loạt M16 sau đó lại trở nên yên tĩnh. Vài phút sau HS On tay sách cây AK66 báng xếp còn dính bê bết máu chạy đến hầm của tôi.

- Minh Hiếu ơi! Tụi nó chết ngay hầm của tôi. Tôi thò tay ra ngoài đụng một thằng với cây súng này.

Tôi nói On quay về vị trí và cẩn thận đợi sáng sẽ tính. Trời mờ sáng, nhìn qua lỗ châu mai thấy 6 tên việt cộng chết nằm sát chân tường, tôi gọi Thượng sĩ Thóc thường vụ cho đào một cái hố bên hông nhà rồi cho bò ra cột dây từng tên kéo vào chôn, tất cả 6 tên đều mang thủ pháo đầy người duy nhất chỉ có một tên đi đầu

mang súng. Bọn Việt Cộng thấy có người bò ra chúng nổ súng xối xả khiến một binh sĩ bị thương. Cho đến lúc này tổn thất của đại đội là 7 hy sinh và khoảng gần 20 bị thương.

Tình hình chiến trận cứ tiếp tục xảy ra như thế. Bên phía cộng quân thì pháo vẫn cứ rót vào đều đặn ngày cũng như đêm, lực lượng bộ binh địch thì cũng vẫn tìm cách xâm nhập sâu vào trong phòng tuyến của ta đêm cũng như ngày. Còn phía ta thì không quân vẫn oanh tạc chung quanh thành phố cách tuyến phòng thủ chỉ vài trăm mét. B52 thỉnh thoảng cũng rải bom ngoài vành đai thành phố cũng như các bìa rừng cao su nơi nghi ngờ có địch ém quân. Sự yểm trợ của không quân đã gây cho địch tổn thất nặng nề, sau này khi đẩy lui được bọn chúng ra xa, chúng tôi đã thấy bên phía tây đường đi vào Phú Lố đã có 7 chiếc T54 bị trúng bom, trong phía Quán Lợi thì cũng hơn chục chiếc, theo lời của anh em Liên Đoàn 5 BĐQ sau khi tiến chiếm lại khu này. Riêng sự yểm trợ về Pháo Binh thì không có đơn vị pháo binh nào yểm trợ cho mặt trận được. Vì phòng thủ gần Công Viên Tao Phùng, nên tôi được biết mấy khẩu pháo ở đây chỉ trực xạ khi chiến xa địch tấn công hay thỉnh thoảng phản pháo nhỏ giọt vì hạn chế đạn dược.

Trận tổng tấn công lần thứ ba của cộng quân

Đêm ngày 18 rạng 19/5/72, Cộng Quân lại tấn công mãnh liệt vào các đơn vị tử thủ. Lần này chúng tung toàn bộ lực lượng hồng dút điểm trận chiến đã kéo dài hơn 40 ngày. Khoảng 1 giờ sáng địch pháo tập trung vào thành phố, ngoài pháo tầm xa thì lần này các chiến xa nằm sẵn cũng hung hãn khai hỏa trực xạ vào các vị trí tử thủ, cộng thêm với B40, B41 và AK đủ loại. Đứng 4 giờ sáng, Cộng Quân rải bức tường khói bao phủ cách chừng trên hai trăm thước, trong khi các chiến xa bắt

đầu húc đổ tường vừa bắn vừa tiến vào, theo sau là đám bộ binh địch hò hét điên cuồng. Tiếng xích sắt và tiếng gầm rú của chiến xa đã đến gần, tôi hét lên trong máy (nhưng hầu như tiếng hét của tôi “nghe ngoài rõ hơn trong”) cho toán sẵn chiến xa ở trên lầu 2 của Bá người trung sĩ I mới 19 tuổi,

- Bá ơi! Đợi cho chúng chạy ngang rồi hãy bắn.

Vừa dứt lời thì tiếng xích sắt đã đến ngang hông nhà và hai tiếng “ập oanh” cùng tiếng súng nhỏ và lựu đạn thi nhau nổ, chiếc chiến xa PT76 rú lên rồi bùng cháy, trong khi đám lính VC từng thiết chỉ phản ứng được vài loạt đạn. Trên chục tên ngã gục, số còn lại chạy tạt sang bên trường Quốc Quang với tiếng chửi vọng vào nghe rõ mồn một:

- Địt mẹ! Bắn như thế mà những thằng “nguy” vẫn còn.

Trung sĩ I Bá hét vọng xuống trong nỗi vui mừng,

- Minh Hiếu ơi! Đ.m tôi bắn nó cháy rồi.



Hạ sĩ Võ Phùng Dương và BI Phạm Minh Long trên chiếc T54 do ĐĐ4/52BĐQ bắn hạ

Hai chiếc T54 chạy phía sau thấy chiếc PT76 bùng cháy cũng hốt hoảng chạy vào đằng sau bức tường quanh sân bóng rổ của trường Quốc Quang. Bên trái chúng tôi chừng hơn 30 mét một chiếc T54 khác cũng đang hung hãn

lao vào phòng tuyến của ĐĐ3/81 BCD và cán ngay lên phòng tuyến nhưng bị bắn hạ tại chỗ. Thật là may mắn cho đến lúc này đại đội chúng tôi chỉ vài anh em bị thương nhẹ vì gạch đá văng vào. Phía bên cánh phải tôi thì ĐĐ1/52 BĐQ bị tấn công nặng. Hai chiếc chiến xa nằm bên hông trường Quốc Quang yểm trợ cho đám bộ đội đánh bật phòng tuyến ĐĐ1 đang nằm trong Ty Phát Triển Sắc Tộc đối diện phía hướng nam của trường Quốc Quang, phải đạt sang Ty Chiêu Hồi bên hướng đông. Hàng trăm địch quân ào ạt tràn sang chiếm lĩnh ngay vị trí này. Tôi cho tăng cường thêm một khẩu đội đại liên M60 để ngăn cản, nhưng chỉ gây tổn thất chứ không chặn được bọn chúng, từ đây chúng bắt đầu đánh thẳng vào vị trí của đơn vị Dù bảo vệ BTL/ Tiên Phương.

Không may cho đại đội chúng tôi, trời mờ sáng thì bọn chúng phát giác một tổ khinh binh của chúng tôi nằm trong đường cống ngang qua đường, do Hạ Sĩ I Thương làm tổ trưởng, chúng len theo các bức tường ở phía sau lưng để tấn công. Khi chúng đến gần thì chúng tôi từ bên đây đường mới thấy nên nổ súng ngăn cản, nhưng không kịp nữa, hai trái lựu đạn được bọn này tung ra rớt ngay đường cống khiến HSI Nguyễn Văn Thương và BI Nguyễn Hoàng Vân bị thương nặng. Chúng tôi gặp quá nhiều khó khăn để có thể mang hai người bị thương và rút tổ khinh binh này về bên đây đường, vì địch ở trên cao và khuất sau những bức tường. Chúng tôi phải dùng M72 và tập trung hai cây đại liên M60 bắn ngược xuống, nhưng chúng tôi cũng bắt đầu bị hỏa lực của Dù từ phía sau bắn lên vì địch quân đang ở giữa. Vì phải chui dưới đường cống ngầm nên phải mất hơn mười phút, chúng tôi mới mang được tổ khinh binh, và hai binh sĩ bị thương về được bên Ty Thông Tin, rồi mang sang căn lều ban chỉ huy đại đội phía bên đây đường.

Hạ sĩ I Thương bị nát ngực và mặt, mỗi lần thở hắt ra là máu lại trào theo, còn Binh I Vân thì bị một miếng chui vào sọ máu chỉ rỉ ra nhưng đã mê man và “bất chuẩn chuẩn”. Kinh nghiệm cho biết hai anh sẽ không qua khỏi, tôi bảo Thượng Sĩ Thóc thường vụ cho đào một cái hố bên cạnh nhà nơi đã chôn 6 tên việt cộng trước đây. Ngồi nhìn hai thằng em đang sắp sửa ra đi mà mình bó tay thật ứa nước mắt, tôi ngồi thờ người ra hút hết điếu thuốc rê này đến hết điếu thuốc rê khác.

Giao tranh vẫn diễn ra ác liệt bên phía ĐĐ1 ở Ty Chiêu Hồi và phía Tiểu Đoàn 5 Dù sau lưng chúng tôi. Cộng quân không thể tiến xuống thêm được vì từ Ty Phát Triển Sắc Tộc đến phòng tuyến của Nhảy Dù chỉ có một ngôi nhà sàn đã cháy nên chúng chỉ bám chặt vào mấy căn phố trên Đại Lộ Hoàng Hôn sau lưng chúng tôi.



Từ trái qua: Tr/u Lê Văn Hiếu, Ch/u Mạnh, Th/u Lãng, Tr/s1 Tư, Tr/u Khanh và H/s Bồi

Trong khi ngồi nhìn hai thằng em đang sắp sửa “ra đi”, thì “Thường trực” người Hạ Sĩ mang máy truyền tin cho biết tin Trung úy Lê Văn Hiếu đại đội trưởng ĐĐ1 tử trận, xác còn nằm bên kia đường trong khu Ty PTST không kéo về được. Thật bàng hoàng vì anh với chúng tôi là những thằng bạn thân chơi với nhau từ những ngày còn là chuẩn úy. Chợt nhớ lại lời của Hạ Sĩ Tạ Tư nói với tôi **“Kỳ này về tiểu**

đoàn mình đ ụng nặng l ắ m, đ ại đ ội trư ờ ng chỉ còn có mình ông” khiến tôi r ừng mình. Vậy là kể từ giờ phút này, đ ại đ ội trư ờ ng của tiểu đ ội chỉ còn có mình tôi. Tôi gọi sang ĐĐ1 gặp Thượng Sĩ Đông và đ ược ông cho biết, vì nóng lòng chiếm lại vị trí bị mất, nhiều lần Trung úy Lê văn Hiếu cho đ ánh sang nhưng đều bị thất bại, nên sau cùng ông cùng vài khinh binh nổ ào ạt vào đ ịch quân rồi l ắ n nhanh qua đ ường, nhưng ông cùng một binh sĩ hy sinh khi vừa chạm l ề đ ường và không kéo đ ược xác về.

Hạ Sĩ Thương và Binh I Vân cũng chỉ cầm cự đ ược hơn nửa giờ nữa rồi ra đi. Gạt dòng nước mắt vừa chảy ra, tôi bảo Thượng Sĩ Thóc cho quân poncho rồi đ ेम chôn bên hông nhà. Chiến sự tạm l ắ ng, giờ đây đ ại đ ội chúng tôi phải đ ối diện với đ ịch quân phía trước, phía hông phải và cả một phần phía sau lưng thật nguy hiểm vì nếu chúng tấn công vào đ ơn vị Dù không l ọt chúng quay sang tấn công ngược lại chúng tôi ở phía sau lưng, nên tôi e chúng tôi không đủ lực ngăn cản. Nhưng may quá, buổi chiều thì Thiếu Tá Lê Quý Dậu, tiểu đ ội trưởng, gọi tôi,

- Hiếu nó chết rồi, cậu mang đ ại đ ội 1 về với cậu. Nhớ liên lạc với Thượng Sĩ Đông đ ể hướng dẫn nó. Cẩn thận kéo nó lạc vào khu t ại Việt Cộng thì bỏ m ẹ.

Tôi nói Thượng Sĩ Đông dắt anh em đi vòng xuống khu vực của đ ơn vị Dù rồi b ọc lên Công Viên Tao Phùng rồi tôi cho người ra đ ón vào vị trí. Toàn bộ trên 80 người của đ ại đ ội 1 từ ngày đ ầu của mặt trận đến nay chỉ còn 31 người. Đông cho tôi biết đã có 26 hy sinh rồi, sĩ quan và hạ sĩ quan không còn ai hết ngoại trừ mình ông. Tôi lấy 6 người đ ưa sang trung đ ội 3 của Thượng Sĩ Lữ, phần còn lại tạm gọi là trung đ ội 4 do Thượng Sĩ Đông chỉ huy và trám vào vị trí của trung đ ội 1 của Chuẩn Úy Thập

Lữ đ ược đ iều sang Ty Thông Tin phòng thủ chung với trung đ ội 3.

Vì phòng tuyến đ ại đ ội 1 bị mất nên khu vực Ty PTST và khu Ty Chiêu Hồi bị bỏ trống, một hành lang chuyên quân của Cộng Quân từ phía bắc xuống qua trường Quốc Quang, vào Ty PTST và Ty Chiêu Hồi, không bị ngăn chặn. Trước tình hình căng thẳng này, tôi lợi dụng hai chiếc T54, và PT76 bị bắn cháy hai bên hông nhà đ ể làm lô cốt phòng thủ, nhưng rất tiếc các cây đ ại bác 100ly, 76ly và thương liên 12ly8 bị cháy không còn sử dụng đ ược. Thay vào đó, tôi cho đ ặt mỗi lô cốt một tổ đ ại liên M60 trên pháo tháp nên cũng gây khó khăn không ít khi chúng phải băng ngang Đ ại Lộ Hoàng Hôn.

Thời gian cuối tháng 5/72 này, bên phía Việt cộng có thể vì nguồn tiếp tế không kịp, nên đ ại pháo cũng như hỏa tiễn pháo vào thành phố cũng thưa dần, thay vào đó là cối 61 và 82 ly thường xuyên hơn. Cái tinh ma xảo quyệt của phe cộng sản là chúng chế tạo vũ khí của chúng kích cỡ nhỏ hơn của phe tự do một chút, ví dụ như:

Loại đ ạn vũ khí	Phe tự do	Phe cộng sản
Súng cối	81	82
Đ ại bác không d ự t	106	107
Đ ại liên 50	12.7	12.8

Vì thế chúng có thể sử dụng các loại đ ạn mà chúng lấy đ ược của ta, hoặc khi dù tiếp tế lạc sang bên chúng, ngược lại thì chúng ta không thể dùng đ ạn của chúng cho vũ khí của chúng ta.

Máy hôm trước một gia đình nằm trong khu vực của ĐĐ3/81 BCD bị trúng pháo. Một cô gái khoảng 16 tuổi bị thương ít ngày sau thì chết. Tôi cũng cho chôn bên cạnh nhà nhưng hai ngày sau thì một trái 82 lại r ọt ngay sát bên cạnh, thi hài cô bé lại một lần nữa bị x ới tung lên nên lại phải cho chôn lại. Ít ngày sau Hạ Sĩ

Thụy (Thụy Lý Tiểu Long) y tá ĐĐ1, tử trận cũng được chôn bên cạnh cô gái này. Đang khi chôn, Thượng Sĩ Thóc còn đùa: “*Con nhỏ còn vị thành niên mà đừng có lòng chàng mà ra tòa đó, nhe em*”.

Đêm mùng 6/6/72, Trung úy Khuê từ Ban Chỉ Huy Liên Đoàn gọi xuống cho biết tôi cần chuẩn bị đánh dấu mục tiêu bằng trái sáng để AC 130 Spector của Không Quân Hoa Kỳ tác xạ. Đây là loại máy bay C130 được trang bị đại bác 105 ly gắn song hành với cây 40ly chỉ điểm mục tiêu bắn rất chính xác và hiệu quả. Tôi cho bò ra ngay giữa ngã tư đánh dấu bằng mìn chiếu sáng. Nhưng rất tiếc, sau vài lần tác xạ không chính xác vì trục trặc kỹ thuật, nên máy bay lại rời vùng bay về Thái Lan.

Đêm hôm sau mùng 7/6/72, chiếc AC 130 Spector lại lên vùng. Lần này sau khi mìn chiếu sáng được tung ra, cây 40ly trên máy bay tác xạ trúng ngay mục tiêu làm trái mìn chiếu sáng bị hất tung lên. Tôi được Tr/u Khuê cho biết là hệ thống súng OK và tôi có thể điều chỉnh từng mét. Từ mục tiêu trái sáng, mục tiêu đầu là sân thượng trường Quốc Quang, gần chục trái 105 ly giáng xuống chỉ cách chúng tôi một con đường. Rồi từ đó tôi kéo dài lên hướng bắc bắn vào phía bên kia tường sân bóng rổ, kéo sang phía đông ngôi trường rồi kéo xuống phía nam Đại Lộ Hoàng Hôn khu Ty Phát Triển Sắc Tộc. Gần sáu chục trái 105 ly được bắn xuống chung quanh trường Quốc Quang nơi ẩn nấp của Cộng Quân.

Sáng ngày hôm sau mùng 8/6/72, từ chiếc tăng PT76 bị bắn cháy, từng tổ nhỏ của trung đội 1 do Chuẩn úy Thập Lở chỉ huy bắt đầu băng qua đường xâm nhập vào lại ngôi trường. Khi toàn trung đội vừa lọt vào trong thì bất ngờ Cộng Quân bắn một trái B40 từ phía sau. Tôi quan sát diễn tiến từ trên lầu hai của căn nhà, nên khi tên này vừa dương cây B40 từ hầm bí

mật lên thì với cây M16 trên tay, tôi đã đẩy nguyên một băng đạn khiến hắn hoảng hốt bắn vọt lên lầu trên rồi vội vã đập nắp hầm lại. Tôi gọi Ch/u Thập Lở cho trung đội bố trí lại và cho tôi gặp Hạ sĩ Giáp một tổ trưởng rất gan dạ và tháo vát của trung đội vào đầu máy để nhận lệnh trực tiếp. Tôi yêu cầu Giáp mang theo hai trái lựu đạn đã bung hết chốt an toàn, tôi sẽ bắn M79 chỉ định mục tiêu là tấm tôn ngụy trang cái nắp hầm, sau đó Giáp bò lại lật lên và quăng lựu đạn vào. Lệnh nghe thật đơn giản nhưng thực hiện thì lại thật đứng tim và không đơn giản chút nào.

Sau trái đạn M79 đầu tiên trúng tấm tôn bên cạnh, trái thứ hai trúng ngay mục tiêu, tôi nói “đã trúng” và Giáp trả lời đã nhận được mục tiêu. Anh bò chậm trên các tấm tôn và gạch đá ngổn ngang, trong khi cả đại đội tập trung súng hướng về mục tiêu canh chừng đề phòng. Khi đến mục tiêu, anh chỉ vào tấm tôn nhìn ngược về phía tôi như yêu cầu xác nhận lại một lần nữa, tôi giơ tay lên và vung cánh tay như thể ra dấu xác nhận 5/5. Giáp lật tấm tôn lên ném lựu đạn xuống, như sợ chúng ném ngược trở lên, anh lấy hai tay đè chặt tấm tôn trong vài giây rồi lăn sang một bên rồi chạy ngược trở về vị trí. Tiếng nổ làm tung tấm tôn lên và khói bụi bay mù mịt. Tôi lệnh cho trung đội 1 đưa tổ khinh binh tiếp tục ném thêm vài trái lựu đạn nữa rồi lục soát mục tiêu. Kết quả cho biết đây là một cái hầm lớn có hai cái điện thoại và dây chằng chặt, 8 cộng quân chết tại chỗ.

Tôi tăng cường trung đội 2 của Trung Sĩ I Quận sang, và bung rộng về hướng bắc thêm vài thước, cho đào ngay hệ thống phòng thủ dọc theo bức tường đồ nát của sân bóng rổ, còn trung đội 1 lập hệ thống phòng thủ dọc theo bức tường phía đông trong trường Quốc Quang. Ngày hôm nay kết quả như thế cũng đã vượt ngoài dự tính của tôi, lúc đầu chỉ là ý

tưởng thăm dò lực lượng địch nhưng không ngờ lại chiếm lại toàn bộ khu trường Quốc Quang và tiêu diệt được một hầm chỉ huy. Đây có thể là đầu não của cái lực lượng đã đánh bể phòng tuyến của ĐĐ1 và đang xâm nhập vào phòng tuyến của đơn vị Dù.

Đêm 8/6/72 rạng ngày mùng 9, thoát đầu rất nhiều tiếng huýt gió gọi nhau, dường như chúng đang tìm liên lạc, vài tên đến sát phòng tuyến bị hạ tại chỗ. Như đoán được ban chỉ huy đã bị tiêu diệt và chiếm đóng nên chúng lảng tránh xa ra vài chục mét. Tiếng huýt gió gọi nhau vẫn cứ tiếp diễn cho đến gần sáng thì ngừng hẳn.

Ngay sáng sớm hôm sau ngày 9/6/72, tôi tung trung đội 3 của Thượng sĩ Lữ từ Ty Thông Tin tiến sang Ty Phát Triển Sắc Tộc nhưng không gặp phản ứng của cộng quân. Một số xác Cộng Quân bị bỏ lại có thể là do kết quả của AC130 Spector. Xác Trung Úy Lê Văn Hiếu chỉ còn một mảnh bả vai và một bàn chân nằm trong chiếc giầy cùng hai tấm thẻ bài bị miếng dính chặt vào nhau. Thượng sĩ Thóc đã bỏ tất cả phần thi thể còn lại của ông vào một thùng đạn đại liên 50 đem giao cho BCH/TĐ, sau đó ông được chôn vào khu Nghĩa Trang của Liên Đoàn 3 BĐQ tại ngay mặt trận An Lộc.

Trung đội 1 cũng tiến về hướng đông thêm được hơn hai chục thước với vài đụn độ nhỏ. Tối hôm đó trung đội 3 băng qua đường và cùng trung đội 1 lập tuyến phòng thủ qua đêm. Tôi lệnh cho trung đội 4 (phần còn lại của ĐĐ1) của Thượng sĩ Đông bỏ Ty Thông Tin để sang thế chỗ của ban chỉ huy đại đội. Tôi sang gặp Đại úy Phạm Châu Tài của ĐĐ3/81 BCD nói chuyện với ông về kết quả ngày hôm nay và cho biết ngày mai tôi sẽ tiếp tục đánh lên

phía Bắc dọc theo bên phải QL13. Xong tôi cùng ban chỉ huy đại đội dời sang trường Quốc Quang.

Ngày 10/6/1972 tổng phản công của QLVNCH

Cho đến hôm nay sau 40 năm, tôi không còn nhớ rõ là có một lệnh nào để tập trung phản công cho toàn mặt trận vào ngày này hay không, hay chỉ là một sự ngẫu nhiên khi thấy đơn vị bên cạnh bung ra thì mình cũng bung theo?



Tờ mờ sáng ngày 10/6/72, ĐĐ4/52 BĐQ với ba trung đội căng hàng ngang tiến lên. Thoạt đầu chúng tôi thật thận trọng di chuyển theo thể chân chim, và lợi dụng các hầm chống pháo kích cũng như những bức tường đổ nát của từng ngôi nhà để thăm dò phản ứng của Cộng quân. Khi vừa phát giác ra chúng tôi thì chúng chỉ nổ được vài tràng đạn rồi bắt đầu ù té chạy thực mạng. Mới đầu khi thấy chúng bỏ chạy, tôi phải nhắc chừng các trung đội không được hấp tấp rượt theo coi chừng lọt vào bẫy của chúng, nhưng sau khi quan sát thấy tuyến trước bỏ chạy tuyến sau chúng cũng la oí oí chạy theo, tôi ra lệnh đồng loạt tràn lên “xả láng sáng về sớm”.

Quân ta tràn lên như nước vỡ bờ, chẳng bù cho mấy ngày hôm trước đây chỉ mới lú đầu ra khỏi vị trí là chúng đã vãi đạn như mưa ngăn cản. Vậy mà hôm nay thì ngược lại, Cộng quân chạy như bầy chuột, và trở thành những tấm bia di động. Quân số của chúng cũng không phải ít có khi còn nhỉnh hơn ta, nhưng vì mặt trận “bể” rồi nên chúng hoảng hốt tháo chạy. Nhiều khi cả chục tên chạy chúi vào một cái hầm nổi rồi co quắp lại không chống cự, một trái M72 hay vài trái M79 thổi vào khiến chúng

chết chồng chất lên nhau. Có những tên còn ném cả vũ khí rồi bỏ chạy. Tiếng hô “xung phong” của binh sĩ đại đội 4 vang dội, tiếng còi tu huýt rít từng hồi, tiếng đại liên 60, và M16 chát chúa, khô khốc, dồn dập khiến chúng “quýu giò”. Chưa bao giờ cái thế “thừa thắng xông lên” mạnh và dữ dội như lúc này. Toàn bộ sức lực của các đơn vị được bung ra như cái lò so sau hơn 60 ngày bị nén xuống trong cái thế “tử thủ”.

Nhìn qua bên trái bên kia QL13, tôi đã thấy ĐĐ3/81 BCD cũng đang xuất quân. Không ào ạt như ND, hay BĐQ, anh em 81 với lối đánh truyền thống đánh gần, và tiêu diệt địch trong khoảng cách gần.

Nhìn sang bên phải cách gần trăm mét, TĐ36 BĐQ cũng đang tiến lên, thiếu tá Tổng Viết Lạc vừa thúc quân vừa đích thân điều chỉnh cây cối 81 tác xạ yểm trợ, tôi thấy tháp thoáng Trung úy Nhân cùng hai người lính truyền tin đang cố vượt lên tuyến đầu.

Đằng sau lưng, tôi đã nghe thấy tiếng la của Đại úy Huỳnh Công Hiến, tiểu đoàn phó TĐ52 BĐQ đang hỏi thúc Đại úy Nguyễn Thế Kỳ mang ĐĐ2 & 3 ở phía sau cấp tốc tiến lên bên cánh phải của tôi.

Trung đội 4 có nhiệm vụ thu lượm chiến lợi phẩm và chất đồng ở phía sau. Số vũ khí thu được gồm 1 phòng không 12.8, 8 B40 & B41, hơn 20 cây AK. Ít nhất cũng trên 50 Cộng Quân bị đại đội 4/52 BĐQ chúng tôi loại khỏi vòng chiến ngày hôm nay. Đúng 4:15 chiều ngày 10/6/1972, Đại Đội 4/52 BĐQ đã tái chiếm lại toàn bộ sân bay An Lộc, nơi đây chúng tôi tìm được Chuẩn úy Tôn Thất Minh thuộc TĐ74 BĐQ từ Lộc Ninh chạy về, và một bé gái khoảng 7 tuổi nằm ở đây đã hơn hai tháng dưới bom đạn và không lương thực, chỉ

còn thoi thóp thở. Ban Quân Y của Liên Đoàn 3 BĐQ đã lập tức đến kịp thời cứu chữa. Tất cả hai người đã sống sót như là một phép màu.

Bên cánh phải, TĐ36 BĐQ đã cắm cờ trong Khu Gia Bình bên ngoài sân bay An Lộc. Bên cánh trái vì Cộng Quân chống trả dữ dội và địa thế khó khăn hơn nên mãi vào lúc 3 giờ sáng, ĐĐ3/81 BCD mới đẩy lui cộng quân và cắm cờ trên đỉnh Đồi Đồng Long.

Sau ba tháng tử thủ Bình Long, ngày 5/7/1972 Liên Đoàn 3 BĐQ được trực thăng bốc rời An Lộc, để lại được tung vào các chiến trường đang nóng bỏng như giải toả Bình Ba-Bình Giả, giải toả Hưng Lộc, Dầu Giây và Trảng Bom v.v... Bỏ lại sau lưng một số bạn bè chiến hữu, một số đã được chôn cất trong khu nghĩa trang tạm thời của LĐ3 BĐQ, một số được chôn vội vã tại ngay mặt trận.



Ban chỉ huy ĐĐ4/52BĐQ sau khi giải toả Bình Ba Bình Giả

Tiểu Đoàn 52 BĐQ có 89 chiến sĩ hy sinh, riêng ĐĐ4/52 của chúng tôi thiệt hại nhẹ nhất có 9 hy sinh và trên 25 bị thương, nhưng chiến công của ĐĐ4/52 BĐQ đã trực tiếp hạ sát gần trăm Cộng Quân, bắn cháy hai chiến xa, và tịch thu trên 60 súng đủ loại, đã góp phần nhỏ tạo nên một “BÌNH LONG ANH DŨNG” trong Quân Sử Việt Nam Cộng Hòa.

Cuối cùng sau 40 năm nhìn lại Mặt Trận

Bình Long, tôi, BĐQ Đoàn Trọng Hiếu, xin tạ lỗi với những anh em ĐĐ4/52 cũng như tất cả quân nhân LD3 BĐQ đã nằm lại tại An Lộc, vì tình hình chiến sự lúc đó, và vì vận mệnh tang thương của đất nước sau ngày 30/4/75 làm chúng tôi cũng đã phải nổi trôi cùng vận nước. Riêng Nghĩa Trang Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân cũng bị giải toả, khiến anh em chịu cảnh mồ hoang mả lạnh suốt 40 năm qua.

Tháng 12/2012, chúng tôi đã thu xếp để có được một nơi an nghỉ tạm cho các anh. Xin quý anh, “Những Người Lính Hiền Linh” hãy giúp chúng tôi tìm được thân nhân của các anh để các anh sớm về với gia đình, bên cạnh những người thân mà các anh đã hy sinh bảo vệ.



**Tôi xin mượn câu của Đức Jesus Christ”
Không có tình yêu nào cao quý cho bằng
hiến mạng sống mình cho người mình yêu”
để gửi đến các anh như lời tạ lỗi mượn
màng.**

**Sự hy sinh của các anh sẽ còn lưu lại đến
muôn ngàn đời sau.**

New Mexico, ngày 10/3/2012

* * *

**Ghi chú: Danh sách của 61 tử sĩ, hy sinh tại mặt trận An Lộc, Bình Long năm 1972,
được cải táng đã được ghi lại tại địa chỉ:**

<https://buonvuidoilinh.wordpress.com/2012/05/17/bdq-doan-trong-hieu-dai-doi-452-biet-dong-quan-voi-binh-long-anh-dung/>

<https://buonvuidoilinh.wordpress.com/>

DANH SÁCH 61 TỬ SĨ BIỆT ĐỘNG QUÂN TẠI AN LỘC BÌNH LONG

	Họ và Tên	Số Quân	Đơn Vị	Ngày Tử Trận
1	TS Nguyễn Ph An	51/107....	ĐĐ4 TĐ52BĐQ	11/5/1972
2	B1 Nguyễn tuần Anh	71/128548	TĐ31BĐQ	25/05/1972
3	Trần trọng Nhân	68/104289	BĐQ	15/04/1972
4	B2 Đặng văn An	69/149840	TĐ31BĐQ	13/06/1972
5	B1 Trần văn Ba	71/383565	TĐ36BĐQ	11/6/1972
6	B1 Nguyễn văn Cảnh	74/105691	TĐ31BĐQ	18/06/1972
7	Điều Cao		TĐ74BĐQ	7/1972
8	TS1 Nguyễn Chuyên	73/217507	ĐĐ1 TĐ36BĐQ	15/04/1972
9	B2 Chu văn Cường	74/114054	TĐ31BĐQ	27/05/1972
10	TH S Lê văn cường	64/125135	ĐĐ4 TĐ52BĐQ	16/05/1972

11	HS Nguyễn văn Đăng		ĐĐ2 TĐ52BĐQ	11/5/1972
12	TS Nguyễn văn Đông	71/103521	TĐ36BĐQ	7/5/1972
13	B2 Trịnh Dũng	73/108848	BCH TĐ52BĐQ	11/5/1972
14	HS Nguyễn văn Đước	69/125616	TĐ36BĐQ	10/5/1972
15	HS Dương xú Há	62/179159	TĐ36BĐQ	11/6/1972
16	HS1 Lê ninh Hải	64/189822	TĐ36BĐQ	3/7/1972
17	HS Đỗ văn hai	72/102446	BCH TĐ52BĐQ	7/6/1972
18	ĐU Lê văn Hiếu	65/145324	ĐĐ1TD52BĐQ	13/05/1972
19	HS1 Nguyễn văn Hoài	66/400108	BCH TĐ52BĐQ	16/06/1972
20	B2 Trần Hoài	74/109370	ĐĐ3 TĐ52BĐQ	8/5/1972
21	Nguyễn văn Hưởng	73/123516	ĐĐ2 TĐ52BĐQ	2/5/1972
22	B1 Trần đức Lân	61/578478	TĐ36BĐQ	5/5/1972
23	B2 Nguyễn Bá Long	72/147048	TĐ31BĐQ	11/6/1972
24	B2 Hà văn Lượng		TĐ36BĐQ	11/6/1972
25	B2 Hồ văn Mão	69/106734	TĐ36BĐQ	10/5/1972
26	B1 Nguyễn văn Nam	74/112571	ĐĐ2 TĐ52BĐQ	11/7/1972
27	Phan văn Nam	63/122313	TĐ36BĐQ	11/5/1972
28	TR U Tr Đình Phúc	69/209955	TĐ52BĐQ	19/05/1972
29	HS1 Phương	74/521330	TĐ52BĐQ	11/5/1972
30	B2 Nguyễn văn Quang	71/126277	TĐ36BĐQ	7/6/1972
31	HS1 Nguyễn văn Sơn	66/151819	TĐ36BĐQ	14/05/1972
32	B1 Nguyễn văn Sơn	66/128548	TĐ36BĐQ	20/05/1972
33	HS Phạm Hắt Sơn	69/124285	ĐĐ2 TD52BĐQ	23/05/1972
34	HS1 Đình văn Song	70/109172	ĐĐ2 TĐ36BĐQ	15/06/1972
35	B2 Kiều văn Tách	73/111521	TĐ36BĐQ	17/05/1972
36	TH T Nguyễn Minh Tâm	63/111171	ĐĐ1 TĐ36BĐQ	15/04/1972
37	HS1 Hồ văn Tám		ĐĐ1 TĐ52BĐQ	8/6/1972
38	B2 Đỗ ngọc Tâm	72/149960	TĐ31BĐQ	22/05/1972
39	B1 Lê Thạch	72/204083	TĐ31BĐQ	27/05/1972
40	HS Nguyễn văn Thanh	69/108099	ĐĐ3 TĐ52BĐQ	22/05/1972
41	HS Lê văn Thọ	73/111046	TĐ31BĐQ	14/05/1972
42	HS Nguyễn văn Thơm	72/105570	TĐ36BĐQ	13/06/1972
43	HS1 Trần văn Thủy	69/156326	Đ36BĐQ	12/5/1972
44	HS1 Vũ Đình Thủy(Thị)		ĐĐ3 TĐ52BĐQ	13/05/1972
45	Đỗ Ngọc Tiến	74/189540	ĐĐ3 TĐ52BĐQ	12/5/1972
46	B2 Trần văn Tính	72/112416	TĐ36BĐQ	3/5/1972
47	B1 Đình Bá Tông	63/108883	TĐ36BĐQ	21/06/1972
48	TS Nguyễn văn Trường		TĐ52BĐQ	8/6/1972
49	B1 Trần văn Tuy	73/114120	TĐ36BDQ	13/06/1972
50	B2 Phạm Văn	73/225395	ĐĐ4 TĐ52BĐQ	14/05/1972
51	Vô danh		Nhảy Dù	7/1972

10 hài cốt vô danh

Tổng cộng 61 (sáu mươi một) hài cốt

Nếu thân nhân cần tìm hài cốt, xin liên lạc Đoàn Trọng Hiếu hieudoanbdq@yahoo.com

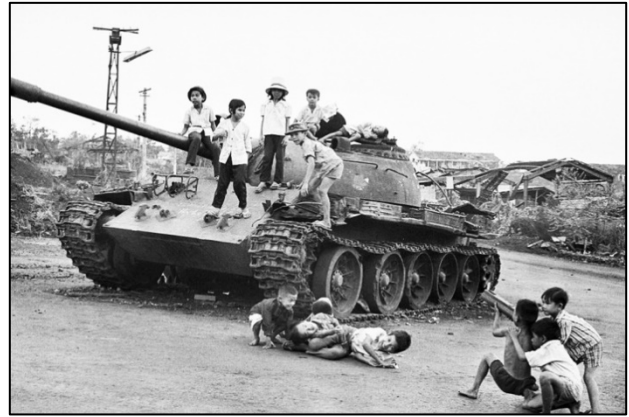
**Đại Đội Trưởng Đại Đội 11 - Tiểu Đoàn 3 - Trung Đoàn 9 - Sư Đoàn 5 BB/QLVNCH.
Và chiến cuộc mùa Hè 1972 tại Lộc Ninh, An Lộc, Bình Long.**

HỒ KÝ
CỰU TRUNG ÚY
LÊ CẢNH SAO

Tháng 3/1972, Tiểu đoàn 3/9 đang đóng quân tại phi trường Quản Lợi, An Lộc, Bình Long thì được lệnh di chuyển đến phía bắc thị trấn An Lộc tiếp nhận căn cứ Hùng Tâm nằm phía bắc cầu Cần Lê cách QL13 chừng hơn 2km về hướng tây, đến đầu tháng 4 Tiểu đoàn 3/9 bàn giao căn cứ cho Trung đoàn 52 thuộc SĐ18BB và tiến về hướng Bắc, đến quận Lộc Ninh. Lộc Ninh đối với chúng tôi cũng chẳng xa lạ gì, vì đó là vùng trách nhiệm của Trung đoàn 9 BB, một quận lỵ nghèo nàn, nằm ven QL13, cư dân hầu hết là công nhân đồn điền cao su, dân chúng buôn bán nông lâm sản, không có phố xá, chỉ có các tiệm ăn, hàng quán nghèo bao quanh khu chợ cũng là bến xe, nơi hàng ngày một hai chuyến xe đò chạy về Bình Long - Bình Dương và ngược lại. Đường giao thông thì gần như chấm dứt vì đi xa hơn về hướng Bắc là rừng cây cao su, rừng già và sẽ đến thị trấn Snoul của Campuchia, đến gần biên giới rồi phải về hướng đông ở ngã ba Lộc Tấn, khoảng chừng 7- 8 km thì đến quận Bó Đức (Bù Đẳng, Bù Đốp) thuộc tỉnh Phước Long.

Tình hình Lộc Ninh vào những ngày đầu tháng 4 có vẻ yên tĩnh, xuống chợ Lộc Ninh chơi thì sinh hoạt của dân chúng vẫn bình thường không có vẻ gì khác lạ, mà đâu ngờ rằng cộng quân đã chuẩn bị kỹ càng trận địa, chỉ vài ngày sau bão lửa đã nổi lên khốc liệt và đã loại Chiến đoàn 9 của Đại Tá Nguyễn Công

Vĩnh ra ngoài vòng chiến.



Trong hình: Quân “cụ Hồ” đã để xe tăng lại cho trẻ em Bình Long, An Lộc nô đùa sau trận chiến mùa Hè 1972.



Xe tăng của Việt Cộng bị bắn bung pháo tháp rớt xuống đất. Chiến hữu Lê Cảnh Sao đã đứng gần nơi chiếc xe tăng này và chứng kiến cảnh T.54 này bị bắn hạ trên An Lộc trong trận chiến mùa Hè đò lửa năm 1972.

Phối trí lực lượng của Chiến Đoàn 9 Bộ Binh như sau:

- Bộ chỉ Huy CĐ 9 đặt tại cuối sân bay Lộc Ninh, trong hậu cứ của TD74 BĐQ Biên phòng.

- Tiểu đoàn 74 Biệt động Quân biên phòng, đóng tại Căn cứ “A”, phía trên ngã Ba Lộc Tấn, canh phòng biên giới Việt-Miên.

- Thiết đoàn 1 Kỵ binh (-), hành quân lưu động. Chi đoàn 2/1 còn ở lại hành quân bên Dầu tiêng, Trị Tâm, Bình Dương.

- Tiểu đoàn 1/9 của Thiếu Tá Võ Trung Thứ hoạt động tại Quận Bồ Đức, Phước Long.

- Tiểu đoàn 2/9 (-) của Đại Úy Nguyễn Quang Nghị từng thiết với Thiết đoàn 1 KB (-) hoạt động dọc QL 13 từ Lộc Ninh, Lộc Thiện, Lộc Tấn (ngã ba Bồ Đức) cho đến tận biên giới Việt Miên

- Đại đội 9 Trinh sát hành quân thám sát vùng Tây Bắc Lộc Tấn.

- Tiểu đoàn 53 Pháo Binh yểm trợ trực tiếp cho Chiến đoàn

- Tiểu đoàn 3/9 của Thiếu tá Đặng văn Sơn khi đến Lộc Ninh thì bố trí như sau:

- Đại đội 9 phòng thủ Bộ chỉ Huy Chiến đoàn.

- Đại đội 12 giữ căn cứ Pháo đội hỗn hợp sau lưng Chi Khu Lộc Ninh.

- Đại đội 10 và đại đội 11 hành quân lưu động.

Khởi đầu cuộc chiến

Sáng ngày 4/4/72, TĐ 3/9 (-) với Đại đội 10 và Đại đội 11 dưới sự chỉ huy trực tiếp của Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng Đặng văn Sơn hành quân trực thăng vận xuống gần vùng Lưỡi Câu. Cuộc đổ quân an toàn được đích thân Tư lệnh Sư là Chuẩn tướng Lê văn Hưng bay điều khiển, tới gần trưa thì cuộc đổ quân chấm dứt, TĐ tiến quân theo kế hoạch, không lâu sau thì Đại đội 10 và 11 chạm súng với cộng quân và bị một số tổn thất được trực thăng tản thương kịp thời, lục soát mục tiêu chúng tôi khám phá rất nhiều đường dây điện thoại thiết kế từ Tây sang Đông tức là hướng từ biên giới tới Lộc Ninh, Tiểu đoàn trưởng cho lệnh phá hủy và tiếp tục hành quân, chiều đến Tiểu đoàn

dừng quân và tổ chức phòng thủ qua đêm. đến khuya, chợt thức giấc tôi nghe có tiếng cơ giới chạy ì ầm rất gần ở hướng Bắc tôi vội gọi máy PRC 25 báo cáo lên 83 là danh hiệu Truyền tin của Th. Tá Sơn TĐT, Ông liên lạc với BCH Chiến Đoàn sau đó ban lệnh báo động, đồng thời cho tiền sát viên Pháo binh tác xạ, TSV đã thực hiện một trận bắn TOT ngoạn mục vào mục tiêu mà chúng tôi không hề ngờ rằng đó là những loạt pháo mở màn cho những trận đánh dữ dội sau này của ta và địch suốt 3 tháng trời ròng rã tại chiến trường An Lộc trải dài từ Lộc Ninh, An Lộc, Bình Long, theo QL 13 xuôi về hướng nam từ Xa Cam, Xa Trạch đến Chơn Thành với sự tham chiến trên 60,000 ngàn quân của cả hai bên!

Sau trận Pháo của TĐ 3/9 vào đoàn xe địch, cộng quân đồng loạt pháo kích, tấn công vào BCH Chiến đoàn, Chi Khu Lộc Ninh, Thiết đoàn 1 Kỵ binh cũng như các đơn vị đóng quân dọc QL 13 từ ngã ba Bồ Đức về đến Lộc Ninh, hừng sáng thì bộ binh của địch xuất hiện tại chợ Lộc Ninh cũng như các khu vực quanh các vị trí quân sự của ta, chúng cũng không chể được sên bay Lộc Ninh. Lực lượng quân ta phân tán quá mỏng, chỉ với 2 đại đội bộ binh của Tiểu Đoàn 3/9 (ĐĐ9 và ĐĐ12) mà phải chống giữ 3 nơi quan trọng: BCH Chiến Đoàn, căn cứ pháo đội hỗn hợp và sân bay Lộc Ninh, Trung Úy Nguyễn Tấn Đờm đại đội trưởng đại đội 9 Phòng thủ BCH Chiến Đoàn đã hy sinh trong những giây phút pháo kích đầu tiên! Trước áp lực quá nặng nề của cộng quân, Đại Tá Nguyễn Công Vĩnh đã ra lệnh rút các đơn vị thuộc quyền về ngay Lộc Ninh để tăng cường cho lực lượng phòng thủ, nhưng cũng đã quá muộn, như đoán trước được ý định điều quân của ta, cộng quân đã gài mìn, phục kích trên QL 13. Tờ mờ sáng ngày 5 tháng 4 chi đoàn 3/1 Thiết kỵ cùng đại đội 7 của TĐ 2/9 từ biên giới rút về ghé lại căn cứ Hoa lư bốc luôn Tiểu

doán 74 BDQ Biên Phòng về thẳng Lộc Ninh, đã bị phục kích và đánh chặn ngay tại làng 4 gần khúc quẹo Chùm Bao cách Lộc Ninh khoảng 4 km về hướng bắc nên phải dậm chân tại chỗ.

Trong ngày 6/4, Thiết Đoàn 1 KB và TĐ 2/9 (-) tại ngã ba Bồ Đức được lệnh phá hủy các khẩu đại bác, chia làm hai cánh quân, Thiết giáp theo QL13, Bộ Binh theo đội hình riêng song song tiến về Lộc Ninh đánh chiếm các cao độ tại khu vực của Chùm Bao nhằm giải tỏa QL13, cả hai cánh quân đều chạm địch nặng.

QL13 từ Lộc Ninh qua Lộc Thiên, Lộc Tấn đến Thị trấn Snoul, Campuchia là đường độc đạo chạy quanh co trong rừng cao su già, trùng trùng điệp điệp với các vòng cao độ nhấp nhô và các đường thông thủy hiểm hóc mà Bộ Binh cũng khó khăn lắm mới vượt qua được, giờ đây Thiết đoàn 1KB bị tấn công trong hiểm địa như thế quả thật là vô cùng bất lợi. Lại nữa ngay lúc giao tranh thì một Thiếu úy Chi đội trưởng Thiết Giáp là nội tuyến do VC gài vào từ trước đã nổ súng vào đội hình của Thiết đoàn, ngoài thì địch tấn công bên trong thì bị một Chi đội trở cờ bắn vào đội hình, nên Thiết đoàn 1 KB tan rã. Đây không phải lần đầu TĐ 1 KB bị nội tuyến, mà vào năm 1966 doanh trại của Thiết đoàn tại Gò Đậu, Bình Dương cũng bị một thượng sĩ làm nội tuyến cho VC đánh úp vào và lấy được hai xe thiết giáp lái vào mật khu, sau đó lực lượng ta truy đuổi thu hồi lại được. (Lời kể của Trung tá Thiết đoàn trưởng Thiết đoàn 1 KB với Th/tá Sơn trong trại tù VC).

Đại đội 9 Trinh sát trên đường về Lộc Ninh, đại đội trưởng Trương Tấn Kiệt hy sinh, đại đội phó Thiếu Úy Cao Thái Bá bị trọng thương, anh em binh sĩ cố gắng mang ông theo đoàn quân nhưng ông thẳng thừng từ chối và nói với họ hãy để cho ông thêm lựu đạn ông sẽ nằm lại cản đường cho anh em rút lui, Thiếu Úy Bá

trước đây cũng phục vụ tại Tiểu đoàn 3/9 cùng với tôi.

CÁNH QUÂN CỦA TĐ 3/9:

Ngay sáng sớm ngày 5/4, TĐ 3/9 (-) được lệnh rời vùng hành quân quay về chiếm lại sân bay Lộc Ninh để Sư đoàn đổ quân tăng viện, áp lực địch quá mạnh, để bảo vệ chúng tôi trên đường về Lộc Ninh, BCH Chiến đoàn đã cho máy bay bỏ bom dọn một hành lang từ vị trí TĐ về đến gần sân bay Lộc Ninh và chúng tôi được lệnh chỉ được di chuyển trong hành lang đã được ném bom dọn đường đó mà thôi, tuy vậy dọc đường cũng bắn hạ được nhiều tên VC tiếp tế lương thực cho đồng bọn. Đến gần trưa chúng tôi về đến sân bay chỉ còn vượt qua cái đầm lầy rộng chừng 200m là bám được cuối sân bay. Trong khi dàn quân chuẩn bị vượt đầm lầy, ĐĐ 11 của tôi bị một chiếc M 41 từ tiền cứ của Thiết đoàn bắn liền hai phát đại bác 75 ly vào đội hình, chúng tôi bị một số thương vong mà lẽ ra không đáng có, cuối cùng chúng tôi đã đến được cuối sân bay, tại đây chúng tôi chứng kiến những đợt pháo kích kinh hoàng vào BCH Chiến đoàn, riêng tại cổng vào BCH hàng chục trái pháo rớt vào cùng một chỗ, chứng tỏ rằng có nhiều vị trí pháo cùng bắn vào mục tiêu, dưới làn đạn pháo liên tục bắt tận đó Th. tá Sơn cho lệnh ĐĐ 11 tiến chiếm lại các lô cốt dọc sân bay, chính đồn lại lực lượng, tôi dẫn anh em ĐĐ 11 tiến lên đánh chiếm được 3 lô cốt đầu tiên, liền bị chúng bắn sập hai cái, chiến trường quá khắc nghiệt, chỉ trong một thời gian ngắn ĐĐ 11 liên tục bị thiệt hại nặng nề, chúng tôi ngưng tấn công, và bố trí tại chỗ. Cuối sân bay phía bên kia là BCH Chiến đoàn, tình hình cũng vô cùng bi quan.

Tiểu đoàn 3/9 giờ chỉ còn ĐĐ10 là ít bị tổn thất. Thiết đoàn 1 KB cũng như TĐ 2/9 tại Lộc Tấn (ngã ba Bồ Đức) trên đường về tiếp cứu cho Lộc Ninh đều bị phục kích, chặn đánh tại

của Chùm Bao. Đơn vị lớn là TrĐ 52 BB đang ở căn cứ Hùng Tâm cách Lộc Ninh chừng 7km cũng bị địch tấn công, pháo kích mặc dù TrĐ52 nhiều lần tiến quân lên hướng Bắc để tiếp cận với TrĐ 9 nhưng không thành công, màn đêm dần xuống, bên kia sân bay BCH Chiến đoàn vẫn bị pháo liên tục, từ khuya 4/4 cho tới hiện tại là chiều tối 6/4 biết bao nhiêu là đạn pháo rớt như mưa xuống một vị trí nhỏ bé là hậu cứ của TrĐ 74 BDQ Biên phòng được dùng làm BCH hành quân của Đại Tá Vĩnh, được phòng thủ chỉ bởi 1 đại đội Bộ Binh, ĐĐ 9 của TrĐ 3/9 mà đại đội trưởng đã hy sinh, nằm bên ngoài căn cứ chúng tôi cũng bị rung lên sau từng loạt tiếng nổ ở bên trong căn cứ.

Trời hừng sáng ngày 7/4 địch ngưng pháo, lợi dụng thời gian này chúng tôi làm gạo sảy dần bụng qua loa, mặt trời lên cũng khá cao chợt nghe tiếng nổ ì ầm bên trong căn cứ thì ra chiến xa của chúng từ hướng Bắc, áp Lộc Thiên - tiến sát hàng rào phòng thủ, bắn đại bác vào từng lô cốt, đồng thời từ hướng chợ Lộc Ninh một đoàn chiến xa khác do T54 dẫn đầu tiến lên theo con đường bên cạnh sân bay vừa chạy vừa bắn 12 ly 7 ào ào, chúng vượt qua BCH Chi Khu, đến trước cổng vào BCH Chiến đoàn và bố trí tại đó, chúng tôi đành thúc thủ vì không có súng M72 trong tay, các cuộc hành quân trước đây chúng tôi thường dùng M79 mà thôi vì loại súng này rất lợi hại khi tác chiến cũng như tấn công vào các vị trí phòng thủ của VC, và theo lệnh Th/Tá Sơn, các Đại đội trưởng sẽ mang M72 ra trang bị cho anh em binh sĩ khi về tới BCH Chiến đoàn nhưng những đợt pháo kích vừa rồi đã làm nổ tung các kho đạn dược, M72 bị tiêu hủy hết rồi, cái thói quen xử dụng M79 đã làm hại chúng tôi. Kể từ những giây phút này thế trận đã đến hồi kết, binh sĩ trong căn cứ từng đợt thoát ra ngoài, chúng tôi thấy Đại Tá Vĩnh xuất hiện ở cổng BCH CD chúng tôi đón và bảo vệ ông lui

về hướng Nam, bỏ lại sau lưng căn cứ trong khói lửa và tiếng gầm thét của hai chiếc chiến đấu cơ phản lực, theo chân đoàn quân có rất nhiều binh sĩ ĐPQ và vợ con của họ.

Chúng tôi di chuyển trong rừng cao su chừng 2 km thì đến rừng chồi có khu nghĩa địa ven QL13 thì đụng với một chốt phục kích có chiến xa phối hợp, chúng tôi bị đánh dạt về phía Đông QL 13 cạnh một con suối, trong khu vực rẫy của dân, Thiếu Úy Trương Phước Dậu đại đội phó của tôi bị trọng thương, bên kia bờ suối bộ binh địch đông nghệt tràn lên, giao chiến với VC cho tới bây giờ là ngày thứ 4 của cuộc chiến, sức cùng lực kiệt trong một chiến trường mà VC đã chuẩn bị rất kỹ với một quân số quá đông, đoàn quân hộ tống Đại Tá Vĩnh bị chia cắt ra từng nhóm, tuy vậy chúng tôi vẫn chống cự quyết liệt, khi tôi báo cáo sự việc Đại Tá bị bắt, Thiếu tá Sơn dặn tôi đừng để anh em binh sĩ biết, sợ anh em mất tinh thần, tuy nhiên diễn biến chiến trường xảy ra quá nhanh chóng, thực sự chúng tôi mỗi người chỉ còn chừng một một băng đạn cuối cùng và chúng tôi đã phải chiến đấu với địch bằng lựu đạn trong khi địch tràn tới, các anh em binh sĩ chiến đấu rất gan dạ, nhưng không kéo dài được lâu, VC xông lên ồ ạt tới và Th/tá tiểu đoàn trưởng bị VC bắt sống, trận chiến tàn cùng với số phận nghiệt ngã của những người chiến binh QLVNCH bị lọt vào tay giặc!

VC tập trung chúng tôi vào khu rừng cao su già bên kia QL13, giày trận bị bắt cởi ra, nhưng tôi nhanh trí, chừa lại đôi vợ, nên mấy ngày sau, khi di chuyển trong rừng đỡ bị đau chân phần nào, đến chiều tối thì chúng dẫn chúng tôi di chuyển về hướng tây, nhằm hướng Campuchia.

Trong thời gian này ý chí vượt thoát thôi thúc tôi dữ dội, bằng mọi cách, mọi giá, phải tìm về phòng tuyến quân bạn, tiếp tục chiến

đầu, không thể nào bỏ cuộc dở dang như thế này được, tôi vừa di chuyển theo đội hình, vừa suy nghĩ, tính toán, hành động như thế nào đây? Phải thực hiện ý định càng sớm càng tốt vì càng đi sâu vào lãnh thổ Campuchia thì càng khó khăn thêm cho việc đào thoát. Qua đêm thứ hai từ khi bị bắt, lợi dụng đêm tối tôi di chuyển tới chỗ Thiếu tá Sơn nằm nghỉ và bày tỏ ý định của mình, sau đó tôi cũng tiết lộ cho một số anh em biết “Sáng mai ai muốn trốn thoát thì khi di chuyển bám sát sau lưng và chạy theo tôi.

CUỘC TRỐN CHẠY

Trong khi di chuyển, Th tá Sơn và Tr/úy Trường đại đội trưởng ĐĐ 10 luôn bị chúng dẫn đi đầu nên không xoay sở gì được, vì có ý định đào thoát nên tôi đi vào khoảng giữa đội hình, chúng tôi di chuyển hàng một trong rừng già khoảng 20 người thì có 1 tên VC ôm súng AK đi kèm, bắt đầu di chuyển được chừng nửa giờ tôi vừa đi vừa làm bộ té lên té xuống mục đích gây ùn tắc đoàn người sau lưng mình rồi đứng dậy vọt nhanh về phía trước, làm như vậy vài lần, khi thấy đội hình đã bị giãn cách ra, cách tên VC đi trước đã có một khoảng khá xa với tôi và tên đi sau bị chậm lại không theo kịp, thấy vậy tôi tách ra chạy thật nhanh về phía trái là hướng Đông, hướng về lãnh thổ Việt Nam, có một số anh em chạy theo, một vài lần đạn bắn, nhưng chúng không dám bỏ đoàn tù binh để rượt đuổi chúng tôi, chạy được một khoảng khá xa trong rừng già và cảm thấy đủ an toàn tôi dừng lại nghỉ ngơi lấy sức, xem lại vòn vện có 3 anh em: tôi, Thiếu úy Thọ, Đại đội phó ĐĐ10, Thiếu úy Phát SQ Đà Lạt mới ra trường về TD 3/9 chưa được bổ nhiệm chức vụ gì (có thể Th/úy Phát khóa 24 Đà Lạt). Giờ đây 3 người lính QL VNCH, 3 ngày qua không có chút gì trong bụng, đầu trần chân đất, trong tay không có một tác sắt, đang bắt đầu một cuộc

muu sinh thoát hiểm từ trong lòng địch để tìm về phòng tuyến Quốc Gia.

Tháng Tư với những cơn mưa đầu mùa, bầu trời âm u lại rừng rậm, không thấy bóng mặt trời nên việc định hướng rất khó khăn, đi mãi, từng bước chân trần tươm máu, những bụi gai cản đường xé rách da thịt, áo quần, thỉnh thoảng gặp được một khoảng trống nhỏ hiem hoi, từ đó chúng tôi xác nhận lại hướng đi và tiếp tục cuộc hành trình. Đêm đến chúng tôi tìm lùm cây, bẻ lá lót chỗ, 3 đứa ngồi tựa lưng vào nhau để tìm hơi ấm ngủ qua đêm, trên đường đi, hái xoài rừng, lá bứa gặm nhấm cho đỡ đói lòng, tính ra đã ba bốn ngày qua, không ăn uống mà sao chúng tôi vẫn cầm cự được, có lẽ vì ý chí quyết tâm tìm về phòng tuyến quân ta quá mãnh liệt mà quên đi chuyện đói khát chẳng? Có lần chúng tôi đi vào một vị trí pháo của địch, nhưng vì chúng chủ quan không canh gác, nên 3 anh em chúng tôi dễ dàng thoát ra đi hướng khác. Đến trưa ngày nọ (khoảng một tuần sau ngày thất thủ Lộc Ninh chúng tôi đến một khu rẫy được dọn dẹp quang đãng với những gốc rạ, không biết ở khu vực nào nhưng cũng đỡ phải băng rừng lội suối, chúng tôi trèo lên các căn chòi của dân làm rẫy để nghỉ mệt, chừng một hai giờ chiều chúng tôi dè dặt đi về hướng Đông Nam bỗng thấy xa xa có bóng dáng những chiếc xe nhà binh đầu quay về hướng Nam, nằm bất động trên đường, tôi mừng rỡ kêu lên: “QL13 đây rồi”. Mừng rỡ vì sau những ngày dài trong rừng rậm, chúng tôi đã về tới lãnh thổ Việt nam, với địa hình quen thuộc, đi xuôi về hướng nam, chúng tôi phát hiện có vị trí đóng quân của ta trong những ngày gần đây, tôi xác định đây là ngã ba Hùng Tâm, và tự hào đôi chút là khả năng vượt rừng, không bản đồ, không địa bàn không lương thực trong những ngày qua của một Đại đội trưởng Bộ Binh không đến nỗi tôi, nơi chúng tôi đến chỉ cách vị trí con suối khi đoàn quân rút lui bị

phục kích mấy hôm trước chừng hơn 4 km về hướng nam mà thôi, và nơi đây mấy ngày qua cũng là bãi chiến trường với vài xác quân nhân nằm lại, họ mang phù hiệu SĐ18BB, tình hình chung quanh yên lặng, quân hai bên đã rút đi hết, tìm tòi trong ba lô rải rác chúng tôi có được những bao gạo sậy còn nguyên vẹn và lấy nước từ các vũng nước mưa, (chắc chắn có mùi xác người) làm cơm sậy ăn. Cả 3 ăn no và tìm chỗ kín đáo nghỉ ngơi, không biết tình hình Bình Long ra sao? nếu Bình Long còn thì tìm cách vào Bình Long, còn nếu Bình Long mất thì tìm đường về Bình Dương, nghĩa là chúng tôi phải vượt chừng 60 km đường rừng nữa, điều này theo tôi thì chúng tôi có thể thực hiện được vì đã gom gạo sậy khá đủ, cộng thêm mỗi người còn có vài quả lựu đạn M 67, tôi còn nhặt được một lưỡi lê của súng M16 để phòng thân, Chiều đến chúng tôi lần dò về hướng cầu Cần Lê, từ ngã ba Hùng Tâm đến cầu Cần Lê thực sự là một bãi chiến trường lớn giữa cộng quân và Tr/đ 52 BB, cỏ cây cháy đen còn vương mùi khói súng, xe cộ bỏ lại tang hoang, tôi leo lên một chiếc xe dodge, tìm thấy con dấu của Đại đội 52 Trinh sát, một máy đánh chữ và một súng cối 60ly, càng gần cầu Cần Lê chúng tôi nhận biết đạn Pháo binh từ Bình Long bắn ra và mừng rỡ bảo nhau: “*Như thế là Bình Long chưa mất!*” Chúng tôi sẽ tìm vào Bình Long. Cầu Cần Lê đã bị gãy, nhịp cầu ở giữa sụm xuống, cháy đen, bên kia cầu, nơi vị trí Pháo binh, những cây đại bác 155 ly vẫn vươn cao nòng súng, mấy cột ăng ten 292 vẫn còn đó nhưng tất cả im lìm vắng lặng?

Lần theo bờ suối và tìm chỗ vượt qua, qua được bờ bên kia, chúng tôi dừng lại, nghe ngóng, rồi dè dặt di chuyển về hướng Bình Long, thật bất ngờ, chúng tôi trực diện với một toán cộng quân đi ngược chiều. Phản ứng cấp thời của chúng tôi là bỏ chạy về phía sau, chạy được một khoảng khá xa, nhìn lại thì không

còn thấy hai người bạn của tôi nữa, chui vào một lùm cây, tôi cố ý nghe ngóng và chờ đợi bạn, mãi cho đến khi trời tối dần vẫn không thấy bạn đâu, chúng tôi thật sự lạc mất nhau từ đó! Sau này khi hiệp định Paris được ký kết và được trao trả tù binh, về thăm bạn bè tại trại an dưỡng, được gặp lại 2 bạn là Thiếu Úy Thọ và Thiếu Úy Phát, họ kể cho tôi nghe là hai anh cũng vào được An Lộc, nhưng bị VC bắt lại trong những cuộc tấn công của chúng sau đó. Thật vô cùng xui xẻo cho hai người bạn từ Lộc Ninh bị bắt qua Campuchia, trốn được về với quân bạn tại An Lộc, Bình Long rồi bị bắt lại lần nữa.



Các chiến sỹ SĐ 5 BB đang đứng quan sát và điều chỉnh cho Không quân VNCH đánh bom vào nơi trú quân của Việt Cộng trong trận chiến mùa hè đỏ lửa năm 1972 trên An Lộc.

Từ cầu Cần Lê về tới An lộc chỉ non 3km mà thôi, tôi quyết định một mình vượt nốt đoạn đường còn lại, trong màn đêm mờ mờ tôi đi dọc theo QL13 cách QL chừng 20 m nhưng cây cối quá rậm rạp, những cây cỏ hôi chằng chịt không sao vượt qua được, tôi mạo hiểm mò lên QL 13 để di chuyển, được một đoạn chừng vài trăm mét chợt phát giác một toán VC đang đi ngược chiều quá cấp bách tôi nhanh trí nằm lăn bên lề đường như một xác chết, chúng đi qua mà không hề quan tâm, vì giữa chiến trường lớn, một xác chết bên vệ đường là chuyện thường, toán quân VC chừng vài chục tên đi

qua rồi, tôi hoàn hồn suy nghĩ, đi trên QL quả là quá nguy hiểm, tôi lại rời QL, đi được một khoảng thì đến cánh đồng ruộng dưới chân đồi Đồng Long, cánh đồng này chạy dài từ chân đồi ra đến QL 13, di chuyển trên đồng ruộng trông rất dễ quan sát, tôi lại bắt gặp nhiều đường giây điện thoại, tôi bèn dùng lưới lê mới nhặt được chặt đứt chúng và tiếp tục di chuyển về hướng trước mặt, tôi đã thấy khu vực dân cư lơ mờ hiện ra, trước khi tiếp cận được thì phải băng ngang qua khu vực khai thác đá của dân địa phương.

Đây mới là “Đoạn Đường Chiến Binh” thực sự. VC xuất hiện liên tục, bên ngoài xâm nhập vào trận địa, bên trong tải thương ra, tiếng súng từ trong Bình Long bắn ra, tiếng đạn pháo bên ngoài nã vào, tôi như lọt vào mê hồn trận, tiến thoái lưỡng nan, tôi khom mình ẩn vào một hốc đất, bọn chúng cứ ào ào bước ngang qua đầu, phải công nhận là chúng di chuyển ban đêm thật hay, không có lối mòn mà đi không có vẻ mờ mẫm gì cả, chỉ thỉnh thoảng thấy tên dẫn đầu bật lửa lên quan sát mặt đất sơ qua mà thôi, tôi nép mình chịu trận không dám mạo hiểm di chuyển nữa, đặng đầu là cái chắc! Lòng nôn nao muốn vào cho được bên trong Bình Long mà không màng đến hiểm nguy như thế nào, một thời gian sau, thấy VC bớt xuất hiện, tôi chờ hỏa châu bật sáng, quan sát những lùm bụi chung quanh, chờ ánh hỏa châu tắt rồi di chuyển tới đó, trong vòng chín, mười mét, không dám đi xa hơn, rồi núp lại chờ những trái hỏa châu kế tiếp, quan sát và định hướng, đi cũng có, bò lết cũng có, trời mờ sáng tôi tiếp cận được bờ rào ấp Chiến lược, phân cách Thị xã An Lộc với bên ngoài, tôi vượt qua và vào được bên trong, tiếng súng đã lắng dịu, trước mặt nhà cửa, cây cối đổ nát tôi núp vào đằng sau một ngôi nhà, nghe ngóng và quan sát, lát sau có một ông già đi ra, tôi bèn hỏi ông tình hình trong Bình long ra sao? Ông ta hỏi anh là

ai? Tôi trả lời là lính SĐ 5, ông liền bảo: chúng nó bên kia đường, đến trình diện đi, chứ ở đây nó biết được thì anh cũng chết mà tôi cũng chết, tôi thực sự bối rối, nhưng sau đó bình tĩnh trả lời ông rằng, cháu sẽ rời đây ngay, nhưng bác cho tôi xin một bộ áo quần được không? Ông vào bên trong lát sau mang ra cho tôi một chiếc áo bà ba và một cái quần xà lỏn, tôi thay bộ đồ trận rách bươm và hôi hám, cảm ơn ông và di chuyển đến các ngôi nhà kế cận, đến một ngôi nhà cạnh QL 13, tình hình yên tĩnh, chung quanh không một bóng người, tôi chui xuống căn hầm chống pháo kích của chủ nhà, thấy được dụng cụ trang bị, băng cá nhân của VC còn vết máu tươi, một bếp dầu hôi còn le lói cháy, tôi nghỉ ngơi một lát rồi ra khỏi hầm dò xét xem sao, đến tử đưng thức ăn thấy cỏ mấy gói mì ăn liền và một lon sữa bò còn dang dở tôi gom lại đem xuống hầm nấu lên ăn uống chắc bụng rồi trở lên tìm thấy áo quần dân sự, bây giờ ăn mặc tươm tất hơn, áo chemise, quần tergal, trông cũng sạch sẽ lắm! Tuy không biết tình hình chung quanh thế nào nhưng vì quá mỏi mệt tôi nằm lăn trong hầm trú ẩn ngủ một giấc. Chợt thức giấc vì tiếng súng, tiếng đạn nổ, tôi bình tĩnh nghe ngóng và nhận ra rằng đó là tiếng nổ của đạn M79, tôi nghe được cả tiếng depart, và vô cùng mừng rỡ, vì tôi biết rằng như thế là vị trí quân bạn rất gần nơi tôi đang trú ẩn, chờ một lát, không còn nghe tiếng bắn trả của VC tôi lần mò di chuyển ra sát QL 13, tôi đang ở vị trí của những ngôi nhà đầu tiên của cổng Bắc Thị xã An Lộc, nằm dài xuống một gốc dừa lớn quan sát về hướng Thị xã thấy được bóng dáng của những người lính súng cầm tay đang dè dặt tiến trên QL 13 lên hướng cổng Bắc, tôi thầm nghĩ họ đang tiến chiếm lại những vị trí mà tối hôm qua đã mất vào tay VC. Tôi đã thấy được quân bạn rồi, nhưng vẫn đề ở chỗ là làm thế nào để quân bạn không bắn vào mình trong khi tôi đang ở đầu mũi súng, là

mục tiêu nhắm bắn của họ? Suy nghĩ một lúc tôi trở vào nhà trong lấy một mảnh vải trắng lớn cột vào đầu cây sào tầm vòng dài trở ra gốc dừa lúc nẩy núp xuống và quơ cây sào ra QL 13 mục đích là cho quân bạn nhìn thấy cây cờ trắng của tôi và nhìn theo hướng nơi có quân bạn xuất hiện. Quả thật họ đã nhìn thấy và đang chỉ trở vào nơi tôi đang ẩn nấp, nhưng cẩn thận tôi phát cờ thêm một lúc nữa cho chắc ăn rồi mới cầm cờ trắng bước ra ngoài QL 13, một tay cầm cờ, một tay đưa lên khỏi đầu đi nhanh đến vị trí những người lính, tôi mừng rỡ ôm chầm người lính đầu tiên mà tôi gặp, cái cảm giác sung sướng tràn ngập lòng tôi, thế là tôi đã về được phòng tuyến Quốc Gia! Tôi đang nói chuyện với họ thì người Trung sĩ Tiểu đội trưởng đến và kêu mấy người lính trói tôi lại, tôi vui vẻ và nói là mau mau dẫn tôi đến gặp đại đội trưởng của họ, trói tôi xong họ dẫn về phía sau, gặp Trung úy ĐĐT (không nhớ tên) Tôi với ông ta nói chuyện với nhau một lát thì ông ta cho người dẫn tôi lên BCH Trung đoàn 8 BB của Trung Tá Mạch Văn Trường bấy giờ đóng quân ở dãy nhà lầu trên đại lộ Hoàng Hôn, đối diện với Công viên Tao Phùng không biết đây là ngày thứ mấy kể từ khi VC tấn công vào Thị Xã An Lộc, tôi chỉ thấy xác VC đã bắt đầu sinh thối nằm chồng queo trong sân Chùa Tỉnh Hội và chỉ trong một đoạn đường ngắn từ bến xe đến đại lộ Hoàng Hôn chừng 200 m đã thấy 5 chiếc xe tăng T54 của VC nằm bất động: 1 chiếc sụp đường mương cạnh bến xe, 3 chiếc cháy trên QL một chiếc ủi sụp cửa sắt chui vào bên trong nhà phố của dân ẩn núp, chắc chắn là chiến cuộc mấy ngày qua đã vô cùng khốc liệt. Ở đây mấy ông an ninh Trung đoàn đến chuyện trò mà thực chất là điều tra xem tôi có phải là Sĩ quan Trung đoàn 9 thực sự hay không, ngày hôm sau mới đưa tôi lên trên lầu cho vào gặp Trung tá Trung đoàn Trưởng, Ông hỏi han tôi diễn tiến vừa rồi ở Lộc Ninh, xong rồi bảo tôi

hãy ở tạm đây với ban 3 Trung đoàn, Trung úy Đôn Ban 3 Trung đoàn đưa cho tôi một một cây súng Carbine M1 và một băng đạn, thế là tôi chính thức gia nhập vào lực lượng tử thủ của Trung đoàn 8 BB.



Các chiến sĩ tử thủ trên An-Lộc đã dùng M.72 để bắn hạ các chiến xa Việt cộng.

Hàng ngày nghe và nhìn hàng nghìn đạn pháo VC rơi khắp nơi vào Thị xã nhỏ bé An Lộc, có ngày tôi nhìn thấy một đoàn người dân khốn khổ ước chừng 4,5 trăm người được dẫn đầu bởi một vị Linh mục và một vị Sư vác 2 cây cờ trắng lớn, bông bé, dắt đi nhau, từng đoàn chạy về hướng Nam để ra ngõ Xa Cam, cố chạy thoát vòng vây hãm và đạn pháo kích như mưa đêm ngày của giặc cộng, nhưng bất hạnh thay không thoát khỏi những con mắt sát nhân của tiền sát viên cộng sản chúng pháo ngay vào đoàn người, máu đỏ thịt rơi tiếng kêu gào la khóc của những thương dân vô tội vang động cả một góc trời.

Tôi tạm trú tại BCH trung đoàn 8 chừng 10 hôm, góp phần tử thủ với anh em Trung đoàn 8, có ngày đối mặt với xe tank VC tấn công và bị bắn hạ tại căn phố nơi tôi đang ở mà tầng trên là BCH TrĐ 8. Buổi sáng nọ trong một khoảng khắc yên tĩnh hiếm hoi Ông Trung úy trưởng ban 2 Trung Đoàn lái xe Jeep chở tôi lên Bộ Tư Lệnh Hành quân SĐ, tôi tạm ở trong một lô cốt kiên cố, bên trên có tháp canh trong

khu vực Toà Hành chánh Tỉnh Bình Long cũ, nay được dùng làm BCH của Tướng Hưng, tại đây tôi gặp 1 Đại Đội của tiểu Đoàn 2/9 phòng thủ chung quanh TOC Sư Đoàn, gặp Thiếu tá Hồ Hữu Phát, trước đây trong trận Snoul ông là Tiểu đoàn phó 3/9 cho Thiếu tá Đặng văn Sơn. Gặp Trung Tá Hòa cựu Chiến Đoàn Trưởng CĐ 333 Biệt Động Quân, mặc dù ở trong lô cốt Ông vẫn bị thương khi bị mảnh đạn pháo lọt vào lỗ châu mai, mỗi khi VC bót phao kích, tôi thường đi chơi chỗ này, chỗ nọ, ghé TTHQ SĐ trò chuyện, thường thấy tướng Hưng mặc áo thun, mang áo giáp, đội nón sắt ra vào TTHQ, hỏi han các Sĩ Quan chung quanh, nhìn thấy Trung tá Lý Đức Quân Trung Đoàn Trưởng TrĐ7BB ngồi cùng các Sĩ Quan Trung đoàn theo dõi hoạt động của các Đơn vị trực thuộc trong nhiệm vụ “Tử Thủ” bảo vệ Thị trấn An Lộc, Ông ngồi trước dàn máy truyền tin PRC 25. Ông to con, cao lớn, mặt mũi thoáng nhìn như là Cố vấn Mỹ.

Một hôm tôi gặp Thiếu úy Phúc, trước đây cùng ở TĐ 3/9 với tôi, nay Phúc là SQ Tùy viên cho Tướng Tư lệnh SĐ, Phúc hỏi tôi có muốn về Lai Khê không? Tôi đáp:

- Có chứ! vì ở đây tôi chẳng làm nhiệm vụ gì cả mà lương thực thì không có ai cung cấp, phải đi xin anh em binh sĩ hàng ngày.

Phúc nói:

- Vậy thì sáng mai ông lên đây tôi đưa cho ông tấm banner ông mang ra cổng Xa Cam trải ra cho trực thăng đáp xuống, đổ quân tiếp viện rồi lên máy bay mà về Lai Khê.

Ngày hôm sau tôi đến, nhận tấm banner từ Phúc, rồi mang ra cổng Nam, Xa Cam. Đoạn đường từ TOC Sư đoàn ra tới đó đi theo QL 13 thì không đầy 300 m mà không biết bao nhiêu là đạn pháo đủ loại rơi xuống như mưa, trước mặt, sau lưng, bên trái, bên phải, không tiếng

nổ nào mà không có người ngã xuống, những người cùng tìm cách ra Xa cam tìm về hướng Chơn thành để thoát khỏi vòng vây đạn pháo, sau tiếng nổ chỉ sống sót được một hai người thật vô cùng khủng khiếp, cuối cùng tôi cũng đến nơi, chọn một giải đất trống nằm song song bên cạnh QL13 tôi đặt tấm banner xuống rồi tìm chỗ ẩn nấp và chờ đợi. Không lâu sau đoàn Trực thăng bay tới, nghe tiếng máy bay, giặc cộng điên cuồng pháo kích tới tấp vào bãi đáp, lần này chúng sử dụng cả pháo phòng không, đạn nổ toả ra từng cụm khói trắng như những bông hoa tuyết, bao phủ cả bầu trời, như một sự màu nhiệm, đoàn trực thăng len lỏi trong cơn mưa pháo đáp xuống đổ quân an toàn, dân chúng và thương binh nhẹ tranh nhau lên máy bay, tôi không cách nào lên được, trực thăng nhanh chóng bốc lên và rời vùng, thôi đành nằm lại chờ cơ may vào những chuyến sau, chờ đợi thật lâu, đang nản chí, chẳng lẽ cứ ở đây hứng đạn pháo chúng nó hay sao?!. Bỗng nghe tiếng nổ ầm ầm liên tục, khói bụi bốc lên cao cả 2 trăm mét từ hướng đồi Gió, nơi mà Tiểu đoàn 6 Nhảy dù bị tấn công mấy hôm trước, thì ra pháo đài bay B 52 đang rải thảm bom tiêu diệt cộng quân, tôi chợt nghĩ ra là cuộc đổ quân vào An Lộc bị gián đoạn là do phải nhường không phận cho B52, cuộc dội bom chấm dứt, không lâu sau thì có tiếng trực thăng bay đến, đạn pháo VC rưới dòn dập xuống, kinh nghiệm từ lần trước, tôi không chờ đợi tại khoảng giữa nữa mà lên tận đầu bãi đáp nơi có tấm banner mà tôi đã trải ra, quả thật, chỉ có vài ba người có mặt tại đó mà thôi, chiếc trực thăng đầu tiên trong đội hình đã đáp xuống ngay địa điểm được tôi đánh dấu, toán quân trên máy bay nhanh chóng xuống hết, mấy người chúng tôi tuần tự bước lên tàu, máy bay bốc lên cao nhưng sao lại không bay đi mà cứ vẫn vũ trên

bãi đáp, tôi toát mồ hôi, trong lúc đạn pháo cứ dồn dập bay đến, kiểu này thì trúng pháo rớt xuống như chơi, tôi nhìn xuống mặt đất thấy ở khoảng giữa bãi đáp có một chiếc trực thăng nằm yên không nhúc nhích, vòng người dày đặc vây kín chung quanh, không hiểu vì trúng pháo hay bị khói người đó cản trở mà không bay lên được, lại thấy phi hành đoàn từ chiếc máy bay đó thoát ra và chạy về phía trước bãi đáp đang rất trống trải, chiếc máy bay có tôi trên đó đáp xuống và đón họ lên tàu rồi bay về hướng Nam, mà sao máy bay cứ bay thấp lè tè trên ngọn cao su, tôi lại lo lắng, vì bay thấp như thế này thì chỉ cần một tràng đạn AK bắn lên cũng đủ hạ gục con chim sắt. Tôi ngồi dưới sàn máy bay, ép sát vào ghế phi công hy vọng tỷ lệ trúng đạn của mình bớt lại. Thế rồi máy bay bay ra gần hết rừng cao su khoảng Áp Chà là, bốc lên cao bay qua Tân Khai, suối Tàu Ô tôi thở phào nhẹ nhõm, thế là thoát ra khỏi địa ngục trần gian! Bay qua khỏi Chơn Thành, Bàu Bàng và từ từ giảm độ cao và đáp xuống sân bay Lai Khê, tôi cuốc bộ vào Hậu cứ Trung Đoàn 9 BB.

Hậu cứ Tiểu Đoàn 3/9 vắng tanh, buồn xơ xác, kể từ khi chiến trận xảy ra đến nay, hậu cứ không hề biết tin tức gì về Tiểu đoàn hành quân vì hệ thống liên lạc giữa các đơn vị trực thuộc Trung đoàn 9 đã bị gián đoạn kể từ sáng ngày 7 tháng 4 là ngày Lộc Ninh thất thủ, ngoài trừ Tiểu đoàn 1/9 còn nguyên vẹn vì Tiểu đoàn đang hoạt động tại quận Bó đức, sau đó được trực thăng vận về tăng cường cho Tiểu khu Phước Long. Tại Sài Gòn anh tôi vào Tổng Tham Mưu tìm gặp mấy người bạn làm việc ở Phòng 3 hỏi thăm tin tức về đơn vị TĐ 3/9 của tôi, họ cho anh tôi xem Nhật Ký Hành Quân. Nhật ký ghi: Xóa tên Tiểu Đoàn 3 Trung Đoàn 9 SĐ 5 BB ra khỏi Danh bạ các đơn vị thuộc

QLVNCH kể từ ngày 7 tháng 4/1972.

Bây giờ tôi là người lính duy nhất của TĐ 3/9 trở về từ chiến trường. Trong trận chiến này, từ những ngày đầu tháng 4 quân ta đã gánh chịu những tổn thất rất nặng nề như mất Chiến đoàn 9 tại Lộc Ninh gồm các đơn vị trực thuộc và tăng phái như: ĐĐ9 Trinh sát, các TĐ 2 và 3/9, TĐ 74 BĐQ Biên Phòng, Thiết đoàn 1 KB, Tiểu đoàn 53 Pháo Binh, riêng Trung Đoàn 52 BB của SĐ 18 BB cũng bị buộc lui binh khỏi căn cứ Hùng tâm ở phía Bắc cầu Cần Lê để về phòng thủ An Lộc với sự tổn thất 1/3 quân số. Tuy nhiên sau những tổn thất ban đầu, Tướng Lê văn Hưng Tư Lệnh SĐ đã kịp thời đưa đại bản doanh của Ông vào chiếm lĩnh An Lộc, điều động các Trung đoàn 7 và 8 từ các vùng như Phú Giáo, Bình Dương, Trị tâm, Dầu tiêng, di chuyển thần tốc bất kể ngày đêm về An Lộc, để bảo vệ Thị xã với lời thề “TỬ THỮ” của Tướng Tư lệnh Sư Đoàn 5BB, đồng thời QĐ 3 cũng nhanh chóng trực thăng vận Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân đang hành quân vùng biên giới Việt Miên về, tất cả các đơn vị hội quân kịp thời tại An Lộc vào ngày 12/4 hợp lực cùng SĐ 5BB, lập thành tuyến thép sẵn sàng chờ đợi cộng quân, trong khi đó 4 Sư đoàn cộng quân cũng với chiến xa, đại pháo từ Lộc Ninh cũng đang ồ ạt tiến quân về bao vây, chặn đường tiếp tế, cô lập An lộc, và khởi sự tấn công, chúng pháo hàng ngàn quả đạn vào An lộc trong đêm 12/4 và chiến xa bộ binh của chúng tràn vào Thị xã vào sáng 13/4/72, từ nhiều hướng, trước việc lần đầu trực diện với chiến xa, quân phòng thủ có phần nao núng, có nhiều phòng tuyến của ta bị đẩy lui, nhưng từ khi có tin tức rằng chiến xa của Việt cộng đã bị bắn cháy trong thành phố bằng súng chống chiến xa M72 loan truyền rộng rãi trong hệ thống truyền tin PRC 25 đến anh em binh sĩ, thì tinh thần phấn chấn lên mãnh liệt, tất cả súng M72 mà anh em có đã được khởi động vào vị

thể sẵn sàng kích hỏa, họ tìm vị thể ần núp chờ xe tăng vệt con chạy tới là bóp cò ngay biến chúng thành.. cua rang muối, tiếng reo hò của anh em vang lên vui mừng mỗi khi có xe tăng bị bắn cháy, họ không còn sợ xe tăng VC nữa, họ đã biến chúng thành mục tiêu thực tập tác xạ cho hỏa tiễn cầm tay M 72. Phải nói rằng khả năng tác chiến trong thành phố của chúng là con số không, chúng không biết phối hợp tác chiến theo nhĩ thức Bộ binh - Thiết giáp, cho nên suốt 3 tháng bao vây, tấn công chúng không làm gì được lực lượng phòng thủ. Cũng không phủ nhận vai trò yểm trợ vô cùng quý giá, đặc lực và kịp thời của Không quân Việt Mỹ, họ hạ tất các các xe tăng nào di chuyển ngoài tầm ngắm của Bộ Binh, cho nên tất cả chiến xa của VC vào An Lộc không một chiếc nào trở về được nơi xuất phát.

Trong những ngày kế tiếp, ngày 16/4 các đơn vị bạn tiếp tục đổ vào trận địa An lộc như Liên đoàn 81 Biệt kích dù, Lữ đoàn 1 nhảy dù, các lực lượng tinh nhuệ này đã góp sức chiến đấu, làm vè vang QLVNCH, đánh bại, bẻ gãy âm mưu chiếm An lộc làm Thủ đô cho bọn bù nhìn tay sai MTGPMN. Giặc đại bại với xác 48 xe tăng đủ loại và hàng ngàn xác bọn sinh Bắc Từ Nam nằm lạ liệt trong Thị Xã nhỏ bé An Lộc. tạo nên một chiến công vang dội trong Quân sử nước nhà và thế giới.

“Đây Sư Đoàn 5 Anh Dũng bên người trai Biệt Động Quân. Anh lính Dù hiên ngang giết thù..”

Viết theo hồi tưởng của những người đã chiến đấu tại chiến trường An Lộc, Bình long, mùa hè đỏ lửa 1972:

- Cựu Thiếu Tá Đặng Sơn, Tiểu Đoàn Trưởng TĐ 3/9 SĐ 5 BB.

- Cựu Đại Úy Nguyễn Ngọc Tường, Pháo đội Trưởng Pháo đội A, TĐ 53 Pháo binh.

- Cựu Trung Úy Hoàng Văn Trác Tiểu đoàn 2/9.

- Cựu Trung Úy Phạm Minh Huyền, Sĩ Quan Không Trợ Bộ Tư Lệnh Hành Quân SĐ 5 BB.

Và để tưởng nhớ các chiến hữu của tôi đã vĩnh viễn nằm lại trong núi rừng Lộc Ninh, Bình Long vào Mùa Hè 1972.

Túy ngọc sa trường quân mạc tiêu

Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.

Cựu Trung Úy Lê Cảnh Sao

Đại Đội Trưởng ĐĐ/11/TĐ 3/9 SĐ 5BB



Tri Ân Chiến Sĩ Trận Vong

Anh linh chiến sĩ Cộng Hòa
Hùng thiêng vị quốc máu hòa núi sông
Tử sinh xem tợ lông hồng
Khí hùng tỏa sáng muôn dòng sử xanh
Hùng sinh bảo quốc liệt oanh
Bất khuất chống Cộng vang danh đời đời
Tử ghi chiến sử rạng ngời

Việt Nam mãi mãi muôn đời tri ân

Hùng Biên
Atlanta, 09/22/2016



Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt

Anh Hùng Sư Đoàn 5 Bộ Binh

Phạm Gia Đại

“Anh hùng Sư Đoàn 5” là một bút ký nêu lên tinh thần anh dũng, hào hùng, can trường, bất khuất, hy sinh vô bờ bến của người chiến sỹ Quốc Gia và của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa trong hai thập niên 1954-1975. Tác phẩm này cũng như một nén hương kính dâng lên tất cả những anh hùng tử sỹ quân dân cán chính Việt Nam Cộng Hòa.

Năm một chín sáu ba là một năm xáo trộn về chính trị, tại Mỹ - Tổng Thống John. F. Kennedy bị ám sát, ở miền Nam - phong trào chống lại chế độ “gia đình trị” của Tổng Thống Ngô Đình Diệm lên đến cao điểm đưa đến sự thảm sát hai ông Diệm và ông Nhu.

Nguồn dư luận lúc đó cho rằng người Mỹ muốn đem quân vào Miền Nam nhưng hai ông Diệm Nhu đã không tán đồng nên đã bị dẹp qua một bên giống như họ dẹp Tổng Thống Kennedy bên kia trời Âu vậy.

Có một điều mà chúng ta phải thừa nhận rằng dưới chế độ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, dù là mới phôi thai, nhưng từ năm 1954 người Quốc Gia đã tập trung lại được trong miền Nam để thành lập một tiền đồn chống Cộng vững vàng cho vùng Đông Nam Châu Á

và chính vì cái vị thế chiến lược đó của miền Nam mà người Mỹ đã nhảy vào giúp chúng ta xây dựng cái tiền đồn chống Cộng này.

Từ đó lá cờ vàng ba sọc đỏ của Việt Nam Cộng Hòa bắt đầu tung bay ngạo nghễ khắp miền Nam và trên thế giới. Miền Nam, đất lành chim đậu, với thiên thời địa lợi và nhân hòa, đã là nơi khai sinh ra vùng trời Tự Do cho người Việt Quốc Gia, sau khi Hiệp Định Genève chia đôi hai miền Nam Bắc qua con sông Bến Hải. Những bài hát những câu hò ca ngợi Tự Do và tình yêu quê hương thừa đó như “*Nắng Đẹp Miền Nam*”, “*Trăng Thanh Bình*”, “*Giã Gạo Đêm Trăng*”, “*Chuyến Đò Vĩ Tuyến*”, “*Nhà Bè nước chảy chia hai, ai về Gia Định Đồng Nai thì về*”, “*Ai vô Nam, ngớ ngẩn vì muôn câu hò...*”, đã nói lên niềm khát vọng cho hòa

binh và xây dựng đất nước của người dân Việt sau bao nhiêu năm dài chinh chiến.

Nhưng không ai ngờ rằng một cuộc chiến thảm khốc nhất đang được khối *cộng sản* Nga - Tàu giao cho *cộng sản* Việt Nam vụt đổ ập xuống quê hương miền Nam.

Những tin tức hàng ngày về *Việt Cộng* (VC) và quân Bắc Việt (BV) đốt làng phá xóm, giật cầu đập mìn trên lộ, giết hại dân lành làm cho người dân bắt đầu cảm nhận được cường độ của chiến tranh đang gia tăng nhất là tại vùng nông thôn.

Lúc đó cả ba anh trai của tôi đều đang trong quân trường, anh cả khóa 20 Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, anh hai trong Quân Y, anh ba đang thụ huấn khóa 13 Sĩ Quan Hải Quân Nha Trang. Tôi thì đang theo học Tú Tài I trường trung học Chu Văn An, Sài Gòn.

Cô ruột tôi, nhà chỉ cách nhà mẹ tôi một con hẻm trên đường Trương Minh Giảng, còn đông con hơn nữa với bấy cậu em họ của tôi đều lần lượt giã từ bút nghiên để theo nghiệp đao cung khi quốc gia nguy biến. Chỉ trừ cậu út là được miễn dịch.

Khi còn nhỏ tại đường Cầu Đất, Hải Phòng, anh Quang lớn của tôi đã tỏ ra có năng khiếu về quân sự. Ông Nội rất thương anh là cháu đích tôn nên ông đúc cho anh bao nhiêu là lính bông súng và xe jeep bằng chì, anh dàn các người lính bằng chì này ra, chia làm cánh quân hai bên đánh nhau. Anh cũng rất say mê vẽ hình các vị anh hùng dân tộc, có lẽ đó cũng là điềm báo trước anh theo binh nghiệp sau này.

Hai năm huấn luyện tại quân trường, anh cả tôi ra trường Võ Bị Đà Lạt với cấp bậc Thiếu Úy hiện dịch, được chuyển về Sư Đoàn 5 Bộ Binh (BB) đóng tại Lai Khê, Bình Dương. Chỉ hơn một năm sau anh đã được thăng Trung Úy và với những chiến tích nổi bật, anh được đề cử làm đại đội trưởng đại đội trinh sát của

Trung Đoàn 9.

Anh bắt đầu áp dụng các lý thuyết học trong quân trường với kinh nghiệm thực tế để rèn luyện những sĩ quan binh sĩ của đại đội trở thành những chiến sĩ gan dạ am hiểu trận địa, kết quả là đại đội đã thắng trận liên tục đem về vinh dự cho cả Sư Đoàn.

Trong trận Ấp Ba, một tiểu đoàn của trung đoàn 9, Sư Đoàn 5 BB trong khi xung phong vào Ấp đã bị thiệt hại và phải rút lui ra để tải thương binh về hậu cứ vì lợi thế nghiêng về phía địch.

Bộ tham mưu trung đoàn bèn quyết định đưa đưa con cung của mình vào trận và đại đội trinh sát được trực thăng vận đến ngay cánh đồng lúa trước mặt một khu đồng trống dẫn vào Ấp.

Tuy ở cấp đại đội nhưng đại đội trinh sát của trung đoàn được trang bị hỏa lực rất mạnh cùng với vũ khí tối tân nhất bấy giờ với quân số luôn đầy đủ và có ưu điểm là cơ động rất nhanh tạo sự bất ngờ khiến cho địch quân nhiều lúc trở tay không kịp.



Hành Quân Trực Thăng Vận

Khi anh vừa đáp xuống trực thăng, anh thấy ngay lý do tại sao địch với cấp số đại đội mà đã đẩy lui được cả một tiểu đoàn. Đó chính là địch đã dựa lưng vào mặt khu phía sau và muốn tấn công vào Ấp, chỉ có một con đường duy nhất qua khu đồng trống đó.

Nhìn thấy ven lộ có một cái miếu, anh bảo binh sĩ dưới quyền trong tư thế sẵn sàng chờ anh một lát, anh lấy từ trong ba lô ba nén nhang rồi vào trong miếu thắp lên cầu nguyện Thổ Thần Thổ Địa che chở cho những người lính Quốc Gia đang tiêu trừ *cộng phi*. Khi bước ra khỏi miếu, anh cho các trung đội dàn đội hình và ra lệnh xung phong. Anh và các sĩ quan đều chạy trên tuyến đầu nã súng vào những nơi nghi ngờ *cộng quân* đang cố thủ.

Từ trong Ấp, đạn bắn ra như mưa, khoảng cách chỉ hai trăm thước vào Ấp mà dài như cả cây số. Thế rồi đạn từ trong Ấp đột nhiên yếu dần đi và khi đại đội vào hẳn được trong Ấp thì thấy nôi niêu soong chảo của địch còn nguyên, nôi cơm còn bốc khói chưa kịp ăn.

Lúc bấy giờ anh mới được binh lính trình báo là đại đội đã vượt qua một bãi mìn VC gài nhưng không có một trái nào nổ cả. Có lẽ đó là lý do làm quân địch khiếp vía nghĩ rằng đoàn quân này có lẽ từ trên Trời xuống nên phải đánh bài "*chém vè*" bỏ cả bữa cơm chiều vừa nấu chín. Tiểu đoàn vừa qua cũng vì bãi mìn này mà phải rút lui và nhường trận địa lại cho đại đội trinh sát.

Tổng kết, phía đại đội chỉ có năm binh lính bị thương và đã được trực thăng đến bốc ngay về hậu cứ, không có một tử vong nào. Những viên đạn của địch cũng đạn chéo qua mũ sắt và áo trận của anh nhưng không một viên nào trúng người.

Từ đó anh còn nổi tiếng là một cấp chỉ huy "không sát quân" và binh lính dưới quyền lại càng thêm tin tưởng vào cấp chỉ huy của mình, đại đội lại càng lập nên nhiều chiến công hiển hách hơn nữa.

Có một lần đại đội được bốc và thả vào mật khu để phá hủy căn cứ của một tiểu đoàn địch. Khi vừa chạm chân xuống đất, đại đội anh lọt ngay vào ổ phục kích. Đạn của địch bắn

như mưa rào vào các chiến sĩ trinh sát, anh có linh tính như là mình đang trong tình thế cực kỳ lâm nguy vì tin tình báo đã không chính xác đưa tới sự kiện đại đội của anh bị lọt vào ổ phục kích của không phải một tiểu đoàn địch mà có lẽ quân số và hỏa lực của địch phải là cấp trung đoàn.

Địch đã được lệnh từ Trung Ương để xóa sổ đại đội trinh sát ưu tú của trung đoàn 9 này bởi vì tuy ở cấp đại đội nhưng với một chiến thuật hành quân chớp nhoáng đã gây cho địch quân những tổn thất nặng nề và là cái gai mà chúng cần phải nhổ.

Dù đang trong vạn phần hiểm nguy nhưng anh vẫn bình tĩnh chỉ huy các trung đội liên lạc với nhau và tìm đường rút ra ngay khỏi mật khu. Những khẩu đại liên, trung liên, súng cối và tiểu liên của địch thi nhau nã vào những người chiến sĩ trinh sát đang thất thế nằm ép dưới các gốc cây. Anh ra lệnh cho các trung đội liệch chết đột phá vòng vây và cho truyền tin thông báo ngay về sư đoàn xin Không quân và Pháo binh yểm trợ.

Lúc đó mới thấy sự gan dạ, dũng cảm và thiện chiến của người lính trinh sát. Họ vừa chạy băng băng ra khỏi khu rừng vừa bắn trả lại địch quân bất kể sống chết trong khi pháo binh bắt đầu rót vào ngay sau lưng họ, và súng đủ loại của địch thì đang nổ rât ngay bên tai.

Vừa ra thoát khỏi vòng vây của địch, anh kiểm lại quân số chỉ có bốn tử vong và khoảng một chục thương tích khá nặng nhưng đồng đội đã di tản ra được vùng an toàn, thật như một phép lạ vì anh ước tính tổn thất có thể hơn nửa đại đội sẽ phải nằm lại vĩnh viễn trong khu rừng đó. Bản thân anh thì áo trận rách nhiều chỗ vì cây rừng và lỗ chỗ vết đạn nhưng anh và cả bốn Thiếu Úy trung đội trưởng đều bình an.

Trong số bốn tử vong có một hạ sĩ cận vệ

của anh và một người lính gốc Hoa tên là Tý mà anh rất thương.

Khi về Sài Gòn nghỉ phép ngắn hạn áo chiến còn vương bụi đường, anh đã cùng hai cận vệ đến tận nhà từng người lính đã hy sinh trong trận phục kích để thăm viếng gia đình và ủy lạo.

Gần căn cứ Lai Khê có một ngôi đền nên anh thu xếp cùng với các sĩ quan đại đội đến cúng cho những người lính anh hùng vừa nằm xuống.

Một hôm một chuyện thật lạ lùng xảy ra khi anh đang trong doanh trại của đại đội. Bất ngờ có hai lính gác cổng dẫn vào một lính trinh sát có vẻ như say rượu, anh nhìn ra đó là binh nhất tên Sơn. Khi nhìn thấy anh thì Sơn phân bua:

- Em xin vào gặp Trung Úy nhưng tụi gác cổng này không chịu lại còn nói là mày say rượu vào gặp ông cho mấy “củ” bây giờ. Em có bảo cho tụi nó biết là em không phải Sơn mà là thằng Tý.

- Mày ầu vậy hả, ông bây giờ là Đại Úy sao mày cứ kêu Trung Úy?

Lấy làm lạ, anh bèn ra lệnh cho mấy người lính buông Sơn ra để xem hắn nói chuyện gì.

Anh và các lính gác cổng và cả mấy sĩ quan trinh sát đang ngồi trong văn phòng với anh đều hết sức ngạc nhiên khi biết là Tý người lính đã hy sinh trong trận phục kích đang nhập vào Sơn là tên bạn thân của hắn để về thăm vi chỉ huy của mình:

- Trung Úy biết không, em vì vấn số nên ra đi hôm đó, em rất cảm ơn Trung Úy đã đến nhà báo tin cho gia đình em ở Chợ Lớn. Em tên thật không phải là Tý cho nên các thức ăn trái cây mà Trung Úy đem ra ngôi đền cúng, em không nhận được vì mấy ông trong đền dùng hết. Hôm nay, em xin được một chút thời gian để đến đây cảm ơn Trung Úy. Thôi! Em phải đi

đây, cái ông Thần giữ cửa đang thúc em. Trung Úy nói mấy người này giữ dùm cho em đi nhe.

Anh vốn theo đạo Phật, vào thuyết luân hồi nên anh tin là hồn của binh nhất Tý đã nhập vào Sơn để vào đây. Anh kêu mấy lính gác mạnh khoẻ ghì chặt lấy Sơn. Chỉ thấy thoáng một cái, mấy người lính như bị một sức mạnh nào làm cho bật tung ra mấy phía, còn anh chàng Sơn thì như người vừa ngủ dậy, ngỡ ngác và sợ hãi không biết mình tội gì mà bị điệu lên văn phòng của đại đội trưởng.

Sau Tết Mậu Thân, anh được đặc cách lên nắm tiểu đoàn và tạm biệt những người lính thân thương của trinh sát.

Năm 1970, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH) chính thức mở đợt tấn công qua Cam Bốt để phá hủy các căn cứ hậu cần của VC và BV. Các căn cứ này nhận được các vũ khí đạn dược, xăng dầu, do đường tiếp tế của chúng từ ngoài Bắc chạy qua bên Lào dọc theo đường mòn Trường Sơn kéo dài xuống tới Miên để xâm nhập vào miền Nam.

Người Sài Gòn bắt đầu làm quen với những địa danh Kratie, Kompong Cham, Snoul, Khe Sanh, trên báo chí hàng ngày nhưng vẫn không đo lường được một cuộc chiến khốc liệt đang diễn ra trên xứ Chùa Tháp.

Sư Đoàn 5 bộ binh trong đó có tiểu đoàn do Đại Úy Quang làm tiểu đoàn trưởng cùng với các binh chủng ưu tú và các sư đoàn bạn hùng dũng tiến vào Campuchia - nơi mà *cộng sản* đã lợi dụng sự trung lập của đất nước này làm căn cứ địa để tấn công vào mạng sườn phía Tây của miền Nam. Đây là một chiến dịch vĩ đại nhất để tận diệt VC và quân BV ngay trong hang ổ của chúng bên Campuchia. Sư đoàn 5 Bộ Binh đã chiến đấu một cách oai hùng, tiểu đoàn do Đại Úy Quang chỉ huy đã hành quân liên miên không ngừng nghỉ hàng tháng trời cho đến kiệt sức. Có những người lính đã không còn cầm

nổi cây súng và tiểu đoàn trưởng nhiều lúc đã phải xách súng dùm cho binh lính của mình.

Phần thưởng xứng đáng nhất chính là thành quả rực rỡ của chiến dịch với các khu hậu cần của địch bị phá hủy và san bằng; và ý định của địch nhằm tấn công vào các tỉnh miền Nam đã bị đổ vỡ. Địch đã phải đợi đến hai năm sau mới mở được mặt trận bao vây An Lộc.

Sau chiến thắng vang dội tại Campuchia, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu nhiệt liệt khen ngợi tất cả những đơn vị đã tham gia vào chiến dịch tại Campuchia.

Tổng Thống ban khen, trao tặng huy chương, và phần thưởng đặc biệt là một tuần nghỉ phép tại Đài Loan cho các sĩ quan và binh sĩ ưu tú của chiến dịch.

Đại úy Quang có tên trong những sĩ quan được một tuần nghỉ phép tại Đài Loan nhưng anh đã đề nghị lên cấp trên dành vinh dự đó cho một binh lính trong tiểu đoàn đã lập được nhiều công trận, trước sự ngạc nhiên và thán phục của cả tiểu đoàn.

Nhưng sự thử lửa được xem như một cuộc đại chiến thư hùng giữa ba sư đoàn BV và Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù, Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù và Sư Đoàn 5 Bộ Binh đã diễn ra ngay tại An Lộc hai năm sau đó, một lần nữa đem lại vinh quang sáng chói cho QLVNCH nói chung và Sư Đoàn 5 BB trong đó có tiểu đoàn của Đại úy Quang nói riêng.

Thế giới thường nhắc đến trận Điện Biên Phủ với 55 ngày quân Pháp bị Việt Minh bao vây và cuối cùng là sự đầu hàng của quân Pháp đưa đến việc đất nước bị chia cắt làm hai. Với An Lộc, cường độ cuộc chiến còn ác liệt gấp nhiều lần hơn trận Điện Biên mà kết quả là quân Bắc Việt đã thảm bại và QLVNCH đã chiến thắng anh dũng.

Địch quân đã “*hạ quyết tâm*” san bằng An

Lộc bằng mọi giá rồi tiến chiếm tỉnh Bình Long trên đường thẳng tấn công vào Sài Gòn.

Chính vì thế mà trong gần 100 ngày - tức là gấp đôi thời gian của trận Điện Biên - bao vây An Lộc, mỗi ngày địch quân pháo liên miên hàng ngàn quả vào các đơn vị tử thủ của QLVNCH trong thị trấn An Lộc, một thị trấn nhỏ bé với chu vi mỗi chiều khoảng một cây số.

Chúng vẫn áp dụng chiến thuật cổ điển là “*tiền pháo hậu xung*” nhưng những đợt tấn công của chúng lần nào cũng bị bẻ gãy bởi ý chí quyết chiến của các đơn vị Cộng Hòa tử thủ. Địch bị thiệt hại nặng, tinh thần binh lính của BV bắt đầu giao động trước sức kháng cự mãnh liệt của lực lượng phòng thủ.

Để thực hiện cho được chỉ thị san bằng An Lộc và dâng chiến công lên cho quan thầy Nga-Tàu, các binh lính BV buộc phải cố thủ trên các cây chung quanh thị trấn, chân của họ đều bị xích vào thân cây để không chạy trốn được; các pháo thủ bị xích vào trong xe tăng; và bất kỳ bộ đội BV nào mà tháo chạy sẽ bị chính cấp trên của họ “*xử lý*” ngay tại chỗ.

Những đợt pháo ngày đêm nã vào thị trấn ròn rã ba tháng trời đã hầu như san bằng thị trấn và không còn một căn nhà nào cũng như không còn một ngọn cây nào đứng vững. Những người sống sót đều nằm sâu dưới hầm trú ẩn. Những giây phút ngắn ngủi nào mà địch quân im tiếng súng ngưng pháo kích, mọi người đều cảm thấy một sự im lặng kỳ lạ khó tả giống như đang nghe trống đánh liên hồi bên tai rồi đột nhiên ngưng bật.

Đại úy Quang, một cố vấn Mỹ, 15 người lính Sư Đoàn 5, và một con chó trú ẩn trong một cái hầm kích thước không hơn 9 mét vuông. Sau này khi thoát chết trở về, anh nghĩ rằng anh rất may mắn có lẽ nhờ vào sự linh thiêng của pho tượng Phật ngọc thạch mà anh

đã bỏ vào ba lô khi dân chúng trong vùng chạy trốn đạn pháo kích bỏ rơi trên đường. Con chó sau khi thoát chết khỏi trận mưa pháo kích cũng quẩn quýt bên cạnh anh và những người lính sư đoàn 5 BB.

Âm mưu xoá sổ An Lộc của địch quân đã thảm bại, chúng đã chuốc lấy thất bại cay đắng khi các lực lượng tiếp viện của QLVNCH từ ngoài đánh chọc thủng vòng vây và lực lượng tử thủ từ trong đánh bật ra.

Tướng chỉ huy trận tử thủ An Lộc là Lê Văn Hưng và QLVNCH đã chiến thắng vẻ vang.

Một cô giáo đã cảm khái với chiến thắng này mà viết ra hai câu thơ bất hủ:

*An Lộc địa sử lưu chiến tích,
Biệt Cách Dù vì quốc vong thân.*

Trong suốt ba tháng anh tôi tử thủ tại An Lộc, đêm nào mẹ tôi cũng ra ban công khấn vái hay đi lễ các Đền, Chùa cho anh tôi và các binh sĩ tử thủ được an lành.

Khi anh về đến Sài Gòn người đầu tiên anh ôm chầm lấy là mẹ:

- Mẹ ơi! con đã trở về bình an.

Anh là con trưởng nên sau trận An Lộc mẹ tôi khuyên anh phải lập gia đình dù cuộc đời tác chiến nay đây mai đó còn nhiều gian nguy. Tôi rất cảm phục anh vì chúng tôi có một ông chú là Đại Tá trong Bộ Tổng Tham Mưu muốn kéo anh về văn phòng làm việc sau khi nghe mẹ tôi kể về trận tử thủ An Lộc, nhưng anh nhất định từ chối, anh nói rằng anh không thể bỏ tiểu đoàn và những người chiến sĩ thân thương đã bao lần sống chết với anh để tìm an nhàn cho bản thân được.

Anh là hiện thân của hàng trăm ngàn chàng

trai thời loạn nghe theo tiếng gọi của núi sông đã khoác áo chiến y, anh dũng đứng lên bảo vệ quê hương chống lại sự xâm lăng tàn bạo của *quân cộng nô* từ miền Bắc xâm nhập vào để tàn phá cuộc sống thanh bình của người dân miền Nam.

Anh rất thương mẹ nên anh vâng lời mẹ và kết hôn với một người con gái miệt vườn Lái Thiêu, người mà sau chuyến lên căn cứ Lai



*Thiếu Tá
Phạm Gia Quang*

Khê tham dự buổi khao quân của đại đội trinh sát đã đem lòng thương yêu người sĩ quan trẻ tuổi khóa 20 Võ Bị Đà Lạt.

Sau chiến thắng An Lộc, anh được vinh thăng Thiếu Tá, anh vẫn tiếp tục nắm tiểu đoàn và lập nhiều chiến công hiển hách khác cho Sư Đoàn 5 Bộ Binh.

Ngày 30 tháng Tư năm 1975 khi Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng, anh cũng như tất cả mọi người đều không tin đó là sự thật.

Anh cố giữ bình tĩnh tập trung tiểu đoàn lại và nói với những người lính đã cùng anh vào sinh ra tử hãy về quê, về với gia đình.

Anh bị bắt sau đó và bị đưa đi tập trung “*cải tạo*” gần 10 năm. Khi ra khỏi trại giam, anh về quê sống với vợ con được ba năm thì anh ra đi một cách đột ngột - (nghe nói vì bệnh tim mạch) - trong lúc đang ôm thằng con út ngủ trưa trong khu vườn Lái Thiêu. Một giấc ngủ bình yên của một người trai đã hoàn thành xong nhiệm vụ của mình khi quê hương miền Nam trong thời binh lửa.

Ba năm sau khi anh mất, vợ con anh được phái đoàn Hoa Kỳ phỏng vấn tại Sài Gòn và cho vào chương trình Humanitarian Operation (HO) qua Mỹ định cư. Hiện nay người vợ sinh sống tại New Hampshire, con gái lớn của anh là Thoa, Thiếu Tá Không quân Hoa Kỳ, tốt

ngiệp Doctor of Pharmacy tại Florida. Cháu gái thứ hai là Thảo tốt nghiệp bằng Master về computer đang làm việc tại San Francisco, cháu út là Thắng tốt nghiệp Mechanical engineer và Master degree, đang làm việc tại Massachusetts.

Anh là một người con hiếu thảo, một người anh đạo đức, một người cha gương mẫu, một thanh niên tha thiết yêu quê hương đất nước mình.

Dù là miền Nam đã không may mất vào tay

cộng sản ngày 30-4-1975, dù lịch sử đã sang trang, nhưng những chiến công oai hùng của anh, của Sư Đoàn 5 BB, của các đơn vị tinh nhuệ của những binh chủng trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và của tất cả các quân dân cán chính chế độ Cộng Hòa chúng ta sẽ không bao giờ phai mờ trong lịch sử dân tộc.

Viết xong tại nam California nhân ngày giỗ anh Phạm Gia Quang - Khoá 20 Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt.

* * *


Tấm Plaque Tưởng Niệm Tướng Richard J. Tallman tại West Point

Một tấm plaque được treo trên tường lối vào trung tâm của du khách tại trường West Point để tưởng nhớ Tướng Richard J. Tallman, một đời cống hiến cho đất nước và hy sinh trong trận chiến tử thủ tại An Lộc, Bình Long năm 1972. Joe con trai Tướng Richard J. Tallman và khóa 1973 đã thực hiện.

This is a plaque that hangs in the entry way to the visitors center at West Point. My class, the Class of 1973, funded the entry way with the understanding that it would be dedicated to my father. I worked with the historical people at West Point in developing this write-up which summarizes his life and military service. I think it might work for your summary of his career. Let me know.

Joe

BRIGADIER GENERAL RICHARD J. TALLMAN



Richard J. Tallman, Class of 1949

From 1969-1971, during the Class of 1973's first two years at West Point, BG Richard J. Tallman served as the Second Regimental Commander and Deputy Commander of Cadets. He deployed the following year on his third tour to the Republic of Vietnam where he served as the Commander of the 3rd Brigade of the 101st Airborne Division (Air Mobile). He returned home in June of 1972, was promoted to Brigadier General, and then returned for his fourth tour of duty in Vietnam. He was killed in action on July 9, 1972 at An Loc and was buried at West Point on July 20, 1972.

General Tallman was born on March 28, 1925, and was raised on a small family farm outside of Honesdale, PA. He entered the service as a private in the Infantry shortly after high school graduation in 1943. He fought in Southern France with the 42nd Infantry "Rainbow" Division, serving as a machine gunner and small unit leader, where he received the first of what would be numerous awards of valor on January 11, 1945. He often attributed his combat instincts and ability to survive the wooded battle areas of eastern France to his experiences as a young boy in Pennsylvania where he hunted to get food on the family table.


Shortly after receiving a battlefield commission to the rank of Second Lieutenant, he left the battlefield in the spring of 1945 to accept an appointment to West Point, graduating and branching Infantry in 1949. He was the first member of his family to ever graduate from college.

His second combat experience was in Korea, where he served in the 3rd Infantry Division from 1951-52. Captain Tallman was later assigned to the famous "All Parents Rican" unit, the 65th US Infantry Regiment called the "Borinqueneers" where he served as a platoon leader and company commander, again receiving a number of awards for valor.

He returned to West Point in the early 1960s where he taught in the Department of Tactics for three years, after which he reported to Vietnam for his first tour, serving as a Senior Advisor to the 22nd ARVN Division.

After attending the US Army War College, he assumed command of the 2nd Battalion, 501st Infantry Regiment of the 101st Airborne Division and deployed with the unit on his second tour in Vietnam in December of 1967. His battalion saw heavy fighting in the Tet Offensive of 1968 where he again received awards for valor in combat including a Silver Star.


Also, his legacy of service to country continues to this day. His three sons served as US Army officers, two graduating from West Point, as have five of his grandchildren. His son Joseph was the First Captain for the Class of 1973. All told, eleven of his grandchildren have served in the Armed Forces of the US, including his namesake, Richard J. Tallman, who received his CIB through deployment to Iraq and Afghanistan.


(above) BG Insignia, Combat Infantry Badge, (above-right) Service Paratrooper Badge, COL Tallman, Commander, 2nd Brigade, 101st Airborne Division (Air Mobile)

(left) JLT, Tallman, serving as Regimental Commander, 2nd Battalion, 501st Infantry Regiment

MILITARY DECORATIONS (VALORS)



SERVICE (CAMPAIGN) MEDALS



(right) Distinguished Service Medal, Silver Star, Legion of Merit (above) Distinguished Flying Cross, Bronze Star, Purple Heart (bottom) WWII Victory Medal, Korea Service Medal, Vietnam Service Medal

General Tallman is an example of many soldiers, serving their country over a period of years, in peacetime and war, never seeking or receiving any particular monetary. However, in many ways his service was exceptional. He led every American infantry unit from a fire team to a brigade in combat through three wars, spanning a career of 29 years. He is one of 280 known three-time Combat Infantryman Badges (CIB) recipients, including nine West Point graduates, those of whom became Brigadier Generals. BG Tallman was the only USMA graduate/triple CIB recipient to complete three tours in Vietnam.

Nhớ về trận chiến trên chiến trường Snoul, Kumpuachia năm 1971

Phạm Minh Huyền

Sau khi mãn khóa Sĩ quan căn bản bộ binh, từ quân trường Thủ Đức, tôi đi nhận đơn vị đầu đời của mình là Sư Đoàn 5 Bộ Binh.

Đến trình diện Phòng Tổng quản trị, Bộ tư lệnh Sư Đoàn đóng trong khu rừng cao su Lai Khê. Căn cứ Lai Khê nằm trên Quốc lộ 13, cách Chi Khu Bến Cát, tỉnh Bình Dương hơn 4 cây số về hướng Bắc. Lai Khê là một căn cứ quân sự rộng lớn, diện tích chiếm trọn đồn điền cao su Lai Khê với chu vi vòng đai phòng thủ dài tới 22 cây số. Trục lộ chính của căn cứ là con đường Quốc lộ 13, từ cổng Nam đến cổng Bắc có chiều dài đến 5 cây số. Trong căn cứ có rất nhiều ụ bãi đáp cho trực thăng các loại và có 1 phi trường lớn cho phi cơ vận tải cỡ C.130 có thể lên xuống ngày đêm. Sư Đoàn 1 Không Kỳ Hoa Kỳ đã làm một con đường đất đỏ chạy vòng quanh ngoài rừng cao su về hướng Tây để dân chúng, xe cộ di chuyển đi Sài Gòn, đi Bình Long, Phước Long, việc đi lại rất dễ dàng không gây trở ngại cho các hoạt động trong căn cứ. Đơn vị Hoa Kỳ đã bàn giao lại căn cứ này cho Sư Đoàn 5 Bộ Binh từ tháng 2 năm 1970. Trong căn cứ còn có Ấp Lai Khê mà dân số cũng tới khoảng 2000 người. Đây cũng là nơi sinh hoạt vui vẻ của các quân nhân mỗi khi rảnh rỗi. Những năm khi Sư Đoàn 1 Không Kỳ Hoa Kỳ vẫn còn hoạt động tại đây, thì không khí sinh động ngày đêm. Trong Ấp Lai Khê có chợ búa, trường học, nhà thờ. Nhiều nhà hàng và cửa tiệm buôn bán các loại dịch vụ để phục

vụ đời sống sinh hoạt hàng ngày của dân cũng như quân.

Sau khi trình diện Thiếu Tướng Nguyễn Văn Hiếu, Tư lệnh Sư đoàn xong, anh em chúng tôi gồm 6 người được phân phối ra các Trung Đoàn. Riêng tôi nhận Sư vụ lệnh phục vụ Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 8 Bộ binh.



Trung Tướng Đỗ Cao Tri Tư Lệnh Quân Đoàn III và Quân Khu 3 đồng thời cũng là Tư Lệnh các Đơn vị của QLVNCH đánh sang Kumpuachia năm 1970 – 1971. Mục đích để tiêu diệt các Căn cứ Hậu cần của quân xâm lược Bắc Việt đóng trên đất Miền.

Đại úy Trần Lương Tín, Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 2/8 đã lái xe Jeep đưa tôi đến Ban chỉ huy Đại đội 6 do Trung úy Hà là Đại đội Trưởng. Đại đội 6/2/8 lúc đó đang đóng quân giữ an ninh phòng thủ cho vành đai phía cổng Nam căn cứ Lai Khê. Tôi chính thức làm Trung đội trưởng Trung đội 61 kể từ đó. Cũng từ ngày đó, tôi phải tự học cách để thích nghi với thực tế của đơn vị, phải tự điều chỉnh từ hành động với những lý thuyết đã được huấn luyện trong quân trường. Trong quân trường dạy rằng một Trung đội có 4 Tiểu Đội, quân số một Trung đội là 40 người. Tôi làm Trung Đội Trưởng một trung đội mà quân số đếm từ thầy đến trò là đúng 13 người.

Nhiệm vụ hàng ngày của chúng tôi là đi hành quân giữ an ninh quanh căn cứ Lai Khê. Cũng có khi phải đi xa, đi vào Mật khu Long

Nguyên, đi truy lùng địch dọc theo Sông Thi Tinh, con sông bao quanh Xã An Điền, Quận Bến Cát. Hoặc tiến sâu qua căn cứ Rạch Bắp và hành quân dọc theo Sông Sài Gòn, đây là con đường xâm nhập chính của Cộng quân từ Chiến Khu D, vùng Tam Giác Sắt, vùng Dầu Tiếng, Quận Trị Tâm vào Sài Gòn, Gia Định nên đụng giặc cũng là chuyện thường ngày. Đi hành quân vùng này, nếu đụng địch thì phải xin Pháo Binh của Sư Đoàn 25 Bộ Binh yểm trợ cho vì Pháo Binh Sư Đoàn 5 BB từ Bến Cát hay Lai Khê bắn không tới. Một lần, vào một buổi sáng khoảng đầu tháng 12 năm 1970. Khi Trung đội đang hành quân trong Mật khu Tam giác Sắt gần Bến Súc. Đại tá Bùi Trạch Dân cùng Cố vấn Mỹ, cố vấn Trung Đoàn 8 BB đáp trực thăng xuống thăm. Đại tá hỏi tôi:

- Tình hình đêm hôm qua như thế nào?"

Tôi đáp:

- Thưa Đại Tá, tụi tôi nằm phục kích đêm hôm qua gần mé bờ sông Sài Gòn như mục tiêu đã chỉ định, nhưng địch đã không đi mé đó mà chúng đi cặp theo con lộ này, sáng sớm hôm nay, tụi tôi đi lục soát mới thấy dấu vết của chúng còn để lại đêm qua. Theo dấu vết, tôi thấy chúng di chuyển từ Đông sang Tây nghĩa là chúng đi về phía An Điền, Bến Cát, dấu vết cỏ bị đạp rạp xuống với một bề ngang rộng tới 5,6 mét. Theo tôi ước đoán với dấu vết như vậy thì đoàn quân của chúng phải tới cấp Tiểu Đoàn.

Tôi hướng dẫn Đại Tá ra xem dấu vết địch đi trong đêm vừa qua, nhìn theo dấu vết cỏ bị đạp rạp xuống như vậy Đại Tá nói:

- Trung Đội của anh nằm ngay chỗ kia mà chúng đi ngay đây thế mà không nghe tiếng động gì sao?

Tôi đáp:

- Dạ chúng đi êm quá, tụi tôi chỉ gài mìn

phía mé sông và phía bên kia con lộ này nên chúng không vướng mìn.

Đại Tá nói:

- May đấy, với mười mấy người như thế này mà chạm chúng đêm qua thì hôm nay hốt xác chú mày rồi.

Tôi cười cười đáp lễ, sau đó tôi đưa bản đồ của tôi để Đại Tá chấm điểm những mục tiêu cần đi truy lùng cho những ngày tiếp theo khi đi hành quân ở vùng này. Hết cuộc hành quân đó, trở về Lai Khê tôi mới biết là Biệt đội tác chiến điện tử của Sư đoàn trong đêm đó đã báo là họ ghi nhận dấu hiệu địch di chuyển. Trong số tọa độ của Điện tử báo có cả tọa độ của đơn vị chúng tôi nơi chúng tôi phục kích trong đêm đó nên Sư Đoàn không bắn Pháo được, sợ trúng vào đơn vị chúng tôi, đó là lý do Đại Tá Trung Đoàn Trưởng bay đến xác nhận tin tức là vậy. Sau đó khoảng 1 tuần, Trung Đoàn 8 Bộ Binh đã cho lập một chốt chặn tiền tiêu. Một Trung đội thuộc Đại đội 6/2/8 đóng giữ chốt được thiết lập ngay tại chỗ nơi trực thăng của Đại tá Trung đoàn Trưởng đã đáp xuống mấy hôm trước. Chốt mới làm xong đã bị một đại đội đặc công của Việt cộng từ mật khu Hồ Bò, Bời Lời bên kia sông Sài Gòn mò sang đánh phá cái chốt này. Chúng bao vây 4 phía, dùng B. 40 và bộc phá tấn công chốt. Trung đội trưởng của chốt đã phải kêu pháo binh nổ chụp nhiều tràng ngay trên đầu chốt. Kết quả trung đội giữ chốt thiệt hại mất 5 người. Còn lũ đặc công thì chết bên ngoài hàng rào còn để xác lại trên 10 tên, các xác chết này thân thể họ bội lợ nhồi giã chung với củ nghệ và thoa quanh người đen thui. Thân thể họ chỉ có cái quần lót đen bó sát người, trên người chúng còn quần nhiều trái bộc phá chưa xử dụng, quân ta truy kích theo vết máu, lần xuống mé bờ sông thấy thêm 3 xác nữa. Một vùng đầm máu trộn lẫn với quần áo của chúng còn bỏ lại ngay bờ sông

Sài gòn này, đây cũng là điểm xuất phát trước khi đi tấn công của chúng.



Địa thế bên Kumpuachia dọc theo vùng biên giới phần lớn là rừng cao su và rừng già nên khi tổ chức các cuộc hành quân phải có thiết giáp M.113 và chiến xa M.41 đi phối hợp. Hỏa lực luôn luôn mạnh mẽ và mau chóng tiêu diệt mục tiêu.

Sau ngày Trung Tướng Đỗ Cao Trí, vị Tư lệnh tài giỏi của Quân Đoàn 3 tử nạn phi cơ trực thăng bên Tây Ninh được vài ngày, thì khoảng giữa tháng 1 năm 1971. Nguyên cả Tiểu đoàn 2/8 kéo lên đóng quân trong căn cứ Vân Đồn, 5 cây số hướng Bắc của căn cứ Lai Khê để tái bổ xung quân số, quân trang, quân dụng và để chuẩn bị đi Snoul, Kumpuachia tăng cường cho Trung Đoàn 9 do Đại Tá Minh làm Chiến đoàn Trưởng. Chiến đoàn 9 bao gồm Trung đoàn 9, Đại đội 9 Trinh Sát, Tiểu đoàn 53 pháo binh, Thiết đoàn 1 Kỵ Binh và có thêm Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 8 BB nữa.

SNOUL, một địa danh khét tiếng vì chiến trường ác liệt tại đây. Một địa danh đẫm máu giặc Cộng và bên ta, các Chiến sỹ oai hùng đã nằm xuống nơi đây không phải là ít. Nhạc sỹ Nhật Trường Trần Thiện Thanh khi sáng tác bản nhạc “Người Ở Lại Charlie cũng có nhắc tới tên của địa danh Snoul này.

Từ Lộc Ninh, theo con đường Quốc lộ 13 bạt ngàn đồi núi chập chùng với rừng cao su đã già ở hai bên đường, đi khoảng 19 cây số về

hướng Bắc thì gặp Ngã ba Lộc Tấn ở bên tay phải, có con đường Liên Tỉnh Lộ 14 thông qua tới Bồ Đức, Bù Gia Mập rồi vào Phước Long nơi có núi Bà Rá. Đi trên đường 13, thêm khoảng 1 cây số về phía tay trái có Căn cứ A của các chàng trai Mũ Nâu, Tiểu đoàn 74 Biệt động Quân biên phòng. Căn cứ này, đi ngoài Quốc lộ 13 nhìn vào thấy như một cái lồng bàn không lồ bằng kẽm gai, trắng xóa màu thép, chụp xuống bảo vệ cho căn cứ địa đầu giới tuyến. Họ có nhiệm vụ gìn giữ biên cương của tổ quốc.

Qua khỏi Căn cứ A khoảng cây số nữa thì đến đường biên giới của Việt Nam và Kumpuachia. Bên này biên giới, bên kia biên giới cũng cùng một giải rừng nhưng trên bản đồ được vạch vẽ thì đây là đường biên giới của hai nước. Phía Nam của lằn vạch biên giới, cách xa chừng vài trăm mét về phía tay trái, có một Căn cứ Pháo binh Mỹ với 4 khẩu Pháo nòng dài 175 ly. Đây là điểm tác chiến cuối cùng mà quân đội Hoa Kỳ còn để lại tại vùng Lộc Ninh này. Trong căn cứ họ có 4 ụ súng ở bốn góc, mỗi ụ có 4 khẩu đại liên bắn song hành để bảo vệ cho pháo đội. Các khẩu pháo 175 ly nòng dài này, mũi súng luôn hướng sang Snoul và họ luôn luôn bắn sang để yểm trợ cho quân ta mà không sợ lệnh nghiêm cấm của Quốc hội Hoa Kỳ vì từ giữa năm 1970, Quốc hội Mỹ đã ra lệnh ngăn cấm không cho các đơn vị của quân đội Mỹ tham chiến bên Kampuchia nữa, nếu không thì đâu có cảnh đau thương cho Miền Nam Việt Nam như sau này. Nhiều người khi nói tin về trận chiến Snoul đã nói quá là hàng ngày vẫn có Phi tuần của Không Lực Hoa Kỳ yểm trợ không yểm cho Chiến Đoàn 8 Bộ Binh bên Snoul, theo tôi là là không đúng.

Vẫn đi trên Quốc lộ 13 về hướng Bắc. Đoạn quốc lộ này người Pháp đã làm rất tốt, chỉ có điều họ chưa trải nhựa thôi. Hai bên đường quốc lộ 13 đã được công binh Sư Đoàn ứ

quang sâu vào trong cỡ 50 mét mỗi bên. Đơn vị chúng tôi cẩn thận tiến qua trên con đường dài 20 cây số tính từ biên giới Lộc Ninh tới Snoul một cách an toàn, không vướng mìn chống chiến xa cũng như không bị phục kích. Chúng tôi đã chuẩn bị trong tư thế sẵn sàng cho mọi tình huống nếu có chuyện xấu xảy ra.

Ngã 3 Snoul, một ngã 3 duy nhất của Thị trấn, nó được tạo ra ngã 3 bởi đường QL. 13 và đường quốc lộ số 7. Quốc lộ 7 này, kéo dài từ ngã ba Snoul này, chạy về hướng Đông Nam tới vùng gần biên giới giữa Tây Ninh và Mimot của Kampuachia. Khi xưa, Đông Dương thuộc Pháp nên Quốc lộ số 7 này không có trên bản đồ bên Việt Nam.

Tiểu đoàn chúng tôi đến ngã ba Snoul khoảng 3 giờ chiều. Xuống xe xong Tiểu đoàn Trưởng ra lệnh dàn đội hình ngay tại ngã 3 này. Quân mới tới, khí thế rực lửa. Mạnh mẽ, mau chóng, cả Tiểu đoàn dàn hàng theo đội hình để tiến xuống hướng Nam của rừng cao su Snoul. Tiến xuống chừng hơn 3 cây số, Tiểu đoàn Trưởng ra lệnh cho chúng tôi xung phong tiến chiếm mục tiêu. Tiếng la hét vang trời tấn công vào căn cứ của địch quân, nhưng lạ lùng, không nghe tiếng súng bắn trả của địch. Địch quân đã bỏ chạy khỏi căn cứ này, mới đây thôi, các hầm hố cho thấy đây là căn cứ cấp Trung đoàn, rất nhiều hầm, giây điện thoại chằng chịt từ hầm này qua hầm kia còn đây, chúng tỏ địch liên lạc bằng hữu tuyến nhiều hơn vô tuyến. Các dấu hiệu cho thấy địch đã di chuyển từ vài ngày trước, họ đã bỏ đi nhưng hầm hố còn để nguyên không phá hủy. Chúng tôi được lệnh bố trí, đóng quân đêm tại đây. Lệnh ban ra là phải đào hầm phòng thủ có nắp cho chắc chắn. Đại úy Tiểu đoàn Phó Nguyễn Văn Hải sẽ đi kiểm soát lại. Hầm nào không có nắp hay không chắc chắn sẽ phải làm lại. Lính tác chiến mà tuân thủ lệnh như tân binh trong Quân Trường.

Kết quả, Đại úy Hải đi thanh sát rất hài lòng.



Với những mục tiêu ở xa, các đơn vị cũng cần có trực thăng để giúp cho việc di chuyển đến gần mục tiêu đã ấn định.

Ngày hôm sau, được lệnh phá bỏ hầm hố. Cả Tiểu Đoàn trở ra ngã ba Snoul. Tại đây, các Đại đội được phân tán ra các hướng khác nhau để phòng thủ cho thị trấn này. Riêng Đại đội 6 chúng tôi thì tiến chiếm các căn nhà ngôi, tiến đến những căn villa kiểu Pháp, rất đẹp xây cất khá vững chắc quanh thị trấn này. Người dân đã bỏ nơi đây đi khỏi rồi. Không biết họ đi đâu?. Thị trấn này cũng có một ngôi nhà thờ Công giáo, một dãy nhà trông như kiểu của chủng viện. Tất cả đều bỏ trống. Khu nhà mà Đơn vị chúng tôi tạm dùng này rất gần với điểm lấy nước, chỉ cách xa chừng nửa cây số, nó nằm kế ngay bên đường số 7. Lần đầu tiên ra điểm nước, tôi thấy cả hàng trăm người, mặc xà lỏn, cởi trần, quân phục cởi ra để một góc. Mọi người ngồi ngay trên bờ hồ, mức nước xối lên người, vui vẻ nói cười tấp nập rất thoải mái. Tôi đứng nhìn quanh, quan sát. Cái hồ nước này rất lớn, lớn bằng cỡ một hồ bơi công cộng ở Sài Gòn. Nước từ những lạch suối nhỏ, từ trên cao đổ xuống, chảy vào hồ. Cạnh hồ có một căn nhà, giữa nhà có 1 máy bơm nước rất lớn. Nước được bơm từ hồ lên và phân phối đi các nơi trong thị trấn. Có nhiều khu nhà ngôi chung quanh hồ nước nhưng đã bị bom đạn đánh sập

hoàn toàn. Có lẽ khi quân Dù và Biệt động quân tiến vào đây năm trước đã gặp sự kháng cự cố thủ của địch trong khu vực này nên mới bị bình địa như thế. Cách hồ chừng hơn chục mét là một dốc đồi cao, có vách cao dựng đứng, cao hơn mặt hồ cả trên mười mét. Bên trên dốc đứng đó tiếp nối là rừng cao su bạt ngàn. Địa thế này rất nguy hiểm nếu địch từ trên cao tấn công xuống thì những người đi tắm hoặc lấy nước mang về cho đơn vị dùng thì rất là nguy hiểm. Đây là điểm chiến lược duy nhất, nó cung cấp nước cho toàn khu vực của Bộ chỉ huy Chiến đoàn và các Đơn vị chung quanh đều đến đây lấy nước. Điều nhận xét của tôi đã xảy ra. Khi địch khởi sự tấn công Snoul khoảng giữa tháng 5 năm 1971, việc đầu tiên chúng làm là không chế điểm lấy nước này và phe ta khôn đốn vì thiếu nước.

Đầu tháng 2 năm 1971. Chiến Đoàn 9 BB được lệnh rút về vùng biên giới. Nguyên Trung Đoàn 8 BB qua thay thế. Đại Tá Bùi Trạch Dân là Chiến đoàn Trưởng Chiến Đoàn 8 BB. Tiểu Đoàn 2/8 phụ trách phòng thủ cho Bộ chỉ Huy Chiến Đoàn cùng với một Chi đoàn Chiến Xa M.41 hay Thiết Vận Xa M. 113. Các đơn vị thiết giáp này được nằm xen kẽ với hầm hố của Bộ binh, thế phòng thủ rất vững chắc. Nhiệm vụ của chúng tôi thường ngày là đi hành quân viễn thám 5,6 cây số quanh căn cứ của Bộ chỉ huy Chiến đoàn. Mỗi chuyến hành quân như vậy thường là 3 hay 4 ngày. Ngày trở về được gọi là ngày nghỉ thì đi hộ tống theo Thiết giáp để đưa, đón những đoàn xe quân vận chờ tiếp tế đủ loại qua Snoul. Có một lần vào khoảng giữa tháng 2 năm 1971, Trung úy Hà Đại đội trưởng bị bệnh. Tôi được ủy quyền hướng dẫn nguyên Đại đội 6 đi hành quân hộ tống chung với Chi đoàn 2/1 thiết vận xa.

Đoàn xe quân vận chờ đồ tiếp tế qua Snoul hôm nay rất lớn, nghe nói có trên 40 xe. Nên cần phải có một Chi đoàn thiết vận xa và một

đại đội bộ binh đi tòng thiết. Chúng tôi xuất phát từ ngã ba Snoul, tôi quyền đại đội trưởng ngồi chung xe cùng với Đại úy Chi đoàn trưởng. Xe chúng tôi đi khoảng giữa của đoàn xe. Thiết vận xa cứ giữa đường mà chạy, xe trước xe sau cách nhau chừng trên trăm mét và xe sau cứ căn theo vết bánh xe đi trước mà chạy. Khi chúng tôi xuống tới biên giới, đoàn xe dừng lại trên lộ 13 ngay trước căn cứ pháo binh của Mỹ, nhưng chờ cả nửa tiếng mà vẫn chưa thấy đoàn xe quân vận từ Việt Nam qua đâu cả. Chúng tôi quyết định, chạy sâu xuống xem sao. Đoàn xe chúng tôi chạy xuống tới Căn cứ A của Biệt động Quân cũng không thấy, bèn dừng lại chờ thêm nửa tiếng nữa mới thấy đoàn xe của quân vận lên tới nơi. Sau khi bố trí đoàn xe thiết giáp xen kẽ vào chung với đoàn quân vận, chúng tôi chạy với tốc lực tối đa để lên Snoul. Tới Snoul an toàn, Chúng tôi bố trí phòng thủ tại ngã ba Snoul, chờ cho quân vận bỏ hàng xuống kho tiếp liệu. Gần 4 giờ chiều họ mới xuống hàng xong, chúng tôi lại lên đường để đưa họ về lại biên giới.

Đưa đoàn xe không của quân vận về tới biên giới an toàn, chúng tôi quay trở về lại Snoul. Vẫn đội hình cũ, xe Chi đoàn trưởng có tôi đi cùng vẫn đi đoạn giữa của đoàn xe, còn khoảng mười cây số nữa thì về tới ngã ba Snoul, xe đang chạy ngon lành, tôi nghe một tiếng nổ rất lớn dưới gầm xe “ầm”. Tôi có cảm giác chiếc xe được nhắc cao khỏi mặt đường, rồi rơi bịch xuống, xe chạy loạng quạng chừng trên mười mét, tôi thấy một cột lửa lớn từ trong lòng xe phụt lên sau lưng anh tài xế. Xe chạy loạng quạng thêm ít mét rồi bị chặn ngừng lại thật mạnh khi xe lúi vào gò đất ở lề đường. Cú va chạm vào lề đường mạnh đến nỗi hất tôi văng ra khỏi xe, rơi xuống đất cách xa xe khoảng 5,6 mét. Rớt mạnh xuống đất, tôi bị ngất xỉu có lẽ khoảng mấy chục giây đồng hồ. Tôi thấy đau đốn toàn thân nhất là vùng lưng.

Xe bắt đầu cháy lớn, tôi dùng cùi chỏ tay phải cố gắng bò xa ra khỏi xe đang cháy. Tôi thấy các xe thiết giáp chạy trước và chạy sau xe của Chi đoàn trưởng, họ vừa bắn đại liên, vừa vây xe lại thành vòng tròn lớn bao quanh xe đang bị cháy.



Đã đến gần mục tiêu, trực thăng hạ thấp dần cao độ. Các cánh quân sẽ nhảy ra. Chờ lệnh để tiến chiếm mục tiêu.

Tôi thấy ông Chi đoàn Trưởng cũng bị rớt xuống đất như tôi, nhưng thật là can đảm, bây giờ ông đang cố bò trở về xe và leo lên chiếc xe đang cháy. Ông rút chốt của khẩu đại liên ra và quăng khẩu đại liên 50 ly trên xe xuống đất, sau đó ông nhảy xuống, nằm vật xuống thềm cỏ. Các y tá của thiết giáp bây giờ mới chạy đến, kéo ông Chi đoàn Trưởng ra xa khỏi xe đang cháy. Họ cũng chạy lại chỗ tôi để chăm sóc cho tôi. Tôi nói lưng tôi đau quá, họ kéo áo tôi ra để coi lưng của tôi, thì ra tôi có đeo mấy túi đựng băng đạn M.16 trên dây ba chạc và mấy khoen sắt của những túi đựng đạn phía sau lưng đã đâm thọc vào lưng tôi, làm rách da, chảy máu khi tôi bị hất từ trên cao rơi xuống đất. Các anh Y tá lau chùi vết da rách trên lưng của tôi xong, tôi đứng lên đi coi đơn vị lính tráng ra sao rồi. Mấy anh lính của tôi, mấy anh âm thoại viên đều bị hất xuống đường như tôi, đang đứng nhìn tôi cười cười: “Em không sao, không sao”. Chỉ có anh tài xế xe thiết giáp là

chết cháy trong xe, anh không nhảy ra được vì xe thì nhiều xăng, hơn nữa trên xe còn có hơn hai cấp số đạn và mìn bẫy. Chờ cho xe cháy hết số đạn và mìn bẫy có trên xe, khi lửa tắt và không còn tiếng nổ, các anh lính thiết giáp mới đến coi xem có lấy được chút xú gì thuộc về thân thể của anh tài xế để còn mang cốt về cho gia đình anh nữa. Thật đau lòng, cảnh chiến tranh là vậy. Trước khi trở về Snoul, chúng tôi xuống ngó lại cái hố mìn chống chiến xa vừa rồi. Chúng tôi xác nhận, hố mìn này mới được chôn và có sự điều khiển từ xa, vì vết xích xe này vẫn chạy vẫn trùng với vết xích xe trước, có lẽ xe Chi đoàn trưởng thì có nhiều cần Antena hơn các xe khác nên chúng đã chuẩn bị trước để mong hạ sát được người chỉ huy.

Đầu tháng 3 năm 1971, Trung đội 61 của tôi được lệnh đi hành quân, giữ an ninh cho khu chợ Snoul. Chợ Snoul, nằm ngay cạnh bên phải con đường 13, cách xa ngã ba Snoul khoảng một cây số nếu đi về hướng đi Katrier. Đơn vị chúng tôi đã đi ra giữ an ninh khu chợ này nhiều lần rồi, nhưng khoảng một vài tuần nay đã nghe tin có mấy người bị mất tích hoặc đào ngũ, nên đơn vị cũng đã có nút chặn dưới Lộc Ninh để kiểm soát tình trạng này. Khi ra tới khu chợ tôi đã tập hợp trung đội và ra lệnh cho anh em không được đi lẻ tẻ, phải đi chung ít nhất từ hai người trở lên, phải luôn luôn cầm theo vũ khí khi đi trong khu vực chợ. Cứ mỗi tiếng tôi lại kiểm soát quân số một lần.

Trên đường ra chợ, trước khi bước vào khu nhà lồng chợ Snoul sẽ thấy một dãy nhà gạch giống như cửa hàng depot Lave, nước ngọt. Những căn nhà này đã bị trúng bom napal từ năm trước. Sức nóng vài ngàn độ C của bom đã làm cho các vỏ bằng thủy tinh của chai bia và nước ngọt chảy ra như nước. Vỏ chai nóng chảy, chảy xuống phủ cả nền nhà và chảy cả ra ngoài thềm, chảy cả xuống sân đường trước

trông như một thảm thủy tinh của vỏ bia và vỏ nước ngọt chảy quyện vào nhau. Trong khu chợ, có một nhà lồng ở chính giữa, họ bán tạp hóa, mắm muối, tôm khô, bột ngọt. Quần áo, vải vóc. Khu bên cạnh có nhiều nhà hàng ăn, bán bún, hủ tíu mỳ v.v... Snoul gần vùng biên giới mà có ngôi chợ tầm cỡ này kể cũng giỏi. Chỉ có ở khu chợ này là thấy có người, cũng cỡ vài trăm người. Cách xa chợ Snoul này chừng hai cây số có một ngôi làng của người Việt Nam. Từ chợ Snoul đi về hướng Tây thấy có con đường đi vào làng, có hàng tre hai bên và có con đường đất chạy ở giữa. Thấp thoáng sau hàng tre là những mái nhà lá. Người Việt tại đây đã đi sang đây làm phu đồn điền cao su cho người Pháp. Họ đã từ miền Bắc Trung Việt đến đây, họ đi cả làng, cả xóm, họ đã đến đây từ những năm 1927-1928. Bao nhiêu đời và bao nhiêu thế hệ đã tiếp nối nhau trên xứ người này. Họ nói được cả hai ngôn ngữ, nhưng ngôn ngữ Việt là trong gia đình truyền khẩu cho nhau mà thôi. Gặp vài cô gái Việt ở đây, tôi hỏi các cô: “*Các cô có muốn về Việt Nam không?*” Họ trả lời: “*Về làm gì, đâu có quen ai ở bên đó đâu mà về*”. Thật tội nghiệp cho dân tôi, phân chia tứ tán trên toàn thế giới. Lốp ra đi vì chiến tranh, loạn lạc. Lốp phải ra đi vì kinh tế như các đồng bào này đây. Mà lạ một điều, tôi đi vào vùng này tôi toàn thấy phụ nữ và trẻ em thôi, đàn ông Việt tôi không thấy, ở ngoài khu chợ Snoul thì thấy có đàn ông Miên nhưng đàn ông Việt thì không thấy. Đời sống người dân Việt ở đây thấy cũng nghèo. Buổi trưa hôm đó, tôi ngồi ăn cơm gạo sậy với thịt hộp, một bà cụ lưng đã còng, tay dùng một cành cây khô chống làm gậy để đi, cụ cầm cái chén đi đến tôi, cụ nói: “*Ông cho con xin miếng cơm*”. Tôi cầm chén lấy cơm và hai khoanh thịt cho cụ. Cụ nói: “*Con xin cảm ơn ông*”. Nói rồi cụ chống gậy bước đi vào khu chợ.

Khoảng 4:00 pm chiều, tôi nói anh Trung

đội phó đi kiểm điểm quân số lần chót, để đến 5:00pm chiều có xe ra đón về căn cứ. Đi một lúc sau, anh Trung đội phó trở lại cho tôi biết thiếu mất một người, tên là Phát. Từ lâu rồi tôi vẫn để ý tay Phát này. Anh ta sinh đẻ ở Kumpuachia, gặp thời dân Miên “cấp duồn” người Việt, anh ta phải trở về Việt Nam. Đang trong tuổi quân dịch nên anh ta được miễn dịch 6 tháng, sau đó đăng đi lính Sư Đoàn 5 BB. Bên Miên anh ta làm nghề may cắt quần áo, khi vào lính Việt Nam anh ta không thấy hứng thú. Chỉ mong sao có ngày được về Miên trở lại. Ra khu chợ Snoul thường thường khi đi về thế nào anh ta cũng có đồ ăn mà dân Miên cho. Không ngờ hôm nay kiểm điểm quân số không có anh ta. Nhưng chỉ không thấy người, còn áo giáp, nón sắt, súng đạn của anh ta còn để lại. Tôi ra lệnh tiểu đội của anh đi vào khu vực nhà người Miên mà anh chàng này hay đến, coi xem có không? Họ đi trở về và nói không thấy anh ta. 5:00 pm chiều, xe GMC của Tiểu đoàn đã ra đón, tôi bàn với anh em: “*Thôi kệ, mình cứ báo cáo quân số đầy đủ đi, vì có thể tay này trốn về trước để đi tắm hay đi lấy nước không chừng, nếu không tìm thấy thì sẽ báo Tiểu Đoàn sau*”. Chúng tôi về căn cứ, cho người đi tìm nhưng không thấy anh ta. Tôi nói anh Trung đội phó đi báo cho đại đội trưởng là mất tay Phát này từ ngoài chợ Snoul. Trung úy Hà dẫn anh trung đội phó lên báo cáo cho tiểu đoàn. Ban 2 Tiểu đoàn đã gọi từng người lên để lấy lời khai. Cuối cùng là tôi được gọi lên gặp Thiếu úy Quảng Trưởng ban 2. Tôi làm bản kiểm điểm xong, Thiếu úy Quảng đem đi trình cho Tiểu Đoàn Trưởng và họp Ban chỉ huy Tiểu Đoàn để quyết định sự việc. Lúc đó đã 9:00 pm đêm, Tiểu đoàn trưởng cùng Tiểu đoàn Phó đi lên trình sự việc cho Đại Tá Chiến Đoàn Trưởng. Đúng 10:00 pm đêm, Chiến đoàn Trưởng ra lệnh cho tụi tôi là phải đi hành quân ngay. Pháo binh đã bắn trái sáng cho các đơn vị đi kích

đêm hay phòng thủ trên con đường đi ra chợ Snoul gỡ mìn, gỡ hàng rào kềm gai để đơn vị chúng tôi có thể đi được. Riêng Trung đội 61 của tôi thì đi theo Đại Đội 8 Trinh Sát và hướng dẫn cho Trinh Sát 8 những khu vực mà tôi đã nghi ngờ từ trước. Đại đội 6 (-) đi bao vây khu chợ Snoul, còn Trinh Sát 8 và tụi tôi đi bao vây khu làng Việt Nam. Chỉ bao vây thôi rồi chờ tới 5:00 am sáng, khi thiết vận xa và các đơn vị khác đến tăng cường thêm mới bắt đầu hành động. Lệnh ban ra là bắt tất cả đàn bà, con gái Miên cũng như Việt mang về khu vực nhà thờ Snoul để an ninh và Ban 2 Trung đoàn thanh lọc, điều tra. Tổng cộng khoảng trên 200 phụ nữ được đưa đi phỏng vấn. Kết cục điều tra khám phá ra một ổ Mỹ nhân Kế của 3 cô gái Việt, họ có nhiệm vụ lấy tin và bắt người. Riêng anh chàng Phát đơn vị tôi thì các cô khai lúc 5:00 pm chiều hôm qua đã có người từ trong rừng về mang anh ta đi rồi.



Pháo binh và bộ binh như anh em một nhà. Cuộc hành quân không thể hoàn thành nếu không có pháo binh yểm trợ.

Tình hình Snoul bắt đầu nặng nề kể từ khoảng giữa tháng 5 năm 1971. Cộng quân khởi sự pháo với những khẩu pháo hạng nặng của họ như pháo 130 ly, 122 ly, 107 ly. Họ bắt đầu pháo vào những căn cứ ở xa Bộ chỉ huy Chiến đoàn trước, họ pháo thật nặng nề vào những căn cứ đó và đơn vị bộ binh của họ cũng tấn xuống gần những căn cứ đó để làm áp lực. Sự phản pháo hay không yểm của phía VNCH

không đủ mạnh để tiêu diệt pháo tầm xa của giặc. Nên sau nhiều ngày chịu đựng, những căn cứ đó không chịu nổi, phải bỏ chạy. Họ chạy lại gần Bộ chỉ huy Chiến đoàn hơn và lập căn cứ phòng thủ ở khu vực đó. Cứ phương cách đó, Cộng quân đã lần lượt nhổ hết các căn cứ ở xa và dồn tất cả về vùng quanh căn cứ Chiến đoàn. Sau đó, họ quay hướng súng của họ dồn vào Bộ chỉ huy Chiến đoàn ngày càng nặng. Họ pháo cả ngày lẫn đêm. Điem lấy nước đã bị chiếm mất, tình trạng khan hiếm nước đã là vấn đề cấp bách. Những thời gian trước, khi các căn cứ nhỏ còn ở rải rác xa xa, thì pháo binh trong căn cứ thuộc Bộ chỉ huy Chiến đoàn còn bắn ra yểm trợ ngày đêm. Nhưng từ ngày gần đây, khi các căn cứ nhỏ phải chạy về đóng quân quanh đây thì pháo trong căn cứ cũng bớt bắn đi. Hàng ngày phi cơ chiến đấu của VNCH vẫn lên yểm trợ, đánh phá vào những nơi nghi ngờ đặt pháo tầm xa của chúng. Còn trực thăng võ trang thì đánh phá những vị trí súng phòng không của địch nhưng không thấy thuyền giảm sức mạnh của phòng không. Các phi cơ của VNCH rất vất vả với lực lượng phòng không của địch. Mỗi lần lao xuống để đánh bom, họ phải thả trái sáng ra để mong thu hút hỏa tiễn tầm nhiệt SR.7 của địch. Số thương vong trong căn cứ ngày càng gia tăng, số poncho cuộn, bó xác để trên đại đội quân y chồng chất lên nhau ngày càng cao. Trực thăng đáp xuống căn cứ không dễ dàng như trước nữa. Ban đêm thường có phi cơ AC. 47 hay còn gọi là Hỏa Long bay lên bắn yểm trợ cũng như thả trái sáng ban đêm quanh căn cứ. Bộ binh địch đã bám sát gần vào căn cứ. Ban đêm, khi Hỏa Long lên, họ yêu cầu trong căn cứ dùng đạn lửa bắn ra để cho họ biết hướng nào, nơi nào mình muốn họ đánh đại bác xuống. Trong căn cứ dùng đại liên bắn đạn lửa hướng về nơi có địch và mong Hỏa Long đánh vào điem đó, lập tức Sơn Pháo không giật 75 ly của địch bắn vào vị trí có khẩu đại liên

vừa bắn ra ngay lập tức và rất chính xác khiến về sau khi Hỏa Long kêu bắn chỉ điểm không mấy người dám bắn ra nữa vì bắn ra lập tức bị 75 ly không giạt đáp trả liền. Có thể họ đã chiếm lĩnh được cao điểm để ngắm nhìn vào căn cứ rồi. Họ đã dùng cả súng cối tầm ngắn như súng cối 82 ly để bắn vào căn cứ nữa.

Tình hình quá căng thẳng dưới cơn mưa pháo hàng ngày của địch. Lúc 4:00 pm chiều ngày 30 tháng 5 năm 1971. Bộ chỉ huy Chiến đoàn đã có cuộc họp để thông báo về tình hình đang xảy ra. Các Sĩ quan từ cấp Trung đội trưởng trở lên đều đến dự. Ban 3 Bộ chỉ huy Chiến Đoàn đã ban hành lệnh là: "Một cuộc lui binh, rút tất cả các đơn vị ra khỏi Snoul sẽ được bắt đầu vào ngày mai tức ngày 31 tháng 5 năm 1971. Về giờ giấc chính xác khi nào rút sẽ được thông báo sau". Ban 3 còn nói: "Đơn vị chúng ta phải rút ra, khi rút ra hết khu rừng cao su Snoul thì đã có Lữ Đoàn 3 Kỵ binh và Liên đoàn 3 Biệt động quân chờ sẵn ở ngoài đó. Ra đến đó, họ sẽ an ninh lộ trình cho chúng ta về tới biên giới an toàn. Chúng ta phải chuẩn bị chiến đấu một đoạn đường khoảng hơn 5 cây số trong rừng cao su. Thôi bây giờ các anh về để chuẩn bị cho đơn vị những công việc cho ngày mai".

Trở về khu vực, tôi cho tập họp trung đội lại để nói chuyện. Tôi tường thuật lại cho anh em những gì vừa nghe trong buổi họp và tôi nói cho anh em rõ về sự suy nghĩ cũng như quyết định của tôi: "*Các anh em phải chuẩn bị tinh thần, chúng ta phải đánh, phải chạy từ đây về tới biên giới luôn. Theo sự suy nghĩ của tôi, sẽ không có đơn vị nào giúp chúng ta đâu. Họp xong, các anh em về hầm, phải chuẩn bị cho thật nhiều lựu đạn và đạn. Đạn phải nạp sẵn vào băng đạn, càng nhiều càng tốt vì chúng ta sẽ vừa chạy vừa bắn. Chúng ta sẽ không có thời gian nạp đạn đâu. Từ đây về đến biên giới, các anh em phải nhìn tôi mà chạy, tôi sẽ không*

còn giờ để hò hét anh em nữa đâu. Trong khi chạy, ai có thân người nấy tự lo vì sẽ không ai cứu vớt được ai. Các anh em phải cầu nguyện xin ơn trên phù trì cho từng người chúng ta bình an mà thôi. Thôi anh em về chuẩn bị đi."

Sáng sớm ngày hôm sau, tức ngày 31 tháng 5 năm 1971, từ khoảng sau 5 am sáng, tôi đã thấy các chiến xa M.41 và thiết vận xa M.113 rục rịch nổ máy ra khỏi công căn cứ rồi, các khẩu pháo cũng được kéo ra ngoài theo xe thiết giáp. Khoảng sau 7 am sáng các xe cơ giới đã ra ngoài hết rồi. Trong căn cứ còn lại toàn bộ binh không. Chúng tôi vẫn còn nằm trong các hầm phòng thủ và chờ lệnh. Trời đã sáng rõ, mặt trời đã lên cao, địch vẫn pháo kích vào căn cứ, nhưng tôi thấy dường như phía con đường ngoài công chúng pháo coi bộ nặng hơn. Có lẽ chúng muốn chặn để cho tụi tôi rút ra không được. Khoảng 10:00 am sáng, trong khi địch vẫn đang pháo, tôi thấy một trực thăng đáp xuống gần vị trí pháo binh đặt hôm trước. Phi cơ đáp xuống thật nhanh, bụi đỏ bay lên mù mịt, rồi phi cơ bốc bay lên ngay. Từ xa nhìn lại, tôi chỉ thấy thế, không thể thấy có ai lên hay xuống gì không.

Khoảng 11:00 am sáng, đơn vị tôi được lệnh chuẩn bị rút ra. Vì trung đội tôi nằm gần công căn cứ về hướng Nam nên khi rút ra phải đi vòng vào bên trong, không đi ra công chính được, phải đi vòng qua hướng đại đội quân y. Đi đến đây, tôi còn thấy cả đồng poncho cỡ trên 20 bó đã cuốn xác người còn để đó. Chúng tôi đi ra ngoài bằng cách phá hàng rào phòng thủ, đâm ngang qua con đường ở hướng tây căn cứ. Trên đường rút ra, qua khu hàng rào và ra bên ngoài hàng rào cũng thấy đã có mấy anh em nằm chết vì đạn pháo. Không khí trở nên căng thẳng, chúng tôi được lệnh giữ im lặng vô tuyến. Đơn vị đi sau thì phải nhìn đơn vị đi trước, họ ra dấu cho mà đi theo. Đang đi thì địch pháo kích, chúng tôi nằm dạt xuống đất

chờ đạn nổ. Khi trái đạn đã nổ rồi, chúng tôi đứng lên thì đã mất dấu người đi trước. Ra đến một ngã ba đường mòn của rừng cao su, tôi không biết nên đi hướng nào?. Cuối cùng tôi quyết định đi thẳng, đi thẳng chừng trên 100 mét thì đụng phi trường đất đỏ của đồn điền cao su Snoul. Tôi thò đầu ngó ra phi đạo thì thấy trống vắng. Bên kia bờ phi đạo giáp với rừng cao su thì thấy các chiến xa M.41 nằm án ngữ tại đó. Các họng súng đại bác của chiến xa đều hướng về phía đông nghĩa là về phía của Bộ chỉ huy Chiến đoàn. Sợ họ bắn lầm, tôi lấy vải đỏ buộc lên đầu súng M.16, tôi ngoắc ngoắc cho họ thấy. Họ đã thấy chúng tôi, họ ra hiệu cho chúng tôi bước sang phía họ. Sang đến chỗ chi đoàn M.41 án ngữ, họ hỏi tụi tôi sao đi đường này, tôi nói tôi bị mất dấu đơn vị đi trước khi địch đang pháo kích. Họ hỏi đơn vị và họ liên lạc với Ban chỉ huy Tiểu Đoàn 2/8. Họ đưa máy cho tôi nói chuyện với Tiểu đoàn trưởng TĐ 2/8, Đại úy Tín chửi rủa tôi một chập. Tôi nói: "Bây giờ 72 tính sao, hay là 72 muốn tôi kéo quân ngược xuống dưới đó". Đại úy Tín trả lời: "Thôi mày ở đó chờ tao, tao lên đến nơi bây giờ". Như vậy là tôi đã đang ở phía trước của đoàn lui binh. Trong khu rừng cao su kia chưa có đoàn quân nào di chuyển cả. Đứng chung với chiến xa M.41 khoảng 15 phút thì đầu đoàn quân đã lên đến đây. Đi đầu là toàn bộ Ban chỉ huy TĐ 2/8 và người đi đầu tiên lại là Đại úy Tiểu Đoàn Trưởng của tôi. Tôi bước ra gặp ông, ông nói: "*D.M, thôi đi đi.*" Tôi trả lời: "*O.K*" và ngoắc tay cho đơn vị tôi đi đầu đoàn quân luôn. Các chiến xa bây giờ bắt đầu di chuyển, họ không án ngữ phi trường đất đỏ nữa mà đi ra sát hàng cây cao su mé ngoài cùng. Bên phía trái ngoài kia là con đường 13, tất cả các mũi súng của họ đều quay qua phía trái. Trên đường QL.13 không có đơn vị nào đi trên đó vì Công binh đã báo cáo là Cộng quân đã gài mìn rất nhiều, mìn gài dày đặc suốt con đường này luôn. Đoàn quân hướng về phía biên giới, đi theo đội hình, Bộ binh canh chừng mặt

phải tức phía trong rừng, chiến xa và thiết vận xa thì canh chừng phía trái. Tình hình rất tốt đẹp, chỉ còn chừng nửa cây số nữa là hết khu rừng cao su Snoul. Trung đội tôi vẫn đi đầu, đằng sau là Ban chỉ Huy Tiểu Đoàn. Đi thêm chừng 200 mét nữa thì hết rừng cao su Snoul, chúng tôi không thấy dấu hiệu gì của đoàn quân tăng viện chờ đón như Sỹ quan Ban 3 Chiến Đoàn đã thông báo trong buổi họp chiều hôm qua. Chúng tôi vẫn tiến bước, bỗng những người lính đi đầu đoàn của chúng tôi la lên: "Việt cộng xuất hiện, chúng chặn đầu chúng ta". Tôi chạy lên quan sát, trên kia là con suối cạn, con suối như lằn ranh đánh dấu giữa rừng già và rừng cao su. Trong kia cách xa chừng 200 mét về phía tay phải có một xóm nhà mái ngói đỏ độ chừng trên mười căn, Việt cộng từ trong đó lúp xúp dưới lạch suối chạy ra. Chúng tôi bắn trả vào khu vực trước mặt. Tôi quay trở lại báo cho Tiểu đoàn Trưởng hay. Ông chấm tọa độ, gọi phi cơ bay lên yểm trợ. Ngay chỗ này, đoàn quân bị khựng lại, địch bắt đầu pháo trên đầu chúng tôi. Tôi nghĩ thầm: "*Chết rồi, chúng lựa chỗ này là trận địa pháo rồi*". Pháo địch nổ chạm cành cây gãy rớt xuống rào rào, nhiều người trúng đạn pháo thấy lòi ruột ra ngoài. Tôi gọi mấy người lính của tôi ngồi sát xuống gốc cao su để tránh pháo đồng thời vẫn bắn qua bên kia bờ suối cạn. Ngó về phía sau, đoàn quân phía sau vẫn dồn lên phía trước, các đơn vị trộn lẫn vào nhau. Tôi thấy cả chiến xa, thiết vận xa, xe GMC kéo pháo, pháo 155 ly, pháo 105 ly xen kẽ, dồn cục vào nhau. Đúng như câu thường nói: "Quân hồi vô phèng" là đây, ngay chỗ này. Đại úy Tiểu Đoàn Trưởng bảo tôi: "Sau khi phi cơ đánh bom xong thì chạy vượt qua suối cạn". Ít phút sau, có 2 phi tuần nhào vào đánh bom trong khu nhà ngói đỏ. Bom đánh xong, khu nhà mái ngói đỏ bốc cháy dữ dội. Tôi hô xung phong chạy qua con suối cạn để đi tiếp. Tuy là suối cạn nhưng độ sâu khoảng hơn một mét, bề rộng khoảng 4,5 mét. Các chiến xa và cơ giới

họ không thể băng ngang được, nên đến đây, họ phải quẹo để lên đường quốc lộ 13 để đi. Họ vừa lên đường là xe bị cán mìn, bốc cháy. Xe chạy sau thấy vậy chạy lách qua xe đang cháy để đi. Lách qua, đi thêm một đoạn họ lại cán mìn, bốc cháy và tôi thấy nhiều xe bị như vậy. Tôi cũng thấy có xe đi thoát, trên xe chở đầy người. Riêng tôi chạy bộ được trên một cây số kể từ khi thoát qua con suối cạn. Tôi vừa chạy vừa bắn vào những lùm cây trước mặt, chạy được thêm một quãng nữa thì có một xe M.113 dừng lại, tôi cố ráng leo lên vì trên xe đã đầy người. Xe chạy về đến căn cứ số 3 ở Đồi 100 thì dừng lại vì lệnh của Sư Đoàn ban ra là không cho đi nữa. Bất cứ giá nào cũng phải dừng lại tại căn cứ này, qua đêm tại đây vì trời bắt đầu tối rồi. Từ căn cứ này về biên giới với Lộc Ninh chỉ còn 5 cây số nữa thôi. Tôi cảm thấy mệt mỏi, cần nghỉ một chút. Bước vào căn cứ này tôi không còn hơi sức để ngó vòng quanh. Tôi tìm một chỗ nghỉ, ngồi bệt xuống đất, dựa lưng vào bánh xe của một xe GMC tôi làm một giấc. Khoảng 9 tối thì trời đổ cơn mưa, tôi lấy poncho mặc vào người, lấy nón sắt để dưới móng ngồi cho cao lên một chút. Trận mưa lớn quá, nước ở đâu mà nhiều thế, vẫn trong tư thế ngủ ngồi như vậy khi tôi thức giấc thì đã hơn 5 sáng rồi. Tôi đã cảm thấy khỏe khoắn sau giấc ngủ có mưa rừng đổ nước xuống như thác. Trời còn chưa tỏ, tôi ráng ngồi thêm một tý chút. Khi tôi đứng lên thì đã là 6 giờ sáng, đang gấp tấm poncho tôi mới sức nhớ đến bổn phận của tôi là một trung đội trưởng. Tôi đưa mắt dòm quanh tìm kiếm anh em trung đội tôi:

- Ở đây rồi 1, 2, 3, 4, 5 người.

Tôi mừng rỡ gọi họ đến. Họ đến gần tôi và nói:

- Ông thầy chạy lẹ quá, làm tụi tôi chạy theo muốn hụt hơi.

Tôi đáp:

- Thì tôi đã nói rồi còn gì, trận rút lui này nó như thế đó. Thôi đi tìm coi, mình còn được mấy anh em.

Cuối cùng, trung đội tôi còn được 10 người về đến đây, đau thương quá. Đúng lúc đó thì Đại Úy Tín Tiểu Đoàn Trưởng và Đại úy Hải Tiểu Đoàn Phó đi đến chỗ tôi đang đứng. Đại úy Tín nói: *“Đại đội 6 của mày chỉ còn có mình mày là Sĩ Quan thôi. Tao trao cho mày Quyền Xử Lý Đại Đội Trưởng Đại Đội 6 từ bây giờ, khi về Lai Khê rồi tính lại”*.



Phi pháo là những hỏa lực để yểm trợ cho đơn vị bộ binh thanh toán mục tiêu.

Tôi đi quy tụ, gom tất cả anh em thuộc Đại Đội 6 lại, đếm thấy còn được 23 người, một máy PRC.25, 2 cây M.79 không có cây đại liên hay súng cối gì cả. Toàn Tiểu Đoàn 2/8 về đến đây còn khoảng 90 người. Sau đó, tôi đi ra ngoài hàng rào, nhìn xuống chân đồi, trời oi, một khung cảnh quá đau thương hiện ra trước mắt, chân đồi là vùng trũng, những quân nhân chạy từ trên Snoul về đây, họ đã bị thương, họ đã bị kiệt sức vì quá mệt. Chạy về đến đây, gặp cơn mưa quá lớn tối hôm qua, họ bị mất máu, họ chết nằm trong vũng nước trũng. Xác họ bị ngập trong nước, người nằm nghiêng, người nằm xấp, người nằm ngửa. Các xác chết đều nước da tái nhợt, họ nằm chết la liệt rải rác trên đường, xa xa kia cũng có. Tôi kêu anh em đi phụ gom xác đồng đội, gom chỗ nào có thể gom được. Anh em đã gom xác về, chắt lên 3 xe vận tải thật là đầy. Lệnh Sư Đoàn ban ra là: *“Không được khởi hành để đi về, phải chờ cho Lữ Đoàn 3 Ky Binh và Liên Đoàn 3 Biệt Động*

Quân lên đến nơi, bắt tay được rồi mới được đi”. Chúng tôi lại phải chờ. Nghe tin địch đang kéo quân từ Snoul xuống để truy kích chúng tôi, một chập sau thì thấy có 4 phi tuần phản lực lên đánh bom, đánh cách xa căn cứ đôi 100 này chừng nửa cây số.



QLVNCH bên chiến trường Snoul đã phải rút lui chiến thuật trong thất bại vì một lý do mà ai cũng thấy. QLVNCH chỉ trông chờ vào vũ khí do Hoa Kỳ cung cấp. Vũ khí VNCH đã thua xa vũ khí của khối Cộng đã cung cấp cho quân Bắc Việt.

Đến khoảng 12 giờ trưa ngày hôm nay, ngày 1 tháng 6 năm 1971 thì đoàn quân của Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh và Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân từng thiết mới lên đến nơi. Họ rải chiến xa và BDQ ở hai bên đường đi, làm an ninh lộ trình cho chúng tôi rút về. Khoảng 12:30pm trưa, chúng tôi lên xe để về. Đại đội 6 khi ra đi cần tới 4 xe GMC, hôm nay về chỉ cần một xe GMC là đủ cho 23 người rồi. Trên đường về biên giới, địch cũng có pháo theo trên đường, cũng có xe bị trúng pháo khi về đến đây. Còn khoảng chừng vài trăm mét nữa là đến biên giới với Lộc Ninh. Chúng tôi thấy có đoàn quay phim với máy quay, máy chụp hình đứng bên vệ đường. Họ mặc quân phục sạch sẽ và giầy nhà binh bóng loáng đứng bên đường đưa tay vẫy vẫy chào đón chúng tôi.

Kết luận:

Sau khi Chiến đoàn 8 BB đã rút về, vùng Snoul được bỏ ngõ hoàn toàn. Nhớ lại năm 1970 với sự hậu thuẫn yểm trợ tích cực về mọi mặt của quân đội Hoa Kỳ.

Quân ta đã tiến công như thế chẻ tre, đã dồn địch vào thế chỉ biết chạy và chạy. Chúng bỏ cả Chiến Khu C, Chiến Khu D mà chạy. Củ Chi, Phú Hòa Đông thành đồng tổ quốc không còn là chốn nương thân cho con cái của Bác và Đảng. Mật Khu Tam Giác Sắt đã bị quân ta quần cho nhão ra như bún. Bác và Đảng, Trung Ương Cục Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam như một bọn Homeless, không có đất cắm dùi, không có chỗ nương thân chứ đừng nói đến Thủ Đô vớ vẩn. Năm 1970, chúng bồng bế nhau chạy qua Snoul, lợi dụng thế nước Trung Lập của Miền chúng ẩn náu cho qua ngày. Nào ngờ, Quân ta đánh qua Snoul, Trung Ương Cục lại phải dắt díu nhau chạy lên tận Katrier để ẩn náu. Thế tấn công của Ta đang mạnh mẽ, đầu năm 1971, Tướng Đỗ Cao Trí tử nạn phi cơ trong nghi vấn?. Cục diện cuộc chiến thay đổi từ đó. Snoul đang công thành thủ. Đang thắng thành bại Biết trả lời sao khi mình không phải là người đi cò trong bàn cờ thế giới?. Mình chỉ nhìn và thấy đau xót cho thân phận mình. Nếu Snoul không bị bỏ ngõ cả năm trời, từ tháng 5 năm 1971 đến tháng 4 năm 1972 thì đâu có xảy ra mất Lộc Ninh, rồi An Lộc bị đau khổ như sau này. Nguyên cầu cho hương linh các tử sỹ QL/VNCH được yên nghỉ muôn đời.

Phạm Minh Huyền

Ngày 04 tháng 8 năm 2021

*Cựu Trung đội trưởng 61, TĐ 2/8, SĐ5BB.
(Viết lại để tưởng nhớ về trận chiến Snoul năm 1971).*

Trong những ngày cuối tháng 3 năm nay, thời tiết bang Cali thật đẹp, bầu trời xanh tươi, không một cụm mây, nắng ấm với gió thoảng man mát. Thấm thoát đã 29 năm trôi qua, tháng tư đen lại sắp đến – Phải – Ngày 30-4-75 là ngày đen tối của lịch sử Việt Nam cận đại, ngày đã ghi vào lòng dân Việt một dấu ấn khó phai, nhất là những người lưu vong ở hải ngoại, trong đó có tôi – Bao luyến tiếc mỗi khi nhớ tới những kỷ niệm oanh liệt hay đau buồn trong cuộc đời trận mạc mà tôi đã trải qua.

Là một cựu chiến sĩ của binh chủng BĐQ mà thời gian quân ngũ lại ít hơn thời gian bị

giữa hai chủ thuyết “Tự Do Dân Chủ” và “Cộng sản”.

Cuối tháng 3-1975, Liên Đoàn đã trải qua một trận đánh vô cùng khốc liệt, đẩy lui hàng sư đoàn địch tấn công quận lỵ Chơn Thành, bẻ gãy âm mưu của địch định chiếm Chơn Thành để làm bàn đạp tấn công thủ đô Sài Gòn – Tuy vậy để đáp ứng nhu cầu chiến trường có những biến chuyển hàng ngày, theo lệnh điều động của Quân Đoàn, Liên Đoàn phải rút quân khỏi Chơn Thành để nhận nhiệm vụ khác – Cuộc rút quân thật gian nan, nguy hiểm. Ba ngày đêm rông rã trong rừng, vừa di chuyển, vừa



Việt cộng cầm tù khổ sai, ở các trại tù từ Nam ra Bắc. Vì trong suốt thời gian phục vụ quân đội, tôi chỉ phục vụ ở một đơn vị duy nhất, đó là Liên Đoàn 3 BĐQ (đến năm 1973 thì cải danh là LĐ 31 BĐQ). Đó là một đơn vị đã gặt hái được nhiều chiến tích lẫy lừng, với các chiến thắng qua các cuộc hành quân cấp Liên Đoàn và Chiến Đoàn. Ở ngoại biên như những cuộc hành quân “Quang Trung” hay “Toàn Thắng”, càn quét tiêu diệt địch ở Kampuchia năm 1969, 1970 và 1971, ở các địa danh Svay Riêng, Konponcham, Snoul, Krek và hành quân lùng, diệt địch ở các mật khu như Ba Thu, Mỏ Vẹt tỉnh Tây Ninh, tử thủ kháng địch ở Bình Long, An Lộc rồi Chơn Thành. Rồi cuối cùng trong trận chiến ở Phan Rang từ 13-4-75 đến 16-4-75, Liên Đoàn đã hoàn toàn tan rã, một cách tức tưởi trong một bàn cờ quốc tế,

chiến đấu với địch – Trong một trận quyết tử với địch vào ngày cuối, hàng trăm lá cờ vàng ba sọc đỏ đã thôi thúc sức chiến đấu can trường của toàn thể quân nhân các cấp – Tất cả cùng quyết tâm tìm sự sống trong cái chết, họ đột nhiên đồng loạt đứng dậy, miệng hô “xung phong”, “Biệt động quân sát”, vừa bắn xối xả, vừa càn qua tuyến địch đang bao vây chặn đánh Liên đoàn. Địch hốt hoảng, luống cuống và đoàn quân đã thoát khỏi sự kềm chế của địch.

Đầu tháng 4-75, toàn bộ Liên đoàn di chuyển về hậu cứ, trại Phan Hạnh, để bổ sung quân số và quân trang, quân dụng, chuẩn bị nhận nhiệm vụ mới – Thời gian ngắn ngủi này, tinh thần binh sĩ chưa được ổn định, trang bị chưa được đầy đủ, nhưng đơn vị vẫn được đặt

trong tình trạng ứng chiến 100%, sẵn sàng di chuyển khi có lệnh.



Rồi chuyện đến phải đến, toàn bộ Liên Đoàn được không vận bằng phi cơ vận tải C.130, từ phi trường Biên Hòa ra phi trường Phan Rang để tăng cường cho Bộ Tư Lệnh tiền phương Quân Đoàn III & QK3 đặt ở tỉnh Phan Rang, do Trung Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, Tư Lệnh tiền phương Quân Đoàn chỉ huy. Cuộc không vận bắt đầu từ 10 giờ sáng và diễn ra rất nhanh chóng, liên tục – Khoảng gần 12 giờ trưa, tất cả BCH/LĐ và Tiểu Đoàn 52/ BĐQ đã được đổ xuống phi trường Phan Rang dưới trời nắng gắt. Theo lệnh Bộ Tư Lệnh tiền phương Quân Đoàn, BCH/LĐ di chuyển đến 1 nhà vòm cuối phi đạo, đóng quân bên cạnh BTL/Tiền Phương. Tiểu Đoàn 52/BĐQ tạm thời di chuyển đến vòng đai nội vi phi trường ở hướng đông bắc BCH/LĐ đóng quân chờ lệnh kế tiếp.

Trong khi chờ 2 Tiểu đoàn còn lại đến nơi, Đại Tá Biệt, LĐT và tôi đi bộ qua BTL/Tiền Phương, để trình diện tướng Nghi và để nhận lệnh – Tướng Nghi trông vẫn còn đẹp trai, ông luôn đeo cặp kính mát đất tiền, ông niềm nở bắt tay Đại Tá LĐT, miệng nở nụ cười nói nhanh: “Liên Đoàn các anh ra đúng lúc”. Vừa nói ông vừa chỉ trên giá bản đồ phòng thủ của mặt trận Phan Rang, ông nói tiếp như để chỉ thị cho Đại Tá Biệt: “Liên Đoàn 31/BĐQ ra thay thế cho Lữ Đoàn 2 Nhảy Dù, đang chuẩn bị để rút về Sài Gòn”, tay ông chỉ lên các vị trí của Lữ Đoàn

2 Dù mà Liên Đoàn sẽ phải thay thế, ông nói thêm: “Lực lượng Dù họ vừa chuẩn bị rút, nhưng họ vẫn còn chờ các anh đến để bàn giao vị trí đó”. Ông quay sang giới thiệu Đại Tá Lương, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 2 Dù và Chuẩn Tướng Sang, Tư Lệnh Sư đoàn 6 Không quân, đang đứng cạnh ông. Đại Tá Biệt nghiêm chỉnh chào hai vị rồi trình lên Tướng Nghi phối trí lực lượng như sau:

1/ BCH/LĐ đặt vị trí tại phi trường Phan Rang, trong 1 nhà vòm cuối phi đạo, bên cạnh Bộ Tư Lệnh tiền phương Quân Đoàn.

2/ Tiểu Đoàn 52/BĐQ phòng thủ vòng đai phi trường, hướng Đông và Đông Bắc, thay thế vị trí của Tiểu Đoàn 7 Dù – BCH/TĐ nằm ở đầu phi đạo hướng Bắc, với 2 ĐĐ làm lực lượng trừ bị, để hành quân tiếp ứng khi có lệnh, đồng thời cùng với ĐĐ/Trinh sát 3 bảo vệ BCH/LĐ.

3/ Tiểu Đoàn 36 BĐQ, thay thế vị trí TĐ 3 Dù, BCH Tiểu Đoàn đặt tại đồn Đại Hàn, vòng đai ngoài phi trường Phan Rang về hướng Bắc, cùng 2 ĐĐ bảo vệ căn cứ và chiếm lĩnh các cao điểm hướng Bắc và Đông Bắc căn cứ để làm tiền đồn – Còn lại 2 ĐĐ lần lượt trám vào vị trí lực lượng Dù ở xã Ba Tháp và Ba Râu dọc quốc lộ 1, hướng Bắc thị xã Phan Rang.

4/ Tiểu Đoàn 31 BĐQ xuống sau cùng trong ngày 13-4-75 sẽ di chuyển bộ, đến thay thế Tiểu Đoàn 11 Dù, từ quận Du Long trở xuống xã Ba Râu, dọc theo quốc lộ 1, nhiệm vụ phòng thủ quận Du Long và bảo vệ đoạn quốc lộ 1 này.

Sự phối hợp của Liên Đoàn được Tướng Nghi chấp thuận ngay và trước khi trở về BCH/LĐ, tôi được phòng 3 cấp thêm một số bản đồ vùng hành quân và bản đồ chi tiết phòng thủ phi trường Phan Rang. Đồng thời ngay sau đó, Trung Tá Bút, Không đoàn Trưởng trực thăng, người cùng quê và là bạn từ

hồi nhỏ của Đại Tá Biệt cho Đại Tá hay là sẽ biệt phái hẳn 1 trực thăng chỉ huy, xuống BCH/LĐ, túc trực ngày đêm để Đại Tá xử dụng bay chỉ huy hành quân hay quan sát vùng trách nhiệm.

Khi chúng tôi trở về BCH/LĐ thì thấy trực thăng đã đậu sẵn ở bãi đáp bên cạnh. Đại úy Toàn, phi công trưởng đã trình diện để đặt dưới quyền sử dụng của Đại Tá LĐT.

Tại BCH/LĐ lúc này, các Ban Tham mưu đã vào vị trí đóng quân và làm việc theo sự điều động của Thiếu Tá Lê Quang Giai – Theo lệnh Đại Tá LĐT, Thiếu Tá Giai tạm thời xử lý thường vụ chức vụ Liên Đoàn Phó, thay thế trung Tá Hồng Khắc Trân đang theo học khóa Chỉ huy & Tham Mưu ở Long Bình. Có sự phụ tá đắc lực của Thiếu tá Giai, các Ban thuộc BCH/LĐ đã vào vị trí sẵn sàng làm việc một cách nhanh gọn.

Đại úy Lâm, Trưởng ban Truyền tin và nhân viên đã thiết lập xong hệ thống liên lạc hàng ngang và hàng dọc cũng như nội bộ đều thông suốt. Đại úy Tài, Trưởng ban 2, người dù chỉ còn một mắt sau trận An Lộc 1972, vẫn trở lại Liên đoàn để tiếp tục phục vụ và chiến đấu trên mặt trận tình báo và phòng thủ của BCH/LĐ – Anh đã nhanh nhẹn phổ biến các tin tức tình báo về địch đến các Tiểu đoàn, đồng thời tại vị trí đóng quân Liên đoàn, anh rất linh động phối hợp với Thượng sĩ Thường vụ / LĐ, điều động các toán lao công và binh sĩ tu bổ các vị trí phòng thủ và chiến đấu trong BCH/LĐ.

Bác sĩ Đức, Trưởng Ban Quân Y, người thay thế BS Cảnh sau 1972 – Ông cũng bạo dạn và gan lì không thua ai, cũng xông xáo trong lần đạn pháo hay tấn công của địch cùng với các binh sĩ quân y thuộc quyền lo cứu thương và tân thương – Trong thời gian kỷ lục, ban quân y của ông đã sẵn sàng ở cuối nhà vòm

của BCH. Loáng thoáng tôi vẫn còn nghe tiếng ông chỉ huy thuộc cấp chuẩn bị các y cụ và thuốc men sẵn sàng hành nghề, lý do ban quân y nhận nhiệm vụ vì lúc này phi trường cũng đang bị địch pháo lai rai, vu vơ, từ xa rớt vào trong vòng đai, mỗi lần như vậy, tôi thấy mọi người bên hướng Bộ Tư Lệnh Tiền Phương Quân Đoàn chạy nhón nháo vào các nhà vòm để tránh pháo. Vì một số phòng của BTL làm việc trong các nhà bạt ngoài trời, không có an toàn, nên mỗi lần có trái pháo rớt gần đâu đó là họ ứ té chạy vào nhà vòm, với hy vọng được an toàn hơn chút đỉnh, mặc dù trên nóc các mái nhà vòm này chỉ có một lớp bao cát mỏng mà thôi.

Cuộc không vận của Liên đoàn liên tục tiếp diễn, ngay khi Tiểu đoàn 52 báo đã vào vị trí vô sự thì Tiểu Đoàn 36 xuống đến nơi. Thiếu Tá Minh, Tiểu đoàn Trưởng vào BCH/LĐ gặp Đại Tá LĐT để nhận lệnh vào vị trí được ấn định. BCH/Tiểu đoàn và hai ĐĐ di chuyển về đồn Đại Hàn, hai ĐĐ còn lại về hướng xã Ba Tháp và Ba Râu. Khoảng 3 giờ chiều cùng ngày, Tiểu Đoàn 36 báo cáo đã vào vị trí vô sự, đã thay thế cho lực lượng Dù xong, mặc dầu tại mỗi vị trí chỉ còn lại một lực lượng nhỏ của đơn vị Dù ở lại bàn giao thôi, còn số lớn họ đã rút đi rồi qua lời báo cáo của Thiếu Tá Minh.

Đúng lúc này, Tiểu đoàn 31 cũng đã xuống đến nơi, Thiếu Tá Tú vào gặp Đại Tá nhận lệnh – Ông chỉ thị Tiểu đoàn 31 di chuyển lên xã Ba Râu, bắt tay với ĐĐ của Tiểu đoàn 36 ở đó để dừng quân nghỉ đêm tại đây. Từ đó, sáng hôm sau 14-4-75, bắt đầu xuất phát tiến lên quận Du Long dọc theo quốc lộ 1, để trám vào các vị trí của Tiểu đoàn 11 Dù đang đóng quân trong vùng. Đại Tá LĐT còn dặn thêm Thiếu Tá Tú cố gắng phòng thủ và bảo vệ quận Du Long vì đây là tuyến đầu của mặt trận tiền phương Phan Rang.

Mỗi lần các đơn vị đến nơi, các vị Tiểu

đoàn Trưởng đều nhận được thêm bản đồ và đặc lệnh truyền tin, hệ thống liên quân, để liên lạc hàng ngang khi chuyển quân và thay quân. Tiểu đoàn 31 là đơn vị xuống sau cùng, trời đã về chiều nên TĐ cũng thận trọng di chuyển đến vùng trách nhiệm một cách chậm chạp, mãi đến gần 8 giờ tối mới báo cáo về BCH/LĐ vị trí đóng quân của TĐ và các ĐĐ trực thuộc trong vùng xã Ba Râu. Đúng 10 giờ tối ngày 13-4-75, toàn bộ kết quả cuộc không vận và phối trí lực lượng của Liên đoàn đã được báo cáo đầy đủ về BCH/BĐQ Quân Đoàn III.

Sáng sớm ngày 14-4-75, lúc tờ mờ sáng, Tiểu đoàn 31 BĐQ báo cáo bắt đầu tung 1 ĐĐ di chuyển về hướng Bắc, dọc quốc lộ 1 và xin thông báo cho lực lượng Dù tránh ngộ nhận. Tôi đề nghị thiếu Tá Tú liên lạc hàng ngang với TĐ 11 Dù ở vùng này – Sau đó được biết TĐ 31/BĐQ đã liên lạc hàng ngang tốt với TĐ 11 Dù và đang trám vào vị trí Dù trong vùng dọc theo quốc lộ 1. Lúc này, trong vùng Bắc Ba Râu, TĐ31/BĐQ đã thay thế TĐ11/Dù ở đây, Thiếu Tá Tú cho biết là ở trên Du Long, Tiểu đoàn Dù chỉ có 1 ĐĐ mà thôi, ngoài ra Thiếu Tá Tú còn cho biết thêm là bàn giao vị trí đóng quân, chớ sự thực vị trí đóng quân không có hệ thống phòng thủ gì cả, chỉ có chăng là những hầm hố cá nhân mà thôi – Tôi nói với ông là họ chuẩn bị rút, nên đã cuốn chiếu hết rồi, đến phiên mình phải lo củng cố, làm lại theo ý mình thôi.

Ngoài ra Thiếu Tá Tú còn cho biết thêm là ĐĐ đầu, tiến lên Du Long, thỉnh thoảng cũng gặp một tốp lính Địa phương quân, hay một vài lính Dù, hơi hải, hốt hoảng đi bộ trên quốc lộ 1, ngược về hướng Nam. Lính 31/BĐQ có hỏi gì họ cũng không nói mà còn bỏ chạy cho lẹ, hoặc im lặng lắc đầu bỏ đi. Mãi đến chiều ngày 15-4-75, Thiếu Tá Tú bất thần báo về BCH/LĐ là quận Du Long đã bị địch chiếm rồi, qua lời

khai của một lính Dù và hai lính Địa phương quân ở hướng Du Long chạy về và gặp TĐ31/BĐQ giữa đường. Họ còn cho biết là địch đã vây Du Long từ sáng sớm, tấn công mạnh bằng chiến xa và bộ binh cùng với pháo nặng, nên ĐĐ Dù ở đây cùng Địa phương quân và các lực lượng Quận đều đã bỏ chạy và bị địch bắt sống một số lớn.

Qua báo cáo của Thiếu Tá Tú như vậy, nên Đại Tá LĐT bảo tôi gọi điện thoại qua Trung Tâm Hành quân Quân đoàn Tiền phương để xác nhận lại xem Du Long còn hay mất và lực lượng Dù có còn ở đó hay không? Quân Đoàn trả lời và xác nhận quận Du Long vẫn còn. Quân đoàn vẫn còn liên lạc tốt với quận và lực lượng Dù ở đây. Quân đoàn cũng chỉ thị phải nhanh chóng đưa Tiểu đoàn 31 BĐQ lên Du Long. Theo lệnh này, Đại Tá Biết đích thân chỉ thị Thiếu Tá Tú để lại 1 ĐĐ nằm đường từ Ba Râu lên – Còn lại dồn toàn lực do đích thân Thiếu Tá Tú chỉ huy, đánh thăm dò lên Du Long. Sau đó, ông chỉ thị tôi xin phi cơ L.19 và phi cụ oanh kích, để sẵn sàng yểm trợ cho TĐ31/BĐQ.

Thiếu Tá Tú thi hành lệnh nghiêm chỉnh, trên đường tiến quân, các cánh quân chỉ chạm địch lẻ tẻ ở khoảng giữa đường Du Long xuống Ba Râu, rồi địch bỏ chạy. Thiếu Tá Tú cho 2 ĐĐ chia làm 2 cánh, tiến thận trọng hai bên hướng Tây và Đông quốc lộ 1. Bất thần khoảng gần 4 giờ chiều cùng ngày, cánh quân hướng Tây quốc lộ 1, cách Du Long gần 1 cây số bị chạm địch mạnh. Thiếu Tá Tú xin Pháo binh yểm trợ, pháo binh Dù yểm trợ yếu ớt và không hiệu quả (có lẽ họ lo cuốn chiếu) có tính cách cầm chừng. Tôi báo L.19 xin phi tuần yểm trợ. Sau vài phút A.37 lên đánh mục tiêu theo hướng dẫn của L.19, qua chỉ điểm của TĐ31/BĐQ Nhưng A.37 đánh 1 loạt bom, tới loạt thứ 2 thì bị trúng SA 7 của địch bắn lên, trúng đuôi

phi cơ bốc cháy và rớt trên vùng Du Long. Sau khi chiếc A.37 bị bắn cháy, thì không yểm chẳng hiểu sao, bị gián đoạn, tôi hỏi L.19 được biết là kho xăng và kho đạn ở phi trường bị pháo trúng, nên phi cơ không lên vùng được, còn phi cơ ở Biên Hòa thì không lên kịp.

Sau cùng gần 5 giờ chiều, Đại Tá Liên Đoàn Trưởng lệnh cho Tiểu đoàn 31 BĐQ, tìm vị trí tốt tại chỗ, tổ chức phòng thủ qua đêm, rồi sáng mai tiến tiếp. Thì ngay sau đó, Thiếu Tá Tú báo về, cánh quân bên hướng Tây quốc lộ 1 đã bị địch tấn công mạnh, bằng pháo trực xạ và xe tăng, nên đã tan rã, một số chạy thoát được về hướng Tiểu đoàn, và Tiểu đoàn đang rút lên sườn núi hướng đông quốc lộ, để tổ chức phòng thủ. Tại đây, nhờ vào những vách núi đá và các miệng hang đá rất tốt để cố thủ.

Tình hình Tiểu đoàn 31 BĐQ đang bị đất như vậy, mà phi trường Phan Rang lúc này địch lại gia tăng nhịp độ pháo vào, gây cảnh chạy hỗn loạn tránh pháo, do một số lớn quân nhân làm việc trong các căn nhà lều dựng lên ngoài trống trong phi trường.

Đúng 7 giờ tối ngày 15-4-75, Tiểu đoàn 31 BĐQ báo cáo, TĐ đang cố thủ trên sườn núi đá, bên hướng đông quốc lộ 1, cách Du Long khoảng 800 mét về hướng đông nam. Sau những đợt xung phong của địch bị đẩy lui, Tiểu đoàn xin tiếp tế đạn dược, nhất là lựu đạn và đạn M.79 đã gần cạn, không thể thủ lâu được nữa, nếu địch vẫn tiếp tục tấn công.

Lúc này, nhìn nét mặt Đại Tá LĐT, tôi thấy ông rất bối rối. Tôi hiểu được ngay tình hình thế này, khó lòng mà tiếp tế cho TĐ31/BĐQ được, hướng chi trời đang bắt đầu về chiều. Ngay sau thoáng suy nghĩ đó, tôi nghe tiếng Thiếu Tá Tú trong máy muốn gặp tôi – Tôi nghe ngay và ông cho biết là trước mặt ông bây giờ là 2 binh sĩ Dù và 2 người lính trong quận Du Long, đã chạy lên đến đây trốn từ chiều, họ

cho biết quận Du Long đã bị địch tràn ngập, ĐĐ Dù ở đây đã tháo chạy, một số nhân viên quận đường bị địch bắt sống, cùng với toàn bộ chỉ huy ĐĐ Dù ở đây. Bởi vậy tội địch mới dùng số người này liên lạc với Trung Tâm hành quân Quân Đoàn như bình thường, làm sao họ không xác nhận với mình là Du Long còn??

Thiếu Tá Tú nói tiếp, bảo tôi trình với Đại Tá là nếu đêm nay địch tấn công mạnh lên, có lẽ anh phải “bung” thôi, chịu không nổi pháo 100 ly và 75 ly trực xạ. Tôi quay qua nhìn Đại Tá, ông nhìn lại tôi im lặng lắc đầu như đã hiểu. Sau đó ông lệnh cho tôi cứ báo cáo thẳng tất cả lên Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn Tiền Phương.

Cũng ngay chiều hôm 15-4-75, lúc hơn 6 giờ, TĐ36/BĐQ báo cáo, các tiền đồn ngoài căn cứ Đại Hàn đều chạm địch, mỗi lúc một mạnh thêm và các tiền đồn phải rút vào căn cứ để tăng cường phòng thủ – Thiếu Tá Minh báo đã thấy địch đang áp sát căn cứ, bắt đầu pháo vào bằng hỏa tiễn 122 ly và súng cối 82 ly liên tục. TĐ đang chiến đấu và đã đẩy lui được đợt tấn công đầu tiên của địch – Lúc này đã hơn 7 giờ tối, Thiếu Tá Minh xin phi cơ soi sáng và phi tuần oanh kích địch – Tôi xin về BTL Quân đoàn, mãi đến gần 8 giờ tối mới có C.47 lên soi sáng với danh hiệu Hỏa Long 1. Tôi bàn giao HL.1 cho TT Minh sử dụng, vừa soi sáng vừa tác xạ vào địch quân, yểm trợ cho TĐ36 – Tôi nghe qua hệ thống không trợ, TT Minh điều chỉnh mục tiêu rất chính xác và nhanh nhẹn – Hỏa Long 1 vừa soi sáng vừa tác xạ rất chính xác vào quân địch, với những khẩu đại liên 6 nòng trên phi cơ khắc đạn liên tục xuống đầu địch, đốn ngã bọn chúng đợt này qua đợt khác, trong khi chúng vẫn điên cuồng xung phong vào phòng tuyến phòng thủ của TĐ36/BĐQ trong đồn Đại Hàn này – Nhờ sự yểm trợ hữu hiệu của Hỏa Long, địch quân đã chùn bước, chúng ngưng tấn công, nhưng vẫn tiếp tục pháo

vào đều đặn để cầm chân – Căn cứ này là một cái gai chúng phải nhổ, để thẳng cánh tiến vào chiếm phi trường, nên chúng đã dùng một số lớn lực lượng, mong san bằng cứ điểm này, không ngờ gặp sức kháng cự mãnh liệt và liều lĩnh của TĐ36/BĐQ, cùng với sự yểm trợ đặc lực của C.47, nên đã đẩy lui được những đợt xung phong ác liệt của địch, gây tổn thất rất lớn cho chúng về nhân mạng, xác địch chết ngổ ngang ngoài vòng đai căn cứ. Có xác nằm vắt ngang lên vòng rào kẽm gai, do sự tác xạ chính xác của M.79 đạn chày mà LĐ được cấp phát sau trận An Lộc 1972 – Loại đạn này chống tấn công biển người rất hữu hiệu.

Sau hơn 1 giờ quần thảo, địch rút lui không tấn công nữa, HL 1 báo sắp rời vùng. TT Minh gọi tôi xin tiếp tục cho soi sáng lên vùng, vì nghi ngờ địch rút để chuẩn bị tiếp tục tấn công nữa. Tôi xin Quân đoàn và được thỏa mãn ngay vì Hỏa Long 2 đang trên đường lên vùng – Tôi báo cho TT Minh biết để yên tâm đồng thời Đại Tá LĐT cũng bảo anh cố gắng phòng thủ cho vững. Quân Đoàn sẽ yểm trợ tôi đa cho anh.

Đúng ngay lúc này, TĐ 31 báo về, địch đã không tấn công vào TĐ nữa mà chỉ pháo cầm chân họ ở đây thôi. Nhưng TT Tú cho biết ngoài quốc lộ, từng đoàn xe chở đại quân của địch đang di chuyển công khai trên quốc lộ và có xe tăng chạy song song hai bên quốc lộ để bảo vệ nữa. Đoàn quân xa này còn kéo theo đại pháo trên đường, chúng đang xuôi Nam. TT Tú cho biết ông nghi ngờ địch tập trung lực lượng đánh phi trường và chiếm tỉnh Phan Rang.

Tuy địch bỏ ý định tấn công TĐ 31, nhưng vẫn cầm chân TĐ này bằng chiến xa và pháo để chúng dễ dàng di chuyển đại quân ở ngoài quốc lộ, do đó TT Tú báo cáo về là anh vẫn còn tại vị trí cũ hồi chiều tối.

Trở lại với TĐ36/BĐQ, suốt đêm đó, Hỏa

Long 2 bao vùng, soi sáng và yểm trợ cho TĐ này, địch nhúc nhích định tấn công là bị phát giác và bị hỏa lực của phi cơ, của lực lượng phòng thủ tiêu diệt, đẩy lui ngay. Tuy nhiên, lúc này TĐ 36 báo cáo đã mất liên lạc với ĐĐ trú đóng ở xã Ba Râu và cho biết, địch đang rầm rộ di chuyển quân xa, kéo theo pháo, hướng vào thị xã Phan Rang, có chiến xa hộ tống, bảo vệ – Tin này do ĐĐ ở Ba Râu báo về Tiểu Đoàn trước khi rút chạy.

Ngay khi đó, TT Tú gọi xin gặp đích thân Đại Tá, ông bắt máy nghe TT Tú báo là vẫn ở vị trí cũ. TĐ tổn thất khá sau các đợt tấn công và pháo địch, nhưng hiện nay địch không tấn công nữa mà chỉ pháo cầm chân. TĐ hiện nay không nhúc nhích gì được, xin Đại Tá quyết định và chỉ thị. Đại Tá cũng chỉ biết bảo TT Tú cố cầm cự ở đó qua đêm, tới sáng rồi ông sẽ trình Quân đoàn, để có giải pháp.

Đúng 8 giờ sáng hôm sau, tức ngày 16-4-75, Đại Tá được Quân Đoàn mời sang họp duyệt xét tình hình. Đại Tá bảo tôi đi theo, mang bản đồ hành quân để ông báo cáo tình hình hành quân lên Quân đoàn. Trong buổi duyệt xét tình hình này, ngoài Tướng Nghi, Tướng Sang, Đại Tá Lương, còn có cả Tướng Nhựt, Sư đoàn 2 BB mới đến cùng với Đại Tá Tư, Tỉnh Trưởng Phan Rang – Sau khi chào hỏi, Tướng Nghi hỏi ngay Đại Tá Biết mà không chờ ông thuyết trình: “Đêm qua anh báo cáo là quận Du Long đã mất, trong khi đó hai anh Đại Tá Lương và Tư, Tỉnh Trưởng vẫn nói là còn và vẫn liên lạc tốt bằng vô tuyến với quận Du Long mà”. Nghe đến đây, Đại Tá Biết tức đến xám cả mặt, vì ông biết rằng Tướng Nghi đã không tin những gì ông báo cáo, qua sự khai báo của lính quận và lính Dù ở Du Long chạy thoát, đang ở chung với TT Tú – Cho tới cuộc họp sáng nay, các ông vẫn cứ khẳng định với Tướng Nghi là còn liên lạc tốt

voi Du Long – Sau cùng, vẫn không tin những gì BĐQ báo cáo, Tướng Nghi trong buổi họp, đã quay qua Đại Tá Biết ra lệnh: “*Anh lấy ngay trực thăng bay lên Du Long quan sát và coi lại TĐ 31 của anh trên đó ra sao, nếu cần, tôi sẽ cho TĐ 52 lên tăng cường để giữ Du Long. Dưới này tôi sẽ cho Sư Đoàn 2 thế chỗ TĐ 52 của anh sau*” – Nói xong ông bắt tay Đại Tá Biết, như thúc dục Đại Tá về làm ngay – Ông quay qua hỏi Tướng Nhựt, như để muốn ra lệnh gì đó, nhưng lúc này tôi không thấy Tướng Nhựt còn ở trong phòng họp nữa, mà ông đã lánh mặt lúc nào không ai biết – Sau cùng ông báo sĩ quan Phòng 3 ra lệnh cho Sư đoàn 2 chuẩn bị 1 lực lượng để trám vào chỗ TĐ 52, sẽ được điều động đi.

Đại Tá Biết và tôi trở về BCH/LĐ, ông bảo tôi gọi Đại úy Toàn cho lệnh quay cánh để bay lên vùng Du Long – Ông cho gọi TT Nga đi theo quan sát địa thế, để sau này dễ dàng trong việc dẫn quân lên tăng cường, giải vây cho TĐ 31. Khi chúng tôi lên trực thăng, đã có sẵn Đại úy Lâm Trưởng Ban truyền tin và 2 âm thoại viên mang máy PRC.25 sẵn sàng rồi – Ngay lúc đó, Thiếu Tá Giai xin đi theo để quan sát tình hình trên TĐ 31, vì ông rất nóng lòng cho TT Tú (hai ông là bạn cùng khóa) – Đại Tá Biết không nói gì và trực thăng bắt đầu cất cánh, lấy cao độ rồi trực chỉ Du Long. Trên đường bay lên Du Long, tôi gọi báo TĐ 31 là Đại tá đang trên đường bay đến TĐ và hỏi TĐ còn ở vị trí cũ không? – TT Tú đích thân trả lời là vẫn còn ở vị trí đêm qua, vẫn bị địch đang cầm chân, tôi chỉ vô vị trí anh trên bản đồ cho Đại Tá xem, trực thăng lúc này đang ở trên vùng. Quả nhiên, vị trí TT Tú đang chiếm lĩnh rất chắc chắn, có những vách đá lớn và các cửa hang làm công sự chiến đấu và trú pháo rất tốt. Chúng tôi nhìn xuống đất, bên quốc lộ 1, khói hay bụi đang bốc cao mịt mù, hỏi TT Tú, anh cho biết quân xa địch đang chuyển quân, xe

tăng địch di chuyển dọc hai bên quốc lộ, men theo chân núi. Đại Tá bảo tôi nói Đại úy Toàn bay qua quận Du Long, trực thăng đảo 1 vòng rồi bay về hướng Du Long. Gần đến nơi, tôi nghe Toàn la lên trong máy là ở dưới Du Long đây cờ đỏ sao vàng, mọi nhà đều treo cờ VC rồi. Vậy rõ ràng Du Long đã mất thật rồi!! Đại Tá cũng nghe và ông lạnh lùng bảo tôi cho trực thăng quay về Phan Rang, nhưng Đại úy Toàn đã đảo 1 vòng trên Du Long, để Đại Tá được nhìn rõ Du Long với đầy cờ đỏ sao vàng ở dưới. Đúng lúc TT Tú gọi lên bảo là đừng bay thấp, địch có phòng không và SA 7, hôm qua đã bắn rớt A 37 rồi đó, ngay tức thì, Toàn la lên: “*tụi nó bắn lên rồi*”, tôi bảo Đại úy Toàn lấy cao độ rồi bay về phi trường Phan Rang.

Trên đường bay trở về, Đại Tá LĐT bảo tôi liên lạc với Trung Tâm hành quân Quân Đoàn để ông gặp Trưởng Phòng 3 báo cáo tình hình. Nhưng tôi liên lạc mãi không trả lời, Đại úy Lâm sốt ruột, đổi qua tần số giải tỏa gọi, cũng không thấy trả lời – Sau cùng, tôi nói Đại úy Toàn liên lạc hệ thống Không Quân xem sao, khi trực thăng trên bầu trời phi trường Phan Rang thì Đại úy Toàn liên lạc được với Không Quân, anh cho biết là địch đang pháo mạnh vào phi trường, sau đó chiến xa và bộ binh địch đã tràn ngập phi trường rồi, vì thế mất liên lạc với Quân Đoàn là phải, có lẽ BTL Tiền phương Quân Đoàn đã rút chạy, hoặc địch đã bắt sống tất cả rồi.

Đó là đúng 10 giờ sáng 16-4-75, sau đó Đại Tá bảo Toàn cho trực thăng bay ở độ cao an toàn, vòng vòng vùng trời Phan Rang, để ông trực tiếp liên lạc với các vị Tiểu đoàn Trưởng ở dưới đất và ra lệnh cho họ. Trước hết, ông gọi TT Minh, TĐT/TĐ36/BĐQ, bảo anh lo thu gom con cái, rồi tìm đường xuôi Nam – Xong, Đại Tá cũng gọi TĐ31/BĐQ, chỉ thị TT Tú tìm cách thoát khỏi vùng này, gom con cái tìm đường xuôi Nam. Ông cũng cho họ biết, tất cả

Phan Rang đã thất thủ thật sự rồi – Ông quay qua định ra lệnh cho TT Nga

TĐT/TĐ52/BĐQ thì thấy TT Nga đang liên lạc với TD ở dưới đất. Ông cũng nói với họ y như lời Đại Tá đã nói: “tìm đường xuôi Nam” – Theo lệnh Đại tá, tôi bảo Đại úy Toàn bay về Phan Thiết và tìm một bãi đáp an toàn để chờ ở đó, xem có đơn vị nào của Liên Đoàn về đến đó chưa? Trước khi bay về Phan Thiết, Toàn bảo phải vứt bỏ bớt các quân trang không cần thiết khỏi trực thăng, để bay được nhanh và an toàn hơn. Thế là chúng tôi, không ai bảo ai, tất cả từ các anh binh sĩ âm thoại viên đến chúng tôi, đều vứt bỏ hết ba lô – Thiếu Tá Giai cố vứt vất liên lạc với BCH/LĐ ở dưới đất, xem có thể gặp được Đại úy Tài hay không. Cuối cùng, ông cũng phải lắc đầu chịu thua không gọi nữa.

Trực thăng trên đường về Phan thiết, chúng tôi nhìn Đại Tá lòng ái ngại, lo lắng. Chúng tôi thấy nét mặt ông thật buồn, qua đôi kính mát trên mặt, chúng tôi nhận thấy đôi giòng lệ đang tuôn trào, chảy dài trên gò má cao, đen xạm của ông. Lần đầu tiên tôi thấy ông khóc và ông đã khóc thương cho bao số phận của thuộc cấp. Ông đã đem họ ra đây, để họ ở lại và rồi sẽ bị địch bắt, giam cầm. Bao binh sĩ đã bỏ mình, phơi xác trên trận tuyến này – Trận chiến cuối cùng mà cuộc đời binh nghiệp của ông, qua bao chiến công hiển hách – ngày hôm nay lại bị thiệt hại thảm khốc, đau đớn là dường nào!

Chúng tôi đáp xuống Phan Thiết, tại một bãi đáp an toàn. Chờ đến 4 giờ chiều, không gặp một đơn vị nào của Liên Đoàn trở về, mà chỉ toàn một dòng người, xe lẫn lộn, dân sự có, quân sự có, họ cùng nhau bỏ Phan Thiết chạy về Saigon. Bên Tiểu Khu gần đó, chúng tôi thấy cũng vắng tanh. Đại úy Toàn, trưởng phi cơ xin Đại Tá cho cất cánh, vì sợ có đoàn quân ô hợp nào đó, lợi dụng tình hình đến cướp trực thăng thì nguy – Đại Tá đồng ý cho cất cánh,

trực thăng lên cao dần – Đại úy Lâm theo lệnh Đại Tá, liên lạc BCH/BĐQ/QĐIII/QK3 để báo cáo xin lệnh. Chúng tôi được lệnh bay thẳng về Saigon, đáp xuống trường đua Phú Thọ, sẽ có xe Jeep của BCH/BĐQ/TU ra đón về Bộ Chỉ Huy.

Khoảng gần 6 giờ chiều ngày 16-4-75, trực thăng đáp xuống trường đua Phú thọ, đã có sẵn xe của BCH chờ đón, chúng tôi chào từ giã phi hành đoàn lên xe về BCH. Đại Tá vào trình diện Thiếu Tướng Chỉ Huy Trưởng, còn chúng tôi qua Câu lạc bộ nghỉ ngơi, ăn uống, lúc này chúng tôi mới cảm thấy đói và nhớ ra rằng từ sáng sớm tới giờ, chúng tôi chưa có một chút gì vào bụng cả – Có lẽ vì quá bận rộn và lo lắng, nên cái đói đã bị bỏ quên chăng?

Sau khi rời BCH/ Trung Ương, chúng tôi được xe đưa về hậu cứ ở trại Phan Hạnh, Hồ Nai, Biên Hòa để nghỉ qua đêm, rồi sáng sớm hôm sau lên trình diện BCH/BĐQ/QK3 ở Biên Hòa. Trên đường về hậu cứ, Đại Tá bảo tôi tối nay cố làm bản tường trình diễn tiến hành quân của Liên đoàn ở Phan Rang, với mọi chi tiết đầy đủ, kèm phóng đồ hành quân phối trí Liên đoàn, để báo cáo lên trên vào sáng mai ở BCH/BĐQ/QĐIII/QK3.

Đúng 9 giờ sáng ngày 17-4-75, Đại Tá Liên Đoàn Trưởng và tôi trình diện Đại Tá Nguyễn Thành Chuẩn, Chỉ Huy Trưởng BĐQ/QĐIII/QK3 ở Biên Hòa. Đại Tá thân mật tiếp đón chúng tôi với câu nói ngắn gọn: “Ở đây tôi đã theo dõi tình hình và diễn tiến các anh ngoài đó, tôi rất hiểu và thông cảm cái hậu quả này”. Chúng tôi vẫn trình ông bản tường trình của Liên đoàn mà tôi đã; hoàn tất trước 12 giờ khuya đêm qua.

Sau cuộc gặp mặt riêng với Đại Tá Biệt, Đại Tá CHT/BĐQ/QK3 vui vẻ tiễn chúng tôi ra

Đánh cho “Mỹ cút Ngụy nhào”



*Thi sỹ Bùi Giáng
(1926-1998)*

*Đánh cho Mỹ cút Ngụy nhào,
Đánh cho chết mẹ đồng bào miền Nam,
Đánh cho khoai sắn thành vàng,
Đánh cho dép lốp phải mang thê giầy,
Đánh cho Bắc đọa Nam đầy,
Đánh cho thù hận giờ này chưa tan,
Đánh cho cả nước Việt Nam,
Áo ôm khó rách xếp hàng xin cho,
Đánh cho hết muốn tự do,
Hết mơ dân chủ hết lo quyền người,
Đánh cho đỡ khóc đỡ cười,
Hai miền thống nhất kiếp người ngựa trâu,
Đánh cho hai nước Việt Tàu,
Không còn biên giới cùng nhau đại đồng,
Đánh cho dòng giống Tiên Rồng,
Osin, nô lệ, lao công xứ người,
Đánh cho chín chục triệu người,
Thành dân vô sản thành người lưu vong,
Đánh cho non nước Lạc Hồng,
Tiến lên thời đại mang gông mang cùm,
Đánh cho cả nước chết chùm,
Đánh cho con cháu khốn cùng mai sau,
Đánh cho Bác Đảng Nga Tàu,
Triệu dân nô lệ ngàn năm cãm hờn !*

Bùi Giáng

xe trở về hậu cứ. Trên đường về, Đại Tá cho tôi biết tin là binh chủng BĐQ sẽ thành lập Sư Đoàn và BCH/BĐQ/QĐIII sẽ thành Bộ Tư Lệnh Sư đoàn 101/BĐQ, gồm có 3 Liên đoàn 31, 32 và 33 – Riêng Sư Đoàn 106 BĐQ đã thành lập xong và sắp ra quân. Đại Tá còn cho tôi biết thêm một tin vui nữa là ông đã được Đại Tá Chuẩn đề cử làm Tư Lệnh Phó Sư Đoàn, Trung Tá Tổng Viết Lạc, LĐT/LĐ6 BĐQ sẽ làm Tham Mưu Phó hành quân tiếp vận, hay Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn. Còn tôi sẽ theo ông về Sư Đoàn làm việc với chức vụ Trung Tâm Trưởng Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn và được thăng cấp Thiếu Tá thực thụ luôn.

Tin này đã làm tôi nửa vui, nửa lo. Vui vì mình được thượng cấp tin tưởng cất nhắc. Buồn lo vì không biết mình có khả năng để hoàn tất nhiệm vụ mới hay không? Tuy nhiên với mặt trận Phan Rang vừa rồi, Liên đoàn đã bị tan rã, mà theo giòng lịch sử sau này hiểu ra được, nó cũng chỉ là con chót đã bị thí trong một ván cờ quốc tế, giữa hai thế lực Tự Do và Cộng Sản, mà VNCH chúng ta chỉ là một con chót, đã bị chủ nghĩa Tư bản đem thí trong ván cờ với Cộng sản, vì quyền lợi của Mỹ là trên hết.

Tôi viết lại đây những gì chính tôi nghe được và thấy được tại mặt trận Phan Rang, chiến trận cuối cùng của đơn vị tôi mà tôi trực tiếp tham dự. Một mặt trận đã ghi đậm trong tâm não mà tôi không bao giờ quên được, nhất là vào những dịp tháng 3 và tháng 4 hàng năm.

California những ngày cuối tháng 3/ 2004

BĐQ NGUYỄN QUỐC KHUÊ

Sư Đoàn 5 Bộ Binh Việt Nam Cộng Hòa

Đỗ Văn Phúc

Trong 11 sư đoàn bộ binh Việt Nam, có 4 sư đoàn nổi danh ở bốn vùng chiến thuật. Ở Vùng 1 là Sư Đoàn 1 BB, Vùng 2 là Sư Đoàn 23 BB, Vùng 4 có Sư Đoàn 21 BB và Sư Đoàn 5 BB ở Vùng 3 Chiến Thuật. Đó là những sư đoàn gánh chịu trách nhiệm những vùng chiến trận ác liệt nhất, chịu tổn thất nặng nề nhất và cũng tạo nhiều chiến công lẫy lừng nhất.



Những câu khẩu hiệu thường thấy trên vách tường đầu nhà trong các doanh trại của Sư Đoàn 5 Bộ Binh.

Gốc gác của Sư Đoàn 5 Bộ Binh là từ vùng cực Bắc Việt Nam. Trong thời chiến tranh Đông Dương, Pháp đã tuyển mộ dân gốc thiểu số Nùng để thành lập các đơn vị tuần tiễu biên giới sát Trung Hoa. Người Nùng nói tiếng Quảng Đông với âm sắc hơi khác chút đỉnh. Nhiều người trong số họ là dân Nùng bên Trung Hoa chạy qua Việt Nam để lánh nạn cộng sản (cộng sản Trung Hoa chiếm lục địa từ tay Tưởng Giới Thạch và lập chính quyền năm 1949). Vị chỉ huy các đơn vị Nùng đó là Đại tá Vòng A Sáng (sau này là tư lệnh đầu tiên của Sư Đoàn 5 BB).

Sau khi Hiệp Định Geneve được ký kết,

chia đôi lãnh thổ Việt Nam ở vĩ tuyến 17, các tiểu đoàn Nùng mang số 32, 67, 71, 72 và 75 được chuyển vào Ba Ngòi (thuộc tỉnh Khánh Hòa, phía Nam thành phố Nha Trang). Sau đó lại di chuyển vào Sông Mao thuộc tỉnh Bình Thuận. Do Nghị Định số 040-QP/NĐ ký ngày 10 tháng 2 năm 1955, các đơn vị Nùng này được phiên chế thành Sư Đoàn 6 Bộ Binh (chính thức thành lập trên giấy tờ là ngày 1 tháng 2, 1955) dưới quyền chỉ huy của Đại tá Vòng A Sáng.

Ngày 1 tháng 8, 1955, Sư Đoàn đổi tên thành Sư Đoàn 6 Dã Chiến. Tháng sau, ngày 9 tháng 9, lại được bổ sung quân số và đổi tên

thành Sư Đoàn 41 Dã Chiến. Ngày 1 tháng 11, 1955, lại đổi tên thành Sư Đoàn 3 Dã Chiến trước khi vĩnh viễn trở thành Sư Đoàn 5 Bộ Binh vào tháng 1 năm 1959.



Những buổi chào cờ VNCH được tổ chức tại sân cờ Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn vào sáng ngày thứ Hai đầu tháng của mỗi tháng với đầy đủ phần Nghi Lễ Quân cách.

Từ đó về sau, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã ra lệnh bố trí các sĩ quan và binh lính người Kinh vào Sư Đoàn. Lính Nùng không còn chiếm đa số nữa. Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 BB vẫn ở lại Sông Mao trong khi đa số các đơn vị của Sư Đoàn đã chuyển về Biên Hòa, thay thế Sư Đoàn 7 BB được đưa về Cần Thơ. Vào tháng 11 năm 1960, hai Trung Đoàn 7 và 8 cùng Bộ Tư Lệnh Tiền Phương thì đóng ở Vùng 3 Chiến Thuật (mà lúc đó là Quân Khu 1) trong khi Trung Đoàn 9 và hậu cứ thì còn ở Vùng 2.

Khi xảy ra cuộc đảo chính lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm (1-11-1963), quân sĩ Sư Đoàn 5 dưới quyền Đại tá Nguyễn Văn Thiệu đã tham gia với trọng trách tấn công vào Dinh Gia Long. Từ đó, cuộc đời binh nghiệp của Đại tá Thiệu chuyển hướng để sau này trở thành Tổng Thống của nền Đệ Nhị Cộng Hòa.

Đến tháng 7 năm 1964, Sư Đoàn lại dời về Phú Lợi, cách thị xã Bình Dương vài cây số về phía Đông. Qua tháng 2 năm 1970, khi quân Mỹ bắt đầu rút, Sư Đoàn 5 BB lại chuyển vào căn cứ Lai Khê là nơi đóng quân của Sư Đoàn

1 BB Hoa Kỳ (The Big Red One). Các đơn vị của hai sư đoàn Việt-Mỹ tổ chức những cuộc hành quân phối hợp trong vùng lãnh thổ ba tỉnh Bình Dương, Bình Long và Phước Long. Căn cứ Lai Khê cách Bình Dương 30 cây số trên đường Quốc lộ 13, trước đây là một đồn điền cao su, có Trung Tâm Nghiên Cứu về Cao Su.



Ban Quân nhạc trực thuộc Đại Đội 5 Tổng Hành Dinh, Bộ Tư Lệnh SĐ.

Sư Đoàn 5 BB có ba Trung Đoàn trực thuộc, một Đại Đội 5 Tổng Hành Dinh, và Đại Đội 5 Trinh Sát. Các Trung Đoàn 7, 8, và 9, mỗi Trung Đoàn có 4 Tiểu Đoàn, 1 Đại Đội Trinh Sát và 1 Đại Đội Chỉ Huy Công Vụ, quân số tổng cộng xấp xỉ 2,500 người. Ngoài ra, thống thuộc Sư Đoàn còn có Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh, 4 Tiểu Đoàn Pháo Binh mang số 50, 51, 52, và 53; Tiểu Đoàn 5 Tiếp Vận, Tiểu Đoàn 5 Truyền Tin, Tiểu Đoàn 5 Quân Y, Tiểu Đoàn 5 Công Binh, Đại Đội 5 Vận Tải. Biệt Đội Tác Chiến Điện Tử và Đại Đội 105 Quân Cảnh. Tổng quân số Sư Đoàn lên đến hơn 10,000 quân.

Vùng trách nhiệm của Sư Đoàn 5 toàn rừng rậm trải dài đến biên giới Việt-Miên, là con đường tiếp tế, chuyển quân của cộng sản. Nơi đây có những mật khu nổi tiếng như Chiến Khu D, Tam Giác Sắt, Long Nguyên, Hồ Bò, Bời Lời... Lợi dụng chính sự miền Nam nhiều rối rắm, cộng sản mở nhiều trận đánh long trời mà

số thiệt hại nhân mạng mỗi bên lên đến hàng trăm mỗi trận. Điển hình là trận Đòng Xoài mùa hè năm 1965, trận Làng 13 Bis Đồn Điền Michelin, thuộc Quận Dầu Tiếng, Trị Tâm của tỉnh Bình Dương vào tháng 11 năm 1965. Qua chiến trận, Sư Đoàn 5 thực sự lớn mạnh, thiện chiến từ năm 1969 khi dưới quyền Thiếu tướng Phạm Quốc Thuận. Khả năng chiến đấu và tinh thần binh sĩ lên cao nhờ tài chỉ huy của các sĩ quan trẻ có học của thế hệ mới từ các khóa về sau của quân trường Đà Lạt, Thủ Đức, cũng như sự góp mặt lần đầu tiên của 39 sĩ quan khóa 1 Đại Học Chiến Tranh Chính Trị. Cũng trong thời gian từ 1969, nhiều sĩ quan xuất thân Đại Học CTCT đã tỏ ra xuất sắc trong chiến đấu và đã được giao phó trọng trách chỉ huy từ cấp đại đội đến cấp tiểu đoàn. Mùa xuân 1971, Trung úy Dương Quang Bồi xuất thân khóa 1 Hiện Dịch ĐHTCTCT thuộc Tiểu Đoàn 4/8 được chọn là Sĩ Quan xuất sắc nhất Quân Đoàn 3 và được tưởng thưởng du lịch Đài Loan.



Một số chiến lợi phẩm tịch thu được của Việt Cộng trong các cuộc hành quân được xếp trên xe GMC và mang đi triển lãm lưu động.

Năm 1969, Sư Đoàn 5 Bộ Binh là đơn vị bộ binh đầu tiên được tuyên dương công trạng trước Quân Đội lần thứ 6, và các quân nhân trực thuộc được vinh dự mang giầy Biểu Chương màu Đỏ (Bảo Quốc Huân Chương). Trong hai năm 1970, 1971, Sư Đoàn đã tham gia các cuộc hành quân Toàn Thắng đánh sâu vào lãnh thổ Kampuchea, triệt hạ cơ sở hậu cần

của Trung ương Cục Miền Nam của Việt Cộng. Trong trận Snuol đầu năm 1971, một tiểu đoàn của Sư Đoàn 5 BB đã tấn công tràn ngập một căn cứ Cộng quân ngang cấp, và sau đó đã đánh phản công một trận để đời, loại khỏi vòng chiến một Trung Đoàn địch, hạ sát toàn ban tham mưu Trung Đoàn. Sau chiến công này, một sĩ quan xuất thân Đại Học CTCT đã được Trung tướng Đỗ Cao Trí trao gấn Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu. (xin xem bài Chiến Thắng Dầu Xuân trên trang web:

<http://michaelpdo.com/2015/06/chien-thang-dau-xuan-1971>).

Đó là thời gian Thiếu tướng Nguyễn Văn Hiếu – vị tướng tài ba và thanh liêm số một của QLVNCH – làm Tư Lệnh. Sau này, cựu Thiếu tá Trần Lương Tín, khóa 20 Võ Bị Quốc Gia, Tiểu Đoàn Trưởng 3/7 đã phải khen rằng: “*Các anh CTCT đã lán sân chơi của Võ Bị.*” Gần 40 năm sau, trong một lá thư của cựu Thiếu tá Nguyễn Chí Hiền (Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 4/8) từ Thias, France gửi cho một thuộc cấp ngày 3 tháng 3, 2010 có đoạn: “*Anh đã chỉ huy nhiều Tiểu đoàn, nhưng có lẽ Tiểu đoàn 4/8/SD5BB đã hằn lên trong lòng anh nhiều kỷ niệm và chiến thắng.*” Một đặc điểm của tiểu đoàn là ba vị Đại Đội Trưởng xuất thân từ khóa 1/CTCT, hậu duệ của Quân Sư Nguyễn Trãi: Dương Quang Bồi, Đỗ Văn Phúc, Quách Kế Nhơn và Mai Thanh Tòng (Trưởng ban 5) đã bảo toàn quân số cho bạn bè tác chiến. Tiểu Đoàn 4/8 đã tạo chiến công, giúp cho hai vị Trung Đoàn Trưởng vinh thăng Đại tá (Bùi Trạch Dân và Mạch Văn Trường).

(Cuối năm 1971, vì lý do điều chỉnh ngân sách viện trợ của chính phủ Hoa Kỳ. Các đơn vị Hải quân, Không quân được tăng thêm ngân khoản để bành trướng đơn vị lên cấp to lớn, hùng mạnh. Trong khi đó, các đơn vị Bộ Binh bị cắt giảm ngân khoản, nên kể từ đầu năm 1972, mỗi Trung Đoàn Bộ Binh chỉ còn 3 Tiểu Đoàn tác chiến. Riêng Sư Đoàn 5 Bộ Binh thì không còn các Tiểu Đoàn mang số 4 trong các

Trung đoàn nữa).



Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, vị Tư Lệnh thứ 15 của Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Ông là Tư Lệnh mặt trận Bình Long, An Lộc năm 1972. Người đã ban Lời Thề, sẽ giữ vững An Lộc bằng mọi giá và đã mang lại chiến thắng cho An Lộc.

Tuyệt vời nhất là trận tử thủ An Lộc dưới quyền Tư Lệnh Lê Văn Hưng năm 1972. Khi nhiều sư đoàn thiện chiến Cộng quân Bắc Việt với sự yểm trợ của chiến xa, các đơn vị Phòng Không, các Đơn vị pháo 130ly cùng hỏa tiễn... đã mưu toan đánh chiếm An Lộc để mở đường tiến công về Thủ Đô Sài Gòn. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu biết tầm quan trọng sinh tử của trận đánh, đã ra lệnh phải giữ được An Lộc với “bất cứ giá nào”. Chuẩn tướng Lê Văn Hưng đã thề nguyện cùng quân sĩ rằng ông sẽ sẵn sàng hy sinh mạng sống để bảo vệ An Lộc không rơi vào tay Cộng Quân.

Chúng ta cũng ca ngợi tinh thần hy sinh đồng cam cộng khổ của các Cố Vấn Hoa Kỳ dưới quyền Tướng James F. Hollingsworth, Tư Lệnh Quân Viện Vùng 3 CT. Chính sự có mặt của Đại tá William Miller cùng toàn toán Cố Vấn của Sư Đoàn 5 tại chiến trường đã làm cho binh sĩ vững tin rằng họ sẽ không cô đơn và sẽ nhận được yểm trợ phi pháo hữu hiệu. Chính Tướng Hollingsworth đã chỉ thị cho các cố vấn: “Hãy tìm chúng (Cộng quân) lại, tôi sẽ cho

Không Quân tiêu diệt chúng. Hãy cho tôi những mục tiêu để đánh bom, và chúng ta sẽ thắng.”

(Đại Tá Miller là Cố Vấn Trưởng của Sư Đoàn 5 Bộ Binh, cạnh Tướng Lê Văn Hưng cho tới cuối tháng 4 năm 1972. Đại Tá Walter Ulmer được đưa vào An Lộc từ ngày 1 tháng 5 năm 1972 và thay thế vai trò của Đại Tá William Miller được gọi về Mỹ).

Sau gần ba tháng chịu trận trước nhiều đợt pháo kích bằng đủ loại pháo, hỏa tiễn mà chưa từng xảy ra ác liệt trên chiến trường Việt Nam, cùng nhiều đợt tấn công biển người và xe thiết giáp T-54 tối tân, Sư Đoàn 5 BB và các đơn vị tăng phái đã giữ vững được Thị Xã An Lộc. Cộng Quân đành thụt thủ trước sự chịu đựng và tinh thần chiến đấu quả cảm của quân sĩ VNCH. Chiến thắng trong cuộc chiến bất cân xứng (1 chọi 6), quân trú phòng ban đầu gồm chủ lực là các đơn vị của Sư Đoàn 5 BB, Chiến Đoàn 52 BB của Sư Đoàn 18 BB, Liên Đoàn 3 BĐQ cùng binh sĩ Tiểu Khu Bình Long sau được tăng cường thêm Lữ Đoàn 1 Dù, Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù, đã chứng minh sự trưởng thành vượt bậc trong chiến đấu. Chiến thắng này cũng có sự góp sức của các đơn vị thuộc Sư Đoàn 9 và Sư Đoàn 21 BB tăng cường hành quân giữ vững các vùng hành quân từ Lai Khê qua Bàu Bàng lên đến Chơn Thành, ấp Tân Khai, vùng Suối Tàu Ô và các đơn vị của các cánh quân dưới phía Nam của rừng cao su An Lộc đã phải tiến sâu vào trong rừng cao su An Lộc sau ngày 13 tháng 5 năm 1972 nữa.

Sau năm 1972, tình hình đang yên tĩnh thì đầu tháng 3 năm 1975, Quân Đoàn III đã ra lệnh bỏ An Lộc và Chơn Thành đang do các Liên Đoàn Biệt Động Quân đảm nhiệm. Đồng thời ra lệnh cho Sư Đoàn 5 Bộ Binh phải bỏ Căn cứ Lai Khê để về lại Phú Lợi, Bình Dương. Tướng Lê Nguyên Vỹ đã bất tuân lệnh này. Ông vẫn ở lại Lai Khê. Kể từ đó, Lai Khê đã trở nên Căn cứ tiền đồn cho Sài Gòn.

Vào cuối tháng 4 năm 1975, khi Tổng thống ba ngày Dương Văn Minh ra lệnh buông súng để “bàn giao” cho Cộng Quân, Chuẩn tướng Lê Nguyên Vỹ, vị Tư Lệnh cuối cùng của Sư Đoàn đã tức tưởi cho binh sĩ giải tán và ông rút lui vào phòng riêng, dùng súng tự kết liễu đời mình, chứng minh khí phách của một người làm Tướng tận trung với Tổ Quốc.



Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ, vị tư lệnh cuối cùng của Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Ông đã tuần tiết không đầu hàng giặc ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Sư Đoàn 5 BB, với hơn 20 năm chiến đấu và trưởng thành, đã góp một phần rất lớn vào sự nghiệp chiến đấu chống sự xâm lăng của

cộng sản Bắc Việt. Cùng chịu chung một số phận đau thương của dân tộc, những quân nhân Sư Đoàn đã phải ngậm ngùi buông súng. Tất cả sĩ quan còn kẹt lại thì bị lùa vào các trại tù mệnh danh là tập trung cải tạo chịu đọa đày khổ nhục hàng chục năm dài. Tham Muu Trưởng cuối cùng là Đại tá Từ Vấn và nhiều vị đã bỏ mình trong lao tù cộng sản. Các thương phế binh đã hy sinh một phần thân thể mình cho Tổ Quốc thì bị đẩy ra bên lề xã hội. Một phần tử sĩ thì bị san bằng, cô nhi bị phân loại, bạc đãi...

Nhưng trong lòng những người chiến sĩ từng mang phù hiệu số 5 đỏ trên vai áo, thì niềm hãnh diện được là người lính Bộ Binh vẫn mãi mãi không phai mờ.

* * *

Danh sách các vị Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh

01. Đại tá Vòng A Sáng 01/03/1955
02. Đại tá Phạm Văn Đồng 25/10/1956
03. Trung tá Nguyễn Quang Thông 18/03/1958
04. Đại tá Tôn Thất Xứng 16/09/1958
05. Trung tá Đặng Văn Sơn 19/11/1958
06. Đại tá Nguyễn Văn Chuân 03/08/1959
07. Chuẩn tướng Trần Ngọc Tám 20/05/1961
08. Đại tá Nguyễn Đức Thắng 16/10/1961
09. Đại tá Nguyễn Văn Thiệu 20/12/1962
10. Chuẩn tướng Đặng Thanh Liêm 02/12/1964
11. Chuẩn tướng Cao Hảo Hón 05/06/1964
12. Chuẩn tướng Trần Thanh Phong 21/10/1964
13. Thiếu tướng Phạm Quốc Thuận 19/06/1965
14. Thiếu tướng Nguyễn Văn Hiếu 15/08/1969
15. Chuẩn tướng Lê Văn Hưng 14/06/1971
16. Chuẩn tướng Trần Quốc Lịch 04/09/1972
17. Chuẩn tướng Lê Nguyên Vỹ 07/11/1973

Những Hình Ảnh Đáng Ghi Nhớ Trong Lịch Sử Cận Đại Của Việt Nam

Phạm Minh Huyền



Tổng Thống Mỹ Richard Nixon và Cố Vấn An Ninh Quốc Gia Henry Kissinger đang thảo luận tìm phương hướng giải quyết chiến tranh ở Việt Nam.



Để thực hiện ý định, Henry Kissinger đã bí mật bay sang Trung Cộng và được Thủ Tướng Trung Cộng là Chu Ân Lai tiếp kiến, lắng nghe và mở tiệc khoản đãi.



Sau đó, Henry Kissinger lại được Chủ tịch Mao Trạch Đông tiếp kiến, coi như bước đầu mọi sự đã hanh thông đúng như Henry Kissinger mưu tính. Làm sao Henry Kissinger thành công trong các cuộc “mật đàm” với Tàu? Dễ đoán vô cùng, vì Henry Kissinger đã đem đến những mối lợi cho Tàu trong việc giải quyết ván bài chiến tranh ở Đông Dương.



Trở về Mỹ, Henry Kissinger tường trình những diễn tiến và các thành quả bước đầu đã đạt được ở bên Tàu cho Tổng Thống Richard Nixon.



Chuẩn bị cho bước kế tiếp. Henry Kissinger đã họp gặp Thủ Tướng Bắc Việt là ông Phạm Văn Đồng tại Pháp để bàn thảo kế hoạch.



Khoảng đầu năm 1972, Tổng Thống Richard Nixon đã đi sang Tàu, được Chủ Tịch Mao Trạch Đông tiếp kiến, mở yến tiệc linh đình để khoản đãi thượng khách. Richard Nixon đã đi duyệt đoàn quân danh dự của Tàu tại Thủ đô Bắc Kinh thì mọi chuyện coi như đã sắp xếp xong. Chuyện còn lại chỉ là vấn đề thời gian cho vở kịch được diễn tiến mà thôi.

Mặc dù hòa đàm Paris đã được mở ra cho 4 bên thảo luận (4 bên gồm có: Mỹ, VNCH, Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam). Hòa đàm bắt đầu từ năm 1968 (sau trận Tết Mậu Thân), nhưng vẫn còn bế tắc. Quân đội Mỹ đã dần dần rút ra khỏi miền Nam Việt Nam từ năm 1969, tính đến đầu năm 1972 họ còn rất ít quân trực tiếp chiến đấu, (từ 500,000 người xuống còn có khoảng 70,000 người), nhưng phía người Cộng Sản vẫn chưa chấp nhận nghiêm chỉnh trong đàm phán. Năm 1972, Mỹ gia tăng bỏ bom ngoài Bắc Việt. Trong miền Nam Việt Nam,



Cộng Sản Việt Nam mở những trận đánh lớn ở Quảng Trị, KonTum và An Lộc.

Cộng Sản đã lấy An Lộc làm áp lực vì An Lộc chỉ cách Sài Gòn 100 cây số, (khoảng 2 tiếng lái xe trên con đường QL.13). Bắc Việt đã tuyên bố tại Paris là đến ngày 20 tháng 4 năm 1972 họ sẽ lấy được An Lộc để làm Thủ Đô cho Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam.

Với một lực lượng vô cùng hùng hậu, họ đánh chiếm Lộc Ninh. Họ đánh tan các đơn vị của



Chiến Đoàn 9 SĐ/5BB do Đại Tá Nguyễn Công Vĩnh chỉ huy và Chiến Đoàn 52 SĐ18/BB tăng phái cho SĐ5/BB đóng tại căn cứ Hùng Tâm. Căn cứ Hùng Tâm tọa lạc khoảng 7 cây số nằm về hướng Đông Nam của Lộc Ninh. Đại Tá Vĩnh cùng nhiều quân nhân các cấp khác bị bắt làm tù binh. Họ bị VC nhốt bên Kumpuachia cho đến sau khi Hiệp Định Paris đã được ký kết ngày 27 tháng 1 năm 1973. Trong Hiệp định có một điều khoản về trao đổi Tù Binh mà các bên lâm chiến phải thi hành là: Sự trao trả phải được thực hiện trong vòng 60 ngày kể từ ngày 12 tháng 2 năm 1973 đó là ngày được Phái Đoàn Liên Hợp Quốc Quân Sự Quốc Tế gồm có CANADA, INDONESIA, BA LAN và TIỆP KHẮC quyết định.



Tù binh phía VNCH được trao trả tại Phi trường Lộc Ninh



Tù binh Mỹ được trao trả tại sân bay Lộc Ninh khoảng tháng 2 năm 1973



Cảnh tù binh Việt Cộng được trao trả. Họ cởi bỏ quần áo tù trước khi về lại bên Việt Cộng



Đại Tá Nguyễn Công Vĩnh được trao trả về khoảng tháng 3 năm 1973

Được trao trả trở về, Đại Tá Vĩnh các quân nhân được Tổng Thống Thiệu và Phu Nhân mở tiệc khoản đãi.

Sau khi chiếm xong Lộc Ninh, Cộng quân tiến xuống đánh An Lộc. Chiến trận An Lộc xảy ra vô cùng ác liệt, tới khoảng giữa năm 1972 thì quốc tế đã công nhận, Cộng quân đã thua về mặt quân sự trên chiến trường, họ phải rút lui khỏi An Lộc. Trong khi đó thì tại Hòa đàm Paris, “Cú đêm” Henry Kissinger bay khắp nơi gọi là “đi đêm” để thực hiện cho được kế hoạch mà ông ta đã vạch ra.



Trong hình: “Cú đêm” đi gặp riêng Lê Đức Thọ

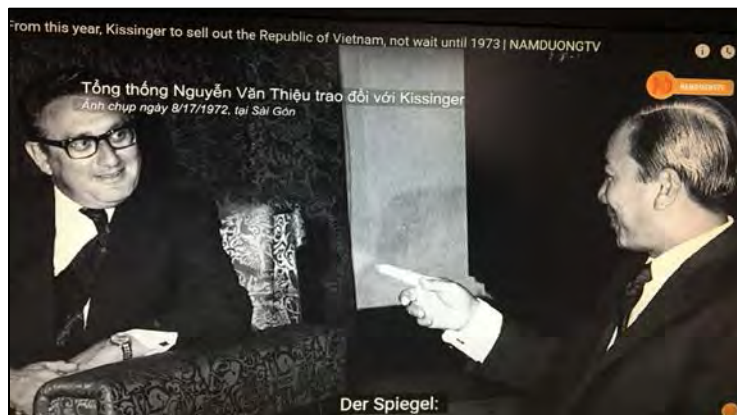




Henry Kissinger và phái đoàn Mỹ vui vẻ tiễn phái đoàn Bắc Việt ra về



Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn ông Ellsworth Bunker được gọi sang Hawaii để gặp TT. Nixon, Henry Kissinger và các Cố vấn khác. Coi như Ông Đại Sứ nhận những chỉ thị sau chót trước khi Hiệp định Paris được ký kết.



Hiệp định Paris đã đi vào giai đoạn cuối, Henry Kissinger bay sang Sài Gòn để làm áp lực với Tổng Thống Thiệu phải chuẩn bị để ký vào Hiệp Định Ba-Lê. Dù muốn hay không muốn. Henry Kissinger đe dọa và áp lực phía VNCH để bắt buộc họ phải ký dù họ không muốn ký.



Ngày 27 tháng 1 năm 1973, bản Hiệp Định Ba-Lê được các bên ký kết. Trong hình: Lê Đức Thọ đặt bút ký đại diện cho phía Bắc Việt.



Với bản Hiệp Định Ba-Lê hoàn toàn bất công cho phía VNCH, phía Mỹ còn không tuân thủ lời hứa cũng như những điều đã ký kết. Họ rút bớt viện trợ cho VNCH, rồi đi đến cắt đứt mọi viện trợ cho VNCH. Ngày 30 tháng 4 năm 1975, quân đội cộng sản đã chiếm lĩnh toàn miền Nam. Các quân, cán, chính VNCH bị bỏ tù nhiều năm không được xét xử. Trại tù được thiết lập khắp nơi trên toàn nước Việt Nam. Nhiều người đã chết vì đói, vì bệnh hoặc bị xử bắn trong các trại tù trên toàn quốc.



Tiêu biểu cho một người “tù” phía Nam Việt Nam, Đại Tá Nguyễn Công Vĩnh nguyên Chiến Đoàn Trưởng Chiến Đoàn 9/Sư Đoàn 5 Bộ Binh được gia đình ra đón tại sân ga sau ngày ông được thả về.

Tiểu Đoàn 2/8 Trong trận chiến An Lộc

Tiêu diệt 11 xe tank của địch ngày 11 tháng 5 năm 1972

Nguyễn Chí Hiền

Thưa các chiến hữu.

Không là nhà văn, và ở tuổi 80, viết lại hồi ức trận chiến An Lộc, Bình Long năm 1972, cách gần năm mươi năm, thật khó khăn của trí nhớ; tuy nhiên theo yêu cầu của một người bạn chí thân D Ch muốn phát hành quyển lưu niệm của những ngày gian khổ nơi chiến trường An Lộc nên đành chiều lòng người bạn.

Trận chiến An Lộc được chỉ huy và lãnh đạo của Chuẩn tướng Lê Văn Hưng Tư lệnh mặt trận và Đại tá Lê nguyên Vỹ phụ tá, Thời gian, ngày và tháng, có thể không chính xác lắm, xin thứ lỗi.

Tôi nhận chức TĐT/TĐ2/8 vào khoảng tháng 2/1972 đang thụ huấn tại TT/HL Vũng Tàu (Vạn Kiếp Bà Rịa) thời gian huấn luyện chưa hoàn tất, vì nhu cầu chiến sự, tiểu đoàn được lệnh ngưng thụ huấn, di chuyển về hậu cứ tiểu đoàn ở Lai Khê để trang bị quân trang, quân dụng và vũ khí đạn dược cho đầy đủ, ngày hôm sau được trực thăng bốc lên An Lộc, xuống bãi đổ an toàn.

Tôi vào Bộ Tư Lệnh gặp Thiếu Tá Nguyễn Văn Dưỡng trưởng phòng Hai trao đổi về tình hình: An Lộc cũng đang bị pháo kích thăm dò, như VC đang điều chỉnh pháo binh cho những trận đánh sau này, Lộc Ninh đã thất thủ, lực lượng cầu Cần Lê cũng tổn thất nặng đang rút về phòng thủ An Lộc, th/tá Dưỡng thấy các đơn vị cơ hữu vào trận địa kịp thời như TĐ2/8 chúng tôi, ông thốt lên những lời mừng rỡ: có TĐ2/8 thì An Lộc không mất. Chắc là để giữ

vững tinh thần các đơn vị, vị niên trưởng K5 Thủ Đức cùng khoá với vị Tư Lệnh đã chào mừng đoàn quân của mình bằng những lời khích tướng!

Sau đó tôi dẫn TĐ đến gặp Đại Tá Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 8 Mạch Văn Trường nhận lệnh bố trí TĐ giáp với TĐ1/8 ở phía phải, TĐT là Đ/U Chi.

Bộ chỉ Huy TĐ2/8 trấn giữ tại Kitô Vua và tiểu đoàn bố trí giữ cổng Phú Lố, địa thế nơi đây tương đối phức tạp, trước cổng là rải rác nhà dân, một con đường đất dẫn vào thị xã, nhà tù của tỉnh trong phạm vi trách nhiệm. Cổng Phú Lố địa thế dễ cho VC tấn công bằng bộ binh lẫn chiến xa.

Bên cạnh cửa nền nhà thờ, một ngôi nhà của giáo dân, mái thiếc dài 6m ngang 4m, mục tiêu chỉ điểm cho pháo địch, pháo địch luôn trúng vào tuyến phòng thủ của TĐ 2/8, tôi nghi ngờ có tiền sát địch gần vị trí đóng quân, tôi ra lệnh cho quân báo tiểu đoàn khám xét tất cả mọi người ngụ trong hầm trú ẩn của căn nhà, quân báo bắt được một tên tiền tiêu pháo binh của VC giải giao cho phòng 2, từ đây TĐ mới hết “nuốt” pháo.

Tôi thường đùa với anh em: Mưa Bình Long- Pháo An Lộc. Thực vậy, một thước đất là một thước pháo, mà mưa Bình Long cũng dầm dề khi mưa thì khó dứt.

Bộ chỉ Huy của TĐ dưới hầm của terrace nhà thờ- chưa xây dựng-lại chông thêm lớp

thùng fut đồ đầy cát đất rắng lại với nhau thật chặt chẽ nên cũng tương đối, pháo nổ cạnh hầm hay trên nắp hầm cũng chỉ choáng váng sặc sụa mùi thuốc đạn, thân hình lắc lư, mắt mờ cay bụi, áo quần lấm lem đất cát, khi trời mưa thì bùn đất đầy mặt.

Chiến trường An Lộc không có M41, M48 và luôn cả Thiết vận xa, pháo của ta bị phá hủy, chỉ vòn vẹn còn một khẩu 105 mà thôi, pháo đài B52 là cứu tinh hữu hiệu nhất, cho dù trái nguyên tắc chiến thuật vì can thiệp ngay cả trên tuyến phòng thủ.

Lộc Ninh thất thủ, cầu Cần Lê rút lui, những quân nhân của chiến đoàn 9, của chiến đoàn 52 còn lại bôn tẩu về An Lộc, ngoài các chiến binh, dân chúng cũng chạy theo sự rút chạy của anh em.

Một câu chuyện thương tâm nhưng ngộ nghĩnh: một chị đàn bà trên tay ôm một đứa con gái chưa đầy 2 tuổi cùng với một người đàn ông đồng hành chạy vào vị trí đóng quân của TĐ 2/8, tôi tưởng là cặp vợ chồng, nhưng chị trả lời: chồng chị bị VC bắn chết chị đành bỏ lại, bỗng con trốn chạy, dọc đường gặp anh này, thấy mẹ con chị, anh giúp bỗng đứa bé cùng chạy, anh ấy tốt lắm, thấy bé đói khát anh đi tìm thức ăn, nước uống..

Tôi thấy hoàn cảnh 2 người, ngộ ý: thôi, anh chị làm lại từ đầu trong thời chiến chinh này, chị có vẻ hơi ngưng, nhưng anh nét mặt vui. Tôi nói thêm: đùm bọc nhau trong hoàn cảnh khó khăn chiến tranh không gì bằng.

Tôi chỉ 2 người hướng về dinh Tỉnh Trưởng cũng là nơi gần BTL/SĐ: 2 anh chị chạy về nơi tôi chỉ an toàn hơn và sẽ được tỉnh giúp đỡ, 2 người cùng chào tôi và ra đi, tôi nhìn theo, chỉ thấy ngậm ngùi. Giờ này anh chị ở nơi nào xin chúc bình an cho anh chị và cháu đã qua gần 50 năm khổ ải điêu tàn của cuộc chiến kinh hoàng ấy!.

Dự nhiều trận đánh, nhưng An Lộc- Bình Long là một trận rất gay go, SĐ 5 còn lại trung đoàn 8, trung đoàn 7 đầu trận đánh, 1 TĐ cũng bị tổn thất nặng ở sân bay Quản Lợi, một số binh sĩ của tr/đ 9, Chiến đoàn 52 cũng tổn thất nặng ở cầu Cần Lê rút về, có thêm 3 TĐ của Liên đoàn 3 BĐQ. cùng một số ĐPQ và Nghĩa Quân, cán bộ Xây dựng Nông Thôn và tđ ĐPQ của Tiểu khu Bình Long.

Sau 2 đợt tấn công lực lượng phòng thủ đánh bại xe tank tấn công vào An Lộc, An Lộc mới được tăng viện Lữ Đoàn Dù của Đại Tá Lê Quang Lương- người Bình Dương, thêm Liên đoàn 81 Biệt Cách của Trung Tá Phan Văn Huấn- sau vinh thăng Đại Tá.

Tướng Hưng, Tư Lệnh mặt trận, phải đương đầu với Công trường 5, 7, 9 và công trường Bình Long. Thiết giáp T54, PT76, các đơn vị pháo và phòng không, các đơn vị đặc công củ VC quân số địch lên tới 15 ngàn..

Sau này, tình hình chiến sự ngày một căng thẳng, TTM tăng cường SĐ21BB và 1 trung đoàn của SĐ9 dưới quyền chỉ huy của Trung Tá Nguyễn Viết Cần mở đường từ Chân Thành đến Bình Long.

Trở lại chiến địa An Lộc, kể từ cuộc tấn công đầu tiên 13/4/1972 của VC có xe T54, các T54 vào thành phố cũng bị lực lượng ta bắn cháy, bộ binh CS đã xâm nhập nửa thành phố phía Bắc, chiếm đồi Đồng Long và sân bay, cộng quân tiếp tục tung thêm nhiều đợt tấn công bằng bộ binh nhưng các lực lượng phòng thủ vẫn giữ vững phòng tuyến và với sự tăng cường của Biệt Cách 81 đã tiêu diệt các toán đặc công trong thành phố.

Chiến trường càng ngày càng ác liệt, VC tăng cường phòng không gây nhiều khó khăn cho không quân VNCH từ tiếp tế thả dù và tản thương. Dù tiếp tế thả xuống rơi vào vị trí của địch rất nhiều, sau này Tổng cục tiếp vận

ngiên cứu lại, nên tương đối tốt cho quân bạn.

Thực ra trong hơn 1 tháng đầu của trận chiến, quân ta thiếu lương thực, thiếu rau xanh, trong phạm vi trách nhiệm giữa TĐ2/8 và Biệt Cách Dù trong tuyến phòng thủ, có ao rau muống chỉ đi qua nhà thờ Thánh Mẫu chừng mươi bước, nên anh em từ BTL và các nơi khác cũng đến hái, một ngày nọ, một toán nhỏ sĩ quan phòng 3 từ trên BTL/SĐ5 đi kiếm rau xanh, bước xuống ruộng thấy phía xa xa có đám rau tốt quá mà các anh em khác chưa thu hoạch, các vị này lội vội ra đó chắc mẩm được vài nắm rau ngon, thì nhìn thấy 1 xác VC nổi lình bình trong đám rau đó, họ bỏ chạy ngược ra. TĐ phải vớt lên chôn để phe ta còn hái rau ăn. Đất miền Nam rất màu mỡ, cây trái tốt tươi đâu cần loại phân bón là những thanh niên sinh Bắc tử Nam bồi thêm!

Hàng ngày VC vẫn pháo kích từ đại bác 130 ly, hoả tiễn 122 ly đến súng cối 82. Không quân ta ném bom vào những vùng địch theo tin tức tình báo. Thịnh thoảng phản lực F của Hoa Kỳ cũng ném bom xung quanh vị trí phòng thủ của quân bạn, ban đêm phi cơ trang bị canon 105 tác xạ xuống những nơi nghi ngờ và vòng đai phòng thủ.

Sau khi Biệt Cách 81 Dù thanh toán hết các toán địch xâm nhập trong thành phố, Trung đoàn 8 BB cùng trấn giữ mặt Bắc với Biệt Cách 81.

Cuộc chiến ngày một khốc liệt, Thiếu Tá Nguyễn Văn Tâm k19 VBQG/ĐL quyền trung đoàn trưởng -sau vinh thăng Trung Tá -thay Đại Tá Mạch Văn Trường bị thương nhẹ ngay từ đầu trận chiến vì cán phải M72 lúc lái xe Jeep ngay tại BCH /Trung Đoàn được đưa về hàm chỉ huy của tướng Hưng đến ngày SĐ5 triệt thoái và SĐ18 thay thế.

Xét về mặt chiến đấu, Trung Tá Tâm đảm trách vai trò TrĐT /TrĐ8 BB một cách trọn

ven, tr/tá Tâm còn trẻ - sinh năm 1942- nhưng không nóng tính lắm, tương đối ngay thẳng.

Ngày 11 tháng 5, VC pháo kích liên tục không ngừng, tôi báo động với anh em trong TĐ phải chuẩn bị đạn dược, áo giáp, nón sắt và ra lệnh cho các xạ thủ súng cối 81 và 60 chuẩn bị sẵn sàng.

Tôi cũng chỉ dạy cho các binh sĩ cách tác xạ súng cối vào đội hình của địch để gây náo loạn hàng ngũ địch, tách rời bộ đội từng thiết với tank địch bằng cách bắn vào nơi nào nghe tiếng xe tank chạy, chiến thuật này thành công, tôi còn ra lệnh rải nhiều concertina trong khoảng đất trống ngoài hàng rào phòng thủ của TĐ.



Những vòng rào kềm gai Concertina được rải ra ngoài vòng rào phòng thủ của Tiểu Đoàn 2/8, SĐ 5 BB. “Linh lái tăng” của Việt cộng ngu đốt đâm đầu vào. Cua càng “cuốn lưỡi” năm giờ vó, giờ càng cho lính của Thiếu Tá Nguyễn Chí Hiền TrĐTướng TĐ 2/8 bắt sống nhiều chiếc như vậy.

Phối hợp kế hoạch dùng pháo và rải concertina giúp tôi bắt sống được 11 xe tank địch, và được T/T Nguyễn Văn Thiệu thưởng 2 triệu 200 ngàn đồng, tôi còn nhớ rõ T/T tuyên bố diệt hoặc đốt cháy hay bắt được mỗi chiếc xe tank được thưởng 200 ngàn.

Rạng sáng VC pháo kích nhiều đợt vào thành phố, phòng tuyến của TĐ2/8 chúng tôi cũng lãnh pháo nhiều đợt rất khủng khiếp, sau đợt pháo 1 hàng ngang chiến xa và bộ binh

xuất hiện tấn công vào tuyến phòng thủ của Tiểu đoàn, với sự kinh nghiệm của những lần trước, các binh sĩ ĐĐ 2/8 vẫn vững tay súng chống trả sự tấn công điên cuồng của VC, địch pháo thì núp, dứt pháo trời lên hầm canh địch, chiến xa T54 của địch đã có M72 của ta, bộ binh từng thiết địch thì có 81 và 60 ly cộng M16 của các chiến sĩ gan dạ quyết bảo vệ An Lộc.

Chiếc xe T54 đầu tiên bị anh em bắn cháy lúc hùng sáng, những chiếc sau tiếp tục tràn vào, cán phải concertina kẹt xích không nhúc nhích được, 81 và 60 ly rải đều, bộ binh địch tán loạn, tài xế bỏ chạy anh em binh sĩ tràn lên liệng lựu đạn, tiếng la bắt sống vang một góc trời, lựu đạn nổ âm âm. Ngoài xa phòng tuyến oanh tạc cơ gầm thét trải bom chặn địch từ xa.



“Sinh Bắc tử Nam”, những con “Rôbốt lính Cộng sản” bị xúi dục, kích động, thi đua chạy vào chỗ chết trong mặt trận An Lộc năm 1972.

Tướng Hưng từ vị trí của BTL ở trên cao - tuyến phòng thủ ĐĐ2/8 ở dưới thấp - theo dõi tình hình, ông thấy trong tuyến địch tấn công ngày hôm đó của ĐĐ2/8 xuất hiện nhiều xe tank, Tướng Hưng liền gọi tôi, bảo tôi cố gắng giữ vững tinh thần, cần yểm trợ gì thì cho ông biết, phải thường xuyên báo cáo tình hình về cho ông:

Tôi trình rằng đã chặn đứng được xe tank, tuy nhiên chưa dám chắc chắn, nên tôi sẽ báo cáo khi có kết quả.

Khoảng 10 phút sau đích thân Tướng Hưng hỏi nữa.

Tôi thưa: anh em đã liệng lựu đạn vào chỗ tài xế ngồi và có vài chiếc bị cháy.

Tướng Hưng lại ra lệnh: nếu cần bắn M72 cháy hết cũng được.

Tôi trả lời: nhưng anh em binh sĩ muốn bắt sống tank.

Đến khoảng 11 giờ trưa cùng ngày, Tướng Hưng đích thân chạy bộ, nương theo các tường nhà đổ nát để tránh những quả pháo của địch vẫn còn nổ vang trong thành phố, xuống thăm và thị sát tuyến phòng thủ của tiểu đoàn 2/8 của chúng tôi, ông khen ngợi anh em, ông tướng chỉ mặc quần sọc, đầu đội nón sắt và khoác áo giáp vắt lưng lẳng 2 trái lựu đạn. Ông đi không có bầu, đoàn, ai đó đi theo hộ tống Tướng Hưng cũng phải đang ăn nầu chỗ nào để tránh pháo thì tôi cũng không biết, lúc này trong phòng tuyến tụ tập vài người là ăn pháo.

Trong chiến trận, cấp chỉ huy từ trung đội trưởng đến ngay cả Tư Lệnh chiến trường ngoài nhiệm vụ là điều động đơn vị đánh trả cuộc tấn công của địch, với tình thế sinh tử kẻ địch ngay trước mặt mình, chúng tôi cũng phải là những chiến binh để sống còn, Tướng Hưng giắt 2 trái lựu đạn trong nắp áo giáp, đội pháo thị sát chiến trận không phải để chụp hình quay phim, cũng như Đ/T Vũ khi xe tank địch gầm gừ trước mặt, ông ôm khẩu M72 bắn cháy tank địch để cứu ông và toàn bộ BTL và cứu cả mặt trận An Lộc, từ lúc vị Tư Lệnh phó chiến trường An Lộc nướng cháy chiếc chiến xa T54 địch thì cuộc chiến ngã phần thắng về ta vì chiến xa vào thành phố mà không biết phối hợp với bộ binh thì nó chỉ là khối sắt kèn càng.

Đại Tá Vũ là người can đảm và xông xáo: chiếc T54 đầu tiên của cộng quân được Đ/T nướng cháy, nêu gương cho binh sĩ, nên sau này binh sĩ được thành lập tổ diệt tank bằng

M72 và anh em rất hăng say, tank vào thành phố như cua gậy cày, binh sĩ cứ núp vào các ngã tư trong thành phố để bắn trúng và ít nguy hiểm..

Đó vị Tư Lệnh và Tư Lệnh phó của chúng tôi như thế đó. 2 vị cùng là Tư Lệnh của SĐ 5BB, vị trước, vị sau, và trong phút cuối cùng của Miền Nam ngày 30 tháng tư năm 1975, 2 vị đã tuân tiết để giữ trọn tiết tháo anh hùng.

Khi Tướng Hưng ra thị sát TĐ2/8 tôi có nói với Tướng Hưng: lòng can đảm và đức hi sinh của chuẩn tướng là gương tốt cho anh em binh sĩ. Tướng Hưng trả lời: “tôi còn là An Lộc còn”

Tôi ít gặp Tướng Hưng, từ ngày ông gặp cả Trung đoàn 8 tại BCH/SĐ và sau cuộc họp được mời dùng cơm, trong bữa ăn ông nói: “các anh em TĐT không cần sự đóng góp nào về vật chất, tiền bạc cho Tư Lệnh cả, tôi cần anh em đánh giặc thôi.”

Thật vậy Tướng Hưng là 1 trong các vị tướng sạch: Thắng, Chinh, Thanh, Trường, Hiếu và Hưng. Trong quân đội hoặc ngoài dân chúng đều biết đến những vị tướng này.

Mặt trận An Lộc – Bình Long tôi nhận thấy trên dưới một lòng, từ Tỉnh trưởng Đại tá Trần Văn Nhựt, Đại Tá Lê Quang Lưỡng, Đại Tá Phan Văn Huân v v...đều tuân lệnh của Tướng Hưng, Đặc biệt Đại Tá Lê Nguyên Vỹ, Tư lệnh phó mặt trận là gạch nối với các đơn vị đặt thuộc quyền.

Đại tá TLP lại phải coi chừng cố vấn Mỹ... sợ đoàn cố vấn gọi phi cơ Mỹ trốn khỏi An Lộc., tôi biết được chuyện trên về “Cố vấn Mỹ...” là sau rời An Lộc về Lai Khê có dịp gặp lại Đ/T Vỹ hàn huyên Đ/T kể lại và cười...

Tại mặt trận An Lộc, TĐ2/8 chu toàn trách

nhiệm bằng chiến thuật và mưu mẹo, cùng với lòng dũng cảm và gan dạ của người lính VNCH, chiến sự kéo dài gần 4 tháng, TĐ2/8 tổn thất nặng vì bị pháo kích của địch, còn đối diện trực chiến chúng tôi vẫn giữ vững phòng tuyến và ít bị tổn thất, 2 sĩ quan hi sinh trong trận chiến là Việt K23 VBĐL/ĐĐT/ĐĐ6 và Chuẩn Úy Xuân người cùng quê Tây Ninh với tôi, cũng vì khinh địch chiều chiều đứng trên nắp hầm hít vào phổi vài luồng gió mát, bất thành lính pháo địch nã vào phòng tuyến, núp không kịp phải bị tử thương, nhiều chiến hữu TĐ2/8 nằm lại vĩnh viễn nơi chiến địa với mồ tập thể. Trừ Biệt Kích 81 Dù lập được nghĩa trang riêng

“An lộc địa sử ghi chiến tích,

“Biệt Kích Dù vị quốc vong thân”.

Hai câu thơ này của 1 cô giáo đã ăn sâu vào Quân Sư QLVNCH.

Cộng quân pháo vào An Lộc không còn một nhà nào nguyên vẹn, trở lại những bức tường...

Đến tháng 7/1972 Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cùng phái đoàn đến thăm An Lộc, ban lệnh, uỷ lạo và thăng cấp cho chiến binh lập được chiến công.

Thời gian ngắn SĐ được lệnh bàn giao địa bàn lại cho SĐ18BB. Trở về Lai Khê, chưa kịp gặp gia đình TĐ2/8 được lệnh di chuyển qua Củ Chi –Hậu Nghĩa.

TĐ đóng quân ở Chà Rây - Trảng Bàng. mấy tháng sau tôi chuyển về BTL/SĐ và giữ chức Trung Tâm Trưởng/ Trung Tâm Hành Quân.

Thân ái chào các chiến hữu SĐ5BB.

Người lính già: Nguyễn Chí Hiền

DI SẢN ĐỂ LẠI CHO CON CHÁU VỀ SAU

Lê Phước Tân

*Đời tươi trẻ chúng ta đừng ngại bước
Cổ tiến lên tiến mãi trước tương lai
Tiến tiến tới đường dài ta mới đáo
Chớ hề lui thế mới gọi là trai
Tiên tiến lên lịch sử hãy còn ghi
Bao tên tuổi các Anh Hùng lừng lẫy
Tiến tiến lên xông pha làn gươm giáo
Vì nước nhà chà đạp lũ sói lang
Dem Tự Do Hạnh Phúc đến xóm làng
Nghìn muôn thừa tên vàng lưu sử sách!*

Tôi cựu Đại Úy Lê Tấn Phước, gia đình có 6 anh chị em được sinh ra ở Nông pênh (Campuchia), đến năm 8 tuổi, theo cha mẹ chạy về Việt Nam để tránh nạn cấp dưỡng. Từ đó mới được học chữ Việt tại trường Tiểu học Lý Thường Kiệt ở TTHL Quang Trung. Học cấp Trung học, tại trường trung học Hồ Ngọc Cẩn, Sài Gòn. Sau đó gia nhập quân đội, khoá 18 trường Võ Khoa Thủ Đức, ra trường năm 1965 được về phục vụ lần lượt tại các Tiểu đoàn 1 và 3 thuộc Trung Đoàn 9 của Trung Tá Trung Đoàn Trưởng Lê Nguyên Vỹ mà sau này tên tuổi Ông đã trở thành bất tử, vang danh trong lịch sử Dân tộc. Suốt thời gian này theo chân đơn vị hành quân khắp các vùng lãnh thổ trách nhiệm của Sư Đoàn 5 BB, một vùng rộng lớn đầy dẫy các mật khu, căn cứ địa của VC, trong tỉnh Bình Dương, Bình Long, Phước

Long với các địa danh nổi tiếng như Phước Bình, Phước Qua, Bà Rai, Đồng Xoài, Chiến khu D cho đến Tri Tâm, Dầu Tiếng, Lộc Ninh, Bó Đức, Chơn Thành, cho đến các an toàn khu vùng biên giới Việt Miên.



Bộ chỉ huy Chi Khu Đơn-Lương, Đồng Xoài tỉnh Phước Long trước khi bị VC tấn công



Đoàn quân tiến vào giải cứu Chi Khu Đơn Lương

Tham dự hầu hết các trận chiến lớn nhỏ tu cấp đại đội đến trung đoàn, trực thăng trận cũng nhiều và dĩ nhiên, thỉnh thoảng cũng bị tổn thất, mất mát, suốt chiều dài 6 năm rưỡi phục vụ tại Trung Đoàn 9 BB trong cương vị Đại Đội Trưởng, 3 lần bị thương và rất nhiều trận đáng nhớ.



Dù đã bị thương nhưng vì địch vẫn còn tấn công vào đơn vị. Tôi sẽ còn ở lại với anh em và chiến đấu đến hơi thở cuối cùng

Tháng 11/1967, tin tình báo cho biết, một Sư đoàn Cộng quân đang di chuyển từ Miên, qua Bù Gia Mập, tiến về hướng Đồng Xoài mục đích là tấn công Lai Khê, nơi đặt Bộ Tư Lệnh Đ 1 Không Kỳ Hoa Kỳ. Tiểu đoàn 3/9 và một Tiểu đội Trinh sát của Mỹ cùng hành quân vào vùng, mục đích là truy tìm và đánh chặn địch. Ban 3 Tiểu đoàn cho hay B. 52 sẵn sàng yểm trợ khi chạm súng, trước nhiệm vụ nặng nề này các Sĩ Quan trong Tiểu Đoàn đùa nhau, phen này chắc bon mình thành *hamburger* hết. Tiểu đoàn được trực thăng vận đến Đồng Xoài và tiến vào vùng hành quân khoảng giữa Đồng Xoài và căn cứ Lai Khê, nơi được tiên liệu là VC sẽ di chuyển ngang qua. Đ 3/9 sau một ngày băng rừng lội suối, chúng tôi đã đến vùng mục tiêu được chỉ định, trong cuộc đóng quân đêm đó, ĐĐ 10 của tôi án ngữ con đường mòn băng qua một ngon đồi, anh em binh sĩ vừa tổ chức phòng thủ vừa vội vàng

làm cơm ăn uống cho đỡ đói sau một ngày hành quân mệt nhọc. Quả thật như tin tức tình báo, đúng 11 giờ khuya VC xuất hiện, chúng ò ạt tiến lên theo con đường mòn, tôi nghi chúng không hề biết trước là có lực lượng VNCH bố trí trong rừng sâu này, chúng nhanh chóng tràn ngập vị trí ĐĐ 10, hai bên cài răng lược, súng nổ rền khắp, hai tên VC chây vut ngang qua trước mặt thật nhanh, không kịp phản ứng, đến tên thứ 3 tôi nhanh chóng chụp lấy hấn và vật xuống. Hai bên giăng co, cuối cùng tôi cũng trói được hấn bằng giây mắc võng của tôi, tịch thu được một súng AK 47. Tuy nhiên hấn cũng đã bắn tôi bị thương, viên đạn xuyên qua mông thịt, không trúng chỗ hiểm nên bấy giờ trong lúc căng thẳng không cảm nhận được, về sau này thấy áo quần ẩm ướt, cởi ra xem mới thấy mình bị thương. Tôi được tản thương vào lúc 4 giờ sáng trong đêm cùng 4 anh em trong ĐĐ về Lai Khê.

Chuyện đáng nói ở đây là thời điểm 1967, Quân đội VNCH đang sử dụng súng Garant M1, mà vũ khí của đối phương đã vượt rồi chúng ta trong chiến đấu, và cây súng AK 47 mà tôi tịch thu là một trong những súng AK 47 đầu tiên mà quân đội ta tịch thu được từ quân địch, đây là một thành tích vô cùng ý nghĩa vì khai thác được tin tức nóng bỏng của đối phương mới xâm nhập là tù binh bị bắt tại mặt trận vừa thu được loại vũ khí mới của chúng 5 1 9 6 8 tiểu đoàn 3/9 đóng quân ở xã Phước Hòa, Phước Bình gần núi Bà Rá, Phước Long bị VC với quân số đông hơn nhiều lần mở trận tấn công với mục đích xóa sổ tiểu đoàn 3/9 nhưng tiểu đoàn đã phát hiện kịp thời và chống trả quyết liệt, tại phòng tuyến đại đội 10 do tôi là đại đội trưởng lô cốt ngay sát vòng rào được tôi sử dụng làm hầm chỉ huy. Đại đội đã bị chúng nổ chúng nổ lực tấn công cần hầm chỉ

được phòng thủ bởi 2 người: tôi và người lính truyền tin vào một cận vệ nhưng anh lính cận vệ đã được tôi cho đi phép từ mấy ngày trước. Qua ánh sáng lờ mờ của hỏa châu tôi thấy 3 tên VC đang di chuyển cây đại liên của chúng tới sát lỗ châu mai, tôi chộp lấy súng M79 của người lính cận vệ đi phép gửi lại bắn liền một quả 3 tên chết ngay tại chỗ, tên ôm súng bị rơi cái đầu xuống đất điều này làm người sĩ quan trẻ là tôi vô cùng sợ hãi, tôi hét lên với người lính truyền tin “nó rơi cái đầu xuống đất rồi mày ơi” rồi lại phải nhanh chóng đối phó với những tên còn lại đang bò dưới làn kẽm gai để tiến sát vào vị trí. Cứ mỗi tên tiến lên đều bị tôi hạ gục bằng súng M79 trong vòng 5 phút có 8 tên đền tội trước họng súng, trong lúc nguy cấp có lúc vội vàng tôi không nhớ mình đã nạp đạn hay chưa bèn bóp cò thử súng nổ đạn bay lên trần hầm, 2 thầy trò hoảng hốt nằm sát xuống chờ chết khoảng 2 phút sau vẫn chưa thấy gì may mắn thay đạn không nổ sau này nhớ lại mỗi một quả đạn M79 được bắn ra phải bay được một khoảng tối thiểu để đầu nó xoay đủ 720 vòng rồi mới kích nổ cho nên thầy trò tôi được thoát nạn.

Trận đánh này là một chiến tích vẻ vang cho tiểu đoàn 3/9 với 121 xác quân thù nằm lại chiến trường, tôi tịch thu được 2 súng K54, sau 2 trận chiến thắng này tôi được vinh danh là chiến sĩ xuất sắc/Anh Hùng QLVNCH, năm 1968 được về dự lễ ở dinh tổng thống VNCH, Sài Gòn. Thời điểm này đang ở đợt 2 của cuộc tấn công Mậu Thân của quân+ cộng sản. Ngay dự lễ đã tới đơn vị đang đóng quân ở An Lộc, Bình Long, phương tiện di chuyển khó khăn làm sao mà về dự cho kịp, may mắn được thiếu

tướng tư lệnh sư đoàn một không kỵ đang lên công tác tại An Lộc cho quá giang về Phú Lợi là bộ tư lệnh Sư Đoàn 5 bộ binh, lại được đích thân Trung Tướng Phạm Quốc Thuần ưu ái đón ở bãi đáp chờ vào bộ tư lệnh và tới văn phòng đại tá tham mưu trưởng làm thủ tục giấy tờ về trình diện Sài Gòn kịp thời cùng các chiến sĩ các đơn vị bạn về dự lễ.

Sau một thời gian dài đi chinh chiến cùng Trung Đoàn 9/ Sư Đoàn 5 Bộ Binh, tôi được chuyển về biệt khu thủ đô tại Sài Gòn được theo học tại trường sinh ngữ quân đội, sau đó sang Nhật học chuyên môn tại trường tình báo Usarpacints. Sau khi về nước được MAC-V Sài Gòn chọn vào bay đêm trong toán *nightbird* cho đến khi Mỹ rút quân về nước.

Vận nước đổi thay vào tù cộng sản sống đời lưu vong trong thời gian sống ở Hawaii tôi lại có dịp cứu người chết đi sống lại bằng phương pháp CPR hô hấp nhân tạo. Xin cúi đầu Tạ Ôn Trên đã ban cho tôi được an lành trong cuộc đời đầy phong ba bão táp.

Nỗi ray rứt trong lòng không bao giờ làm tôi nguôi ngoai là tôi chưa làm tròn bổn phận với tổ quốc. Mai sau vẫn mong muốn được làm người Việt Nam, được làm người lính Việt Nam Cộng Hòa, thề tận trung báo quốc.

Kỷ niệm 70 năm thành lập Sư Đoàn 5 BB/QLVNCH

Hawaii, những ngày đầu tháng Giêng năm 2023

Cựu Đại Úy Lê Tấn Phước (Lê Phước Tân) Đại Đội Trưởng ĐĐ10, Tiểu Đoàn 3, Trung Đoàn 9, SD5BB

Bông Hồng Thắm cho Đại Hội Kỷ Niệm 50 Năm Chiến Thắng An Lộc tại Quốc Dương Studio

Ghi Nhanh: Phạm Gia Đại

Trong những tia nắng ấm chiếu rọi xuống thành phố Westminster, Đại Hội Kỷ Niệm 50 Năm Chiến Thắng An Lộc (1972-2022) đã được khai mạc trọng thể tại Quốc Dương Studio, Quận Cam, Nam California vào sáng ngày Thứ Bảy, 14 Tháng 5 Năm 2022. Quốc Dương Studio là một vũ trường kang trang, rộng rãi, trang nhã với hai sân khấu lớn nhỏ, được nhiều người biết đến và tổ chức tiệc tùng, nhưng ít khi có những buổi tổ chức lớn như hôm nay về một chiến thắng lẫy lừng như An Lộc của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH).

các binh chủng bạn đã tử thủ trong trận chiến gần 100 ngày tại thị trấn An Lộc, Tỉnh Bình Long cùng về tham dự, từ những tiểu bang xa như Florida, Texas, đến Oregon, từ San Jose kéo xuống và từ San Diego kéo lên, trong quân phục hay trong những bộ quần áo dân sự gọn gàng chỉnh tề.



MC Diệu Quyên và Sean Lê

Hơn 400 quan khách, trong đó có những sĩ quan trẻ năm nào của Sư Đoàn 5 Bộ Binh và



Thiếu Sinh Quân Hoa Kỳ



Ban Tổ Chức tại Tượng Đài May 13th, 2022

* Ban Tổ Chức (BTC) chính gồm có Nguyễn Đình, Tiểu Đoàn 5 Truyền Tin (Hội Trưởng). Bác sĩ Nguyễn Nam Hùng, Y Sĩ Trưởng Sư Đoàn 5 Bộ Binh (Trưởng Ban Tổ Chức), Phạm Minh Huyền, Sĩ Quan Hành Quân Không Trợ (Kế Hoạch và Điều Hành), Lê Cảnh Sao, Trung Đoàn 9. (Thủ Quỹ). Đinh Quang Tĩnh, Trung Đoàn 8 (Tổng Thư Ký), những chiến sĩ trẻ lứa tuổi hai mươi ngày nào nay đã vào lứa tuổi thất thập cổ lai hy nhưng cố gắng hết sức để tổ chức chiến thắng lẫy lừng này, và đều nói đây là lần tổ chức cuối trong đời. Sân khấu đã được các anh trong BTC bày biện và sắp xếp trang nghiêm từ sáng sớm với hai câu đối “Sanh Vi Tướng-Tử Vi Thần” màu đỏ trên nền vàng - là màu cờ Quốc Gia, và hai di ảnh trên bàn thờ hai vị Tướng đã chỉ huy trong trận chiến An Lộc là Lê Văn Hưng và Lê Nguyên Vỹ với hàng chữ Tổ Quốc Ghi Công bên dưới. Ngày Sài Gòn sụp đổ là ngày hai Tướng Lê Văn Hưng và Lê Nguyên Vỹ, hai trong năm vị tướng của QLVNCH đã tuấn tiết, nên đại hội này cũng để vinh danh hai vị tướng, hai vị thân của Sư Đoàn 5 BB.



Hội Sư Đoàn 5 BB VNCH Chuẩn Bị Làm Lễ

* Phần khai mạc được tổ chức với nghi lễ long trọng với phần biểu diễn thao tác súng đẹp mắt của gần 40 em thiếu sinh quân Hoa Kỳ đã

được khán giả nhiệt liệt tán thưởng. Sau phần chào quốc kỳ Việt-Mỹ là phần chiếu hai đoạn phim ngắn về tiểu sử Sư Đoàn 5 BB, đơn vị chính yếu đã cùng với các đơn vị binh chủng bạn tử thủ trong An Lộc, và về trận chiến ác liệt tại An Lộc. Ngay từ ngày đầu cộng quân đã rút vào thị xã nhỏ bé An Lộc hàng chục ngàn trái đạn pháo và tổng tấn công trên 30 lần trong hơn ba tháng với 4 sư đoàn Bắc Việt cùng với các trung đoàn pháo, cao xạ, và phòng không của địch vây hãm với ý đồ san bằng và chiếm cứ An Lộc làm thủ đô cho cái gọi là “Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam” của chúng, và tiến về Sài Gòn.



Ban Đồng Ca “Tù Ca Xuân Diêm”

Thế nhưng các chiến sĩ QLVNCH vẫn ngày đêm ghìm tay súng trong giao thông hào, trong hầm trú ẩn chờ đợi từng đợt xung phong, từng loạt pháo của địch, và đẩy lui từng mũi tiến công điên cuồng của địch quân. Với chiến thuật tiền pháo hậu xung, quân Bắc Việt với các tên chỉ huy chĩa súng thúc vào chính lưng lính của chúng, đã như những con thiêu thân lao vào lửa, nhưng có lần chúng đã tấn công vào được gần đến tổng hành dinh của sư đoàn, nhưng vẫn bị các chiến sĩ Sư Đoàn 5 BB VNCH và các đơn vị bạn dũng mãnh đánh bật ra.

*An Lộc (Tỉnh Bình Long), Kontum và

Quảng Trị là ba trọng điểm trong chiến dịch Mùa Hè năm 1972 của Hà Nội. Thế nhưng với tinh thần quyết chiến và tử thủ của Sư Đoàn 5 BB nói riêng và các quân binh chủng của QLVNCH nói chung, đã bẻ gãy toàn bộ ý đồ công cuộc đó của cộng quân, 4 sư đoàn Bắc Việt cùng với các trung đoàn yểm trợ đã bị loại ra khỏi vòng chiến, và sau 96 ngày quần thảo, quân Bắc Việt đã phải “chém vè” về Campuchia dưỡng thương để lại hàng trăm binh lính của họ chết thảm trên cành cây, trong xe tăng với chân bị xích trên tầng cây và trong xe tăng không cho chạy trốn. Đây là chiến thuật thí quân mà Bắc Việt học được từ trong sách vở của Liên Bang Xô Viết trong Thế Chiến Thứ Hai giữa quân Nga và Đức Quốc Xã. Quân sự đã ghi nhận trận chiến An Lộc là một trong những trận đánh lớn nhất không phải chỉ tại Việt Nam mà còn trên thế giới, mà QLVNCH nói chung và Sư Đoàn 5 BB nói riêng đã chiến thắng vẻ vang.

đã tham dự ngày xưa 50 năm trước như Hồ Xám Phạm Châu Tài, Biệt Kích Dù, như Biệt Động Quân Đại Úy Khuê, như Nguyễn Tường Tuấn, Đại Đội Trưởng Trinh Sát, Sư Đoàn 5 BB đã làm cho khán giả xúc động và càng thương mến những người lính chiến VNCH ngày trước. Một diễn giả đặc biệt của chương trình là gia đình cố Chuẩn Tướng Richard Tallman đã tử trận tại An Lộc ngày 9 Tháng 7 năm 1972, lúc đó ông là một tiểu đoàn trưởng của Sư Đoàn Dù 101 Không Kỳ, cũng được BTC mời đến. Con trai của ông và cháu nội ông, một đại úy trong quân lực Hoa Kỳ bây giờ cũng lên trên bục nói về ông cha mình là Tướng Richard Tallman.



Con Trai Tướng Richard Tallman

* Một số sĩ quan anh hùng sống sót sau trận An Lộc đã lên sân khấu nói về trận đánh mà họ



PGĐ và một Nhảy Dù chụp với Gia đình con cháu cố Tướng Tallman



Con Cháu của Tướng Tallman

Ngoài những đồng đội cũ của anh cả tôi mà tôi đã gặp là anh Lê Văn Kim mà tôi đã biết từ Sài Gòn, qua Nam Cali đã từng liên lạc nhiều năm, nhưng tôi hoàn toàn quên mất anh chính là em của Tướng Lê Văn Hưng. Hai tấm banner về Sư Đoàn 5 treo trong hội trường là của anh và anh là tác giả bài viết làm nhiều người xúc động: “40 Năm Vẫn Một Bóng Hình Anh” viết về Tướng Lê Văn Hưng.



Tác giả với các bạn Lê Văn Duyệt và Trung Vương (ảnh của tác giả)

Nhìn các diễn giả, tự dưng tôi liên tưởng đến anh cả tôi Thiếu Tá Phạm Gia Quang, Tiểu Đoàn Trưởng 1/9 của Sư Đoàn 5 BB, anh đã tử thủ trong An Lộc suốt cuộc chiến đẫm máu đó, nhưng sống còn sau cuộc ác chiến đó và khi về đến Sài Gòn, anh vội ghé nhà thăm mẹ tôi trước và ôm mẹ, anh chỉ nói một câu thật giản dị: “Mẹ ơi! con đã về!” làm tôi vô cùng cảm phục anh cũng như hàng chục ngàn chiến sĩ QLVNCH khác đã tham dự trong trận đánh An Lộc quân sự đó, đã từ trong cõi chết trở về, mà vô cùng khiêm nhường. Một điểm cần nói lên tình mẫu tử linh thiêng là mỗi ngày khi anh tôi tử thủ trong An Lộc, tôi đều thấy mẹ tôi đêm đêm thắp nén hương thơm ra ban công lễ Trời Đất cầu khẩn cho con mình an toàn trở về. Hoặc thỉnh thoảng mẹ tôi ghé thăm gia đình

Đại Tá Đăng để hỏi thăm tin tức về anh cả tôi, vì Đại Tá Đăng cũng cùng tử thủ với Sư Đoàn 5 trong An Lộc cùng với anh tôi.

Sáng nay khi đến Quốc Dương Studio gặp lại các chiến sĩ ngày xưa cùng đơn vị với anh cả tôi, và ngồi cạnh Nguyễn Tường Tuấn, tôi như thấy hình bóng anh mình đâu đây cũng hiện diện và đang mỉm cười. Sau trận An Lộc, anh tôi được vinh thăng Thiếu Tá và giữ chức tiểu đoàn trưởng cho đến ngày mất nước, anh bị tù cộng sản gần 10 năm và về nhà ba năm sau thì anh mất.



Một đặc điểm nữa của tổ chức sáng nay Thứ Bảy, ngoài các hội đoàn quân binh chúng bạn là một số hội trường trung học VNCH ngày trước cũng có mặt như Bưởi-CVA nam Cali, Trường Lê Văn Duyệt, Trường Trung Vương, Nghe nói một số cựu học sinh trường khác như Gia Long, Petrus Ký, Quảng Trị cũng tham dự nhưng với Hội Hùng Sĩ Việt. Thành công nhất của tổ chức Đại Hội 50 Năm Chiến Thắng An Lộc, là BTC như đã làm sống lại được tinh thần chiến đấu anh dũng của QLVNCH qua những hình ảnh, những thước

phim, những bài hát hào hùng của Cục Tâm Lý Chiến, với ca sĩ Hương Lan, Phương Hồng Quế, Công Thành và Lynn, nhất là Ban Tu Ca Xuân Diễm với những tà áo dài màu tím, v.v... và nhất là sự phối hợp nhịp nhàng của hai MC Diệu Quyên và Sean Lê.



Dâng Vòng Hoa tại Tượng Đài Chiến Sĩ Việt-Mỹ

(Westminster, CA)

* Được biết hôm qua Thứ Sáu 13 Tháng 5 là Ngày Tiền Đại Hội và BTC đã tập hợp dâng lễ vòng hoa tưởng niệm tại Tượng Đài Chiến Sĩ Việt-Mỹ với nghi thức trang trọng. Sau nghi thức là thăm viếng Tượng 5 vị tướng và các chiến sĩ VNCH đã tử nạn, và thăm Tượng Trận Chiến Hoàng Sa, cũng tại khu Tượng Đài Chiến Sĩ Việt-Mỹ, và sau đó có bữa ăn trưa và văn nghệ tại tư gia. Trong dịp này tôi may mắn gặp được ba anh trước là đại đội trưởng dưới quyền anh cả tôi trong tiểu đoàn 1/9.

Đặc biệt anh Nguyễn Tường Tuấn tuy biết nhau trên diễn đàn lâu rồi nay mới có dịp gặp nhau luôn ngồi bên cạnh tôi. Tôi có đưa vợ chồng Tuấn đến một tiệm uống cà phê trên đường Main và rất xúc động khi nghe anh nói đêm tân hôn của anh và vợ anh là tại một tiền đồn trong Quận An Điền của Tỉnh Bình Dương. Đời lính chiến là vậy, oai hùng, bảo vệ dân, và quên thân mình cho tổ quốc. Tuy rằng VNCH không còn vì bị đồng minh phản bội, nhưng tinh thần chiến đấu anh dũng ngày nào vẫn còn đó, lá cờ Vàng thiêng liêng của tổ quốc vẫn bay phất phới trên khắp thế giới nơi nào có người Việt cư ngụ. Hồn thiêng sông núi vẫn còn đó.

* Chương trình bế mạc lúc 4 giờ chiều cùng ngày, khán giả ra về mà lòng còn bồi hồi thương cảm, nhưng hãnh diện về chính nghĩa VNCH, hãnh diện về QLVNCH, và cảm thấy vinh hạnh đã có dịp được tham dự một đại hội có ý nghĩa. Xin tặng một Bông Hồng Thắm cho Đại Hội Kỷ Niệm 50 Năm Chiến Thắng Lẫy Lừng An Lộc, và hẹn sẽ có ngày tái ngộ./.

Sư Đoàn 5 Diễn Hành Tết Quý Mão trên Đại Lộ Bolsa

Ban Biên Tập

Sáng Mừng Một Tết Quý Mão, Trời thương nên thời tiết thật thuận lợi cho những hội đoàn, cơ quan đoàn thể, các binh chủng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH) trong cuộc Diễn Hành năm mới Tết Quý Mão tung bừng trên đại lộ Bolsa -còn được biết là Đại Lộ Trần Hưng Đạo (có Tượng Đức Thánh Trần), Thành Phố Westminster, Nam California, Hoa Kỳ.

Sư Đoàn 5 Bộ Binh QLVNCH cũng là một đơn vị trong đoàn hàng ngàn người diễn hành với một rừng biểu ngữ, Cờ Vàng và cờ Mỹ chạy dài trên một dặm đường từ phía đường Magnolia qua đường Busha.



Quân Kỳ của Sư Đoàn 5, Cờ Vàng, và Biểu Ngữ “Sư Đoàn 5 Bộ Binh QLVNCH - Bình Long Anh Dũng”



Trong Những cựu chiến binh Sư Đoàn 5 diễn hành đầu Xuân có Những Anh Hùng Tử Thủ An Lộc Năm Xưa như Phạm Minh Huyền, Lê Cảnh Sao, BS Nguyễn Nam Hùng, v.v...



Đồng Sĩ Ba với Quân Kỳ SD 5



Hội Trường Sư Đoàn 5 Nguyễn Định (bên trái) và Đình Tỉnh (bên phải)



Chiếc “Xe Hoa” của SD 5 Tự Trang Trí



Xe Diễn Hành của SD 5 BB VNCH với Huy Hiệu SD trên đại lộ



Các Chiến Sĩ SD 5 Trong Diễn Hành Tết Quý Mão trên đại lộ Bolsa



Cờ Vàng Bay Phát Phới



Chụp Hình Lưu Niệm Trước Khi vào Diễn hành Tết Quý Mão

* * *

Những hình ảnh chiến trường An Lộc 1972











HONG'S PHARMACY

8883 Westminster Ave, Garden Grove, CA 92844

Dược Sĩ NGUYỄN CÔNG DO THÁI

Điện thoại : 714-890-0331

Fax : 714-890-1860

BÁN THUỐC THEO TOA BÁC SĨ

**NHẬN: CÁC LOẠI BẢO HIỂM
MEDICAL**

CAL OPTIMA INSURANCE - MSI

Giờ mở cửa :

Thứ Hai đến Thứ Sáu : Từ 9:30 AM đến 6:30 PM

Thứ Bảy : Từ 9:30 AM đến 3:00 PM

Chủ Nhật : Đóng cửa



GIAO THUỐC ĐẾN TẬN NHÀ MIỄN PHÍ

NHÂN VIÊN PHỤC VỤ NHANH CHÓNG-TẬN TÂM-UY TÍN

Real Estate Services

BUY WITH NO MONEY DOWN
ESCROW COST COVERED
BUY DIRECT & OFF MARKET !!!

Mortgage And Loans

FIXED RATE MORTGAGES - LOW RATES, LOW COST
ALTERNATIVE DOCS - NO PAYSTUB OR TAX RETURNS REQUIRED,
FOREIGN NATIONALS - INVESTMENT PROGRAM - FHA - VA - REVERSE MORTGAGE
COMMERCIAL AND CONSTRUCTION LOANS



Nancy Ngoc
Nguyen

Broker Dre # 252442



WYNN MORTGAGE INC
- ALL ABOUT MORTGAGE -

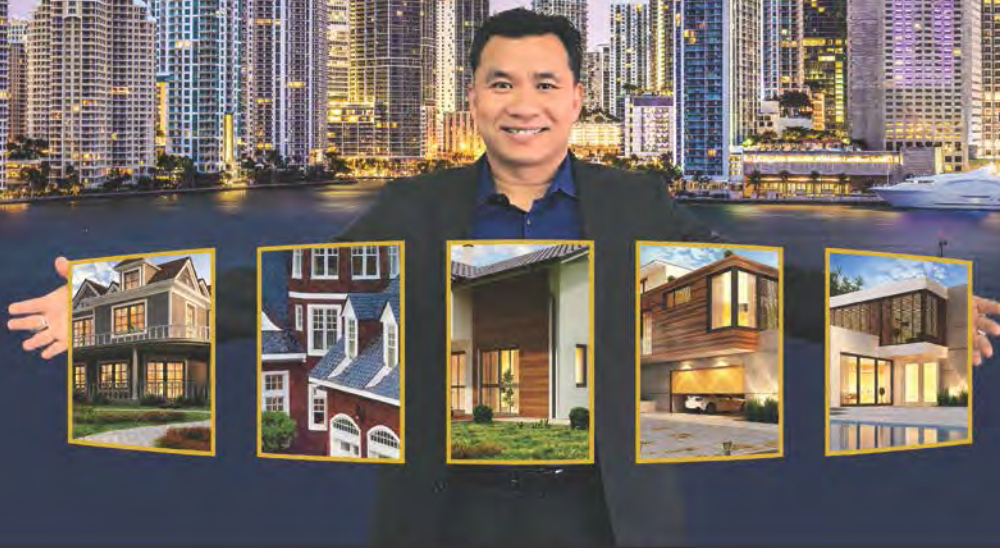
Một chuyên gia
ĐỊA ỐC đáng tin
cậy



www.WynnMortgage.com | 714.383.0180
9081 Bolsa Ave. Ste. 205, Westminster, Ca. 92683



Sự Lựa Chọn Của Mọi Người
Our Service Makes A Difference!



Call Today!

714-202-2888

9430 Warner Ave, Suite C • Fountain Valley, CA 92708



ANAHEIM AND LITTLE SAIGON AREAS
10022 Garden Grove Blvd., Garden Grove, CA 92844

www.ramadaplaza-anaheim.net

**Toll Free reservation:
1-800-917-5555 or 714-534-1818**

**NHÂN VIÊN NÓI TIẾNG VIỆT
PHỤC VỤ CHU ĐÁO TẬN TÂM**


GẦN CÁC ĐỊA ĐIỂM GIẢI TRÍ:

Phước Lộc Thọ • Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Nam • Disneyland • The Block at Orange Mall
Knott's Berry Farm • South Coast Plaza Mall • Anaheim Convention Center
Crystal Cathedral (nhà thờ Kính)

KHÁCH SẠN MỚI TẬN TRANG:

- Phòng trang bị hoàn toàn mới: Nệm và thảm mới với các thiết bị như tủ lạnh, máy sấy tóc, máy pha cà phê, bàn ủi, wireless internet, và TV cable bao gồm nhiều đài HBO, ESPN và SBTN.
- Phòng tiệc cho sinh nhật, đám cưới và hội đoàn.
- Milano karaoke bar.
- Business Center.
- Phòng tập thể dục.
- Hồ bơi và Jacuzzi.
- Nhà hàng Việt Nam nằm ngay trong khách sạn với các món ăn thuần túy Việt Nam.





**PARACEL
SEAFOOD**

The Perfect Place To Host Your
Wedding or Special Event

714-697-8614
15583-15589 Brookhurst Street
Westminster, CA 92683

Thong Hoang
President

Tel: (714) 697-8614
Email: paracelseafood@gmail.com



A Full Service Custom Catering For a
Wide Variety of Corporate, Individual,
and Special Events

Giấc mộng trở thành phi công đã ăn sâu vào tim óc tôi lúc nào không biết, có lẽ Phượng của Toàn-Phong đã quyến rũ tôi khi tôi còn mài đũng quần ở trường Trung học Sa Đéc. Một cậu bé nhà quê, sau khi đọc cuốn “Đời Phi Công” lại mơ trở thành phi công, mà phải lái máy bay khu-trục mới hách. Nên khi vừa giết được mảnh bằng Tú-tài, tôi cùng thằng bạn nói khổ tình nguyện vào Không-Quân ngay. Nó cũng mê được lái máy bay như tôi vậy.

Thằng bạn tôi vào khám sức khỏe một lèo, trót lọt hết, vào khóa 65D. Đi du học Hoa-Kỳ về lái máy bay vận tải. Giấc mộng phi-công của nó đã thành hiện thực thật trọn vẹn. Cuộc đời bay bổng của nó thăng hoa tột đỉnh, trưởng biệt đội AC. 119. Đó là SVSQ Nguyễn-Thành-Ấm, có nickname là “Ấm Sút Vòi”. Còn tôi, cao 1m75, nặng 68kg, quá lý tưởng cho tiêu chuẩn một phi-công nên tôi vào phòng cân đo rất hãnh diện. Tôi thấy tôi nghiệp cho một vài người bạn khám chung toán, trước khi vào cân phải ăn vôi cả ổ bánh mì, nốc một bụng nước cho đủ 50kg. Có đứa không đủ chiều cao, lấy cục nhựa đường gắn lên đỉnh đầu, phủ mái tóc dày lên cho đủ 1m60. Tiếp theo vào đến khám mắt, đọc đến hàng 9A thì tôi không còn phân biệt được chữ O hay chữ C, chữ E hay chữ F... nên bị trung-sĩ Giỏi loại ngay.

Từ đó tôi tái khám đi tái khám lại mãi cũng không vào Không-Quân được. Cuối cùng tôi phải chạy “pít-tông” từ Bộ Tư Lệnh mới được

Son Ca 23 - SVSQ Lê Văn Sùng

vào khóa 65F Quan sát Viên. Nhận được giấy gia nhập Quan sát Viên, không phải là hoa tiêu như các bạn khác, tôi cảm giấy lại hỏi vị Thiếu-Úy, mặc đồ bay rất đẹp trai, mang bảng tên “KIỂM”.

- Thưa Thiếu Úy, tôi được học Quan sát viên là sao hả Thiếu Úy?.

Ông đáp ngay:

- Đó là “Ốp-xec”!?!?, “ốp-xec” thì nham nhở lắm, ráng bay nhiều giờ để được chuyển sang hoa tiêu.

Bốn mươi năm qua tôi vẫn nhớ nguyên văn lời Thiếu-úy Kiểm. Từ đó tôi rất dị ứng với từ “ốp-xec”. Tôi xin

mở dấu ngoặc ở đây, Thiếu-úy Kiểm mà tôi gặp lần đầu ấy, là anh của Phạm Hữu Ân khóa 65E. Sau này, tôi nghe lời ông khi ra trường, năm 1967, ráng bay thật nhiều giờ, liều mạng kiếm được rất nhiều huy chương, nhưng mãi đến năm 1973, trên 4000 giờ bay, phải vượt qua rất nhiều đàn anh để đi học khóa hoa tiêu đặc biệt. Cơ duyên run rủi, đúng Thiếu-úy Kiểm ngày xưa, nay là Thiếu-Tá Huấn luyện Viên, và thằng lính mới “ốp-xec” ngày xưa, nay là Đại-úy Quan sát Viên, dày dạn lửa đạn chiến trường, về Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang làm học trò ông, khi mãn khóa được Tướng Chi Huy Trưởng Trung tâm gắn cánh bay thủ-khoa, chắc cũng làm ông hãnh diện.

Trong cuộc đời làm Quan sát viên, biết bao



kỷ niệm, vinh quang cũng có mà đắng cay cũng nhiều. Mới ra trường được hơn một năm, tôi được chọn làm Chiến sĩ xuất sắc của Quân Đội (năm 1968). Bốn năm sau, cùng với chỉ số QSV, tôi được chọn làm chiến sĩ xuất sắc của Quân chủng. Đồi lại biết bao nhiêu lần thoát chết trong đường tơ kẽ tóc, cuối cùng cái giá phải trả là gần 8 năm lao động khổ sai ở miền thượng du Bắc Việt, cộng thêm 5 năm tù vượt biên, mà trong đó hơn 3 năm rưỡi bị nhốt trong phòng kỷ luật, chân bị cùm, ăn uống, vệ sinh tại chỗ, mỗi tuần được tắm 5 phút. Tôi có ước nguyện khi về hưu, tôi sẽ viết về những ngày tháng khó quên này. Trong khuôn khổ hạn hẹp của quyển Đặc San, tôi xin ghi lại vài trang kỷ niệm đã ăn sâu vào ký ức tôi.

Kỷ niệm thứ nhất:

Tháng hai năm 1968, tôi được cắt đi biệt phái Kiên Giang (tỉnh Rạch Giá), với Trung Úy Thành (63D). Đặc biệt, phi hành đoàn biệt phái Rạch Giá không ở trong cư xá Tiểu Khu như những nơi khác, mà lại ở nhà Bác Tám. Bác trai là một đại điền chủ ngày xưa, lúc bấy giờ Bác làm việc trong tòa nhà Quốc Hội ở Sài Gòn, Bác gái rất tử tế. Nhà hai Bác là một lâu đài đồ sộ. Tôi không biết Phi Đoàn 116 đã gắn bó với gia đình Bác từ lúc nào, mà Bác thương chúng tôi như con. Ăn, ở, nhà Bác, chẳng bao giờ Bác lấy tiền đưa nào. Bác nấu cơm tháng cho hàng nhiều chục người đến ăn. Không biết vì cơm Bác nấu ngon, hay vì ba cô tiểu thư con gái Bác đẹp, xinh. Cô chị lớn góa chồng còn rất trẻ, hai cô em là học sinh trường trung học Nguyễn Trung Trực. Cô nào cũng xinh như mộng, cư xử với chúng tôi như anh em trong nhà.

Anh Thành có vợ con ở cư xá Không đoàn, nên bay xong, chiều anh lại bay về Cần Thơ, lấy lý do phi cơ đậu lại phi trường Rạch Giá ban đêm không an toàn. Mấy ngày đầu, chiều

nào tôi cũng theo anh Thành về Cần Thơ, đêm đêm chạy ra hầm trú ẩn tránh đạn pháo, vì lúc ấy VC pháo kích vào phi trường dữ dội lắm, Bác Tám gái bảo tôi:

“Thằng Thành, (vì bác coi chúng tôi như con cái trong nhà, nên bác thường gọi chúng tôi bằng thằng như con bác vậy), có vợ, nó về Cần Thơ lo cho vợ nó là phải, con về làm chi cho bị pháo kích, ngủ lại đây đi, nhà rộng quá mà ít người, mấy em con nó sợ. Bác bảo người nhà dọn một phòng trên lầu cho tôi ngủ, cạnh hai phòng của hai cô tiểu thư nhà bác. Chiều chiều, Thành bay về Cần Thơ, tôi ở lại một mình cũng buồn, nên hai cô, khi thì rủ tôi dùng xe jeep chở hai cô ra phố, hoặc chở hai cô ra phi trường Rạch Sỏi tập bắn súng. Thú thật lúc đó tôi chưa có người yêu, nên có hơi xao xuyến với cô em, vì cô em có khuôn mặt và đôi mắt rất giống một nàng thơ của tôi, thưở tôi mới bắt đầu biết mộng mơ.

Ngủ lại Rạch Giá chỉ được ba đêm, tôi lại nhớ bạn bè ở phi đoàn, nhất là nhớ “mạt chược” không sao chịu được, nên mỗi chiều tôi lại về Cần Thơ. Sau lần biệt phái ấy, trong phi đoàn nhiều người nghĩ tôi đã phải lòng cô em, vì tháng sau tôi lại xin biệt phái Rạch Giá nữa. Họ đâu biết, tôi xin đi biệt phái Rạch Giá để được ăn cơm “free”, vì lương tháng vừa lãnh đã nướng sạch sau một đêm kéo phé cùng Nguyễn Văn Hương 65B và Nguyễn Lăng Uy 65E.

Lần đi biệt phái này, chúng tôi phải bay liên tục vì có nhiều cuộc hành quân lớn. Cao Minh Rạng 63D biệt phái cùng với tôi, cứ chửi thề mãi, vì vừa đáp xuống là có lệnh đổ xăng bay tiếp. Nhiều phi hành đoàn trực thăng thuộc phi đoàn 211 đáp xuống Rạch Giá đổ quân. Chúng tôi cũng đưa anh em 211 này vào nhà bác Tám ăn cơm. Không quân thì bác vẫn không nhận tiền.

Trong ấy có vài anh em vừa gặp cô em là bị hớp hồn ngay, trong đó có anh Th... Anh Th, thú thật với tôi:

- Moa vừa gặp cô ấy là bị cú-đờ-phút (coup de foudre) ngay đó toa! Phải cô ấy là bồ của toa không???

Đáng tội nghiệp nhất là Trần Quốc Trung (65D) cứ theo tôi hỏi mãi:

- Này Sùng! Mà có ý định cưới cô em không? Nếu chưa có ý định cưới hỏi gì thì nhường tao nhé. Tao sẽ giới thiệu em gái tao cho mày. Em gái tao đẹp lắm.

Tôi nói thật với Trung:

- Tao chỉ mới có cảm tình thôi. Phi đoàn tao cũng đang có nhiều tên rấp ranh bắn sê đấy. Nếu mày thương dữ dội, thì tấn công mạnh đi, còn ngưng gì nữa. Tao rút lui.

Trung mừng quá, tấn công tới tấp. Khoảng một tháng sau, gặp tôi ở Câu lạc Bộ Sư đoàn Trung đưa ngón tay cái lên cười nói với tôi:

- Xong rồi, cảm ơn mày nhé. Tao sẽ xin cưới nàng!

Tôi nói:

- Chúc mừng cho mày.

Nhưng hồi ơi! Hạnh phúc chưa được mấy ngày, thì Trung bị bắn rớt ở Sóc Trăng trong một chuyến bay đêm. Trung chết ngay trong phòng lái. Tội nghiệp thay một thằng bạn đẹp trai, vui tính, dễ thương của khóa 65D2.

Kỷ niệm thứ hai:

Vùng kinh Hộ Phòng (tỉnh Bạc Liêu), chạy từ quốc lộ 4 ra biển, có mật khu Lò Than rất khó bình định. Khi tỉnh Bạc Liêu mở cuộc hành quân thì địch rút chạy về Cà Mau. Lúc tỉnh Cà Mau mở hành quân thì địch rút về Bạc Liêu. Lúc ấy vào khoảng năm 1969, Sư Đoàn 21 Bộ Binh mở cuộc hành quân lớn, phối hợp cùng

hai Tiểu Khu Bạc Liêu và Cà Mau. Quyết tâm của Quân Đoàn 4 là phải bình định mật khu Lò Than, vì tin tình báo cho biết, trong ấy có một trạm y tế, có hàng trăm thương binh Việt Cộng đang điều trị và có một trại giam tù binh, có giam nhiều tù binh Mỹ.

Lệnh xuất phát bắt đầu từ sáng sớm, chúng tôi nhiều phi hành đoàn đáp tại Bạc Liêu yểm trợ cuộc hành quân. Trưa hôm ấy tôi đang bay hướng dẫn quân bạn vào lục soát, chúng tôi phải làm nhiều cái low-pass. Tôi phát hiện nhiều dây chòi trong rừng đước. Đước là loại cây thân thẳng, cao, dùng làm than hoặc làm cột, kèo, cừ rất tốt. Đước mọc nhiều trên vùng đất mới phù sa gần bờ biển. Muốn làm chòi trong rừng đước, địch quân đồn nhiều cây đước cột chặt vào những thân cây đước khác làm sàn nhà, xong rồi lấy lá dừa nước che lên bên trên làm mái, phi cơ khó mà phát hiện nếu không liệu mạng bay rà xuống thật thấp như chúng tôi. Sau khi phát hiện những dây chòi cất lưng chừng trên những cây đước như những tổ chim, những tràng súng liên thanh bắn vào phi cơ chúng tôi. Thầy Lê-Phước-Khương (hoa tiêu) hét lên:

- Combat (nickname của tôi) tụi nó bắn trúng tàu rồi. Thôi mình lên cao.

Tôi chầm tọa độ những dây chòi ấy, báo cho Bộ Chỉ Huy hành quân, xong tôi gọi pháo binh bắn tới tấp và hướng dẫn cánh quân bạn gần nhất tiến vào lục soát, địch chỉ bắn lẻ tẻ. Một lúc sau, quân bạn báo cáo đây là trại giam, nhiều người bị chúng bắt, hai chân còn bị cùm. Mỗi chòi giam 4, 5 người, hầu hết đã bị Việt Cộng đâm hoặc chém chết trước khi quân ta tiến vào. Đơn vị lớn của Việt Cộng đã rút lui, chỉ có bọn du kích canh gác trại giam mà thôi. Khi quân ta tiến vào, chúng cũng đã chém về (trốn chạy) hết. Tôi nói:

- Các bạn tiếp tục lục soát, tôi sẽ báo Bộ chỉ

huy xin chỉ thị cho các bạn.

Một cánh quân khác gọi tôi và báo:

- Chúng tôi vừa giải thoát được hai quân nhân Việt Nam và một người Mỹ. Một trong hai người VN cho biết anh ta là Thiếu-úy Không Quân.

Tôi vội hỏi:

- Anh ấy còn khỏe không, có nói chuyện được không? Cho tôi gặp anh ấy đầu máy.

Quân bạn đáp:

- Anh ấy yếu lắm, nhưng vẫn nói chuyện được. Đây có anh ta đầu máy đó.

Tôi hỏi:

- Anh tên gì? Thuộc đơn vị nào?

Anh ta đáp bằng giọng yếu ớt, run run:

- Tôi tên Mai Văn Lê, Phi đoàn 217 Cần Thơ.

Tôi mừng quá và trong đầu tôi hiện ra hình ảnh người đàn anh khóa 65D, đã có thời lo những bữa ăn cho chúng tôi ở quân trường.

Tôi hỏi tiếp:

- Tôi biết anh, anh thuộc khóa nào? Hỏi ở quân trường anh làm cán bộ gì?

Anh Lê đáp:

- Tôi khóa 65D, hỏi ở quân trường tôi làm cán bộ phạn xá.

Tôi bảo quân bạn:

- Đúng, đúng anh ấy là Sĩ quan Không Quân đấy. Các anh hãy đưa những người sống sót ra nơi an toàn tôi cho trực thăng đến bốc.

Sau này tôi được biết, Mai Văn Lê sau khi rời trung tâm an dưỡng, anh được chuyển về thặng số Bộ Tư Lệnh KQ. Anh không còn bay nữa. Không biết giờ này anh ở đâu? Tôi không có dịp nói cho anh biết, người bay hướng dẫn quân bạn may mắn cứu thoát anh ngày hôm đó

là tôi, một quan sát viên đàn em của anh. Còn người Mỹ được giải thoát ngày hôm đó là một sĩ quan Lực Lượng Đặc Biệt. Khi về Mỹ ông ta có viết lại một hồi ký thật dày, ông đã gửi tặng một cuốn, với lời tri ân tha thiết đến những người lính hành quân giải thoát ông, qua Đại Tá Nguyễn Ngọc Điệp, vị Tư Lệnh Phó Sư Đoàn Bộ Binh, người chỉ huy hành quân ngày hôm ấy.

Kỷ niệm thứ ba:

Thuở ấy mặt trận Bình-Long càng ngày càng khốc liệt. Quân ta, dưới sự chỉ huy anh dũng của Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, nhất định tử thủ An-Lộc, thà chết không đầu hàng. Cộng Sản Bắc Việt dồn hết lực lượng, chia thành nhiều mũi tấn công, chúng hạ quyết tâm bằng mọi giá, phải dứt điểm An-Lộc.

Sau một thời gian dài, chúng đã gây cho quân ta tổn thất nặng nề. Bao nhiêu tử sĩ hy sinh không được chôn cất, bao nhiêu thương binh không được đưa về Quân Y Viện chăm sóc. Bị thương dù nặng hay nhẹ, cũng chỉ được y tá và các chiến hữu chăm sóc tại chỗ, với phương tiện cứu thương eo hẹp dần. Nguy khốn cho quân ta nhất là vũ khí, đạn dược cạn kiệt không được tiếp tế hữu hiệu, lương thực đã đến mức báo động từ lâu. Phải tử thủ trong tình trạng tuyệt vọng như thế, mỗi phút trôi qua là một phút mòn mỏi chờ cứu viện. Bộ Tổng Tham Mưu đã quyết định cứu An-Lộc giải tỏa Bình Long, nên đã tung nhiều đơn vị thiện chiến vào chiến trường: Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Biệt Động Quân, Liên Đoàn 81 Biệt cách nhảy dù và tăng cường thêm hai Sư Đoàn lừng danh của Vùng Bốn Chiến thuật đó là Sư Đoàn 21 và Sư Đoàn 9 Bộ Binh.

Phi đoàn 116 của chúng tôi ở Cần Thơ, cũng được tăng cường cho phi đoàn 112 Biên Hòa ba phi hành đoàn, để hàng ngày thi hành một số phi vụ do phi đoàn 112 sắp xếp, hầu hết

được giao cho những phi vụ bay cho mặt trận Bình Long, thỉnh thoảng được một ngày “xả hơi” là yểm trợ cho các Tiểu Khu khác như: Long Khánh, Long An, Phước Long thuộc vùng Ba chiến thuật.

Phi đoàn 116 của chúng tôi xưa nay có truyền thống đi biệt phái xa thường cất những hoa tiêu nhiều kinh nghiệm, và những quan sát viên dày dặn chiến trường, không bao giờ đưa những cánh chim non vào các vùng đầy phòng không 37 ly và SA7 ấy. Tôi còn nhớ rõ, ngày 15 tháng 5 năm 1972, tôi đi Biên Hòa biệt phái cùng Thiếu Tá Trần Công Thành (64B) và hai phi hành đoàn khác tôi không nhớ rõ tên. Nhưng tôi chắc chắn một điều không có ai là Trung Úy, chỉ có Đại Úy và Thiếu Tá. Đến Biên Hòa, chúng tôi vào trình diện Trưởng Phòng Hành Quân của phi đoàn 112 là Thiếu Tá Lê-Tấn-Phương. Anh là bạn thân của tôi, lúc trước anh từ miền trung đổi về phi đoàn 116, anh và tôi thường đi biệt phái chung với nhau như cặp bài trùng. Vừa gặp chúng tôi, Phương cười gắt hỏi:

- Phi đoàn 116 sao lại đưa toàn cù lũ chia lên tăng phái vậy?

Thành đáp:

- Biệt phái cho các anh, chúng tôi phải tuyên toàn ga chiến đó.

Phương nói:

- Ưu tiên cho mấy ông. Ngày mai ai muốn bay cho Tiểu Khu nào tùy ý chọn.

Tôi đáp:

- Chúng tôi biệt phái lên đây tùy mấy “sếp” cất đầu bay đó thôi.

Phương cười nói:

- Vậy là Bình Long mút chỉ đó!

Lúc ấy tôi không biết anh nói đùa hay nói thật. Đến hết kỳ biệt phái, tôi mới biết là anh

không đùa. Chúng tôi được đưa đến một “trailer” không máy lạnh, kiếng cửa sổ đã mất. Cũng may tôi có mang theo mũ, không thì tối hôm đó muỗi Biên Hòa tha hồ hút máu dân Cần Thơ mới lên.

Chiều hôm ấy trời thật âm đạm, chưa kịp thả xuống mấy cái quán ở khu gia binh ăn cơm, thì trời đổ mưa lớn. Đến nhá nhem tối trời mới bắt đầu tạnh dần. Ngồi nhìn mưa rơi rả rít ngoài trời, tôi chợt nhớ đến vợ tôi, nàng đang mang thai đứa con đầu lòng sắp đến ngày sanh. Tự nhiên tôi có cảm giác rờn rợn, lo sợ vắn vơ. Vì trong Không Quân, những đứa thường kè cận cái chết như chúng tôi, thường tin có điềm xui cho những thằng mới lấy vợ, hoặc vợ sắp sanh mà phải biệt phái đi xa. Mai này tôi lại phải bay vào nơi dầu sôi lửa bỏng này, tự nhiên tôi thấy “lạnh căng”. Nếu có ai đó mà biết được tâm trạng lo sợ của tôi lúc ấy mà gọi tôi bằng “nickname S. Combat”, chắc tôi quê lắm.

Đang ngồi mơ màng tư lự, chợt trước cửa “trailer” có một người bất ngờ xuất hiện. Người này mặc áo mưa, có mũ trùm đầu cẩn thận. Tôi hơi giật mình vì sự xuất hiện của anh ta, anh ấy đi vào đề ngày:

-Mấy anh ở Cần Thơ lên, có anh nào thích xoa mặt chược không?

Câu hỏi đúng ngay chỗ ngứa của tôi. Tôi mừng quá đáp ngay:

- Tôi, nhưng xoa ở đâu?

Anh ấy đáp:

- Chơi ở nhà tôi, bên kia, tôi là Thiếu Tá Minh.

Anh đưa tay chỉ ngôi nhà có bức tường lớn, xa xa, tôi thấy mờ mờ trong mưa.

Tôi đáp:

- Tôi chưa ăn cơm, để tôi và bạn tôi đi ăn cơm về rồi sẽ qua.

Anh Minh giục:

- Qua nhà tôi ăn cơm, mời bạn anh luôn. Anh ấy biết chơi mạt chược không?

Thành vì không chơi mạt chược nên từ chối và bảo tôi đi chơi đi, anh sẽ xuống tiệm ăn cơm và về ngủ sớm mai đi bay. Tôi đi với anh Minh và hỏi thăm còn những ai xoa với tôi nữa, anh đáp:

- Có Trung Tá Nhã và Thiếu Tá Vũ đang sẵn sàng, lúc nào cũng có ba anh em chúng tôi, còn mấy tay khác tối về Sài-Gòn hết. Trên này khó kiếm đủ bốn tay lắm.

Đến nhà anh, mới bước chân vào phòng khách, tôi đã thấy ngay bàn mạt chược nằm chình ình ra đó. (Tôi thường ngầm cảm ơn các chú Ba Tàu đã ban cho tôi trò chơi lý thú này, ngoài dáng ngồi chơi thật sang trọng, thoải mái, còn là nghề tay trái của tôi để kiếm cơm, sau những lần bị 52 lá bài Tây quật cho cháy túi). Anh Minh hỏi người nhà dọn cơm cho tôi ăn, và hỏi hỏi gọi hai anh Nhã và Vũ đến. Anh nói luôn cho tôi biết, anh Nhã là Tham Muu Phó Hành Quân Sư Đoàn 3 KQ, và anh Vũ là phi đoàn trưởng phi đoàn phản lực F5. Từ ấy, cứ mỗi chiều tối tôi đi bay về, là anh Minh gọi tôi qua nhà anh hoặc sang nhà anh Vũ ăn cơm, và xoa hai Hội, đến mấy giờ cũng phải nghỉ. Chúng tôi giao ước với nhau chỉ hai Hội thôi, vì ngày mai ai cũng phải đi bay.



Trở lại việc biệt phái Biên-Hòa, đúng như lời anh Phương trưởng phòng hành quân phi

đoàn 112 đã nói, chúng tôi “được” bay cho Bình-Long mút chỉ. Ngày nào cũng cất cánh trực chỉ Lai Khê, nhận lệnh và bay thẳng lên An-Lộc. Khi thì hướng dẫn khu trục oanh tạc mục tiêu, khi thì điều chỉnh pháo binh, khi phải đi tìm một vài cánh quân thất lạc không biết vị trí. Bay ở vùng này khó nhận định vị trí chính xác lắm, toàn là rừng cao su, mà địch và ta có khi ở thế cài răng lược, đánh lạng quạng vào quân bạn là “ủ tò” như chơi! Mặt khác, vị trí quân bạn lại rất khó tìm. Họ chỉ trải panô màu cho phi cơ nhận điểm đứng của họ, tuyệt đối họ không bao giờ thả khói màu như những chiến trường khác, vì ở đây, khói màu sẽ là mục tiêu cho Việt Cộng pháo kích, mà VC mỗi lần pháo kích là hàng trăm, hàng ngàn quả chứ không ít!. Riêng về phi cơ quan sát của chúng tôi thì VC ít dám bắn, vì chúng sợ lộ mục tiêu. Nhưng khi phi tuần khu trục đến rồi, một trái khói được chúng tôi bắn xuống đánh dấu mục tiêu nơi oanh kích thì phòng không bắn lên như mưa. Những viên đạn 37 ly nổ lụp bụp trên không chung quanh chúng tôi, thấy nhột nhột lạnh lạnh xương sống.

Ở vùng Bốn, chúng tôi khi bay hành quân cao độ lý tưởng là 1500 đến 2000 bộ, những khi cần khám phá những hầm hố VC, chúng tôi thường xuống thấp hơn, có khi phải như cho VC bắn, cho phi cơ lao xuống thật thấp, làm low-pass sát ngọn cây dọc theo sông rạch, hoặc bay sát mặt nước theo những con kinh thẳng tắp, quan sát viên ngồi phía sau, bỏ helmet ra, thò hai tay đã cầm sẵn hai quả lựu đạn khói màu ra hai bên cửa sổ, khi nghe tiếng đạn VC bắn nổ chát chát sát bên tai, là thả lựu đạn khói xong, chúng tôi cho phi cơ vút thẳng lên cao. Sau đó những thằng VC bắn phi cơ ấy sẽ được đáp lễ bằng những bom dập pháo vùi. Tôi học lối như VC này từ chú Tư Cầu (nickname của Nguyễn Văn Thành khóa 63D), khi đi biệt phái cùng chú hồi Tết Mậu Thân ở Rạch Giá. Sau

này tôi truyền nghề lại cho Ngô Minh Trái, Dương Hồng Vệ, Trần Hữu An, Liêu Văn Điều... những hoa tiêu trẻ, vì những hoa tiêu trẻ mới nghe lời xúi bậy của mấy lão “ốp xọc” già, chứ hoa tiêu già đâu có dại mà đùa với tử thần như thế. Bây giờ ngồi viết lại những giòng này, tôi mới nghĩ, tại sao lúc ấy mình lại hăng say đến độ ngu ngốc như thế. Có lẽ vì tôi tin tưởng ở số mạng. Tôi có người cậu ruột, là một nghệ sĩ tài hoa lại là một nhà tướng số nổi tiếng, (Nguyễn Thành Âm biết ông ấy). Ông cho tôi biết:

- Đòi mày nhiều gian truân nhưng thọ lắm.

Qua đúng như thế, đến nay đã trên 6 bó, qua khỏi tuổi hưởng dương rồi. Vì trong không quân để “chết non” lắm, Tướng Tư Lệnh nói:

- Phi công chúng mình tuổi đòi thì ít mà tuổi thọ thì dài.

Vì hàng ngày đùa với cái chết, mà vẫn sống tới tuổi này thì coi như đã thọ lắm rồi.

Trở lại bài học như cho VC bắn, phi đoàn chúng tôi có Đại Úy Nguyễn Tấn Trào, chỉ huy phó phi đoàn đã bị bắn chết ở Cà Mâu. Trần Văn Sơn (65D) và Trần Hoa Văn (1/66QS) đã bị bắn chết ở Vĩnh Bình. Thê thảm nhất là một đàn em thân yêu của tôi: Liêu Văn Điều, anh đã hy sinh ở Sầm Giang (tỉnh Định Tường, Mỹ Tho), cùng với Nguyễn Ngọc Đạm (3/65QS). Hai anh đã bay sát ngọn cây ở sông Sầm Giang để như VC, không may cho hai anh, gặp phải thằng bắn đại liên “chó ngáp phải ruồi”, nó bắn rớt hai anh đúng vào ngày ký hiệp định Paris. Bọn VC ở đây chúng áp dụng phương châm:

- Cồng cọc (khu trục) lên thẳng (trục thẳng) còn tha,

Bà già (quan sát) giết hết lột da, chặt đầu.

Chúng chặt đầu hai anh, dùng hai cây tre cắm đầu hai anh ngoài cửa sông, dưới treo tấm bảng “hai tên giặc lái đã đền tội”, (đúng là đã

man hơn thời Trung cổ). Không biết xác anh Đạm có bị lột da không?. Còn xác anh Điều được gia đình, nhờ người môi giới nạp cho chúng một số tiền chuộc rất lớn, chúng mới để gia đình mang về chôn cất, còn cái đầu chúng vẫn không trả lại.

Trở lại việc đi bay ở An-Lộc, làm sao dám bay thấp như ở vùng Bốn, bay cao bốn, năm ngàn bộ, có khi phòng không bắn rất quá, phải lên cao hơn. Có một hôm, tôi được bay đánh ở thị xã An-Lộc, gần nơi tử thủ của Chuẩn Tướng Hưng. Ông liên lạc trực tiếp với tôi để chỉ điểm những mục tiêu phải đánh. Tôi báo cáo cho ông biết, chúng tôi là phi đoàn 116 ở Cần Thơ lên. Ông rất mừng khi gặp lại chúng tôi trên máy, vì lúc ông làm Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 31 Bộ Binh tại Vị Thanh, ông rất thương chúng tôi. Phi hành đoàn nào biệt phái cho ông cũng được ông đãi ăn cơm cùng với ông ở Câu lạc bộ Trung đoàn. Ngoài ra mỗi em còn được một gói thuốc lá bỏ túi nữa. Hôm đó ông yêu cầu được đánh rất gần hầm chỉ huy của ông, Việt Cộng đã bám sát bên ông rồi!. Tôi trấn an ông:

- Alpha yên chí, rất nhiều đơn vị thiện chiến của mình đã đến gần Alpha, họ sắp bắt tay được với Alpha rồi đó.

Ông rất vui, ông hứa ngày gặp lại ông sẽ có quà cho chúng tôi. Quà nhiên sau này, ông vẫn còn nhớ lời hứa hôm đó, tặng chúng tôi mỗi đứa một sợi dây đeo súng làm kỷ niệm. Lần biệt phái này để lại tôi một kỷ niệm vô cùng đau buồn. Một hôm, chúng tôi đã thi hành xong phi vụ ở phía Nam An-Lộc, tôi đã dẫn đánh bốn phi tuần, Thành đã bắn hết 6 quả Rocket khói đánh dấu mục tiêu rồi, phi cơ chúng tôi phải bay thẳng về Cần-Thơ kiểm kê, đổi máy bay khác. Trên đường Thành bay về, phải chỉ tôi điềm nhiên tận hưởng cái khoan khoái của người quan sát viên: tha hồ ngủ hoặc nghe nhạc trên đường hoa tiêu bay về, dưỡng sức để tôi

nay còn xuống nhà Quan Bình (63D), xoa mặt chườm thì đã yên thân rồi, chuyện đau buồn này sẽ không xảy ra, không hiểu sao tôi lại không ngủ, tôi lại thò đầu ra ngoài cửa sổ, nhìn xuống Quốc Lộ 13, đếm thử xem có bao nhiêu xe của ta và của dân thường đã bị địch bắn cháy, nằm dài theo tử lộ kinh hoàng ấy. Trong nghề quan sát, thường chúng tôi hay nhìn sau đuôi phi cơ, vì địch mỗi khi thấy phi cơ chúng thường nấp xuống, chờ phi cơ bay qua mới di chuyển hoặc chạy, hoặc bò. Quả nhiên, tôi nhìn ra phía sau, bỗng phát hiện mấy chiếc thiết giáp, chạy chui xuống gầm cầu đường rầy xe lửa. Tôi vội báo Thành:

- Anh Thành buông cần lái cho tôi vòng lại đây một chút!

Thành hỏi:

- Gì đó?

Tôi bay vòng lại và đáp:

- Có mấy chiếc thiết vận xa.

Thành nói:

- Kế bên Tân Khai, chắc là quân bạn.

Tôi đáp:

- Quân bạn sao nó thấy mình lại chui xuống gầm cầu. Để tôi liên lạc hỏi thử xem.

Tôi liên lạc được với Trung Đoàn đóng tại Tân Khai, xin tần số cánh quân đầu phía nam của họ. Đó là một Tiểu đoàn của Sư Đoàn 21 Bộ binh. Tôi xin gặp Alpha của tiểu đoàn, tôi đọc tọa độ chiến xa xuất hiện để các anh xác định.

Anh ta hét lên:

- Việt cộng đó, tụi nó đến gần tôi vậy sao? Anh làm ơn gọi phi tuần đánh giúp tôi, không thì tối nay chúng nó sẽ tấn công bọn tôi ngay. Con cái tôi bị ghê lờ nhiều quá rồi (ý nói lính của anh đã bị thương nhiều rồi), mấy hôm nay

chưa tản (tức tản thương) được. (Tản thương lúc ấy trực thăng tản thương rất khó đáp, vừa đáp là VC pháo kích liên hồi, hoặc vừa sa xuống thấp là phòng không bắn như mưa, trực thăng rớt trên ấy nhiều lắm). Tôi nghe xót xa trong lòng và quyết định diệt mấy chiếc tăng này mới được. Tôi gọi ngay Bộ chỉ huy báo cáo tình hình và xin phi tuần đến đánh. Thành nói:

- Mình gần hết xăng rồi anh, mà còn phải về Cần Thơ nữa!

Tôi nói:

- Không sao, mình đánh vài phi tuần rồi về Mộc Hóa đáp đổ xăng cũng được. (Bay lên trời hoặc vào vùng hành quân quyền đánh hay không là do quan sát viên quyết định và chịu hoàn toàn trách nhiệm).

Tôi gọi Trung Tâm Hành Quân Không Trụ 3 (ASOC3) xin phi tuần ngay, trong khi chờ kết quả, tôi gọi pháo binh ở Tân Khai, chấm tọa độ mục tiêu bắn liền. Tôi chấm thêm ba tọa độ, gọi quân bạn cho biết, nếu đêm có bị tấn công hoặ có gì nghi ngờ thì bắn vào ba hỏa tập ấy. Tôi mới bắn được vài chục quả 105 ly, đã nghe trên tần số UHF có tiếng khu trực gọi đúng danh hiệu tôi, cùng lúc đó ASOC3 cũng gọi cho tôi biết tôi có hai phi tuần. Phi tuần thứ nhất, danh hiệu Phoenix 51, số phi vụ... đang có trên tần số, và phi tuần thứ hai, danh hiệu Phoenix 61, số phi vụ... còn 10 phút nữa sẽ cất cánh, tôi đáp:

- Cám ơn bạn tôi đã nghe Phonix 51 đang gọi tôi. Có lẽ nghe rõ cuộc liên lạc giữa tôi và ASOC 3, nên khu trực gọi tôi ngay:

- Sơn Ca 23, bạn cho tôi biết tọa độ mục tiêu.

Tôi đáp nhanh:

- Phía Nam An-Lộc khoảng 10 km. Tôi đang đợi bạn trên mục tiêu. Xin cho tôi biết số phi vụ và trang bị của bạn.

- Chúng tôi có hai phi cơ A1, số phi vụ..., trang bị 16 bom nổ 500 và đại bác 20mm, 10 phút nữa sẽ đến bạn.

- Xin cho biết thời gian bạn có thể ở trên vùng?.

- Khoảng 30 phút.

Thì ra phi tuần này được điều động đi đánh chỗ khác, với F.A.C Mỹ nhưng vì F.A.C gần hết xăng không đánh được, đang tìm mục tiêu giải tỏa bom đạn trước khi về đáp, thời may gặp tôi đang xin, nên bay đến ngay thật khoái vô cùng. A1 mang bom nhiều lại đánh rất chính xác. Tôi bắt đầu làm việc theo phương thức:

-Mục tiêu của bạn là mấy chiếc tăng tôi vừa phát hiện. Quân bạn gần nhất ở về hướng Bắc khoảng 1 km, mỗi chiếc mang 8 trái, các anh đánh dùm tôi 4 pass, được không?

- O.K Bốn pass.

Tôi nghĩ thầm, phi tuần này chịu chơi, đánh mỗi lần hai quả, A1 ở lâu trên vùng mà không nhột. Có những phi tuần xin đánh hai pass thôi, có khi “hot” quá, xin salvo một lần là hết bom. Tôi nói tiếp:

- Trục đánh từ Tây sang Đông, break trái, về hướng Bắc có quân bạn, khẩn cấp anh có thể nhảy dù xuống đó.

- Số 1, tôi nghe rõ, số 2 có nghe được FAC không?.

- 2 chỉ nghe được 1 mà không nghe được FAC (Forward Air Control).

- Sơn Ca 23 anh có nghe được số 2 của tôi không?

- Tôi nghe số 2 rõ 5/5.

- Số 2 không nghe được anh, nhưng không sao, tôi sẽ rờ-leo. (Đây cũng là một điểm son của khu trục Việt Nam, nếu hướng dẫn phi tuần Mỹ, hoặc đồng minh, một trong những chiếc

của phi tuần mà không nghe được F.A.C thì họ không bao giờ chịu đánh).

Sau khi số 1 nói xong, anh lặp lại cho số 2 những gì tôi đã thuyết cho anh, có lẽ anh đã dùng bút mờ viết lên kiếng, nên không sai một chi tiết nào. Tôi nói tiếp:

- Tôi sẽ hold phía Nam, nơi này ghi nhận có nhiều phòng không, thường bắn rớt trực thăng tản thương.

Số 1 đáp:

- Nghe rõ, và anh lặp lại cho số 2, số 2 cũng đáp nghe rõ.

Tôi nói tiếp:

- Gió Đông Nam từ 10 đến 15, elevation khoảng 40 feet, phi trường giải tỏa gần nhất là Lai Khê, hiện giờ tôi đang bắn pháo binh.

- Roger!

- Xong số 1 lặp lại cho số 2.

Tôi nhìn bên cánh phải thấy xa xa có 2 chiếc A 1 đang bay tới.

Tôi nói:

- Phoenix 51, bạn đang gần tới mục tiêu rồi đó. Tôi đang ở hướng 11 giờ, thấp của bạn. Để tôi bắn một tràng pháo binh nữa cho bạn thấy mục tiêu rồi tôi chấm dứt tác xạ, mục tiêu đang ở hướng 12 giờ của bạn.

Tôi gọi pháo binh:

-Yếu tố cũ 20 quả, chấm dứt tác xạ, trả lời.

Pháo binh trả lời:

- Yếu tố cũ 20 quả chấm dứt tác xạ. Hết.

Chắc đã nhìn thấy những quả pháo đang nổ, số 1 nói:

- Tôi thấy mục tiêu rồi, có phải chỗ pháo binh bắn nổ ở đường sắt đó không?

Tôi đáp:

- Đùng rồi. Chỗ đó là cây cầu bắt qua suối cạn, có mấy chiếc tảng vừa trôn dưới đó. Bạn đánh ngay vào chỗ pháo binh nổ đi, có cần tôi bắn trái khói không?

- Tôi thấy rõ, không cần rocket khói.

Tôi nói tiếp:

- Quân bạn nằm trên quốc lộ 13, hướng Bắc mục tiêu 1km, bạn có cần quân bạn thả khói màu không?

Anh đáp ngay:

- Không cần, số 2 chuẩn bị vào đội hình oanh kích, số 1 “in-hot”.

Số 1 đã vào mục tiêu tấn công. Tôi hồi hộp theo dõi, thấy anh bỏ nhào xuống quá thấp, thấp nữa...thấp nữa. Tôi thấy hai quả bom rơi. Tôi bảo:

- Hai quả đã rơi.

Mấy giây sau, “Ầm” một phát, hai quả trúng ngay mục tiêu. Tôi khoái quá la lớn:

- Trúng rồi, số 2 vào đánh ngay bom số 1.

Số 2 sau khi nghe số 1 lặp lại lời tôi “số 2 đánh ngay bom số 1”

Số 2 cũng báo:

- Số 2 “in-hot”.

Số 2 vào cũng đánh thấp như số 1, nhưng hai quả bom dài hơn khoảng 100m. Nơi hai quả bom của số 2 nổ, là một khoảnh rừng cao su, chắc cũng có nhiều Việt Cộng chết trong ấy. Tôi gọi:

-Số 1, đánh ngay hai quả trước của anh.

Hai quả sau của số 1 cũng rơi rất chính xác. Vì muốn hủy diệt hoàn toàn mấy chiếc tảng, tôi hét lên:

- Số 2, đánh ngay bom vừa nổ.

Số 1 lặp lại công điện cho số 2.

Số 2 vào lần này đánh trúng ngay bom số 1.

Thật hết xảy! Tôi la lớn:

- Số 2, number one!

Số 2 vừa kéo lên break trái, một làn khói trắng dài bay phụt lên, đầu làn khói ấy là một chấm đen, đang quẹo lại đuổi theo phi cơ số 2.

Tôi hét lên:

- SA.7! Số 2 nhảy dù! số 2 nhảy dù mau!

Không kịp rồi, làn khói trắng ấy đã tới phi cơ anh rồi, tôi nghe “đùng” một tiếng thật lớn giữa không trung. Phi cơ anh đã bốc cháy, nhưng đang còn bay lên, tôi thấy một vật đen bay ra khỏi phi cơ, may quá! Anh đã nhảy dù ra được rồi. Số 1 gọi hỏi tôi:

- Sơn Ca, anh thấy số 2 có nhảy dù được không?

- Nhảy dù được rồi tôi đang theo dõi...

Tôi gọi ngay cánh quân bạn phía Bắc:

- Phi cơ bị bắn cháy. Phi công đã nhảy dù. Nhờ các bạn tìm kiếm đem về giùm.

Quân bạn đáp:

- Chúng tôi nghe rõ.

Tôi theo dõi mãi, không thấy dù bung ra, số 1 cũng đang theo dõi, chắc anh cũng không thấy dù bung ra như tôi, nhưng anh còn vót vát hỏi tôi:

- Sơn Ca có thấy dù mở ra không?

Tôi hoàn toàn thất vọng đáp:

- Không thấy.

- Bây giờ tôi còn bốn quả, đánh ở đâu?

Tôi đang lo điều động quân bạn tìm số 2, lòng dạ nào còn muốn đánh nữa, tôi nói:

- Ngay hai quả bom đầu của số 2, anh salvo hết đi. Việt Cộng từ đám rừng đó bắn phi cơ đấy.

Số 1 đánh xong, còn làm đúng thủ tục oanh

kích, gọi tôi:

- Sơn Ca, anh cho biết kết quả?
- Phá hủy hai chiếc tăng, tiêu diệt nhân mạng không rõ.

Bắt chợt quân bạn gọi lên báo cáo với tôi:

- Chúng tôi đã tìm được xác phi công (may quá có lẽ anh rút gần quân bạn), mang cấp bậc Đại Úy, bảng tên là Hùng.

Tôi gọi hỏi số 1:

- Có phải số 2 của anh là Đại Úy Hùng không? Hùng nào vậy? (Trong Không Quân ta, mỗi người còn có nickname đi kèm).

- Nó là Hùng Sừa đó (thì ra nickname Hùng Sừa là Nguyễn Cao Hùng khóa 65 A) còn tôi là Nguyễn Thế Qui.

Tôi hỏi ngay:

- Số 1 có phải Qui Lùn 65D không?. Hèn chi đánh đầu trúng đó.

Anh nói:

- Đúng rồi. Còn ai bay bên đó?. Xin cho tôi biết tên để tôi làm báo cáo.

Tôi báo cáo tên họ, khóa 65 F, phi đoàn 116 rõ ràng như lúc ở quân trường trình diện niên trưởng, chỉ thiếu không đọc số quân. Không biết niên trưởng Qui lúc đó có còn nhớ mặt thằng khóa đàn em này không?. Chứ tôi thì tôi biết anh rất rõ, vì anh cùng khóa với thằng bạn nổi khổ của tôi là Ấm Sứt Vòi. Anh hơi thấp người (chớ không đến nổi lùn như nickname), đẹp trai, hiền lành, (vì ít phạt đàn em). Anh thấp người nhưng tài cao. Anh là một trong những chiến sĩ xuất sắc nhất của Không Quân. Khi còn mang cấp bậc Trung Úy anh đã là Phi tuần trưởng khu trực rồi. Lúc Phi đoàn 520 và 526 ở Cần Thơ đi Mỹ học A37, Qui thường xuyên dẫn biệt đội khu trực xuống Cần Thơ để yểm trợ cho vùng Bốn. Tôi đã nhiều lần hướng

dẫn anh đánh, nên biết anh đánh rất chính xác, có những lần phải đánh tiếp cận, (ta và địch sát bên nhau) tôi đã gọi toán quân đầu đội nón sắt hai lớp, tôi điều chỉnh cho Qui đánh bom nổ cách quân bạn chỉ có 50m, làm cho Ngô Minh Trãi bay với tôi sợ xanh mặt.

Qui gọi tôi nhờ theo dõi xác số 2 đem về đâu, anh báo anh đã gần hết xăng anh phải rời vùng.

Mới đây thôi, cùng cất cánh hai chiếc. Bây giờ bay về chỉ một mình, chắc Qui thấy xót xa buồn bã biết chừng nào!

Phi tuần thứ hai đã đến. Máu nóng nổi lên, tôi đánh tan nát đám rừng cao su ấy. Tiếp theo, tôi còn dập hàng ngàn quả pháo binh vào chung quanh đó, để trả thù cho Hùng. Bắn mãi đến lúc Thành báo:

- Gần hết xăng mình về Mộc Hóa đáp lấy xăng.

Tôi O.K!. Nhưng trên đường về, tôi vẫn còn điều chỉnh pháo binh đội tiếp, tôi gọi bắn sang trái, sang phải, dài, ngắn, mỗi lần chỉnh 50m, (vì quân bạn ở xa, nên không sợ bắn vào quân bạn), tôi bắn như thế cho đến khi gần đáp xuống Mộc Hóa tôi mới chấm dứt tác xạ. Tôi hỏi thăm xác của Hùng, quân bạn cho biết đã khiêng anh về tiền cứ của Tiểu đoàn.

Hùng chết vì cánh dù không bung ra được, không biết vì lỗi kỹ thuật hay vì dù đã bị cháy?. Nếu Hùng nghe được tôi, nhảy dù liền may ra còn kịp. Nhưng vì máy vô tuyến của anh không nghe được tôi, phải chờ Qui chuyển công điện, nên chậm mất mấy giây chẳng?.

Nếu như hôm ấy tôi ngủ đi, hoa tiêu bay luôn về Cần Thơ, thì Hùng sẽ không phải hy sinh. Hoặc khi tôi phát hiện xe tăng, chỉ báo cho Bộ chỉ huy hành quân rồi bay đi luôn vì đã hết nhiệm vụ, chuyện đau buồn đó sẽ không xảy ra. Ôi! cũng vì cái tánh “cà-xóc” của tôi,

mà Không Quân ta đã mất đi một chiến hữu, gia đình anh mất đi một người con (cũng may anh chưa lập gia đình), Tổ Quốc mất đi một anh hùng. Tôi hỏi hận tại sao tôi đã ở lại, thì hành tích cực một phi vụ không phải của mình, dù có đánh diệt được hai xe tăng đó thì VC cũng sẽ được chi viện thêm 20 chiếc, 200 chiếc khác thay thế. Còn Cộng Sản Bắc Việt đánh đến bao giờ cho hết, vì trong đoàn thanh niên Cộng Sản H.C.M, những mái đầu xanh mới 14, 15 tuổi đã được khuyến khích tình nguyện vào Nam “chống Mỹ cứu nước rồi”. Những oan hồn uổng tử ấy, chết đói trên đường mòn Trường Sơn, chết thảm trong rừng sâu nước độc. Giờ đây những oan hồn ấy, chắc uất hận lắm, khi thấy bọn người xúi giục họ đi chiến đấu chết thay cho con cái chúng, giờ đang sống huy hoàng sung sướng ở VN, cá độ đá banh hàng triệu đô la, tài sản nhà đất phải tính hàng triệu, hàng tỷ Mỹ kim, con cháu cán bộ cao cấp đi du học ngoại quốc tiêu xài sang hơn cả các tiểu vương dầu hỏa.

Ngẫm lại, chỉ có những người lính là thiệt thòi, bên này cũng như bên kia, chúng ta đều bị ngoại bang giết giây cho lãnh đạo, lãnh đạo đã lợi dụng xương máu của chúng ta...Cách đây không lâu, Âm Sứ Vòi cho tôi biết số điện thoại của Qui ở Hawaii, tôi gọi thăm anh, anh rất mừng. Hai đứa chúng tôi ôn lại chuyện cũ mà nhớ thương Nguyễn Cao Hùng, hai đứa đều sụt sùi. Qui cho tôi biết, lúc đi du học ở Mỹ, Hùng đã từng can đảm nhảy xuống biển để cứu một em bé Mỹ sắp chết đuối ở Florida. Anh được cả thành phố vinh danh và trao tặng anh Nhân Dũng Bội Tinh.

Qui kể tiếp, vào ngày Hùng chết, Qui đang dẫn biệt đội biệt phái Sài-Gòn. Hôm đó là ngày 20 tháng 5 năm 1972. Phi tuần Phoenix 51 do Qui số 1 và Thống (66A) số 2, đang túc trực chờ bay. Chợt Qui thấy Hùng vào, Qui mới hỏi:

- Máy đang nghỉ phép vào đây làm gì

Hùng?

Hùng đáp:

- Ở nhà buồn quá, nhớ tụi bây, muốn vào bay với mày hôm nay.

Qui đáp:

- Được, vậy để gọi kỹ thuật chuẩn bị một chiếc nữa. Thống bay số 2, mày bay số 3.

Thống chọt lên tiếng:

- Anh Qui, để Hùng bay thế tôi đi. Hôm nay tôi cũng có chút việc nhà.

Qui đáp:

- Cũng được. Thôi Thống về đi. Hùng, mày đi ăn cơm với tao, có lẽ mình cũng sắp bay rồi đó.

Hùng từ chối:

- Mày đi ăn đi, hôm nay lễ Phật Đản, tao ăn chay, mày mua tao gói xôi bắp được rồi.

Qui lập lại nguyên văn mẫu đối thoại sau cùng với người bạn xấu số. Ngay buổi chiều sau ngày Hùng mất, Qui được báo, có phi cơ vừa chở xác một Pilot khu trục về. Qui vội chạy đến kéo fermeture (zipper) của bọc nylon đựng xác để nhìn mặt Hùng. Nhưng không phải là xác Hùng, mà là xác của anh hùng Phạm Văn Thặng (Thặng Fulro), từ Pleiku chở về. Qui đứng lặng người. Lại thêm một đàn anh đáng kính của ngành khu trục đã ra đi lúc nào mà Qui không hay biết. (Tôi xin mở đầu ngoặc ở đây để kể câu chuyện về anh Thặng. Phi cơ của Thiếu tá Thặng bị bắn cháy khi còn mang nhiều bom đạn trên cánh, nếu anh bỏ phi cơ để nhảy dù phi cơ sẽ rớt xuống, bom sẽ nổ tại khu đông người, không biết bao nhiêu người vô tội sẽ chết, anh nhất định không chịu nhảy dù theo lời kêu gọi của phi tuần viên, anh cố gắng bay xa thành phố, một mình đáp khẩn cấp với chiếc phi cơ đầy bom, có lẽ trên Bảng Phong Thần đã có tên anh là: Thần Nhân Ái. Vị Phúc Thần xả thân mình cứu người).

Chuyện bên lề:

Sau khi mang xác Hùng về Tiểu đoàn ấy, thuộc Sư Đoàn 21 Bộ Binh, ngày hôm sau, bốn trực thăng võ trang, yểm trợ cho một chiếc tản thương đáp khẩn cấp xuống để bốc xác Hùng về, trực thăng vừa đáp xuống thì thương binh đã ào lên đầy phi cơ, đạn VC pháo vào tới tấp, trực thăng phải bay về, không chở được xác Hùng mà chở được 14 thương binh về. Buổi chiều lại cũng thế.

Qua ngày hôm sau phi cơ vừa đáp có lẽ VC đã sẵn sàng hỏa tập, nên chúng pháo tung bùng, lại cũng chở được một số thương binh về. Thương binh nặng tại sao lại tranh được lên phi cơ?. Bộ chỉ huy hành quân nhận xét, rõ ràng có tổ chức hẳn hoi. Thì ra Tiểu Đoàn Trưởng xin tản thương không được, không cho đem xác Hùng ra sẵn ở bãi đáp như lệnh trên, mà chỉ khiêng thương binh của ông ra chờ sẵn, trực thăng đáp xuống là thương binh được đồng đội mạnh khỏe đẩy lên cho đầy phi cơ. Liên tục ba, bốn ngày như thế, Tướng Tư Lệnh hành quân nhận chỉ thị trực tiếp từ Tổng Thống Phủ:

- Bằng mọi giá phải đem được xác viên phi công ấy về ngay ngày hôm nay!.

Tướng Tư Lệnh thét xuống Đại Tá Trung Đoàn Trưởng:

- Ngay ngày hôm nay, không mang được xác phi công ấy về thì đích thân anh về trình diện tôi.

Đại Tá thét xuống Tiểu đoàn Trưởng:

- Ngay chuyện tản thương này, không đưa được xác phi công ấy về, mày rút đi đừng gặp mặt tao.

Vì sao mà có những lệnh gắt gao như thế?. Thì ra, thân phụ của Hùng là một Thượng Nghị Sĩ danh tiếng, nằm trong một liên danh mà Tổng Thống đang gồm. Ông xin vào gặp và năn nỉ Tông Tông:

-Đứa con yêu quý của chúng tôi đã hy sinh vì Tổ Quốc, xác đang nằm trong tay quân bạn, thế mà không được đem về chôn cất, hỏi còn ai dám hy sinh chiến đấu nữa?.

Tông Tông phần thì thông cảm cho gia đình, phần thì rất gờm ông thượng nghị sĩ, nên mới ra lệnh khẩn cấp như thế.

Nhưng lệnh là lệnh, vị Tiểu Đoàn Trưởng không vì lệnh mà nhắm tâm đứng nhìn những đứa em bị thương rên la thảm thiết, nếu không tản thương là chết, nên ông bình tĩnh cho tản hết những thương binh nặng của ông về. Đã một tuần qua đi, Tướng Tư Lệnh giận quá, hằng ngày bị ở trên chửi xuống, ông bèn gọi thẳng Tiểu đoàn Trưởng, ra lệnh vị này giao tiểu đoàn lại cho Tiểu đoàn phó, về Bộ Tư Lệnh trình diện ngay lập tức. Đây là Quân Lệnh!!!

Ngay chuyện tản thương ấy, Tiểu đoàn Trưởng là Thiếu Tá Đ. Một Tiểu đoàn Trưởng lừng danh của Sét Miền Tây – biệt danh của Sư Đoàn 21 BB- mà tôi cũng đã từng quen biết anh. Anh về cùng một số thương binh nhẹ còn sót lại và xác của Hùng, được để vào bọc nylon cẩn thận.

Hai quân cảnh được lệnh ra tận máy bay “hộ tống” Thiếu Tá Đ. Vào gặp Tướng Tư Lệnh. Tóc anh gần chấm đến vai, râu ria xồm xoàm, mặt mũi hốc hác. Đó là hình ảnh của những chiến sĩ ngày đêm đương đầu trực diện với địch quân ngoài trận mạc. Không biết bao nhiêu lâu rồi anh chưa được tắm, có chăng là ngồi nấp dưới hố hoặc giao thông hào ướt đầm những lúc trời mưa.

Vào đến nơi, anh nghiêm chỉnh chào trình diện Tư Lệnh. Tư Lệnh vỗ bàn thét lớn:

- Anh muốn làm loạn hả? Kỷ luật Quân đội dạy anh như thế hả?

Dường như có chuẩn bị tinh thần sẵn, anh đồng dục trả lời:

- Thưa Tư Lệnh, tôi phạm kỷ luật Tư Lệnh

cứ cho vào quân lao. Nhưng xin Tư Lệnh cho tôi được trình bày:

- Cố Thiếu Tá Không Quân Hùng đã đền nợ nước. Tôi kính trọng và cảm phục gương hy sinh anh dũng của ông ấy. Tôi đã cho đem xác ông về hậu cứ chờ đưa về chôn cất. Nhưng dù sao đi nữa, thì ông ấy cũng đã chết rồi. Còn em út tôi, bị thương nằm la liệt, không tản thương được, lâu ngày có những đờm vì vậy mà chết. Dù ở cấp bậc nào cũng là chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, những người thương binh này sau khi điều trị lành rồi, họ còn tiếp tục ra chiến đấu nữa, nên tôi phải cãi lệnh trên mà cho di tản họ về, còn người đã chết như Cố Thiếu Tá Hùng, đem về dù sớm hay muộn gì thì cũng chỉ để chôn cất mà thôi.

Thiếu Tá Đ. Ngừng lại một giây, đợi phản ứng của ông Tướng, rồi nói tiếp:

- Máy ông Không Quân, bạn bè máy ông chết, bằng mọi giá máy ông cũng liều mình đáp xuống lấy xác về, còn em út tụi tôi bị thương, đáp xuống để tản thương mà bị pháo kích hay bị phòng không bắn, là máy ông bốc máy bay lên ngay, không chịu đáp. (Điều này, hẳn nói oan cho Không Quân chúng ta quá, phải không quý anh trực thăng?).

Tướng Tư Lệnh hơi dụi giọng:

- Anh đã biết “Kỷ luật là sức mạnh của Quân Đội”. Lệnh là anh phải thi hành. Thôi, anh hãy ra ngoài đi, việc của anh tôi sẽ có quyết định sau.

Có lẽ Tướng suy nghĩ thương tình, nên sau này Tướng đã cho Thiếu tá Đ. Về làm Chi Khu trưởng của một quận ở vùng Bốn chiến thuật, chắc chắn anh thương dân như đã thương lính của anh vậy.

Thay lời kết:

Thưa các bạn, chúng ta sinh ra cùng thời và trưởng thành cùng lúc với cuộc chiến Việt Nam

ngày càng đi vào những giai đoạn ác liệt và tàn khốc nhất. Chúng ta phải hầu hết rời bỏ mái gia đình êm ấm, phải rời bỏ mái trường thân yêu, phải rời bỏ các Phân khoa Đại học đầy tươi sáng cho tương lai, để cùng nhau vào quân ngũ, cùng học chung quân trường, cùng khóa 65 Không quân. Trong chúng ta đã có quá nhiều bạn bè cùng khóa đã hy sinh trên chiến trường, đã gửi phần thể xác mình cho miền Nam tự do, ôi những người bạn thật hiền lành, thật tốt bụng, đã trở thành những anh hùng bất tử như: Trần Thế Vinh, Phan Quang Tuấn, Trương Công Thành, Trần Quốc Trung, Vũ Tùng, Trương Đông Đình, Hoàng Quốc Huân, Huỳnh Lô, Trần Văn Bội...và...còn nhiều... nhiều lắm, không sao kể hết và còn một người bạn nữa của chúng ta là anh hùng: Lý Tổng.

Nhưng riêng cái chết của Nguyễn Cao Hùng đã làm tôi ân hận mãi. Nhưng biết đâu, với cái chết anh hùng ấy, anh được lên miền cực lạc. Biết đâu giờ này anh đang sung sướng, chiều chiều ngồi vắt chân chữ ngũ nơi tiên cảnh, nhấp rượu bồ đào, nhâm nhi mấy quả đào tiên, đêm trăng vào cung Quảng xem Hằng Nga, cùng một bầy tiên nữ múa vũ khúc Nghê Thường. Nếu anh còn sống thêm ba năm nữa đến ngày mất nước, phải vắt giò lên cổ bỏ cả gia đình mà chạy, thoát được qua đây cũng phải đi cày học xì dầu để sống. Còn không may mắn ở lại, phải chịu cảnh tù đày khổ sở, đói khát, lao động khổ sai. Rẻ lắm cũng gỡ năm, bảy cuốn lịch. Một bên là anh chết lên miền cực lạc, một bên là anh sống trong địa ngục trần gian, chắc là anh chọn cái chết. Bây giờ có lẽ anh không giận tôi, mà anh đang cảm ơn tôi, phải không Niên Trưởng Hùng Sứa 65 A?

Lê Văn Sùng - Sơn Ca 23

The 5th Infantry Division

Michael Do

There were eleven infantry divisions in the Army of the Republic of Vietnam. The 1st, the 2nd, the 3rd (I Corps/ 1st Military Region); the 22nd and the 23rd (II Corps/ 2nd MR); the 5th, the 18th, and the 25th (III Corps/ 3rd MR); and the 7th, the 9th, and the 21st (IV Corps/ 4th MG).



Initially, the 5th ID was founded in the far north of Vietnam. During the First Indochina War, the French army recruited its soldiers from the Nung ethnicity to form groups to patrol the Vietnamese Chinese border. Nung people speak Guangdong Chinese with their special accent. Many of them had fled China after the Chinese Communists seized power in 1949. Their commanding officer was Colonel Vong A Sang who later became the first Commander of the 5th ID.

After the partition of Vietnam in 1954, five Nung battalions (the 32nd, 67th, 71st, 72nd, and 75th) were moved to Ba Ngoi of Khanh Hoa Province. In 1955, they moved again to Song Mao of Binh Thuan Province to be reorganized into the 6th Infantry Division. On August 1, 1955, it was renamed the 6th Field Division, then the 41st Field Division (September 9, 1955), then the 3rd Field Division (November 11, 1955), and finally, the 5th Infantry Division (January 1959).

Since then, President Diem ordered more Vietnamese servicemen to the division. Nung men were no more the majority of the unit. Along with the division headquarters, the 7th and the 8th Regiments gradually moved to Bien Hoa to replace the 7th ID which in turn, moved to Can Tho of the 4th Region. Its 9th Regiment stayed in the 2nd Region.

The division – under the command of Colonel Nguyen Van Thieu – took an important part in the coup d'état that overthrew President Diem on November 1, 1963, Colonel Thieu moved up very quickly in power. In 1965, he was chosen by the Armed Forces Council to be Chairman of the National Leadership Council, and in 1967, was elected President of the 2nd Republic.

In July 1964, the Division headquarters moved to Phu Loi of Binh Duong Province. It was assigned to cover three provinces north of Saigon (Binh Duong adjacent to Saigon, Binh Long, and Phuoc Long that bordered Cambodia).

In February 1970, the first phase of Vietnamization started. The 5th ID moved into Lai Khe Base, house of the US 1st Infantry – the Big Red One. Units of two divisions

worked together in many operations, particularly the Search-and-Destroy operations in the enemy's war zones D and Iron Triangle.

The 5th headquarter base – Lai Khe – was about 20 miles north of Saigon. Lai Khe had been a big rubber plantation with a Rubber Research Center before the Big Red One used it as a military base.

The 5th ID had three component regiments, one HQs Company, one Long Range Reconnaissance Company, one Armored Regiment, four Artillery Battalions, and several other supporting battalions such as Military Medical, Logistics, Signal, Civil Engineer; some companies such as Military police, Transportation. Ordnance. Total strength was about ten thousand soldiers.

The 5th ID was one of the well-known divisions thanks to its territory that covered the big major enemy's secret zones. The division suffered heavy losses in the 1960s. It operated in a vast area of which eighty percent was the dense forest that the enemies used as secret zones since the First Indochina War. Over the Viet-Cambodia border was the safe haven of the National Liberation Front (aka Viet Cong). From the northern province of Central Vietnam, North Vietnamese troops marched southward along the west side of Truong So Mountain in lower Laos territory. Their destination was the Mo Vet Secret Zone in Cambodia bordering the Vietnamese Province of Tay Ninh. The D War Zone spread long from that point down to the south across Tay Ninh, Binh Duong, and Gia Dinh Provinces.

Besides, there were other secret zones in the 5th ID operational area such as Iron Triangle, Ho Bo, Boi Loi where occurred many bloody battles: Dong Xoai battle in the summer of

1965, the battle at the 13 bis Village in Michelin Plantation in November 1965; each killed hundreds of soldiers of either side.

Under the command of General Pham Quoc Thuan, the 5th ID became one of the best Infantry Divisions of the Army. In 1969, the Division was awarded the 6th unit citation along with Gallantry Cross with Palm.

It was the first time in its history that thirty-nine new graduates from the Polwar College were assigned to all rifle companies of the Division.

I served with the 5th Infantry Division for three years (1969-1971) as a combat officer at the company level. When I reported to the personnel J-1 in May 1969, the division was chosen to carry out the New Horizon campaign to boost the morale of the soldiers as well as to improve their combat skills.

In two years 1970 and 1971, we got involved in the Toan Thang operation which was the division level incursion deep in the Cambodia Province of Kratie. The target was to search and destroy the headquarters of the Central Office of South Vietnam – the highest body of the Communist Party in South Vietnam that oversaw the Liberation Front, the Liberation Army, and the puppet Provisional government of the Republic of South Vietnam.

In February 1971, my battalion three times encountered the 165th and 174th Regiments of the Viet Cong 5th and 7th Divisions in a rubber plantation 6 miles west of Snuol. We killed a total of 150 enemies, including their regiment commander Colonel Thanh.

One of the major battles in the Vietnam War was the defensive of An Loc in the summer of 1972. An Loc was the capital city of

Binh Long Province, about 65 miles north of Saigon. It was a small city of 15,000 inhabitants, surrounded by rubber plantations. Communists launched the massive Spring Offensive in three major cities of South Vietnam at the same time. The battle of An Loc began in mid-April 1972 and lasted over two months. Communists committed a total estimated force of 35,500 personnel to the battle. There were three NVA and VC divisions and numerous supporting units including three artillery regiments and a tank regiment to encircle and attack the small city which was defended by elements of the 5th ID and the Regional Forces. Days before the battle, Viet Cong overran most of the outposts in the province of Phuoc Long. They also occupied several other ARVN outposts along National Route 13 from An Loc to the Cambodian border.

It was the first time the enemy used conventional tactics and employed mighty weaponry far exceeding what we had encountered before. For more than two months, the enemy's artillery rounds and rockets were shelling violently and continuously on the city. The city was hit by mortar, rocket, and artillery estimated at over 78,000 rounds during the siege, between 1,500 to 2,000 rounds per day! On May 11, seven thousand rounds fell on the ARVN position in just four hours (one shell per five seconds).

An Loc was later reinforced with the 3rd Ranger Group, the 81st Airborne Ranger, and the 1st Airborne Brigade plus elements of other units who survived and escaped from the lost bases. Our forces in and around the city grew

to a total of four regiments of about 3000 soldiers; still were outnumbered 6 to 1 by the enemy forces.

It was also the first time our infantrymen heard the horrible rumble of scores of T-54 and PT-76 tanks. The tanks led the NVA infantrymen in numerous assaults on the defenders. The first T-54 was shot down by Colonel Le Nguyen Vy, the Operation Assistant to the III Corps Commander, when it approached the TOC bunker of General Hung. Inspired by this valor act, soldiers were very confident in dealing with the tanks.

The siege was broken by the end of May 1972. The friendly forces sustained 5,400 casualties, of whom 2,300 were killed or missing. NVA suffered over 10,000 soldiers killed and 15,000 wounded in the fight at An Loc and its surrounding areas. Some NVA regiments were almost 100 percent destroyed.

General Le Van Hung, the 5th ID Commander, when a senior officer, was given the title «one of the five mighty tigers» of the Mekong Delta – the 4th Military Region. At the beginning of the siege, he vowed he would sacrifice his life to hold the city at any costs.

And he did! He fulfilled his promise!

He was one of the generals (including the 5th ID's last commander, General Le Nguyen Vy) who committed suicide when the Communists entered Saigon on April 30, 1975.

Đ ỗ V ă n Ph ứ c

May 10, 2022 (To celebrate the 50th anniversary of the Victory of An Loc)

Tướng Lê Văn Hưng

VÀ NHỮNG SỰ THỰC Ở CHIẾN TRƯỜNG AN LỘC TRONG MÙA HÈ 1972

** ! **

VĂN NGUYỄN DƯỠNG

1. QUÂN ĐOÀN III & VÙNG 3 CHIẾN THUẬT VỚI TƯỚNG ĐỖ CAO TRÍ VÀ TƯỚNG NGUYỄN VĂN MINH

Trung Tướng Nguyễn Văn Minh nhận chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn III và Vùng 3 Chiến Thuật (QĐIII & V3CT) sau khi vị tướng lãnh lỗi lạc nhất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH) Trung Tướng Đỗ Cao Trí, tử nạn trực thăng trên không phận tỉnh lỵ Tây Ninh vào ngày 23 tháng 2, năm 1971.



Trung Tướng Đỗ Cao Trí

Trước đó ở cả bốn Vùng Chiến Thuật, QLVNCH đã mở những cuộc hành quân sâu vào căn cứ địa của lực lượng Cộng Sản Bắc Việt (CSBV) dọc theo biên giới Việt-Miên-Lào và truy diệt chúng xa hơn vào lãnh thổ Miên và Lào. (Về lý do vì sao QLVNCH tổ chức các cuộc hành quân vượt biên sang Cao Miên và Lào, sẽ trình bày trong một dịp khác, hoặc xin mời đọc “The Tragedy of The Vietnam War”

của tôi, ở tiêu mục “A Controversial Escalation of the War in Indochina”, do McFarland xuất bản tháng 9, 2008, từ trang 135 đến 141).

Lực lượng hành quân QĐ III & V3CT của Tướng Đỗ Cao Trí đạt thành quả lớn lao nhất. Từ tháng 4, 1970, đã đánh bại Sư đoàn Công trường 7 CSBV (SĐ-7/CSBV) và Sư đoàn Công Trường 9 Cộng Sản của TWC/MN (SĐ-9/CS) ra khỏi các căn cứ địa quan trọng Lưỡi

Câu, ở biên giới tây bắc Bình Long và Mỏ Vẹt ở biên giới tây nam Tây Ninh, đồng thời phá tan các căn cứ hậu cần lớn, nhỏ, của Trung Ương Cục Miền Nam (TWC/MN) cơ quan chính trị và quân sự đầu não của CSBV ở Nam Việt Nam; hạ hơn 11,000 quân CSBV, bắt hơn 2,200 tù binh và thu hoặc phá hủy hàng trăm tấn vũ khí, đạn dược, trang bị và hậu cần của chúng. Sư đoàn Công trường 5 Cộng Sản của TWC/MN (SĐ-5/CS) lúc đó đã rút sang Cao Miên hoạt động bên ngoài biên giới Kiến Phong và đang là mục tiêu của QĐ IV & Vùng 4CT.

Ở mặt trận phía bắc, dọc Liên Quốc lộ 7, các chiến đoàn QĐIII & V3CT vượt qua các đồn điền cao-su Mimot, Krek và Chup, đến tận Tonle-Bet đông ngạn Sông Mékong ngang thành phố Kampong-Cham -nơi trú đóng Bộ Tham Mưu Quân Khu I của Tướng Fan Muong thuộc Quân lực Quốc gia Cao Miên (Forces Armées Nationales Khmères -FANK). Ở mặt trận phía nam, trên Liên Quốc lộ 1, các chiến đoàn khác của Tướng Trí cũng tiến đến bên ngoài thành phố Sway-Riêng yểm trợ cho các đơn vị của Đại tá Dap Duon, Tỉnh trưởng của tỉnh phía đông Cao Miên này, giáp với tỉnh Tây Ninh của Việt Nam.

Suốt trong gần một năm hiện diện trên lãnh thổ Miên, QLVNCH đã liên lạc với chính quyền quân sự Cao Miên, đưa khoảng trên dưới vài chục nghìn đồng bào Việt Nam ở đó trở về nước. Chính Tướng Đỗ Cao Trí đã làm việc này. Nỗi bận tâm của Trung tướng trong các cuộc

Hành quân Toàn Thắng trên lãnh thổ Miên không chỉ nhằm tiêu diệt lực lượng CSBV và các căn cứ hậu cần quan trọng của chúng ở biên giới Miên, hay chỉ để yểm trợ cho lực lượng quân đội non yếu của Tướng Lon Nol (Ông này là Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đới Miên, vừa làm cuộc đảo chính lật đổ

Norodom Sihanouk trong tháng 3, 1970, khi Sihanouk công du nước ngoài) nhưng còn để giải thoát hàng chục nghìn Việt kiều bị chính quyền địa phương của chính phủ Lon Nol nghi ngờ là Việt Cộng, bắt giam giữ. Trung tuần tháng 4, 1970, tôi được Trung tướng Trí cử sang làm Sĩ quan Liên lạc ở Tỉnh Sway-Riêng thay thế Đại tá Lê Đạt Công lúc đó là Trưởng Phòng 2 QĐIII & V3CT. Tôi nhận rõ chỉ thị và hiểu rõ mối quan tâm của Trung tướng Trí về vấn đề Việt kiều ở Miên. Vì vậy, khi biết nhu cầu cần được yểm trợ của Đại tá Dap Duon, Tỉnh trưởng Sway-Riêng, và sau khi thoả mãn được vài điều khá quan trọng, việc đầu tiên của tôi là yêu cầu Đại tá Dap Duon đưa đến thăm viếng số đồng bào chừng hai nghìn người bị chính quyền Miên tập trung giam giữ ở Trường Tiểu học tỉnh lỵ. Trước công Trường này, tôi hứa với đại diện Việt kiều nạn nhân ở đó là sẽ trình nguyện vọng muốn về nước của đồng bào lên Tướng Trí, Tư lệnh QĐIII & V3CT. Tôi đã làm như đã hứa.

Trong tháng 5, 1970, khi được Tướng Trí uỷ thác sang Kompong-Cham làm Sĩ quan Liên lạc ở Bộ Tư lệnh Quân khu I Cao Miên của Tướng Fan Muong, với một toán trên mười sĩ quan, hạ sĩ quan Phòng 2, Phòng 3, và Truyền tin của QĐIII & V3CT. Ở Kompong-Cham, tôi cũng yêu cầu Trung tá Ly Tai Sun, Tư lệnh phó của Fan Muong, nhất định phải đưa tôi đi xem nơi đồng bào Việt Nam bị họ bắt giam giữ. Hơn vài nghìn Việt kiều, kể cả đàn bà và trẻ con, chen chúc dưới các đường giao thông hào khá sâu và rộng -mà người Pháp gọi là tranchées- trong khuôn viên chiếc sân rộng lớn của Bộ Tư lệnh Quân Khu trong thành phố.

Việc này chỉ diễn ra vào buổi sáng sau khi tôi đã yêu cầu Tướng Trí cho Không Quân Việt Nam (KQVN), đánh giải tỏa Bộ Tư lệnh Quân Khu I, bị Tiểu Đoàn J-16 Đặc công và các đơn vị chính qui của CSVN tấn công và bao vây từ

đêm trước. Khi chỉ vào nhóm Việt kiều bị giam giữ dưới các giao thông hào đó, Ly Tai Sun nói với tôi bằng tiếng Việt:

- Nếu hôm nay Ông không gọi được KQVN đánh giải cứu chúng tôi, thì số người này sẽ bị bắn hết.

Đó là nguyên văn câu nói của tên Trung tá này. Từ ngày toán Liên lạc của chúng tôi đến Kompong-Cham, tôi tiếp xúc với Thiếu tá John Fernandez Tham Muu trưởng, Ly Tai Sun Tư lệnh phó và Tướng Tư lệnh Fan Muong bằng tiếng Pháp, vì tôi không biết tiếng Miên, tôi chưa hề nghe các Sĩ quan Miên này nói một câu tiếng Việt nào. Đột nhiên nghe Ly Tai Sun bật lên câu nói ghê tởm đó, tôi nói với hắn, “Thì ra Ông là người Việt Nam, họ Lý. Ông nói vậy có nghĩa là các Ông sẽ giết hết số Việt kiều này và cả toán Liên lạc của chúng tôi, đúng không? Hử cười. Toy nói tiếp: *“Chắc là Ông chưa lường được hậu quả lớn lao sau này.”* Lý Tài Sun, hay Lý Đại Sơn -tên thật của Sun- không nói gì thêm. Tức tức, tôi vào gặp Tướng Fan Muong nói việc Ly Tai Sun và tôi gửi mật điện trình mọi việc với Tướng Trí. Ngay buổi trưa đó, Trung tướng cho trực thăng, kèm theo quân Dù, đón toán Liên lạc chúng tôi về Biên Hòa. Có lẽ sau đó Tướng Fan Muong điện xin lỗi Trung tướng Trí. Dĩ nhiên vấn đề chính phải là chuyện giải quyết số phận của hàng chục ngàn Việt kiều bị chính quyền Miên giam giữ từ mấy tháng trước đó khi quân CSBV phối hợp với các đơn vị Cộng sản Miên tấn công các thành phố Miên và tạo vòng đai bao vây Thủ đô Phnom Penh của Chính quyền Lon Nol. Mấy ngày sau, Thiếu tá Nguyễn văn Lý của Phòng 2 QĐIII và một toán Liên lạc khác được đưa trở lại Kompong-Cham. Không lâu sau đó Đại tá Trần văn Tư thay thế Thiếu tá Lý.

Trong tháng 5 đó, vấn đề nội bộ ở cấp cao giữa Trung tướng Đỗ Cao Trí và Tổng thống

Nguyễn văn Thiệu hay Chính phủ VNCH, hay vấn đề ngoại giao giữa Việt Nam và Cao Miên diễn ra thế nào tôi không được biết, nhưng các cuộc hành quân thủy, bộ, của QĐ III và QĐ IV đã diễn ra, đón đưa nhiều chục nghìn Việt kiều ở Miên về nước trong các tháng 5, 6 và 7, 1970. Lúc đó tôi tiếp tục phục vụ ở Phòng 2 QĐIII & V3CT, dưới quyền Đại tá Lê Đạt Công, khi ở Biên hòa, khi ở Hiếu Thiện, rồi Tây ninh, luân phiên thay thế ông về tình báo chiến trường cho đến ngày Trung Tướng Đỗ Cao Trí tử nạn.

Từ ngày Trung tướng Nguyễn văn Minh về thay thế nắm quyền Tư lệnh, nhất là sau tang lễ trọng thể của cố Đại tướng Đỗ Cao Trí, tình hình ngoại biên và trong nội địa Quân đoàn III & V3CT có nhiều thay đổi lớn vì hai lý do:

Thứ nhất, CSBV tăng cường đáng kể lực lượng của họ ở các mặt trận Lào và Miên với những cuộc phản công dữ dội ở Tchépone và suốt dọc Đường 9 đến biên giới Khe Sanh, cũng như các cuộc phản công ở Đường 7, từ các đồn điền cao su Chup, Mimot đến biên giới ViệtMiên, vùng Lưỡi Câu và Mỏ Vẹt. Chiến đoàn 8 của Sư đoàn 5 Bộ binh (SD5BB) cũng tổn thất nặng và rút khỏi Thị trấn Snoul của Miên trong cuối tháng 5, 1971. Địa điểm duy nhất của Quân đoàn III còn duy trì trên lãnh thổ Miên là căn cứ hỗn hợp Việt-Mỹ ở Thị trấn Krek, giao điểm giữa đường 7 và đường 22 đổ vào nội địa tỉnh Tây Ninh và cách biên giới chừng 12 km.

Thứ hai, Trung tướng Nguyễn văn Minh tánh người ôn nhu, chuộng phòng thủ hơn tấn công. Ông không phải là một hổ tướng như Đại tướng Trí, nhưng là một túc tướng (tôi sẽ trình bày ở phần sau). Hơn nữa, cục diện chiến trường đã thay đổi sau cuộc Hành quân Lam sơn 719 ở Hạ Lào. Tướng Minh lâm vào tình trạng bất cập, khó khăn trong vấn đề chỉ huy. Ông xuất thân Khóa IV Trường Võ bị Liên

quân Dalat, trong khi hai vị tư lệnh sư đoàn dưới quyền đều thuộc khóa đàn anh. Thiếu tướng Nguyễn văn Hiếu, Tư lệnh SĐ5BB và Thiếu tướng Lâm

Quang Thơ, Tư lệnh SĐ18BB, cùng xuất thân Khóa III. Sau trận rút lui khỏi Snoul của Chiến đoàn 8, SĐ5BB, Tướng Hiếu được trao phó trọng trách khác. Đại tá Lê văn Hưng, Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Cần Thơ, được Tướng Minh đề nghị thay thế Tướng Hiếu làm Tư lệnh SĐ5BB. Ít lâu sau, Tướng Lâm Quang Thơ cũng được Đại tá Lê Minh Đảo thay thế.

Tuần lễ đầu tháng 6, 1971, tôi được lệnh thuyết trình tình hình các đại đơn vị địch trong lãnh thổ và ngoại biên -mà QĐIII & V3CT phải đương đầu- cho Đại tá Lê văn Hưng, tân Tư lệnh SĐ5BB. Nội dung bài thuyết trình không khác gì nhiều so với những gì tôi viết trên đây. Dĩ nhiên là không có phần nói về các vị Tướng Tư lệnh Trí, Minh, Hiếu và Thơ. Tôi nói về tình hình của các đại đơn vị CSBV và TWC/MN đang hoạt động ở biên giới Việt Miên sau khi QLVNCH rút ra gần hết khỏi lãnh thổ Miên, chỉ còn duy trì cứ điểm cuối cùng ở Krek. Toy trình bày rõ về qui luật tác chiến, quân số, trang bị, vùng hoạt động của từng đại đơn vị CSBV & TWC/MN theo trận liệt và tin tức mới nhất mà chúng tôi có được. Sau cùng là phần ước tính về hoạt động của các đại đơn vị này và chủ trương của TWC/MN trong thời gian tới. Toy cho rằng nên giải tỏa áp lực địch có khuynh hướng tập trung để dứt điểm căn cứ Krek vì lúc đó chúng tôi ghi nhận TWC/MN đang hiện diện trong vùng Snoul, và các căn cứ hậu cần của chúng đang hoạt động trở lại ở vùng biên giới Bình Long và Tây Ninh. Đây là bài thuyết trình thường lệ ở cấp Vùng Chiết Thuật (là cấp Quân Khu cũ) về “tình hình địch”. Hình như Đại tá Hưng nghe rất rõ, không hỏi một câu nào. Ngược lại, khi bài thuyết trình vừa chấm dứt, Đại tá Hưng

quay sang Trung tướng Minh, và nói:

- Thưa Trung tướng, Dương là bạn cùng Khóa, cùng Trung đội với tôi.

Sau đó, ông đứng lên và bước thẳng đến bục thuyết trình bắt tay, ôm lấy tôi. Đó là dấu hiệu thân thiện đầu tiên khi gặp lại sau hơn 15 năm kể từ khi tốt nghiệp và rời Quân trường Thủ Đức vào tháng 1, năm 1955. Ngày ra trường, chúng tôi đều mang cấp bậc Thiếu úy. Ở buổi thuyết trình này, tôi chỉ là một Thiếu tá, nhân viên của một Phòng 2 Quân đoàn, còn ông là Đại tá, một tân Tư lệnh của một sư đoàn. Địa vị trong quân đội cách xa nhau nhiều lắm!

2. TƯỚNG LÊ VĂN HƯNG VÀ TÔI

Tổng số Sinh viên Sĩ quan Khóa V, Vi Dân, trên 1,300 người, kể cả hai đại đội bộ binh gửi thụ huấn ở Liên trường Võ bị Liên Quân Dalat. Đại đa số SVSQ được gọi nhập ngũ và đưa đến Trường SQTB Thủ Đức trong tháng 5, năm 1954. Ông Hưng và tôi được xếp vào Trung đội 8 của Thiếu úy Nguyễn Hưng Chiêu, thuộc Đại đội 2 Bộ binh, cùng ở chung phòng hỗn hợp (salle mixe) với Trung đội 7 của Trung úy Lê văn Sỹ. Ở phòng chung này, Trung đội 7 có 12 sinh viên và Trung đội 8 cũng có một số sinh viên như vậy. Còn phòng chính của mỗi Trung đội gồm 24 sinh viên nằm kế cận hai bên phòng mixe này.

Khóa này, tại Thủ Đức có hai đại đội bộ binh và sáu đại độ chuyên ngành như Pháo binh, Trọng pháo, Thiết giáp, Công binh, Truyền tin, Hành Chánh Quân Nhu v.v... Đại đội I Bộ binh gồm các Trung đội 1, 2, 3 và 4; Đại đội II Bộ binh gồm các Trung đội 5, 6, 7 và 8.

Trung đội 8 của chúng tôi có 36 sinh viên, mà ngày nay tôi còn nhớ tên trên hơn ba mươi bạn.

Trung đội 8, Đại đội II Bộ binh của Thiếu

úy Nguyễn Hưng Chiêu có thể là Trung đội SVSQ tạo được hai kỳ tích là đã cho ra trường một Thủ khoa và một sĩ quan sau đó trở thành Tướng lãnh duy nhất cho toàn khoá, danh tiếng lẫy lừng. Vị tướng lãnh này là Lê văn Hưng, người Quận Hóc Môn, Tỉnh Gia Định. Ông là một trong 5 vị Tướng tuần tiết ngày 30, tháng 4 đen, năm 1975.



Năm Vị Tướng đã Tuần Tiết ngày 30-4-1975

SVSQ Lê văn Hưng lúc đó thỉnh thoảng đôi mắt thoáng nháy nhẹ một lần như khi đã làm tướng. Thường ngày, lúc nghỉ ngơi trong phòng, Hưng thường mặc chiếc sa-ron của người Miên, màu đỏ sọc xanh đen, ở trần không mặc áo, cổ đeo một giây chuyền vàng mang một nanh heo rừng nhỏ. Hưng rất ít nói, nhưng dễ mến vì lúc nào gặp ai cũng cười; nụ cười dễ gây thiện cảm và theo tôi nghĩ, dễ làm xiêu lòng các người đẹp. Nước da ngăm, nhưng cao lớn và đẹp trai theo lối một người hùng hơn là một thư sinh. Lúc đó anh đã lập gia đình. Khi gần hết giai đoạn I, nhất là sau khi đã được mang Alpha -biểu trưng của SVSQ- cứ mỗi hai tuần sinh viên được đi phép 24 giờ về thăm gia đình. Như vậy mỗi trung đội 36 sinh viên, thì một nửa đi phép, một nửa khác lưu trại. Tôi thuộc toán được đi phép hay lưu trại chung với anh Hưng.

Trong đời, đôi khi ta gặp những hoàn cảnh

chạnh lòng. Khi bước chân vào Quân trường Thủ Đức tôi đã mang nỗi buồn riêng, tủi cho thân phận mình. Không biết nói cùng ai.

Lúc đó tôi là một cậu học trò, độc thân, gia đình nghèo. Tôi nhập trường vào tháng 5, đến tháng 7, 1954, sau Hiệp định Genève, đất nước chia đôi. Thị trấn Cà-mau nhỏ bé thân thương của tôi biến thành nơi tập trung của các lực lượng vũ trang bộ đội và du kích Việt Minh trong nhiều tháng, trước khi họ tập kết ra miền Bắc. Cha và anh tôi là tiểu công chức phải rời Cà-mau lên tỉnh lỵ Bạc-liêu làm việc; gia đình ăn ở tạm bợ, nghèo khó. Với số lương tháng ít oi của một SVSQ tôi phải gởi bớt về giúp thêm cho cha mẹ, đưa em gái còn đi học, và người chị quả phụ và hai đứa cháu cô nhi. Ngày thường, nhất là khi tập ở ngoài bãi, tôi lấy thêm phần ăn sáng mà các bạn cùng bàn không đến ăn, thường là bánh mì với mấy thỏi chocolate hoặc fromage đầu bò -ở Nhà Ăn Sinh viên-mang theo để ăn trong buổi giải lao, trong khi các bạn sinh viên khác bao quanh các gánh bán thức ăn hàng rong ở các bãi tập đó. Buổi chiều, khi ăn cơm xong, tôi thường mang về một gamen (gamelle) com trắng để đến tối trong khi các bạn đi ăn uống ở các Câu lạc bộ Sinh viên hay ở những gánh hàng rong đủ loại thức ăn mà vợ con binh sĩ ở trại gia binh mang đến tận hành lang ngoài phòng ngủ của sinh viên, tôi lặng lẽ đem phần cơm đó và một chai xi dầu, ra ngồi ở bậc xi-măng đầu chiếc công xây trên lạch nước gần dãy trại của Đại đội chảy ra bãi tập thể dục quân sự, ăn dưới ánh trăng, hay trong bóng tối bao quanh. Tôi đã nuốt những hạt com nguội lạnh đó trong nhiều đêm cùng với nỗi tủi thân của mình. Rồi một đêm nào đó, tôi không nhớ rõ, Thiếu úy Nguyễn Hưng Chiêu, Trung đội trưởng của tôi, trong buổi trực đêm của ông, bắt gặp tôi đang ngồi ăn cơm đêm trong bóng tối như vậy. Khi ông rọi đèn pile thấy rõ ga-men com đang ăn dang dở và

chai xi-dầu, trong khi tôi đứng thẳng ở tư thế nghiêm của một sinh viên trước thượng cấp của mình. Ông không nói gì, để tôi đứng đó và đi vào dãy phòng ngủ của Đại đội. Tôi âm thầm trở về phòng với nỗi lo sợ lớn lao trong lòng. Tôi sợ mình đã vi phạm một lỗi lầm quân kỷ nào đó của Trường. Mấy ngày sau tôi chờ đợi nhận phần phạt. Nhưng không, ngược lại, tôi nhận được tờ giấy bạc 100 Đồng, một số tiền khá nhiều lúc đó, xếp giữa hai trang giấy trong tập bài học của tôi sau khi Thầy khám duyệt và hoàn trả các tập vở đó lại cho các sinh viên Trung đội. Thầy đã kín đáo cho tôi tiền như đã hiểu rõ hoàn cảnh của tôi. Đã gần sáu mươi năm rồi, tôi mang ơn Thầy Chiêu đã đào tạo tôi trở thành một sĩ quan QLVNCH và về đức độ và lòng nhân hậu của Thầy. Tôi không mong trả được ơn Thầy trong cuộc đời này vì tôi biết không có gì quý giá xứng với tấm lòng bao dung rộng lớn của Thầy. Ngược lại, rõ ràng người đã đền đáp ơn Thầy nhiều nhất là Tướng Lê văn Hưng vì những chiến công rực rỡ và sự tuấn tiết cao đẹp của vị Tướng này, người anh hùng mà Thầy một thời đã tạo dựng nên.

Lúc đó tôi rất ít xuất trại nghỉ phép. Họ hoàn toàn có đi phép thì cũng chỉ xuất trại vào sáng ngày Chúa nhật, đi dạo vòng vòng các khu phố lớn Sài Gòn, xem chớp bóng ở các rạp chiếu bóng thường trực đề đợi đến chiều ra Đường Hai Bà Trưng, sau Trụ sở Quốc hội, đợi đoàn xe GMC đưa đón SVSQ của Trường rước về. Những tuần không đi phép tôi mặc quân phục chỉnh tề, cùng các bạn trong Trung đội người miền Bắc, cũng “mồ côi” như tôi sau khi Hiệp định Genève-1954 chia đôi đất nước, đi dạo ở khu chung quanh sân cờ lớn của Trường, nơi có những hàng cây tỏa bóng mát, dù ít oi, xuống thăm cỏ dưới gốc, mà các SVSQ lưu trại thường đón tiếp và vui vầy với gia đình hay người yêu đến thăm viếng trong ngày Chúa nhật.

Cảnh đầm ấm, hạnh phúc và sinh động hực hờ màu sắc này cũng diễn ra trong Câu lạc bộ Sinh viên và trong các lều mát hay quán ăn chung quanh đó. Dĩ nhiên trong số những thân nhân đến thăm viếng sinh viên hàng tuần không thiếu những bóng hồng tươi đẹp, xinh xắn, là chị, là em, là bạn, là người yêu, hay vợ của sinh viên lưu trại. Một trong những người đẹp đó là vợ của anh Hưng. Nhìn từ xa xa cũng biết chị đẹp. Dáng người cao thon thả nhưng cân đối khoẻ mạnh như một thiếu nữ phương Tây. Mặt sáng, nước da trắng. Cách ăn mặc và dáng điệu tạo vẻ thuộc gia đình trung lưu, khá giả. Mỗi lần thăm anh, chị thường dẫn theo đứa con gái nhỏ chừng hơn một tuổi. Họ quây quần bên nhau rất hạnh phúc. Thế nhưng, trong đời người ta không thể ngờ được những bất cập, tan vỡ, chia ly diễn ra mà hậu quả là ưu phiền và oán hận.

Chín năm sau ngày ra trường, mỗi người đi một nơi, không biết tin tức gì của nhau, bỗng nhiên vào giữa tháng 1 năm 1964, tôi được biết tin về anh Lê văn Hưng. Sau ngày đảo chánh 1 tháng 11, 1963, Tổng thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu bị thảm sát, Đại tá Nguyễn văn Phước Trưởng Phòng 2 Bộ Tổng Tham mưu (P2/BTTM) bị mấy ông Tướng đảo chính bắt giam giữ ở Cục An ninh Quân đội, Trung tá Hồ văn Lôi, Chỉ huy trưởng Trường Quân báo Cây Mai, được đưa lên BTTM thay thế. Tôi cũng được chuyển chuyên theo ông và giữ chức vụ Trưởng ban Hành chánh của P2/BTTM.

Một hôm tôi đọc được trong xếp hồ sơ “Công văn Đến” lệnh chuyển chuyên của Nha Nhân viên Bộ Quốc Phòng ban hành hoàn trả Trung úy Lê văn Hưng về ngành Quân Báo và đặt thuộc quyền sử dụng của P2/BTTM. Trước cuộc đảo chính Trung úy Hưng là Quận trưởng Trà Ôn ở miền Tây. Có lẽ những năm trước nữa ông Hưng có học qua một khóa Quân Báo hay giữ chức vụ nào đó cùng ngành với tôi mà

tôi không biết. Sau đó ít lâu, khi hồ sơ cá nhân của

Hung gửi về P2/BTTM mới được biết là sau khi tốt nghiệp ở Thủ Đức nhờ đậu cao nên anh được chọn về Quân Khu I –lúc đó bao gồm cả lãnh địa của Vùng 3 và Vùng 4 Chiến thuật sau này- và thuyên chuyển về Bộ Chỉ Huy Trung đoàn 15 đóng tại Gia Định. Thiếu tá Lê Thọ Trung là Trung đoàn trưởng. Sau này, khi ông Hưng đã lên Tướng và làm Tư lệnh SĐ5BB, ông Trung, chỉ mang cấp bậc Trung tá, là Tham Mưu trưởng cho ông Hưng.

Không đầy một tuần sau khi P2/BTTM nhận được lệnh thuyên chuyển của Trung úy Hưng, cũng trong tháng giêng đó, một người đàn bà đến xin gặp Trung tá Trưởng P2/BTTM.

Với tư cách là người phụ trách về hành chánh và quản trị nhân viên, tôi tiếp bà khách. Bà tự xưng là người phối ngẫu chính thức và đã ly dị của ông Hưng. Tôi hình dung được ngay đó là người vợ của SVSQ Hưng của gần mười năm trước. Tuy bà đã bớt vẻ thon thả, khá người hơn, mà vẫn còn đẹp ở độ tuổi trung niên. Bà mang theo một lá đơn xin gửi li ương tháng, mà bà nói là do Tòa án phán quyết khi ly dị, đến thẳng địa chỉ của bà ở Gia Định. Tôi chỉ ghi nhận sự kiện, nhận đơn, mà chưa giải quyết được vì Trung úy Hưng chưa trình diện P2/BTTM.

Sau đó không lâu, tôi nhận tiếp một lệnh khác của Nha Nhân viên Bộ Quốc Phòng thuyên chuyển Trung úy Lê văn Hưng về SĐ21BB. Như vậy đến năm đó tôi vẫn chưa gặp lại Hưng cho đến đầu tháng 6, năm 1971. Vì ông Hưng trình diện thẳng SĐ21BB mà không trình diện P2/BTTM. Cuối năm 1967, vào một buổi chiều, tôi vô tình gặp lại người vợ đã ly dị đó của ông Hưng trong Dancing Club Victoria ở Tân Định, gần Bộ Tổng Tham Mưu. Bà là vũ nữ ở đó. Tôi nhận ra bà nhưng

bà không nhớ có lần đã gặp tôi ở P2/BTTM gần bốn năm trước. Lúc đó tôi mang cấp bậc Thiếu tá và được biết ông Hưng mang cấp Trung tá, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 31 thuộc SĐ21BB và là một trong năm ngũ kiệt nổi tiếng ở miền Tây. Ít lâu sau nghe ông Hưng thăng cấp Đại tá và làm Tỉnh trưởng Cần Thơ. Từ cuối năm 1967, sau buổi khiêu vũ “matinée” ở Victoria, tôi không gặp bà vợ đã ly dị của ông Hưng lần nào nữa.

Đến nay đã gần nửa thế kỷ.

Sau buổi thuyết trình đầu tháng 6, năm 1971 đó, Trung tướng Minh mời Đại tá Hưng và tôi ăn cơm trưa trong chiếc “trailer” đặt ở sân trước Tư dinh Tướng Minh ở Biên Hòa. Đáng lẽ tôi không hân hạnh được mời tham dự bữa cơm của hai ông tư lệnh này đâu, nhưng tôi nghĩ Tướng Minh mời tôi là vì Đại tá Lê văn Hưng nói tôi là bạn đồng môn. Lý do thứ hai là vì khi ra trường tôi thuyên chuyển về Tiểu đoàn 61 VN đầu năm 1955, làm Trưởng Ban Quân số (Chef Bureau Effectif), đến khoảng tháng 8 năm 1955, ông Nguyễn văn Minh, lúc đó mang cấp bậc Thiếu tá được bổ nhậm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 61 VN, kiêm Quận trưởng Quận Đức Hòa, thuộc tỉnh Chợ Lớn, chỉ định tôi làm Văn phòng trưởng Tiểu đoàn (Chef Bureau Secretariat), đồng thời là Chánh văn phòng Quận Đức Hòa cho ông. Sau cuộc bầu cử Quốc hội Lập hiến và Tổng thống Đệ nhất Cộng Hòa cuối năm 1955, Thiếu tá Minh được đề cử chức Tỉnh trưởng Sa Đéc, thăng cấp Trung tá. Tôi xin thuyên chuyển ra Tiểu đoàn 1/43 Sư Đoàn 15 Khinh Chiến, đóng ở Dục Mỹ, Nha Trang.

Trong Đệ Nhị Cộng Hòa ông Minh thăng cấp nhanh chóng, Đại tá Tư lệnh SĐ21BB, rồi Chuẩn tướng, rồi Thiếu tướng, rồi Trung tướng làm Tư lệnh Biệt Khu Thủ Đô, rồi Tư lệnh QĐIII & V3CT. Ông chưa quên tôi đã từng giúp việc cho ông từ 15 năm trước. Còn lý do

thứ ba nữa, đến khi ngồi vào bàn cơm tôi mới được biết là Đại tá Hưng xin Tướng Nguyễn văn Minh cho tôi về giúp ông làm Trưởng Phòng 2 SĐ5BB. Điều này làm tôi bất ngờ. Tôi xin để được suy nghĩ lại. Tướng Minh cũng chưa quyết định ngay. Sau buổi cơm Đại tá Hưng lên Lai Khê, tôi được Tướng Minh cho nghỉ phép một tuần về Saigon, nói là để ông sẽ sắp xếp lại nhân sự.

Lúc đó, Trưởng Phòng 2 QĐIII & V3CT là Đại tá Lê Đạt Công không được Tướng Nguyễn văn Minh tin nhiệm đã cho chuyển xuống SĐ21BB. Phòng 2 tuy còn mấy sĩ quan cấp tá khác nhưng công việc do tôi quán xuyến mặc dù tôi không giữ một chức vụ nào ở đó. Tôi nghĩ Trung tá Mạch văn Trường, vừa rời chức vụ Quận trưởng Thủ Đức về QĐIII & V3CT, đệ tử thân nhất của Tướng Minh, trước đó là Trưởng Phòng 2 SĐ21BB của Tướng Minh, sẽ được chỉ định làm Trưởng Phòng 2 Quân đoàn. Nhưng không phải, khi hết phép trình diện Tướng Minh, tôi được ông cho biết Đại tá Hưng đã gọi hai công điện chính thức xin tôi về SĐ5BB. Tướng Minh nói với tôi là nên lên Lai Khê giúp ông Hưng và Trung tá Mạch văn Trường cũng đã được đưa lên đó giữ chức vụ Trung đoàn trưởng Trung đoàn 8. Trung tá Trần văn Bình, Trưởng Phòng 2 SĐ18BB sẽ được chỉ định làm Trưởng Phòng 2 QĐIII & V3CT.

Điều này cũng hợp lý, vì Trung tá Bình là một sĩ quan Quân báo nhiều kinh nghiệm đã từng là Trưởng Khối Tình Báo của P2/BTTM.

Tôi rất buồn khi nghe quyết định của Tướng Minh. Không phải tôi muốn thoái thác trách nhiệm làm trưởng phòng tình báo chiến trường cấp sư đoàn mà tôi cho là quan trọng.

Nhưng tôi tủi thân khi phải phục vụ người bạn cùng khóa. Biết đâu việc làm của tôi không tránh khỏi những sơ suất, chết quân mất đồn,

lúc đó sẽ khó cho ông mà khó cho tôi biết mấy.

Thà làm việc cho vị tư lệnh nào khác, không giữ một chút tình riêng trong lòng, tôi sẽ an tâm hơn. Thường phạt sẽ nhận và chịu một cách vô tư, thành thoi hơn, nếu mình hữu công hay mình bất lực. Nhưng là một quân nhân, tôi phải chấp hành lệnh của thượng cấp. Tôi điện thoại cho Đại tá Hưng và xin cho tôi thu xếp và trình diện SĐ5BB ngày 16 tháng 6. Quá trưa ngày đó, khoảng 2 giờ, Đại tá Hưng cho trực thăng chỉ huy của ông đón tôi ở Biên Hòa lên Lai Khê.

Trong văn phòng Tư lệnh, ông Hưng bắt tay và ôm vai tôi lộ vẻ vui mừng. Sau đó, tôi nhận nhiệm sở mà không có bàn giao vì người tiền nhiệm của tôi là Trung tá Nguyễn Công Ninh đã rời Sư đoàn từ tuần trước. Khi tôi đang họp với các sĩ quan Phòng 2 Bộ Tham mưu và Biệt đội Quân báo Sư đoàn, thì Chánh văn phòng Tư lệnh, Đại úy Nguyễn Đức Phương, gọi điện thoại nói là Đại tá Tư lệnh mời tôi dùng cơm tối tại tư dinh, sau buổi họp 5 giờ chiều hằng ngày ở Trung tâm Hành quân Sư đoàn.

Trên chiếc traller được che chắn bằng nhiều bao cát xung quanh, đặt ở sân sau tư dinh Tư lệnh, song song với dãy nhà văn phòng của Phòng 2 Sư đoàn, nơi làm việc của tôi từ buổi trưa đó, cách một lớp rào lưới chống đạn B.40, lần đầu tiên tôi gặp người phối ngẫu chính thức của Đại tá Lê văn Hưng, chính do ông giới thiệu, mà sau đó không lâu tôi được biết nữ danh của bà là Phạm Kim Hoàng. Tôi nghĩ bà là người xứng với ông Hưng. Nước da trắng, gương mặt đẹp sáng, dáng người mảnh mai thanh tú, giọng nói dịu dàng. Bà tỏ ra thân thiện với người đồng môn của chồng. Ông Hưng cũng không hỏi một câu nào về gia đình hay bản thân tôi từ ngày ra trường. Ông và tôi bàn về các vấn đề thời sự ở phạm trù lớn hơn phạm trù QĐIII & V3CT, bình đẳng, không gò bó như thường khi tôi tiếp xúc với bất cứ một

thượng cấp nào của tôi trước đó. Sau buổi cơm tối ngày tôi trình diện sư đoàn, tôi nghĩ rằng tôi có thể yên tâm làm việc với Đại tá Hưng, không còn mặc cảm. Trái lại, tôi nghĩ là phải cố gắng, bỏ tâm cơ nhiều hơn trong việc làm để thực sự giúp người bạn hiểu biết mình và cũng để chứng tỏ mình có đủ kiến thức và khả năng chuyên môn không làm phụ lòng ông.

Đó không phải là buổi duy nhất ông bà Hưng đãi cơm tôi trên chiếc trailer ở tư dinh của tư lệnh trong căn cứ Lai Khê, mà rất nhiều lần trong suốt thời gian tôi phục vụ ở SĐ5BB dưới quyền chỉ huy của ông Hưng. Mỗi khi ông bà tổ chức các buổi ăn gia đình có tính kỷ niệm, người bạn duy nhất được mời là tôi. Thêm nữa, mỗi lần khi mà buổi sáng tôi bị gạch tên trong các lần đề nghị thăng cấp đặc cách, hay trong danh sách đề nghị thưởng huy chương Anh dũng Bội tinh, dù ở cấp sư đoàn mà ông Hưng, với thẩm quyền tư lệnh, có thể ký ban cho.

Trong ngày nào đó, nếu ông từ chối đề nghị của Trung tá Tham mưu trưởng Lê Thọ Trung, thì buổi chiều bà Hưng gọi điện thoại mời tôi ăn cơm tối với ông, bà. Trong buổi cơm, dù tôi tỏ ra bình thường bà Hưng vẫn nói như an ủi tôi “ảnh luôn như vậy đó, anh đừng buồn”, trong khi ông Hưng ngồi đó, nghe và cười. Nụ cười vừa an ủi vừa như bảo với tôi rằng ông không muốn để người khác dị nghị và Anh dũng Bội tinh không thể cấp cho sĩ quan tham mưu. Người hiểu rõ các điều trên đây lúc đó là Trung tá Lê Thọ Trung, vị chỉ huy trưởng cũ của Ông Hưng. Tôi nghĩ rằng Trung tá Trung nhiều lần cũng được gia đình ông Hưng mời ăn những buổi cơm riêng như vậy, vì ông Hưng chắc không quên người đã từng là thượng cấp của ông khi vừa bước ra khỏi cổng Quân trường Thủ Đức. Dĩ nhiên người hiểu rõ nhất những mối liên lạc thân thiện giữa Tướng Hưng và tôi là bà Hưng. Những buổi cơm có

tính cách gia đình này không chỉ diễn ra trong thời gian tôi phục vụ ở SĐ5BB mà còn như hằng ngày ở những tháng sau cùng của chiến cuộc Việt Nam, tại tư dinh Tướng Hưng ở Cần Thơ.

3. TƯỚNG LÊ VĂN HƯNG VÀ SƯ ĐOÀN 5 BỘ BINH

Chỉ một thời gian làm việc với Đại tá Lê Văn Hưng, tôi hiểu rõ khả năng của ông hơn và thành thực khen ngợi ông là người chí công vô tư. Về khả năng, tôi có thể nói ông quyết đoán chính xác và nhanh chóng. Tôi sẽ đề cập đến sau. Trước tiên, xin nói về bản tính và cách cư xử của ông đối với mọi người. Ông rất thẳng thắn, cương nghị, nhưng là người mang trong lòng thứ tình cảm đậm đà – với hai thí dụ điển hình là sự đối xử của ông với Trung tá Lê Thọ Trung và với tôi.

Nhìn dáng dấp bên ngoài, thuộc cấp có thể nghĩ ông là người khó đến gần hoặc nghiêm khắc, vì tướng người cao, rắn rỏi, nghiêm nghị, nhất là ít nói. Kỳ thực ông rất thương yêu binh sĩ, hạ sĩ quan và sĩ quan cấp úy. Ông chọn rất kỹ hạ sĩ quan và sĩ quan cấp thiếu úy và trung úy để đặt vào các chức vụ tiểu đội trưởng, trung đội trưởng và đại đội trưởng. Ở cấp tiểu đoàn trưởng, ông thường chọn nhưng đại úy hay thiếu tá trẻ dày dạn trận mạc, can trường, đánh trận hay và nhất là biết suy nghĩ, lo lắng và thương yêu binh sĩ. Ông thường nói với tôi rằng các cấp chỉ huy này biết thương yêu, lo lắng cho binh sĩ thì mình sẽ đỡ lo hơn và an tâm hơn. Vì vậy ông tỏ ra thân mật với cấp chỉ huy ở cấp tiểu, trung, đại đội, và các tiểu đoàn. Đôi khi ông nhớ rõ tên một hạ sĩ quan tiểu đội trưởng hay trung đội trưởng của một đại đội hay tiểu đoàn nào đó mà tôi nghĩ là ít vị tư lệnh sư đoàn nào để ý đến. Tuy nhiên ở cấp Trung đoàn trưởng, Tư lệnh Sư đoàn không quyết định được, thường là do Tư lệnh Quân đoàn hoặc cấp cao hơn bổ nhiệm.

SĐ5BB có 3 Trung đoàn Bộ binh 7, 8, và 9, Thiết đoàn 1 Ky binh, 4 tiểu đoàn Pháo binh gồm Tiểu đoàn 50 đại bác 155 ly, các Tiểu đoàn 51, 52, và 53 đại bác 105 ly. Ngoài ra còn các Tiểu đoàn chuyên biệt khác như Công binh, Truyền tin, Tiếp vận và Quân y. Tổng cộng quân số trên 11,000 người. Trung đoàn 7 Bộ binh do Trung tá Lý Đức Quân chỉ huy (sau đó thăng Đại tá và tử trận thăng cố Chuẩn tướng). Ông Quân gốc dân tộc Nùng cũng như đại đa số sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ đều thuộc sắc tộc này từ khi được thành lập với danh hiệu là Sư đoàn 4 Dã chiến. Sau chuyển thành SĐ5BB. Dần dà khi QLVNCH phát triển thì số binh sĩ sắc tộc Nùng gần như hoàn toàn tập trung vào Trung đoàn 7. Trung tá Quân là một sĩ quan mẫu mực, đạo đức, khả năng và kinh nghiệm tác chiến cao nên Đại tá Hưng rất hài lòng.

Trung đoàn 8 Bộ binh được Tướng Minh giao cho Trung tá Mạch Văn Trường chỉ huy (Ông Trường xuất thân Khóa 12 Võ bị Dalat. Khi tốt nghiệp, toàn khóa được đưa sang một Trường Bộ binh Hoa Kỳ để học chỉ huy cấp đại đội bộ binh. Nhưng chính bản thân ông chưa hề chỉ huy một đại đội bộ binh trong QLVNCH, mà là một sĩ quan Quân Báo. Làm Trung đoàn trưởng nghĩa là sẽ thăng cấp Đại tá). Biết Trung tá MVT chưa từng cầm quân nên Tướng Hưng đưa Thiếu tá Huỳnh Văn Tâm là một sĩ quan rất trẻ nhưng đã từng là Tiểu đoàn trưởng cừ khôi, làm Trung đoàn phó. Trung đoàn trưởng Trung Đoàn 9 là Đại tá Nguyễn Công Vĩnh, lớn tuổi, ốm yếu, mà lần đầu gặp lại sau nhiều năm, tôi tự nghĩ là ông nên xin về làm việc ở một nha sở nào ở Trung ương hơn là đi đánh giặc. Tuy nhiên dưới quyền ông có hai sĩ quan lỗi lạc là Thiếu tá Trần Đăng Khoa Trung đoàn phó và Thiếu tá Võ Trung Thứ, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1/9, xuất thân Thủ khoa Khóa 15 Võ bị Dalat. Thiết đoàn trưởng Thiết đoàn 1 Ky binh là Trung tá Nguyễn Đức

Dương.

Đầu tháng 3, 1972 nhân ngày kỷ niệm thành lập Sư đoàn, Đại tá Lê Văn Hưng thăng Chuẩn tướng nhiệm chức và Trung tá Mạch Văn Trường, với chức vụ Trung đoàn trưởng, cũng thăng Đại tá nhiệm chức. Người bị Tướng Nguyễn Văn Minh bỏ quên, không đề nghị thăng cấp, là Trung tá Lê Thọ Trung, Tham mưu trưởng Sư đoàn, rất thâm niên trong cấp bậc.

Đối với các sĩ quan cấp tá thì Tướng Hưng rất nghiêm minh, nhất là các sĩ quan tham mưu. Đó là lý do tại sao Đại tá Lê Nguyên Vỹ, Tư lệnh phó Sư đoàn và các sĩ quan cấp tá khác thường bị ông Hưng “net” khá nhiều lần ngay trong các buổi họp ở Trung tâm Hành quân. Và một buổi chiều, sau khi ông V. bị nự, không nhớ lần thứ mấy, hết buổi họp, tôi theo Tướng Hưng vào văn phòng tư lệnh. Lúc ông đang chưa hết cơn giận, thấy tôi bước vào, ông ngạc nhiên nhưng không nói gì thì chính tôi nói: “Xin... cho tôi được trình bày.” Tướng Hưng chưa kịp nói gì thì tôi đã tiếp: “Tôi nghĩ là...anh xử sự quá đáng với Đại tá V. Ông ta cứ bị “nự” hoài, làm sao chịu nổi. Đại tá V., hay chúng tôi cấp trưởng phòng, đều có trách nhiệm trình bày ý kiến của mình, dù đúng hay sai... Bị nự hoài ai dám nói nữa... nhất là trước mặt thuộc cấp.”

Tướng Hưng nổi cáo, lớn tiếng: “Không phải việc của mày!” Tôi nói một câu trước khi chào và bước ra: “Xin lỗi Thiếu tướng, nếu không phải thì... tôi đi.” Đó là lần đầu tiên và cuối cùng Tướng Hưng gọi tôi bằng “mày”, mà tôi nghĩ là xuất phát từ thâm tâm ông coi tôi là một bạn đồng khóa ngày xưa hơn là một thuộc cấp. Từ đó chữ này biến mất. Và chắc chắn ông hiểu rõ chữ “Thiếu tướng” mà tôi dùng trong buổi chiều đó là mang theo sự bất bình của tôi. Thường nhật trước mặt mọi người tôi gọi ông là Thiếu tướng, vào những lúc khác chỉ riêng có hai người, hoặc trước mặt vợ ông, tôi gọi là

“anh”, vì ông Hưng lớn hơn tôi. Ông sinh tháng 3, năm 1933. Tôi sinh tháng 1, năm 1934, mặc dù cùng năm Quý Dậu. Ông thường gọi tôi bằng tên: “Dưỡng à”, hoặc “này Dưỡng”, không thêm một chữ nào nữa. Không “toi”, không “cậu”, không “mày”...

Sáng hôm sau, tôi tạt qua văn phòng Tham mưu trưởng, nạp lá đơn xin chuyển, trước khi ra sân bay trực thăng chờ tháp tùng Tướng Hưng đi thăm các đơn vị. Khi bước xuống xe jeep, trước khi lên trực thăng chỉ huy của mình, Tướng Hưng bắt tay Trung tá Trịnh Đình Đăng, Trưởng Phòng 3, và tôi. Đến khi bắt tay tôi, ông Hưng cười, không nói gì. Buổi trưa, trở về Lai Khê, khoảng chừng 2 giờ chiều Trung tá Trung, Tham Mưu Trưởng, gọi tôi lên văn phòng cho biết là ông đã gặp Tướng Hưng về việc của tôi và lập lại lời Tướng Hưng nói với ông: “Dưỡng nó làm nư, bỏ lá đơn đi.” Tôi thực tình không làm nư với ông Hưng, mà định xin chuyển thật. Tôi cũng không ngưng ngưng gì khi gặp ông buổi chiều trước giờ họp. Tuy nhiên mấy ngày sau, Tướng Hưng khi gặp riêng tôi, nói rằng Đại tá Lê Nguyên Vỹ và ông không hợp tính với nhau. Chỉ một tuần sau Tướng Nguyễn Văn Minh điều Đại tá V. về làm Phụ tá Hành quân ở Bộ Tư lệnh QĐIII & V3CT. Chức vụ Tư lệnh phó SĐ5BB không có người thay thế. Có một đại tá khác chuyển về Sư đoàn là Đại tá Bùi Đức Diễm, nguyên Tỉnh trưởng Long Khánh, Tướng Minh không tin nhiệm, bãi chức. Khi về Sư đoàn Đại tá Diễm cũng chỉ giữ chức Tham mưu trưởng Hành quân mà không phải là tư lệnh phó hay phụ tá hành quân cho Tướng Hưng. Ông Diễm là một đại tá kỳ cựu, người có công rất lớn trong cuộc chiến An Lộc diễn ra một tháng sau đó. Ông ta bị bỏ quên như một gốc cổ thụ già cỗi trong một xó rừng nào đó của Bình Long. Mãi đến gần cuối năm 1972 Sư đoàn mới có vị tư lệnh phó là Đại tá

Nguyễn Bá Long, tự Thìn, nguyên Tỉnh trưởng Kontum, và là người có công rất lớn trong việc giữ vững thành phố tỉnh lỵ này; ở đó hình như cũng có... bất công diễn ra liên quan đến vị đại tá này

Tôi sẽ nói riêng về những sự bất công của cuộc chiến An Lộc đúng như sự thực, khác hơn nhiều người viết thêm bớt, dù tôi biết là những gì tôi đề cập đến sẽ làm nhiều người không hài lòng và sẽ đem đến cho tôi những điều không tốt lành nào đó. Tôi chấp nhận, khi tôi nói sự thực, và chỉ là sự thực, trước đây có rất nhiều người biết mà không thể nói. Tôi cũng muốn quên đi từ hơn mấy chục năm qua. Nhưng không thể quên được. Nhiều lần tôi tự hỏi phải chăng hào quang của những vị anh hùng trong QLVNCH đã bị số ít người lãnh đạo bất xứng với những vàng mây u ám, nhưng quá to lớn của họ, che lấp mất rồi chăng? Tôi đã đắn đo nhiều lắm. Tôi đã câm nín quá lâu khi không nói nổi oan mà Tướng Hưng hay Đại tá Bùi Đức Diễm, hoặc ai đó nữa, bị trừ dập bởi thượng cấp. Đến nay một vài vị còn bị những người ngoại cuộc, không hiểu tường tận, bôi biếm. Nay nghĩ lại, nếu tôi biết mà không nói thì ai sẽ nói...

Tôi là chứng nhân, là người trong cuộc, dù sự hiểu biết của tôi chỉ cho phép tôi nói lên những gì ít nhất và lẽ độ nhất. Hôm nay, tôi viết vì những người còn sống nhất là hai cháu Hải và Hà, con của Tướng Hưng, lúc đó mới chỉ là hai đứa trẻ thơ đã mồ côi cha. Nay đã lớn, các cháu cần biết rõ hơn về cuộc đời nhiều sóng gió và khổ tâm của người cha anh hùng của các cháu.

Tôi cũng viết gửi về chị Hưng, PKH, hiện cư ngụ ở đâu đó trên đất nước Hoa Kỳ, là tôi hãnh diện có những thời kỳ sống và chịu nhiều gian khổ, hiểm nguy, với một vị Thần mà lúc đó chúng tôi không hề biết. Thần và người chỉ khác nhau ở mực thước làm người. Những con

người tham quyền, cố vị, vinh quang thì muốn hưởng, khi hiểm nguy thì tránh né, vận nước đảo điên thì trốn chạy, buông quân, bỏ cờ, dù là tướng, thì cũng chỉ là những con người tầm thường như mọi người tầm thường khác. Tướng mà coi mạng sống của bản thân và của gia đình mình quá nặng thì làm sao có thể thành anh hùng hay thành Thần được. Còn làm Tướng mang sinh mệnh đền ơn tổ quốc, chết theo thành, thì thiên cổ đã ghi “Sinh vi Tướng, tử vi Thần.” Lịch sử Việt Nam còn đó, gương kim cổ mãi mãi sẽ còn được rọi soi. Năm vị tướng lãnh của miền Nam Việt Nam tuấn kiệt trong ngày cuối “Tháng Tư Đen” sẽ lưu danh thiên cổ.

4. CHIẾN CUỘC Ở BÌNH LONG MÙA HÈ NĂM 1972:

TIN TỨC VÀ CÁC ƯỚC TÍNH TÌNH BẢO

Sau khi nhận chức Tư lệnh SĐ5BB thay Thiếu tướng Nguyễn văn Hiếu đầu tháng 6, năm 1971, Tướng Lê văn Hưng củng cố lại các đơn vị trực thuộc và mở những cuộc hành quân cấp Chiến đoàn (thường là một Trung đoàn Bộ binh cộng thêm Thiết kỵ và Pháo binh) vào các mật khu Việt Cộng trong khu vực trách nhiệm của Sư đoàn gồm các tỉnh Bình Dương, Bình Long và Phước Long như các mật khu Tam giác Sắt, Long Nguyên, Bến Than cặp theo sông Sài Gòn và Chiến khu D vùng hữu ngạn Sông Bé, phía nam Đồng Xoài, là những địa danh nổi tiếng với những trận đánh đẫm máu giữa liên quân Hoa Kỳ & QLVNCH và quân xâm nhập CSBV & VC giữa thập niên 1960. Bộ Tư lệnh SĐ5BB đóng tại đồn điền cao-su Lai Khê, quận Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Hai sư đoàn khác của QĐIII & V3CT là SĐ18BB và SĐ25BB. Ngoài ra Quân đoàn còn một Lữ đoàn Thiết kỵ và một Liên đoàn Biệt

Động quân là lực lượng trừ bị và xung kích trong các cuộc hành quân ngoại biên trong thời kỳ của Tướng Đỗ Cao Trí, chưa kể đến các đơn vị Pháo binh, Công binh, Biệt Động quân Biên phòng và Địa phương quân, một sư đoàn Không quân và các đơn vị Hải quân. Riêng các đại đơn vị cấp sư đoàn bộ binh thì SĐ18BB phụ trách khu vực hành quân chiến thuật gồm 4 tỉnh Biên Hòa, Long Khánh, Phước Tuy, Bình Tuy và Thị xã Vũng Tàu. Bộ Tư lệnh đóng ở Thị trấn Xuân Lộc, Tỉnh Long Khánh. SĐ25BB phụ trách khu vực hành quân chiến thuật gồm 3 tỉnh Tây Ninh, Hậu Nghĩa, và Long An. Bộ Tư lệnh đóng ở Củ Chi. Biệt khu Thủ đô –sau đó đổi danh thành Quân khu Thủ đô gồm Đô thành Sài Gòn, Chợ Lớn, tỉnh Gia Định cũng thuộc lãnh thổ và trách nhiệm bảo vệ của BTL/ĐQIII & V3CT.

Khi Trung tướng Nguyễn văn Minh thay thế Tướng Đỗ Cao Trí -tử nạn trực thăng tháng 2, 1971- không hiểu vì lý do gì không sử dụng nhân tài mà Tướng Trí đã rất tin tưởng như trường hợp thuyên chuyển Đại tá Lê Đạt Công, Trưởng Phòng 2 QĐIII & V3CT về SĐ21BB, và không sử dụng Chuẩn tướng Trần Quang Khôi, Tư lệnh Lữ đoàn 3 Thiết kỵ (the 3rd Armored Cavalry Brigade) vừa mới ở Hoa Kỳ về sau khi học một khóa quân sự cao cấp.

Tướng Minh đã giải thể và phân tán Lữ đoàn Thiết kỵ và Lực lượng Xung Kích của Quân Đoàn (III Corps Assault Force –IIICAF) trước đó do Tướng Trí thành lập và Tướng Khôi là tư lệnh. Quan niệm hành quân của Tướng Minh cũng thay đổi theo cục diện chiến trường. Tướng Minh lần lượt rút hết các cánh quân ở Miền về phòng thủ vùng lãnh thổ trách nhiệm. QĐIII & V3CT lâm vào thế bị động. Tuy vậy, trong ba tháng cuối năm 1971, với sự tăng viện của các đơn vị cấp lữ đoàn Dù và

Thủy quân Lục chiến, Tướng Minh đã tổ chức những cuộc hành quân sâu vào lãnh thổ Miên trên trục lộ 7 để giải tỏa áp lực của các sư đoàn CSBV đang bao vây và có ý định dứt điểm cứ điểm hỗn hợp cuối cùng cấp chiến đoàn Việt-Mỹ ở Krek trên đất Miên, phía bắc biên giới Tây Ninh, gây thiệt hại nặng cho các đơn vị địch. Đó là lần cuối cùng chiến thắng trên đất Miên. Sau đó, đến cuối năm, ông ra lệnh triệt thoái bỏ luôn căn cứ này rút lực lượng về tăng cường các căn cứ trên trục lộ 22, phía bắc tỉnh lỵ Tây Ninh và tái phối trí lại lực lượng Quân đoàn III trong Vùng Chiết Thuật trách nhiệm.

Khu vực lãnh thổ trách nhiệm hành quân chiến thuật của SĐ5BB gồm ba tỉnh Bình Dương, Tỉnh trưởng là Đại tá Nguyễn Văn Cúa; Bình Long, Tỉnh trưởng Đại tá Trần Văn Nhứt; Phước Long, Tỉnh trưởng Đại tá Lưu Yểm. Lực lượng của Sư đoàn được tái phối trí như sau:

Chiến Đoàn 9, do Đại tá Nguyễn Công Vĩnh chỉ huy, gồm Trung đoàn 9 Bộ binh với Tiểu đoàn 1/9, 2/9 và 3/9, Tiểu đoàn 53 Pháo binh gồm 14 khẩu đại bác 105 ly được tăng cường 4 khẩu 155 ly (của Tiểu đoàn 50 Pháo binh), và Thiết đoàn 1 Kỵ binh (-), phụ trách hành quân ở vùng tây bắc biên giới tỉnh Bình Long từ căn cứ Alpha ở biên giới Việt-Miên trên Quốc lộ 13, về hướng đông qua Ngã ba Lộc Tấn, giao điểm của Quốc lộ 13 và Liên tỉnh lộ 14, đến Quận Bó Đức thuộc Tỉnh Phước Long.

Bộ Chỉ huy Chiến Đoàn 9 đóng tại căn cứ chính của Tiểu đoàn 74 Biệt động quân Biên phòng (TĐ74/BĐQ/BP) nằm cuối sân bay Quận Lộc Ninh, phía tây con đường từ Chợ chạy cặp theo sân bay đến ven rừng cao su phía tây thị xã. TĐ74/BĐQ/BP lúc đó trấn giữ Căn cứ Alpha ở biên giới Việt-Miên, với 4 khẩu đại bác 105 ly cơ hữu, được đặt dưới quyền phối

hợp chỉ huy hành quân của Trung tá Nguyễn Đức Dương, Thiết đoàn trưởng Thiết đoàn 1 Kỵ binh (TĐ1KB). Bộ Chỉ huy Thiết đoàn đóng ở Ngã ba Lộc Tấn, giao điểm của hai trục lộ 13 và 14, được tăng cường 4 khẩu đại bác 105 ly, với Chi đoàn 3/1 Thiết kỵ và Chi đoàn 1/1 Chiến xa; tính chung 40 chiến xa, trong đó có 14 M-41, 26 Thiết quân vận đủ loại, chưa kể các xe kéo pháo, GMC và Jeep. Hai chi đoàn này hoạt động trên các trục lộ 13 và 14 bắc Lộc Ninh. Toàn bộ Tiểu đoàn 1/9 đóng ở Quận Bó Đức trên lộ 13, tả ngạn Sông Bé thuộc Tỉnh

Phước Long, giáp ranh với Tỉnh Bình Long. Tiểu đoàn 2/9 (-) hoạt động trong vùng tây bắc Lộc Tấn, phối hợp và yểm trợ cho TĐ74/BĐQ/BP và TĐ1KB. Tiểu đoàn 3/9 (-) hoạt động lưu động trong vùng từ 3 đến 5 cây số tây nam Thị xã Lộc Ninh. Mỗi Tiểu đoàn để lại một đại đội bảo vệ Bộ Chỉ huy Chiến Đoàn 9, trong khi Đại đội Trinh sát 9 hoạt động vùng ranh giới Bình Long-Tây Ninh, phía bắc Căn cứ Tổng Lê Chân, do Tiểu đoàn 92 BĐQ/BP trấn đóng trên Sông Saigon vùng phía bắc Bến Than, tây bắc Quận Chơn Thành, Tỉnh Bình Long. Bộ Chỉ huy Tiểu đoàn 53 Pháo binh của Trung tá Hoàng... Thông. (chữ lót không nhớ) và các vị trí pháo đóng trong một căn cứ cũng nằm trên con đường chạy cặp theo sân bay, cách Bộ Chỉ huy Chiến Đoàn chừng 400 thước và cách Bộ Chỉ huy Quận và Chi Khu Lộc Ninh chừng 200 thước. Thiếu tá Nguyễn Văn Thịnh, Quận trưởng kiêm Chi khu trưởng có hai đại đội Địa Phương quân và hai Trung đội Nghĩa quân để lo an ninh cho Bộ chỉ huy của mình, không kể 4 đại đội Địa phương quân và các Trung đội Dân vệ khác trong toàn quận và chừng một Trung đội cảnh sát của Chi Cảnh sát Quận đóng ở khu vực Chợ Lộc Ninh.

Xa hơn về phía nam Lộc Ninh, khoảng 15

cây số là Sông Cần Lê nối liền Sông Sài Gòn và Sông Bé, với chiếc cầu Cần Lê bê tông cốt sắt vững chãi. Tại đây được phối trí một đại đội của Tiểu đoàn 2/9, một Pháo đội hỗn hợp 155 ly và 105 ly, một đại đội Công binh Chiến đấu và hai đại đội Địa Phương quân. Tất cả do Trung tá Nguyễn Văn Hòa chỉ huy. Phía bắc cầu Cần Lê, chừng bốn cây số, bên trái Quốc lộ 13 là Tỉnh lộ 17, bắt đầu từ Quốc lộ 13 chạy về hướng tây vào lãnh thổ Tây Ninh. Con đường này dài chừng 20 cây số. Khoảng hơn hai cây số từ lộ 13 đi về hướng Tây Ninh là Căn cứ Hùng Tâm gồm hai căn cứ nhỏ cấp tiểu đoàn nằm ở hai bên lề bắc và nam của Tỉnh lộ 17. Theo tin tức và theo yêu cầu của Tướng Hưng. Trung tướng Minh tặng phái cho SĐ5BB Chiến Đoàn 52 của SĐ18BB trong ngày 28, tháng 3, 1972, đóng ở hai căn cứ Hùng Tâm này. Chiến đoàn này gồm Tiểu đoàn 2 của Trung đoàn 52, Tiểu đoàn 1 của Trung đoàn 48 thuộc SĐ18BB, Đại đội Trinh sát của sư đoàn với bốn khẩu pháo 105 ly, hai khẩu 155 ly, và một Đại đội Công binh.

Phía nam Cầu Cần Lê chừng 9 cây số là Thị xã An Lộc, tỉnh lỵ của Tỉnh và Tiểu khu Bình Long. Đại tá Trần Văn Nhựt, Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng, là một cấp chỉ huy giàu kinh nghiệm tác chiến của Thủy quân Lục chiến, từng là Trung đoàn trưởng các Trung đoàn 43 và 48 của SĐ18BB. Cá nhân ông là một sĩ quan can trường, nhưng khiêm tốn, tế nhị, rất khéo xử thế và được sự mến chuộng của thượng cấp và thuộc cấp. Cổ vấn Hoa Kỳ rất khen ngợi ông, có lẽ cũng vì sự khéo léo của ông. Tại An Lộc, Đại tá Nhựt có khoảng hai Tiểu đoàn Địa phương quân và nhiều Trung đội Nghĩa quân và Dân vệ. Quân số tổng cộng dưới 2,000 người nhưng chia đóng ở nhiều nơi trong tỉnh. Tại tỉnh lỵ và vùng xã áp phụ cận, vùng Đồi Gió và Đồi 169 ở đông nam tỉnh lỵ, chỉ có

chừng 800 người, với vài chiếc thiết giáp cũ loại V100 và mấy Pháo đội hỗn hợp đại bác 105 ly và 155 ly. Tướng Hưng đặt Bộ Tư lệnh Hành quân nhẹ của SĐ5BB trong thị xã. Bên ngoài, cách thị xã về hướng tây bắc là căn cứ Charlie, nơi đóng Bộ chỉ huy Trung đoàn 7 của Sư đoàn. Hai Tiểu đoàn 2/7 và 3/7 với Đại đội Trinh sát 7 hoạt động xung quanh thị xã và khu vực tây bắc.

Hai đại đội của Tiểu đoàn 1/7 hoạt động hướng đông bắc và hai đại đội khác của tiểu đoàn này đóng ở căn cứ Quân Lợi, cách thị xã An Lộc chừng 7 cây số về hướng đông bắc. Tại đây còn có một đại đội Địa Phương quân và một đơn vị Lôi Hồ cấp đại đội. Căn cứ chính của Trung đoàn 7 vẫn còn ở Quận Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương với một số ít binh sĩ bảo vệ. Quận và Chi Khu Chơn Thành của Tỉnh Bình Long, ở phía nam An Lộc, chừng 30 cây số có hai đại đội Địa phương quân bảo vệ. Nam Chơn Thành chừng 30 cây số là Căn cứ Lai Khê, nơi đặt Bộ Tư lệnh chính của SĐ5BB, trong địa phận Quận Bến Cát của Tỉnh Bình Dương, cách tỉnh lỵ Bình Dương chừng 20 cây số.

Trung đoàn khác của SĐ5BB là Trung đoàn 8, với Bộ Chỉ huy Trung đoàn, một tiểu đoàn và Đại đội Trinh sát bảo vệ Căn cứ Lai Khê. Một tiểu đoàn đang thụ huấn tại Trung tâm Huấn luyện của Sư đoàn ở Bình Dương và một tiểu đoàn thứ ba đang hành quân ở Quận Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, nằm ở tả ngạn Sông Sài Gòn.

Từ đầu tháng 2, 1972, trong khu vực trách nhiệm của Chiến đoàn 9, các đơn vị của Chiến đoàn nhiều lần chạm súng với cấp tiểu đội hay trung đội quân CSBV ở vùng biên giới tây bắc, gần các mật khu của chúng vùng Lưỡi Câu ở vùng biên giới, hoặc dọc theo hành lang Sông

Saigòn --ranh giới giữa Bình Long và Tây Ninh, và bên ngoài mật khu Bến Than—phía tây Chơn Thành, đã hạ một số cán binh của chúng, phần lớn là thành phần cán binh trinh sát của hầu hết các Sư Đoàn chính qui CSBV & TWC/MN 5, 7, 9. Một số tài liệu tịch thu được trên các xác chết là các tài liệu học tập về “tấn công hợp đồng bộ binh, pháo binh và chiến xa vào thành phố”. Chúng tôi cũng phát hiện được một đơn vị cấp sư đoàn do Trung Ương Cục Miền Nam –TWC/MN (Bộ Tư lệnh MACV Hoa Kỳ thường gọi tổ chức này là COSVN, Central Office of South Vietnam) mới thành lập cho chiến trường Tây Ninh và Bình Long, đó là Sư đoàn Bình Long hay Sư đoàn C30B gồm Trung đoàn 271 -lấy cán bộ khung của Trung đoàn 271 Sư đoàn 9 chuyển qua- và các Trung đoàn 24, 205 và 207, hầu hết là cán binh từ Tây nguyên và miền Trung đưa vào. Từ các tin tức ở các tài liệu này, tôi trình Tướng Hưng trước tiên nên mở một cuộc hành quân vào Mật khu Bến Than, vùng phía bắc Liên Tỉnh lộ 13, nối Chơn Thành và Tây Ninh, cách Quận lỵ Chơn Thành về hướng tây chừng hơn 15 cây số. Lữ đoàn 1 Nhảy Dù được tăng phái cho SĐ5BB mở cuộc hành quân vào Bến Than trong tuần lễ thứ hai tháng 2, 1972. Kết quả tịch thu và phá hủy hơn 100 tấn gạo và lương thực, tịch thu hơn 1,000 vũ khí cá nhân và phá hủy nhiều tấn đạn dược của CSBV mới được chuyển từ các mật khu biên giới Miền vào tồn trữ ở đó.

Vào trung tuần tháng hai năm 1972, trong một cuộc hành quân thám sát ở vùng đồi thấp cách phía bắc Lộc Ninh chừng 5 cây số và ở hướng tây Quốc lộ 13 chừng hơn 3 cây số, Đại đội Trinh sát của Chiến đoàn 9 chạm súng với một tiểu đội quân Công sản Bắc Việt, bắn hạ 4 tên và bắt một cán binh mang súng ngắn và hai

cán binh khác. Các cán binh này được đưa về Biệt đội Quân báo Sư đoàn thẩm vấn. Chính tôi, lúc đó là Trưởng Phòng 2 Sư đoàn cũng trực tiếp tiếp xúc với các cán binh này. Được biết người cán binh mang súng ngắn là một sĩ quan của Bộ đội Bắc Việt, đã xâm nhập vào miền Nam trong hai năm trước, đầu tiên được bổ sung cho Sư đoàn Công trường 7 Bắc Việt, sau cùng được chuyển sang Tiểu đoàn Trinh Sát của Sư đoàn 69 hay 70 Pháo, trực thuộc TWC/MN.

Người sĩ quan trinh sát pháo binh Cộng sản này, cấp bậc Trung úy, khai rằng anh tháp tùng tên Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Trinh Sát Sư đoàn 69 Pháo của TWC/MN và hai sĩ quan khác với một tiểu đội cận vệ hôm đó đến vùng đồi phía tây lộ 13 là để điều nghiên các vị trí đặt pháo tiêu diệt căn cứ của Bộ Chỉ huy Chiến đoàn 9 Bộ binh đóng ở cuối sân bay Lộc Ninh, Bộ Chỉ huy Chi Khu Quận Lộc Ninh gần đó, và tiêu diệt căn cứ của Thiết đoàn I Kỳ binh thuộc Sư đoàn 5 Bộ binh và Tiểu đoàn 74 Biệt Động Quân biên phòng ở Ngã ba Lộc Tấn, và Căn cứ A, hay Alpha, trên Quốc lộ 13, nối liền với Quốc lộ 14A ở phía bắc Lộc Ninh, trong trận Tổng Công Kích sắp diễn ra. Trận Tổng Công Kích này sẽ lớn lao vì đơn vị của anh được học tập là sẽ hợp đồng tác chiến giữa “bộ binh, pháo binh và chiến xa vào thành phố.”

Người tù binh trinh sát này tỏ ra thành khẩn trong những lần tiếp xúc với tôi và khai báo căn kẽ về những gì tôi hỏi nhờ ở sự đối đãi nhẹ nhàng, cho ăn ngon, cà phê thuốc lá, và nhất là để ý thăm hỏi gia đình anh ở miền Bắc. Anh cho biết là Sư đoàn 69 Pháo TWC/MN đổi danh thành Sư đoàn 70 Pháo và từ cuối năm 1971 đã tiếp nhận thêm rất nhiều loại đại bác lớn với khối đạn dược lớn lao được chuyển từ Bắc Việt vào. Tuy nhiên, có hai câu hỏi quan

trọng mà anh không thể trả lời là ngày khai diễn chiến dịch quy mô của TWC/MN và các đơn vị chiến xa Bắc Việt sẽ tham chiến. Anh nói rằng theo kinh nghiệm thì sau khi đơn vị Trinh sát Pháo điều nghiên xong trận địa, thiết lập xong xa-bàn và nếu xa-bàn phối trí pháo được thông qua thì trận chiến sẽ khai diễn độ một tuần sau đó. Nhưng nay Tiểu đoàn trưởng Trinh sát Pháo của anh vừa chết và anh bị bắt nên không rõ TWC/MN sẽ có thay đổi gì hay không. Còn về các đơn vị chiến xa, thì anh không được biết và không nhìn thấy trong khu vực đóng quân của đơn vị anh hay vùng phụ cận, mà chỉ được biết qua học tập.

Không thể khai thác gì hơn và theo lệnh, tôi cho chuyển anh này về Trung tâm Thẩm vấn Tù binh Vùng III Chiến thuật. Sau đó anh này được đổi sang diện “hồi chánh”. Khi trận chiến An Lộc khai diễn được một tuần, anh Trung úy Trinh sát Pháo này mặc quân phục binh sĩ VNCH, mang súng lục, theo một cố vấn Hoa Kỳ từ Biên Hòa đến gặp thăm tôi ở Bộ Chỉ huy Hành quân của Sư đoàn tại An Lộc. Tôi kể rõ chuyện trên đây để chứng minh rằng chúng tôi không hề bị bắt ngờ về cuộc Tổng Công Kích Mùa Hè của lực lượng CSBV. Sự thực thì sự hiểu biết của người tù binh thành hồi chánh này rất hạn hẹp so với cục diện chiến trường diễn ra ở miền Nam trong “Mùa Hè Đỏ Lửa” 1972, vì tri quyền của một sĩ quan cấp nhỏ như anh không thể biết nhiều hơn.

Với vai trò phụ trách tình báo chiến trường của một đại đơn vị cấp sư đoàn, chẳng phải riêng tôi mà tất cả các Trưởng Phòng 2 các Sư đoàn Bộ binh của QLVNCH có trách nhiệm rất lớn đối với đơn vị và vị tư lệnh của mình. Riêng trách nhiệm của tôi đối với Tướng Hưng có phần nặng nề hơn, nhưng sự liên hệ gần bó hơn, vì lý do ông vừa là một thượng cấp đối xử

với tôi nghiêm minh nhưng không thiếu thân thiện như một người bạn. Từ sau cuộc hành quân của Lữ đoàn 1 Nhảy Dù vào Bến Than phá hủy các kho hậu cần quan trọng của TUW/MN trong nội địa tỉnh Bình Long, căn cứ vào lời khai của anh trung úy kể trên và hai tù binh khác của Sư đoàn 69 Pháo, cộng với những tài liệu tịch thu trước đó, trong tuần lễ thứ ba của tháng 3, tôi đã trình Tướng Hưng bản ước tính về chủ trương và khả năng của TUW/MN trong thời gian sắp tới của CSVN nhằm vào lãnh thổ trách nhiệm chiến thuật của SĐ5BB và QĐIII & V3CT. Về chủ trương, có 3 điểm cần được đặc biệt lưu ý.

1. Chắc chắn CSBV sẽ mở chiến dịch rất lớn vào QĐIII & V3CT, không rõ ngày giờ chính xác nhưng ước tính là đầu mùa hè. Đây là yếu tố quan trọng cần nỗ lực tìm hiểu thêm.

2. Cung từ của các tù binh Trinh sát Pháo của SĐ 69 Pháo TWC/MN và tài liệu học tập của các đại đơn vị CSBV thu được trên xác cán binh của chúng, đều nói rõ chiến dịch mới của TWC/MN là sẽ tấn công vào thành phố với lực lượng phối hợp bộ binh, pháo binh và chiến xa. Chúng tôi biết rõ về các đơn vị bộ binh của CSVN, trừ đơn vị mới thành lập là Sư đoàn Bình Long. Sư đoàn 69 Pháo đổi danh thành SĐ70 Pháo, được tăng cường trọng pháo và phòng không, tiếp nhận thêm đạn dược từ miền Bắc chuyển vào theo lộ trình đường thủy từ phía nam Thác Khone trên Sông Mékong thuộc Tỉnh Stung Treng và chuyển vào Sông Chllong thuộc Tỉnh Kratié trên lãnh thổ Miên. Đặc biệt về các đơn vị chiến xa thì chúng tôi hoàn toàn không biết gì. Tù binh

bắt được cũng không khai báo một chi tiết nào đáng kể, ngoài việc TWC/MN ra lệnh nghiêm ngặt cho tất cả đơn vị CSBV phải giữ đúng qui luật và giờ giấc tiếp nhận thiết bị,

quân dụng và đạn dược được chở bằng các loại phà di chuyển theo sông Mékong trên lãnh thổ Miên đến các bến đò hàng trên con sông Chllong này. Tất cả đại pháo, đạn dược và quân dụng pháo binh của Sư đoàn 69 Pháo binh TWC/MN đều nhận ở các bến đò hàng trên bờ Sông Chllong vào giờ giặc được ấn định cho mỗi đêm. Ban ngày tuyệt đối không có bất cứ hoạt động nào ở các bến đò hàng đó và cũng không lưu lại dấu tích nào của hoạt động trong đêm trước. Với chi tiết này tôi nghĩ có lẽ CSBV đưa chiến xa từ Bắc vào Nam theo Đường mòn Hồ Chí Minh qua Thác Khone rồi mới dùng phà nguy trang, từng chiếc một, theo Sông Mékong vào cập ở các bến trên Sông Chllong mỗi đêm trong một thời gian ít nhất là hai ba tháng trước “ngày D” của chúng và ém giấu trong các hầm đào dọc theo con sông này. Vì vậy, nên trong suốt thời gian hơn một tháng sau khi thăm vấn các tù binh SĐ 69 Pháo, tôi đã vận dụng tất cả phương tiện sưu tầm để tìm chiến xa của CSVN, hay ít nhất những chỉ dấu nào đó về sự hiện của chiến xa, như ống dẫn dầu, hay vết xe lăn, trên lãnh thổ Miên gần biên giới, như không thám, không ảnh, hoặc thả các toán viễn thám nguy trang như cán binh trinh sát địch nhiều lần trên bờ Sông Chllong, kể cả sử dụng nhân viên mật và mật báo viên theo các xe be khai thác các gỗ quý ở các khu rừng trên lãnh thổ Tỉnh Kratié của Miên để sưu tập các loại tin tức đó, nhưng đều vô ích. Không tìm được dấu vết nào. Biên giới Việt-Miên trong vùng rừng núi cuối dãy Trường Sơn phía bắc hai tỉnh Phước Long và Bình Long thông lên Kratié có rất nhiều đường rừng và nhiều chiếc cầu do các chủ xe be kéo gỗ bắt qua ngách, ngòi, suối nhỏ trong rừng. Xe be kéo gỗ súc qua lại được thì chiến xa loại nặng cũng di chuyển được. Điều này làm tôi rất bận tâm, nhưng tôi không còn cách nào hơn. Tuy vậy,

tôi vẫn tin vào giả thuyết của tôi là chiến xa CSBV được chở bằng phà từng chiếc trong nhiều đêm và đổ vào vùng Sông Chllong trong lãnh thổ Tỉnh Kratié và ém quân cất giấu trong vùng này. Lúc đó, chúng tôi không còn được sử dụng Không quân đánh bom trên lãnh thổ Miên. Tuy nhiên tôi đánh dấu tất cả các cầu xe be bắt qua suối, rạch, ngòi trong rừng từ biên giới đò lên Kratié để khi cần sẽ đánh bom triệt cầu khi cuộc chiến diễn ra.

3. Tuy không rõ ngày giờ CSVN khai diễn chiến dịch rộng lớn vào lãnh thổ QĐIII & V3CT và không tìm được dấu vết chiến xa, nhưng tôi vẫn tin tưởng một chiến dịch như vậy sẽ có thể bắt đầu vào cuối mùa xuân đầu mùa hè, 1972. Phòng 2 QĐIII cũng ước tính như vậy. Phòng II/BTTM cũng cho biết ở khắp cả bốn Vùng Chiến Thuật đều có những chỉ dấu của một cuộc tấn công toàn diện và cũng không rõ ngày N, giờ G, tức là ngày giờ chính xác của chiến dịch rộng lớn sắp đến. Riêng tại QĐIII & V3CT, tôi trình Tướng Hưng là CSVN sẽ mở chiến dịch qui mô với ý định chiếm một trong hai tỉnh Bình Long hoặc Tây Ninh để ra mắt Chính Phủ Lâm Thời Miền Nam Việt Nam CPLT/MN/VN (Provisional Revolutionary Government of South Vietnam - PRG, hoặc PRGSV)- của nhóm Nguyễn Hữu Thọ, Trịnh Đình Thảo, Huỳnh Tấn Phát v.v...) do Hồ Chí Minh và Đảng CSVN dựng lên ở miền Nam trước đây. Sự ra mắt của CPLT/MNVN là cần thiết cho CSVN trong Hội Nghị giải quyết chiến cuộc Việt Nam và cuộc “mật đàm” giữa Kissinger và Lê Đức Thọ, đang diễn ra ở Paris. Về vấn đề này, câu hỏi được đặt ra là giữa hai tỉnh Bình Long và Tây Ninh tỉnh nào là “điểm” và tỉnh nào là “diện” trong chiến dịch sắp tới của chúng?

Theo ước tính của tôi, căn cứ trên các yếu

tổ địa lý nhân văn, Bình Long sẽ là mục tiêu chính mà CSVN muốn chiếm để cho ra mắt CPLT/MN/VN. Vì vậy Bình Long sẽ là “điểm” của trận chiến sẽ diễn ra. Tây Ninh sẽ chỉ là “diện”. Lý do chính là thành phần quần chúng, tức cư dân của mỗi tỉnh có sự chênh lệch rõ rệt về văn hóa và tôn giáo. Tỉnh Bình Long là tỉnh mới được thành lập sau này dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa. Tỉnh gồm có 3 quận: Lộc Ninh ở phía bắc, An Lộc ở giữa và Chơn Thành ở phía nam. Tổng số cư dân chừng trên dưới 60,000 người, đa số là dân từ tứ phương đến, trừ một số chừng 4%, hay 5,000 người, thuộc sắc tộc thiểu số Stiêng. Hơn 75% là công nhân làm cho các đồn điền cao-su của người Pháp ở Lộc Ninh, Quản Lợi, Xa Cam, Xa Cát, và Xa Trạch. Chừng 10% là dân buôn bán. Số còn lại là quân nhân, công chức chính phủ và gia đình họ. Về địa thế, tỉnh Bình Long nằm trên trục lộ giao thông chính là Quốc lộ 13. Trên lãnh thổ Miên, QL-13 giao điểm với lộ 7 ở Snoul, từ đó trở về hướng nam qua biên giới, đổ vào thị trấn Lộc Ninh, qua thành phố tỉnh lỵ An Lộc, xuống thị trấn Chơn Thành, kéo dài qua quận lỵ Bến Cát của tỉnh Bình Dương và chấm dứt ở thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh lỵ của tỉnh này. Trong lãnh thổ Việt Nam, QL-13 nằm giữa hai dòng sông khá rộng là Sông Saigon ở hướng tây và Sông Bé ở hướng đông; cách khoảng chừng 15 đến 18 cây số ở mỗi hướng, xuyên suốt từ biên giới đến lãnh thổ Bình Dương. Những đồn điền lớn kê trên nằm giữa hai dòng sông và trên trục lộ giao thông chính này. Phía tây bắc và đông bắc thị trấn Lộc Ninh là vùng rừng có nhiều loại gỗ quý, thân cây gốc khá to và mọc cách khoảng nhau từ 4, 5 thước. Như vậy, chiến xa cũng di chuyển dễ dàng và cũng dễ ẩn nấp tránh được quan sát không thám. Kratié, một tỉnh Miên nằm ở phía bắc hai tỉnh Phước Long và Bình Long là sào huyệt chính của TWC/MN sẽ đặc

biệt trực tiếp chỉ huy chiến dịch sắp đến. Nếu CSVN chọn Bình Long làm “điểm” thì sự chỉ huy và yểm trợ hậu cần cho chiến trường của TWC/MN sẽ thuận lợi và dễ dàng hơn.

Ngược lại, Tây Ninh cùng biên giới với tỉnh Sway-Riêng của Miên ở khu Mỏ Vẹt, trước tháng 4, năm 1970, là vùng căn cứ địa quan trọng của CSVN, nơi tồn trữ hậu cần với các kho tàng tiếp liệu vũ khí của CSVN chuyển từ miền Bắc vào trong nhiều năm trước, nhưng sau những cuộc hành quân ngoại biên qui mô thời Trung tướng Đỗ Cao Tít làm Tư lệnh QĐIII & V3CT cho đến tháng 2, 1971, những căn cứ địa này đã bị hoàn toàn phá hủy, chúng chưa đủ thời gian tái lập ngoại trừ những căn cứ trên lộ 7, vùng ngoài biên giới trên lãnh thổ Miên, phía bắc xa tỉnh lỵ Tây Ninh. Nếu tấn công lớn với chiến xa thì quân CSVN chỉ tiến từ hướng này đến trên trục lộ 22 vào tỉnh lỵ, còn hướng tây và tây nam vào mùa hè đồng cỏ khô, hoặc đầm lầy, địa thế trống trải khó tránh tổn thất lớn bởi các cuộc không tập của KQVN. Nhưng quan trọng nhất là yếu tố nhân văn với thành phần quần chúng đông gấp bốn lần so với Bình Long, với hơn 70% cư dân là tín đồ Cao Đài đã từng có một lực lượng võ trang lớn chống Cộng Sản từ những thập niên 1940 và 1950. Quần chúng ở đây, theo truyền thống, vẫn còn chống CS mạnh mẽ. Vả lại, cư dân lập nghiệp và sinh sống ở vùng đất lịch sử này từ nhiều thế hệ trước, khi Tây Ninh còn là vùng đất Trán Biên từ thời Chúa Nguyễn khai phá đất đai miền Nam và bình phục đất Chùa Tháp. Giả sử CSVN đánh chiếm được Tây Ninh thì cũng không chiếm được lòng người dân. Hơn nữa, nếu đánh nhau lớn sẽ không tránh khỏi sự tàn phá Thánh thất Cao Đài, sẽ gieo niềm oán hận lớn trong đa số quần chúng tín đồ Cao Đài. Vậy, trong chiến dịch lớn tới của CSVN, Tây Ninh chỉ là “diện”. Bình Long sẽ là “điểm”, là

mục tiêu chính mà CSVN sẽ tấn chiếm.

Trung tướng Nguyễn văn Minh, Tư lệnh QĐIII & V3CT, tin tưởng và dựa trên ước tính này phối trí lại lực lượng, chú trọng vào việc tăng cường lực lượng cho SD5BB của Tướng Lê văn Hưng. Lữ đoàn 1 Nhảy Dù được tăng phải phối trí ở Quận Chơn Thành và mở cuộc hành quân và mật khu Bến Than. Chiến đoàn 52 của SD18BB tăng cường và phối trí ở hai căn cứ Hùng Tâm, tây bắc cầu Cần Lê ở An Lộc, như trình bày ở phần trên.

Một nhầm lẫn mà đến nay còn chưa giải tỏa là khi trận chiến An Lộc diễn ra, tác giả của một số tài liệu báo chí, tập san Việt ngữ ở Hoa Kỳ đều cho rằng Đại tá Lê Nguyên Vỹ là Tư lệnh phó của Tướng Lê văn Hưng. Điều này không đúng. Thực ra Đại tá LNV (sau này lên cấp Chuẩn tướng, Tư lệnh SD5BB, tuân tiết ngày 30/4/1975) lúc đó là Phụ tá Hành quân của Trung tướng Nguyễn văn Minh. Như tôi đã trình bày, vì không hợp tính với Tướng Hưng nên Đại tá V. đã được Tướng Minh đưa về Bộ Tư lệnh QĐIII & V3CT từ mấy tháng trước. Đến khi chấp nhận ước tính của Trung tá Trần văn Bình, Trưởng Phòng 2 QĐIII & V3CT và của tôi là CSBV sẽ chọn Bình Long làm “điểm” tấn chiếm trong chiến dịch lớn sắp diễn ra, Trung tướng Nguyễn văn Minh dự định dời Bộ Tư lệnh Hành Quân (hay Bộ Tư lệnh Tiền phương) của Quân Đoàn, lúc đó đang đóng ở tỉnh lỵ Tây Ninh lên An Lộc, nên đưa Đại tá LNV và toán tiền thám – quân đội Pháp thường gọi là “élément précurseur”- và một Trung đội Công binh lên thị xã An Lộc để chuẩn bị cơ sở chỉ huy, tức Bộ Tư lệnh Tiền phương của Tướng Minh sẽ dời từ thị xã Tây Ninh sang thị xã An Lộc, Bình Long.

Nơi mà Đại tá V. cho tu bổ và chỉnh đốn trong thị xã tỉnh lỵ An Lộc là một dãy nhà ngói

tường đúc xoay mặt ra đại lộ Nguyễn Huệ, một biệt thự nhỏ nằm phía sau dãy nhà này và một địa đạo ngầm, khá rộng, bên dưới sân sau biệt thự. Kiến trúc nổi và khu hầm ngầm này nằm trong khuôn viên của mảnh đất rộng rào kẽm gai, trong khu vực hành chánh của thị xã, sát cạnh Toà Hành Chánh của Tỉnh Bình Long. Cơ sở này trước đó là nơi trú đóng bộ chỉ huy của một đơn vị Lực lượng Đặc biệt.

Khi trận An Lộc diễn ra thì Bộ Tư lệnh Hành Quân của Tướng Minh chưa dời vào An Lộc. Đại tá LNV còn bị kẹt ở lại đó. (Và khi Bộ Tư lệnh Hành Quân nhẹ của SD5BB, ở một địa điểm khác trong thị xã, bị pháo kích dồn dập trong ngày khởi đầu của trận chiến, thì chính Đại tá V. và Bộ Tham mưu của Sư đoàn đề nghị với Tướng Hưng dời Bộ Tư lệnh của ông sang địa đạo ngầm nói trên. Và vì vậy, suốt trận chiến, CSBV không biết được Bộ Tham mưu của Tướng Hưng ở đâu trong thị xã. Có lần cả một tiểu đoàn quân của chúng chỉ cách bộ chỉ huy mới này có một con đường, tấn công dữ dội, nhưng chúng không biết đã tấn công vào đơn vị nào của quân phòng thủ. Hai xe tăng loại T. 54 cũng chạy qua Bộ Tư lệnh Hành Quân mới và khi quay trở ra, bị Đại tá Vỹ bắn một chiếc. Pháo thì suốt ba tháng phá nát cơ sở của bộ tư lệnh hành quân cũ, ngang dinh Tỉnh trưởng, và gần như san bằng thành phố nhưng không một quả nào rớt đúng hầm ngầm cơ sở chỉ huy mới của Tướng Hưng.)

Cũng trong ước tính trình Tướng Hưng, sau khi biết rõ trận liệt về lực lượng CSBV ở bên ngoài biên giới có thể sử dụng trong chiến dịch sắp đến gồm các đại đơn vị cũ như Sư đoàn 5, 7, và 9, kể cả Trung đoàn 429 Đặc công, cũng như sự cải biến của Sư đoàn 69 Pháo và sự thành lập Sư đoàn Bình Long. Mặc dù không tìm được dấu vết về các đơn vị chiến xa, tôi

cho rằng TWC/MN có hai khả năng chiến thuật tấn công tỉnh Bình Long vì tổng số lực lượng của chúng ước lượng từ 40,000 đến 45,000 quân tác chiến, cả bộ lẫn pháo.

Giả thuyết về khả năng thứ nhất là chiến thuật “Tập Tấn”, có nghĩa là tập trung lực lượng lớn đánh chiếm tuần tự các trọng điểm nằm trên trục lộ 13 ở phía bắc tỉnh Bình Long trước, sau đó sẽ tập trung lực lượng dứt điểm chiếm tỉnh lỵ hay thành phố An Lộc. Nếu áp dụng chiến thuật này, CSBV sẽ dùng một sư đoàn bộ binh tấn công các lực lượng của SĐ5BB trên đoạn phía bắc trục lộ 13 như Tiểu đoàn 74 Biệt động quân Biên phòng và Thiết đoàn 1 Kỵ binh ở căn cứ A, hay Alpha, và Ngã ba Lộc Tấn đồng thời tấn công Tiểu đoàn 1/9 ở Quận lỵ Bồ Đức trên trục lộ 14A. Trong lúc đó, dùng một sư đoàn bộ binh và chiến xa tấn công Bộ Chỉ huy Chiến đoàn 9, Tiểu đoàn 53 Pháo binh và Bộ Chỉ huy Chi khu Lộc Ninh đóng dọc treo con đường cạp theo sân bay trong quận lỵ Lộc Ninh. Các đơn vị CSBV này sẽ được Sư đoàn 70 Pháo cải danh yểm trợ đập pháo vào các đơn vị của SĐ5BB nói trên trước khi tấn công như lối đánh sở trường “tiền pháo hậu xung” của chúng. Một sư đoàn bộ binh thứ ba sẽ phục kích chặn viện trên trục lộ 13, đoạn phía bắc Cầu Cần Lê và phía nam thị xã Lộc Ninh, và một trung đoàn khác phục trên trục lộ 14A giữa Ngã ba Lộc Tấn và quận lỵ Bồ Đức, đồng thời kèm chế bằng pháo binh hay tấn công bằng đặc công vào sân bay Quản Lợi để cắt tuyệt đường tiếp viện không vận từ Sài Gòn lên Bình Long. Sư đoàn 70 Pháo cũng sẽ yểm trợ các đơn vị pháo phòng không cho các đại đơn vị bộ binh của chúng và bắn pháo vào An Lộc để kèm chế hoạt động của SĐ5BB. Việc tấn công có phối hợp chiến xa không đủ yếu tố xác định nhưng có thể có vì tất cả tài liệu của chúng bắt được và cung từ tù binh đều nói đến.

Sau khi dứt điểm xong quận Lộc Ninh, TWC/MN sẽ dồn hai sư đoàn bộ binh, đơn vị Đặc Công và Sư đoàn Pháo tấn công chiếm An Lộc trong khi một sư đoàn khác sẽ phục kích chặn viện trên trục lộ 13, phía nam đồn điền cao su Xa Trạch và bắc Chơn Thành. Lai Khê cũng sẽ bị tấn công đặc công và pháo kích.

Giả thuyết về khả năng thứ hai là, TWC/MN có thể áp dụng chiến thuật “Tàn Tấn”, hoặc phân tán lực lượng tấn công cùng một lúc ba nơi chính là Lộc Ninh, An Lộc và Lai Khê.

Mũi tấn công thứ nhất vào Lộc Ninh gồm một sư đoàn bộ binh tăng cường pháo binh nặng, phòng không và một tiểu đoàn đặc công chia làm hai cánh quân, một tấn công Bộ Chỉ huy Chiến đoàn 9, Tiểu đoàn 53 Pháo binh và Bộ Chỉ huy Chi Khu và chiếm thị trấn Lộc Ninh.

Cánh thứ hai tấn công Thiết đoàn 1 Kỵ binh và Tiểu đoàn 74 Biệt Động quân Biên phòng ở Căn cứ A và Ngã ba Lộc Tấn. Các căn cứ này, kể cả Tiểu đoàn 1/9 ở quận lỵ Bồ Đức sẽ bị pháo giập nát trước khi bị tấn công bằng bộ binh. Mũi tấn công thứ hai vào thị xã An Lộc, cũng là tỉnh lỵ Bình Long, lúc đó chỉ có hai tiểu đoàn của Trung đoàn 7 của SĐ5BB hành quân bên ngoài thị xã. Lực lượng Tiểu khu chỉ có hai đại đội Địa phương quân trấn đóng trên Đồi Gió và Đồi 169 ở đông nam thị xã và chừng hai đại đội khác ở bên trong thị xã, giữ Bộ Chỉ huy Tiểu khu. Mũi tấn công này của quân CSBV có thể gồm một sư đoàn bộ binh tăng cường thêm một trung đoàn của sư đoàn bộ binh khác, hai trung đoàn pháo nặng, phòng không và hai tiểu đoàn đặc công. Một cánh quân nhỏ chừng cấp tiểu đoàn tấn công hay phục kích các đơn vị VNCH đóng ở sân bay và đồn điền Quản Lợi. Thị xã An Lộc có thể bị

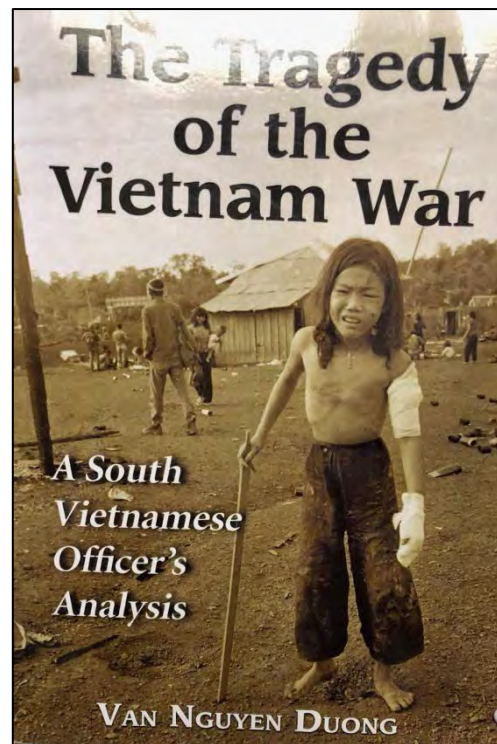
pháo giập nát trước khi bị tấn công bằng bộ binh. Mũi tấn công thứ ba nhắm vào căn cứ chính của SĐ5BB ở Lai Khê.

CSBV chỉ cần một tiểu đoàn đặc công đánh phá hủy các kho tàng tiếp liệu và đạn dược đồng thời một đơn vị Pháo kích dữ dội và căn cứ. Một đơn vị cấp trung đoàn bộ binh tăng cường pháo phòng không đóng chốt chặn viện ở trên trục lộ 13, đoạn phía bắc Chơn Thành. Pháo kích vào Bộ Tư lệnh QĐIII & V3CT ở Biên Hòa và phi trường chiến lược Biên Hòa.

May mắn là khi chiến dịch Nguyễn Huệ của CSBV khai triển vào lãnh thổ QĐIII & V3CT với mục đích đánh chiếm Bình Long chúng đã không dùng chiến thuật “Tấn Tấn” trái lại chúng chọn chiến thuật “Tập tấn” vào Lộc Ninh trước rồi mới tập trung bôn tập xuống tấn công An Lộc, thị xã tỉnh lỵ của Bình Long.

Nếu chúng chọn khả năng thứ hai, hay chiến thuật “đánh tản” phối hợp chiến thuật “dương đông kích tây”(tức là tấn công với cường độ vừa phải vào Tây Ninh và cùng một lúc tấn công dứt điểm vào An Lộc) liên tục trong ba ngày đêm liền, nhất là khi chúng có thêm chiến xa, chắc chắn lực lượng VNCH ở QĐIII & V3CT sẽ rối loạn, không điều quân kịp, đến ngày thứ ba chúng sẽ chiếm được An Lộc như mong muốn. Lúc đó ván đã đóng thuyền, QLVNCH muốn tái chiếm cũng không còn đủ lực lượng, và nếu kéo tất cả đại đơn vị trừ bị Dù, Thủy quân Lục chiến và Biệt Động Quân từ các nơi khác về để bảo vệ Thủ đô Saigon đang rung động, thì sẽ mất luôn Kontum và Quảng Trị. Nếu QLVNCH đem hai sư đoàn từ miền đồng bằng Sông Cửu Long lên, miền Tây sẽ rối loạn. Yếu tố “tốc chiến tốc thắng”, lúc đó, các tướng lãnh CSBV đã không

nghĩ đến, dù là Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng hay Trần văn Trà kể cả Quân Ủy Trung ương hay Bộ Chính Trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam (Đảng Lao Động). Lý do duy nhất để giải thích có lẽ vì các tướng Bắc Việt quá tin tưởng vào khả năng phòng không với các loại hỏa tiễn mang vai SA-7 và các loại súng phòng không tối tân, sự tàn phá kinh khủng của đại pháo hủy diệt tầm xa và di động và sự xung kích dữ dội của chiến xa tối tân như T-54 và PT-76 của Liên xô nên bỏ lối “đánh tản” sơ trường mà xoay ra dùng chiến thuật “đánh tập”, như lối đánh thí quân “biển người” của Trung Cộng, nên đã chuốc lấy thất bại ở An Lộc. Từ đó chúng đã hoàn toàn thất bại trong chiến dịch mùa Hè năm 1972. Đáng lẽ các tướng Bắc Việt phải biết hỏa lực của Không Quân Hoa Kỳ rất hùng hậu và QLVNCH đã trưởng thành, rất kiên cường. Dùng chiến thuật đánh “thí thân” là thua...



(Trích đăng)

Vì Sao Chợt Tắt

Viết cho một người nằm xuống

Nhạc sĩ: NGUYỄN VĂN ĐÔNG

TRANG LUÂN

Gần đây anh có nghe tin gì ở Việt Nam không!”

“Cả tuần lễ nay tôi bận quá nên chẳng có thì giờ để theo dõi tin tức! Còn anh! Chắc anh có nhiều tin mới lạ lắm thì phải!”

“Có chứ! Nhiều lắm. Nhưng! Sốt dẻo nhất vẫn là tin nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông mới vừa qua đời ở Sài Gòn.”

“Anh nghe tin này ở đâu vậy!”

“Cần gì phải nghe ở đâu anh! Tôi cứ vào youtube thì chuyện gì mà chẳng có ở trong đấy.”

Anh bạn tôi ngừng lại vài giây rồi nói tiếp:

“Theo người nhà cho biết, ông ra đi rất nhẹ nhàng, êm ả. Ông trút hơi thở cuối cùng tại bệnh viện Chợ Rẫy vào lúc 4 giờ 30 ngày 26 tháng 2 năm 2018. Hưởng thọ 86 tuổi.”

Đấy là lời của anh bạn nói với tôi như thế. Cái tin đến thật quá đột ngột, quá bất ngờ. Cái tin làm cho tôi giật mình, ngẩn ngơ rồi ngồi thừ ra, bất động ở trên ghế. Tôi thầm gọi tên ông. Nguyễn Văn Đông. Ba chữ Nguyễn Văn Đông hầu như gắn bó, dính chặt với những tuyệt phẩm nổi tiếng của ông, tiêu biểu như Khúc Tình Ca Hàng Hàng Lốp Lốp, Nhớ Một Chiều Xuân, Chiều Mưa Biên Giới, Mấy Dặm Sơn Khê, Phiên Gác Đêm Xuân, Sắc Hoa Màu Nhớ, Hải Ngoại Thương Ca.

Những nhạc phẩm nói trên đã thấm sâu vào tâm khảm của mọi tầng lớp khán giả ở miền

Nam. Ông không những là sĩ quan cao cấp trong Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, mà cũng là một tên tuổi lớn của nền âm nhạc ở miền Nam trước năm 1975. Ông đã ra đi. Thật sự đã ra đi. Nhắm mắt, xuôi tay, bỏ lại cái quê hương tạm bợ đầy muộn phiền, cay đắng này, để bước sang cuộc hành trình lạ lắm, mới mẻ khác! Cuộc hành trình đi về với thế giới huyền ảo, xa xăm. Cái thế giới của an hòa, của vĩnh phúc. Cửa hư vô, của vĩnh cửu. Cái thế giới mà ở đấy chỉ thấy toàn là những hoa thơm, cỏ lạ cùng tiếng nhạc khúc trầm bổng, réo rắt tấu lên bản trường ca bất tận.

Sự ra đi của ông, đã để lại cả cõi trống vắng cùng vô vàn nỗi tiếc thương cho người bạn đời từng sát cánh bên ông. Từng san sẻ với ông qua những ngọt, bùi, đắng, cay, tê tái ở tại đời sống này. Bỏ lại cả bạn bè. Cả họ hàng, thân thuộc cùng biết bao nhiêu lớp người đã mến mộ ông, qua những nhạc phẩm giá trị, sâu sắc mà ông đã để lại cho cõi trần thế đầy muộn phiền, chua chát này.

Từ khi nghe tin ông nằm xuống, chẳng ngày nào mà không thấy E Mail hiện lên ở trên máy! Ngày nào cũng có mấy dòng phân ưu cùng ít lời chia buồn dành cho gia đình, và không quên, cầu chúc cho ông, sớm được về với chốn bồng lai tiên cảnh. Vào youtube, anh sẽ thấy, còn có rất nhiều bài viết nói về ông, ca tụng ông, cho ông là tấm gương sáng, là người lính nặng nợ với núi sông. Người nghệ sĩ với tay

súng, tay đàn. Ngoài ra, người ta còn đề cập đến cả về sự nghiệp quân sự sáng giá của ông. Những thành tựu rực rỡ trong lãnh vực âm nhạc, cũng như cuộc sống thắm lặng mà ông đã khép kín trong suốt ba mươi mấy năm vừa qua ở tại quê nhà. Đặc biệt hơn nữa, có người còn dí dỏm, ví ông là kẻ sĩ trong giai đoạn đầy oan khiên, bi thảm, phần uất của lịch sử đất nước. Xuyên qua những tác phẩm đề đời, người ta còn nhận định, cho rằng, ông bị ảnh hưởng bởi các áng thơ cổ. Bởi sĩ khí của cụ Nguyễn công Trứ, của Đặng Trần Côn trong Chinh Phụ Ngâm Khúc. Anh bạn tôi còn dặn đi, dặn lại: Về nhà, anh nhớ lên internet rồi vào youtube, anh sẽ thấy được trọn vẹn cái đám tang của người nhạc sĩ đáng kính này. Cái đám tang khiến cho nhiều người ở trong nước, cũng như ở ngoài nước, đều không dấu được vẻ bàng hoàng, sửng sốt và ngay đến cả ông bạn hàng xóm với tôi cũng còn phải thốt lên:

“Quả thật! Tôi không ngờ, cái đám tang của ông Đại Tá Nhạc Sĩ này lại đông đến như vậy.”

Chờ cho anh bạn nói dứt, tôi mới mạnh dạn lên tiếng hỏi anh:

“Theo anh, trong cái đám tang này, điểm nào anh cho là nổi bật nhất, đáng nói nhất, đồng thời cũng gây ra sự chú ý cho nhiều người nhất!”

Anh ta đáp chẳng cần suy nghĩ:

“Đấy chính là mấy anh em cựu quân nhân. Mấy thương phế binh cùng số đàn em học cùng trường với ông ở Vũng Tàu. Họ xếp thành hàng ngang ở trên vỉa hè. Đứng nghiêm trong tư thế chào tay để tiễn biệt người đàn anh đáng kính của họ đã ra đi. Hình ảnh đó, ai nhìn vào mà không cảm động, hở anh! Cảm động trước cái tình nghĩa cao đẹp của người lính Cộng Hòa trước đây ở miền Nam. Nói như thế, thì quả thật vẫn chưa đủ! Hình ảnh ấy đã khiến cho dòng người đang di chuyển ở trên đường, đều

không dấu được vẻ bùi ngùi, thương tiếc anh ạ. Đặc biệt nhất, là trên khuôn mặt của từng người, tôi nhận ra có sự thán phục, hẳn lên ở trong đấy. Còn riêng về phần gia đình, thì đó là cả một niềm hãnh diện vô biên. Một sự an ủi quá to tát, quá lớn lao. Phải không anh!”

“Cái đám tang không hẹn mà tới. Cái đám tang đầy ắp, chỉ thấy người với người, chen chúc nhau từ trong nhà ra tới ngoài đường. Cái đám tang diễn ra trong bầu không khí đầy trang nghiêm và xúc động. Càng xem, tôi lại càng thấy mình bị cuốn hút, hòa nhập vào với dòng người lũ lượt ở trong đấy. Hầu hết, người nào, người nấy đều không dấu được vẻ ngỡ ngàng, sửng sốt anh ạ! Tiện đây, tôi cũng chẳng dấu điểm gì anh! Ngay đến bản thân tôi đây cũng vậy. Tôi đã phải dơ tay lên dụi mắt đến cả hàng mấy lượt nữa là chẳng khác! Trong khi bánh xe lịch sử đã chìm sâu, xoáy mòn vào năm tháng, tính ra cũng đã ngoài bốn mươi mấy năm rồi còn gì nữa! Nhưng! Người dân ở trong nước vẫn còn dành riêng cho ông, đầy ắp những tình cảm quá nồng nàn, quá sâu đậm được thể hiện rõ nét trong cái đám tang này. Chắc anh cũng đồng ý với tôi, đấy là cả một trường hợp hi hữu và hiếm hoi, phải không anh! Chẳng những ông là vị đại tá. Là sĩ quan cao cấp của chế độ miền Nam trước đây. Một sĩ quan từng bị đi tù. Bị lãng nhục. Bị ngược đãi. Bị đầy đọa từ thể xác cho tới tinh thần. Bị dán cho cái nhãn hiệu là *nguy quân*, *nguy quyền*. Bị gán ghép cho cái tội, là làm tay sai cho ngoại bang. Cái tội có nợ máu với tổ quốc và nhân dân. Cuối cùng, rồi sự thật cũng phải trở về với sự thật. Điều đó, không ai có thể nào chối cãi được! Cho dù chế độ bạo quyền hiện nay ở trong nước có cố tình bôi nhọ. Cố tình bưng bít hoặc bẻ cong, bóp méo lịch sử đến thế nào đi chăng nữa! Nhưng! Đứng trước kỹ nghệ thông tin quá hiện đại, quá bén nhạy, tinh xảo như ngày nay, nhà nước Việt Nam khó có thể bịt mắt, che đậy được

người dân như mấy chục năm về trước nữa! Và lại! Đối với thế hệ trẻ hiện đang còn sống ở trong nước, họ đều tỏ ra quan tâm, tìm hiểu về thực chất của nền tự do, dân chủ ở miền Nam. Từ đó, họ đưa ra khái niệm đánh giá và so sánh, đồng thời dẫn tới kết luận chính xác hơn, cho đây là chế độ hoàn hảo và tốt đẹp. Một chế độ đã đáp ứng đúng với những nguyện vọng thiết tha của toàn dân. Ở đây, đã sản sinh ra biết bao nhiêu là nhân tài. Biết bao nhiêu là anh hùng, hào kiệt, đã tận tụy hiến trọn cả đời mình cho quê hương và dân tộc. Nhìn vào đám tang của nhạc sĩ Nguyễn văn Đông, nhà cầm quyền hiện nay ở trong nước sẽ nghĩ gì! Nghĩ gì! Chắc chắn, họ sẽ cảm thấy hoa mắt, chóng mặt, rồi tỏ ra thái độ hần học, tức tối, bùng lên ở trong não.

Trước đây, tôi hoàn toàn chẳng biết chút gì về ông! Tôi chưa hề gặp mặt hoặc tiếp xúc với ông ở ngoài đời. Tôi chỉ nghe loáng thoáng đến tên tuổi ông qua các làn sóng của đài phát thanh Sài Gòn, cũng như đài Tiếng Nói Quân Đội vào thời điểm lúc bấy giờ. Bất chợt, tôi chợt nhớ tới chuỗi ngày tháng ở Chí Hòa, tôi có nghe người ta xầm xì, bàn tán rất nhiều về ông. Người ta còn cho biết, ông mới vừa được đưa lên từ trại tù Suối Máu ở Tân Hiệp. Ông bị ghê lở. Bị đủ các chứng bệnh nan y dấy xéo lên thể xác ông. Ngày ấy, tôi chẳng biết đích xác ông ở khu nào! Dãy nào! Tầng trên hay ở tầng dưới. Tôi đều hoàn toàn không biết! Tôi chỉ mập mờ, đoán chừng, có lẽ ông đang ở chung phòng hoặc cùng dãy với mấy ông bộ trưởng thì phải.

Cứ mỗi lần nhắc đến khám lớn Chí Hòa, thì y như, tôi lại cảm thấy rùng mình, ớn lạnh cả xương sống. Ngôi nhà tù khét tiếng, lâu đời và được mô tả là lớn nhất ở vùng Đông Nam Á. Nó được chia ra làm tám khu, đồng thời được xây cất theo hình thù của bát quái trận đồ. Nói tới Chí Hòa, thì người ta lại liên tưởng ngay đến nhiều giai thoại rùng rợn về ma quái. Đến

hệ thống canh gác rất nghiêm ngặt. Đến đây thắp canh đứng sừng sững, uy nghi cùng bức tường thành kiên cố bao bọc ở chung quanh. Cho đến thời điểm này, đã bốn mươi mấy năm trôi qua. Nhưng! Tôi vẫn còn nhớ, có dạo, Chí Hòa đã phải trải qua tai họa khủng khiếp, rùng rợn bởi dịch bệnh kiết lỵ. Ngày đó, có người ở chung phòng nói với tôi, thấy ông nằm bất động, thoi thóp ở dưới bệnh xá. Thân hình ông tiều tụy, khẳng khiu, tưởng chừng như khó có thể nào vượt qua được ngưỡng cửa của tử thần. Anh ta còn tỉ tê kể cho tôi nghe:

“Anh cứ thử nghĩ xem. Kiết lỵ là căn bệnh nguy hiểm và hay lây. Căn bệnh ngặt nghèo, quái ác. Ấy thế mà tiêu chuẩn của mỗi bệnh nhân như chúng tôi, chỉ vòn vẹn có vài viên xuyên tâm liên cộng với nửa ly nước ổi, thì thử hỏi, làm sao chúng tôi có thể sống nổi!”

Thời gian cứ lạnh lùng trôi qua, kéo theo biết bao nhiêu sự thay đổi phũ phàng, dòn dập vào năm tháng. Kể từ ngày tôi rời khỏi Chí Hòa cho đến nay, tôi chẳng còn nghe thấy tin tức gì về ông! Thì ra, ông đã ở lại. Ở lại với giải đất thân yêu hình chữ S. Với thành phố đã gắn bó với ông, kể từ khi ông được sinh ra, cất tiếng khóc đầu tiên để chào đời. Lớn lên, ông vẫy vùng, ngang dọc, vào sinh, ra tử ở trong đó. Rồi! Cũng chính trên mảnh đất ấy, ông bị cầm tù, bị đầy ải, sống lây lất cho đến ngày ông xuôi tay, nhắm mắt, giã từ khỏi đời sống đây tạm bợ, phù du này. Nhiều đêm, khó ngủ, tôi trần trọc, miên man suy nghĩ về ông. Với chín năm sáu tháng. Chín năm sáu tháng, ông vật vã, lăn lóc trong cảnh tù đầy. Chín năm sáu tháng, ông có dư điều kiện để đi định cư ở Hoa Kỳ, chiếu theo một chương trình nhân đạo của chính phủ Mỹ. Chương trình này được quen gọi bằng hai chữ H.O. và chỉ dành riêng cho những quân cán chính của miền Nam, từng bị đi tù, bị đầy ải trong các trại tập trung của Cộng Sản tối thiểu từ ba năm trở lên. Điều làm cho

tôi cứ băn khoăn, thắc mắc mãi: Là tại sao ông không chọn lấy con đường ra đi để thay đổi cho cuộc sống. Ông chấp nhận ở lại. Ở lại để hứng chịu mọi tủi nhục. Mọi oan ức, bất công khoác lên người ông, ròn rã suốt ba mươi mấy năm trời. Ba mươi mấy năm, ông chịu đựng, nhẫn nhục dưới chế độ hà khắc, bóc lột. Ba mươi mấy năm, ông ngậm ngùi nhìn đời bằng nỗi u uất chất ngát ở tâm thức. Bao nhiêu câu hỏi cứ dồn dập đổ về chất vấn nơi tâm tư tôi! Tại sao ông không muốn có đời sống dễ thở, tự do và trong sáng hơn! Tại sao ông chấp nhận ở lại để hứng chịu mọi tủi nhục, đắng cay đè nặng xuống người ông, ròn rã suốt cả hàng mấy chục năm trời. Tại sao! Tại sao! Từ đó, tôi cứ bị ám ảnh, quặn xoắn vào mấy chữ tại sao! Tại sao! Và tại sao!

Chiều mưa biên giới anh đi về đâu! Sao còn đứng ngóng nơi giang đầu. Kia rừng chiều âm u rét mướt. Chờ người về vui trong giá buốt. Người về bơ vơ. Tình anh theo đám mây trôi chiều hoang. Trăng còn khuyết mấy hoa không tàn. Cờ về chiều tung bay phát phới. Gọi lòng này thương thương, nhớ nhớ. Bầu trời xanh lơ.” Nhạc phẩm này đã thấm sâu vào tâm trí tôi, kể từ khi tôi còn là cậu bé mười ba tuổi. Cứ theo như lời ông kể lại, thì tuyệt phẩm này được thai nghén ở ngay trong lòng của chiến khu Đồng Tháp. Ngày đó, ông là trưởng phòng hành quân của bộ tư lệnh khu chiến. Một chức vụ được đánh giá là quan trọng và được xếp vào hàng đầu trong hệ thống tham mưu của chiến dịch. Nó đòi hỏi người sĩ quan phải có khả năng, phải có kinh nghiệm về chiến trường, đồng thời còn phải biết tháo vát, linh động trong mọi tình huống có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Trong khi đó, tuổi đời của ông lúc ấy còn rất trẻ. Vào buổi chiều u ám, với những tầng mây màu chì đậu thật thấp, ông được lệnh dẫn theo số trinh sát nhanh nhẹn, có nhiệm vụ đi quan sát và điều nghiên chiến trường, chạy dọc

theo đường biên giới của hai nước Miên Việt. Sau khi hoàn tất nhiệm vụ để trở về, bỗng nhiên trời đổ cơn mưa. Mưa ào ạt trút xuống như thác đổ. Mưa mịt mù, tầm tã. Ông hướng tầm mắt nhìn về phía xa xa, thấp thoáng vài bóng tháp canh mờ ảo, lung linh, lay động ở cuối chân trời. Thoáng chợt, ông thấy tâm tư mình rung động, hòa nhập vào với cõi không gian vãn vũ, giá lạnh ở chung quanh. Từ đấy, nảy sinh ra những cung bậc trầm bổng. Những trường canh độc đáo, đồng thời tạo ra cho ông nguồn cảm hứng dạt dào, để từ đó, ông viết lên ca khúc bất hủ này. Nhạc phẩm Chiều Mưa Biên Giới chẳng những được phổ biến sâu rộng từ Cà Mau cho đến Bến Hải, đồng thời còn được dịch ra Pháp ngữ, và được quái kiệt Trần văn Trạch chuyên chở bằng hai thứ ngôn ngữ Pháp Việt trên hệ thống phát thanh của đài Pháp Á vào những năm 50 dưới thời kỳ của nền Đệ Nhất Cộng Hòa.

Trong khuôn khổ của buổi tưởng niệm ngắn gọn, nữ ca sĩ Thanh Tuyền đã ngậm ngùi, kể về cuộc đời ca hát của chính mình. Giọng cô có vẻ quả quyết hơn:

“Nếu không có chú Đông hết lòng chỉ bảo, thì Thanh Tuyền sẽ không có ngày hôm nay! Chú Đông là người thầy. Không những là người thầy có tư cách, mà cô còn xem ông như là một người cha khả kính. Người nghệ sĩ với đầy đủ mọi đức tính cao đẹp của nó. Đây là lời nhận xét của cô học trò trong buổi tưởng niệm, tâm tình về ông, do đài Việt Face đứng ra tổ chức. Cô cho đây là cả một định mệnh. Một cái duyên thì đúng hơn. Cái duyên đã đưa đẩy cho cô có cơ hội gặp được người nghệ sĩ tài ba này. Ngừng lại vài giây, cô ném niềm suy tư về thành phố Đà Lạt sương mù. Về ngôi trường Bùi thị Xuân. Về rạp hát Hòa Bình trong buổi phát phần thưởng được tổ chức vào năm 1964, đã khơi dậy ở trong cô một kỷ niệm khó quên ở

trong đời. Với hình ảnh ngộ nghĩnh của cô bé Như Mai còn thắt bím, rụt rè bước ra sân khấu, đồng thời cất cao giọng hát trong nhạc phẩm Vọng Gác Đêm Sương của Mạnh Phát. Tiếng hát với chất giọng lạnh lạnh, cao vút, đã đánh động đến sự chú ý của người nhạc sĩ tên tuổi Nguyễn Văn Đông, hiện đang có mặt ở dưới hàng ghế dành riêng cho quan khách trong buổi phát phân thưởng ngày hôm đó.

“Sau khi bản nhạc vừa chấm dứt, cô thấy người đàn ông có dáng dấp dong dong cao từ ở dưới hàng ghế đi lên, tiến thẳng đến gặp bà hiệu trưởng, cùng vị giáo sư đặc trách về phần văn nghệ trong buổi chiều ngày hôm ấy. Người đàn ông đó, không ai khác hơn, chính là chú Đông. Sau hết, chú liền bước vào hậu trường để gặp cô. Chú mở đầu bằng câu khen cô có giọng hát lạ. Chú còn nói tiếp:

“Cháu rất có triển vọng. Nếu cháu muốn, chú sẽ giúp cháu để trở thành một ca sĩ chuyên nghiệp.”

Đến đây, cô điều hợp chương trình liền lên tiếng:

“Nói vậy. Chứ còn tùy thuộc vào sự quyết định của gia đình, phải không cô!”

“Đúng! Con nói rất đúng! Sang ngày hôm sau, ông đích thân đến tận nhà để gặp gia đình cô. Thoạt đầu, bố mẹ cô cứ khăng khăng từ chối, không chịu! Nhưng! Chẳng biết ông nói với ông bà như thế nào! Cuối cùng thì hai người đành phải xiêu lòng, chấp thuận cho cô đi theo ông về Sài Gòn, ở chung với gia đình chú Mạnh Phát và ca sĩ Minh Diệu.”

“Có một điều làm cho con cứ thắc mắc, là tại sao lúc bấy giờ, chú Đông lại gửi cô sang nhà vợ chồng chú nhạc sĩ Mạnh Phát!”

“Quả thật! Cô không có hỏi! Nhưng chú

Đông có nói với cô nguyên văn như sau: Hiện giờ chú chưa có gia đình! Ăn uống lại thất thường, nên cháu ở với chú rất bất tiện.”

“Nói tóm lại, chú Đông là người lo cho cô về tất cả mọi phương diện. Chăm sóc cho cô từng ly, từng tý, đồng thời dốc hết mọi khả năng để hướng dẫn, chỉ bảo cho cô. Con cứ thử tưởng tượng xem, chỉ trong vòng có tám tháng, tiếng hát của cô đã vang vọng ra khắp mọi nơi, từ thành thị cho tới Cao Nguyên. Từ thôn quê cho đến các tiền đồn xa xôi, hẻo lánh. Tất cả đều do chú Đông quảng cáo, rồi lãng xê cho cô bằng đủ mọi thứ phương tiện sẵn có. Nhìn lại năm mươi mấy năm vừa qua, cô sống trong hào quang của sân khấu, của sự thành công rực rỡ là đều nhờ vào chú Đông. Chú Đông đã đổ ra biết bao nhiêu là tâm huyết. Biết bao nhiêu là công sức để cho cô có được ngày hôm nay. Thậm chí, ngay đến cái tên Thanh Tuyền cũng đều do chú Đông đặt cho cô. Công lao ấy, làm sao cô có thể quên được! Không bao giờ cô quên! Không bao giờ! Cô có thể thẳng thắn nói với con là như thế.”

“Nhớ lại, sau mấy năm chú ra tù, cô có về Việt Nam và có ghé lại nhà thăm cô chú ở Phú Nhuận. Nhìn thấy chú tiêu tụy, sa sút, tự nhiên cô thấy tâm tư mình se thắt và hai dòng nước mắt cứ tự động tuôn ra. Thấy vậy, cô Thu, tức vợ chú liền quay sang nói với cô:

“Chú được như thế này là khá lắm rồi. Chẳng bù cho cái ngày chú mới ra tù. Nói là trả tự do, chứ thực ra, họ cho về là để nằm chờ chết. Người ta khiêng chú vào nhà, chẳng khác nào như ngọn đèn dầu sắp tắt. Hầu hết, ai nấy ở quanh đây, cũng đều nói ra, nói vào, sớm muộn gì rồi chú cũng phải ra đi. Thậm chí, có người còn quả quyết cho rằng: Mạng sống của chú chỉ tính bằng giờ, bằng ngày, chứ đâu có thể tính

bằng tuần, bằng tháng được! Ấy thế, mà ngọn đèn dầu này cứ leo lét, rồi từ từ được khêu lên, sáng dần, sáng dần, và cứ thế, sống mãi cho tới ngày hôm nay. Phải chăng, đó là một kỳ tích. Một phép lạ màu nhiệm thì đúng hơn, đã vực cho chú Đông đứng dậy, để từ đó, tiếp tay với người vợ hiền, bươn trải, lăn lộn giữa một xã hội xô bồ, đầy rẫy sự lươn lẹo, dối trá, chup giật, chưa từng thấy ở tại miền Nam trước đây.”

Trong dịp này, cô có lên tiếng hỏi:

“Chú có dự tính sang Mỹ theo lời mời của Trung Tâm Thúy Nga không chú!”

Lưỡng lự trong giây lát, ông buông mắt nhìn bâng quơ ra bên ngoài. Lát sau, ông mới chậm rãi trả lời:

“Cuộc đời chú bây giờ, chẳng còn thiết tha gì đến hai chữ bôn chen! Chú chỉ muốn an phận, sống im lặng trong quãng đời còn lại. Niềm ước ao duy nhất của chú hiện giờ, là muốn được nghe lại số nhạc phẩm mà chú cho là tâm đắc nhất ở ngay trên mảnh đất quê hương Việt Nam thân yêu này.”

“Điều đó, ít nhiều, cô đã làm cho chú được mãn nguyện trong một dịp về trình diễn ở tại quê nhà.”

Kể từ khi ra tù, ông hoàn toàn sống trong im lặng. Từ chối hầu hết các cuộc phỏng vấn đến từ trong nước cũng như ở ngoài nước. Chấm dứt mọi sinh hoạt về âm nhạc cũng như về nghệ thuật. Từ khước lời mời của Trung Tâm Thúy Nga, đã có nhã ý, dành riêng cho ông một chương trình đặc biệt. Chương trình đó được cô đọng trong một chủ đề đầy ý nghĩa và được mang tên: *Những Tình Khúc Tiêu Biểu của Nhạc Sĩ Nguyễn văn Đông*.

Trong một dịp về thăm thân nhân ở tại quê

nhà, nhà báo Trường Kỳ có ghé lại thăm ông và được ông dành cho anh buổi tiếp xúc thân mật ở ngay tại nhà riêng, số 271 A đường Nguyễn trọng Tuyển, quận Phú Nhuận thuộc thành phố Sài Gòn. Câu chuyện được gói ghém trong mấy chủ đề liên quan tới tuổi thơ, quê quán cho đến sự nghiệp về âm nhạc, cũng như con đường binh nghiệp mà ông đã từng theo đuổi. Trước khi đi vào câu chuyện, ông khẳng định.

“Đối với ông, âm nhạc chỉ là nghề tay trái, còn binh nghiệp mới là con đường chính mà ông đã từng dấn thân ở trên đấy.”

Ông sinh ra đời vào năm 1932 trong một gia đình khá giả ở Sài Gòn. Nhưng! Chánh quán thì lại thuộc vào quận Bến Cầu tỉnh Tây Ninh. Thuở nhỏ, ông theo học tại trường Huỳnh khương Ninh ở Tân Định. Ngoài ra, gia đình ông còn mời thêm vị thầy giáo, đến tận nhà để chỉ bảo, dạy kèm cho ông. Chính vì thế, thời gian ông học ở trường, lại có phần ít hơn, so với thời gian học ở nhà. Vào năm 1946, đứng trước tình hình chính trị nhiễu nhương ở trong nước, gia đình ông bắt đầu lâm vào tình trạng sa sút, bấp bênh, cũng giống như biết bao nhiều gia đình khác vào thời điểm lúc bấy giờ. Trường Huỳnh khương Ninh thành linh bị đóng cửa. Vì thế! Gia đình ông đành phải xin cho ông vào học tại trường Thiếu Sinh Quân ở Vũng Tàu. Đến đây, ông nhấn mạnh:

“Đấy là một ngôi trường thuần túy, trực thuộc hẳn vào đời sống quân đội. Nó đòi hỏi mọi đứa trẻ như chúng tôi, đều phải khép mình trong khuôn khổ của kỷ luật. Một ngôi trường có nhiệm vụ uốn nắn, đào tạo cho chúng tôi để trở thành những người lính chuyên nghiệp cho đất nước mai sau. Ở đấy, chúng tôi được giảng dạy về văn hóa, đồng thời còn được huấn luyện đến các bài học căn bản về quân sự. Song song

với những phần kể trên, chúng tôi còn được hướng dẫn, chỉ bảo thêm cả về lãnh vực âm nhạc nữa. Ông cho biết, ông được hấp thụ bởi tinh anh của mấy vị nhạc sư người Pháp có thực tài. Ông biết xử dụng nhuần nhuyễn các nhạc cụ, như trống, chập chả, trompet, clarinet. Nhưng chuyên nghiệp vẫn là hai cây đàn mandolin và cây Hạ Uy cầm. Ông cũng là một trong bốn mươi thành viên thuộc ban quân nhạc nông cốt của nhà trường. Ngay từ khi ông còn ngồi ở ghế học đường, ông đã cho trình làng hai nhạc phẩm đầu tay, đó chính là nhạc phẩm Thiếu Sinh Quân Hành Khúc và Tạm Biệt Mùa Hè. Năm đó là năm 1948, ông mới vừa tròn mười sáu tuổi.

Tốt nghiệp tại trường Thiếu Sinh Quân vào năm 1950. Tiếp tục theo học khóa 4 tại trường đào tạo sĩ quan ở Vũng Tàu. Mãn khóa, ông đậu thủ khoa với cấp bậc thiếu úy vào năm 1952, trong vai trò của một trung đội trưởng tác chiến. Ông tham dự khóa học Đại Đội Trưởng tại trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt vào năm 1953. Tiếp tục theo học khóa Tiểu Đoàn Trưởng tại trường Chiến Thuật ngoài Hà Nội vào năm 1954. Ông được cử giữ chức vụ Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 553 Trọng Pháo vào cái tuổi còn rất trẻ. Hai mươi bốn tuổi, ông được đánh giá là vị tiểu đoàn trưởng trẻ nhất ở trong quân đội. Ông lần lượt đi theo thứ tự từ ở cấp dưới lên trên. Đảm nhiệm từ chức vụ trung đội trưởng cho đến tiểu đoàn trưởng. Cứ theo như lời ông tâm sự, ông còn được ân thưởng loại huy chương cao quý nhất của quân đội Việt Nam Cộng Hòa lúc bấy giờ. Đó chính là *"Bảo Quốc Huân Chương."* Ngoài ra, ông còn cho biết, ông chưa hề phục vụ ở trong ngành Chiến Tranh Chính Trị như mọi người vẫn lầm tưởng. Ông là một người lính Bộ Binh thuần túy. Một người lính chuyên nghiệp, khởi

sự từ Thiếu Úy cho tới cấp bậc Đại Tá. Chức vụ sau cùng của ông, là Chánh Văn Phòng nằm trong Khối An Ninh Lãnh Thổ thuộc Bộ Tổng Tham Mưu.

Trong ký ức hành quân, ngoài chiến dịch Thoại ngọc Hầu, ông thường hay nhắc đến chiến dịch Trưng tấn Bửu, đến mấy địa danh khá nổi tiếng như Đồng Tháp, Mộc Hóa, Kiến Tường. Ông cho đây là chốn địa linh, anh kiệt. Chính ở nơi đây, đã gợi hứng cho ông viết lên hai nhạc phẩm thuộc loại hùng ca, có tên là Súng Đạn và Vui Ra Đi. Hai nhạc phẩm này đã có thời kỳ ca vang trong chiến khu Đồng Tháp. Tiếp đến là Phiên Gác Đêm Xuân đã nói lên được cái tâm trạng của người lính chiến xa nhà, vào đêm tối trời ba mươi Tết, trên một tiền đồn âm u, hẻo lánh, hiu quạnh.

"Đón giao thừa một phiên gác đêm. Mừng xuân đến súng xa vang rền. Xác hoa tàn rơi trên bảng súng. Ngõ rằng pháo tung bay. Ngõ đâu hoa lá rơi. Bấy nhiêu tình là bao nước sông. Trời thương nhớ cũng vương mây hồng. Trách chi người đem thân giúp nước. Đôi lần nhớ băng khuâng. Mím cười hái hoa xuân."

Âm vang của Phiên Gác Đêm Xuân vừa dứt, thì Chiều Mưa Biên Giới cùng Sắc Hoa Mâu Nhớ cũng lần lượt được ra đời. Với ba nhạc phẩm nói trên, đã tô điểm cho tên tuổi của người nhạc sĩ Nguyễn văn Đông, càng ngày càng lên cao và in sâu vào tâm khảm của giới thưởng thức lúc bấy giờ. Riêng nhạc phẩm Chiều Mưa Biên Giới, tôi không hiểu vì lý do gì, nhạc phẩm này đã bị đình chỉ trong khoảng thời gian cũng khá lâu. Cho đến năm 1961, bản nhạc này mới được chính quyền thời Đệ Nhất Cộng Hòa cho phép được hát lại. Đến đây, câu hỏi được đặt ra cho ông:

"Sau 9 năm 6 tháng, ông có điều gì muốn tỏ

bây với mọi người ở trong nước cũng như ở ngoài nước!”

Lặng người trong giây lát. Đột nhiên! Ông bật lên tiếng thở dài ai oán:

“Điều làm cho tôi đau buồn, chua xót nhất, là trong khi tôi còn nằm ở trong tù, thì cha tôi bị lâm trọng bệnh ở bên ngoài, rồi đột ngột mất đi vào giữa lúc tôi không có mặt ở bên cạnh ông! Tôi rất lấy làm ân hận, là không được nhìn thấy mặt cha tôi lần chót và không được đưa tiễn ông ra tới nơi an nghỉ cuối cùng. Điểm thứ hai, tôi muốn đề cập đến số phận của những đứa con tinh thần mà tôi đã thai nghén ra chúng. Tôi không biết cho đến ngày nào, chúng nó mới được trả về đúng với vị trí cùng vai trò của chúng nó như trước kia.”

Năm 1957, ông lên đường đi Hạ Uy Di để tham dự khóa tu nghiệp về quân sự. Tại đây, ông đã nảy sinh ra mối tình giữa ông với cô thiếu nữ xinh đẹp người Áo. Cuộc tình ấy tuy rất đẹp, rất lãng mạn. Nhưng! Cuối cùng, mối tình đó, cũng đành phải cuốn theo chiều gió và chìm theo bóng tối của thời gian. Vào buổi chiều xuân, ông chạnh lòng hồi tưởng về quá khứ, buông mắt nhìn về tận chốn xa xăm, nơi phương trời cũ. Ở đây, đã gọi lại cho ông chuỗi kỷ niệm mượt mà, óng ả về một thời yêu đương ở dĩ vãng. Và, cũng chính những kỷ niệm bóng bẩy, lộng lẫy ấy, đã gợi hứng, thôi thúc cho ông viết lên nhạc phẩm Nhớ Một Chiều Xuân.

“Chiều nay thấy hoa cười chợt nhớ một người. Chạnh lòng tôi khơi bao niềm nhớ. Người nơi xa xôi phương trời ấy. Người còn buồn còn thương còn nhớ. Nắng phai rồi em ơi. Chiều xuân có một người ngơ ngác đi tìm. Một tình thương nơi phương trời cũ. Chiều nay hoa xuân rơi nhiều quá. Chiều tàn dần phai trên

ngàn lá. Tìm đâu bóng hình ai.”

Nói tới nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông mà không đề cập đến ca sĩ Hà Thanh thì quả thật là một điều thiếu sót to lớn. Người ca sĩ của đất thần kinh, của sông Hương, của núi Ngự, có chất giọng ngọt ngào, lôi cuốn, đã đưa dòng nhạc Nguyễn Văn Đông bay bổng tới những nơi thật xa, đến tận các thành thị, cho tới vùng thôn quê hẻo lánh cùng các tiền đồn biên giới xa xôi, hiu quạnh. Tự nhiên, tôi có linh cảm, hiện giờ ông đang hội ngộ với người ca sĩ diệu dàng, khả ái này tại chốn bình an, huyền ảo, linh thiêng nào đó.

Câu hỏi tiếp theo được đặt ra cho ông:

“Trong suốt khoảng thời gian từ năm 1975 cho tới nay, ông có còn sáng tác hay là không! Nếu có thì tổng cộng được bao nhiêu bài!”

Ông ngược mắt nhìn lên trần nhà rồi tỏ vẻ ngao ngán:

“Nhiều khi ngồi một mình, ngẫm nghĩ lại chuỗi thời gian dài đằng đẵng ở quá khứ. Với 9 năm 6 tháng ở trong tù. 32 năm rưỡi sống ở ngoài đời, tôi cảm thấy mình quá lãng phí với thời gian. Nếu đem cộng lại thì là cả một chặng đường dài hết thảy là bốn mươi một năm rưỡi. Bốn mươi một năm rưỡi dài lắm chứ anh! Bốn mươi một năm rưỡi, vồn vện tôi chỉ sáng tác được có một bài duy nhất. Đó chính là nhạc phẩm “Sài Gòn Trong Trái Tim Tôi” để tưởng nhớ đến một người bạn văn nghệ thân thiết đã nằm xuống, ra đi.”

Ngoài những nhạc phẩm kể trên, người ta còn chứng kiến cả hàng loạt các tác phẩm mới được ra đời, điển hình như Mấy Dặm Sơn Khê, Thăm Kín, Vô Thường, Niềm Đau Dĩ Vãng, Tình Cổ Hương, Anh, Khúc Xuân Ca, Tình Đầu Xót Xa, Kỷ Niệm Vãn Xanh, Bông Hồng Cài Áo, Trái Tim Việt Nam, Lời Giã Biệt, Xin

Đừng Trách Anh, Về Mái Nhà Xưa ... vân vân và vân vân ... Ở đây, tôi muốn nhấn mạnh đến nhạc phẩm Mây Dặm Sơn Khê. Đây là một trong những tác phẩm ung ý nhất của nhạc sĩ Nguyễn văn Đông. Bằng những từ ngữ thật nồng nàn, tha thiết, ông đã lột tả hết được cái vai trò của người lính chiến xa nhà, trong cuộc chiến đấu tương tàn, khốc liệt trước đây ở miền Nam.

*“Anh đến thăm, áo anh mùi thuốc súng.
Ngoài mưa khuya lê thê. Qua ngàn chón sơn
khê. Non nước ơi, hồn thiêng của núi sông, kết
trong lòng thế hệ. Nghìn sau nối nghìn xưa.
Bao ước mơ giữa khung trời phiêu lãng. Chờ
mùa xuân tươi sang. Nhưng mùa thắm không
sang. Anh đến đây, rồi anh như bóng mây.
Chón phương trời ấm lạnh. Hòa chung mái
nhà tranh.”*

Điều đáng nói hơn hết, ông không phải là một tín đồ Công Giáo! Ông là người mộ đạo Phật. Nhưng ông lại viết về Thánh Ca. Tuy số lượng không đồ sộ cho lắm. Nhưng ông đã tạo ra được tiếng vang lớn, đồng thời lắng sâu vào tâm khảm của người Công Giáo Việt Nam, điển hình như Mùa Sao Sáng, Màu Xanh Noel, Bóng Nhỏ Giáo Đường, Tình Người Ngoại Đạo. Nổi bật nhất, phải nói đến, chính là nhạc phẩm Mùa Sao Sáng. Hằng năm, cứ mỗi độ Đông về, trong không khí lạnh lạnh của mùa Giáng Sinh, ai nấy đều cảm thấy lòng mình lắng xuống, lâng lâng trước giọng hát trầm buồn của người ca sĩ sầu muộn vắng vắng ở đâu đây.

“Một mùa sao sáng, đêm Noel chúa sinh ra đời. Người hẹn cùng tôi chờ ngày về khi đất nước yên vui. Quỳ lạy mẹ Maria. Lòng mẹ từ bi bao la. Tấu khúc nhạc lên xin ơn trên ban cho nhà Nam. Từ mùa Đông trước qua mùa Đông tiếp theo sau này. Người bạn còn đi mà

niềm tin vẫn thắm trên môi. Giặc tràn về quê hương tôi. Giặc diệt niềm tin Kitô. Lốp lốp đàn chiên quyết sáng danh chúa trên trời cao.”

Có nhiều người thường cho rằng: Nguyễn văn Đông chẳng những là một nhạc sĩ có tài, mà ông còn là người có năng khiếu về tổ chức. Nhận xét đó, quả nhiên là chính xác. Ông nguyên là con chim đầu đàn của đoàn văn nghệ Vì Dân. Một đoàn văn nghệ nổi tiếng, qui tụ hầu hết các khuôn mặt gạo cội của làng tân nhạc ở miền Nam lúc bấy giờ, tiêu biểu như Mạnh Phát, Minh Kỳ, Hoài Linh, Thu Hồ, Quách Đàm, Minh Diệu. Ngoài ra, ông còn đảm nhận chương trình văn nghệ hằng tuần cho đài phát thanh Sài Gòn, đồng thời ông cũng là trưởng ban nhạc của ban Tiếng Thời Gian, với sự đóng góp của các ca sĩ tên tuổi, như Lê Thanh, Hà Thanh, Minh Diệu, Khánh Ngọc. Ngoài những công việc bận bịu kết rên, ông còn cặm cụi, miệt mài viết lời Việt cho số ca khúc ngoại quốc nổi tiếng, điển hình như Silent night và Ave Maria.

Vào năm 1959, ông được đề cử trong vai trò là trưởng ban tổ chức cho buổi Đại Hội Thi Đua Văn Nghệ toàn quốc. Đại hội này được đánh giá là thành công rực rỡ và ông được bà Ngô đình Nhu, đại diện cho chính phủ thời Đệ Nhất Cộng Hòa, đã đích thân trao tặng cho ông, một phần thưởng cao quý nhất về thành quả to tát nói trên. Song song với các thành tích vừa kể, ông còn hợp tác với người bạn cao niên và cũng là nhà doanh nghiệp nổi tiếng ở Sài Gòn, để thành lập hai hãng đĩa nhựa, có tên là Continental và Sơn Ca. Người bạn ông với danh nghĩa là giám đốc về sản xuất. Còn riêng ông, chỉ đóng khung trong vai trò là giám đốc phụ trách về nghệ thuật. Chủ trương của hai hãng đĩa kể trên, chỉ nhắm vào hai bộ môn Tân Nhạc và Sân Khấu Cải Lương Tân Cổ. Chính ông đã có sáng kiến đi tiên phong trong công cuộc thực hiện album riêng cho từng ca sĩ của

một thời vang bóng. Khánh Ly với Sơn Ca 7. Lệ Thu với Sơn Ca 9. Thái Thanh cùng ban hợp ca Thăng Long với Sơn Ca 10, cùng nhiều album khác, dành riêng cho Thanh Tuyền, Giao Linh, Phương Dung, nhằm mục đích vinh danh các tài năng đang lên vào những thập niên 60, 70.

Riêng bộ môn sân khấu Cải Lương, ông đã thực hiện cả hàng trăm chương trình Tân Cổ giao duyên và trên năm mươi vở tuồng Cải Lương kinh điển như Nửa Đồi Hương Phấn, Đoạn Tuyệt, Tiếng Hạc Trong Trăng, Sân Khấu về Khuya, Mưa Rừng... Trong khoảng thời gian này, ngoài ba chữ quen thuộc Nguyễn văn Đông, ông còn ký thêm hai bút hiệu khác nữa! Đó chính là nhạc sĩ Phương Linh cùng soạn giả Đông Phương Tử. Hai bút hiệu nói trên chỉ nhắm vào mục đích để phục vụ cho bộ môn sân khấu và Tân Cổ giao duyên.

Quả đúng như lời anh bạn tôi nói. Đám tang chỉ thấy người với người. Chỉ có tiếng mõ, hòa trộn với tiếng tụng kinh đều đặn của mấy vị tăng lữ Phật Giáo. Khói hương mù mịt, lan tỏa ra khắp cả căn nhà. Trong không khí nghi ngút, trang nghiêm ấy, tôi nhận ra, có sự hiện diện của vị linh mục Công Giáo, cùng số giáo dân tháp tùng đi theo ông. Ông đứng khoanh tay, nghiêm trang, ngược mặt nhìn lên bàn thờ. Dán mắt vào tấm ảnh bán thân được đặt ở trên đấy. Bằng cử chỉ thật trang trọng, vị linh mục dơ tay lên làm dấu thánh giá, đọc lên kinh lạ cha. Kinh kính mừng và kinh sáng danh. Kết thúc là lời khẩn cầu, nguyện xin ơn trên, phù hộ cho linh hồn người quá cố, sớm được hưởng phúc nơi quê thật ở trên trời. Trước cử chỉ trang nghiêm ấy, phong cách ấy, đã khiến cho toàn thân tôi chùng xuống trong sự cảm động, đồng thời, tôi không ngăn được hai dòng nước mắt. Nổi bật hơn hết, vẫn chính là hình ảnh của những người lính cũ năm nào. Của các anh

thương phé binh tay còn, tay mất. Của nhóm đàn em học cùng trường với ông. Họ xếp thành hàng ngang, đứng nghiêm trong tư thế chào tay, giữa giờ phút di quan từ trong nhà ra tới ngoài đường. Hình ảnh đó, làm sao tôi có thể quên được, hờ anh! Làm sao tôi có thể diễn tả hết được mọi ý nghĩa cao quý, sâu sắc của người lính chiến trước đây ở miền Nam lên trang giấy trắng nhỏ bé này! Không bao giờ tôi quên! Không bao giờ! Tôi có thể quả quyết với anh là như thế.

Đoàn xe tang bắt đầu di chuyển, đưa ông qua các đường phố nhộn nhịp, kín người, rồi trực chỉ tiến thẳng về hướng nghĩa trang Bình Hưng Hòa. Đây là khu nghĩa địa cuối cùng còn sót lại ở tại thành phố này và hiện nay cũng đang có lệnh nằm trong kế hoạch giải tỏa của nhà nước. Chính bố mẹ tôi cũng được an táng ở tại đây cách đây mười tám năm. Sau khi được thông báo, gia đình tôi đành phải ngậm ngùi bốc lên, đem thiêu, rồi gửi tro cốt vào nhà thờ, thuộc một họ đạo công giáo ở gần nhà. Cuộc đời là phù vân, là tro bụi. Tro bụi rồi cũng trở với tro bụi. Đó là một qui luật tất nhiên. Một qui luật bất di, bất dịch mà thượng đế đã an bài cho mỗi con người của chúng ta. Có phải đúng như vậy, không ông!”

.....

Tôi viết những dòng chữ này cho ông. Những dòng chữ quá muộn màng, thô thiển. Những dòng chữ mà tôi đã từng ấp ủ cả hàng năm, sáu tháng nay. Viết cho ông, vào giữa lúc ở tại quê nhà đang nổ ra các cuộc xuống đường rầm rộ, để phản đối dự luật an ninh mạng, cũng như dự luật nhắm thẳng vào ba đặc khu kinh tế Vân Đồn, Bắc Vân Phong và Phú Quốc. Chủ đích của nhà cầm quyền hiện nay, là muốn hợp thức hóa việc cho thuê ba phần đất nói trên, với thời hạn được công bố là 99 năm. 99 năm có nghĩa là giao đứt ba đặc khu quan trọng này cho người bạn hữu nghị phương Bắc. Người

bạn có tiếng là nham hiểm, độc ác kể từ ngàn xưa cho tới nay. Người bạn ấy, chính là kẻ thù truyền kiếp của dân tộc.

Từ bao nhiêu năm nay, hầu hết mọi người dân ở trong nước cũng như ở ngoài nước, đều tỏ ra quan tâm, thắc mắc, nghi ngờ về tổng số diện tích của nước ta hiện giờ còn lại là bao nhiêu! Bao nhiêu cây số vuông mà nhà nước hiện nay đã hiến dâng cho người bạn hữu nghị của 16 chữ vàng ở biên giới! Còn số phận của Gạc Ma, Trường Sa, Hoàng Sa thì ra sao! Đây là chúng ta chưa đề cập tới hai vị trí quan trọng có tầm vóc về lịch sử như Ải Nam Quan cũng như là Bản Đốc. Phải chăng! Các nơi đó, đều đã được xóa tên và không còn hiện diện trên vị trí của bản đồ Việt Nam như mấy chục năm về trước nữa!

Nhìn lại dòng lịch sử, dân tộc Việt Nam đã phải trải qua tới 1000 năm đô hộ của giặc Tàu. 100 năm dưới ách thống trị của thực dân Pháp. Tiếp đến, là hai mươi một năm trong cuộc chiến tranh đẫm máu ý thức hệ. Một cuộc chiến tranh tàn bạo, khốc liệt, đã diễn ra giữa hai thể chế chính trị đối nghịch rõ rệt. Giữa nền tự do, dân chủ ở miền Nam với chủ nghĩa vong bản, vô thần ở miền Bắc. Ngày nay, chiến tranh đã lui vào cô tịch. Đất nước tôi đã hòa bình từ lâu. Hai chữ hòa bình nghe sao mà mĩa mai, chua chát, đắng cay, thấm thía đến như vậy. Hòa bình, có. Nhưng! Tự do thì không! Hòa bình trong lam lũ, cơ cực. Hòa bình trong chiếc bánh vẽ về một tương lai chói ngời, chập chờn ở phía trước. Tương lai đó chẳng bao giờ có thực!

Đời sống của người dân quê tôi vẫn còn ngập lặn trong đói khổ, lầm than. Vẫn còn bị áp bức. Bị bắt bớ, tù đầy dưới chế độ hà khắc, bóc lột, tước đoạt hết tất cả mọi quyền sống tối thiểu của con người. Cái chế độ bạo tàn, độc

ác, dã man ấy chỉ biết sử dụng bạo lực để cai trị, đè bẹp dân chúng. Chỉ biết đặt quyền lợi cá nhân lên trên quyền lợi tối thượng của tổ quốc. Cái chế độ hung tàn, bạo ngược đó, cần phải được đào thải theo dòng luân lưu của lịch sử dân tộc.

Ngày nay, đã tới lúc, mọi người dân ở trong nước đều đồng loạt, nhất tề đứng lên, cương quyết, đồng thanh, hiên ngang đòi lại cái quyền sống, quyền làm người, cũng như quyền làm chủ vận mệnh của đất nước mà tổ tiên tôi đã để lại.

Giờ đây, đứng trước tình hình nóng bỏng, sôi sục đang diễn ra thường xuyên ở tại quê nhà. Đứng trước sự đàn áp tàn nhẫn, dã man, độc ác của lực lượng Cảnh Sát Cơ Động. Xin ông hãy đoái thương đến dân tộc Việt Nam. Độ trì cho công cuộc đấu tranh ở trong nước, mau sớm được vượt qua mọi gian truân, khổ ải, ngõ hầu đưa con tàu đất nước đến bến bờ của vinh quang. Tôi tin chắc rằng: Niềm tin sẽ thắng và phải thắng. Cho chế độ bạo quyền hiện nay phải tan rã, ra đi như các quốc gia ở Đông Âu, cũng như ở Liên Xô, ở Đông Đức. Cho dân tộc Việt Nam được hưởng một nền hòa bình, tự do, dân chủ thực sự. Dân tộc ta đã đau khổ quá nhiều. Cho đàn chim lìa xứ quay về tổ, để xiết chặt thành vòng tay lớn, hầu ra sức, kiến tạo, xây dựng một đất nước Việt Nam hùng mạnh và phú cường.

Đến đây, tôi xin mượn mấy câu trong Khúc Tình Ca Hàng Hàng Lốp Lốp của ông để kết thúc cho bài viết này:

“Còn đây đêm cuối cùng. Nhìn em muốn nói chuyện người Kinh Kha. Ngại khơi nước mắt nhạt nhòa môi em. Người đi giúp núi sông. Hàng hàng lốp lốp chưa về. Người người nói tiếp câu thề giành lấy quê hương./.”

BUỒN VUI CHIẾN TRƯỜNG

LÊ CẢNH SAO

Người lính SD 5 BB giữa chiến trường Quảng Trị

Tôi trở lại Lai Khê một thời gian thì chiến trường An Lộc giảm dần cường độ, các đơn vị tham chiến lần lượt trở về, riêng Tiểu đoàn 3/9 chẳng còn ai ngoài tôi, Trung úy Nguyễn Văn Đạm Đại Đội Trưởng ĐĐ Chỉ Huy, Trung úy Thín Lâu Sáng ĐĐT/ ĐĐ12, là những người có mặt tại Lộc Ninh từ cuối tháng 3/ 1972. Thiếu tá Nguyễn Đa đi học khóa Tham mưu về giữ chức vụ tiêu đoàn trưởng. Quân nhân các cấp từ các đơn vị khác được chuyển về. Trong thời gian chờ đợi bổ sung quân số, Tiêu đoàn đảm nhiệm an ninh vòng đai Căn cứ Lai Khê. Một hôm, vợ tôi từ Long Khánh lên cho hay tin buồn là Song thân tôi đã tử nạn trong cuộc hành quân tái chiếm Quảng Trị. Bồi hồi xúc động tôi nghĩ: “Sao không chết người con giữa bom đạn chiến trường An Lộc mà Ba mẹ ở hậu phương lại chịu thảm cảnh này?”. Tội nghiệp song thân tôi, lúc Lộc Ninh thất thủ, Quảng Trị vẫn còn, Ông bà đã biết tin tôi bị mất tích tại Lộc Ninh, khi tôi được an toàn trở về, thì Quảng Trị lại bị lọt vào tay VC, cho nên tin mừng không đến được với hai đấng sinh thành...

Tôi đến gặp Thiếu Tá Đa xin phép ông được về Quảng Trị để lo toan công việc, Ông nói với tôi: “Thời điểm này toàn quốc đang cầm quân, thật rất khó khăn, để tính xem sao!”. Hôm sau Ông gọi tôi đến và anh thư ký đưa cho tôi một xấp giấy phép. Ông nói:” Tôi đã ký

cho anh từng tờ giấy phép 24 giờ, hãy cầm lấy mà sử dụng, đi đến ngày nào thì điền ngày tháng vào ngày đó và hủy bỏ tờ phép trước”. Tôi cảm ơn ông và lên đường, về Sài Gòn lấy vé máy bay ra Đà Nẵng, xong đi xe đò ra Huế.



Thiếu Úy Lê Cảnh Sao Đại Đội Trưởng ĐĐ 11/3/9 SD 5 BB.

Đến Huế đang không biết làm sao để về tới Quảng Trị nơi mà quân ta đang chiến đấu, đang giành giật từng thước đất từ tay quân thù, thì may mắn làm sao, tôi gặp lại được hai người anh em, một người anh rể và một người em rể từ Quảng Trị vào Huế để mua đồ tiếp tế cho Đơn vị đang tham chiến ngoài đó. Ba anh em bàn bạc mọi chuyện rồi đi đến trại mua gạo, cắt nhỏ thành ván hòm, xong rồi mang ra bến xe tìm cách qua giang xe để ra Quảng trị. Không khí chiến tranh cũng đã lan tràn vào Huế, xe nhà binh chạy tới lui nhộn nhịp, bụi mờ giăng thành phố, không còn nét dịu dàng

thơ mộng của Huế xưa!

Xe ra QL 1 chạy về hướng Quảng Trị chưa được bao lâu thì đã thấy những đoàn xe chạy ngược chiều, chờ đông bầy chạy giãc. Những chiếc tank T54, xe kéo pháo 130 ly, pháo phòng không hai nòng do quân ta tịch thu, được đem vào Huế. Không thấy bóng dáng một chiếc xe dân sự nào. Hai bên đường, các phần lực cơ nhào lộn lên xuống, họ đang yểm trợ cho các cánh quân bạn đang nỗ lực đẩy lui quân Cộng sản về rặng Trường sơn. Đến Diên Sanh là trạm trung chuyển, xe ngừng, chúng tôi đem đồ đạc xuống. Một số anh em Nhảy dù, TQLC đang ngồi ở đó thấy tôi mặc quân phục với phù hiệu SĐ 5 Bộ Binh họ vui mừng kêu lên: “ Sư Đoàn 5 đến rồi!”. Tôi cười nói với họ: “Không phải đâu, chỉ đi phép thôi, chúng tôi men theo hương lộ 555 để lần mò tìm về làng tôi còn cách xa nơi đây gần 10 km nữa. Làng quê tro trụi, tiêu điều dân chúng chạy trốn CS, không còn thấy bóng dáng một ai. Các lũy tre làng bị bom đạn chém phạt ngang, ngã rạp xuống đất, trống trải, chỉ thấy xa xa đường chân trời màu vàng úa với các cột khói của bom đạn bốc lên. Dọc đường đi rất nhiều hố bom cùng xác xe tank bị cháy rụi. Xác trâu bò sinh chương và một vài chú chó mất chủ chạy lang thang!. Chúng tôi đến Ba Bến, nơi gặp gỡ của hai con sông Vĩnh Định từ sông Thạch Hãn đổ vào, chảy ngang qua làng tôi, và sông Ô Lâu từ Mỹ Chánh chạy đến, tại đây có cây cầu phao do Công binh bắc qua bờ bên kia thuộc làng Nại Cửu là nơi đóng quân của Tiểu Đoàn 2 TQLC. Bên này bờ sông là nơi đóng quân của 1 Đại đội ĐPQ thuộc Tiểu đoàn 122 ĐPQ, họ đang trấn giữ mặt sau cho TĐ 2 TQLC. Từ đây về làng tôi khoảng 2 km nữa, ngủ lại với ĐĐ ĐPQ một đêm, sáng hôm sau chúng tôi qua sông tìm vào Bộ chỉ Huy TĐ 2 TQLC để xin phép về làng, tôi được gặp Thiệu tá Hợp Tiêu đoàn trưởng, tôi chào ông và xưng tên họ, đơn

vị, rồi trình bày lý do và xin được phép đi xuyên qua phòng tuyến của TĐ để về làng chôn cất song thân. Đầu tiên Ông bảo là không được, vì đây là phòng tuyến cuối cùng, không có đơn vị nào ở dưới làng tôi, tôi thất vọng nhìn ông và nói:” Thưa Thiệu tá tôi biết rõ những khó khăn và nguy hiểm chờ chực, nhưng phận làm con tôi không thể an tâm mà quay về một khi chưa làm được gì trước những cái chết của người thân, xin Thiệu tá hiểu cho”. Ông nhìn tôi, nhìn bộ quân phục tôi đang mặc với bảng tên, phù hiệu SĐ5BB, ông có vẻ thông cảm trước cảnh ngộ mà tôi đang gặp. Sau cùng ông bằng lòng cho phép chúng tôi vượt qua phòng tuyến của TĐ với lời nhắc nhở phải cẩn thận vì vô cùng nguy hiểm đang chờ chực chúng tôi. Tôi vui mừng cảm ơn và nói:” Chi xin Thiệu tá một điều là mong Thiệu tá dặn dò anh em binh sĩ đừng bắn mỗi khi chúng tôi ra vào phòng tuyến, buổi sáng chúng tôi đi và sẽ quay về khoảng lúc 3, 4 giờ chiều, thưa Thiệu tá”.



Công tác cuối cùng, lập bia mộ cho cha mẹ đã xong.

Lộc, người em rể của tôi tập hợp được chừng 10 anh em với vũ khí M16, M79 có cả súng M72. Mọi người vai thì vác vác hòm, tay cầm súng, lên đường xuyên qua phòng tuyến TĐ 2 TQLC, dè dặt tiến về làng tôi, lũy tre làng đã hiện ra trước mặt, nhà tôi ngay đầu thôn. Lòng tan nát trước cảnh thê lương, hoang tàn, con đã về đây, mẹ cha nay đã không còn nữa!. Quan sát, nhận định tình hình xong xuôi, chúng tôi chia nhau canh gác và đào 2 huyệt mộ trước

sân nhà. Trời đã về chiều, chúng tôi phải quay về Ba Bền ngủ lại. Ở đây chúng tôi cũng thường hứng chịu pháo các loại của VC bắn tới ngày đêm nhắm vào vị trí TD 2 TQLC. Ngày hôm sau, chúng tôi lại về làng tiếp tục công việc đang dang dở. Một điều may mắn cho gia đình chúng tôi là khi TQLC đổ bộ tái chiếm Quảng Trị có đơn vị Địa phương Quân của người em rể đi theo với nhiệm vụ giúp dân di tản, cũng như thanh lọc bọn VC trà trộn, khi hành quân qua làng, người em rể nhận điện được xác cha mẹ vợ nên đem chôn cất tạm thời nơi cánh đồng gần đó, chúng tôi đưa xác hai Ông bà lên, kỳ diệu thay Ông bà qua đời đã gần hai tháng và đang ở trong trạng thái phân hủy mà sao chỉ nghe thấy mùi ẩm mốc của đất đai, cây cỏ chung quanh, tôi nghĩ trong lòng, chắc song thân tôi đang phù hộ cho đàn con trong công việc. Chúng tôi đưa xác Ông bà về nơi nhà cũ và chôn cất vào hai huyệt mộ đã đào hôm qua, dùng vật liệu có sẵn trong nhà và dựng bia mộ tươm tất với hai câu thơ mà người em rể cam tác:

Một phút bom rơi gây biến cố.

Hai hàng nước mắt khóc phân ly.

Công việc xong xuôi, chúng tôi trở lại Ba Bền, xuống sông tắm rửa. Anh em ĐPQ đã nấu cơm sẵn, chúng tôi quây quần trên bãi cỏ ăn cơm chiều, dự tính ngày hôm sau sẽ lên đường chia tay với quê hương đang trong cơn khói lửa điêu tàn. Bất ngờ tiếng súng nổ vang, đạn cày xéo trước mặt, ngược nhìn theo tiếng súng, chúng tôi thấy một đoàn xe tăng từ phía làng Bích la Hậu, chừng mười chiếc dàn hàng ngang trên cánh đồng vừa tiến lên vừa bắn đại liên về hướng chúng tôi. Chiến xa tấn công! Anh em vội quăng chén đĩa, nhặt vội vũ khí và chạy nhanh về vị trí chiến đấu. Tôi cũng chộp một cây M72, núp vào một mô đất và dùng các thao

tác để đưa súng vào xử dụng. Bất ngờ một người lính chạy vội đến chộp lấy cây súng trên tay tôi và kêu lên: “Anh để đó cho em”. Tôi hụt hẫng đến tột độ, trong lúc lâm trận mà người lính không có vũ khí trong tay, tôi thần thờ nhìn anh em trong thế sẵn sàng, lòng thầm khâm phục người lính ĐPQ ở vùng địa đầu giới tuyến, trong tình thế trứng ọchị đá mà họ bình tĩnh đối phó, không chút nao núng hay sợ sệt và cũng hiểu rằng cây súng M72 mà tôi cầm lúc này là của anh lính đó. Ngoài cánh đồng đoàn chiến xa vẫn ô ạt tiến tới, nhả đạn như mưa, một vài quả M72 đã được phóng ra nhưng không trúng đích, mà tôi nghĩ cho dù có bắn cháy được một hai chiếc thì những chiếc còn lại sẽ nhào lên nghiền nát chúng tôi, phòng tuyến chúng tôi chỉ là những hố cá nhân mong manh được đào dọc sông Ô Lâu, sau lưng là bờ sông gần như thẳng đứng, tình hình gần như tuyệt vọng, có lẽ đây là trận chiến cuối cùng của mình chăng?. Đoàn chiến xa càng tiến gần chúng tôi, trong lúc thập tử nhất sinh thì bỗng nhiên Lộc từ lô cốt chỉ huy nhảy ra hô lớn: “Ngưng bắn, ngưng bắn, ngộ nhận rồi!”. Chúng tôi nhìn nhau thở phào nhẹ nhõm, nhưng cũng chờ bên chiến xa ngưng hẳn tiếng súng rồi mới ra khỏi nơi ẩn nấp, một vài tiếng chửi thề văng ra:” ĐM tụi Thiệt giáp chút nữa là chúng làm thịt mình rồi”. Tôi băng khuâng tự hỏi, nếu có chuyện gì xảy đến cho tôi ở chiến trường Quảng Trị thì ở SĐ 5 BB Thiệt tá Đa ăn nói làm sao với thượng cấp đây?. Âu cũng là điều may mắn cho tôi, đêm đó chúng tôi lại ngủ trên bãi cỏ, nhìn sao trời và những lần đạn pháo từ Hạm đội 7 bắn vào yểm trợ, những viên đạn pháo này nổ lần thứ hai trên không trung để đẩy đầu đạn đi xa thêm, tạo thành những đường sáng trên bầu trời trông cũng vui mắt, những người lính gọi đó là tăng tốc.



Lê cảnh Sao lập bàn thờ cầu nguyện cho Cha Mẹ.

Sáng hôm sau từ giã Đơn vị ĐPQ, từ giã vùng chiến trường ở Quảng Trị để trở lại Sài Gòn. Về đến nhà nghỉ ngơi một ngày và hôm sau lên Lai Khê. Bây giờ Tiểu Đoàn đã được bổ xung đầy đủ quân số, chúng tôi đến Phú Giáo để được huấn luyện bổ túc, khóa học do Cố vấn Mỹ phụ trách, hơn tháng sau thì hoàn tất và trở lại Lai Khê bắt đầu tham gia trở lại chiến trường miền Đông không kém phần khốc liệt, gian nan. Thời gian này bọn CS đã chuyển hướng hoạt động, chúng đem quân luôn sâu vào nội địa, mục đích lấn đất giành dân để hỗ trợ cho Hòa đàm Paris đang đi vào giai đoạn cuối.

Tiểu đoàn được trực thăng vận đến Phú Hòa Đông, nhận bàn giao chiến trường từ anh em Biệt Động Quân. Tiểu Đoàn 3/9 được lệnh tổ chức một cuộc hành quân giai tỏa áp lực địch nhằm về hướng Tây của Phú Hòa Đông. TĐ3/9 (-) gồm 3 ĐĐ do Thiếu tá Đa Chỉ huy xuất phát tiến lên hướng Bắc. ĐĐ 9 đi sau, bảo vệ BCH TĐ. Đại đội 10 của Trung úy Phòng và ĐĐ 11 của tôi, mỗi ĐĐ chia thành 2 mũi cùng song song tiến lên. Chừng 2 giờ sau thì chạm địch nặng, chúng tấn công ngay vào BCH Tiểu đoàn, chia cắt ĐĐ ra làm hai, đầu đuôi không tiếp cận được với nhau, đẩy bật BCH/TĐ và ĐĐ 9 lùi về cầu Bến Nậy, ĐĐ 10 và ĐĐ 11 bắt tay nhau phòng thủ tại chỗ, qua ngày sau VC lập vòng vây dự định tấn công hai ĐĐ chúng tôi, máy toán tiền đồn liên tiếp báo tin các hoạt

động của VC chung quanh, tôi xin Tiểu đoàn cho pháo binh và súng cối 81 tại BCH/TĐ bắn yểm trợ, sau những loạt đạn nổ, có những quả đạn lọt vào vị trí của hai ĐĐ chúng tôi, tiếng kêu rên la khóc vang rần, tôi điếng người, bị vây chưa ra được, giờ thêm anh em bị thương vong như thế này làm sao mà xoay trở? gọi máy kêu các Trung đội báo cáo tổn thất, các nơi báo cáo vô sự, ĐĐ 10 cũng thế, như vậy chúng tỏ bọn VC đã bám sát chúng tôi quá rồi, tôi gọi máy xin Thiếu tá Đa cho lệnh khẩn cấp, vì tình hình quá căng thẳng rồi, chúng sẽ tấn công chúng tôi đêm nay!. Một thời gian sau Ông gọi máy cho tôi. Ông nói: “Trung đoàn cho lệnh rút, chấp nhận hao hụt 1/2 quân số”, và ông dẫn luôn ĐĐ 10 về, sau 1972 các Sĩ quan được bổ sung về đơn vị tuy cấp bậc họ cao hơn tôi nhưng không có kinh nghiệm tác chiến cho nên Thiếu tá Đa đã giao nhiệm vụ nặng nề là đưa hai ĐĐ ra khỏi vòng vây VC cho tôi. Mặc dù Đại đội trưởng ĐĐ 10 là Trung úy, tôi đáp nhận và sẽ trình bày kế hoạch sau. Thực ra trong lúc bị vây tôi cũng đã tính sẵn kế hoạch sẽ hành động như thế nào khi cần thiết, tuy nhiên trong mọi chuyện phải chờ lệnh, hướng gần nhất để rút quân là hướng Nam và hướng Đông, tuy nhiên hai hướng này, VC đã chờ đón sẵn. Hướng Tây là hướng đi vào mặt khu của chúng, duy chỉ còn hướng Bắc, lên vùng chúng kiểm soát là ổn nhất. Rút ra khỏi vòng vây của chúng, rồi tìm đường về sau. Tôi trình bày kế hoạch lên Th/tá Đa và được ông chấp thuận, tôi sẽ không đánh thẳng vào phòng tuyến của VC mà đưa quân lên hướng Bắc ra khỏi vòng vây một khoảng cách an toàn rồi quẹo về hướng Tây, sau đó đi về hướng Nam để ra cánh đồng lúa gần cầu Bến Nậy, và tôi sẽ rút lui khi trời tối, Ông đồng ý và cho biết sẽ có một chiếc C47 bao vùng, thả trái sáng và bắn yểm trợ, tôi nói với Ông là tôi chỉ xin máy bay bao vùng còn trái sáng thì khi nào cần tôi mới yêu cầu và khi tôi di chuyển, sẽ giữ im lặng vô tuyến, 83 (Danh hiệu Truyền tin của Tiểu đoàn Trưởng) đừng gọi tôi và tôi cũng thế.

Tôi mời Trung úy Phòng ĐĐ 10 đến gặp và cho ông ta biết kế hoạch như vậy, xong xuôi chúng tôi cho lệnh anh em binh sĩ nài nỉ gọn gàng, chỉ mang theo súng đạn, vứt bỏ những gì linh kinh không cần thiết và chuẩn bị di chuyển. Anh em đã sẵn sàng, lúc đó chừng 8 giờ tối, ĐĐ 11 của tôi đi đầu mở đường và ĐĐ 10 theo sau, chúng tôi di chuyển chậm dưới ánh sáng mờ ảo của các vì sao, im lặng vô tuyến, tôi theo dõi sát sao hướng đi của Trung đội mở đường và cho các hướng dẫn cần thiết, tôi cũng xin tác xạ Pháo binh vào vị trí vừa rút bỏ, khoảng 3 giờ sáng chúng tôi đến một khoảng trống gần mé ruộng nơi cánh đồng của Bình Dương tiếp giáp Củ Chi, tôi thả phào nhẹ nhõm, thế là tôi đã đem 2 Đại Đội ra đến nơi an toàn không hao hụt một người lính nào, và anh em nào có hỏa châu cứ việc bắn lên trời thoải mái đồng thời yêu cầu C47 thả hoa châu soi sáng, sau đó men theo bờ ruộng, chúng tôi đi về hướng cầu Bến Nậy nơi BCH Tiểu đoàn đóng quân, đến nơi thì trời cũng vừa le lói sáng, thấy Thiệu tá Đa đang khoác tấm poncho ngồi suốt đêm bên ly cà phê chờ đoàn quân trở về. Chúng tôi ở lại Phú Hòa Đông chừng tuần lễ, Phú Hòa Đông, tên gọi nghe âm áp mà sao nhiều nhà có giao thông hào đi từ trong nhà ra tới 4 góc vườn. Đời sống người dân như luôn có hiểm nguy chờ chực... Sau đó đơn vị chúng tôi được trực thăng bốc về QL 13, khi đó VC đang cô lập QL 13 từ ngã tư Sở Sao đến Bến Cát. Tiểu đoàn 1/9 của Thiệu Tá Phạm Gia Quang hành quân giải tỏa từ mấy ngày nay mà chưa thành công, được TĐ 3/9 đến tiếp sức ngày hôm sau TĐ 1/9 đánh bật cộng quân ra khỏi ấp Cầu Đỉnh, giải tỏa QL 13. Sau đó TĐ 3/9 lại tiến lên giải tỏa ấp Bến Củi nơi có ngọn đồi gần cổng Nam Lai Khê nơi nào cũng giao tranh kịch liệt không một phút nghỉ ngơi

NGÀY ĐÌNH MỆNH:

Rời Cổng Nam Lai Khê chúng tôi đến chiến trường Bó Lá. VC cô lập đường 14 từ Bó Lá đến Sông Bé, Tiểu đoàn đóng quân ở Chánh

Lưu, Nhà đờ và đưa Đại đội 9 hành quân Trực thăng vận vào giữa Bình cổ, Bình Mỹ và Chánh lưu. ĐĐ9 chạm địch ngay khi mới xuống bãi đáp, Thiệu tá Đa sốt ruột, ngày hôm sau Ông dẫn ĐĐ10 và ĐĐ11 vào vùng hành quân của ĐĐ9, đến nơi ông được 1 ĐĐ của Tiểu đoàn 1/9 do Đại úy Thiệu chỉ huy đến tăng cường. Chúng tôi tiến vào vùng mục tiêu, ĐĐ10 và ĐĐ11 chia làm hai mũi tiến công, chẳng bao lâu ĐĐ 11 của tôi bên cánh phải chạm địch nặng, không sao tiến quân được, tôi xin Tiểu đoàn cho Pháo binh dọn mục tiêu, xong xuôi Thiệu tá Đa cho lệnh tiến, một lần nữa ĐĐ tôi bị đại liên VC bắn rất rát, không làm sao ngóc đầu lên được, tôi báo sự việc với Thiệu tá Đa. Lúc ấy Ông đang ở phía sau trận địa, cách tôi chừng 400 mét. Ông cho lệnh ngưng tấn công chờ phi pháo đến yểm trợ. Lúc sau Pháo binh ngoài Chánh lưu bắn ồ ạt vào mục tiêu rồi đến các phi tuần Skyraider của Không quân VN xuất hiện. Tôi vào hệ thống không lực chỉ điểm mục tiêu, hướng gió, máy bay nhào xuống thả bom xong rồi bay đi, để chiến trường lại cho chúng tôi giải quyết. Sau khi cho củng cố lực lượng chúng tôi tiến lên, nhưng hễ tràn lên là đại liên của chúng càn quét mãnh liệt. Binh sĩ của tôi đã có nhiều người ngã xuống, tôi báo cáo lên Thiệu tá Đa: “Chắc 83 cũng đã thấy, hỏa lực của chúng còn mạnh lắm”. Nói đến đó thì tôi nghe có tiếng nổ ầm ầm nơi BCH của Th/tá Đa. Liên lạc vô tuyến bị ngưng bật. Nhìn lui tôi thấy khói lửa mịt mù bay lên, gọi Ông vài lần nữa không thấy trả lời, linh tính cho tôi hiểu là có chuyện rồi. Tôi gọi Thiệu Úy Trần Thiện Hồng là đại đội phó của tôi lại và nói: “Ông coi phòng tuyến đại đội, đưa các anh em bị thương và chết lụi về phía sau”, và tôi đem theo một người lính truyền tin và hai cận vệ tìm đến BCH/TĐ. Đến nơi tôi nhìn thấy Thiệu tá Đa đã được y tá đưa lên một cái băng ca, ngực bê bết máu. Thấy tôi ông nói một cách yếu ớt: “Gọi tản thương”. Tôi đáp:” Dạ, em sẽ lo, 83 yên tâm nghỉ ngơi”, từ đó về sau Ông không nói gì thêm. Tất cả sĩ quan đi

theo bộ chỉ huy nhẹ của Tiểu đoàn với Ông đều bị thương nằm la liệt dưới đất, gồm Trung úy Thê Trưởng ban 3, Tiền sát viên Pháo binh, Sĩ quan Trợ y... Việc đầu tiên tôi gọi Trung Đoàn xin tản thương khẩn cấp, sau đó xin pháo binh yểm trợ. Trong lúc vội vàng tôi chụp đại ống liên hợp của máy PRC. 25 từ tay người lính Pháo binh, tôi gọi:” Đ ài tác xạ, đ ài tác xạ, đ ầy 393 xin bắn yểm trợ “. (393 là danh hiệu truyền tin của ĐĐT/ ĐĐ11). Gọi mãi không thấy ai trả lời, vì họ không có liên lạc hàng ngang cấp ĐĐ với tôi, lại nữa mỗi tác xạ PB đều do TSV/PB đảm trách, họ cảnh giác vì sợ VC lọt vào hệ thống truyền tin xin tác xạ vào quân bạn, may thay, lúc đó ở Đ ài tác xạ có Trung úy Hoài là Sĩ quan liên lạc của TĐ 53 Pháo binh cạnh Trung đoàn, ông nói với mọi người:”Tiếng ông Sao ĐĐT/ĐĐ11 đó, bắn cho ông ta đi “. Trung úy Hoài trước đó, thường đi Đ ề lô với TĐ 3/9, đôi lúc rảnh rỗi hay xuống Đ ại đ ội tác chiến nhậu nhợt, bù khú với tôi, nhờ Trung úy Hoài can thiệp nên Pháo binh đã tận tình yểm trợ, chặn đứng mọi ý đồ tấn công của VC. Trong lúc rối ren đó Đ ại úy Thiệu đến gặp tôi tại BCH TĐ đ òi rút quân, cũng có nghĩa là bỏ chạy, nhìn thương binh nằm la liệt trong đó có Thiệu tá Đa, tôi nổi giận bảo:” Đ ại úy là đ ơn vị tăng phái, Đ ại úy muốn rút thì cứ rút, còn chúng tôi thì không”!. Kinh nghiệm cho hay, giữa chiến trường mà rút lui, bỏ lại các thương binh, tử sĩ tại chỗ là điều không được phép xảy ra, vì sau đó mà trở lại vị trí là phải trả giá rất đắt và đôi khi là không thành công, trong lúc đó, Đ ại úy Long TĐ Phó từ Chánh Lưu gọi vào cho tôi, Ông bảo tôi hãy chỉ huy Tiểu đoàn ngoài đó, giữ vững vị trí chờ lệnh. Tôi nói với ông:” Ở đây còn có Đ ại úy Thiệu, Trung úy Phòng”. Ông TĐP nói đây là lệnh của Trung đoàn thì hành đi, mà thực tế từ lúc BCH TĐ bị nạn, một mình tôi điều động mọi chuyện. Trực thăng bay đến chúng tôi đưa được hết mọi thương binh, tử sĩ lên máy bay, tôi thở phào như trút được gánh lo âu. Về sau nghe Trung Úy Thê, Ban 3 TĐ cùng đi chung trực thăng tản thương kể lại,

Th. Tá Đa đã hy sinh ngay trên đường tản thương về TYVCH, hôm đó là ngày 22 tháng 11 năm 1972, ngày định mệnh của người hùng SĐ 5BB Thiệu tá Nguyễn Đa, Khoá 18 Võ Bị Đà Lạt. Con gái đầu lòng của ông cũng vừa tròn một tháng tuổi! Các phi cơ khu trục đã trở lại để yểm trợ, tôi cho bỏ bom quanh vị trí, chúng tôi bắt tay nhau phòng thủ qua đêm. Cũng vào ngày này, Thiệu tá Nguyễn Chí Hiền Tiêu Đoàn Trưởng TĐ 1/9 cũng bị trọng thương ở một mặt trận gần chúng tôi, Ông khóa 17 SQTB Thủ Đức, cũng là một Tiểu đoàn Trưởng kỳ cựu, nổi tiếng của SĐ 5BB. Khi viết những giòng này chúng tôi cũng mới nhận được tin buồn, Thiệu tá Nguyễn Chí Hiền đã qua đời tại Paris Pháp Quốc ngày 05/2/2023 hưởng thọ 85 tuổi. Các Chiến hữu ngày trước của Ông tại SĐ5BB/ QLVNCH xin nghiêng mình Bái Biệt Ông và chia buồn cùng tang quyến.



Giây phút cuối cùng ngồi bên mộ phần trước khi từ biệt để trở về đ ơn vị tận trong Nam.

Thời gian này VC tràn về nội địa xâm nhập xã ấp, cô lập đường giao thông khắp vùng lãnh thổ thuộc SĐ 5BB. Chúng cố tình gây thanh thế để hỗ trợ cho Hòa đàm Paris, lần đất giành dân. Cũng như các Đ ơn vị khác trong SĐ, chúng tôi tham chiến hết nơi này đến nơi khác. Chánh lưu tạm yên, lại chuyển quân về hướng Nam cầu sông Bé, Cộng quân cô lập một đoạn đường gần 1 km từ Bó laL đến cầu Sông Bé, muốn đánh đuổi chúng về rừng cũng tốn hao bao nhiêu máu xương anh em chiến sĩ, nhắc lại

chỉ để nói lên nhiều trường hợp có những diễn biến phức tạp nơi chiến trường đòi hỏi một cấp chỉ huy dù là nhỏ bé cũng phải biết bình tĩnh đối phó với tình huống bất ngờ xảy ra để bớt thiệt hại cho đơn vị. Tôi cũng kể lại một trận nhỏ cấp Đại đội mà tôi cũng đã gặp ngay lúc mới ra trường Thủ Đức cuối năm 1969 và những diễn biến bất ngờ xảy đến.

TRÂN CHIẾN ĐẦU ĐÒI LÍNH:

Cuối năm 1969, Tiểu Đoàn 3/9 đóng quân tại đồi 153 cách BCH Chi Khu Bô Đức chừng 600 m hướng Tây Bắc, thuộc tỉnh Phước Long, Bô Đức là một quận nhỏ bị cô lập hoàn toàn với Phước Long và quận Lộc Ninh của Bình Long lại rất gần biên giới Việt Miên. Dân chúng đa số là đồng bào Thượng, cách xa BCH Chi khu chưa đầy 2 km là vùng xôi đậu, đêm đến các lực lượng Địa phương rút về đồn là bọn VC từ bên kia biên giới mò về hoạt động kiếm ăn, tuyên truyền. Bấy giờ Quân lực Việt Mỹ chưa tổ chức các cuộc hành quân qua Campuchia nên VC coi bên kia biên giới, là khu an toàn và hoạt động mạnh mẽ. Hôm đó B52 thả bom dọc biên giới Việt Miên, nơi mà tin tức cho hay là có sự tập trung quân của VC, TD 3/9 tung ngay Đại đội 9 vào hành quân lục soát. Đại đội trưởng đi phép từ mấy ngày trước, vì tính chất quan trọng của cuộc hành quân. Thiếu tá Nguyễn Nhơn TĐT /TD 3/9 đưa ông tiểu đoàn phó là Đại úy Đô Đăng, Khóa 17 Võ Bị Đà Lạt xuống dẫn Đại Đội đi hành quân có hai Cố vấn Mỹ cùng đi. Đại Đội xuất phát đến mục tiêu. Khi đến gần khu vực đánh bom B52, Đại đội dừng quân và tung Trung đội 3 là Trung đội của tôi làm Trung đội trưởng lên lục soát. Đến nơi tôi báo về cho Đ/úy Đăng là B52 đánh trúng mục tiêu nhưng VC đã di chuyển khỏi khu vực, bằng chứng là những gói cơm của chúng còn lại đã bị lên nấm mốc. Ông dẫn ĐĐ rút trở về căn cứ. Đi được nửa chừng thì trời ngã về chiều, chúng tôi dừng lại, tổ chức phòng

thủ qua đêm. Chúng tôi đóng quân trong một khu rừng già, anh em lo đào hố cá nhân, tung các toán tiền đồn và gài mìn Claymore, thông thường khi Đại đội dừng quân phòng thủ đêm thì Trung đội trưởng thường nằm ngủ phía sau khẩu Đại liên M60 của Trung đội, sau khi đào hầm và đặt súng đại liên xong, Hạ sĩ Luyện, xạ thủ M60 đến nói với tôi: “Chuẩn úy ơi, phía trước có một cây cổ thụ ngã xuống và phần gốc rễ hướng vào phòng tuyến mình”. Tôi ra xem và hỏi Hạ sĩ Luyện: “Còn mìn Claymore không”? Luyện nói còn. “Vậy thì gài vào đây một quả”. Xong rồi tôi trở lại phòng tuyến, lên võng nằm vì màn đêm đang xuống dần, chẳng bao lâu sau tôi bỗng nghe tiếng anh lính gác hô lên: “VC... VC...”. và tiếng súng nổ vang, sau đó súng nổ rền khắp tuyến phòng thủ của Đại đội, VC hô: “xung phong... xung phong...”. Anh em chiến sĩ phản ứng lại bằng tiếng mìn Claymore nổ vang trời, tiếng la hét, kêu gào của VC vang lên khắp tuyến phòng thủ, có lúc tiếng súng im bật chúng tôi nghe rõ tiếng xột xoạt của lá rừng khô. Sau này mới biết tiếng động là do việc kéo xác chết và bị thương của chúng. Súng nổ dai dẳng đến nửa đêm, bỗng nghe một số tiếng nổ của đạn pháo, rơi ngay vào vị trí trung tâm của phòng tuyến, tiếp đó là những im lặng ngắt quãng, thời gian nặng nề trôi qua, trong bóng đêm tôi nghe tiếng xào xạc rất gần, giật mình nhìn lại, khuôn mặt của Trung sĩ I Kiểm Trung đội Trưởng Trung đội 1 hiện ra, Kiểm thì thâm bảo tôi: “Chuẩn úy ơi, Bộ chỉ huy Đại Đội chạy hết rồi”. Tôi ngỡ ngàng, giữa chiến trường trong lúc đang chiến đấu sống chết với địch, biết làm sao đây?. Tôi thực sự bối rối, quân trường đâu có dạy mình tình huống này, tôi hỏi lại: “Chắc không?” Kiểm nói: “Chắc, cả Thiếu úy Lịch ĐDP cũng không thấy đâu”. Tôi hỏi thêm: “Trung sĩ I Bôn Trung đội 2 có còn không?” Kiểm trả lời: “còn”. Bấy giờ, bản năng ứng phó của một người lính mới ra trường chưa được hai tháng

chỗ này, tôi nói với Kiêm: “Thôi được rồi, bây giờ ba anh em mình bắt tay nhau chống trả VC cho qua đêm nay, đến sáng chắc chắn Tiểu đoàn sẽ có cứu viện và kể từ bây giờ anh em ai ở nguyên vị trí này, hễ ai di chuyển trên mặt đất phải được coi là VC, bắn ngay”. Trung sĩ I Kiêm xiết tay tôi và bỏ đi, mang theo lời nhắn của tôi đến Tr si I Bôn Trđ 2. Chiến trường bây giờ chỉ có tôi, Chuẩn úy mới ra trường là cấp bậc cao nhất tại mặt trận. Tôi lấy tất cả băng đạn M16 mà tôi mang theo bày ra trên miệng hố cá nhân, sẵn sàng nhả đạn khi phát hiện có sự di chuyển gần vị trí của mình. Hai bên vẫn trao đổi nhau bằng súng cá nhân, trong lúc hoang mang thì trực thăng của Mỹ bay đến, thả dây xuống kéo 2 Cố vấn Mỹ đi, sẵn dịp tôi cũng xin cho quá giang được mấy thương binh. Chiến trường yên lặng một cách đáng nghi ngờ, C47 bay đến thả hỏa châu và tác xạ yểm trợ. Tôi quay lại phòng tuyến với anh em trong Trung đội 3, VC lại mở cuộc tấn công mới, tôi thấy nhiều ánh lửa loé lên và nhiều tiếng nổ vang trước vị trí Đại liên M60, tôi lo ngại cho số phận của Hạ sĩ Luyện, xạ thủ đại liên, VC đã dò ra vị trí súng cộng đồng của tôi, nên chúng tập trung hỏa lực vào đó, sợ Luyện có mệnh hệ gì, tôi thì thầm, gọi nhỏ trong bóng đêm: “Luyện ơi, Luyện ơi, có sao không?”. Gọi hai ba lần thì Luyện trả lời tôi rất bài bản là, xiết nhẹ cò súng, đạn chỉ nổ bùm bùm, hai ba phát một rồi ngưng, tôi yên tâm, cứ nghe thấy thủ pháo nổ nơi vị trí Đại liên M60 là tôi gọi thăm chừng xem Luyện có bình yên không?. Chợt nhớ ra, tôi hỏi:” ban chiều có đặt mìn claymore nơi gốc cây không “?”. Da có”! vậy sao không bấm mìn đi mà chân chờ gì nữa “? Một tiếng nổ âm vang, tôi mừng rỡ, nhờ ơn trên, hỏa lực xối xả nơi vị trí Đại liên ngay từ đầu trận chiến mà sao tới giờ dây mìn không đứt? sau tiếng nổ của Luyện, tiếng súng giao tranh im bặt cho đến sáng, lục soát chúng tôi thấy rất nhiều xác,

nhiều vũng máu cũng như những dấu vết kéo xác trên lá khô, riêng tại nơi gốc cây đổ trước phòng tuyến của tôi, ba xác VC nằm cong queo cùng vũ khí. Riêng cái chân ba còng của cây đại liên M60 thì một còng bị cong queo. Xin cảm tạ ơn trên đã che chở cho chúng tôi và thiệt hại toàn Đại Đội không đáng kể. Nhưng cái tổn thương to lớn nhất là về tinh thần, khi các cấp chỉ huy đã bỏ chạy, bỏ mặc thuộc cấp bơ vơ giữa chiến trường.



Đại Đội 11/3/9/SĐ5BB tập hợp điểm danh và nhận lệnh chuẩn bị hành quân.

Chừng 10 giờ sáng hôm sau thì Đại tá Mã Sanh Nhơn từ Chơn Thành bay lên Bô Đức cùng Th. tá Nguyễn Nhơn dẫn ĐĐ 10 lội rừng đến với chúng tôi, trên khuôn mặt một vài người lính trẻ còn vẻ ngơ ngác sau một đêm bị bỏ rơi nơi trận địa. Xác VC còn nằm lại đó, súng ống VC chúng tôi tịch thu, đã được đem đi mà sao sau đó chẳng hề nghe ai nhắc tới điều gì cho các chiến binh ĐĐ 9, những người đã đầu lung chiến đấu suốt một đêm dài...

Chiến trường xưa đã qua hơn nửa thế kỷ, người xưa nay chẳng gặp lại ai, chuyện buồn vui nơi chiến trường nhắc lại như là một kỷ niệm của một thời trai trẻ phục vụ Tổ Quốc.

California, những ngày đầu Xuân Quý Mão 2023

LÊ CẢNH SAO

Bích Hà

Nói đến Sư Đoàn 5 Bộ Binh, thường chúng ta nghĩ ngay đến Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, đến 1 Sư Đoàn là chủ lực chính trong 68 ngày tử thủ tại An Lộc; Hay chúng ta nghĩ ngay đến Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ, những ngày tháng dù biết đất nước đang bị những cường

Hoa, và vị Tư Lệnh đầu tiên là Đại Tá Vòng A Sáng. Sau Hiệp Định Genève năm 1954, Sư đoàn 3 Sơn Cước di chuyển vào Nam, đồn trú tại Sông Mao, sau đó đổi tên thành Sư Đoàn 6, rồi Sư Đoàn 6 Dã Chiến, rồi Sư Đoàn Dã Chiến số 41, và cuối cùng vào ngày 1 tháng 10 năm

Vị Tư Lệnh Thứ 2 Của Sư Đoàn Nùng, Tiền Thân Của Sư Đoàn 5 Bộ Binh

quốc bức tử, vẫn cùng các quân nhân dưới quyền anh dũng chiến đấu, cho đến những phút cuối cùng, vẫn gây thiệt hại khiến Cộng Quân khiếp vía và cái chết tự sát để tuần tiết của ông vì từ chối đầu hàng. Nhưng có lẽ ít người biết đến tiền thân của Sư Đoàn 5 Bộ Binh là Sư Đoàn 3 Dã Chiến, 1 sư đoàn gần như hoàn toàn gồm những chiến binh sắc tộc Nùng, nên đã từng được gọi là Sư Đoàn Nùng; Và có lẽ càng không ít người biết là vị Tư Lệnh thứ 2 của sư đoàn, nhưng lại là vị tư lệnh đầu tiên không phải là người của sắc tộc Nùng, nhưng lại thấu phục được sự quý mến và tuân phục của những quân nhân rất khó chấp nhận 1 vị chỉ huy không phải là người cùng 1 sắc dân Nùng như họ. Vị tư lệnh này chính là Đại Tá Phạm Văn Đồng, sau này là Thiếu Tướng Phạm Văn Đồng.

Sư đoàn 5 Bộ Binh được thành lập vào ngày 9 tháng 3 năm 1955 tại Sông Mao, tỉnh Bình Thuận, với danh xưng ban đầu là Sư Đoàn 6 Bộ Binh, do Đại Tá Vòng A Sáng làm Tư Lệnh đầu tiên. Nhưng sư đoàn, trên thực chất là biến thân của Sư Đoàn 3 Sơn Cước thuộc Quân Đội Liên Hiệp Pháp, được thành lập với nhiệm vụ bảo vệ khu vực mỏ than Hòn Gai tại Móng Cái, và đồn trú tại biên giới Việt

1954, chính thức trở thành Sư Đoàn 3 Dã Chiến. Đầu năm 1957, Đại Tá Vòng A Sáng, do khuynh hướng thân Pháp, đã gây khó chịu cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm, nên Tổng Thống Diệm đã tìm nhân tuyển để thay thế. Tuy nhiên, nhân tuyển này phải có đủ điều kiện để có thể gây được lòng tin tưởng và sự khâm phục của các quân nhân, đa số thuộc sắc tộc Nùng, vốn nổi tiếng cứng cỏi và sùng bái vị tư lệnh cùng 1 sắc dân của họ là Đại Tá Vòng A Sáng. Sau cùng, Trung Tá Phạm Văn Đồng, lúc đó đang là Tư Lệnh Phân Khu Duyên Hải, trú đóng tại Nha Trang, là người được chọn. Ông được thăng cấp Đại Tá trước khi nhậm chức Tư Lệnh Sư Đoàn 3 Dã Chiến, và đúng như sự tiên liệu, dù không phải người của sắc tộc Nùng, ông lại trở thành người được các quân nhân sắc tộc Nùng thương kính, cho đến rất nhiều năm sau. Ngoài lý do là nhờ tài chỉ huy và sự quan tâm, lo lắng cho binh sĩ các cấp, còn do xuất thân và cuộc hôn nhân với người vợ tào khang, khuê danh Lê Thị Lý của ông.

Đại Tá Phạm Văn Đồng sinh năm 1919 tại Sơn Tây, Bắc Việt, trong 1 giờ học nhiều đời làm nghề dạy học, với tên được ghi trong khai sinh lúc đầu là Phạm Văn Đồng. Ông là người con duy nhất của cụ bà Nguyễn Thị Quyển và

cụ ông Phạm Văn Duyệt, 1 cụ đồ nổi tiếng đồng học trò tại Phủ Quốc Oai của Sơn Tây. Ông học Trung Học tại trường Đỗ Hữu Vị, tốt nghiệp năm 1938. Sau khi tốt nghiệp, ông thi và trúng tuyển vào trường Cao Đẳng Sư Phạm tại Hà Nội. Cuối năm 1939, vì lý do gia cảnh cùng tình hình phức tạp của đất nước, ông bỏ dở việc học, tình nguyện gia nhập quân đội. Đầu năm 1944, ông được bổ nhiệm về Móng Cái với chức vụ Sĩ Quan Vật Liệu của Tiểu Đoàn 19 Bộ Binh Thuộc Địa. Tại đây, ông đã làm quen và xin cưới 1 thiếu nữ thuộc 1 giòng họ quyền quý của sắc tộc Nùng. Người thiếu nữ có khuê danh Lê Thị Lý,



vào những năm đầu của thập niên 40, đã nổi tiếng không những vì nhan sắc xinh đẹp, mà còn vì cô thông thạo Pháp văn, ngoài ra, còn có thể cưỡi ngựa, bắn súng thành thạo. Chuẩn Úy Phạm Văn Đồng đã chinh phục được trái tim của cô Quận Chúa miền Thương Du Bắc Việt là nhờ vào những bài thơ tình, ký dưới bút hiệu Nùng Khánh Lâm, được ông kín đáo trao cho cô những lần ông đến thăm cô tại tư dinh của gia đình cô. Sau khi lập gia đình, ông bắt đầu học tiếng Nùng, hội nhập vào sắc tộc này, cũng như khởi công hướng dẫn, đào tạo nhiều thanh thiếu niên Nùng về văn hóa, kiến thức tổng quát, tình hình đất nước, vv.. và rất nhiều thanh thiếu niên này, về sau đã trở thành những sĩ quan lỗi lạc của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Năm 1946, với cấp bậc Thiếu Úy, ông được lệnh chuyển về Nam, đồn trú tại Gò Công, Thành Tuy Hạ, Long Thành. Năm 1947, thăng cấp Trung Úy. Năm sau, ông được lệnh trở ra Bắc, làm Chánh Văn Phòng cho ông Nghiêm Xuân Thiện, Tổng Trấn Bắc Việt.

Năm 1950, thăng cấp Đại Úy. Từ năm 1950 đến 1953, với cấp bậc Thiếu Tá, rồi Trung Tá, ông lần lượt giữ các chức vụ Chỉ Huy Trưởng Liên Đoàn 2 Việt Nam (GM 2), và đã chỉ huy binh sĩ tham dự các trận chiến tại Phủ Lý, Đông Các, Ninh Bình, Thái Bình, Nam Định và ngay cả Na San, 1 chiến trường khốc liệt chỉ sau Điện Biên Phủ. Năm 1953, Trung Tá Phạm Văn Đồng được bổ nhiệm làm Chỉ Huy Trưởng Phân Khu Bùi Chu kiêm Tổng Chỉ Huy Khinh Quân và Trọng Pháo Bắc Việt, với trách nhiệm triệt hạ các đơn vị Việt Minh, cùng bình định các vùng Bùi Chu, Phát

Diệm, Thái Bình. Thời gian này, ông đã chiến đấu sát cánh cùng các linh mục và giáo dân của Chiến Khu Bùi Chu, và trở thành bạn tri kỷ của Đức Cha Phạm Ngọc Chi và linh mục Hoàng Quỳnh, dù ông không phải là người Công Giáo. Năm 1954, ông tiếp nhận Trung Tâm Huấn Luyện Quân Sự Quảng Yên do người Pháp bàn giao, và thành công trong nhiệm vụ di chuyển toàn bộ trung tâm vào Nam. Đầu năm 1955, Trung Tá Phạm Văn Đồng được bổ nhiệm làm Tư Lệnh Phân Khu Duyên Hải, có bộ Tư Lệnh đặt tại thị xã Nha Trang. Đầu năm 1957, ông được thăng cấp Đại Tá và thay thế Đại Tá Vòng A Sáng, trở thành Tư Lệnh Sư Đoàn 3 Dã Chiến, tiền thân của Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Gần cuối năm 1958, Đại Tá Phạm Văn Đồng rời chức vụ Tư Lệnh Sư Đoàn để sang Hoa Kỳ học khóa Tham Mưu Cao Cấp tại trường Chỉ Huy Tham Mưu tại Fort Leavenworth ở tiểu bang Kansas. Năm 1959, trở về nước, Đại Tá Phạm Văn Đồng được bổ nhiệm làm Tư Lệnh Phó Quân Đoàn 3 và Quân Khu 3.



Đại Tá Phạm Văn Đồng, Tư Lệnh Sư Đoàn 3 Dã Chiến (bên trái) và một Đại Úy dưới quyền (bên phải)

Sau cuộc Cách Mạng tháng 11 năm 1963, Đại Tá Phạm Văn Đồng được trở lại với chiến trường, trong chức vụ Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh. Chỉ trong vòng 2 tháng, với lối đánh thần tốc và vũ bão, ông và Sư Đoàn 7 Bộ Binh đã phá vỡ 90% những mật khu của Cộng Sản. Các phóng viên chiến trường ngoại quốc đã xưng tụng ông là “The Tiger of The Mekong Delta” tức Mãnh Hổ của Đồng Bằng Cửu Long. Do đó, Bắc Việt đã hạ lệnh cho Trung Tá Cộng Sản Dương Văn Nhứt, liên lạc và thông qua Quốc Trưởng Dương Văn Minh, buộc ông rời chức vụ, sang Đài Loan làm Tùy Viên Quân Sự. Nhưng chỉ 3 tháng sau, Dương Văn Minh bị buộc rời chính quyền, ông được Quốc Trưởng Nguyễn Khánh triệu hồi về nước, vinh thăng Chuẩn Tướng, rồi vinh thăng Thiếu Tướng, và giữ chức Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô kiêm Tổng Trấn Sài Gòn - Gia Định. Trong chức vụ này, ông đã thành công phá vỡ những tổ chức tình báo và đặc công của Cộng Sản Bắc Việt, và Bắc Việt đã treo giá 100 ngàn Mỹ Kim cho chiếc đầu của ông. Đầu năm 1966, khi ông Nguyễn Cao Kỳ làm Chủ tịch Ủy Ban Hành

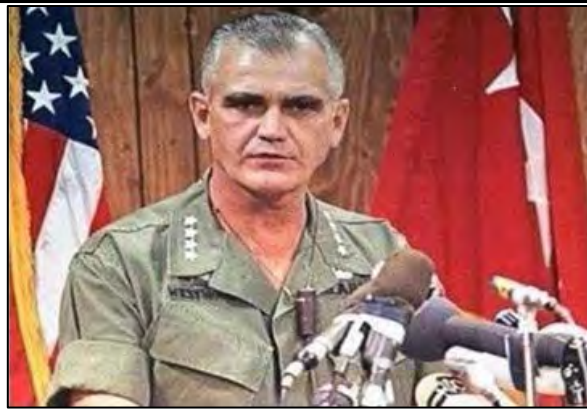
Pháp Trung Ương, ông đã bị ép về hưu.

Có lẽ Thiếu Tướng Phạm Văn Đồng là vị tướng lãnh duy nhất có một đơn vị riêng là Đại Đội Chiến Binh Nùng. Đại đội chiến binh Nùng được thành lập khi ông là Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô kiêm Tổng Trấn Sài Gòn - Gia Định. Những quân nhân Nùng này được Hoa Kỳ huấn luyện cùng lúc với những người lính của lực lượng Biệt Kích của họ, nhưng được đặt dưới quyền điều động và chỉ huy của Thiếu Tướng Phạm Văn Đồng, cho công việc triệt hạ những tổ chức tình báo và ổ đặc công công sản, cũng như trong việc bảo vệ ông cùng gia đình. Do có thêm nhiệm vụ bảo vệ ông và gia đình, nên ông và phu nhân đã chia cùng với cơ quan Trách Nhiệm và Thảm Quyền Hoa Kỳ 50% chi phí của lương bổng cùng những trang bị khí giới cần thiết cho Đại Đội Nùng. Năm 1966, sau khi ông về hưu, phía Hoa Kỳ ngừng hoàn toàn những chi phí cho Đại Đội Nùng, và họ đã hoàn toàn trở thành quân đội của riêng ông, vì họ chỉ còn nhận tài trợ cũng như được trang bị vũ khí, từ phương tiện tài chánh riêng của phu nhân ông. Trong biến cố Tết Mậu Thân 1968, người sĩ quan tùy viên của ông, Thiếu Úy Lê Nhật Quang, cùng với trưởng nam của ông, lúc đó chỉ 18 tuổi, đã chỉ huy những binh sĩ này đi tảo thanh quân Cộng Sản Bắc Việt tại quân 5, nơi có tư dinh của ông. Năm 1969, khi Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm trở về nước, thành lập Nội Các, ông đã được bổ nhiệm làm Tổng Trưởng Bộ Cựu Chiến Binh. Thành tựu vang của ông là đã thành lập được làng Thương Phế Binh để cho những người lính đã hi sinh thân thể có được 1 mái nhà. Ngoài ra, ông thầy giáo hực Phạm Văn Đồng cũng đã thành lập được 1 thu viện cho trường Quốc Gia Nghĩa Từ tại Sài Gòn, và điều này là 1 điều hiếm thấy, vì ở thời điểm đó, ngay những trường trung học lớn và nổi tiếng tại Sài Gòn cũng không có thư viện riêng. Mong ước của ông là 1 ngày hết

chiến tranh, từ vĩ tuyến 17 trở vào, mỗi tỉnh sẽ có ít nhất 1 Làng Thương Phế Binh, và 1 ngôi trường Quốc Gia Nghĩa Tử với đầy đủ phương tiện học tập cho con cái của những người lính đã chiến đấu, đã công hiến, đã hi sinh cho đất nước. Nhưng rồi nước mất nhà tan, ước mơ của người lính già Phạm Văn Đồng cũng tan theo vận nước điêu linh!!

Sau ngày mất nước, ông và gia đình định cư tại tiểu bang Virginia. Bao nhiêu năm ôm hận mất nước, cũng là bao nhiêu năm ông đau đầu với nỗi hận không thể ôm trọn cái gia đình thứ

2 là Quân đội Việt Nam Cộng Hòa đến được những vùng đất tự do. Trong những năm tháng cuối đời, ông vẫn âm thầm giúp đỡ tài chánh cho nhiều thương phế binh còn nơi quê nhà. Ngày 26 tháng 11 năm 2008, người lính già qua đời. Trăn trở của ông cho các con là “Hãy cố gắng thay bố lo cho các chú, các anh còn ở Việt Nam”. Vị Tư Lệnh thứ nhì của Sư Đoàn 5 Bộ Binh đã luôn tận tụy với những chiến hữu, đồng đội thuộc cấp của mình, cho đến lúc nhắm mắt!



Chúng ta không thua ở VN nhưng chúng ta đã không giữ lời cam kết với QLVNCH, đồng minh của chúng ta. Thay mặt cho quân đội Hoa Kỳ, tôi xin lỗi các bạn cựu quân nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa vì chúng tôi đã bỏ rơi các bạn.

On behalf of the United States Armed Forces I would like to apologize to the Veterans of the South Vietnamese, Armed Forces for abandoning you guys

General Williams. C. Westmoreland



Vị Tư Lệnh Cuối Cùng Của Sư Đoàn 5 Bộ Binh QLVNCH

CHUẨN TƯỚNG LÊ NGUYÊN VỸ

Phạm minh Huyền - Phòng 3 BTL SD5/BB.

Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ là vị Tư Lệnh cuối cùng của SD5BB. Ông được mô tả là một vị Tướng rất năng động, có nhiều sáng kiến được ban ra cho các Đơn Vị thuộc quyền bắt chập hoàn cảnh khó khăn nào xảy đến. Những ý kiến độc đáo, nhạy bén, tùy cơ ứng biến của Ông luôn tạo niềm tin và mang lại chiến thắng cho các Đơn Vị.

Đầu năm 1972, sau khi nhận được tin tình báo là Việt cộng sẽ đánh lớn vào vùng biên giới giữa Campuachia và tỉnh lỵ Bình Long hoặc tỉnh lỵ Tây Ninh. Tin tức này được phóng ra từ các giới chức của các bên trong Hội Nghị hòa đàm Ba - Lê, Pháp quốc nơi đang có thảo luận, đàm phán về việc chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam. Phe Cộng sản bắc Việt muốn có mảnh đất cấm dùi, để lập thủ đô cho cái gọi là Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam do chúng nặn nên. Chúng đã tuyên truyền nhiều về điều này và nay đã đến ngày giờ cho chúng thực hiện ý đồ.

Đầu năm 1972, khi tôi cầm Sự Vụ Lệnh được chuyển từ Tiểu Đoàn 2, Trung Đoàn 8 Bộ Binh, về trình diện Bộ Tư Lệnh/ Phòng 3 Sư Đoàn đang đóng tại căn cứ Lai-Khê. Lập tức sau khi trình diện, tôi được lệnh Trưởng Phòng 3 là lên làm việc với Phòng 3 của Bộ Tư Lệnh Hành Quân trên An Lộc. Phòng 3 chúng tôi trên An Lộc có nhiệm vụ yểm trợ, theo dõi các cánh quân của Sư Đoàn đang hoạt động dài dài theo biên giới. Có các cánh quân phải hành quân vượt qua bên kia biên giới với Campuachia. Và cũng có những cánh quân đã hành quân lấn sang cả vùng Mỏ Vẹt, Tây Ninh là phạm vi lãnh thổ của Sư Đoàn 25 Bộ Binh để truy lùng địch. Tại Bộ Tư Lệnh hành quân, hàng ngày, sáng chiều, chúng tôi phải tham dự các buổi họp với vị Sĩ Quan cao cấp nhất của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Hành quân trên An Lộc, chủ tọa các buổi họp là Đại Tá Lê Nguyên Vỹ. Trong khi thuyết trình, chúng tôi đều thưa, "Kính Thưa Đại Tá Tư

Lệnh Phó Sư Đoàn”... (Sở dĩ, tôi phải kể rõ như vậy vì có nhiều nguồn dư luận đã bàn tán và ngay trong phần đầu của cuốn sách tài liệu về Trận chiến An Lộc của tác giả Nguyễn Văn Dường, nguyên Trung Tá Trưởng Phòng 2 Sư Đoàn. Trung Tá Dường đã viết là Đại Tá Lê Nguyên Vỹ không phải là Đại Tá Tư Lệnh Phó Sư Đoàn?. Thế thì tôi xin hỏi?. Ai là Tư Lệnh Phó thời gian đang xảy ra trận chiến An Lộc?. Ngay sau ngày 7 tháng 7 năm 1972, tức là ngay sau ngày Tổng Thống Thiệu lên An Lộc thì chúng tôi mới thấy có lệnh bổ nhiệm cho Đại Tá Mạch Văn Trường từ Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 8 Bộ Binh lên làm Tư Lệnh Phó Sư Đoàn. Lệnh Bổ Nhiệm này được ban hành với chữ ký của Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng Tư Lệnh ngay trong hầm hành quân trên An Lộc. Một thời gian ngắn sau đó, Đại Tá Trường được đi làm Tỉnh Trưởng Long Khánh).

Đầu tháng 3 năm 1972, tình hình vùng biên giới thêm căng thẳng, nhất là vùng biên giới giữa Mimot của Campuchia và tỉnh Tây Ninh. Đại Tá Lê Nguyên Vỹ được lệnh của Trung Tướng Nguyễn Văn Minh Tư Lệnh Quân Đoàn III, từ An Lộc bay sang Tây Ninh để làm Phụ Tá Hành quân đặc biệt cho ông bên Tây Ninh. Thay thế vị trí của Đại Tá Lê Nguyên Vỹ ở Bộ Tư Lệnh Hành Quân ở An Lộc là Đại Tá Bùi Đức Diễm, nguyên Tỉnh Trưởng Long Khánh đến thay thế. Hàng ngày, chúng tôi thuyết trình cho Đại Tá Diễm với danh xưng, “Kính Thưa Đại Tá Phụ Tá Hành Quân cho Tư Lệnh... chứ không phải là Tư Lệnh Phó như Đại Tá Vỹ.

Các cuộc hành quân truy lùng địch vẫn ráo riết diễn tiến quanh vùng biên giới giữa Snoul, Mimot, Tây Ninh và Lộc Ninh của Bình Long. Đầu tháng 3 năm 1972, Chiến đoàn 52 thuộc Sư Đoàn 18 BB lên tăng phái cho Chiến Đoàn 9 Bộ Binh, họ đóng quân tại Căn cứ Hùng Tâm. Sang cuối tháng 3-1972, thì lực lượng chủ động của Chiến Đoàn 9 Bộ Binh gồm có 1 Đại

Đội 9 Trinh Sát + 3 Tiểu Đoàn của Trung Đoàn 9 + Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh(-) + các Đơn vị Pháo của Tiểu Đoàn 53 Pháo binh đều dồn quân qua phía phải của con đường Quốc Lộ 13, tức phía phải của Ngã 3 Lộc Tấn, lấy con đường Liên Tỉnh Lộ 14A làm trục án ngữ chính. Những đơn vị đang hành quân ở vùng này được trao cho Trung Tá Nguyễn Văn Dương là Thiết Đoàn Trưởng Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh điều động. Lực lượng này còn có thêm Tiểu Đoàn 74 Biệt Động Quân Biên Phòng đóng tại Căn Cứ A, gần biên giới nữa. các đơn vị hành quân kéo dài tới giáp ranh với con Sông Bé thuộc Tỉnh Phước Long để truy lùng địch, nhưng không có kết quả.

Đêm ngày 4 tháng 4, rạng sáng ngày 5 tháng 4 năm 1972 địch khai hỏa vào Lộc Ninh. Bộ binh, chiến xa và pháo binh địch đồng loạt tấn công vào Lộc Ninh và những điểm trọng yếu chung quanh. Chúng đã xóa sổ các đơn vị trên Lộc Ninh và lấy được Lộc Ninh vào buổi trưa ngày 7 tháng 4 năm 1972.

Đại Tá Lê Nguyên Vỹ từ Tây Ninh trở về An Lộc trưa ngày 7 tháng 4 năm 1972 để cùng Chuẩn Tướng Tư Lệnh Lê Văn Hưng, tổ chức kế hoạch phòng thủ, chiến đấu giữ vững An Lộc không để địch chiếm An Lộc mặc dù quân số của địch vượt trội rất nhiều lần. Tôi thấy Đại Tá Vỹ tất bật, chạy đôn, chạy đáo đầu nọ góc kia để lo củng cố các vị trí phòng thủ chung quanh Thị Xã An Lộc. Tất cả các đầu con đường có thể tiến vào Thị xã đều được gài mìn chống chiến xa và có đặt chướng ngại vật để làm chậm bước tiến của quân thù.

Trong trận chiến An Lộc mùa Hè đỏ lửa 1972, những đêm trước ngày tấn công, Việt cộng đã man pháo vào Thị xã với màn pháo khủng khiếp suốt cả đêm và tờ mờ sáng, chúng sẽ ngưng pháo để lực lượng của chúng tấn công. Ngày 13 tháng 4 năm 1972 là ngày đầu

tiên chiến xa và bộ đội cộng sản Bắc Việt tấn công vào Thị xã An Lộc. Ngày 15 tháng 4 năm 1972 là lần thứ 2. Ngày 18 tháng 4 năm 1972, là lần thứ 3 Việt cộng tấn công. Trong ngày này, xe tăng của chúng đã thọc sâu vào Thị xã và là lần duy nhất chiến xa địch đã vượt thoát qua hàng rào phòng thủ của các đơn vị Biệt Động Quân phụ trách suốt từ trên sân bay Đồng Long, đồng thời cũng vượt qua được tuyến phòng thủ của Tiểu Đoàn 3 Trung Đoàn 7, Sư Đoàn 5 Bộ Binh án ngữ dài theo con đường Nguyễn Huệ. Chiếc xe tăng này đã tiến đến công Bộ Tư Lệnh hành quân SĐ5BB, chúng loay hoay, chần chừ, nửa muốn đi vào, nửa muốn quay ra. Chúng đang đi tìm mục tiêu mà có lẽ chúng cũng chưa xác định được là ở đâu?. Cuối cùng chúng đã quay xe ra và đi tiếp trên con đường Nguyễn Huệ hướng xuống phía nam nơi có Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu Bình Long và có Bộ Chỉ Huy của Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù đóng chung với nhau trong cùng một doanh trại gọi là B.15.

Đại tá Lê Nguyên Vũ với 3 quả M. 72, hai quả đeo trên vai, một quả cầm ở tay và Trung Úy Nguyễn, người Sĩ quan tùy viên cũng có 2 cây M72 luôn luôn chạy theo sát bên hông Đại Tá Vũ. Hai thầy trò nằm phục kích nơi cái hố pháo bên vệ đường Nguyễn Huệ. Họ nằm chờ xe tăng địch, cái xe đã quay ra từ công Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn hành quân và đang tiến đến gần, chờ gần hơn tí nữa, Đại Tá Vũ đã giương cao khẩu M.72 chờ sẵn và...Ầm... chiếc T.54 này đã bị bắn hạ. Tin Đại Tá Vũ bắn M72 làm nức lòng các chiến sỹ trên An Lộc, mọi người được lên tinh thần rất nhiều vì thấy vị chỉ huy cao cấp cũng làm những công việc như họ, cũng chiến đấu như họ, cũng rất can đảm, nên các chiến sỹ đồng vùng lên, đua nhau tìm bắn xe tăng địch. Họ rượt theo xe tăng mà bắn. Họ phục kích tại những đầu ngã 3, ngã 4 của các con đường, chờ xe tăng địch đến, họ bình tĩnh

nhả đạn và dễ dàng mang thành tích diệt địch về cho đơn vị.

An Lộc đã chiến thắng vẻ vang, khắc sâu một nét son đậm nhất trong Quân Sử của QLVNCH. Ngày 7 tháng 7 năm 1972 ngày mà Tổng Thống VNCH, vị Tư Lệnh tối cao của QLVNCH lên thăm mặt trận An Lộc cũng là ngày Đại Tá Lê Nguyên Vũ lạng lẽ rời An Lộc đi nhận nhiệm vụ mới.

Cuối năm 1973, Đại Tá Lê Nguyên Vũ về làm Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh thay thế cho Chuẩn Tướng Trần Quốc Lịch. Kể từ khi về làm Tư Lệnh, Đại Tá Vũ đã lo lắng cho một trận chiến sinh tử, một mất một còn với địch tại Căn cứ Lai Khê này. Căn cứ Lai Khê có một chu vi quá lớn, chu vi vòng đai trên 20 km. Nên luôn luôn cần nhiều binh sỹ để phòng thủ canh gác ngày đêm. Đại Tá Vũ đã cho thu nhỏ, gọn lại một chút phía đầu phi trường Lai Khê. Đại tá đã cho lệnh tu bổ, sửa chữa hết mọi hầm hố phòng thủ quanh và trong căn cứ. Đại tá đã đi quan sát cùng với Đơn vị Trưởng của vùng họ trách nhiệm. Ông đề nghị những nơi phải sửa, hoặc phải làm thêm. Sau thời hạn ấn định Ông sẽ quay trở lại để xem đã được sửa chữa theo Ông yêu cầu hay chưa?. Nhiều quân nhân đã bị phạt vì không nghĩ rằng ông sẽ quay trở lại. Nhưng với Đại Tá Vũ, lời nói luôn luôn đi đôi với việc làm và không bao giờ bỏ cuộc lung chùng, vì thế, tất cả mọi hầm hào, giao thông hào, hệ thống giếng nước đều được tu bổ hoặc làm mới lại.

Khi Đại Tá Vũ về nắm Tư Lệnh Sư Đoàn thì lệnh ngưng bắn gọi là Hiệp Định ngưng bắn Paris đã được ký kết từ ngày 27 tháng 1 năm 1973 rồi. Rất nhiều chương trình cho Thời Hậu Chiến được Bộ Tổng Tham Mưu đưa ra cho các Đơn Vị của QLVNCH thi hành. Thí dụ như Chương Trình Phát Triển Nông Nghiệp của Quân đội. Các Đơn Vị thi đua làm rẫy, làm

ruộng trồng hoa màu, tăng gia sản xuất chuẩn bị cho sự ngưng bắn, hòa bình thực sự. Trong căn cứ không để đất hoang. Mọi rẻo đất đều được trồng trọt. Đại Tá Võ luôn luôn đi đầu để đôn đốc việc trồng trọt. Năm 1974, là mùa Thu hoạch đầu tiên, Sư Đoàn 5 đã đoạt giải nhất Toàn quân về số lượng và chất lượng của Nông Phẩm.

Khoảng đầu tháng 6 năm 1974, thời kỳ này Trung Tướng Phạm Quốc Thuần đang nắm chức Tư Lệnh Quân Đoàn III và Quân Khu 3. Hơn 3 Sư Đoàn Địch có xe tăng và pháo binh tầm xa, pháo phòng không yểm trợ rất hùng hậu. Chúng đã tiến đánh và chiếm được căn cứ Rạch Bắp, Căn Cứ 82 tại vùng Xã An Điền, thuộc Quận Bến Cát, Bình Dương. Vùng chiến sự rộng lớn này là vùng rừng ngập nước được tạo ra do 2 con sông Sài Gòn và Rạch Thị Tính. Nó nằm song song với Quốc Lộ 13, là con đường độc đạo duy nhất để đi Bến Cát, đi Lai Khê v.v... Nếu đoạn đường này bị cắt đứt, cũng như nhiều lần đã từng bị cắt thì Căn cứ Lai Khê sẽ bị khó khăn về mặt tiếp tế. Căn cứ Lai Khê là nơi tích trữ duy nhất về mọi mặt cho các đơn vị thuộc Sư Đoàn. Vùng chiến sự này nằm ngay ở Xã An Điền, Bến Cát. Từ đây, còn hơn 4 cây số nữa mới đến Lai Khê. Và từ vùng chiến sự này, chỉ hơn 40 cây số theo trục lộ QL.13 về hướng Nam là đến Sài Gòn. Đường chim bay thì khoảng 30 cây số, nếu chiếm được vùng này thì

Việt cộng có thể đặt pháo tại đây để pháo thẳng vào Sài Gòn, Gia Định, Chợ Lớn. Trong cuộc chiến Việt Nam đây là lần đầu tiên, đại đơn vị của Địch đã tiến sát Sài Gòn, sau lần gần nhất là Trận chiến An Lộc 1972 chỉ cách xa Sài Gòn



Hình bản đồ trên: Bản đồ quân sự vùng An Điền, Rạch Bắp cùng Chi Khu Bến Cát, Bình Dương và Căn Cứ Lai Khê nơi có Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 BB. (Vùng chiến sự nơi có số 38, 32 và có chữ Rạch Bắp, Bưng Còng, Ấp Bến Đình trong bản đồ).

là 100 cây số, tức 2 tiếng đồng hồ chạy xe Honda thôi.

Khi phát giác sự hoạt động của Việt cộng ở vùng này, Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III đã đưa Sư Đoàn 18 BB do Tướng Lê Minh Đảo chỉ huy và là Tư Lệnh của mặt trận này. Từ Long Khánh lên, cùng với 2 Liên Đoàn Biệt Động Quân, 3 Liên Đoàn Địa Phương Quân của Tiểu Khu Bình Dương cùng đánh mặt trận này. Đối diện bên kia của Sông Sài Gòn là vùng trách nhiệm của Sư Đoàn 25 Bộ Binh. Họ đánh chặn địch bên phía các mật khu Hồ Bò, Bời Lời và vùng Phú Hòa Đông. Lữ Đoàn III Kỵ Binh do Chuẩn Tướng Trần Quang Khôi có Thiết Đoàn

Chiến xa M.48, cùng Tiểu Đoàn Pháo 175 ly, có Biệt Động Quân phối hợp thì thấy được án ngữ vùng Bình Phước, Lái Thiêu và đóng dọc theo vành đai Xa Lộ Sài Gòn hay còn được gọi là Xa Lộ Đại Hàn. Lực lượng này không trực tiếp tham chiến.

Vùng lãnh thổ của mặt trận An Điền, Bến Cát này là thuộc vùng trách nhiệm của Sư Đoàn 5 Bộ Binh, nó nằm ngay trên con đường đi ra, đi vào của Sư Đoàn 5 Bộ Binh hàng ngày. Nhưng vì sau trận Bình Long, An Lộc năm 1972, Sư Đoàn 5 Bộ Binh đã phải đụng địch nhiều trận lớn suốt từ vùng rừng cao su ở Dầu Tiếng, Trị Tâm của Bình Dương đến những Trận ở Xã Mỹ Thạnh thuộc Quận Chơn Thành, Bình Long. Nên khi xảy ra trận An Điền, Rạch Bắp thì Sư Đoàn 5 Bộ Binh đang trong thời kỳ “tái tân trang, tái bổ xung”. Quân Đoàn III đã điều Sư Đoàn 5 Bộ Binh sang vùng Long Khánh và đảm nhận hành quân trách nhiệm vùng lãnh thổ của Sư Đoàn 18 BB. Địch quân bên vùng Long Khánh không ngờ chúng phải đụng lính Sư Đoàn 5 Bộ Binh ở đây, nên Sư Đoàn 5 Bộ Binh đánh đâu thắng đó, làm cho địch quân táng đờm tinh thần.

Sau hơn 3 tháng quần thảo với bọn Việt Cộng. Cũng đã đôi ba lần, Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn, Trung Tướng Phạm Quốc Thuần đã họp báo và đã tuyên bố sẽ chiến thắng, sẽ lấy lại những vùng đã mất nay mai nhưng vẫn chưa xong. Nên khoảng giữa tháng 9 năm 1974, phái đoàn của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và phái đoàn của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III đã lên họp trên Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh tại Lai Khê. Cuối cùng, Tổng Thống Thiệu hỏi Đại Tá Lê Nguyên Vỹ:

–”Bây giờ tôi trao vùng chiến sự An Điền, Rạch Bắp lại cho Anh. Anh có làm được không”?

Đại Tá Lê Nguyên Vỹ trả lời Tổng Thống:

–”Dạ thưa Tổng Thống vùng đó là vùng của Sư Đoàn 5 Bộ Binh tụi tôi trách nhiệm. Tôi sẽ đánh được và phải đánh được”.

Tổng Thống Thiệu trả lời:

–” Đánh được hay không thì nói, đừng như Lê Minh Đảo, nói đánh được mà mấy tháng rồi không xong. Anh nói anh đánh được, tôi giao cho Anh đánh, tôi để cái lon Tướng, mấy cái lon Tá trong Căn cứ 82, vào đó mà lấy”.

Tổng Thống Thiệu cho Đại Tá Vỹ ½ tháng để chuẩn bị những điều cần thiết trước khi tiến vào thay thế vị trí cho Sư Đoàn 18 BB rút ra.

Sau khi phái đoàn của Tổng Thống ra về, Đại Tá Vỹ ra lệnh họp khẩn cấp, tất cả mọi Đơn Vị Trưởng trực thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh đều phải đến họp. Trong buổi họp, Đại Tá Vỹ đã phân tích lý do tại sao Sư Đoàn 18 BB không thắng được?, và vì sao họ phải hy sinh nhiều như vậy?, chỉ vì thiếu chuẩn bị cho kỹ lưỡng. Đại Tá nói, phần đất, rừng phía bên này, từ đường 13 đi vào thì O.K. Nhưng phần đất phía bên kia con Rạch Thị Tính phần lớn là đồi trọc không cây cối. Không có những yếu tố để nguy trang, để che chở cho người lính, nhất là khi họ xung phong. Họ ở trên cao, trên con dốc. Việt Cộng đã có chốt, có kiềng. Chúng đã nằm sẵn để chờ quân ta tiến vào. Vậy phải làm sao?. Đại Tá đã chỉ thị cho các Đơn Vị ở hậu phương như Tiểu đoàn 5 Công binh, Truyền Tin, Tiếp Vận, Quân Y, Vận Tải v. v... tất cả mọi đơn vị, từ ngày mai, mang dụng cụ đi vào các khu rừng để lấy cây, lấy gỗ. Lấy từng cây dài 01 mét thì đường kính đầu bé nhất phải là 10 cm., Lấy cây dài 3 mét thì đầu bé nhất phải trên 15cm. Mỗi Đơn vị phải lấy một ngày trên 3,000 cây nhỏ loại 01 mét, và phải lấy 1,000 cây loại 03 mét. Phòng 3 SĐ có nhiệm vụ đếm nhận cây, đơn vị nào không đủ số cho một

ngày, thì hôm sau phải lấy thêm cho đủ số. Không miễn trừ. Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh phải phối hợp với các lực lượng hành quân lo an ninh nơi các khu rừng.

Lệnh được ban ra, các đơn vị đi vào các khu rừng ở hướng Bắc và hướng Tây của Căn Cứ Lai Khê để lấy cây. Không khí rất vui vẻ. Chiều chiều, Phòng 3 tụi tôi ra khoảng trống gần phi trường Lai Khê để nhận cây và về báo lại kết quả số cây đã thu gom được cho Tư Lệnh. Khu rừng này hết cây, phải chuyển đi khu rừng khác, sau gần 2 tuần, cây gỗ lấy về chất cao như núi.

Ngày hoán đổi vị trí chiến đấu đã đến, lính Sư Đoàn 5 BB đã đi vào chiến trận, vượt qua Rạch Thị Tính với cây gỗ đã được Sư Đoàn chặt trước. Họ tiến đến đâu, lấy cây làm nắp hầm đến đó. Cây gỗ đã chuẩn bị sẵn nên họ làm giao thông hào có nắp an toàn, làm hầm cũng có sẵn cây để làm nắp. Sư đoàn 5 tiến vào đến đâu, Sư Đoàn 18 BB rút ra đến đó. Chậm mà chắc, bớt thương vong. Trong khi quân ta tiến vào, hầm, giao thông hào được làm tiếp theo, tất cả đều có nắp đất che chắn cho anh em an toàn.

Ngày phản công đã đến, Đại Tá Tư Lệnh ra lệnh cho các toán quân đi đầu, phải để ý quan sát xem các chốt, các kiềng của Việt cộng ở đâu để đào giao thông hào về hướng đó. Kết quả, phe ta đã đến gần, và rất gần mà địch không phản ứng gì được. Phe ta, cứ lùi lùi đào

giao thông hào có nắp, gần tới chỗ chúng, rồi, và rồi, bung lựu đạn qua, Việt Cộng lớp chạy, lớp chết. Cũng cùng công thức đào hầm có nắp như vậy, kết quả Sư Đoàn 5 Bộ Binh đã chiến thắng.

Vào dịp trước Tết Ất Mão Âm Lịch năm



1975, Tổng Thống Thiệu đã lên làm lễ ăn mừng chiến thắng tại Chi khu Bến Cát, Bình Dương. Đại Tá Lê Nguyên Vũ được vinh thăng Chuẩn Tướng, Trung Tá Trần Phương Quế, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 9 Bộ Binh được lên Đại Tá v.v...

Mưu tính tiến về Sài Gòn từ mặt trận An Điền, Bến Cát đã bị Sư Đoàn 5 Bộ Binh đánh đại bại. Việt cộng đã xoay chuyển hướng, tiến lên đánh lấy Phước Long. Chúng đã thành công. Rồi đánh Ban Mê Thuật cũng xong. Tình hình chiến sự của Miền Nam Việt Nam thật sự rối rắm và đầy nghi vấn từ đó.

Trở lại vùng Bình Long, Bình Dương. Vào

khoảng đầu tháng 3 năm 1975. Bộ tư lệnh Quân Đoàn III đã ra lệnh bỏ Thị Xã An Lộc và Quận Chơn Thành của Bình Long. Tình hình đang yên lặng, thế mà có lệnh phải bỏ An Lộc, bỏ Chơn Thành???

Sau khi An Lộc và Chơn Thành đã được bỏ ngõ hoàn toàn. (Người dân trên An Lộc họ cho hay, bọn Việt cộng sợ không giám vào An Lộc. Chúng sợ bị lừa, nên sang tháng 4 năm 1975 chúng mới giám tiến vào An Lộc).

Khi An Lộc và Chơn Thành không còn hoạt động. Căn cứ quân sự Lai Khê trở thành tiền đồn, sẽ trực tiếp đối đầu với địch. Điều này trái nghịch với nguyên tắc an toàn cho Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn. Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III đã ra lệnh cho Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ phải rút Bộ Tư Lệnh về Phú Lợi, Bình Dương nhưng Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ không đồng ý rút.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, sau khi đã không còn liên lạc được với bất kỳ một giới chức có thẩm quyền nào nữa. Sau khi nghe Dương Văn Minh kêu gọi bỏ súng đầu hàng Cộng Sản, thì ở Lai Khê, Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ, vị Tư Lệnh thứ 17 và cũng là vị Tư Lệnh cuối cùng của Sư Đoàn 5 Bộ Binh đã đền Nợ nước.

SINH VI TƯỚNG, TỬ VI THÂN.

Santa Ana, ngày 22 tháng 11 năm 2022.

Nhân Mùa Lễ Tạ Ơn, Phạm Minh Huyền thuộc Phòng 3 Sư Đoàn xin viết những giòng này để tạ ơn và cũng như đốt một nén hương lòng cầu nguyện cho Hương Hồn Vị Cựu Tư Lệnh đáng mến của Sư Đoàn 5 Bộ Binh sớm về hưởng cõi Phật.

Nhớ Mãi Tình Cha

Hùng Biên

Tình Cha vẫn mãi theo con
Tình cho dân tộc nước non gia đình
Một đời Cha đã hy sinh
Tuổi xuân cầm súng giữ gìn Miền Nam
Chống loài Cộng Sản hung tàn
Chống quân xâm lược phá làng giết dân
Noi gương các bậc tiền nhân
Xông pha lửa đạn tiến quân sa trường

Rồi trong nghịch cảnh tang thương
Súng gươm bỏ lại chiến trường năm xưa
Lao tù Cộng Sản đầy đọa
Tình nhà nợ nước vẫn chưa vẹn lòng
Mẹ già mỗi mắt chờ trông
Con thơ vợ trẻ nhớ mong đêm ngày
Khổ đau năm tháng tù đầy
Khí hùng giữ trọn giữa bầy Cộng nô

Ngày về nước mắt cạn khô
Mẹ già đã khuất năm vô ngục tù
Nghẹn buồn nhớ mẹ ngàn thu
Những thương yêu cũ viễn du xa vời
Vợ gầy tàn tạ giữa đời
Đàn con nay đã qua thời ấu thơ
Hạnh phúc thôi chỉ là mơ
Cộng Sản thối nát vết vợ dân lành

Cho con lễ nghĩa học hành
Com no áo ấm trở thành người ngay
Cha nào quản ngại đêm ngày
Bương chải giúp vợ, vun đầy yêu thương
Dạy con qua những tấm gương
Tiền nhân vị quốc chống phường xâm lăng
Dạy lời các bậc thánh nhân
Ông Cha bảo quốc an dân năm nào

Cháu con luôn mãi tự hào
Ông Cha là những Vì Sao Cộng Hòa
Dù cho năm tháng trôi qua
Hy sinh người lính Cộng Hòa quang vinh
Sống cho không thẹn với mình
Sống cho dân tộc gia đình nước non
Giờ Cha đã mãi không còn

KONTUM KIÊU HÙNG

Nguyễn Lý Tường

(Tưởng Nhớ Đại Tá Nguyễn Bá Thìn tự Long (Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 5 Bộ Binh) chết tại trại tù Hoàng Liên Sơn và Thiếu Tá Phạm Gia Quang, Tiểu Đoàn Trưởng TD 1, Trung Đoàn 9, SD5BB... (Anh Quang mất tại Bình Dương, sau khi ra khỏi tù năm 1988) Tài liệu này trích lại từ sách “Thác Lũ Mưa Nguồn” Hồi Ký Quyền II của tác giả Nguyễn Lý-Tường xuất bản lần đầu 8/2021 từ trang 17, 18, 19 có liên quan đến cuộc đời của Đại Tá Nguyễn Bá Thìn tự Long...)

Mặt trận Kontum đã diễn ra cùng thời với mặt trận Quảng Trị và Bình Long vào mùa Hè 1972, báo chí thường gọi là “Kontum kiêu hùng”, người có công giải tỏa áp lực địch tại Kontum là Đại Tá Nguyễn Bá Thìn tự Long (1) lúc đó đang làm Tỉnh Trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng Kontum. Kontum thuộc Biệt Khu 24, Chuẩn Tướng Lý Tông Bá lúc đó đang chỉ huy Sư Đoàn 23 ở Ban Mê Thuột (bây giờ gọi là Buôn Ma Thuột). Sau khi tình hình ổn định, tỉnh bộ Đại Việt Cách Mạng tại Kontum đã tổ chức Đại Hội đảng tại đây. Tôi được tháp tùng theo phái đoàn Trung Ương do Chủ tịch Hà Thúc Ký hướng dẫn và sẽ là người Chủ tọa Đại Hội này. GS Nguyễn Văn Trọng (tức nhà văn Nguyễn Dỵ Loan) lúc bấy giờ đang dạy môn Triết học lớp 12 trường công lập Kontum, đứng ra tổ chức Đại Hội này với tư cách Bí Thư Ban Chấp Hành Tỉnh bộ. Khi Việt Cộng tấn công vào thị xã, anh chị em đảng viên Đại Việt Cách Mạng đảng đã tích cực cộng tác chiến đấu bên cạnh các lực lượng võ trang tại địa phương.

Đôi nét về cuộc đời binh nghiệp của Đại Tá Nguyễn Bá Thìn tự Long.

Theo nhật ký viết tay mà con trai anh là Nguyễn Bá Nghĩa còn giữ được thì Anh Nguyễn Bá Thìn tự Long sinh ngày 24 tháng 6 năm 1928 (7 tháng 5 Mậu Thìn) tại tỉnh Thái

Bình – vừa lúa của Bắc Việt. Cụ thân sinh là Nguyễn Bá Thiệp một nhà thầu xây dựng có nhà cửa cơ sở làm ăn tại đường Mạc Thị Bưởi, thành phố Nam Định. Sau khi đậu Tú Tài (trước 1945), anh tham gia kháng chiến chống Pháp (Việt Minh) và tốt nghiệp khóa 2 trường sĩ quan Lục quân Trần Quốc Tuấn, đã chỉ huy cấp đại đội trong hàng ngũ kháng chiến. Anh có người anh tham gia chiến khu Yên Bái của Đại Việt Quốc Dân Đảng do Đảng trưởng Trương Tử Anh lãnh đạo (thường gọi là trường Lục Quân Yên Bái) và đã hy sinh. Năm 1949, nghe tin Pháp đã trả lại độc lập cho Việt Nam với giải pháp Bảo Đại và Ông Nguyễn Hữu Trí, Tiến sĩ Luật, cựu Tổng đốc Hà Đông được bổ nhiệm làm Thủ Hiến Bắc Việt đặt văn phòng tại Hà Nội, các tỉnh miền Bắc đều có Tỉnh trưởng đứng đầu bộ máy Hành chánh, anh Nguyễn Bá Thìn (Long) liền rời bỏ hàng ngũ Việt Minh (do Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản lãnh đạo) để trở về với quốc gia. Anh gia nhập vào tổ chức Địa phương quân – Bảo chính quân Bắc Việt với chức vụ Đại đội trưởng. Về sau, anh vào học khóa 8 trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt, tốt nghiệp Thủ khoa, được Quốc Trưởng Bảo Đại đích thân trao tặng Thủ khoa ngày 28/6/1953 trong lễ mãn khóa. Anh đã lần lượt mang cấp bậc: Thiếu úy ngày

01/7/1953, Trung úy 01/8/1954, Đại úy 26/6/1956, Thiếu tá 26/10/1961, Trung tá 01/11/1965, Đại tá 01/11/1968 và đã được trao tặng các Huân chương và Huy chương như: Chương mỹ Bội tinh đệ nhị (2) hạng năm 1960, Anh dũng Bội tinh với ngôi sao vàng (1962), Đệ ngũ đẳng Bảo quốc Huân chương (1966), Không quân Bội tinh hạng danh dự (1967), Quân vụ Bội tinh hạng 2 (1967), Huân vụ Bội tinh hạng nhất (1967) Quân phong Bội tinh hạng nhất (1967), Danh dự Bội tinh hạng nhất (1968) Air Medal (1968), Đệ tứ đẳng Bảo Quốc Huân chương (1969), Chuông My Bội Tinh hạng nhất (1969) và nhiều lần được Tuyên dương công trạng trước Sư đoàn, Quân đoàn, Quân đội.

Cuốn nhật ký chỉ ghi những biến cố xảy ra cho đến 1969 – Từ 1969 đến 1975 không ghi.

Bổ túc Các chức vụ đã đảm nhiệm từ 1953 đến 1973 của Đại Tá Nguyễn Bá Thìn tự Long:

- Từ 1953-1956: Khi mới ra trường sĩ quan với cấp bậc Thiếu úy/ Trung úy: đã được giữ lại làm Trung đội trưởng kiêm Huấn luyện viên tại Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt trong ba năm (1953-1956)... Từ 26/6/1956 lên Đại úy: Quận trưởng Hồng Ngự tỉnh Kiến Phong, lên Thiếu Tá ngày 16/10/1961 vẫn làm Quận trưởng Kiến Phong cho đến 1963. Từ 1964-1965 Trung đoàn phó Trung đoàn 40 thuộc Sư đoàn 22 BB. Ngày 01/11/1965 lên Trung tá Trung đoàn trưởng TD 40 đóng ở Bồng Sơn (1965-1968) lên Đại Tá ngày 01/11/1968 làm Tư lệnh phó Sư đoàn 23 BB tại Ban Mê Thuột – phối hợp hành quân với Sư Đoàn 5 của Mỹ (Task force South) chỉ huy Bộ Tư lệnh tiên phong SD 23 Đà Lạt thời gian sau Tết Mậu Thân (1968-1969) học Khóa Chỉ huy Tham mưu cao cấp Dalat (1969). Từ 1969-1970 làm

Tư lệnh Biệt khu 24 ở Kontum – Tư lệnh Mặt trận Dak seang – đánh thắng quân CS Hà Nội (VC) được gọi là “người hùng Dak seang” Từ 1970-1971 lên làm Tỉnh Trưởng Tuyên Đức kiêm Thị trưởng Đà Lạt – có công ổn định tình hình. Từ 1971-1972 thay thế Đại Tá Nguyễn Hợp Đoàn làm Tỉnh trưởng Kontum – nổi tiếng trong các trận đánh giải tỏa áp lực địch tại Kontum thường được Báo chí Saigon gọi là “Mùa Hè đỏ lửa”: Kontum kiều hùng – Từ 1972-1974 làm Tư lệnh phó Sư đoàn 5 BB đóng tại Lai Khê (tỉnh Bình Dương) – Tư lệnh căn cứ hỏa lực 82 – Tiền đồn Tống Lê Chân. Đại Tá Nguyễn Bá Thìn tự Long đã kết thúc cuộc đời binh nghiệp của mình sau ngày 30/4/1975 tại đồi Cây Khế trại tù Yên Bái tỉnh Hoàng Liên Sơn (Miền Bắc) với câu chuyện rất bi đát và rất thương tâm: Sau ngày 30/4/1975, anh phải đi tù cải tạo tại trại Suối Máu... Trong khi đi gánh nước, bị té gãy chân, bể xương chậu...



Thời gian đó, có lệnh chuyển tù cấp Trung Tá, Đại Tá ra Miền Bắc, chẳng những không được ở lại để chữa trị mà anh còn bị bắt buộc đi theo bạn tù ra Bắc. Tại trại Yên Bái, vết thương của anh càng ngày càng nặng, không được giải phẫu, không có thuốc men anh phải chịu đựng cảnh đau đớn kinh khủng. Bọn CS bỏ mặc anh đau đớn rên la cho đến chết vào ngày 5 tháng 10/1976 và chôn anh tại đồi Cây

Khé trại Yên Bái tỉnh Hoàng Liên Sơn. Gần chục năm sau, gia đình mới cải táng, đem tro cốt về gửi trong một ngôi chùa ở quận Bình Thạnh Gia Định.

Phác họa về một trại giam của cộng sản ở miền Bắc Đại Tá Nguyễn Bá Thìn tự Long thủ khoa khóa 8 Đà Lạt, là một sĩ quan ưu tú vào sinh ra tử, với nhiều chiến công hiển hách... Bạn cùng khóa với anh như Phạm Văn Phú đã lên Tướng từ 1969-1970 nhưng anh vẫn bị cầm chân ở cấp bậc Đại Tá. Lý do mà ai cũng biết là vì anh là đảng viên Đại Việt từ trước 1954 khi còn ở miền Bắc. Thời gian ở trong quân đội, anh vẫn trung thành với lý tưởng của mình. Trường hợp của anh cũng như trường hợp Đại Tá Dương Hiếu Nghĩa, Thủ khoa khóa 5 Đà Lạt, đã từng tham gia đảng Đại Việt trước 1945 tại Saigon, trải qua nhiều chế độ, vẫn không chối bỏ nguồn gốc chính trị của mình. Dù lập được nhiều chiến công, vào sinh ra tử mà vẫn bị đim không cho lên tướng.



Hình ảnh minh họa về một trại giam của cộng sản giam giữ quân dân cán chính VNCH

(Trong bài viết Post trên YouTube của tác giả Trần Tiến Dũng: Mộ hoang 31 năm trên đồi sương giá.tác giả có nói về ngôi mộ của người Thầy là Cố Đại tá Nguyễn Bá Thìn tự Long và những ngôi mộ chôn ở đồi Cây Khé).

MẮT NƯỚC TỰ BAO GIỜ...

Như Thương



*Tháng Tư đó, sao mình lại mất nước?
Ai đâu hàng chẳng phải linh mình đâu
Tay ghim súng mắt thẳng nhìn phía trước
Lệnh đầu hàng! Ngày đất nước chìm sâu...*

*Con của Mẹ đi theo lời sông núi
Mẹ sinh con từ khúc ruột... Xé lòng!
Đi đi con, kéo có ngày tiếc nuôi
Chỉ làm trai! Mong hồ thi tang bỗng*

*Màu áo trận: Bản hùng ca bất tử
Con lên đường khi Tổ quốc lâm nguy
Dòng máu con nhuộm cờ trang chiến sử
Chiến sĩ hê... Lòng Mẹ có sá chi!!!*

*Mẹ còng lưng ngồi im trong bóng tối
Chờ đưa con: Người lính trận về sau
Tin báo tử... Nắng chiều sao tàn vội
Nước mắt già. Rơi lặng lẽ. Niềm đau*

*Phút lâm tử, quê hương mù khói lửa
Buổi loạn ly trăm ngã đạn bom rơi
Mai... ai đếm những thân người mục rữa
Đếm khăn tang chút vội... khóc nghẹn lời!!!*

*Đếm tháng ngày, đếm từng năm mất nước
Ta bạc đầu... 47 năm chẳng ngờ
Dân tộc tôi vạn dặm dòng xuôi ngược
Việt Nam ơi, mắt nước tự bao giờ...*

(Tưởng niệm 47 năm Tháng Tư Uất Hận)

Hai Đứa Bé Gái

Phạm Châu Tài

Bài đọc suy gẫm: Tháng 4, 5 nhớ về mùa hè đỏ lửa, các trận đánh lớn tại Việt Nam năm 1972, đặc biệt là trận An Lộc và chiến thắng oanh liệt khắp nơi của những người lính Việt Nam Cộng Hòa can trường với quyết tâm hy sinh xương máu vì Tự Do thanh bình cho người dân. Hai đứa bé gái! hay “An Lộc, chiến trường đi không hẹn” là hồi ký của Thiếu Tá Phạm Châu Tài, con Hồ Xám của Lực lượng Biệt Cách 81 – Nhảy Dù, viết cho các chiến hữu của ông đã một thời từng vào sinh ra tử trên khắp các chiến trường sôi bỏng để bảo vệ đất nước.



Tác Giả, Cựu Thiếu Tá Hồ Xám Phạm Châu Tài, cùng 2 cựu Sĩ Quan Võ Bị Dalat. Hình từ trái qua phải: Cựu Thiếu Tá Phạm Châu

Tài, cựu Đại Tá Phan Văn Huấn (Khóa 10 VB, nguyên Liên Đoàn Trưởng LĐ 81 Biệt Cách Dù) và thi văn sĩ Quốc Nam (Khóa 22 VB, Chủ Tịch HĐQT An-Lộc Foundation, Tác giả 21 tác phẩm đã xuất bản trước & sau năm 1975, trong số này có 2 thi tập Tinh Ca Lính Alpha Đỏ xb 1968 & Bản Thánh Ca Alpha Đỏ xb 2012). Photo by Việt Long.

Mùa hè năm 1972 đi qua như cơn ác mộng mà khi tỉnh dậy người ta vẫn còn bàng hoàng như đang mê sảng.

Mùa hè đến với những cơn lốc bạo tàn, với những trận cuồng phong kinh hãi, sẵn sàng huỷ hoại tất cả những gì gọi là sự sống của con người, mà những tiếng kêu thương, bi ai thống khổ nhất vẫn còn âm vang cho đến ngàn sau.

Mùa hè đến với bão lửa ngút trời, bão lửa cuộn cuộn vút lên như hỏa diệm sơn bao trùm khắp bầu trời Miền Nam Việt Nam, bão lửa hùng hực thiêu đốt muôn vạn sinh linh đang sống an lành, tự do phía Nam vĩ tuyến 17.

Đau đớn thay, ác mộng kinh hoàng ấy, cuồng phong và bão lửa ấy lại do chính con người gây nên, con người mang nhãn hiệu Cộng Sản, lãnh đạo bởi một lũ người cuồng tín đã bán linh hồn cho quỷ đỏ đang ngự trị tại Hà Nội.

Người ta được biết, sau khi tiếp nhận sự chi viện khổng lồ không giới hạn về các loại vũ khí và phương tiện chiến tranh tối tân nhất từ phía Cộng Sản Nga – Tàu, Hà Nội điên cuồng tung vào Miền Nam ba cuộc tấn công vũ bão vào Tỉnh Quảng Trị của vùng giới tuyến, vào Tỉnh Kontum của Tây Nguyên và vào Tỉnh Bình Long thuộc miền Đông Nam Phần.

Cuộc chiến bùng nổ khốc liệt chưa từng xảy ra từ ngày Cộng Sản phát động cuộc chiến tranh gọi là giải phóng vào thập niên 60. Lửa, máu, nước mắt hòa với bom đạn đã cày xới và tràn lan khắp quê hương Miền Nam tự do, tuy nhiên Cộng Sản miền Bắc phải trả một giá rất đắt về hành động điên cuồng, dã man của chúng để nhận sự thất bại đắng cay: Quảng Trị vẫn đứng vững, Kontum vẫn kiên hùng quật khởi và Bình Long vẫn anh dũng hiên ngang phát cao ngọn cờ chính nghĩa.

Trong chiến tranh, tấn công xâm chiếm mà không lấy được mục tiêu, bị thiệt hại nặng nề là thất bại hoàn toàn. Trái lại, phòng thủ quyết tâm chống trả, dù phải chấp nhận ít nhiều tổn thất hy sinh mà vẫn giữ vững phần đất quê hương thì được gọi là chiến thắng.

Với lý lẽ căn bản nêu trên, ba cuộc tấn công của Cộng Sản Bắc Việt vào mùa hè năm 1972 trên lãnh thổ Việt Nam Cộng Hoà thì Cộng Sản Việt Nam là kẻ chiến bại, và Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà là người chiến thắng.

Phát động tấn công xâm chiếm vào đầu tháng 04 năm 1972, tính đến tháng 09 năm

1972, thiệt hại nhân mạng của Cộng Sản Bắc Việt được ước lượng khoảng 100 ngàn người! 100 ngàn vong linh của những người “sinh Bắc tử Nam” trở thành lũ âm binh lạc loài, vất vưởng tha hương mà gia đình họ không bao giờ biết được.

Giành lấy chiến thắng một cách kinh hoàng và oai hùng nhất trong ba cuộc tấn công của Cộng Sản Bắc Việt vào lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa có thể nói là chiến thắng Bình Long, mà trận chiến vô cùng khốc liệt đã bùng nổ tại Thị Xã An Lộc. Một tài liệu chính thức của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa được ấn hành sau mùa hè năm 1972 đã công bố: “Tại mặt trận An Lộc cuộc tấn công đầu tiên của quân Cộng Sản khởi đầu vào ngày 13-04-1972 bằng toàn bộ của các Sư Đoàn 5, 7, 9 và Sư Đoàn Bình Long với tổng số vào khoảng 50 ngàn người”. Cộng Sản ước tính sẽ đánh chiếm An Lộc từ 5 đến 10 ngày và dự trù ngày 20-04-1972 sẽ ra mắt chính phủ “Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam” tại thành phố An Lộc.

Thật vậy, lực lượng Cộng Sản Bắc Việt tại Bình Long, ngoài 4 Sư Đoàn với quân số mỗi Sư Đoàn là 10,400 người, còn có một Trung Đoàn Đặc Công, 2 Trung Đoàn Pháo Binh và Phòng Không và hai Trung Đoàn xe tăng. Hơn nữa, sự bổ sung quân số dễ dàng từ Mimot, Snoul bên kia biên giới Miền là nguồn nhân lực chính mà người ta khó ước tính được con số chính xác.

NHẬN DIỆN CHIẾN TRƯỜNG

An Lộc là quận châu thành Tỉnh Bình Long, cách thủ đô Sài Gòn khoảng 100 cây số về hướng Tây Bắc, với diện tích bề dài 1,800 thước và bề ngang đo được 900 thước, một Thị Xã nhỏ bé đìu hiu, chung quanh là rừng cao su ngút ngàn đến tận biên giới. Bình Long có ba quận hành chánh, cực Nam là quận Chơn Thành và cực Bắc là quận Lộc Ninh.

Quốc lộ 13, con đường huyết mạch nối liền từ Lai Khê của Tỉnh Bình Dương đi qua các quận lỵ, xã ấp của Tỉnh Bình Long. Cách An Lộc 18 cây số về hướng Bắc là Lộc Ninh và cách An Lộc 30 cây số về hướng Nam là Chơn Thành.

Từ Chơn Thành xuôi quốc lộ 13 về hướng Nam khoảng 30 cây số là Lai Khê, nơi đặt bản

Quốc lộ 13.



doanh của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh Việt Nam Cộng Hòa. Cơ sở hành chánh và quân sự

Tỉnh Bình Long đặt ngay trong quận châu thành An Lộc dưới sự điều hành của viên Tỉnh Trưởng là Đại Tá Trần Văn Nhựt. Trước khi trận chiến bùng nổ, quận Lộc Ninh được tăng cường với Trung Đoàn 9 thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh Việt Nam Cộng Hòa, một khẩu đội pháo binh đặt tại căn cứ yểm trợ hỏa lực Alpha cách Lộc Ninh khoảng 8 cây số về hướng Bắc và một Chi Đoàn Thiết Giáp thuộc Thiết Đoàn 5 Kỵ Binh Việt Nam Cộng Hoà. Tại An Lộc, ngoài một số Địa Phương Quân, Cảnh Sát, và các cơ sở hành chánh Tỉnh mà nhân số không quá 200 tay súng, còn có pháo đội 105 ly, Chi Đoàn Thiết Giáp, Trung Đoàn 7 thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh Việt Nam Cộng Hoà, và Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân. Để đánh chiếm Bình Long, Cộng quân cắt đứt quốc lộ 13 từ Lai Khê đi Lộc Ninh, đồng thời phong tỏa bầu trời Bình Long bằng một hệ thống phòng không để ngăn chặn sự can thiệp của Không Quân Việt Nam Cộng Hoà.

TRẬN CHIẾN BÙNG NỔ

Ba giờ sáng ngày 05 tháng 04 năm 1972 Trung Đoàn Pháo có bí danh E.6 bắn phủ đầu vào các cứ điểm phòng ngự của Trung Đoàn 9 Bộ Binh do Đại Tá Trần Công Vĩnh chỉ huy bằng hàng ngàn quả đạn pháo đủ loại, sau đó Cộng quân tung Sư Đoàn 5 Cộng Sản Bắc Việt có xe tăng yểm trợ bắt đầu tấn công. Mặt khác, Cộng quân sử dụng Trung Đoàn 272 thuộc Sư Đoàn 9 Cộng Sản Bắc Việt phục kích quốc lộ 13 từ An Lộc đi Lộc Ninh để tiêu diệt đường rút lui của quân trú phòng

Pháo! Loại đạn vòng cầu có tầm phá hủy kinh khủng nhất đã rớt liên tục vào Thị Xã, ngày cũng như đêm, pháo từng hồi, từng phút, từng giờ biến An Lộc bỗng chốc trở thành hỏa ngục. Nhà cửa, nhà thờ, chùa chiền, cao ốc, bệnh viện tất cả đều thay hình đổi dạng, sụp đổ hoang tàn.

Trú ẩn trong nhà cũng bị thương vong, chạy ra đường cũng chết. Sự chết đau thương và đến bất chợt theo tiếng âm vang



của pháo, theo tiếng gió rít của tầm đạn đi. Sự chết hãi hùng, chết không kịp nhắm mắt, chết không

toàn thân, chết vô thừa nhận đầy dẫy khắp nơi trên đường phố. Ngay khi mưa pháo thưa dần và chấm dứt, Cộng quân tung vào trận địa Sư Đoàn 9 và Sư Đoàn Bình Long với sự yểm trợ của chiến xa T54.

Tuyến phòng thủ phía Tây Thị Xã do Trung Đoàn 7 Bộ Binh đảm nhiệm và phía Đông do Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân án ngữ, chống trả mãnh liệt, khi thì dẫn ra, lúc co cụm lại, nhưng vẫn đứng vững, trong khi tuyến phòng thủ phía Bắc do hai Tiểu Đoàn thuộc Trung Đoàn 8 vừa đến tăng cường đã bị chọc thủng. Đặc công, xe tăng và quân bộ chiến Cộng Sản Bắc Việt tuôn vào thành phố như nước vỡ bờ. Ác chiến diễn ra trên thành phố, đạn bay súng nổ, thấy người gục ngã, dân lành bồng bế, dìu dắt nhau bỏ chạy, chạy đi đâu để tránh thương vong. Nỗi khổ, nỗi lo và niềm hy vọng mong manh để được sống đã đến với người dân An Lộc sao quá bi thương, sao lắm đọa đầy!

Xe tăng Cộng quân rú gầm nhiều nơi trong thành phố, chạy ngang chạy dọc, tiếng xích sắt ken két nghiến trên đường tráng nhựa hoà lẫn với tiếng nổ ì ầm bắn ra từ đại bác 100 ly trên pháo tháp nhắm vào các cao ốc, và những bức tường nhà hiện hiện trên hướng tiến của chúng.

Trên bầu trời Thị Xã, Không Quân, bắt chấp hiểm nguy, nhào lộn và len lỏi qua mạng lưới phòng không, tung ra những tràng đại liên và những quả bom chính xác vào vị trí giặc thù. Bom nổ làm rung chuyển thành phố như cơn địa chấn, từng cột khói đen bốc lên cao cuộn cuộn. Giây phút nao núng ban đầu khi thấy xe tăng Cộng Sản xuất hiện tan biến nhanh chóng trong lòng những người lính tử thủ. Bây giờ đã đến lúc vùng lên bắn hạ những con quái vật đó, phải biến chúng thành những khối sắt bất động, không còn tác yếu tác quái nữa. Một đoàn 4 chiếc tăng T54 từ hướng Bắc theo đường Nguyễn Trung Trực nối đuôi nhau tiến vào phía sau khu Chợ Mới. Một anh lao công đào binh tạo được công đầu bằng một quả lựu đạn tung vào thùng xăng phụ đằng sau đuôi xe tăng T54. Lựu đạn nổ, xe tăng bốc cháy! Việt Cộng tử trong xe tăng mở nắp pháo tháp chạy thoát ra ngoài bị thanh



toán ngay tại chỗ, thầy nằm vát vường bên thành xe. Chiếc thứ hai xuất hiện sát Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5.

Đại Tá Lê Nguyên Vỹ Tư Lệnh Phó liền bắn một quả M.72 vào chiến xa T54. Vì bắn quá sát nên đạn M.72 không nổ, chiếc T54 bỏ chạy liền bị một chiếc trực thăng Cobra từ trời cao lao mình xuống phóng liên hai trái hỏa tiễn trúng chiếc tăng đi đầu nổ tung. Ba chiếc tăng còn lại lúng túng, rú gầm trên khoảng đường bề ngang quá hẹp không xoay sở được, dễ dàng biến thành mục tiêu của hỏa tiễn cầm tay M.72 được phóng ra từ quân trú phòng. Bây giờ người ta mới biết sức công phá mãnh liệt của loại hỏa tiễn cầm tay M.72, một loại vũ khí chống tăng lợi hại mà bấy lâu nay bị người ta coi thường. Những chiếc tăng T54 đầu tiên bị bắn hạ tạo nên sự phấn khởi dấy chuyền trong hàng ngũ quân trú phòng, họ xông vào xe tăng địch như một đợt thi đua lập chiến công. Hai khẩu pháo 105 ly của Thị

Xã đặt tại sân vận động cạnh đại lộ Trần Hưng Đạo hạ nòng bắn trực xạ vào xe tăng Cộng Sản, bắn lật tung pháo tháp xuống đất, bắn đứt xích, gãy nòng và biến chúng thành những con cua rang muối, hừng hực đồ lửa. Đây là hai khẩu pháo cuối cùng của An Lộc đã bắn hết đạn trước khi tắt thở. Và bắt đầu từ đó, sự yểm trợ của hỏa lực cơ hữu vào Thị Xã hoàn toàn bất khả thi.

Trận đánh khởi đầu từ mờ sáng đến xế chiều dưới ánh nắng chói chan của mùa hè vùng nhiệt đới, dưới sức tàn phá kinh hoàng của đạn bom, mà mỗi giờ mỗi phút đi qua đều mang theo hình ảnh của sự huỷ diệt.

Sự can thiệp của Không Quân gây ít nhiều thiệt hại cho Cộng quân, nhiều chiếc xe tăng T54 bốc cháy ven rừng trước khi vào thành phố.

Ngoài ra, sự xuất hiện của pháo đài bay B.52 được coi như khắc tinh của chiến thuật biển người, đã gây nhiều nỗi khiếp đảm và làm tổn thất nặng nề cho 4 Sư Đoàn Cộng quân đang bủa vây An Lộc.

Pháo đài bay B.52, một vũ khí chiến lược của Không Lực Hoa Kỳ phát xuất từ Thái Lan và đảo Guam đã can thiệp vào chiến trường Bình Long theo yêu cầu của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hoà thực hiện 17 phi vụ đánh bom, mỗi phi vụ gồm 3 phi cơ bay trên thượng tầng khí quyển mà mắt thường ít khi nhìn thấy, chỉ nghe tiếng ù ù xa xăm của động cơ mà không biết bom sẽ nổ nơi nào. Mỗi phi vụ mang 42 quả bom nặng 500 ký và 24 quả bom nặng 250 ký đồng loạt rơi xuống chính xác mục tiêu đã ấn định. Vài giây đồng hồ trước khi bom nổ, người ta phát hiện tiếng gió rít ghê rợn của hàng loạt bom đang rơi, tiếng rít gió ào ào như trận cuồng phong, như tiếng kêu của tử thần. Bom chạm mục tiêu, nổ hàng loạt, nổ từng chuỗi dài, tiếng nổ làm rung chuyển mặt đất, lửa và khói đen bốc cao, từng luồng khí nóng hừng hực tỏa ra với vận tốc cực nhanh, 500 thước bề ngang và 1,000 thước bề dài trong tầm sát hại của bom rơi, tất cả đều biến thành bình địa.

Trong trận chiến An Lộc, B.52 đã đánh bom, có khi chỉ cách tuyến phòng thủ 900 thước, theo tin tức tình báo được kiểm nhận,

có cả một Trung Đoàn Cộng quân bị biến mất trong lúc bao vây thành phố.

Sau ba ngày đêm chống trả dữ dội, khu vực phía Bắc thành phố, kể cả đồi Đồng Long, một cao điểm chiến thuật quan trọng đã lọt vào tay giặc. Từ đồi Đồng Long, Cộng quân quan sát và nhìn rõ mọi hoạt động trong thành phố, hơn nữa nơi đây là cao điểm lý tưởng để tổ chức các vị trí súng phòng không 12 ly 8, đại bác 23, 37 ly và hỏa tiễn địa không SA-7 đã không chế và làm giới hạn sự can thiệp của Không Quân. Tuyến phòng thủ An Lộc càng lúc càng thu hẹp dưới sức ép của pháo binh và tấn công liên tục của Cộng Sản.

Quốc lộ 13 chưa được giải tỏa, do đó sự tiếp viện bằng đường bộ hoàn toàn bị tê liệt. Sự yểm trợ bằng Không Quân cũng gặp khó khăn. Hơn 80% đồ tiếp liệu như đạn dược, thuốc men và thực phẩm được thực hiện bằng phương tiện thả dù đã rơi vào vùng địch kiểm soát. Những đơn vị cơ giới và pháo binh của An Lộc hoàn toàn bất khả thi, phân nửa lực lượng phòng thủ bị loại ra khỏi vòng chiến. An Lộc đang hấp hối, nhưng chưa tắt thở. Trong tình trạng chiến đấu tử thủ hôn mê đó, An Lộc vẫn cố niềm tin vào kế hoạch giải vây sẽ được bùng nổ vào giờ thứ 25. Không, An Lộc không thể chết tức tưởi như Lộc Ninh. An Lộc cần phải được mở một nút thoát hơi để thở. Các nhà lãnh đạo quân sự Việt Nam Cộng Hoà đã khẳng định điều đó và đã dự trù một kế hoạch để đối phó trong tình huống xấu nhất xảy ra để cứu nguy An Lộc!

THEO CHÂN ĐOÀN QUÂN MA

Theo kế hoạch giải vây, hai đơn vị thiện chiến được sử dụng đến là Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù và Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù. Cả hai đơn vị này đều nhảy thẳng vào An Lộc với hai nhiệm vụ khác nhau, một phía trong và một phía ngoài Thị Xã. Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù sẽ quét sạch hành lang vây khốn bên ngoài chu vi phòng thủ và Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù mở đường máu đánh thẳng vào An Lộc tiếp tay với quân trú phòng bên trong, chiếm lại phần nửa thành phố đã mất. Người ta nghĩ kế hoạch này là một ván cờ liều, một kế hoạch đánh xả láng, "thí chốt để tiến xe" và những

đơn vị thi hành sẽ là những con thiêu thân bay vào ánh lửa.

Đúng vậy, họ là những con chốt của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, những con chốt đã sang sông và đã nhập cung, trở thành một pháo đài sừng sững trước mặt quân thù.

Ngày 14-04-1972, từ Chơn Thành, Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù và một pháo đội được trực thăng vận vào một địa điểm cách An Lộc bốn cây số về hướng Đông Nam. Từ ấp Shrok Ton Cui, Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù chiếm lĩnh cao điểm 176 còn được gọi là Đồi Gió, đặt 6 khẩu 105 ly để yểm trợ cho Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn cùng Tiểu Đoàn 5 và 8 Nhảy Dù tiến về hướng An Lộc. Linh động và bất ngờ là hai yếu tố quan trọng trong binh pháp được Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù khai thác triệt để trong cuộc hành quân này. Cộng quân đang bao vây An Lộc bị cú bất ngờ khi thấy lính Nhảy Dù xuất hiện phía sau. Yếu tố bất ngờ đã làm địch quân hốt hoảng, trận đánh đẫm máu nổ ra và Nhảy Dù đã chiếm ưu thế, mở được một khoảng trống trong vòng vây kín mít từ phía Đông Nam hướng về An Lộc.

Cùng ngày 14-04-1972, trong khi Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù được trực thăng vận vào An Lộc, thì từ những khu rừng già vùng Tây Nam Xa Mát dọc theo biên giới Miên Việt, Liên Đoàn 81 đang hành quân được triệt xuất để trở về Trảng Lớn thuộc Tỉnh Tây Ninh.

Sáng ngày 16-04-1972, Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù được vận chuyển qua Lai Khê bằng trực thăng Chinook CH-46, 12 giờ trưa cùng ngày, khi kho đạn Lai Khê bị đặc công Cộng Sản phá hoại nổ tung là lúc toàn bộ 550 quân cảm tử của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù sẵn sàng tại phi trường để được trực thăng vận vào An Lộc.

Nắng hè chói chan oi bức, ánh nắng lung linh theo cánh quạt của trực thăng tiến đưa đoàn quân ma đi vào vùng đất cấm. Địa điểm đổ quân là những đám ruộng khô cằn nứt nẻ phía Tây Tỉnh lộ 245, chung quanh là những cánh rừng thưa trải dài theo hướng Tây Bắc, khoảng cách một cây số để đi đến Đồi Gió.

Phải cần một hợp đoàn 45 chiếc trực thăng đa dụng HU1D với hai đợt đổ quân mới thực hiện xong cuộc chuyển quân, và Liên

Đoàn 81 Biệt Cách Dù đã vào vùng hành quân lúc 4 giờ chiều ngày 16-04-1972.

Mở tần số liên lạc với Tướng Lê Văn Hưng trong An Lộc, liên lạc với Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù để biết vị trí quân bạn và nhanh chóng khai triển đội hình chiến đấu, di chuyển về hướng Tây, len lỏi theo đường thông thủy giữa hai ngọn đồi Gió và đồi 169. Âm thầm và ngầm tằm mà đi.

Một sự kiện bất ngờ không may xảy đến khi đoàn quân đang di chuyển: một quả bom của Không Quân đánh vào vị trí của Cộng quân lại rơi ngay vào đội hình di chuyển của Biệt Cách Dù, gây thương vong cho một vài binh sĩ, trong đó có Thiếu Úy Lê Đình Chiêu Thiện. Lập tức trái khói vàng được bốc cao giữa đoàn quân để phi công nhận diện phía dưới là quân bạn. Phải mất một thời gian ngắn cho việc tản thương. Hai cố vấn Mỹ, Đại Úy Huggins và Thượng Sĩ Yearta nhanh chóng liên lạc với Lữ Đoàn 17 Kỵ Binh Không Vận Hoa Kỳ yêu cầu trực thăng cấp cứu và được thỏa mãn. Đây là hai cố vấn thuộc Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ vẫn còn chiến đấu bên cạnh Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù khi quân bộ chiến Mỹ đã rút lui khỏi chiến trường Việt Nam theo kế hoạch "Việt Nam hoá chiến tranh" được thi hành vào năm 1970.

Sự kiện thứ hai xảy đến là sự xuất hiện của 47 quân nhân thuộc Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân từ đồi 169 chạy tuồn xuống, mặt mày hốc hác vì mệt mỏi và thiếu ăn, bị thất lạc và phải trốn trong rừng. Họ đi theo Biệt Cách Dù để trở lại đơn vị gốc trong An Lộc.

Vài tràng súng AK ròn rã nổ ở hướng Đông, có lẽ địch bắn báo động. Tiếp tục di chuyển, rẽ về hướng Tây Bắc để vào rừng cao su Phú Hoà. Tiếng súng nổ liên hồi, dứt khoảng phía trước. Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù đang chạm địch. Gặp Tiểu Đoàn Trưởng Nhảy Dù, Trung Tá Hiếu cười méo miệng, nói như phân trần: "Tụi nó đông như kiến và bám sát tụi "moi" như bầy đĩa đói".

"Tụi nó đông như kiến" đã nói lên thực trạng chênh lệch lực lượng quân sự đôi bên mà phần ưu thế về phía Việt Cộng! Nhưng đã là Nhảy Dù thì phải "cố gắng", cố gắng cho đến lúc tàn hơi. Đã là Biệt Cách Dù thì phải

chấp nhận mọi gian khổ, hy sinh cho màu cờ sắc áo của đơn vị.

Hoàng hôn phủ xuống thật nhanh, bóng tối lần lần bao trùm cảnh vật chung quanh. Súng vẫn nổ rải rác từng đợt, từng hồi trong rừng thẳm. Biệt Cách Dù tiến chiếm ấp Sóc Gòn trong im lặng và an toàn vì địch vừa rút ra khỏi đây. Lục soát, bố trí và dừng quân chung quanh ấp trong những công sự chiến đấu đã có sẵn của Việt Cộng. Bóng đêm dày đặc, im vắng, xa xa về hướng An Lộc, đạn pháo ì ầm nổ như tiếng trống cầm canh.

Sự đổ quân ồ ạt của Việt Nam Cộng Hoà về phía Đông Nam cách An Lộc 4 cây số đồng nhịp với các phi vụ đánh bom B.52 tàn khốc về phía Tây Nam của thành phố đã làm cho Cộng quân hoang mang, hốt hoảng. Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù là lực đối kháng vòng ngoài để thu hút địch quân, đồng thời tạo một lỗ hổng để Biệt Cách Dù xâm nhập vào thành phố sáng ngày 17-04-1972, cùng một thời điểm của Tiểu Đoàn 8 Nhảy Dù tiếp cận ngoại vi tuyến phòng thủ của Thị Xã về phía Nam cạnh quốc lộ 13.

Cộng quân không ngờ Biệt Cách Dù đã lọt vào Thị Xã tiếp hơi cho quân tử thủ và mở cuộc tấn kích ngay đêm đó vào các khu phố mặt Bắc. Với kỹ thuật đánh đêm điêu luyện, thần tốc, khi phân tán, khi hội tụ, Biệt Cách Dù đã giáng lên đầu Cộng quân những đòn sấm sét, đánh không có sự yểm trợ của pháo binh hay bất cứ một loại vũ khí vòng cầu nào, đánh bằng súng cá nhân, bằng lựu đạn, đánh cận chiến bằng lưới lê. Đánh nhau từng căn nhà, từng cao ốc đổ vỡ, chiếm lại từng con đường, từng khu phố trong đêm dài dường như bất tận.

Sáng ngày 18-04-1972, Biệt Cách Dù đã có mặt hầu hết trong các khu phố phía Bắc Thị Xã và giải thoát gần 100 gia đình cư dân còn kẹt lại trong vùng kiểm soát của Cộng Sản.

Từ các căn nhà sụp đổ bên vệ đường, từng toán Việt Cộng tuôn ra tháo chạy thực mạng về hướng Bắc, vì chúng bị đánh phủ đầu ban đêm, sáng ra nhìn chung quanh nơi nào cũng thấy "lính rần rì", loại lính đã hơn

một lần chặn đánh chúng trên đường Trường Sơn heo hút mưa bay.

Mặc dù đã chiếm lại toàn bộ khu vực phía Bắc, nhưng vẫn còn một ổ kháng cự mà Cộng quân vẫn cố thủ bên trong, đó là đồn Cảnh Sát Dã Chiến. Biệt Cách Dù tấn công nhiều đợt nhưng vẫn chưa vào được. Hơn nữa, từ đồi Đồng Long, Việt Cộng dùng đại bác 57 ly, sơn pháo 75 ly và súng không giật 82 ly bắn trực xạ vào Biệt Cách Dù để yểm trợ cho bọn chúng cố thủ bên trong đồn. Cố vấn Huggins của Biệt Cách Dù vào ngay tần số của Lữ Đoàn 1 Không Quân Hoa Kỳ xin yểm trợ hỏa lực. Hai chiếc phi cơ AC.130 Spector bay lượn trên vùng trời An Lộc với cao độ ngoài tầm sát hại của cao xạ và hỏa tiễn địa không SA7, bắn từng quả đạn 105 ly hoặc từng loạt 3 quả đạn 40 ly vào mục tiêu yêu cầu được điều chỉnh từ dưới đất. Cuối cùng đồn Cảnh Sát lọt vào tay Biệt Cách Dù vào lúc 4 giờ chiều. Phần nửa thành phố phía Bắc được chiếm lại sau gần 24 tiếng đồng hồ chiến đấu liên tục. Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù yêu cầu Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh điều động quân bạn hai bên cạnh sườn cùng tiến lên ngang hàng với quân Biệt Cách Dù. Sự yêu cầu không được đáp ứng, vì quân số của quân trú phòng đã hao hụt và bất khiển dụng quá nhiều, do đó cạnh sườn của Biệt Cách Dù bị bỏ trống. Lợi dụng sơ hở này, Cộng quân phản công mãnh liệt bằng hai mũi tấn công, mũi thứ nhất đánh trực diện từ hướng đồi Đồng Long có sự yểm trợ của cối 61 ly, cối 82 ly và sơn pháo 75 ly, mũi thứ hai từ phía Tây đánh thốc vào ngang sườn với quân số khá đông. Trước tình huống phải đổi đầu phía trước mặt và phía ngang hông, Biệt Cách Dù phải rút quân về phía khu chợ Mới, tuy nhiên vẫn còn để lại một Đại Đội cố thủ trong đồn cảnh sát.

Đồn cảnh sát đương nhiên trở thành một tiền đồn án ngữ lẻ loi phía Bắc Thị Xã, một tiền đồn bất đắc dĩ mà không thể nào bỏ trống được, và nơi đây là một cái gai mà Cộng quân bằng mọi cách phải nhổ đi, do đó muốn duy trì vị trí chiến thuật quan trọng đó, phải đổ máu rất nhiều. Biệt Cách Dù chấp nhận sự lựa

chọn này để giữ vững tiền đồn suốt một thời gian dài.

Sự tham chiến của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù đã làm cho An Lộc hồi sinh sau cơn mê dài hấp hối, và sự có mặt của Biệt Cách Dù đã mở màn cho những trận đánh ác liệt xảy ra trong lòng Thị Xã.

Đêm 19-04-1972 Cộng quân sử dụng Trung Đoàn 141 và Trung Đoàn 275 có xe tăng yểm trợ tấn công Đồi Gió sau khi rút vào vị trí này hàng ngàn quả đạn pháo, tiêu diệt 6 khẩu pháo 105 duy nhất của pháo đội Nhảy Dù và tràn ngập Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù của Trung Tá Đĩnh đang án ngữ tại đây, đồng thời pháo kích dữ dội vào An Lộc để chuẩn bị cho hai mũi tấn công từ hướng Tây và hướng Bắc thành phố. Trận đánh kéo dài suốt đêm, tuyến phòng thủ vẫn đứng vững trước chiến thuật biến người của Cộng Sản. Riêng khu Bắc Thị Xã, Biệt Cách Dù và Cộng quân giao tranh ác liệt, có khi chỉ cách nhau một con đường bề ngang 4 thước trong tầm ném tay của lựu đạn.

Mắt đồi Gió, một cao điểm quan trọng nằm bên ngoài phạm vi phòng thủ với 6 khẩu pháo 105 ly còn lại duy nhất để yểm trợ, An Lộc càng lúc càng thấy cô đơn trong mệnh mông mào lửa. Một số quân của Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù do Trung Tá Đĩnh chỉ huy chạy thoát về sông Bé hướng Đông, và được trực thăng cứu cấp bốc về Lai Khê tái huấn luyện và bổ sung quân số chờ ngày phục hận.

Cuộc chiến giằng dãn cường độ vì sự thiệt hại của hai bên công – thủ.

Bên ngoài phạm vi phòng thủ, Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù đã là một thành đồng vững chắc án ngữ mặt Đông Nam, bên trong thành phố, Biệt Cách Dù mở cuộc tấn công đêm liên tục, đánh phá những vị trí Cộng quân chiếm giữ, làm cho chúng ăn không ngon, ngủ không yên. Ngoài ra sự oanh tạc của B.52 gần An Lộc đã gây tổn thất rất nhiều cho địch quân, tuy nhiên mức độ pháo kích của Cộng quân vẫn đều đặn rót vào An Lộc khoảng 2,000 quả đạn mỗi ngày.

Bên phố chợ, người dân ngậm ngùi nhìn thấy những nắm mồ của tử sĩ Biệt Cách Dù mỗi ngày một nhiều hơn. Họ đánh nhau hằng

đêm và hi hục chôn xác bạn bè hằng đêm trong mưa pháo tuôn rơi, khi mặt trời chưa thức giấc. Sống, chiến đấu bên nhau trong cuộc hành trình gian khổ để tiêu diệt quân thù trên khắp nẻo đường đất nước, lòng thủy chung và tinh chiến hữu keo sơn chan hoà thấm thiết khi có người nằm xuống, vĩnh viễn ra đi. Hình ảnh nghĩa trang Biệt Cách Dù đã nói lên điều đó.

AN LỘC, CHIẾN TRƯỜNG ĐI KHÔNG HẸN

Theo lời cung khai và thú nhận của tù hàng binh Cộng Sản mà Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà bắt được, có ba thứ mà cán binh Cộng Sản lo sợ khi vượt Trường Sơn để xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam Cộng Hoà. Thứ nhất là B.52, thứ nhì là Biệt Kích số 81, và thứ ba là chạm súng với quân Nhảy Dù. Cả ba thứ đó đều hiện hữu và có mặt tại chiến trường An Lộc.

Liên Đoàn Biệt Cách Nhảy Dù, dân Miền Nam thường gọi tắt là Biệt Cách Dù, Việt Cộng gọi là Biệt Kích số 81, thực ra là đơn vị Tổng Trừ Bị của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, với quân số khiêm nhường trên bảng cấp số là 916 người, được đào tạo và huấn luyện thuần thực về chiến thuật phản du kích trong chiến tranh ngoại lệ, nhảy toán, thám sát, đột kích, bắt cóc tù binh, đánh phá vào các cơ sở hậu cần của địch. Nhảy vào lòng đất địch để chiến đấu bằng phương tiện nhảy dù, nhưng phần lớn bằng trực thăng vận, âm thầm hoạt động trong vùng khu chiến, cách biệt xa tầm yểm trợ của pháo binh. Bước chân của người chiến binh Biệt Cách Dù đã lần lượt đi qua các chiến trường sôi động một thời vang danh quân sử.

Từ Làng Veí, A Sao, A Lưới, Tà Bạt, Khe Sanh, Lao Bảo quanh năm sương mờ bao phủ của vùng biên giới Việt Lào, vượt lên phương Bắc hoả tuyến với Mai Lộc, Cam Lộ, Đông Hà, Quảng Trị và xuôi về vùng núi rừng cận duyên của Tam Quan, Bình Định, Bồng Sơn, An Lão. Đi miệt mài, hành quân không ngơi nghỉ để về Tây Nguyên với Boloven hùng vĩ, đổ xuống Tam Biên, đi Tân Cảnh, Diên Bình và tạm dừng chân, nâng chén quan hà bên bờ sông Dakbla nước chảy ngược dòng

của chiến trường Kontum mịt mờ bụi đỏ. Tây Ninh nằng cháy nung người không làm nao lòng chiến sĩ, Bình Giả, Đồng Xoài nặc nồng mùi tử khí. Khi chiến trường im tiếng xung phong thì bước chân của người chiến binh Biệt Cách Dù vẫn còn dong ruổi trong cuộc hành trình vô định.

Nhắc tới An Lộc là nhắc tới pháo...

Vào An Lộc, chiến trường nặng độ với trung bình mỗi ngày hơn hai ngàn đạn pháo, chiến trường cô đơn khi tồn thất của quân tử thủ mỗi lúc một gia tăng, đánh đêm đánh ngày, dằng dai khi công, khi thủ ròng rã kéo dài suốt tháng.

Cứ mỗi lần Cộng quân gia tăng cường độ pháo kích vào thành phố là để chuẩn bị cho cuộc tấn công bằng bộ binh ngay sau đó.

Đêm 04-05-1972, Cộng quân ồ ạt tấn công vào phòng tuyến phía của Biệt Cách Dù. Ở thế công thì dù sao cũng có ít nhiều sơ hở nhưng khi Biệt Cách Dù ở vào thế thủ thì một con kiến cũng khó lọt qua. Lựu đạn, mìn thì nhau nổ, AK, súng máy rít vang trời. Trận đánh kéo dài đến sáng tỏ trời. Xác địch nằm la liệt, ngổn ngang bên ngoài phòng tuyến. Lần đầu tiên trong trận địa chiến, Biệt Cách Dù tịch thu được 2 khẩu súng phun lửa do Trung Cộng sản xuất. Trong túi áo của mỗi xác chết đều có mang theo một mảnh giấy nhỏ bề ngang 5 phân, bề dài 20 phân với câu viết ngắn gọn: "Quyết tâm bắt sống Sư Trường Sư Đoàn 5, dựng cờ chiến thắng". Thì ra bọn này có học tập trước khi lao mình vào tử địa.

Ngày 10-05-1972, Cộng quân bắt đầu pháo kích dữ dội từ 5 giờ sáng, pháo liên tục dòng rã suốt ngày. Người ta đếm có hơn 8,000 quả đạn pháo rơi xuống thành phố. Nhà cửa đã hoang tàn lại thêm hoang tàn. Người ta tiên liệu một cuộc tấn công lớn của Cộng quân sắp xảy ra và trận đánh lớn nổ tung lúc 5 giờ sáng ngày 11-05-1972 với toàn bộ lực lượng còn lại của 4 Sư Đoàn đang vây hãm An Lộc.

Địch ồ ạt tiến vào thành phố từ nhiều phía. Tuyến phòng thủ phía Đông Bắc của Biệt Động Quân bị thủng, một số Cộng quân lọt vào Ty Chiêu Hồi. Xe tăng T54 xuất hiện nhiều nơi trong thành phố, có chiếc tiến lại

gần bản doanh tử thủ của Tướng Lê Văn Hưng và bị bắn cháy. Xe tăng và quân bộ chiến của Cộng Quân bị chặn đứng tại phòng tuyến của Biệt Cách Dù. Trời sáng tỏ và trận đánh trở nên ác liệt. Phòng tuyến phía Tây của Trung Đoàn 7 Bộ Binh bị thủng và co cụm lại thành từng ổ kháng cự chung quanh Tiểu Khu. Không Quân can thiệp kịp thời, dội bom bên ngoài, bắn phá bên trong thành phố. Xe tăng của Cộng Sản và bộ đội không phối hợp chặt chẽ với nhau khi tấn công vào thành phố, do đó nhiều chiếc xe tăng chạy lạc đường, bị lẻ loi, dễ bị tiêu diệt. Quân trú phòng nhảy ra khỏi vị trí chiến đấu để sẵn đuổi xe tăng như thợ săn đang săn đuổi con mồi. Đây là lần thứ hai xe tăng địch đã vào thành phố để biến thành những khối sắt bất động. Đơn vị nào cũng bắn cháy được xe tăng, kể cả một số ít Địa Phương Quân còn lại cũng hăm hờ diệt tăng với khẩu M.72 lần đầu tiên được sử dụng. Trận đánh tàn dần lúc 3 giờ chiều với sự thiệt hại nặng nề của Cộng quân. Người ta đếm được 40 xác chiếc xe tăng rải rác đó đây trong thành phố và ngoài tuyến phòng thủ, không kể đến hàng loạt thi thể không toàn vẹn của những người lính đến từ phương Bắc xa xôi. Tuy nhiên An Lộc vẫn còn nằm trong khả năng pháo kích ngày đêm của Cộng Sản, An Lộc vẫn còn chịu ảnh hưởng nặng nề của lực lượng bao vây khi quốc lộ 13 chưa được giải toả.

Sư Đoàn 21 Bộ Binh Việt Nam Cộng Hoà với nhiệm vụ giải toả quốc lộ 13, mặc dù tiến quân chậm và vững chắc cũng bị thiệt hại nhiều.

Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù đã lấy lại sinh lực sau lần thất bại tại Đồi Gió đã trở lại tham chiến, và là đơn vị đầu tiên của lực lượng giải toả tiến về An Lộc sau bao trận đánh phục thù ven quốc lộ 13.

Ngày 08 tháng 06 năm 1972 lúc 5 giờ chiều, Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù đến Xa Cam bắt tay với Tiểu Đoàn 8 Nhảy Dù do Trung Tá Đào Thiện Tuyển đang án ngữ tại đây. Xa Cam, cửa ải địa đầu cực Nam An Lộc, khoảng 2 cây số nằm ven quốc lộ 13, một đồn điền với rừng cao su ngang dọc thẳng tắp đã trở thành chiến địa mà Tiểu Đoàn 8 Nhảy Dù "nhất kiếm

trấn ải” tung hoành trong suốt thời gian gần hai tháng để chiến đấu sống còn với lực lượng địch quân có quân số và hỏa lực đông và mạnh gấp nhiều lần.

Cái bắt tay của Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù với Tiểu Đoàn 8 Nhảy Dù như một tiếng sấm vang trời trong cơn mưa tầm tã báo hiệu trời quang mây tạnh sẽ đến. Những người lính Nhảy Dù truyền hơi ấm cho nhau, mỉm cười với ánh mắt long lanh tin tưởng vào ngày tàn của Cộng quân trong chiến trường An Lộc.

Ngày 10 tháng 06 năm 1972, Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù tung toàn bộ lực lượng quét sạch tất cả các ứ kháng cự của Cộng quân trong các khu phố phía Bắc Thị Xã, bắt được một tù binh đang thúc thủ dưới hầm sâu. Đây là một tên bộ đội thuộc Sư Đoàn 5 Cộng Sản Bắc Việt, sau hơn 6 tháng vượt Trường Sơn để bổ sung cho chiến trường với nhiệm vụ “anh nuôi”. Anh nuôi là tiếng của Việt Cộng dùng để chỉ những tên lính chuyên lo việc bếp núc, nấu ăn cho đơn vị. gương mặt hốc hác vì hoảng sợ, nước da xanh như tàu lá vì thiếu ánh nắng mặt trời và tay chân hơi run rẩy vì thiếu ăn, Tên bộ đội lấp bắp khai: “Đơn vị hết người chiến đấu vì bị chết quá nhiều, cho nên Thủ Trưởng bắt buộc em cầm súng ra trận. Em chưa bắn một phát nào, đến đây đã được ba ngày cứ lo đào hầm để tránh bom”. Lời cung khai của tên bộ đội khoảng 18 tuổi với gương mặt non choẹt còn phơn phớt nét thơ ngây của tuổi học trò đã nói lên tình trạng tổn thất bi đát của lực lượng Cộng quân sau gần 2 tháng bao vây và tấn công mà không chiếm nổi An Lộc.

Ngày 12 tháng 06 năm 1972, Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù tái chiếm đồi Đồng Long, một cao điểm quan trọng nằm sừng sững phía Bắc, cách An Lộc khoảng 500 thước.

Lực lượng tấn công tái chiếm đồi Đồng Long gồm Đại Đội 2 Xung Kích do Đại Úy Nguyễn Sơn chỉ huy, Đại Đội 3 Xung Kích do Đại Úy Phạm Châu Tài chỉ huy, và 4 toán Thám Sát do Trung Úy Lê Văn Lợi chỉ huy. Biệt Cách Dù chia làm 3 mũi, bọc trái, bọc phải và chính diện hướng về mục tiêu trước mặt có cao độ 128 thước. Họ xuất quân và đến lưng chừng đồi lúc nửa đêm, đồng loạt

xung phong khi hừng đông vừa ló dạng chân trời. Bị đánh bất ngờ và vô cùng táo bạo, lựu đạn tung vào hầm trú ẩn, đạn bắn xối xả vào công sự chiến đấu, những tiếng hét xung phong vang dội một góc trời. Địch quân chú quan và còn mê mết trong tình trạng ngái ngủ, trở tay không kịp, hoảng hốt bỏ chạy không có thì giờ xô chân vào đôi dép râu, nói chỉ cầm đến khẩu súng để chống trả.

Một số chạy thoát vào rừng để lại sau lưng chiến địa còn nặng mùi khói súng với nhiều xác chết vương vãi đó đây.

Đột kích là phương pháp tấn công vô cùng táo bạo, đánh nhanh, đánh mạnh với hỏa lực tập trung tối đa được Biệt Cách Dù áp dụng trong thời điểm bất ngờ nhất làm cho địch không có thì giờ xoay trở.

Trung Úy Lê Văn Lợi hãnh diện cầm lá Quốc Kỳ Việt Nam Cộng Hoà trên đỉnh đồi Đồng Long.

Quốc Kỳ rực rỡ căng gió phất phới bay trên nền trời xanh biếc của mùa hè vùng bão lửa. Đám mây mờ bao phủ vùng trời An Lộc bấy lâu nay lần lần tan biến. Trung Tá Phan Văn Huân, con chim đầu đàn của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù, vào tận số liên lạc với các cánh quân Biệt Cách Dù đang có mặt trên đỉnh đồi Đồng Long, giọng cảm động, ông nói: “Chúng ta đã chu toàn nhiệm vụ cao cả nhất mà quân đội đã giao phó, nhiệm vụ phải trả bằng xương máu của các anh em, của các tử sĩ Biệt Cách Dù đã nằm xuống. Tôi thành thật ca ngợi lòng dũng cảm của anh em trong chiến tích hôm nay”.

Chiếm xong đồi Đồng Long, Biệt Cách Dù truy kích, lục soát xung quanh, và phát hiện một căn hầm sâu ven rừng, có tiếng động khả nghi bên trong. Tất cả họng súng đen ngòm hướng vào miệng hầm chờ đợi như con hổ rình mồi. Có tiếng hét lớn từ trong đám lính:

– Chui ra ngay, đầu hàng ngay, tao tung lựu đạn vào chết cả đám bây giờ!

– Khoan, đừng tay, coi chừng bắn lầm vào dân! Tiếng nói khẩn cấp của người chỉ huy từ xa vọng lại. Tất cả đều chờ đợi. Bước lại gần miệng hầm, người chỉ huy nói to:

– Chúng tôi là lính Việt Nam Cộng Hoà. Ai trốn trong hầm thì chui ra mau.

Câu nói được lập lại lần thứ hai. Có tiếng thút thít bên trong hầm vọng ra.

– Ra đi, chui ra đi, không sao đâu!

Tiếng người lính thúc dục. Tiếng động bên trong rõ dần. Những ánh mắt long lanh của những chiến binh Biệt Cách Dù chùng xuống khi thấy hai em bé gái 9, 10 tuổi lê lét tấm thân tàn, chậm rãi bò ra khỏi căn hầm trú ẩn.

– Trời ơi! Hai đứa bé gái! Ba má các em đâu, sao lại như thế này? Còn ai trong đó không?

Người chỉ huy nức nghẹn giọng nói. Hai em bé mặt mũi lem luốc, mắt mờ đẫm lệ, thân mình khô đét như hai bộ xương biết cử động, chỉ lác đầu sau những câu hỏi dịu dàng của người chỉ huy Biệt Cách Dù. Hai em bé đã tránh bom đạn trong căn hầm này bao lâu rồi, một tháng, hai tháng, lấy gì ăn để sống đến nỗi thân thể phải xác xơ như thế này!

Ồi chiến tranh! Chiến tranh tàn khốc mà người Cộng Sản đã mang đến cho dân tộc mình như thế đó.

AN LỘC ĐỊA SỬ LƯU CHIẾN TÍCH

Kể từ ngày cắm lá Quốc Kỳ trên đỉnh Đồng Long, Biệt Cách Dù bung ra khỏi thành phố và án ngữ trong các khu rừng phía Bắc An Lộc. Thành phố tuy sạch bóng quân thù, nhưng mức độ pháo kích vẫn còn rời rạc, vô chừng.

An Lộc đã được giải toả trong điều tàn và đổ vỡ! An Lộc sụp đổ hoang tàn trong cái hình hài đầy vết đạn bom, nhưng An Lộc đã đi vào huyền thoại của những người tử thủ.

*“An Lộc địa sử ghi chiến tích,
Biệt Cách Dù vị quốc vong thân”*
Cô giáo Pha.

Trong hoang tàn và đổ vỡ của một thành phố đã chịu đựng sức tàn phá hãi hùng của đạn bom, hai câu thơ của cô giáo Pha được Biệt Cách Dù cứu thoát khi bị thương, được khắc trên đài tưởng niệm trước nghĩa trang bên phố chợ đìu hiu, mà trong đó 68 năm mồ của tử sĩ Biệt Cách Dù được chôn vùi vã từng đêm khi chiến trận tàn khốc xảy ra đã làm mũi lòng dân cả nước với lòng ngưỡng mộ và niềm xúc cảm vô biên

Sau khi đòi Đồng Long được tái chiếm, thành phố An Lộc xem như được giải toả, Trung Tướng Nguyễn Văn Minh, Tư Lệnh Quân Đoàn 3 lần đầu tiên đến thăm An Lộc và Trung Tá Phan Văn Huân, Chỉ Huy Trưởng Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù, là người đầu tiên được vinh thăng Đại Tá tại mặt trận. Tác giả Sao Bắc Đẩu, trong cuốn “Một ngày trong An Lộc”, trang 296 và 297 đã ghi lại việc thăng cấp như sau:

“Một ông Đại Tá mặt trận”

Trung Tướng Minh cẩn thận giải thích rằng không phải chỉ riêng Trung Tá Huân, Chỉ Huy Trưởng Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù là có công, là xứng đáng được tặng thưởng. Sở dĩ ông cẩn thận như vậy là ngại có người sẽ hỏi: “Tại sao chỉ một mình Trung Tá Huân được thăng cấp tại mặt trận?”. Tướng Minh cẩn thận như vậy cũng phải, nhưng trên thực tế, không ai có ý phân bì với tân Đại Tá Huân cả. Những người lính Biệt Cách của ông đã chiến đấu hơn một người lính và đã giúp đỡ dân chúng hơn một cán bộ Chiến Tranh Chính Trị.



Đại tá Phan Văn Huân
CHT/LB 81/BCD
từ 1970-1975

Chính một binh sĩ của Tiểu Đoàn 2 Nhảy Dù đã xác nhận với chúng tôi rằng đó là “những người lính tuyệt”. Một người khác kể lại rằng nếu không gặp lính Biệt Cách thì hai đứa trẻ nằm trong hầm 70 ngày đã chết vì lựu đạn. Anh này khẳng định:

– Miệng hầm trông khá nghi lắm. Lại nghe văng vẳng có tiếng động. Gặp người nhất là phải tung lựu đạn trước khi xuống.

Nhưng những anh Biệt Cách của Đại Tá Huân đã không tung lựu đạn xuống. Họ kiên nhẫn nằm trên miệng hố rình rập vì họ nghĩ rằng dù có lính Bắc Việt phía dưới thì những người này cũng đói là không còn sức kháng cự nữa. Cuối cùng họ đã cứu sống được hai em nhỏ, nạn nhân chiến cuộc.

Tôi hỏi vị Đại Tá tân thăng:

– Người ta nói với chúng tôi rằng dân chúng An Lộc lập một nghĩa trang riêng để chôn những tử sĩ của Đại Tá. Xin Đại Tá cho chúng tôi hiểu rõ vì lý do nào, người lính Biệt Cách lại có một tác phong đặc biệt đối với dân chúng như vậy?

– Tôi thiết tưởng điều này cũng dễ hiểu. Anh nghĩ coi, từ trước đến nay, lính Biệt Cách chúng tôi chỉ nhảy từng toán 5 người vào tác chiến sau lưng địch. Nói một cách khác, chúng tôi đã quen sống với thái độ thù địch của dân chúng trong vùng chiến đấu. Đây là lần đầu tiên chúng tôi là bạn chứ không phải là thù, dân chúng giúp đỡ chứ không chống lại chúng tôi”.



Biệt Cách Dù nhảy vào An Lộc ngày 16-04-1972 và rời khỏi An Lộc ngày 24-06-1972. Tính ra đúng 68 ngày tham chiến.

68 ngày tử chiến với 68 Biệt Cách

Dù hy sinh và trên 300 bị thương, trong mưa pháo kinh hoàng, ngày cũng như đêm không tròn giấc ngủ, đục tường, khoét vách, đào hầm để giành lại từng tấc đất trong tay quân thù. Chiến đấu trong từng căn nhà, từng khu phố, từng đoạn đường lỗ chỗ hố bom, vùng lên diệt xe tăng cũng như đồng loạt truy kích khi địch đã tàn hơi, và cuối cùng cắm lá Quốc Kỳ trên đỉnh Đồng Long tượng trưng cho sự chiến thắng, hình ảnh người chiến binh Biệt Cách Dù mãi mãi sống trong tâm hồn người dân An Lộc, hình ảnh dũng cảm, can trường biểu tượng cho sự chịu đựng bền bỉ, sức chiến đấu hào hùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà.

48 giờ sau khi rời khỏi chiến trường An Lộc, ngày 26-06-1972, Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù đã có mặt tại miền hỏa tuyến để

tham gia chiến dịch “ba tháng vùng lên tái chiếm Quảng Trị”. Còn giặc thù, còn chiến trường, người chiến binh Biệt Cách Dù vẫn còn xông pha tiến bước, dù một lần sảy chân nằm yên trong nghĩa trang hiu quạnh thì đó cũng là một điều vinh quang cho người chiến sĩ để báo đền ơn Tổ Quốc.

Phạm Châu Tài.

Chú Thích Của Ban Biên Tập.

Trận An Lộc là một trận chiến mà phía Việt Nam Cộng hòa xem là đợt 2 trong Chiến dịch Hè 1972 hay "Mùa Hè Đỏ Lửa" trong Chiến tranh Việt Nam. Về phía Quân CS thì đây là một trận đánh hiệp đồng binh chủng trong đợt 1 của Chiến dịch Nguyễn Huệ (1 tháng 4 năm 1972 - 19 tháng 1 năm 1973).

An Lộc là địa bàn quân sự chiến lược tối quan trọng đối với Quân lực Việt Nam Cộng hòa vì đây là cửa ngõ Tây Bắc ngăn Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam tiến về thủ đô Sài Gòn sau khi quận lỵ Lộc Ninh rơi vào tay họ ngày 7 tháng 4 năm 1972.

Phía Quân CS, lực lượng tấn công trực tiếp thị xã An Lộc gồm có Sư đoàn 9, 2 trung đoàn pháo binh 28 và 42, 4 tiểu đoàn pháo phòng không và tiểu đoàn tăng thiết giáp 20, về sau tăng cường thêm tiểu đoàn tăng thiết giáp 21. Tham chiến ở vòng ngoài là Sư đoàn 5, 7 và Đoàn C30B.

Phòng thủ thị trấn An Lộc, phía Quân lực Việt Nam Cộng hòa có Sư đoàn 5 Bộ binh, Liên đoàn 3 Biệt động quân cùng lực lượng Nhân dân Tự vệ và Địa phương quân tỉnh Bình Long. Trong quá trình diễn ra trận đánh, Hoa Kỳ dùng trực thăng chở thêm hàng ngàn quân Việt Nam Cộng hòa vào An Lộc, đồng thời huy động gần 20.000 quân tìm cách giải vây bằng cách đánh theo Đường 13. Ngoài ra, Không quân Hoa Kỳ yểm trợ bằng gần 1.000 máy bay và trực thăng các loại, từ ném bom, vận tải tới chuyển thương.

Nguồn Wikipedia.

Vấn Vương Ngọn Bà Rá

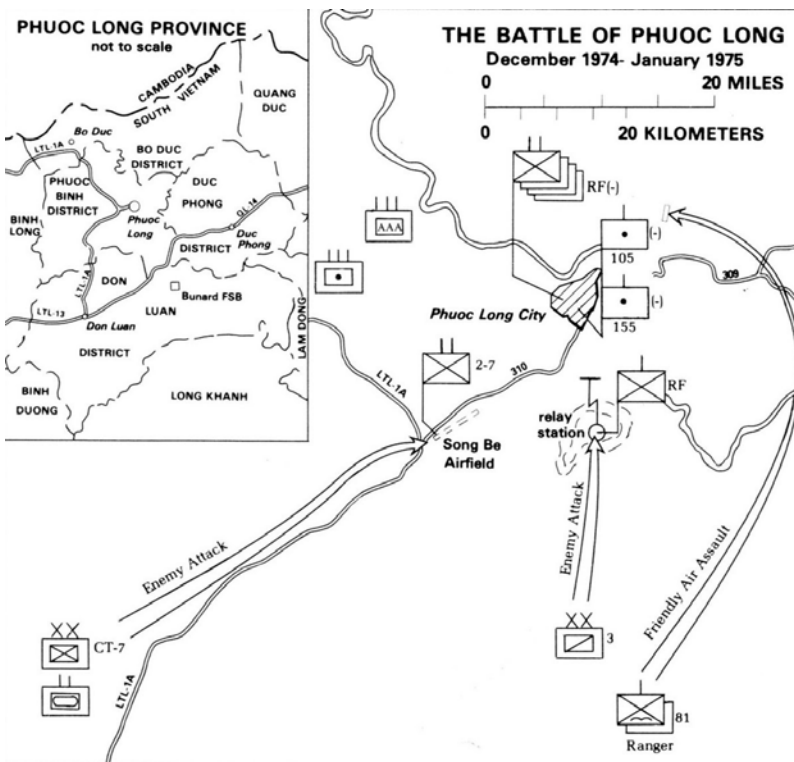
Ara Phát

Khóa 4/71 An Lộc SQ Trừ Bị Thủ Đức.

Biệt phái Bộ Giáo Dục-Giáo Sư Trung học Tỉnh Phước Long

Núi Bà Rá thuộc tỉnh Phước Long, chỉ cách Saigon 154 km, tên này có lúc muốn đổi thành ngọn núi Phước Sơn, chữ Phước Sơn được đặt tên cho một tờ nguyệt san của tòa hành chánh tỉnh Phước Long.

Tỉnh Phước Long bị tràn ngập kể từ 9 giờ sáng ngày 6 tháng giêng năm 75, là tỉnh đầu tiên của VNCH bị mất mà được tổng thống Nguyễn văn Thiệu gọi là « di tản chiến thuật » và « tái phối trí », lúc đó tổng thống Thiệu đang mặc cả viện trợ với Mỹ giữa 700 triệu và 300 triệu.



Phước Long là một yết hầu của các tỉnh cao nguyên nam phần. Khi đoàn quân xâm lược chiếm được Lộc Ninh, một quận của tỉnh Bình Long làm thủ phủ. Chiếm Lộc Ninh dòm ngó

đến Bó Đức(quận Bù Đốp cũ) của Phước Long từ năm 1972, dựng chiến trường bao vây An Lộc, Bình Long lúc đó chỉ còn quận Chân Thành thuộc quyền kiểm soát của VNCH.

Phước Long lúc đó như một cái gai trước mắt mà chúng cần phải nhổ để kiểm soát quốc lộ 13, chặn quốc lộ 14, 14bis để lần chiếm Quảng Đức, Kiến Đức rồi bao vây Ban mê Thuật. Nhiều nhà quân sự đã nhìn thấy viễn ảnh này mà không hiểu sao tổng thống Thiệu lại đem Phước Long ngả giá với Mỹ để có viện trợ. Hẳn lúc đó không còn ở trong quân đội nhưng cũng thấy được cái mất cao điểm Bà Rá này.

Gần cuối tháng 12, hẳn còn đi lại công tác ở Phước Bình, là quận lỵ của tỉnh, có gặp thiếu tá Xuân, quận trưởng quận Phước Bình, trao đổi vài ba mẫu chuyện, thiếu tá Xuân bảo với hẳn là «ông thầy giáo có thấy đây là một An Lộc thứ hai hay không? sao giờ này còn ở đây», sau đó vài tiếng chuyên C130 đáp xuống phi trường Phước Bình bị pháo kích cháy, hàng không VN không lên được, dân tình nhón nháo trước những đợt pháo kích, một chiếc trực thăng hỏng bình điện còn nằm trước dinh tỉnh trưởng, ngày hôm sau có 2 phi công lên thay bình điện, trong đó có một người là anh rể của hẳn, thiếu tá Vỹ, không có anh Vỹ hẳn cũng khôn khổ khôn nạn ở Phước Long rồi.

Lệnh tòa hành chánh tỉnh cấm công chức

quân nhân xuất tinh, quân cảnh không cho hấn lên tàu, phi công hẹn hấn nơi ngã ba Tư Hiền, cô giáo Hiên ở Phước Long chờ hấn ra điểm hẹn vào giờ thứ 25, lên được tàu, đi cùng với hấn còn có thanh tra sở học chánh Trần, an lành về tới Đồng ông Cộ. Hấn đã bảo là có số để bọc điều mà, gặp lúc tai biến là có quý nhân giúp đỡ.

VC bắt đầu pháo kích dữ dội từ tối hôm đó, 26/12/1974, quân đội thiếu đạn dược, lương thực, thuốc men, một số quân nhân cắt đường rừng chạy sang Quảng Đức, một số lần theo quốc lộ 13 về đến Bình Dương, là điểm an toàn rồi về Saigon.

Phước Long mất vào lúc 9 giờ sáng ngày 5/1/1975, chỉ gần 4 tháng sau cả nước vào tay quân CS Bắc Việt.

Hấn viết lại những thông khổ của người dân Phước Long dưới dạng một bài thơ xuôi, từ năm 2017, hấn gửi lại đến các bạn để tưởng niệm 48 năm ngày Phước Long thất thủ. Đồi delta Bruxelles ngày 3/1/ 2023.

Ara Phát



Từ trên lầu của Tòa Hành Chánh Tỉnh Phước Long nhìn thẳng qua Phi trường Phước Bình, thấy ngọn núi Bà Rá không xa.

Vấn vương ngọn Bà Rá – Ara Phát

Hôm trước nói chuyện cùng An Lộc Võ văn Châu Phú.

*Kể hấn nghe ngày đi tù ở Phước Long
Tại Bù gia Phúc, Bù gia Mập*

nơi nhiều người bạn, cả anh Phú người anh liền đốt.

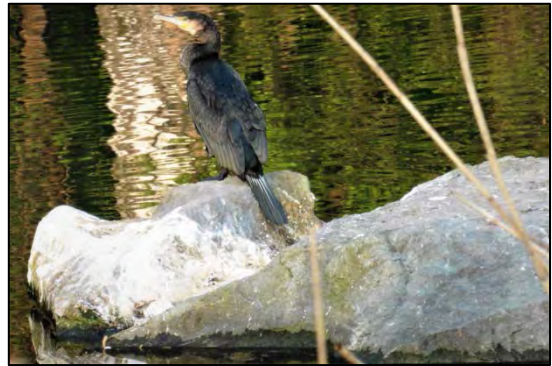
Có những tháng ngày sống trong địa ngục trần gian

*Sáng nay như mọi hôm, đi giang hồ vất,
với chiếc máy ảnh trên vai.*

*Ghi lại hình ảnh, chia sẻ với bạn bè
xem có gì lạ của mùa xuân, miền ôn đới.*

Nói như cụ Tiên Điền

Thieu quang chín chục đã ngoài bốn mươi



Một con chim bói cá trên tảng đá bờ sông

Nhìn một lúc sao như bờ sông Bé

Những rạt rào, nhớ kỷ niệm ngày xưa

Bà Rá Phước Long ngày nào rộn rã,

Xa thật rồi... mà ngỡ mới hôm qua.

Đã Bốn mươi ba năm

Rời xa miền đất đỏ

Đến hôm nay lê bước khắp bao miền ...

Phước Bình ngày trước, những ngày loạn lạc

Đêm An Lương, sông Bé mẫn lạc bầy¹

Dòng suối Đá, trong soi từng viên đá cuội

Những trưa hè ngâm mát cả toàn thân

Yếu điểm Sơn Trung

Người dân Thượng vẫn hấn lên ngơ ngác

Rời bản làng ngớ ngẩn vẫy tay chào

Chiếc gùi vai nặng

¹ Ở Phước Long mỗi khi bắc quân tập trung quân để chuẩn bị tấn công đồn, bót, rừng bị động thú (như mễn, nai) chạy tứ tán lạc cả vào nhà dân. Mỗi khi thấy vậy, từ quân đến dân chuẩn bị cho cuộc chiến. “mễn lạc bầy » có nghĩa như vậy.

Con rửa sắc trên tay
Da đen sạm nắng
nhưng tâm hồn trong trắng
Chiếc khố đơn sơ
Lưng trần không tấm áo
mà lòng thật thanh thản an vui
Vít cần rượu ngọt thơm đời rừng núi
Trái tai căng muốn rách
Cà sát răng nhưng vẫn nở nụ cười
từ xa, nơi cầu Mười Một, Đồng Xoài.
Dư âm
một thời kinh hoàng trong lửa đạn
Tháng 6 năm 65 quân phương bắc
tràn vào quận Đôn Luân,
là Đồng Xoài ngày trước
Gây điêu tàn.
Ai đã từng nghe câu câu hát
«Tôi có người yêu, ở chiến khu Đ
chết trận Đồng Xoài,
chết lửa lò mình không manh áo»
của những người con « sinh bắc tử nam »
Năm 70, tôi thấy trong đồn điền Thuận Lợi
Còn vãi rơi nón sắt lính nhảy dù
Nay vọng lại
Tiếng cúng đình mừng mùa lúa chín
inh ỏi, rộn ràng tiếng phèng la
Bất chấp, dù đất trời có sụp.
Con hứng lên bát chọt
Vượt chặng đường rừng thăm thầy giáo Hiệp
Ở tận Đức Phong (Bù Đãng)
Chiếc xe Suzuki
vỡ ống “bô”
động cơ nổ âm vang
cả núi rừng
Qua cầu Phước Tín
Vào ngã ba Vic Morow
Ngang qua đồn Bạch Mã.

Gặp mặt, thầy giật mình,
sao mày dám...
chỉ một cái võ vai, ”mày khỏe chớ”
Uống xong tách cà phê,
thổi vài ba điếu thuốc
leo lên xe bốn lăm cây số quay về
Việt cộng chắc ”né” thằng liều mạng
nên để im cho nó trở về.
Đến Phước Bình, ăn tô mì Duy Ký
lúc bảy giờ mới lành lạnh sống lưng
Ngang Sơn Giang, bóng cây hoàng điệp
Vào tháng mười hoa rụng khắp con đường
Hoa cà phê trắng xóa
Dịu lòng người viễn xứ
Đi thêm vài khúc quanh
Xuống con dốc Sơn Long
Dưới chân núi Bà Rá
uống chút rượu với ”Vinh lự đạn”
cùng vài anh em biệt kích
chẳng có gì ngoài ba con cá rô non
một đĩa dưa chua, vài xì để... đủ rộn ràng câu
chuyện
Cũng nơi này, đã có lần
binh lửa ngập trời xanh
Nào trung đoàn 9 «voi thần»
Nào liên đoàn biệt động
Mũ đỏ cũng góp phần đầy đủ
Còn có cả 81 Biệt cách dù.
Trên bàn cờ chiến
còn có thêm pháo thủ, kỵ binh
Giữa không khí chiến tranh
Những thầy cô
Vẫn chăm lo cho học sinh thơ dại
Cho dù pháo kích của quân thù
cho dù ngổn ngang trường lớp
Sao người ta nở đốt xóm, phá trường
một cách dửng dưng

không thương xót, nhẫn tâm không rơi lệ
 khi xác người tung, máu đỏ chan hòa
 của những người
 mà luôn miệng họ gọi là đồng bào của họ
 Tuổi thơ chỉ
 ước mơ khi thức dậy,
 không còn nghe



Tòa Hành Chánh Tỉnh Phước Long có phi đạo gần
 trước mặt tiền. Phi cơ vận tải nhỏ có thể đáp
 xuống đây được.

trên đường có chông gai, mìn cài.
 không muốn thấy
 phi cơ bay nghiêng trên con đò nhỏ.
 Trừ thời gian trong quân ngũ
 Cũng có 3 năm dài
 gót chân mòn phố chợ
 Có những đêm ra ghé đá công viên
 Nghe vọng thác mơ tuôn dòng bên Đức Mẹ



suối Đá

rồi lượn lờ thành suối Đá hai dòng
 Chui vào cầu Đắc Lung hiên ngang bên sườn núi

Nước tuôn về tưới đẫm những nương ngô
 Cũng không xa, là con đường
 bao quanh hồ Long Thủy
 Văng vẳng tiếng kinh cầu của xóm Cao Đài
 Chân bước cao, bước thấp
 bước ngắn, bước dài
 theo từng con dốc đất đỏ
 rồi cũng đến được «thành La Mã»
 Nơi có các quán cà phê cô Trang, cô Phượng
 Vào quán Loan ấm cúng
 thổi những luồng hơi ấm ở đầu môi
 ngón tay vàng khói thuốc.
 Lúc đêm về thêm một chút cay cay
 Gõ cửa nhà cô hàng rượu thuốc
 là hiệu thuốc Quảng sanh Đường
 ở đầu con dốc xuống bến xe
 Không cần lên tiếng, chỉ đưa chân vào cửa sắt
 Chiếc giấy bám đất; cô bán rượu đã biết là ai
 Một ly nhỏ luôn qua khung cửa hẹp
 là đủ rồi một chút lên hương
 Cũng nơi bến xe
 ly cà phê sáng sớm
 chung quanh đủ hạng người
 nói chuyện thời sự, chuyện chiến sự
 và cuối cùng, nghe Ara bàn “tam quốc chí”
 khi «Thủy Hử», lúc «cô gái đờ long»,
 «Tiểu ngạo giang hồ» khi nổi cơn thổng khoái
 hết một ngày ở núi rừng Bà Rá.



Một hình ảnh rất đáng yêu. Mỗi khi một trực thăng
 nào đó đáp xuống đây để đi công tác là dân sự
 cũng như quân nhân thường chạy đến để xin đi
 “quá giang” về Sài Gòn hoặc Biên Hòa.
 Thường các Phi công ít khi từ chối.

Những con đường, những góc phố thân quen
Nơi công viên cạnh giáo đường tĩnh lự
Nhớ quán Thu Hương ẩm nồng hơi bánh cuốn
Nhớ Tư Hiền có quán của cô Phương
Quán nhậu nhỏ, bàn kê dưới gốc xoài, gốc mận
cũng nơi đây biết thế nào là chám “mắm”
ăn ghém với khế, điều và chuối chát,
ngắm vào tận con tì, vị ngọt miền nam
Lại còn chén bánh bèo miền Vỹ Dạ
cay xé lưỡi, ăn hít hà thỏa mãn



Tất cả đã trở thành gạch vụn
kể cả tên gọi Phước Long
kể từ 9 giờ sáng ngày 6 tháng giêng năm 75
ngày Phước Long thất thủ
Nghe chưa xót, ngẩn ngơ



bè bạn chung sống
nơi căn nhà
45 đường Tự Do
một số đã ra đi mãi mãi
Các thầy giáo cùng khóa sư phạm
Hoàng bá Khôi, Huỳnh Lý

Thêm duy Hòa, Hoàng văn Đắc
Chết tan xác trong chiến cuộc hôm nào
Bao người dân gục ngã
Bao xác trẻ trôi sông
dưới những tràng pháo vô tội vạ
và bị nghiền dưới xích sắt T54
Cán binh Cộng sản, là những tín đồ
của Má, Lê, và Tố Hữu
chắc thuộc lòng lời dặn của tổ sư
«Giết, giết nữa, suốt đời không ngơi nghỉ
Cho ruộng đồng xanh tốt, thuê thêm ra»
Biết bao xác dọc theo bờ suối đá.
Kéo chạy dài đến tận Bù Nho
Pháo thủ biệt động quân Lê văn Trụ
dân ở Long Hoa, Tây Ninh
Tay tiểu lâm tâm cỡ
cũng con người khoa bảng
Cùng khóa An Lộc 4-71 năm xưa
cũng vừa biết tin
anh ngã gục nơi trại tù cải tạo



lính Cộng Hòa miền nam
dù chỉ còn chiếc quần đùi
Vẫn bình tĩnh ngăn đường
Bảo vệ dòng người chạy loạn
Thế mới biết lòng trời không tựa
cho những người nhân nghĩa kiên cường
Người Phước Long chịu bao nhiêu thống khổ
Khi nhớ về có nỗi vấn vương
Nhắc Phước Long nhớ như ngày đầu mới đến
vẫn là chuyện trầu cau
Dù ngày nay vạn dặm đường xa cách.

Mười Cái Chết Oan Khiên

Sau Ngày 30-4-1975

Phạm Văn Duyệt

Sau khi chiếm Saigon, tập đoàn cộng sản đã thực hiện chính sách đối xử dã man tàn bạo với đồng bào miền Nam. Hậu quả là bao gia đình chịu cảnh tan nát đau thương, khổ lụy ngút ngàn. Một trong những thành phần bị đọa đày thê thảm nhất là giới văn nghệ sĩ. Sách báo còn thiêu hủy đốt cháy huống chi là con người. Mấy ai mà tránh được sự trả thù ác hiểm của quân cướp nước. Bài này xin điểm lại mười cái chết oan khiên của văn nghệ sĩ trong khoảng thập niên đầu sau 75 như nén hương lòng tưởng niệm những người vị quốc vong thân đã từng góp công sức dựng nền văn học nghệ thuật nhân bản cho nửa nước thân yêu.

1. VŨ HOÀNG CHƯƠNG (1916-1976)

Đỗ Tú Tài 1937. Học Luật và Toán dang dở. Xuất bản chừng 20 Thi Phẩm và Kịch Thơ. Di cư vào Saigon 1954 hành nghề dạy học. Đạt giải Văn Chương Toàn Quốc 2 lần. Chủ tịch Văn Bút Việt Nam.

Những năm dạy ở trường Chu Văn An rất được học trò mến mộ. Trong tập truyện Chồn Cũ, Nhà Văn Song Thao kể lại: Thầy đi quanh lớp bằng những bước chân nhẹ nhàng, đầu nghênh cao, mắt xa vắng, giảng bài bằng cái giọng nhừa nhựa thanh thanh. Có những lúc mắt Thầy như nhắm hấn lại, đầu lắc lắc từng chập. Giây phút ấy Thầy như thoát hồn bay về một trời thơ nào đó. Thầy say thơ. Thầy ngâm thơ như người đồng thiếp. Như không có Thầy. Như không có trò. Như không phải là một lớp

học. Chỉ có một cõi thơ lỏng lộng bát ngát. Chúng tôi cũng thấm thơ. Vô cùng nồng nàn là những dòng thơ đất Việt. Chỉ có tiếng chuông báo hết giờ học mới có thể kéo thầy trò ra khỏi cơn mê văn chương.

Một cựu học sinh khác là Phạm Công Bạch cũng viết bài: Tại Sao Vũ Hoàng Chương bị bắt vào tù Khám Lớn?

- Vì Thơ về mĩa mai chế độ: sau 75 nhiều thơ nhạc chế điệu chế độ mới lan truyền khắp mọi nơi. Đặc biệt là hai câu mà lắm người cho rằng Vũ Hoàng Chương là tác giả:

*“Nam Kỳ Khởi Nghĩa tiêu Công Lý
Đông Khởi vùng lên mất Tự Do”*

- Chế thơ Tố Hữu: theo bài đăng trên “net” của Sông Lô viết về Vũ Hoàng Chương nhận xét thơ Tố Hữu:

Sau 75, một phái đoàn từ bắc vô Saigon có mời Vũ Hoàng Chương tham dự trong đêm “họp mặt văn nghệ”. Đề tài đưa ra là hai câu thơ Tố Hữu khóc Stalin chết năm 1953:

*“Thương cha, thương mẹ, thương chồng
Thương mình, thương một, thương ông thương
mười”.*

Cán bộ như Xuân Diệu, Huy Cận, Thanh Nghị, Vũ Đình Liên, Hoài Thanh đều ca ngợi. Riêng Vũ Hoàng Chương phát biểu: Tố Hữu đặt tiếng khóc của chính mình vào miệng bà mẹ Việt Nam, muốn bà dùng môi u hoài của nhà thơ để dạy con trẻ yêu cụ Stalin thay cho mình. Chẳng sao vì đó cũng là một kỹ thuật của

thi ca, nhưng trước hết phải biết bà mẹ Việt Nam có cùng tâm cảnh với mình không, có chung một mối cảm xúc hay không?

Tôi biết chắc là không. Bởi từ đoạn trên của mấy câu lục bát này trong bài “Đời đời nhớ ông”, Tố Hữu đã đặt vào lời bà mẹ hai câu:

*“Yêu biết mấy nghe con tập nói
Tiếng đầu lòng con gọi Stalin”.*

Chắc chắn là không có bà mẹ Việt Nam nào, kể cả bà Tố Hữu mà thốt được những lời như vậy một cách chân thành. Cái không thực của hai câu này dẫn tới cái không thực của hai câu ta đang mô xẻ. Một tình tự không chân thực, dù được luồn vào những lời thơ xuất thần, khẩu chiếm đến đâu cũng không phải là thơ đẹp, thơ hay mà chỉ là thơ khéo làm, đó chỉ là thơ thợ chứ không phải là thơ tiên. Loại thơ khéo này người thợ thơ nào lành nghề cũng quen làm, chẳng phải công phu lắm. Nhất là khi có đòi hỏi một tuyên truyền nào đó. Tố Hữu nếu khóc lầy, có lẽ là khóc thực, khóc một mình. Nhưng bà mẹ Việt Nam trong bài đã khóc tiếng khóc tuyên truyền, không mấy truyền cảm.

Theo Sông Lô, Vũ Hoàng Chương chính là người của tự do không phải quy lụy trước bất cứ áp lực nào. Nhà Thơ đã thể hiện khí khái tinh thần “uy vũ bất năng khuất”.

- Nhà Văn Mai Thảo có bài “Mấy Tháng Cuối Cùng Với Vũ Hoàng Chương”: Sau 75, Họ Vũ dời nhà về sống với vợ con Đình Hùng (em Bà Chương) ở Gác Bút, Khánh Hội. Hỏi tại sao không dùng lại tên Gác Mây của căn lầu vùng Phú Nhuận vừa rời bỏ, thi sĩ cười, hóm hỉnh: “Đôi đời, giờ là Gác Bút mới đúng. Vì Hà Nội nó bắt ta gác hết bút lên rồi, đâu còn cho viết nữa”.

Từ cộng sản chiếm miền Nam, hơn ba triệu

người đều “nói” Vũ Hoàng Chương. Thấy nhau là “Lũ chúng ta lạc loài năm bảy đứa”. Gặp nhau là “Lũ chúng ta đầu thai làm thế kỷ”. Đó cũng là thêm một lý do gây tai họa cho Ông.

Theo Mai Thảo, đám nhà thơ miền Bắc đặc biệt đồ kỵ Vũ Hoàng Chương chỉ vì trời thơ hai miền hào quang Ông át lấn mọi hào quang khác. Mặc cảm tự ti khiến họ ghen ghét Ông như Vì Sao Bắc Đẩu của thi ca miền Nam rồi đưa tới hệ lụy cho việc bắt giữ.

- Mai Thảo viết theo lời kể của Bà Chương: 9:30 sáng 13.4.76 Vũ bị cảm lạnh còn đắp chăn không ngồi dậy được. 4 xe jeep đầy nhóc áo vàng mang súng ống như cho một cuộc hành quân lớn, ầm ầm vượt cầu Calmette phóng thẳng phường Cây Bàng và ngưng lại trước con hẻm nhỏ dẫn vào nhà Thi Sĩ. Bọn công an trên 20 đứa tới tấp nhảy xuống xe. Khoảnh khắc vây kín Gác Bút. Chúng chạy rầm rập, trí sùng, mai phục theo tư thế chiến đấu.

Vũ bị đánh thức trong giấc ngủ chập chờn. Ông gắng gượng ngồi dậy, lấy áo gấm mặc vào, xếp bằng thật thẳng giữa chiếu, bất động như một pho tượng.

Bọn quỷ dữ ở lại lục soát trên hai tiếng đồng hồ. Ông không thềm nói với chúng lời nào. Chúng hỏi, Ông không trả lời, chỉ thoảng nhún vai rồi ngồi yên. Sau đó, hai thằng lực lưỡng nhất hùng hổ tiến lại xóc nách Ông lôi lên xe đưa vào khám Chí Hòa giam cầm cùng với một số trí thức khác kể cả Bác Sĩ Phan Huy Quát. Vì thương mến họ Vũ mà Cựu Thủ Tướng đã tận tình chăm sóc và không hề ngại ngần bung bỏ cho thi sĩ.

Với thân hình gầy yếu sẵn có, lại thêm thiếu thốn mọi bề, sức lực Ông kiệt dần. Việt Cộng biết không thể sống được bao lâu nên thả Ông về để tránh tiếng bức tử trong tù. Vài hôm sau thì Ông mất với tâm thái an nhiên tự tại, chẳng

vân vương tiếc nuôi điều gì.

Phải chăng Thi Bá đã chuẩn bị cho cuộc ra đi cuối cùng qua bài thơ Thôi Hết Bản Khoăn:

*“Dấu hỏi vây quanh trọn kiếp người
Sên bò nát óc máu thâm rơi
Chiều nay một dấu than buông dứt
Đinh đóng vào sãng, tiếng trả lời!”*

2. NGUYỄN MẠNH CÔN (1920-1979)

Viết báo Đông Pháp từ 1939. Đến 1951 dạy học tư. 1956 - 61 chủ bút báo Chỉ Đạo. Xuất bản 13 tác phẩm. Có biệt tài viết truyện khoa học giả tưởng.

Theo Nhà Thơ Viên Linh, sách Nguyễn Mạnh Côn đều phơi bày những kiếp nhân sinh vắng bộ mặt người trong các xã hội cộng sản.

Nhà Văn Mai Thảo cho rằng “Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử và Hòa Bình, Nghĩ Gì, Làm Gì? là hai tác phẩm chủ yếu của văn học Quốc Gia Việt Nam từ 54 đến 75 và là niềm vinh dự chung của văn học miền Nam”.

Một số tướng lãnh rất khâm phục luận thuyết và viễn kiến của Ông.

Sau 75, tên Ông đứng đầu danh sách 45 người nổi tiếng bị việt cộng bắt đi tù.

Để hiểu rõ cuộc đời, tài năng, khí phách của Nguyễn Mạnh Côn, chúng ta hãy nghiền ngẫm tư liệu quý giá của Nhà Văn Vương Trùng Dương: “Nguyễn Mạnh Côn, Nhà Văn Can Đảm Chọn Cái Chết Trong Tù”: bài tổng hợp ý bạn văn, bạn tù của Nguyễn Mạnh Côn.

- Tù Nhân Đặng Hoàng Hà: bị giam cùng buồng với Nguyễn Mạnh Côn: sáng 2.4.79, trước cả ngàn tù nhân và cán bộ, Anh Côn đứng lên đồng dục tuyên bố: “Tôi, Nguyễn Mạnh Côn, nhà văn chế độ cũ. Chính phủ nói bắt tôi đi “học tập” 3 năm. Hôm nay đủ hạn đó. Tôi yêu cầu chính phủ trả tự do để tôi về với

gia đình. Kể từ hôm nay tôi không còn là tù nhân. Tôi sẽ không ăn cơm của trại nữa”. Anh vừa nói xong, toàn trại im phăng phắc. Sau đó việt cộng cầm thù nhốt riêng không cho ăn uống đến nỗi thời gian sau có lúc Anh kêu la “khát quá! khát quá!” rồi kiệt sức và chết thảng 6.79.

- Ghi nhận của Nhà Báo Ngô Nhân Dụng: Nhà Văn Nguyễn Mạnh Côn có trí thông minh rất đặc biệt. Tuy sinh vào thời chiến tranh, không hưởng được nền học vấn có tính cách chính thức trên ghế nhà trường. Nhưng trí thông minh của Anh rất bén nhọn, Anh quan tâm tất cả mọi vấn đề trong phạm vi trí thức của nhân loại.

- Nhà Văn Nguyễn Triệu Nam: Nguyễn Mạnh Côn là văn sĩ có chân tài. Kiến thức phong phú, bút pháp tinh thông. Văn phong bình dị, trong sáng. Văn mạch sung mãn bất tận. Văn thái chuyên biến linh hoạt theo từng tình huống. Khi cần thì viết như một nhà thông thái hoặc như nhà phân tâm học.

- Nhà Thơ Viên Linh: 1940 Nguyễn Mạnh Côn vượt biên tới Hương Cảng để hoạt động trong Việt Nam Quốc Dân Đảng. Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử có thể kể là giai đoạn hoạt động thực sự ngoài đời của Anh. 1952 về Hà Nội rồi ra Hải Phòng dạy học cho đến 1955 thì vào Nam. 1957 đoạt giải Văn Chương Toàn Quốc và 1975 được mời vào Ban Giám Khảo giải này.

- Nhà Văn Thế Uyên: Nguyễn Mạnh Côn không lập danh bằng đường võ, có lẽ một phần do thể xác yếu ớt mặc dù đã có thời anh thử bằng cách nhận chức trung úy đồng hóa nhưng không dẫn tới đâu cả. Anh cũng không thành công trong khoa cử nhưng lại thành công trong văn chương và tư duy với lối viết đầy sáng tạo, đi vào cả “vùng cấm địa” của Cụ Nguyễn Đình Chiểu, thế giới siêu nhân của khoa học giả

tưởng và cả địa hạt tư duy chính trị có thị kiến viễn kiến với cuốn sách khá dày Hòa Bình, Nghĩ Gì, Làm Gì?

Anh là thứ cá côn, vùng vẫy thoải mái một thời trong thế giới chữ nghĩa.

- Họa Sĩ Tạ Ty: một buổi tối, Nguyễn Mạnh Côn, mang cấp bậc Thiếu Úy, tới tìm tôi tại văn phòng đường Hồng Thập Tự, Thị Nghè.

Anh cho biết được đồng hóa cấp thiếu úy để phụ trách tờ báo do Bộ Quốc Phòng chủ trương. Anh nhờ tôi trình bày trang bìa cho báo đó. Là báo Bộ Quốc Phòng nên tôi vui lòng vẽ giúp mẫu bìa, nhưng Nguyễn Mạnh Côn cũng tế nhị nói với cấp chỉ huy trả tiền cho tôi, vì báo có ngân khoản riêng để mua bài của các nhà văn.

Nhờ báo này mà Nguyễn Mạnh Côn có cơ hội chứng minh tài năng. Truyện Ba Người Lính Nhảy Dù Lâm Nạn của anh được đón nhận nồng nhiệt. Anh dùng thuyết tương đối trong toán học của Einstein để giải minh cho một phương trình vận tốc trở ngược của thời gian. Câu chuyện vừa ly kỳ vừa khoa học làm say mê người đọc.

- Nhà Văn Tuấn Huy: Năm 1960, Nguyễn Mạnh Côn làm chủ bút tờ Chi Đạo đã ca ngợi văn tài của Duyên Anh khi đăng những bài viết Hoa Thiên Lý, Con Sáo Của Em Tôi...nói về tuổi thơ rất hay. Tên tuổi Duyên Anh được sáng giá trong giới cầm bút Saigon. Điều này nói lên tình bạn giữa hai người (tuy nhân cách sống của họ không giống nhau, một người hay khoác lác, một người điềm đạm, lịch sự, tế nhị

Tuấn Huy phác họa chân dung Nguyễn Mạnh Côn là Nhà Văn Lặng Lẽ: Suốt 20 năm cầm bút, Nguyễn Mạnh Côn cứ từ tốn nhàn nhã như người đi dạo giữa dòng đời. Ông đã nêu lên những vấn đề thật lớn khiến người đọc phải suy tư - nhưng kìa, Ông chẳng có vẻ gì quan

trọng và vội vàng. Được nhìn Ông ôm mớ sách báo, đi một mình vào nhà hàng để dùng bữa tối. Ông ngồi xuống chiếc ghế nơi chỗ bàn khuất. Gọi một món ăn bình dân và ly rượu chát. Rồi mở cuốn sách ra lặng lẽ đọc. Tôi không hề thấy ở Ông sự hoạt động náo nức nào của một “chính trị gia” hay một “nhà lập thuyết”. Ông vẫn là Nhà Văn lặng lẽ. Làm việc lặng lẽ. Suy tư lặng lẽ. Sáng tác lặng lẽ. Thương thức lặng lẽ và hướng thụ cũng lặng lẽ...

Lúc nào Ông cũng trầm ngâm. Ít Khi tôi thấy Ông vui hoặc Ông cười. Nếu có cười thì cũng chỉ là những nụ cười giới hạn. Tôi rất quý Nguyễn Mạnh Côn qua những tác phẩm của Ông nói lên giai đoạn lịch sử trong lần ranh Quốc/Cộng”. (Tuấn Huy, Khởi Hành số 20, tháng 6.98).

- Tù Nhân Phạm Long với bài “Cặp Kính Của Bác Côn” (Khởi Hành số 20 đã dẫn): Tôi bị di chuyển đến trại Xuyên Mộc tháng 9.79, có nghe anh em sĩ quan kể chuyện Nguyễn Mạnh Côn đòi trả tự do. Sau đó bị cô lập, đem ra đấu tố hạ nhục và cuối cùng chết một cách tức tưởi.

Vào buổi sáng chủ nhật không đi lao động, một cậu nhỏ tù hình sự tìm tới tôi rồi từ từ mở gói giấy báo nhỏ, lôi ra cặp kính với chiếc gọng nhựa màu nâu. Anh chàng nói giọng nghiêm trọng: “Kiếng của Ông Côn đây. Hôm em đi chôn Ông bằng xe “cải tiến”, em thấy ở trong hòm cặp kiếng này. Em giữ làm kỷ niệm, nhưng mấy bữa nay đói quá, mấy anh đòi cho em 3 loong gạo”.

Tôi nghe kính của Ông Côn thì lòng chùng xuống. Đúng rồi. Đây là cặp kính của Bác Côn. Anh Nguyễn Quang Trù rất nhanh nhẹn, trả giá:

Một loong rươi thôi!

Cậu nhỏ gật đầu, chịu liền...”

3. CHU TỬ (1917-1975)

Một học trò cũ của Chu Tử là Hồ Xưa ghi lại bài viết “Nhớ Thầy Chu Văn Bình, Hiệu Trưởng Trường Trung Học Lê Văn Trung” (nguồn webhoidonghuongtayninh), trong đó có sơ lược tiểu sử Chu Tử qua lời tự thuật của Thầy.

Mới 13 tuổi gia nhập Việt Nam Quốc Dân Đảng. Đầu năm 1930 theo Phó Đảng Trưởng Nguyễn Khắc Nhu đi hạ đồn Hưng Hóa nhưng thất bại rồi mất liên lạc với Đảng.

Cuối thập niên 30 trở thành một trong vài người hiếm hoi của Sơn Tây đậu Cử Nhân Luật.

Thời thanh niên mở trường tư, học trò rất đông, nhưng tâm lòng Ông không an phận ở đó.

1954 vào Nam, làm Hiệu Trưởng Trung Học Tây Ninh. Sau về Saigon lập báo Sóng. Vì bất đồng chính kiến, tòa soạn bị Lực Lượng Tranh Thủ Cách Mạng của Nhóm Phật Giáo cực đoan tấn công năm 1966 (vanviet.info). Cũng năm này, Ông bị việt cộng bắn vỡ quai hàm ngay trước nhà. Cùng ngày, Thượng Tọa Thích Thiện Minh, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên Phật Giáo bị đặt mìn dưới xe ô tô nhưng may mắn thương tích không trầm trọng. Chu Tử còn bị trúng đạn ở tay khiến Ông khó khăn trong việc cầm bút. Viết trở nên chậm chạp, tay run, mỗi hàng được chừng 3 chữ.

Sau biến cố này, có bạn đọc gửi Chu Tử câu đối:

*“Thượng Tọa bẻ bàn tọa
Chu Bình sứt miệng bình”*

- Nhà Báo Trùng Dương nhận xét: Nhật báo Sóng Thần ra đời năm 1971 với chủ trương chống tham nhũng trong chính quyền và quân đội, hỗ trợ cho cuộc chiến đấu chống cộng bảo vệ vùng đất tự do. Là tờ báo duy nhất mà tài

chánh do các cổ đông thuộc mọi tầng lớp quan tâm tới vận mệnh đất nước đóng góp.

Giữa thập niên 1960, tình hình miền Nam khá đen tối: quân đội tranh nhau đảo chánh, tranh chấp ảnh hưởng của các phe nhóm tôn giáo (đặc biệt là Phật Giáo) và các đảng phái chính trị, Việt Cộng thừa nước đục thả câu, gia tăng đánh phá và ám sát. Do thẳng thắn bộc trực, Chu Tử đã “lùa” các nhân vật tai mắt không phân biệt đảng phái, ý thức hệ, tôn giáo, giai cấp mà Ông cho là bất xứng vào mục “Ao Thả Vịt” của Kha Trấn Ác (bút danh Chu Tử) được rất nhiều người đọc dù họ không biết có bao nhiêu sự thật trong đó. Tôi vừa phục vừa hãi cho người coi Ao vì đã làm một việc quá can đảm giữa môi trường hết sức nhố nhăng đầy súng đạn, thuốc nổ và đầu óc cực đoan, cùng đám Việt Cộng nằm vùng đang chực chờ phá hoại.

Bên cạnh giới hâm mộ, cũng lắm người thù ghét. Có thể nói Chu Tử nằm vào số ít thuộc giới văn chương báo chí trong ngoài nước được nhiều người biết đến.

Dẫu sao, Chu Tử là nhà văn nhà báo thành công vượt bực. Yêu, Sóng, Ghen, Tiền, Loạn bán rất chạy trên thị trường. Khi làm báo Ông cũng được ca ngợi như chủ báo hòa đồng thân thiện, hào sảng với anh em.

- Nhà Văn Hoàng Hải Thủy nói rằng trong 20 năm làm báo, ông chưa hề gặp chủ báo nào hào hiệp rộng rãi như Chu Tử đã từng hỏi ông: Anh muốn lấy bao nhiêu tiền nhuận bút và lệnh cho thủ quỹ chi trả ngay không chút chần chừ.

- Nhà Văn Võ Phiến, tác giả Tổng Quan Văn Học bình luận chi ly: “Chu Tử viết truyện được nhiều người khoái, mà làm báo cũng khiến lắm người khoái quá trời. Người ta khoái ông, khoái cái phong cách ông trong cuộc sống cũng như trong văn chương.

Tiểu thuyết ông có những nhân vật ngang tàng, bướng bỉnh, hoặc hào sảng, khí phách.

Qua báo chí, với lối viết đơn giản bộc trực nên nhiều chuyện và nhân vật Chu Tử thả vào “Ao Thả Vịt” nghe như thật một trăm phần trăm ấy. Độc giả khoái tí, đem ra bàn tán. Sinh ra thù oán, bất bình. Ân oán giang hồ cũng từ đây.

Chu Tử tựa hồ như viên tướng giữa trận tiền, tả xung hữu đột, đánh đông dẹp tây, ủng hộ cánh này, húc đổ phe kia, gây nên sóng gió.

Theo Võ Phiến, Chu Tử bắt tay viết cuối thời Đệ Nhứt Cộng Hòa. Ông đến với độc giả như một khuôn mặt mới mẻ trẻ trung, đột ngột, xông xáo, ngộ ngáo. Trong lớp trẻ sau này có biết bao nhiêu người - cả đọc lẫn viết - mê ông. Truyện ông thành công. Báo ông thành công. Lối viết của ông có ảnh hưởng rộng rãi. Sau ông, lắm kẻ cũng trở tài hô hào, đập phá. Nhưng chưa ai qua mặt được ông. Vì ông không phải chỉ chịu chơi trên trang giấy bằng ngòi bút mà bằng cả cuộc đời. Ông sống như Ông viết: làm tiền ào ạt, vung tiền cũng dữ dằn, ăn chơi cờ bạc hưởng lạc đến nơi đến chốn, không ngại lao mình vào những hoạt động táo tợn, đụng độ với những nhân vật thế lực, nhiều lần trong đời ông đã đối đầu với súng đạn và sau rốt kết liễu cuộc đời bằng súng đạn.

Về cái chết của Chu Tử, Hồ Xưa ghi lại ý của ba nhà thơ:

1. Viên Linh: Định mệnh nào tai ác đã thù hằn đeo đuổi để hại cho bằng được con người khôn khổ tài hoa ấy. Trong quãng giờ khắc điều linh bất hạnh của quê hương, và bằng cung cách gớm ghê thảm khốc dành cho một hình hài yêu đuối như Chu Tử vào trưa ngày 30.4.75 - khi Ông buồn bã đứng dựa thành tàu để nhìn Saigon lần cuối. Viên đạn oan khiên nghiệp chương đã kết thúc đời Ông. Tôi như nhìn thấy Ông nằm ngay trước mặt, đầu đón,

quần quai trong vũng máu, kêu rên rồi gọi tên đứa con gái thương yêu Chu Vị Thủy đã phải cùng mẹ, em và chồng con ở lại... Chu Vi Sơn, con trai Chu Tử kể lại với Viên Linh: thi hài Chu Tử được bó vải thả xuống Thái Bình Dương vào hôm sau. Ông là thuyền nhân đầu tiên chịu thủy táng.

- Nhất Tuấn: có tiếng pháo kích từ bên bờ sông mé phải bắn qua. Đạn đại bác của xe tăng hay đạn B40, 41 quái quỷ gì đó... rơi lồm bồm trên sông. Một viên bay qua đầu chúng tôi, rơi trúng vào chiếc tàu to lớn - tàu Việt Nam Thương Tín chở hàng hóa và hành khách dân sự - đang vùn vụt chạy rất nhanh ở phía trái. Khói bốc lên nghi ngút trong chốc lát. Sau mới biết chính quả đạn này đã sát hại Nhà Văn Chu Tử...

- Du Tử Lê: Trong sinh hoạt văn học nghệ thuật miền Nam, 20 năm, nhiều người biết tác giả tiểu thuyết “Yêu” là nhà văn Chu Tử, nhưng số lượng người biết nhà báo Chu Tử còn nhiều hơn gấp bội. Lý do, ở lãnh vực báo chí, ông đã không ngừng thổi luồng sinh khí mới cho nền báo chí thời đó vốn hiện lạnh, ngại đương đầu với chính quyền hoặc những nhân vật có thế lực về tôn giáo, chính trị cũng như những tệ nạn xã hội...

Chu Tử sống mang không biết bao nhiêu ngộ nhận và ân oán. Một người có văn tài và khí phách, sống giữa đám đông mà lúc nào cũng cô đơn thâm trầm, cũng muốn bung phá và nổi loạn vì cái đờn hèn khiếp nhược ở chung quanh... Tôi nghĩ, thôi thì Chu Tử chết trầm hà như thế là yên phận...

4. HỒ HỮU TƯỜNG (1910-1980)

1926 du học Pháp, trình luận án Cao Học Toán. Kết bạn và tham gia hoạt động chính trị với những nhà ái quốc lưu vong: Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Hồ Văn Ngà.

Ông theo xu hướng Trotsky chỉ trích hoạt động của đảng cộng sản Đông Dương, công kích chủ nghĩa Stalin, cổ xúy đường lối của Đệ Tứ Quốc Tế. Rồi 1939 tuyên bố từ bỏ Đệ Tứ và chủ nghĩa Mác.

Theo Bà Phan Thị Trọng Tuyền trả lời phỏng vấn của Đài RFA thì trong những văn kiện lịch sử của đảng cộng sản Việt Nam, người ta thấy nhắc đến những người Tờ Rốt Kít trong khoảng trước và sau 45, xem như bọn phản cách mạng chống lại Đệ Tam Quốc Tế của họ. Đây là phong trào cộng sản do Leon Trotsky thành lập tại Liên Xô năm 1924, đối lập với cộng sản Đệ Tam do Lênin lãnh đạo.

Trotsky chủ trương cách mạng chống chủ nghĩa tư bản phải được thực hiện đồng loạt khắp nơi trên thế giới, trong khi Đệ Tam chủ trương thực hiện từng bước và Liên Xô là quốc gia đầu tiên, rồi sau đó sẽ lãnh đạo cách mạng thế giới. Theo Bà Tuyền, chủ trương của Đệ Tứ mang tính dân chủ hơn.

Về mặt lý thuyết thì Stalin chủ trương tập trung dân chủ, tức là một đảng nắm hết mọi quyền, những đảng hay khuynh hướng khác phải phục tùng. Theo Trotsky thì tập trung dân chủ chứ không phải một đảng nắm hết.

Về sau, Đệ Tứ bị Đệ Tam tiêu diệt. Trotsky phải lưu vong ngay sau khi thành lập và cuối cùng bị ám sát chết.

Bà Tuyền nói: “nhóm Đệ Tứ bị những người Đệ Tam, tức Việt Minh, lưng giết sau cách mạng tháng tám là chuyện có thật. Stalin đã truy lùng Trotsky thì Việt Minh cũng không làm gì khác hơn là áp dụng đường lối đó. Bà Tuyền nói đảng cộng sản chưa bao giờ nhìn nhận họ đã ra tay sát hại phe Đệ Tứ như Tạ Thu Thâu. Theo Bà, khoảng 400 người Đệ Tứ bị mất tích hoặc giết hại trong giai đoạn 45 khi họ tham gia kháng chiến chống Pháp.

Năm 1953 Hồ Hữu Tường đề nghị cộng sản để Việt Nam trung lập, nhưng không được chấp nhận. 1957 bị đày ra Côn Đảo vì Cố Vấn Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia chống Tổng Thống Diệm.

1967 đắc cử Dân Biểu Đệ Nhị Cộng Hòa và tiếp tục viết báo. 1978 bị bắt do kiến nghị cộng sản trung lập hóa Việt Nam. Tháng 6.80 bệnh nặng khó cứu chữa, được cho về nhà và mất ngay hôm đó.

Đã viết 1000 bài báo và hơn 30 sách truyện giá trị.

Trong Hồi Ký 41 Năm Làm Báo, Hồ Hữu Tường tự nói về mình: “nào là nhà cách mạng, nào là nhà nghệ sĩ, nào là nhà khoa học, nào là nhà văn, nào là kẻ đam mê tình ái, nào là tâm hồn tu sĩ, và nào là nhà báo”.

- Nhà Văn Thụy Khuê tóm tắt vài điểm chính về Hồ Hữu Tường:

* Bị tù nhiều lần dưới tất cả các chính quyền thực dân, quốc gia, cộng sản. Suốt đời chống chiến tranh.

* Con đường Ông đi không có nhiều đồng hành, bởi tiếng kêu gọi của Ông chỉ là những tiếng kêu trong sa mạc, không ai nghe mà cũng ít người hiểu.

* Ham mê sách. 6 tuổi đã đọc Nam Phong. Đọc đâu nhớ đấy. Cha đặt cho cái tên thẳng Thuộc vì đọc gì cũng thuộc.

* Có dòng dõi Hồ Quý Ly và Hồ Thom Nguyễn Huệ.

- Tác giả Nguyễn Thị Thanh Xuân nhận xét trong bài “*Hồ Hữu Tường, Như Tôi Nhìn Thấy*”: cuộc đời Hồ Hữu Tường hiện lên một con người vượt thoát hoàn cảnh, có lòng say mê với chữ nghĩa, một nghị lực khác thường, một tri tuệ năng động, một sự lạc quan và tự tin hiếm thấy”.

Hồ Hữu Tường kể chuyện viết tiểu thuyết với Khái Hưng (Khái Hưng, người thứ nhất muốn làm nguyên soái của “văn chương sáng giá”): Khái Hưng rủ tôi cộng tác viết tiểu thuyết, cốt truyện, triết lý do tôi xây dựng, Khái Hưng lãnh phần trình bày cho có nghệ thuật. Tôi đã phác họa vài nhân vật và cốt truyện, đặt tên Gái Nước Nam Làm Gì? Sau về Nam, để tưởng nhớ Khái Hưng, tôi thử viết tả những người này, trình bày được hai hình tượng Thu Hương và Chị Tập. Nhưng sự ước thử ấy cho thấy là tôi không có tài viết tiểu thuyết, nên không nói tiếp nữa.

- Nhà Văn Trần Bảo Định: Hồ Tiên Sinh vẫn là người hiền của đất Nam Bộ. Ông mãi loay hoay vì canh cánh thế sự, vì thấy thế cuộc đảo điên theo vận nước đầy vơi dưới thời thực dân Pháp cai trị và bản thân ông cũng vắn xoay... vắn xoay liên hồi. Hồ Tiên Sinh hẳn đã sống trọn vẹn một đời “phi lạc”. Dầu vậy Ông đã có cả cuộc đời bộn bề vận hội mà chắc hẳn không còn gì hối tiếc, bởi Ông đã “chơi tới bến” - sống hết mình với những sự thế gặp phải trên đường đời.

Trong Phi Lạc Sang Tàu, Hồ Hữu Tường viết: Nền văn minh trực lợi của Âu Tây là cái văn minh chỉ lo vơ vét cho lợi được nhiều, chẳng biết điều nhân, chẳng nghĩ đến đức, không chút đoái hoài việc tu dưỡng loài người ngày càng cao quý về vật chất lẫn tinh thần mà chỉ lo chèn ép bóc lột sao cho có lợi nhiều. Văn minh ấy bủa lưới khắp quả địa cầu, không đâu thoát được. Vì vậy mà sự trức đồ của nó sẽ làm cả nhân loại bị trức đồ.

5. PHẠM VĂN SON (1915-1978)

Biên khảo nhiều sách sử, trong đó công phu nhất là bộ Việt Sử Tân Biên. Đại Tá Sơn ra đi để lại nhiều tiếc thương cho đồng đội. Đây là lời kể của một số nhân chứng về sự cố “nhịn đói chịu đau mà chết” của Ông:

- Nguyễn Văn Dưỡng: “Cái Chết của Sử Gia Phạm Văn Sơn”

(<https://vietmessenger.com>)

Tùng là thuộc cấp của Ông Sơn. Tôi biết Ông rất thận trọng, không hề khinh xuất trong nhiệm vụ.

Ông thường nói: “phải cố gắng làm sao cho mức độ trung thực và chính xác cao chừng nào tốt chừng đó, như vậy thì những điều mình viết về sử mới có giá trị”.

Với quan điểm cẩn trọng như vậy nên Mùa Hè Đỏ Lửa lúc mà chiến trường An Lộc còn đang sôi động với những trận đánh đối tuyến chỉ cách nhau có một con đường, giành nhau từng góc phố - giữa các đơn vị quân ta và địch - khi mà những con pháo dữ dội của đối phương chưa giảm - khi không một trực thăng nào đáp xuống lại không sợ tan xác, thế mà Ông đã đích thân bay vào An Lộc để viết sự thật về cuộc chiến khốc liệt đó, cùng tôi ở trong hầm chống pháo một đêm, thức trắng để nghe tiếng đạn pháo cọng quân rơi trên đầu mình, vừa hỏi tôi những sự kiện chi tiết ghi trong nhật ký hành quân.

Năm 1980 Ông Dưỡng bất ngờ gặp Thầy cũ ở trại Tân Lập, Vĩnh Phú, lúc chỉ còn là cái bóng âm thầm, một cái xác sấp mục nát, bất động, cầm nín sau chấn song sắt, bên trong cửa sổ phòng “cách ly”.

Ông trùm kín đầu bằng khăn lông trắng đã trở vàng cẩu bẩn và lấm tẩm những vệt máu, mủ. Khăn quần kín cổ, chỉ chừa mắt, mũi, miệng để che bớt đi vết lở loét trên mặt bởi chứng nan y. Mũi, má Ông đỏ ửng bóng, lông mi rụng hết. Hai bàn tay sưng tấy, ngón co lại, móng khuyết hay mất hết. Ông bị tàn phế cấp độ nặng.

Một buổi sáng, quản giáo ra lệnh cho Ông đem giỏ ra sân mang than đá vào bếp trại. Do

kiệt sức, học máu tươi, ngất xỉu, bất tỉnh rồi chết. Cả người nhầy nhựa máu me.

- Trường Xuân Phu Tử Hồ Quang (Hồi Ký về Đại Tá Sư Gia Phạm Văn Sơn, <https://huongduongtxd.com>).

Trong thời gian bị giam giữ, Đại Tá Sơn đã can đảm viết đơn gửi đảng và Nhà Nước nhờ trại chuyển: xin các Ông hãy xem xét lại cách đối xử với chúng tôi, những hình thức dã man như vừa qua hoàn toàn không có lợi mà ngược lại rồi đây lịch sử sẽ ghi thêm vào đấy vết ô nhục ngàn đời (dựa theo lời của tên Nhân, trưởng ban thi đua trại).

Đại Tá Sơn tuyệt thực trong nhà kỷ luật, chấp nhận cái chết, vì muốn đòi quyền lợi cho tù nhân chính trị được hưởng quy chế tù binh. Tuy ước vọng không thành nhưng cũng giúp cho anh em còn sống được dễ thở hơn.

- Huỳnh Hữu Ủy (Vài Điều Tản Mạn Nhân Đọc Bài Viết “Cái Chết của Sư Gia Phạm Văn Sơn”, <https://dongsongcu.wordpress.com>)

Cùng bay vào An Lộc với Đại Tá Sơn giữa lúc đạn pháo địch nổ ầm ầm tưởng chừng trực thăng bị bốc cháy, Anh Ủy nhận xét: Ở Khối Quân Sư, các sĩ quan trẻ hầu hết là vừa xong đại học, đi lính vì đất nước đang thời chiến loạn. Với loại thuộc cấp này, Đại Tá Sơn chẳng bao giờ tỏ ra là người chỉ huy, chẳng có chút nào chất quân phiệt, không áp dụng kỷ luật nhà binh mà ngược lại rất nho nhã, thường hành xử như một nhà văn với đồng nghiệp cũng là những người cầm bút.

- Giáo Sư Nguyễn Đăng Thục cho rằng Phạm Văn Sơn có sự quan rất tiến bộ, vượt hẳn quan điểm duy vật lịch sử không tưởng của các sử gia Mác xít lấy đấu tranh giai cấp làm xương sống để giải thích mọi tiến trình lịch sử.

- Bác Sĩ Phạm Hữu Phước: Trích từ “Dòng Sông Cũ: Hậu Củ Khoai Yên Bái - Hồi Ký về

Cái Chết của Đại Tá Phạm Văn Sơn”.

Ở tù cùng trại. Từng khám bệnh Đại Tá Sơn. “Từ thời còn trung học Tăng Bạt Hổ, Bồng Sơn, tôi đã được đọc “Việt Nam Tranh Đấu Sử” của Phạm Văn Sơn mà xúc động khôn cùng. Tôi kính trọng, thông cảm, ngã nón bái phục tiền nhân của tôi đã hy sinh cả cuộc đời và cả yên ấm gia đình chỉ vì lòng yêu nước vô bờ. Ông viết sử mà lời văn trong sáng, đanh thép, hùng hực lửa như tấm lòng của tiền nhân. Có đoạn tôi không cầm được nước mắt.

“Ông bị bệnh vẩy nến (psoriasis) khá nặng, da sần sùi nên nhiều người tưởng lầm Ông bị bệnh cui.

“Có những buổi tối lạnh lẽo, trạm xá đốt lửa sưởi ấm và chuyện vãn. Thường mời Đại Tá quây quần để nghe Ông kể chuyện xưa lưu loát, mạch lạc. Ông là cả kho kiến thức về sử. “Đại Tá Sơn đã sống đúng mẫu mực của một quân nhân với châm ngôn Tổ Quốc - Danh Dự - Trách Nhiệm. Trước cường quyền và độc tài, Ông không khiếp sợ van xin, luôn ngẩng cao đầu mà nói với cộng sản 'các ông làm như thế là lưu xú uế lại cho muôn đời sau'.

Với Ông, “Anh hùng tử, khí hùng bất tử”.

6. HỒ ĐIỆP (1930-1988)

Di cư vào Nam 1954. Tên thật Nguyễn Thị Tý. Sau khi phát hiện tài năng thiên phú của Bà, Đình Hùng đặt nghệ danh là Hồ Điệp.

Báo Nghệ Sĩ (<https://thoixua.vn>) đã giải thích cái tên được hàng triệu người yêu mến qua bài “Xót xa thay cho giọng ngâm Hồ Điệp - tài năng nhưng cuộc đời lại quá đau thương”: Hồ Điệp nghĩa là Cánh Bướm, ý rằng giọng ca của Bà nhẹ nhàng, mỏng manh mang lại đầy màu sắc như những cánh bướm.

Bà thường ngâm thơ trên chương trình Thi Văn Tao Đàn (Tiếng Nói Thi Văn Miền Tự Do), được xem là giọng ngâm nổi bật nhất thời

đó.

Gần mười giờ đêm cảnh vật xung quanh yên tĩnh, lắng nghe Hồ Điệp với giọng trầm buồn phảng phất nét liêu trai tưởng chừng ru ta vào cõi mộng. Ngót 60 năm rồi nhiều người vẫn còn nghe thoang thoảng đâu đây giọng ngâm có một không hai của người con gái Sơn Tây qua bài “Gởi Người Dưới Mộ” của Đinh Hùng:

*“Trời cuối thu rồi - Em ở đâu?
Nằm trong đất lạnh chắc em sầu
Thu ơi! đánh thức hồn ma dậy
Ta muốn vào thăm nắm mộ sâu”*

7- MINH KỲ (1930–1975)

Đại Úy Cảnh Sát Quốc Gia. Dòng dõi hoàng tộc, vai vế ngang hàng Vua Bảo Đại. Sáng tác hơn 100 nhạc phẩm rất được ưa chuộng.

Là một trong ba thành viên nhóm Lê Minh Bằng (Lê Dinh, Minh Kỳ, Anh Bằng), hoạt động từ 1966 đến 1975 với chừng 200 ca khúc trữ tình lãng mạn.

Lê Dinh tâm sự: tuổi tác chúng tôi xấp xỉ nhau, khuynh hướng sáng tác cũng gần giống nhau cho nên dễ kết thân, đi đến thành lập nhóm, mở lớp nhạc và làm cổ vấn cho hãng đĩa Sóng Nhạc của Ông Nguyễn Tất Oanh. Ba người ở ba miền mà tương đắc, gắn bó, tri âm tri kỷ gần mười năm. Lê Dinh cho là hữu duyên thiên lý năng tương ngộ.

Chỉ nghe qua câu chuyện 3 Nữ Sinh Viên Đại Học Khoa Học (Mai, Bích, Dung) trong buổi tao phùng gặp gỡ Lê Minh Bằng tại bãi biển Vũng Tàu là đủ thán phục tài năng của nhóm này khi ngay sau đó họ cảm tác Linh Hồn Tượng Đá:

*“Trên dốc đá tôi tình cờ quen nàng
Ngồi bên nhau, gọi tên nhau để rồi xa nhau*

Em đã đến và đã đến như áng mây

Như cánh chim bay qua bầu trời

Ôi hình hài một vài giờ vui...

Tôi đứng đó như hình một pho tượng

Chờ ai đây, đợi ai đây và tìm ai đây

*Nghe nuối tiếc gào thét giữa muôn sóng
khơi*

Nghe trái tim rung lên bồi hồi

Chắc gì gặp lại lần thứ hai...”

Theo Lê Dinh, Minh Kỳ làm nhạc xuất sắc, nhanh và hay. Các tác phẩm cho ra đời đều rất tuyệt vời, chạm đến nỗi lòng người nghe.

- Ca Sĩ Hoàng Oanh ca ngợi nhạc Minh Kỳ tha thiết, trù mến. Giai điệu đơn giản, uyển chuyển, dễ đàn, dễ hát. Nét nhạc trong sáng, bình dị.

- Ca Sĩ Thái Châu cảm thấy may mắn khi được tiếp xúc nhiều lần với Minh Kỳ: Tôi từng gặp anh để trao đổi về ca khúc Cát Bụi và học hát bài này sao cho cảm xúc. Tôi xem anh như người Thầy và nhớ mãi khoảnh khắc anh trầm ngâm động viên “chú ráng hát cho hay, cho tốt”. Nhờ Anh mà tôi học được rất nhiều kỹ năng trong ca hát lẫn cuộc sống.

- Ca Sĩ Quỳnh Giao nói rằng nét tài hoa của Minh Kỳ không chỉ ở những tác phẩm Ông viết cho mình mà là sự đáp ứng thị hiếu của mọi tầng lớp quần chúng. Cuối thập niên 1960, chiến tranh lan rộng, gái quê vào thành thị tìm việc làm, thanh niên giả từ học đường thi hành quân dịch. Thính giả bấy giờ muốn nghe và hát những bài ca có lời giản dị, nét nhạc dễ nghe dễ hát, tiết điệu nhịp nhàng...dễ đếm: đây là thời kỳ những bài nhịp Bolero ra đời. Minh Kỳ đáp ứng với Biệt Kinh Kỳ:

“Bạn ơi! quan hà xin cạn chén ly bôi

Ngày mai tôi đã, đã đi xa rồi...

Rồi đây mai ngày ai hỏi đến tên tôi

Bạn ơi! hãy nói khoác chiến y rồi...

Có lẽ chưa bao giờ một bài hát lại ăn khách tới mức đó. Hằng tuần trên làn sóng điện khi trực tiếp truyền thanh buổi thi hát mỗi sáng chủ nhật tại rạp Quốc Thanh, thì có ít nhất 3 thí sinh chọn bài này để thi. Nhạc Sĩ Dương Thiệu Tước đi chấm thi, tuần nào về cũng than là nghe Biệt Kinh Kỳ nhiều quá đến phát thuộc lòng!

Cái lạ là nhạc Minh Kỳ vẫn uyển chuyển dù viết ở thể loại nào. Câu cú rất hệ thống và tài tình nhất là lời ca đượm tính cách “kể chuyện” thật hấp dẫn.

– Nhà Văn Phạm Tín An Ninh có bài “Cái Chết Oan Khuất của Nhạc Sĩ Minh Kỳ”:

“Tôi và Minh Kỳ cùng trại tù An Dương. Tôi ở nhà 1, Anh nhà 3. Một đêm cuối tháng 8.75, khoảng 9:30 tối, toàn trại đang chìm trong bóng đêm, cả ngàn người tù nằm thao thức chờ đợi những bất trắc sẽ đến với số phận mình. Bỗng một tiếng nổ long trời, kèm theo tiếng la thất thanh, còi báo động, loa phóng thanh lệnh cho tất cả “cải tạo viên” nằm yên tại chỗ, kẻ nào bước ra khỏi nhà sẽ bị bắn bỏ.

Khi chúng tôi chưa hết hoang mang, thì tiếng xích sắt xe tăng T 54 tràn vào trại rít lên từng chập, chia nhau bao vây từng căn nhà. Hàng loạt bộ đội, súng gắn lựu lê, mặt tên nào cũng đờng đờng sát khí tủa vào từng nhà, kéo cơ bả lên đạn, quát tháo tù nhân đứng ngay tại chỗ, 2 tay để trên đầu.

Chúng tôi chịu bất động như vậy cho đến gần 10 giờ trưa thì thấy mấy anh em tù khiêng số người bị thương lên trạm xá. Hôm sau tất cả tù nhân được đưa lên hội trường và bị “nghiêm khắc” cảnh cáo là “có bọn phản động trong các anh đã dẫu diêm vũ khí, mang lựu đạn Mỹ vào để phá hoại thành quả “kách mạng”.

Một số bạn tù kể lại: nhà 3 chứa khoảng 80

tù nhân. Khi ấy tổ của Minh Kỳ đang họp phân công nấu bếp ngày mai, thì quả lựu đạn được quăng vào vách tôn ngay phía sau làm 3 người chết và 8 bị thương. Minh Kỳ thương tích rất nặng ở ngực, bụng và cổ. Anh chết từ từ cho đến lúc tắt thở.

Ai cũng biết là trái lựu đạn giết chết Minh Kỳ cùng những bạn tù khác là do chính bọn Việt Cộng quăng từ khu vực ban trực trại phía bên kia hàng rào cách chừng hơn 5 mét”. Tro cốt Ông được lưu giữ tại nhà hài cốt Giáo Xứ Tân Định.

8- HỒ ĐÌNH PHƯƠNG (1927–1979)

Xuất bản hơn 10 Tập Thơ. 100 nhạc phẩm của hơn 20 nhạc sĩ danh tiếng được Ông viết lời hay phổ từ thơ Ông. Từng làm Phó Tỉnh Trưởng Ninh Thuận sau khi đổ đầu khóa Đốc Sự Hành Chánh.

Sau 75 bị tù 2 năm rồi vượt biên cùng vợ con và mất tích trên Biển Đông năm 1979.

– Ca Sĩ Quỳnh Giao không ngần ngại chút nào khi nói rằng chưa ai qua mặt Hồ Đình Phương trong lời từ về một địa danh, một thành phố. “Nhớ về Đalat” hay “Nhớ Nha Trang” đều do Ông đặt lời làm người nghe thấy yêu những thành phố này biết dường nào.

– Theo Du Tử Lê thống kê thì trong khoảng 200 ca khúc Nhạc Sĩ Hoàng Trọng để lại cho đời, người ta đếm trên dưới 50 bài do Hồ Đình Phương đặt lời hay lấy từ thơ Ông. Một bài hát rất nổi tiếng được nhiều người ưa thích là Con Đường Xưa Em Đi.

– Theo Phù Sa (Con Đường Xưa Em Đi – Chuyện Tình của Nhạc Sĩ Châu Kỳ và Châu Thị Đàng, hoainiem.org): Bà Đàng kể thời điểm 1967 – 68 Bà làm kế toán, còn Hồ Đình Phương là Phó Giám Đốc nhà máy giấy Tân Mai, Biên Hòa. Phía sau có con đường nhỏ băng qua cánh đồng lúa mà Bà thường đi lại để

về nhà. Chúng kiến cảnh ngộ đó, Hồ Đình Phương đặt lời cho bài hát rồi Châu Kỳ phổ nhạc vào năm 69 với ca từ thanh thoát, dịu dàng, truyền cảm, chan chứa tình yêu. Thật không uổng phí thì giờ để hồn lảng động mà nghe lại bài này:

*“Con đường xưa em đi
 Vàng lên mái tóc thề
 Ngõ hồn dâng tái tê
 Anh làm thơ vu quy
 Khách qua đường lắng nghe
 Chuyện tình ta đã ghi
 Những mùa trăng vu quy
 Vì mưa gió không về
 Chiến trường anh bước đi
 Có nàng hoen đôi mi
 Ngóng theo đường vắng hoe
 Hỏi còn ai cố tri
 Em ơi, nhìn gió lên khơi
 Lòng có trông vời
 Một người xa cuối trời
 Nơi đây phiên gác canh dài
 E ấp đôi lời mình còn nhớ thương hoài
 Em ơi, màu áo phong sương
 Mình ước huy hoàng
 Được bàn tay chính nàng
 Dâng hoa, dâng hết ân tình
 Tình đến bao giờ
 Hỏi đường xưa mà nhớ
 Con đường xưa em đi
 Thời gian có quên gì
 Đá mòn kia vẫn ghi
 Ghi một đêm trăng thanh
 Quán bên đường vắng tanh
 Chỉ còn em với anh”.*

Lời nhạc êm tai tha thiết như vậy mà từng

bị cấm. Thử hỏi có đáng tiếc lắm không?

– Nhạc Sĩ/Nhà Phê Bình Âm Nhạc Nguyễn Quang Long đã gửi Zing.vn bài viết bày tỏ quan điểm về việc Cục Nghệ Thuật Biểu Diễn ban hành quyết định vào giữa tháng 3.2017 cấm lưu hành Con Đường Xưa Em Đi và 4 nhạc phẩm khác với lý do bài hát không đúng với bản gốc. Nhạc Sĩ nói rằng “đã cấp phép rồi lại cấm sẽ gây tác dụng ngược”.

“Trước tiên phải nhìn nhận những ca khúc sáng tác trước 75 tại miền Nam là phần tạo nên diện mạo của nền âm nhạc mới Việt Nam thế kỷ 20.

Bên cạnh nhạc trẻ và nhạc trữ tình, những nhạc sĩ trong giai đoạn này đã góp phần sáng tạo nên dòng nhạc chúng ta vẫn gọi là Bolero, phù hợp với tâm tư, tình cảm và nhu cầu thẩm mỹ âm nhạc của số đông người Việt.

Đây chính là yếu tố khiến nhiều ca khúc thời kỳ này có sức sống và lan tỏa mạnh mẽ.

Theo nhạc sĩ Long, việc Cục cấm hát 5 ca khúc ít nhiều gây bất ngờ trong giới nghệ sĩ và công luận. Sự việc càng trở nên rối khi những lý do viện dẫn để cấm chưa thực sự khiến công chúng tâm phục. Điều này vô tình tạo nên làn sóng phản ứng và đẩy vụ việc thành tâm điểm dư luận kéo dài qua nhiều tuần.

Trong khi đó, theo tiết lộ của một nhà quản lý với báo chí “chiến trường” ở đây là chiến trường nào khi nói về Con Đường Xưa Em Đi?

Bà Đảng từng chia sẻ: việc sử dụng từ “chiến trường” hay “phiên gác” chỉ là để phù hợp với hoàn cảnh lúc bấy giờ, tác giả chỉ mượn những hình ảnh này nói thay tâm tư tình cảm nhớ mong về tình yêu đôi lứa.

Cần nhìn nhận việc cấm 5 ca khúc này chỉ là hình thức. Thực chất hiệu quả của việc cấm

cũng như không, bởi lẽ những ca khúc ấy đã có đủ thời gian sống trong lòng công chúng”. Cho đến ngày 15.4.2017 thì quyết định cấm đã được thu hồi.

9- THỰC VŨ (1932–1976)

Tên thật Vũ Văn Sâm. Trung Tá ngành Tâm Lý Chiến. 1969 tiếp nối Đinh Hùng và Tô Kiều Ngân phụ trách Thi Văn Tao Đàn, đổi thành Thi Nhạc Giao Duyên, phối hợp ngâm thơ với trình bày ca khúc tân nhạc.

Thời gian làm việc ở Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, Ông cho ra đời bản hùng ca Quang Trung Hành Khúc được tân binh thường xuyên hát vang trong những ngày ra thao trường tập luyện.

1975 bị giam trại Tân Hiệp, Biên Hòa. Tại đây Ông sáng tác nhạc phẩm “Suối Máu” với mấy dòng thơ cảm đề:

“Em ở Saigon anh ở đây

Đòi pha cát trắng kềm gai đây

Ngán ngơ dăm chuyến tàu xuôi ngược

Để nhớ nhung về che khuất mây”

1976 chuyển ra Sơn La rồi mất tại vùng rừng thiêng nước độc này. Một số bạn hữu kể lại những ngày tù của Ông:

– Nhà văn Văn Quang (Mừng Cho Người Chết Trong Nhà Tù “Cải Tạo”):

Thực Vũ đau gan đến vàng mắt nhưng bệnh xá chỉ nhỏ cho vài giọt nước củ tỏi vào mũi. Bệnh nhân đành nằm chờ chết.

Một buổi sáng Phan Lạc Phúc nước mắt chảy chậm trên mặt nghẹn ngào cất tiếng: thằng Sâm chết ở bệnh xá đêm qua rồi. Tôi lạng người bởi hôm qua lên sang thăm Thực Vũ, Anh đưa cho tôi hai gói thuốc lào nhỏ: “tôi mệt không hút được nữa”. Sau đó Tô Kiều Ngân nói với tôi lời an ủi: “Mừng cho nó, từ

nay nó không còn biết đói rét và không ai hành hạ được nó nữa”.

Buổi chiều chạng vạng nơi núi đồi Sơn La, từ bệnh xá quanh con đường đá nhỏ, vòng theo sườn núi cao vút chập chùng, “đám tang” di chuyển chậm chạp trông thật đau lòng. Hai cai tù vắc AK đi đầu, kế đến một anh tù cầm vại nén nhang, 4 người khiêng cỗ quan tài mộc. Sau cùng là hai cai tù súng AK. Họ chuyển động như những bóng ma.

Hơn 30 tù nhân đội rau đứng ngẩn ngơ dán mắt theo đám ma thâm ấy. Phan Lạc Phúc đứng bên tôi không nói lời nào, quay mặt che giấu nước mắt. Tô Kiều Ngân và mấy bác sĩ tù nhân trẻ nép sau hàng rào kềm gai cũng xúc động xót xa trông như tượng gỗ dỗi theo đám tang dần khuất vào cuối con đường cong phía chân núi.

Một tháng trước khi mất Thực Vũ có bài “Gởi Saigon”:

“Viết bài thơ sau cuối

Ý nhạc tàn theo mây

Hồn anh về bên Chúa

Xác anh gửi phương này”

– Nhà Thơ Hoàng Ngọc Liên kể lại: sáng 15.11.1976 lúc đang phát quang con đường trước trại giam thì “đám tang” Thực Vũ đi qua. Chúng tôi ngã nón cúi đầu chào người bạn vừa đột ngột từ trần. Vài tháng sau trên đường gánh tranh về trại, tôi bất ngờ lạc vào nơi Thực Vũ yên nghỉ. Đó là góc đồi Ban xã Mừng Thái với chùng mười năm đất mới. Năm 1988 tôi được thả về Saigon có nghe Chị Lê Khánh đã lặn lội ra tận đây đem cốt chôn vào Nam.

– Nhà Thơ Huy Trâm viết: “Dù bị tù tội, Thực Vũ vẫn say sưa hát. Huy Trâm thuật lại lời Phan Lạc Phúc: một hôm mưa tầm tã, cả đội

lo đi hứng nước thì phải chạy trú tạm dưới mái tranh, nhưng Thục Vũ trên vai còn vác bó nứa vẫn đứng hát giữa trời. Mưa xối xả ướt cả áo quần, Anh vẫn mặc. Ta cứ hát. Phúc mới nói to: Thôi đi Vũ ơi! Rồi ốm bệnh cho mà xem! Thục Vũ vẫn nghe ngao hát xong bài rồi mới vào hàng trú mưa. Hát cho quên sầu...và cũng là lần hát cuối đời. Một tuần sau anh mất”.

Thục Vũ đã có vợ nhưng duyên nợ đưa đẩy Ông yêu thương Nhà Thơ Lê Khánh. Họ có với nhau một bé trai. Điều đáng nể là Bà Thục Vũ không ghen tuông ồn ào mà lại đích thân vô bệnh viện thăm viếng chăm sóc cho người tình của chồng sinh đứa con đầu lòng.

Vào những năm 1964 – 66, thi đàn miền Nam bỗng dựng xuất hiện nhà thơ nữ gây xôn xao dư luận với 5 Tập Thơ “Em Là Gái Trời Bất Xấu” do nhà sách Khai Trí xuất bản lúc mới chừng 20 tuổi.

Lê Khánh yêu Thục Vũ với những vần thơ diễm tình làm Ông rung động phổ thành bài ca

Tình Người Hậu Tuyền:

*“Hôm nay trời vào thu
Dalat lấm sương mù
Cây khô buồn trút lá
Gió ven hồ bay xa
Mây thu lơ lững trôi
Lòng lộng gió lưng đồi
Xin anh đừng giận đời
Viết thư về thăm em”*

Lê Khánh để lại hàng trăm bài thơ da diết. Nơi đây chỉ xin trích nửa bài “Em Là Gái Trời Bất Xấu” như là tiêu biểu cho vần thơ của thi nhân xứ Huế đa đoan sầu mộng:

*“Chiều chủ nhật đợi chờ anh mãi mãi
Sao trễ giờ cho chua xót anh ơi!*

*Hẹn hò chi, chừ lỡ dở cả rồi
Tình mới chớm đã vội vàng lịm tắt
Tôi yêu anh nhưng hoài hoài thắc mắc
Liệu người ta đáp trả lại hay không
Đến bao giờ dẫm được xác pháo hồng
Áo cưới đỏ cười vui cô dâu mới
Anh hẹn đúng hai giờ anh sẽ tới
Nhưng sao chừ trời đã tối...anh đâu?
Mưa hôm nay êm như tiếng mưa ngâu
Anh lỡ hẹn nên chiều buồn rứa đó
Tôi gục mặt khóc thầm bên cửa sổ
Mà cô đơn trời hời vẫn cô đơn
Nơi xa xôi anh có biết tôi buồn
Anh có biết tôi cười mắt ngấn lệ
Anh lỗi hẹn hay là anh đến trễ
Cho chiều nay đường phố lạnh mưa thu
Và đêm nay thành thị ướt sương mù
Người con gái gục đầu thương mệnh bạc”.*

10- DƯƠNG HÙNG CƯỜNG (1934-1987)

Trung Úy Quân chủng Không Quân. Nhà Văn với 3 tác phẩm: Lính Thành Phố, Buồn Vui Phi Trường, Vĩnh Biệt Phượng.

Làm báo lấy bút hiệu Dê Húc Càn. Nổi lên ở Con Ong từ những số báo đầu với mục Cà Kê Dê Ngỗng, chuyên châm biếm tệ trạng xã hội, tố cáo bê bối của những nhân vật tai to mặt lớn.

– Nhà Văn Nguyễn Thụy Long trước khi trở thành văn sĩ đã viết: Tôi yêu thích phóng sự “Buồn Vui Phi Trường” của Dương Hùng Cường và vẫn hy vọng được tiếp xúc với anh, góp phần vào tờ báo Lý Tưởng của đơn vị.

Tác giả Loan Mắt Nhung từng bị Trung Sĩ Dương Hùng Cường cảnh cáo: “Mày chẳng là gì cả trong quân đội, một hạt cát, thân phận tối đen, tao đã trải qua rồi, tao nổi khùng, tao chửi toáng lên, sức mạnh của tao là ngòi bút, tao là

văn sĩ mày biết không? Tao chống bắt công ở bất cứ đâu”.

Nguyễn Thụy Long cho thấy phẩm cách đáng kính trọng, đáng ngợi ca của Dương Hùng Cường. Ông cho rằng cũng vì tính cương cường chống lại mọi hà hiếp áp bức mà Cường dù tốt nghiệp chuyên môn ở trường huấn luyện không quân Marrakeck (Pháp) với lon trung sĩ, nhưng suốt Đệ Nhứt và nửa thời gian Đệ Nhị Cộng Hòa Ông vẫn mang Trung Sĩ, trong khi các bạn đồng khóa hầu hết đều lên sĩ quan.

– Tác giả Hồ Đắc Túc có bài Mộ Dương Hùng Cường – Nơi Mộ Phóng Viên Báo Chí ở Normandie Pháp”: đây là Khu Vườn Tưởng Niệm gồm 27 bia đá khắc tên gần 2500 phóng viên khắp thế giới từ 1944 đến 2019 đã hy sinh vì sứ mạng đưa tin của họ. Vườn do Tổ Chức Phóng Viên Không Biên Giới (Reporters San Frontieres) thành lập. Dương Hùng Cường có tên trên mộ bia, cái chết của Ông được viết: Died in prison, supposedly of a brain haemorrhage. Arrested by the government in 1975, free sometime between 1978 & 1981 then arrested again in 1984 with many other journalists.

– Nhà Văn Trần Ngọc Tụ cảm tác bài thơ “Rượu Ngày Giỗ Bạn” nhân giỗ đầu Cường:

“Chén âm dương vỡ giữa đời

Thoảng quanh men rượu ngỡ người bên mâm

Cường say thôi cũng âm thầm

Nhấp môi uống nốt mê làm phù sinh”

– Nhà Văn Hồ Nam qua bài: 100 Khuôn Mặt Văn Nghệ Sĩ, Dương Hùng Cường Người Viết Văn Hải Sinh Nghệ Tử Nghiệp nêu rõ cuộc đời Cường từ sau 75:

Đi tù đợt đầu về, Cường làm nhiệm vụ “bế con”, “bữa củi”, nấu cơm cho vợ bán cháo phở

(dạy học).

Giữa thời kỳ ăn “bo bo”, chạy từng bữa, Cường được Trung Úy Không Quân Trần Ngọc Tụ báo tin: “sếp” Trần Tam Tiếp ở hải ngoại, nhân danh “Văn Bút Việt Nam” phát động chiến dịch “nhà văn từ ngục tù Cộng Sản viết, gửi bài ra nước ngoài”, nhuận bút trả bằng những “thùng đồ bộn bạc”.

Cường nói với Tụ: Cường không cần nhuận bút trả bằng thùng đồ, nhưng Cường viết để cho hải ngoại biết Cộng Sản ... cỡ nào.

Không những viết bài gửi ra hải ngoại, mà Cường còn rủ các nhà văn khác: Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Lý Thụy Ý cùng viết. Hình thành một mặt trận “tự do văn hóa” khiến Cộng Sản ... hoảng hốt cho công an đàn áp.

Khi bị bắt, Cường hiên ngang nhận: ‘không những viết văn để vạch trần tội ác của chế độ Cộng Sản Việt Nam, mà còn cổ động anh em cùng viết văn, thơ tố cáo tội ác...’

Thời gian bị bắt, Cường vào khu biệt giam dài dài, nhưng không ngán, suốt ngày ca vọng cổ tuồng Võ Đông Sơ – Bạch Thu Hà. Với giọng ca mùi “rệu”, khiến nhiều nữ tù “vuốt biên” say mê, gửi quà thăm nuôi cho Cường lia chia, càng có quà của các “fan”, Anh càng phấn khích ca hát. Có đêm tới giờ giới nghiêm vẫn chưa chịu ngủ, cán bộ đe dọa cùm, Anh mới chịu ngưng ca.

Đêm cuối đời Cường là đêm mưa to gió lớn, có lúc khu trại giam bị mất điện, nhưng tiếng ca Cường vẫn cứ mùi mẫn cất lên – như anh sinh ra để ca vọng cổ vậy.

Sau đêm hôm đó, tới 8 giờ sáng, quản giáo mở cửa phòng để điếm danh. Một cán bộ gọi số tù của Cường – mãi không có tiếng trả lời – bèn quát lớn, “ngủ đến 8 giờ không chịu dậy,

sẽ bị cùm đ ấ y”.

Lời dọa nạt không có lời đ ắ p, cán bộ đ ậ p cửa phòng ầ m ầ m, rồi tức tốc mở cửa, lấy chân đá vào người Cường, “đ ậ y mau, giỡ n mặt với quần gi ấ o hơi nhiều rồi đó!”

Bị l ẫ n 2, 3 “cú” đá khá mạnh, Cường vẫn nằm im không cựa cựa.

“Thằng này ‘li’ phải cùm thôi”.

“Cán bộ ơi! Ông Nhà Văn trúng gió rồi, mau đưa đi cấp cứu, sao cứ đá hoài vậy. Tù cũng là người, chứ đâu phải...”

Nghe lời cải tạo viên, quần gi ấ o v ộ i vàng kêu ‘tù’ nhà bếp tới, dựng Cường dậy, đ ẹ m đi cấp cứu.

“Cán bộ ơi! Ông Nhà Văn ‘ná thờ’ rồi, còn cấp cứu gì nữa”.

“Hôm qua còn ca vọng cổ om sòm, sao ‘ná thờ’ đ ượ c.

“Người Ông tím bầm, chắc bị r ắ n c ắ n quá”.

Nhà Văn Nhà Báo tài hoa kết thúc thê th ầ m như vậy đó.

Vì trời mưa gió thổi mạnh, r ắ n l ự c từ trên cây đối diện phòng biệt giam r ắ t xu ố n g, bò vào c ắ n chết Ông.

(<http://tanmanvanchuongthephong.blogspot>)

– Cô Giáo Âu Oanh viết bài “Khóc Bạ n” (Nam Kỳ Lục Tinh – Hồi Ký, Google sites). Âu Oanh, hiền thê Ca Sĩ Khuất Duy Trác kể chuyện bạn học Vũ Hoàng Oanh (Vợ Dương Hùng Cường):

Ra trường Đại Học Sư Phạm 1964, rồi kết hôn với Cường năm sau. Họ sinh hạ 6 công chúa trong vòng 10 năm.

1974 Hoàng Oanh t ấ t b ậ t dạy thêm kiểm

tiền giúp chồng in tác phẩm thứ ba: Vĩnh Biệt Phương. Sách vừa xuất xưởng chưa kịp phân phối ra ngoài thì mất nước, cả hai Ông vào tù. Đ ể lại gánh nặng gia đình cho hai Cô Giáo phải đầu tắt mặt tối bon chen với chợ đ ờ i, làm sao nuôi nổi đàn con thơ dại...

Thế rồi một hôm đầu năm 1979, Hoàng Oanh ng ậ p ngừng tí tê: “Ta nói cái này, đừng giự t mình nhé... Ta có bầu”. Tôi nghe mà hoảng hồn. Hoàng Oanh khai: Hôm Tết rồi đi thăm Ông Cường trại cho ở lại một đ ẹ m... Rồi Hoàng Oanh n ẫ n n ỉ dẫn đi phá thai vừa tròn hai tháng vì sợ không ai tin nổi. Ai đ ờ i Cô Giáo chồng đi ở tù mà lại mang bầu. Ai tin. Bà con, bạn bè, nhà trường... họ sẽ b ề u ri ề u b ờ i tro trát trấu lên đầu “vợ thằng ngu”.

Tôi đ ẹ m chuyện kể lại Mẹ. Bà Cụ bình tĩnh tính toán rồi kh ắ n g đ ị n h Hoàng Oanh sẽ sinh con trai. Nhờ vậy mà bạn bỏ ý định phá thai. Sau đó quả thật sinh trai đặt tên Phụng Hoàng (thờ phụng màu vàng).

Rồi Cường ra tù. Anh liên lạc đ ượ c với nhà văn Trần Tam Tiệp đ ằ n g ở Pháp. Anh Tiệp g ờ i những thùng quà về giúp văn nghệ sĩ còn kẹt lại. Việc này dẫn tới hậu quả là đ ộ t bắt giam “những tên Biệt Kích Cầm Bút” vào tù.

Năm 1987 Dương Hùng Cường mất tại Phan Đăng Lưu. Hoàng Oanh đ ầ u đ ớ n vật v ấ than khóc như cảnh ngộ thiếu phụ năm xưa “Đi Nhận Xác Chồng” của Lê Thị Ý:

“Mùi hương cứ tưởng hơi chồng

Ôm mô cứ tưởng ôm vòng người yêu”

Hai năm sau, Hoàng Oanh bị tai nạn xe không qua khỏi, bỏ lại đàn con thơ 6 đ ứ a b ờ v ờ.

Phạm Văn Duyệt

Khép Lại Rúi Rừng

Như Thương

“*Con coi chừng em, mẹ đi...*” chỉ nói vồn vện ngàn ấy chữ trong nước mắt rồi mẹ tôi quảy gánh đi! Một gánh tình đầy ắp, trông sao quá luộm thuộm thế này nhỉ!?

Dáng người khệ nệ ôm, tay xách, tay mang, khuôn mặt khắc khổ của lo toan bỗng trở nên già nua tọt cùng chắc cũng động lòng Trời? Hai cái bao bố tời, một chiếc thùng giấy, hai giỏ đem xách tay... thế mà Mẹ tôi đếm đi đếm lại không biết bao nhiêu lần trước khi rời ngôi nhà! Duy nhất chỉ có mình Mẹ tôi biết trong ấy đựng những gì...

Những chiếc bánh nướng nhỏ, được gói vuông vức bằng những miếng nylon không đều nhau, lại được gói trong những trang báo nhật trình kỹ lưỡng, rồi cột thun kỹ càng. Những miếng thịt vuông vức trong một hủ nhựa đầy nước mắm và những quả trứng luộc nổi lều bều. Tất cả được gói chặt xuống với nước mắm mặn, lại những miếng nylon và nắp đậy buộc thun... Nén hết nỗi lòng chặt chiu trong mặn mà...

Những con ruốc rang vàng thơm tốp mỡ, muối, đường và lẫn cả những giọt nước mắt âm thầm rơi trong đêm được nén trong những chai nhựa với kích thước khác nhau, thế là thành một khối ruốc tùy theo hình dạng của cái chai! Tình Yêu năm tháng đã uơm vàng con ruốc, con tim người Vợ... để mong được vừa khẩu vị Chồng như ngày xưa...

Năm bảy món ăn khác được chia đều từ một con gà! Bao nhiêu món ngon vật lạ mà thuở nào Vua ngự thiện chắc cũng không bằng dăm ba miếng gà của món Ragout, Cà ri, Rô Ti, gà kho sả ớt... Người Vợ dường như mãi mê

săm soi với chia phần đã quên rằng người Chồng bây giờ không còn đầy đủ răng để có thể gặm xương gà một cách ngon lành được! Thế nhưng, người Vợ đã chăm chút tỉ mỉ từng muỗng muối, gia vị như một người đang trở tài nấu ăn trong tháng ngày mới về làm vợ. Những trang thư lại được lén lút mở ra đọc lại trong đêm khuya dưới ánh đèn dầu leo lét... “Em làm cho anh món... Em mua cho anh cái này... đừng mua nhiều lắm, tốn tiền...”. Trái tim tình thổn thức của ngày xưa khi hai người yêu nhau bây giờ cũng thổn thức vì phân chia đôi ngã. Người Vợ lặng lẽ làm hết tất cả những dặn dò trong những lá thư của một năm, hai năm trước từ những địa chỉ xa xăm và xa lạ nghe đâu tận miền Bắc. Cái sắt son thủy chung tự thuở nào...

Thêm chút trà, chút cafe trong tận cùng nỗi nhớ, chắt chiu từng dùm trà ngon của bạn bè gửi quà biếu người tù tội, mỗi vị trà của từng người khác nhau thì không thể để chung với nhau một gói được... như những ngõ ngách trong ngăn tim Yêu Chồng vậy. Gói nhẹ nhẹ kéo những lá trà khô sẽ vụn vạt, mất đi cái cong queo khô quăm của đọt trà non là tinh túy của một ly trà ngon như sở thích của Chồng. Gói hết yêu thương của một người gửi đến một người xa vạn dặm dẫu hương trà không là vị thuốc hồi sinh cứu tử người Chồng trong con đời nghiệt ngã, nhưng “gỗ” trà sẽ hiện ra bóng người Vợ tần tảo như tích xưa Nàng hiện ra trong đáy cốc tình...

Chút cafe của bằng hữu gửi nhau - rồi sẽ được pha bằng nước suối, nước sông lạ lắm và lạnh ngắt tình người... Thôi thì ấm lòng người

phương Nam lưu lạc đất Bắc như san xẻ, chia sót và an ủi người bị lưu đày. Gói hết hương thơm bằng hữu ấy trong hành lý để nhờ mai kia lội qua sông rộng, đắm mình dưới lũng sâu sẽ không làm ướt những tấm chân tình quý giá trao tặng. Hỡi nguồn nước từ núi cao, xin hãy xuôi giòng về với người khôn khó trong tù đày, để giòng nước trong sẽ nuôi dưỡng tấm thân ngày càng lụn bại, để ngum trà thơm sẽ đem lại chút hạnh phúc thâm tình chồng vợ, chút ân nghĩa bạn bè phương xa... Đừng để giếng cạn khơi giòng chắt chiu miếng nước đục ngầu mà đau lòng ngum trà buồn canh khuya. Hỡi sắt se của núi rừng Việt Bắc, xin hãy dừng lại cái khắc nghiệt của thời tiết như chút lòng nhân ban cho người trong lao lý khi hai tay gầy gò ôm “gô” nước trà nóng, miếng cafe ấm bỗng đứng trở lạnh vội vàng theo cơn rét buốt người. Ánh lửa tù có đem lại niềm hy vọng cho ngày thoát cùm gông không hay sẽ dần tàn theo đóm lửa nhỏ từ những thanh củi lượm mót góp nhặt?

Đây tấm áo may cho Chồng, từng đường kim mũi chỉ khâu đêm - nhớ lại hình bóng ngày Chồng ra đi, kích thước rộng hẹp từ vòng cổ, vai ngang, chiều dài thân áo và cả vòng tay từng đêm mẫn nồng phu phụ... Vải xưa mềm lòng cậu bé năm xưa mẫn vú mẹ, đã kết nguyên trăm năm với tà áo cô dâu; bằng bao nhiêu năm theo gót Chồng, nay gót Vợ lặn lội vượt núi đồi nghìn trùng đem manh áo thô giữ ấm thân Chồng...

Đường may có lẽ vụng về khi tuổi người Vợ không còn đôi mươi như xưa nữa, mắt nhá nhem cố chấp lại cho khít khao như đem ấm lạnh đến người sống trong núi đá nghìn trùng. Người Vợ vẫn còn những mấy mươi năm trong lời nguyện ước “Trăm Năm Giai Ngẫu “thuở nào, thế thì từng mũi kim đâm xé lòng để nguyện cầu người Chồng còn sống sót đợi ngày về đoàn tụ sẽ thấu được tấm lòng Ôn Trên chăng?

Năm trước - lần đầu tiên gặp lại người Chồng - sau một tháng trời tìm được tông tích Chồng qua một địa chỉ như là ẩn cốc (!) nơi rừng sâu, người Vợ thảng thốt khi nhìn thấy bộ quần áo rách bươm, vá víu của bộ đồ ngày ra đi, đến nỗi không còn nhận ra được đó chính là bộ đồ mình đã may! Kim đâu, chỉ đâu Chồng vá áo? Trong bao cát... Cây kim của người tù như là một dụng cụ của người tiền sử - chỉ cần đâm thủng một miếng vải thì được gọi là kim! Người xưa có câu ví von rằng: Có công mài sắt, có ngày nên kim. Quả đúng như vậy trong những trại tù! Họ đã mài sắt thành kim để khâu khít lại những mảnh vải mục rách đã từng ngâm bùn, ngâm nước ướt rồi khô thành quần áo. Gọi là quần áo chứ không có một danh từ nào để đặt cho “những cái quần, cái áo” ấy, vì hễ miếng vải nào được phủ lên thân người thì được gọi là “quần áo” rồi! Càng nhiều vải để đắp lên thì càng đỡ lạnh, chỉ đỡ lạnh thôi chứ chưa được gọi là ấm đâu vì mặc vào rồi để trâm mình xuống nước lạnh thì làm sao mà ấm, thế nhưng trong đầu vẫn nghĩ “mình có áo”, nhờ ướt rồi sẽ phơi khô được!

Lần ấy, người Vợ hỏi Chồng trong ghen ngào: **“Anh lạnh không?”** Nghe đắng lòng. Nghe cạn cùng thống khổ. Nghe xa xót trong âm vang uất ghen. Và câu hỏi được trả lời bằng cái nắm tay lên lên dưới gầm bàn... Mặt gỗ của bàn có lẽ cũng thấm đẫm nước mắt bao lần rồi, tay Chồng, tay Vợ có lẽ Đất Trời cũng chạnh lòng xót thương... Lạy Trời cho lòng người đừng thành gỗ đá, nhưng gỗ đá nơi trại tù không còn là gỗ đá nữa, mà đã hóa thân thành người rồi, biết khóc, biết buồn, biết chia sẻ những giọt nước mắt oan khiên.

Ngày “thăm nuôi” người Chồng sao bỗng cạn lời và vồn vện một chữ **“EM”**, để mãi sau mới nói được câu nói đầu tiên **“Em mệt không?”**. Và câu nói thứ hai là **“Anh mặc lại chiếc áo ngày anh ra đi, dẫu nó đã trở thành một manh áo rách như thế này...”**. Người Vợ

vẫn chưa nói được gì sau hai câu nói của người Chồng, chỉ cúi mặt khóc, rồi lấy tay chùi nước mắt vội vàng (vì có kẻ canh giữ tù ở hai bên đầu góc bàn “ngăn cấm” dòng lệ rơi!).

Không có vai kẻ vai, không còn những nụ cười hạnh phúc, không thấy những ánh mắt âu yếm của vợ chồng và cũng chẳng nghe được lời nói nào như đã định trước khi người Vợ bước chân vạn dặm đường xa đi thăm chồng trong “tù cải tạo” được thốt ra!

Bao nhiêu điều suy nghĩ dằn vặt canh thâu, bao nhiêu lo lắng cho sự sống chết của người bạn đời, phải nói là vạn cái bao nhiêu quần quanh với năm tháng vắng bóng Chồng đã bỗng nhiên trở thành vô ngôn... để câu nói đầu tiên của người Vợ lại là: **“Anh có bệnh không?”**

Từ đâu trong tâm khảm đã hình thành câu nói ấy, phải chăng là nỗi ám ảnh những căn bệnh nơi rừng thiêng nước độc sẽ lấy đi mạng sống người Chồng được kể lại truyền miệng của những người cùng khổ - những người phụ nữ mà người đời vinh danh là “Cái Cò” cùng đi trên một quãng đường “tam tứ núi cũng trèo, thất bát sông cũng lội...” để thăm Chồng?

Hai bàn tay gân guốc, khô đét, đen sạm của người Vợ cứ mãi sờ, nắn, thoa hai cánh tay Chồng qua mảnh áo một tay dài, một tay rách cụt nửa chùng... **“Tay chân Anh có đau chỗ nào không?”**. Như một bi kịch đầy nước mắt, đôi mắt người Chồng nhòa lệ theo đôi mắt người Vợ, theo từng câu nói của mệnh số dẫu bề dẫu thay... Không phải là màn kịch trên sân khấu mà là sự thật trước mắt mọi người - nơi chốn mà lẫn lộn người với nhân tính và người vô nhân tính! Không được khóc - một ngôn ngữ của Sa tăng dưới tầng địa ngục bỗng dựng trời lên mặt đất và được lập lại như một điệp ngữ thể hiện oai quyền!

Và từ lúc ấy trở đi, người Vợ và người Chồng dừng ngăn lệ doanh tròng. Nuốt lệ vào

lòng. Nuốt hận vào tim! Vì họ cần phải sống dẫu cả hai đang rướm máu dưới chân Thánh Giá của quân dữ...

Một chiếc áo len không cổ, không tay và một chiếc nón đan phủ gáy cũng là những món vượt đèo, vượt muôn ngàn cách trở đến đây. Chỉ mặc cho ấm cái ngực, chỉ phủ cho ấm đỉnh đầu- đó là hai điều suy nghĩ của người Vợ dành cho Chồng. Đơn giản không? Thưa không ạ... Vì người Vợ đã trần trọc từng đêm, rồi khóc khi không biết chồng mình phải làm cách nào để chịu được cái lạnh của núi rừng sâu thẳm. Xưa, đan áo len cho tình trong ngọt ngào, diễm phúc; nay, từng mũi kim đan là gói ghém bấy nhiêu tình nghĩa phu thê trong nghẹn ngào. Đan xong lại cân xem nặng bao nhiêu vì “người tù” đâu có được nhận quà với số lượng tự do. Cân hết ân tình nặng tạ thiên kim ấy... cũng đành thôi! **“Anh mặc vào đi để họ không nói anh đã nhận được nhiều “quà” quá và họ lấy bớt thức ăn của anh!”**.

Chùng ấy thời gian nhìn nhau, ngần ấy giây phút trong lệ đổ, bấy nhiêu câu nói được nói ra trong nghẹn ngào đã tiêu hết “những thời gian gặp mặt “. Chỉ còn 5 phút nữa - mệnh lệnh thoát ra từ cai ngục đã như một vết chém phụp trong khoảnh khắc ân huệ của “tù nhân” và gia đình - để dấu ngoặc kép nơi đây cũng bằng thừa vì ai là tù nhân nơi ấy? Không ai là tù nhân - như định nghĩa của tù nhân là một người phạm tội. Ai là cai ngục chốn này? Tất cả những dãy núi hoang trùng trùng điệp điệp, những ngọn đồi tiếp nối những ngọn đồi, những cánh rừng già dường như chưa từng có bước chân người đến, những loại cây cỏ chưa bao giờ thấy được, nhưng có thể làm chết người vì ngộ độc khi đói ăn, những con sông cạn sâu chỉ có Trời biết, dòng suối chảy xiết dâng ngập đến cổ và lạnh ngắt làm run rẩy thân tù... và những con người lạnh như viên đạn giết người!

Cái đòn gánh xiên hai bao tải, hai cái túi

đệm xách bầy giờ bỗng nằm chơ vơ dưới nền đất khi mọi thứ được phơi bày ra dưới ánh mặt trời cú vọ: hủ lọ, gói to, gói nhỏ của thức ăn, quần áo, thuốc men và hai khuôn mặt hốc hác, thất thần, mắt đỏ hoe đợi một lời phán của nga quý “Hết giờ thăm nuôi!”

Chính trong giây phút nghe câu nói đینگ người ấy, người Vợ bỗng dưng hốt hoảng tột cùng... Chồng mình sẽ biến mất trước mắt của mình... có thể sẽ không bao giờ được gặp lại sau khi nhìn dáng Chồng đi chậm chậm, không dám ngoái đầu nhìn lại, rồi khuất dần sau lán trại. Người Chồng không còn nói được gì nữa, với tay xoa nhẹ trên hai đầu vai của Vợ, rồi lặng lẽ quảy gánh làm lùi bước đi... Bóng chiều nhòa nhạt và trời bắt đầu sẫm tối. Mọi người đi “thăm nuôi” lại hồi hả quay ngược lại quãng đường mình đã đi qua cho kịp nghỉ đêm ở một góc nhà trọ, góc rừng thưa nào đó...

Người Mẹ bây giờ mới ôm choàng đứa con trai đi theo mình vào lòng và khóc òa lên...

Từ lúc bước chân ra khỏi nhà và nói với lại một câu: **“Con coi chừng em, Mẹ đi...”**, tôi chỉ biết Mẹ tôi đi thăm Ba tôi thôi, chứ không biết đi đâu cả ngoài hai chữ **“Tận Bắc”**! Đi bao nhiêu ngày cũng không biết, có về hay không tôi cũng không nghe Mẹ tôi nói nữa... Cái khờ khạo của một đứa con nít, dẫu làm chị một bầy em 7 đứa thiệt ngốc nghếch làm sao... Nhưng tôi biết sợ Mẹ tôi không về hay chết dọc đường! Rồi chợt nghĩ nếu Mẹ không về thì tôi cho em tôi uống thuốc rầy chết hết cùng lượt! Mỗi năm **“câu nói khép cửa”** ấy của Mẹ tôi lại trở về theo định kỳ vào thời gian gần Tết.

Bước đi dạn dò con muôn ngàn chuyện: Coi chừng em chết đuối dưới kính rạch, đừng để em lùa vịt chạy đồng quá xa, buổi chiều nhớ cột cửa cẩn thận - đến đây thì tôi phải mở ngoặc một chút cho cái chữ **“cột cửa”**. Nhà lá ở quê thì cánh cửa được làm bằng lá chằm có nẹp bằng khung, tối đến chỉ cần cột cái nẹp ấy vào góc cột nhà với một sợi dây dừa là đóng cửa!

Mỗi lần Mẹ đi hay Mẹ về... đều như một người đàn bà nào rất đỗi khác lạ. Cái khác lạ của thất hồn, thất thần, tâm trí đầu đầu, ốm thêm và thức khuya nhiều thêm, để rồi dẫu có quay lại với cuộc sống thường nhật, dường như người vẫn còn để hồn nơi núi rừng Việt Bắc với ba tôi. Lạ một điều là Mẹ tôi không nhuộm bệnh bao giờ!!! Cái sức mạnh thiêng liêng của Tình Mẫu Tử và Tình Chồng Vợ đã vực một thể xác gầy còm đứng vững để chống chèo với bão táp cho tay nách 8 đứa con và người chồng trong tù ngục. Rồi ngày qua ngày, tuần lễ này đến tuần lễ khác, tháng năm qua dần với những lo toan cơm áo và thắm thoát 13 năm trôi qua với những ngày tháng nuôi chồng như một thời khóa biểu cố định, vì vậy, nếu cận Tết rồi mà Mẹ tôi nhìn lại góc nhà - nơi để hai cái bao tải định mệnh - chỉ lưng lửng bao thì giống như Mẹ tôi hao gầy thêm, xoay đi xoay lại chỉ muốn cắt xén đầu này, đầu nọ để có tiền mua quà để dành cho Ba tôi. Ăn gì, mặc gì ở nhà qua loa và qua bữa rồi cũng xong, cây cỏ ngoài vườn, ngoài ruộng, con cá ngoài sông lạch rồi sẽ lớn dần cho cái ăn... Bao nhiêu món ngon - chỉ là dăm ba miếng thịt không có mỡ, thì đã là ngon lắm rồi - cắt dành lại cho vào hủ mắm, từng con cá của vó lưới được chừng gang tay là nổi mừng hiện ra trên ánh mắt Mẹ... Nay phần cho Chồng, nay phần cho con - còn Mẹ là phần Vui!

Khi Mẹ tôi đi Bắc lần thứ nhất, tôi ngạc nhiên... đến lần thứ hai thì chợt hiểu ra điều gì trong trách nhiệm của người chị cả ở nhà chăm bầy em! Đến những lần sau thì muốn đi theo Mẹ, nhưng rồi vẫn nghe lại câu nói quen thuộc: **“Con coi chừng em, Mẹ đi...”** và từ đây tôi khóc khi chợt hiểu tận tường nếu điều gì xảy ra cho Ba tôi và cho Mẹ tôi dẫu bấy giờ không còn là thời của chiến tranh tên bay lạc đạn nữa.

Ba vắng nhà, Mẹ tôi làm Mẹ và không có Mẹ ở nhà, tôi là Mẹ của bầy em! Nhưng đêm về thì tôi rất sợ... cái sợ vô hình của một người

chị gái có những đứa em gái trong nhà mà không có Ba Mẹ thật giàu tưởng tượng. Giữa chón đồng không mông quạnh, lỡ một người đàn ông nào đó đập cánh cửa lá chằm đề vào nhà thì quả thật là tôi chỉ biết khóc! Rồi em bệnh, rồi nắng mưa ngoài ruộng, bên đồng cạn, đồng sâu, tất cả đã làm tôi trở thành người thức khuya đến mồn mồi rồi mới ngủ - chỉ để canh cửa không cho ai lên vào giữa khuya! Năm ấy tôi đã 19 tuổi đầu rồi sao mà còn khờ đến vậy! Độ tuổi ấy tôi không còn ham chơi nữa, không có mơ ước nào hơn là được có Mẹ ở bên cạnh để tôi không thấp thỏm lo sợ từng đêm trong suốt hơn tháng trời Mẹ tôi đi “thăm nuôi” Ba tôi.

Tuy nói thế, nhưng tôi cũng “gan lì” trong một việc lắm ngộ nghĩnh: Đi chứng giấy “Thăm nuôi học tập cải tạo”! Cái chuỗi từ ngữ ấy lạ lắm làm sao, nhưng nó là niềm vui của Mẹ Con tôi. “Tờ giấy phép” ấy ban đầu là một cực hình cho tôi khi phải thức dậy khuya lúc 3 giờ sáng, đi bộ hay đạp xe đạp lọc cọc qua hết mấy mảnh vườn trên những con đường mòn len lõi bên những bờ ao, gốc chuối để đến văn phòng Xã. Người ta ký giấy phép cho Vợ đi thăm Chồng! Chuyện lạ trên thế gian nhưng đã xảy ra như chuyện bình thường. Đôi khi trăng còn treo lơ lửng giữa màn trời trong nửa đêm về sáng là tôi đã phải đi rồi vì bọn xã chỉ làm việc đúng 15 phút, không giờ giấc cố định, chúng chỉ ngồi chò hờ trên cái băng ghế gỗ hay ngồi tán dóc ngoài bụi chuối, lặn con dẫu trong túi... Tôi mà không đi sớm thì sẽ thấy cái nhà trống không và phải đợi nắng về nhà để ngày mai đi tiếp cho đến bao giờ có được mảnh giấy phép tặc ấy trong tay. Đó là phân nửa đoạn đường của người Nam thăm tù Bắc, vì nếu không có mảnh giấy ấy thì sẽ không ai mở cửa “địa ngục” cho mình vào!

Gánh đời, gánh tình trong một nỗi lòng quạnh hiu thế mà Mẹ tôi đã rất vững vàng, can đảm nữa là khác. Người phương Nam, kẻ trời

Bắc - lẽ đời én nhận thế nhưng nét xuân sắc thuở xưa vẫn còn - Mẹ tôi rất đẹp, nước da đen ngăm đen và hai má lúm đồng tiền đã làm Ba tôi thua cuộc! Bắt đầu từ cuộc phân ly, Mẹ tôi đã xếp lại những màu áo xưa một thời... Rồi 5 năm trôi đi, 10 năm thoát đã bạc trắng tóc xanh thuở nào. Đôi lúc tôi đã tự hỏi chữ thủy chung bắt đầu từ đâu trong ý nghĩ của Mẹ tôi để người vẫn còn giữ một kiểu tóc kể từ ngày lấy chồng vì người chồng yêu thích kiểu tóc ấy mãi cho đến khi nhắm mắt xuôi tay. Phải chăng bắt đầu từ một lời nguyện của duyên nợ trăm năm hay vì đàn con khờ dại? Để từ đó mỗi lần cần “chứng giấy” trên xã, Mẹ tôi đứng đợi tôi ngoài bụi chuối, chứ không đi vào tận trong văn phòng xã, nơi có những người đàn ông của kẻ địch trạc tuổi Ba tôi! Lúc ấy, tôi còn chưa hiểu điều ấy, nhưng chỉ thắc mắc tại sao, hai Mẹ con phải cùng đi với nhau, thay vì một mình Mẹ tôi đi là đủ rồi... Mãi khi lớn lên một chút thì tôi mới hiểu ra ẩn ý của Mẹ... ở đời ai biết được chữ “ngờ”, nên chẳng bao giờ lòng mình không an tâm mà lại bước chân vào! Trên bước đường vạn dặm ra Bắc cũng vậy, lúc nào cũng có một đứa em trai của tôi đi theo cùng. Khổ cực nhất là thời gian đi buôn tuyến đường dài... buôn lậu gạo, đường... cũng lại dắt theo đứa con trai lớn nhất của Mẹ! Chữ sắc hương của một thời hương sắc dầu đã tàn phai, nhưng vẫn còn nét chấm phá của nhan sắc đâu đây...

Rồi nhan sắc ấy làm lụi giữa dòng đời trong những buổi chợ sớm trưa, những sớm mai qua bắc trên giòng sông đầy lục bình... nổi trôi bèo bọt, những chiều hoàng hôn tắt nắng vội vã về với bầy con, Mẹ tôi đã hóa thân thành một Cái Cò lặn lội. Gánh gạo trong Ca dao tích xưa nay đã thành hiện thực. Để nuôi con - Mẹ tôi đã tảo tần buôn bán, bán tất cả những món gì được bày bán giữa chợ: Từ những con cá vó lưới, xúc tép, xúc mòng, dăm ba mớ rau xanh non mơn trong vườn nhà người, bó lá dứa, bó lá chuối khô, đến gánh com tấm, gánh xôi...

Cái bếp trong nhà đã trở thành “giang san” của người chị cả đóng vai người Mẹ và Mẹ tôi đã lẫn lộn với cái bếp ngoài chợ! Nồi niêu, song chảo, củi, lửa, chén, tô, đĩa từ trong bếp nhà đi theo cái đòn gánh với Mẹ tôi từ từ mờ sáng đến khi chiều tắt nắng mới về...

Bao nhiêu mưa nắng tháng ngày đã làm phai nụ hương ấy - cũng đành! Nét mày vòng nguyệt của phần son nay đã chìm theo mệnh nước, thay vào đấy là dấu chân chim bắt đầu hằn lên khóe mắt. Bao nhiêu vụng về trong những bữa chợ đất, ế hàng rồi cũng qua đi... chỉ còn lại tấm lòng vô biên của người Mẹ “Chạy Chợ Nuôi Con”! Mẹ tôi bán món gì, chúng tôi được ăn món ấy, có khi là đĩa cơm tấm nóng hôi đầu tiên, lắm lúc lại là miếng xôi khô khốc cuối cùng. Con nít mà, rồi cũng quên đi miếng ăn trong cái tuổi ngây thơ ấy! Gót chân hồng của thời con gái Mẹ tôi đã nứt nẻ lẫn ngang dọc, bàn tay khô sạm nắng - Tinh Mẫu Tử cao vời quá, biết nói sao cho vừa, không ngôn từ nào đủ diễn đạt, chỉ có Trái Tim luân lưu giòng máu ấm sẽ bày tỏ được điều ấy chẳng... để tôi có cảm tưởng rằng Mẹ tôi là người buông bất kể sinh nhai thật tuyệt vời! Tựa như mỗi ngày trong đầu Mẹ tôi chỉ nghĩ đến việc: Làm sao có đủ tiền nuôi con!? Lũ con dại quá, chỉ biết ngồi nhà ngoan ngoãn chứ không phụ với Mẹ một tay được, đứa nhỏ nhất chỉ mới 6 tuổi mà, biết làm sao hơn? Có lẽ đã có những giọt nước mắt thầm trong những buổi chợ chiều ế ẩm, trong những lần gánh về nhà “số tiền lời hàng họ còn lại trong phần cơm ế” hay biết đâu những nỗi vui ngập tràn khi được trở về nhà sớm với con vì bán đất. Bán hết hàng - xong gánh nợ trần ai của một ngày là Mẹ tôi quay về lại mái ấm của lũ chim há mỏ chờ mồi!

Ngày rồi qua, đêm về, cõi lòng vọng phu trong đêm trường lặng lẽ ngóng trông, hy vọng, khẩn cầu Ông Trên mọi điều bình an cho Chồng. Anh sẽ phải về với Mẹ Con em vì em cần anh, con cần anh - xin hãy ráng sống để còn có

Ngày Trở Về... Xin hãy vì Con, vì Em... Em chỉ có thể thay anh, một điểm tựa vững chắc, một chốc lát thôi, chứ em không thể làm Ba thay anh mãi mãi được! Một chốc lát ấy đã là 13 năm trường... ai có ngờ đâu... Nếu ngày Ba tôi ra đi dặn rằng: Ba tôi đi chốc lát về thì chắc là lòng tôi sẽ nghĩ như thể là dăm ba bữa Ba tôi đi hành quân theo mấy bác, mấy chú trên đoàn công voa bụi mù trời!



Chuyện xưa, Người Vợ Vọng Phu hóa đá với núi non, tô điểm thêm cho giang sơn gấm vóc và minh họa nên câu thủy chung vẹn nguyên; chuyện nay, biết bao nhiêu tấm lòng Vọng Phu khi tàn cuộc binh đao? Phải chăng người phụ nữ là người mà Thượng Đế ban cho một đặc ân như là thiên chức - sinh những đứa con trai cho xã hội, dâng hiến con mình cho nước non trong thời chiến chinh, rồi ngóng Chồng, ngóng Con trở về suốt hết một quãng đời xuân sắc? Dường như điều bất công ấy chỉ có thể trao cho phận liễu yếu gánh vác? Bởi vì họ chịu đựng hai chữ “Gánh Gồng” bằng trái tim của riêng mình.

Mẹ tôi đã “làm Ba”, làm người kiếm tiền ngoài xã hội nuôi gia đình như ngày Ba tôi còn ở nhà. Tấm áo, miếng bánh cho con đã là niềm vui hàng ngày của Mẹ tôi khi nhìn thấy chúng tôi xúm xít nhau khen ngon đáo để - thời buổi miếng thịt nạc chút mỡ còn sót lại bên cạnh cọng sườn heo già hay cái đầu tôm xuất khẩu không được đã là những món ăn thèm thuồng của lũ trẻ! Tôi biết Mẹ tôi khóc khi ngồi ướp thịt sườn nướng cho khách bên gánh cơm tấm, vì trong lòng nghĩ còn mình gặm xương sườn

mà chúng còn mừng đến chừng đó... nên Mẹ đã ướp gia vị cho những cọng sườn thật ngon tuyệt. Thơm và quyến rũ như thịt sườn thật sự! Chúng tôi mút mút cái mằn mặn của muối đường, hành tiêu bám cọng sườn rồi lùa com ngon lành... Còn Mẹ tôi ăn gì ấy hả? Miếng com cháy dưới đáy nồi com tẩm trước khi quay gánh về nhà... Mẹ ăn com no rồi, các con ăn đi! Một chữ NO đoạn trường, Mẹ ơi...



Ngày mưa, chiếc nón lá và manh áo toi sũng nước, nhưng gánh com ráo hoảnh, rồi Mẹ đặt gánh xuống lề đường khẩn Trời “Xin cơn mưa nguôi tạnh cho con bán hết gánh com nuôi con”. Ngày nắng, lại lạy Trời cho ông bớt nắng để miếng thịt nướng của Mẹ không khô - Trời cũng chiều lòng Mẹ vô cùng, khách ghé ăn com sáng điếm tâm, rồi mua về cho com trưa vì thương Mẹ, thương bóng nắng trên đỉnh đầu Mẹ, thương giọt mưa trút xuống bàn ghế khách ngồi ăn và Mẹ vội vàng lau khô vì sợ khách bỏ đi (chứ ai lại ăn com tẩm cho hai buổi như thế bao giờ!). Nụ cười má lúm đồng tiền của ngày xưa thời con gái và của một thời làm vợ nay trao lại cho người đời thay cho lời cảm ơn khi nhận tiền từ khách mua com.

Ngồi trên bàn ghế với gánh com xong Mẹ tôi lại có lúc ngồi bệt dưới đất với từng chiếc bánh bông lan làm tại chợ! Thế là cà ràng, ông Táo, than và khuôn bánh lại bôn ba theo mệnh người. Chiếc bánh vàng thơm hay khét lẹt là tất cả nỗi buồn vui hàng ngày của Mẹ con tôi - nhất là những lúc khách mua đến đặt hàng cho

quả bánh cưới vào độ cuối năm. Một quả bánh cưới ở nhà quê có thể sắp chừng chục bánh thuẫn hay 40 bánh bông lan nhỏ nhỏ. Họ đến đặt quả bánh rồi quày ra chợ đi mua sắm và trở lại nhận quả. Bao nhiêu ngày tốt lành trong tháng Mẹ tôi đều lật lịch Tam Tông Miếu xem trước cả! Bao nhiêu đám hỏi, đám cưới trong vùng Mẹ tôi đều đoán trúng phóc. “Hôm nay sẽ bán đất” và chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng tươm tất để chạy đua với những con đò sang sông từ khách hàng đặt quả bánh. Đò chạy là khách chạy theo đò và Mẹ con tôi chạy theo khách để hỏi “ông Táo” nướng bánh cho giỏi! Tôi nghiệp ông Táo bằng than chứ đâu phải bằng điện đâu mà hỏi... và cũng thấy thương cho hai cánh tay đánh trứng, bỏ đường, bỏ bột cho khéo từ 5 giờ sáng đến chiều tối. Thời ấy, chiếc máy đánh trứng là một món hàng xa xỉ phẩm, nên người làm bánh đều làm bằng tay hết cả.

Một đứa con gái như tôi chỉ giỏi nhảy dây, nhảy cò cò, chơi u mọi... thì chuyện làm bánh nghe như “huyền thoại”! Ấy thế mà, tôi là người đánh trứng và Mẹ tôi là người nướng bánh đấy. Mỗi ngày đánh chừng 200 cái trứng vịt, ông Táo cũng phát sợ cho cái lò nóng hực than từ sáng sớm đến khi Mẹ con tôi dọn hàng. Con gái người ta “17 tuổi bẻ gãy sừng trâu” ở đâu không biết, còn ở tuổi 17 của tôi đánh nổi được chừng ấy trứng đã là một kỳ công hiển hách lắm rồi. Miếng com, manh áo và nhất là tình thương Mẹ đã dạy tôi biết phải làm sao để phụ Mẹ - biết cách chọn trứng mới qua cách nhìn trứng dưới ánh sáng mặt trời và mua trứng to qua nắm tay của tôi, chọn bột mì xộp (nắm một nắm bột trong tay, rồi buông ra bắt ngờ, nếu bột rơi là tả xuống là bột tốt, còn bột dẹt dặt hay dính lại trong tay là bột bị pha bột xấu), nhen lửa than sao cho nhanh và vừa đủ một khuôn bánh! Nói dễ đấy, nhưng làm thì như thế là làm bài thi trong trường học! Tôi đã rời trường học để bước xuống trường đời (chứ không phải bước ra trường đời), nên mọi thứ đều học nên từ thất bại mà thành - dấu sao bên

cạnh tôi, tôi còn có Mẹ trong lẫn lộn giữa com áo chợ đời.

Nơi người một phụ nữ luống tuổi, làn da nơi cổ và bàn tay xác định được nét thời gian đi qua cuộc đời người phụ nữ ấy - hai điều này không thể dấu hay xóa đi bằng mỹ phẩm được, dấu chân chim nơi đuôi mắt thì mỹ phẩm có thể xóa đi chút đỉnh). Bàn tay của Mẹ tôi hẳn rõ nét nhất với những đường gân của bưng, xách, gánh, gồng khi da tay đã được “nung” dần với nhiệt độ nóng mỗi ngày một chút, từ bữa com cho hạnh phúc gia đình đến việc buôn gánh bán bưng, mọi thứ của cái trần trụi nắng mưa. Xưa trong dòng sữa ấm của Mẹ, Mẹ ôm con và cho con bú no đủ rồi con khôn lớn; nay giữa giòng đời, Mẹ ôm con đại bằng hai bàn tay gân guốc, đen sạm ấy cho con trẻ cảm thấy yên lòng “Có Mẹ bên con”.

Mấy Mẹ con tôi lặng lẽ sống bên mái nhà tranh giữa đồng không mông quạnh, quanh quẩn với dòng kinh nước lớn nước ròng, cái lặng lẽ đến độ không cần biết đến ngày tháng, mà chỉ biết mặt trời mọc lặn. Chị em tôi quên hẳn đi cái thời khoá biểu của ngày hai buổi cấp sách đến trường, thay vào đó là thời khoá biểu của mùa lúa trổ đòng đòng, lúa chín và mùa gặt. Nhà quê - đó là một danh từ mỹ miều trong sách vở, nhưng thực tế lại là những ngày nắng đổ trên lưng áo người suốt từ sáng sớm đến sẩm tối. Ngày tháng chạy chợ xen lẫn với công việc đồng áng đã biến cái gia đình nhỏ của chúng tôi thành những dân quê chính cống! Đầu đội nón lá rách, chân trần với màu vàng quánh của nước phèn đóng bọng móng chân, kẻ chân. Cái “đài các” học trò thuở xưa chắc cũng ngẩn ngơ cho điều dâu bể đổi thay ấy?! Dĩ nhiên là tôi nhớ chữ nghĩa trường lớp thầy bạn lắm chứ vì mới hôm trước làm học trò, hôm sau đã quẳng sách vở vào góc nhà; buổi sáng thay vì cấp sách đến trường, nay quảy gánh hàng ra chợ hay gánh mạ ra đồng cho thợ cấy... cái ngòi lãng mạn ngắm cánh đồng mạ xanh

rờn bước ra từ trong sách vở hóa thành cái ngã lưng cho đỡ mệt trên bờ đê ruộng mạ, còn tâm trí đâu mà “thường ngoạn” làn gió khẽ đùa với sóng mạ nữa!

Màu áo trắng học trò đã hóa áo vải nâu đồng ruộng với chân lấm tay bùn... tôi đã khóc thầm trong mỗi lần nhớ đến ngày tựu trường vào tháng 9 có mưa bay lất phất, thế là tôi đi tìm lại sách vở xưa qua những buổi tối dạy học cho em - 7 đứa học trò trong tay người chị cả đã làm tôi bối rối khi chợt nghĩ không biết dạy chúng nó cái gì để đừng bị dốt chữ!!! Tôi vừa xong Tú tài II năm trước đó, thế nhưng tôi chỉ làm học trò chứ có bao giờ biết làm cô giáo thế nào đâu! Thế mà Mẹ tôi bảo: Con dạy em học đi kéo chúng nó dốt, thằng nhỏ nhất 8 tuổi chưa viết được một câu tiếng Việt nên thân nữa đấy! Ừ thì tôi thay Mẹ tôi dạy em học: Tất cả đều phải học hai môn “tập viết” và toán cộng trừ nhân chia! Bao nhiêu bài học thuộc lòng của Kim văn, Cổ văn mà tôi nhớ lờm bõm đều được tôi đọc thành chính tả cho lũ nhóc. Có ai biết tôi nhớ không đúng đâu... Mấy đứa em viết xong thì lại học thuộc lòng và trả bài cho tôi - những bài văn của quyển sách Tâm Hồn Cao Thượng, của nhà văn Thanh Tịnh, những đoạn văn của Tự Lực văn đoàn đã thành giáo án của tôi. Mẹ tôi giao toàn quyền cho tôi dạy chữ cho các em và oai nghiêm như Ba tôi dạy con trong 4 năm ở cái chòi lá nhà quê ấy, để mãi mấy chục năm sau tức là bây giờ, lũ em tôi vẫn còn thuộc những bài tập viết hàng đêm bên cái đèn hột vịt leo lét dầu đưa em út của tôi khi rời trường mà đi chỉ mới học lớp Tư thì làm sao hiểu được cái hồn của đoạn văn **“Hàng năm, cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trường. Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng. Những ý tưởng ấy, tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi**

không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại tung bùng rộn rã. Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và đầy gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này, tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học... TÔI ĐI HỌC của THANH TỊNH “.

Sách vở, chữ nghĩa và bản phận làm cô giáo bắt đắc dĩ của tôi đã làm tôi nguôi ngoai nỗi nhớ học trò, nỗi hốt hoảng khi rời xa trường lớp và nỗi kinh hoàng khi rời xa thành phố khi chạy loạn. Lắm lúc mông lung ngó trời đêm muôn vàn ánh sao ngoài đồng qua phen vách lá, nhìn lại bầy em vô tư, nhảnh nhịu mày, bặm môi làm một bài toán chia mà tôi ghen ngào - tuổi của em đâu phải học dưới ánh đèn mù mờ của đèn dầu như thế này đâu, em phải được vui chơi bên bạn bè và khoan tay ngoan ngoãn trả bài trong lớp học với thầy cô. Cóc nhái ễnh ương kêu òm ộp ngoài kia bỗng dung trở thành bạn bè thân quen hàng đêm của chúng nó, để mỗi lần nghe cóc nhái kêu là đám em tôi biết đến “giờ vào học”!!! Ôi tiếng trống trường thiêng liêng của tuổi học trò ngây ngô đã biến mất trong tâm hồn non dại của chúng một cách tội tình. Những ngón tay bần bi, những bàn tay lúi húi với chuyện đá dế trong chiếc hộp quẹt, những bàn tay loay hoay với đĩa bánh chuyền giờ thì ngày làm cỏ ruộng, bung thúng vê lúa, đêm lại mím môi giữ chặt chiếc cây bút Bi nắn nót chép lời dạy làm người, viết câu học chuyện hay lẽ phải... Tôi bỗng thấy mình “lớn ra”, nhưng lại lo thêm vì không biết dạy hết những bài văn, thơ mà tôi thuộc từ những năm học Trung học rồi thì dạy cái gì nữa?! Riêng lũ nhỏ thì lại thích học hơn vì học đỡ cực hơn làm ruộng... Tôi đã “ban lệnh”: Ban ngày 3 đứa nhỏ nhất nếu không muốn ra ruộng, thì ngồi học!

Chúng nó nhanh nhẩu chịu học vì học còn có thì giờ “nghỉ giải lao”, còn đứng đội nắng, đội mưa ngoài đồng thì hết được chạy rong.

Quả thật, đến lúc tôi không còn bài nào để đọc chính tả cho lũ em nữa thật rồi... tôi bèn quay qua những gánh ve chai (!) để mua lại sách cũ hay nói đúng hơn là mượn sách của những người bán ve chai trong buổi chợ tan tầm. Những ngày tháng ấy đồng tiền như là của gia bảo, ít ai dám cầm tiền ra mua món gì ngoại trừ những món thật cần thiết. Tôi bèn năn nỉ những bà bán ve chai cho tôi mượn sách - chỉ một cuốn cho từng ngày - đọc xong cuốn ấy thì đổi cuốn khác! Mượn về tôi chép lại những bài hay, những đoạn văn tôi thích để dạy em. Sách thánh hiền nằm ngổn ngang trong đôi quang gánh bằng kẽm thông dong khắp phố chợ, kể cả những quyển sách bìa gáy vàng hay chữ ký đề tặng của những bậc thức giả! Chắc tác giả mà thấy được thì ghen ngào lắm! Tôi ngẫu nhiên đọc chữ người xưa mà có một thời tôi đã đọc qua, nay nhìn lại “cổ nhân” mà tức tưởi cho cái tủ sách yêu quý của tôi đã tan tành theo chiến cuộc - tiền mua sách là tiền li xì của tôi vào những ngày Tết từ thuở tôi học lớp Đệ Ngũ, những 4 năm gần gũi với đam mê sách... Nỗi buồn của tôi thật sâu thẳm vì lòng tôi chạnh nghĩ chắc là mình không bao giờ còn được cấp sách đến trường nữa rồi, rồi Ba Mẹ tôi sẽ Bắc Nam chia lìa và quay cuồng mãi trong cơn áo như thế này sao, rồi lũ nhóc chúng tôi lại miệt mài với ruộng, vườn, kinh rạch, giòng sông nước lớn nước ròng mãi à?! Ý tưởng tôi ít nhất muốn thoát ra vòng lẩn quẩn ấy vì tôi đang bắt đầu biết mơ ước cho tuổi thanh xuân của tôi - những áng mây thiên thanh kỳ diệu của tuổi mới lớn lúc nào cũng đầy tưởng tượng như ống kính vạn hoa và từ đó cuộc sống của riêng tôi đắm mình lại với mớ sách ngọc trong gánh ve chai dạo rong khắp nơi để tôi chỉ nhìn thoáng qua đôi gánh là tôi biết loại sách gì tôi cần đâu chỉ nhìn qua gáy sách từ xa! 20, 30 năm thậm chí có những sách quý của trăm năm trước nay

cũng trong cơn lốc xoáy của bão đời loạn ly hướng hồ gì cuộc đời nhỏ bé của tôi. Thôi thì dừng lại chốc lát để nhìn lại kiến thức từ sách vở mà mình đã học được để thực hành, để vực chính mình đứng dậy trong cơn dâu bể này. Và mỗi ngày tôi nói chuyện với sách vở thay vì nói chuyện với sông nước, bờ nương, bờ ruộng, bầy vịt, đồng lúa lặng câm. Cái tuổi mộng mơ của tôi đã đi qua như thế đấy, thật đơn giản nhưng lòng chẳng bình an chút nào. Dòng phù sa rồi có lúc sẽ lắng và tấp vào bờ bên bồi, còn ý nghĩ trong tôi dường như không lắng lại được như thế mà nó dừng lại bên bờ lở làm khuyết dần khuyết mòn những năm tháng tròn trịa ước mơ. Một mái gia đình sum họp bình thường, một môi trường thầy bạn quen thuộc, một tương lai ấm áp nổi náo nức, rộn ràng bỗng dưng bay bổng lên trời... Tôi bị chôn chân dưới mảnh đất phèn vàng quánh ngoài những ô ruộng vuông xanh mướt để màu lúa chín là nguồn hạnh phúc của những người làm ruộng lại là nỗi ám ảnh khôn nguôi cho tôi “Tôi không thể ở chốn này mãi mãi!” Có lẽ Ba tôi cũng đã nghĩ một điều như vậy” Tôi không thể sống ở núi rừng biệt tăm thế này cho đến khi tôi nằm xuống!”

Chiếc áo của người vợ hiền và đảm đang chỉ là chiếc áo sòn vai, cũ và phai sắc màu, nhưng chính chiếc áo ấy của Mẹ tôi đã từng chia sẻ với Chồng trong manh áo tả tơi rách nát của vòng “tù tội”. Chiếc đòn gánh của thúng xôi, gánh lúa vì mưu kế sinh nhai đã từng nhớ đến những cây đôn tre, thường luồng làm đòn gánh “quả thức ăn” đi vào cổng trại tù. Những món quà trao nhau trong những giây phút hội ngộ đầy nước mắt là chiếc lược nhôm chải tóc hay những hộp gỗ đẽo gọt bằng tay theo năm tháng có khắc tên Ba Mẹ tôi. Không có nỗi nhớ nào đau khổ cho bằng nỗi nhớ trong xa cách nghìn trùng. Những lá thư của lũ con được Mẹ đọc cho viết sau thời gian vất vả với

cây lúa, ngọn cỏ trong vườn, nương sinh, bầy vịt chạy rong được đám dúi trao tay như liều thuốc hồi sinh cho người tận cùng tuyệt vọng, khôn khổ. Hạt muối, gói đường, miếng thịt, miếng ruốc... dấu diếm tận mãi bìa rừng thăm thẳm những 13 năm rông rã! Thế nhưng không một ai đã bó tay đầu hàng cho sự nghiệt ngã ấy, bởi vì ngày ra đi là một điều nghịch lý, oan khuất, nên mọi người đã ráng bơi ngược dòng trong cơn sóng dữ để có ngày nhìn lại nhau trong buổi đoàn viên. Cái sức mạnh nào đã làm nên điều ấy thì chỉ có Thượng Đế biết, nhưng cái tia mỏng manh hội ngộ chưa bao giờ tắt ngúm trong lòng Ba tôi và có lẽ trong lòng tất cả những “người tù cải tạo”. Nó ngấm ngấm và bùng sáng lên như con cúi của ruộng đồng, chỉ cần một hơi thổi là phùng lên ngọn đuốc trong đêm.

Ly trà ấm đã lắng lại giọt thanh tao như năm tháng đời người qua đi, còn lại là tấm lòng của thủy chung son sắt, tấm lòng Cái Cò Lặn Lội, tấm lòng Mẹ gà ôm đàn gà con núp dưới cánh Mẹ trong mưa bão... Con cảm phục Ba đã vượt qua để sống sót trở về từ những địa danh của núi rừng Việt Bắc. Con cảm tạ ơn Mẹ đã sống còn và vượt cạn cùng Ba để cru mang đàn con đại trong đôi bàn tay gầy guộc, xương xẩu của Mẹ... Ngày rời chốn tù ngục ấy, Ba đã khép lại núi rừng vĩnh viễn, không còn cánh cổng nào để Mẹ khóc khi rời xa Ba khi người quay lưng đi mà khóc thầm.

Hỡi rừng thiêng nước độc, xin trả lại núi rừng những giọt nước mắt khổ đau của kiếp tù cũng như xin nguyện cầu muôn vạn số phận người không may đã không còn đường rời xa chốn ấy, sẽ theo mây trời về lại chốn cũ lúc ra đi mà đoàn tụ với những người thân thương.

Như Thương

(Viết cho một phần đời Mẹ trong ngày tháng của những năm 75-79)



Lời Tác Giả: Những khi chờ đón một mùa xuân mới lại về trên quê hương tạm dung, chúng ta không thể không bồi hồi tưởng nhớ những mùa xuân ngày trước tại quê nhà, thật thanh bình. an vui, và đầm ấm của thời Việt Nam Cộng Hòa. Những mùa xuân trước năm 1954 tại miền Bắc, hay tại Sài Gòn, miền Nam trước năm 1975. “Hoài Niệm Những Mùa Xuân” ghi lại những kỷ niệm thật êm đềm của tác giả thời thơ ấu tại Hải Phòng, miền Bắc trước khi di cư vào Nam năm 1954, và cũng để cho thế hệ con cháu chúng ta biết ngày xưa ông cha các cháu đã ăn Tết như thế nào,, và tình cảm gia đình ngày xưa thấm đượm như thế nào. PGĐ).

Tôi đẩy nhẹ hai cánh cửa sổ căn phòng ngủ, ánh nắng lung linh xuyên qua những cành lá xanh cùng làn gió nhẹ ban mai thoảng qua căn phòng thật dễ chịu, và tiếng chim chóc líu lo ca hát đâu đây như báo hiệu một mùa Đông đang tàn và một mùa Xuân nữa lại trở về với đất trời. Một mùa Xuân nữa đang đến, mùa Xuân thứ bốn mươi tám trên vùng đất tạm dung của nam California, miền đất lạnh của người Việt tỵ nạn với nắng ấm tình nồng.

Thấm thoát đã bốn mươi tám năm, một thời gian đủ dài để cho thế hệ thứ nhất của người Việt tỵ nạn tóc xanh nay đã bạc màu khi nhìn đàn con cháu nay đã trưởng thành và thành đạt, và nhìn về quê hương với những ngậm ngùi tiếc nuối không nguôi.

Không hiểu sao, mỗi khi đón mùa Xuân mới trên miền nam nắng ấm này, cũng những bánh pháo nổ giòn giã, xác hồng phủ kín những trung tâm thương mại, những khu đường chung quanh vùng Little Saigon, nơi được mệnh danh

là Thủ Đô của Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản, cũng bánh chưng xanh, câu đối đỏ, bánh mứt ngày Tết, nhưng những hình ảnh ấy lại khiến tôi nhớ về quê nhà với những kỷ niệm ray rứt trong tâm hồn. Những ngày tháng sống tại Hải Phòng trước ngày di cư vào Nam năm một chín năm tư, hay những chuỗi ngày thật êm đềm hạnh phúc của Sài Gòn năm xưa trước khi miền Nam sụp đổ năm một chín bảy lăm. Những kỷ niệm đã ăn sâu trong ký ức, tưởng đã chôn vùi, tưởng đã rơi vào lãng quên, nhưng chợt bừng sống lại mãnh liệt mỗi khi Xuân lại về trên miền đất tạm dung. Miền đất chúng ta tưởng rằng sẽ chỉ tạm dung trong một thời gian rồi mình sẽ hát câu khải hoàn, sẽ về lại quê hương yêu dấu để xây dựng lại tất cả từ đờ nát điêu tàn và hoang phế. Thế nhưng ngày khải hoàn ấy vẫn còn xa ngoài tầm tay dù đất trời đã bốn mươi tám năm xoay vần.

Có một điều tôi cảm nhận, dù rất nghịch lý là, dù được sống trong một thế giới văn minh

nhất, vật chất đầy đủ nhất ở hải ngoại, hầu như không thiếu thốn gì, nhưng tôi vẫn thấy những mùa Xuân năm xưa mang nhiều thi vị hơn, đem đến cho tôi những rung động thật sâu lắng trong tâm hồn.

Trong suốt sáu năm trường của chiến tranh thế giới lần thứ hai, miền bắc Việt Nam là vùng đất bị tàn phá nặng nề nhất bởi các cuộc chiến giữa quân Nhật và quân Pháp, rồi giữa Việt Minh và Pháp. Việt Minh, Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội chính là tổ chức trá hình của Đảng Cộng Sản Việt Nam, lấy chiêu bài chống Pháp để nhuộm đỏ đất Việt. Thời gian đó, bố mẹ tôi vừa lập gia đình được một năm thì Thế Chiến Thứ Hai bùng nổ. Bố tôi làm cho công ty hỏa xa nên phải di chuyển thường xuyên từ Yên Bái, qua Lạng Sơn, rồi về lại Yên Bái, và xuống Nam Định. Trong suốt những năm chiến tranh, mẹ tôi nói phải tản cư liên miên nên dân tình vô cùng đói khổ, cơ hàn, và chết chóc vì đạn pháo, thương tích, và bệnh tật, cho nên không hề biết đến Xuân, Hạ, Thu, Đông hay màng đến những ngày lễ lớn trong năm kể cả những ngày Tết.

Mãi đến năm một chín năm một, bố mẹ tôi, cùng với đại gia đình, sau một thời gian tản cư đầy gian nan mới thoát ra được khỏi vùng của Việt Minh kiểm soát và về lại được Hà Nội, sau đó di chuyển xuống Hải Phòng và định cư tại đây. Gia đình cô út của bố tôi ở lại Hà Nội, còn gia đình bác gái chị bố tôi thì dời về ở Hải Dương. Từ đó dù còn rất nhỏ nhưng tôi đã có được những kỷ niệm thật hạnh phúc đáng ghi nhớ về ngày Tết Nguyên Đán ở miền bắc.

Với sự cộng tác của hai người bạn thân là bác Tăng và bác Hữu kinh doanh ngành nước mắm tại Phan Thiết và Phú Quốc, bố mẹ tôi mở

cửa hiệu Việt Hương bán nước mắm tại Hải Phòng và phát đạt lên từ đó, nên để khuyếch trương phải dời cửa hàng nhỏ từ Đường Cát Dài qua một dinh thự mới xây chiếm một diện tích một mẫu đất trên Đường Cầu Đất cũng ở Hải Phòng. Trước mặt căn nhà lớn như một dinh thự đó là hàng cây phượng vĩ mà mùa hè màu hoa phượng bùng lên sắc thắm cả con đường, bên phải căn nhà có một ngõ hẹp với những cây bàng cao to mà mùa Đông lá vàng đỏ úa rụng đầy làm tôi nhớ đến truyện trong Tự Lực Văn Đoàn về hai chị em nhà nghèo trời rét căm căm mà vẫn lay trời cho nổi gió lên để lượm được nhiều lá bàng cho mẹ đem ra chợ bán hàng. Mỗi khi nhìn những chiếc lá bàng bay bay trong gió là tôi lại nhớ đến câu chuyện hai chị em nhà nghèo trong Tự Lực Văn Đoàn.

Trong những mùa xuân đã qua đi trong đời của tôi, những kỷ niệm về Tết Nguyên Đán ở miền Bắc thời thơ ấu là những kỷ niệm ăn sâu vào trong trí nhớ bé bỏng của tôi nhiều nhất, cho tôi biết yêu quý những phong tục tập quán từ ngàn xưa của cha ông để lại, và biết thương yêu đại gia đình trong đó có ông bà, cha mẹ, anh em tùm tùm lại ở cùng nhau dưới một mái nhà. Tôi nhớ mỗi độ Xuân về, gia đình tôi tập nập người ra kẻ vào vì lúc đó bố mẹ tôi rất giàu có, có thể nói là vào hàng nhất nhì tại Hải Phòng thời bấy giờ, nên mẹ tôi, ngoài các chị vú hay người giúp việc ra, vẫn thường gọi các cô họ, hay các chị họ của tôi đến cả tuần trước ngày Tết để phụ giúp làm các mâm cỗ cúng gia tiên và các món ăn đặc biệt cho ba ngày đầu năm. Lúc bấy giờ mỗi em gái tôi đều có một chị vú nuôi săn sóc ẵm bẻ từ tấm bé để mẹ rảnh rang lo việc nhà và buôn bán.



Trên sân thượng căn nhà to như dinh thự ấy là nơi mẹ tôi chuẩn bị mọi thứ để đón xuân. Sân thượng rất rộng và thoáng mát là nơi ông nội tôi ngồi gói bánh chưng, cũng là nơi mẹ tôi phân công các cô, các chị họ của tôi làm các món ăn để cúng Giao Thừa và cúng ngày đầu năm, như gói giò chả, làm thịt Đông, và món canh bún sáo măng, vớ bắp cải, và thịt luộc là món tôi thích nhất, nhưng thường tôi chỉ được thưởng thức món canh này khi nhà có cỗ bàn.

Điều mà dù con nhỏ tôi rất phục ông nội là ông tôi có tài gói bánh chưng rất chặt tay có một không hai, ông gói hàng trăm cái bánh chưng với nhân đậu và thịt lợn, cái nào



cũng giống hệt nhau, và vuông vức đều tăm tắp. Sau khi bánh chưng được luộc lên, ông sắp chúng từng lớp một trên những tấm phan gỗ chồng lên nhau và ép nó xuống cho ra hết nước, nên bánh chưng của ông gói để cả tháng vẫn ngon, một phần cũng nhờ thời tiết đầu Xuân trời vẫn còn rất lạnh. Ông nội tôi là một nhà nho, quanh năm khăn đóng áo dài đi đâu cũng với cây dù phe phẩy. Nhìn bề ngoài thấy ông rất nghiêm nghị nhưng thực ra ông là thầy thuốc bắc rất giàu tình cảm và ông thương bố mẹ tôi rất nhiều vì bố tôi cũng là trưởng tộc và mẹ tôi đảm đang, tần tảo, buôn bán, giỏi giang. Ông cũng thương tôi nhất vì tôi là út trong bốn anh em trai không kể ba đứa em gái còn nhỏ, nên tôi thường được ngồi cạnh ông trong những bữa cơm gia đình, lúc ông gói bánh chưng, hay ngồi bên ông thức đêm canh nồi bánh chưng mà trong đó ông đã gói cho tôi một cái rất đặc biệt thật xinh xắn có nơ đỏ. Năm nào tôi cũng ngồi cạnh ông và các anh tôi để chờ ông vớt ra cái bánh đặc biệt đó và đem nó về chưng trong phòng. Mấy năm như vậy tôi được ở bên ông, cho đến một hôm ông ngã

bệnh và ông đột ngột ra đi vào một buổi tối mùa Đông có mưa phùn gió bắc. Khi mẹ nói cho tôi biết ông không còn nữa thì trong trí óc bé bỏng của tôi vẫn chưa hình dung ra rằng tôi sẽ mất ông vĩnh viễn trong cuộc đời này.

Sau khi chuẩn bị xong hết các món cho ngày Tết là lúc mẹ tôi cho các chị vú và người giúp việc trong nhà về quê ăn Tết và thăm gia đình. Mỗi chị vú hay người giúp việc, mẹ tôi cho nào quà, nào bánh trái, và tiền bạc đi

đường và tiền đem về cho thân nhân tại những vùng quê xa lắm tôi không biết ở tận đâu nữa. Chính tình cảm đó khiến cho các chị vú đều rất thương mẹ tôi nên sau này khi di cư vào Nam năm một

chín năm tư, các chị vẫn thường đến thăm mẹ tôi và các em tôi. Tình cảm đó, hình ảnh những chị vú nuôi đó, sau này tôi thấy có lẽ xã hội ở Sài Gòn hay ở hải ngoại văn minh hơn nên không còn nữa, và nó nhạt nhòa dần.

Năm một chín năm tư, đất nước bị chia đôi, mẹ tôi tức tốc cho bốn anh em tôi đáp máy bay vào Nam trước theo cô út, rồi bố mẹ sẽ vào sau. Lúc đó tôi lên chín và sống với gia đình cô út tại Bến Chương Dương, Sài Gòn, cái gì thấy cũng lạ lắm, Và phải mất nhiều năm sau, tôi mới từ từ hòa nhập vào cuộc sống của người Sài Gòn, vào mùa xuân của dân tộc.

Những mùa Xuân trong miền Nam, miền đất hiền hòa với người dân nam chất phác, thật thà, dễ mến đã để lại trong tôi nhiều kỷ niệm khó quên. Những chơ hoa rộn ràng ngày Tết trên đường Nguyễn Huệ. Những giao thừa tôi cùng các em họ con cô út thả bộ từ nhà xuống Lăng Ông Bà Chiểu để khấn vái trong khói nhang đèn mù mịt. Những ngày đầu năm lên chùa lễ Phật và hái lộc, đi thăm chúc Tết ông bà cô chú. Rồi chiến tranh Quốc-Cộng bùng

nỗ, chiến sự lan rộng, nhưng người Sài Gòn vẫn bình an ăn Tết. Đó là những nét độc đáo của miền nam tự do trong suốt hai mươi một năm chinh chiến với bom đạn ác liệt tại tuyến đầu nhưng vẫn an bình tại hậu phương.

Rồi miền Nam thất thủ, làn sóng người tỵ nạn tràn ra biển qua đến những vùng đất tự do và chúng ta lại đón những mùa Xuân mới trên miền đất tạm dung. Đời sống người Việt, sau những năm tháng cần cù gây dựng, lại thăng hoa với nếp sống văn minh hơn, vật chất đầy đủ hơn. Dù vậy, mỗi độ Xuân về tuy tôi vẫn mừng đón mùa Xuân mới, nhưng trong lòng không khỏi bồi hồi tưởng nhớ những mùa Xuân đầy kỷ niệm thương yêu ngày nào khi còn ở quê nhà, những ngày còn bé bỏng ở miền bắc, hay trưởng thành trong miền nam khói lửa.

Mỗi khi Xuân về, đọc bài thơ “Ông Đồ” của Vũ Đình Liên: “*Mỗi năm hoa đào nở. Lại thấy ông đồ già. Bày mực Tàu, giấy đỏ. Bên phố đông người qua.... Năm nay đào lại nở. Không thấy ông đồ xưa. Những người muôn năm cũ. Hồn ở đâu bây giờ?*”. Tôi như thấy hình bóng của ông nội tôi trong hình bóng của Ông Đồ năm xưa, cứ mỗi độ Xuân về trong không khí se lạnh của những ngày cuối Đông, lại cặm cụi ngồi gói hàng trăm chiếc bánh chưng cho mẹ tôi cúng Tết, và để mẹ tặng cho họ hàng, và trong hàng trăm chiếc bánh chưng xanh vuông vắn đó luôn có một cái bánh đặc biệt nhỏ xíu thật nơ đỏ./.

Mùa Xuân Của Chúng Mình

*Em ra đi nơi này không thể
Anh vào tù trả nợ chiến chinh
Trời Dak Nông bụi mù tẩm tối
Mưa bây giờ mạn Đỏ... Trương Sa*

*Em ra đi nơi này như thế
Hòa Bình rồi... chẳng có Tự Do
Anh bước giữa rừng Cờ biểu ngữ*

Mặt trời đỏ máu ở sau lưng

Mỗi ngày Anh chọn một niềm vui

Quên đi cuộc sống quá đọa đầy

Những đêm dài biệt giam giá lạnh

Nỗi buồn bạn chết cứng chiều qua

Độc Lập Tự Do chỉ là bánh vẽ

Hạnh Phúc Quê Hương sao quá khô hài

Em đừng về ngõ cũ chẳng thân quen

Cả nước đang tù... Quê Hương đói khổ

Hãy đốt lên đi ngọn lửa xuống đường

Mưa Hồng bụi Đỏ vào mùa tranh đấu

Chút nào ấm nóng quê hương giữ lửa

Hét vang lên rung chuyển... thế gian này

Át Mão 1975 đến Quý Mão 2023



Một mùa Xuân nữa lại trở về

Vời vơi thêm đau... chuyện xa Quê

Nhớ quá đường xưa ngày ly biệt

Thương Hoài chốn cũ buổi chia xa

Xuân xưa chờ đợi đến bao giờ?

Buồn Ty nạn... nỗi nhớ chơi vơi

Tổ Quốc ơi, giờ đây xa quá

Lấp kín đường xưa... chuyện ước mơ

Nỗi buồn ray rứt buổi chia xa

Tháng năm như lá rụng bên đường

Tim Vỡ vỡ vàng nơi đất khách

Mùa Xuân chẳng đến... nữa đâu tìm.

Nguyễn Như Thành

(Tổng Hội Phó Ngoại Vụ Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị)



Trong vũ trụ, xoay vần theo năm tháng với bốn mùa tuyệt đẹp khiến lòng người luôn hòa nhịp theo các mùa trong các công việc mang lại niềm vui cho mình, cho gia đình và tô đẹp cho cuộc sống. Mùa Xuân có phải là mùa đẹp nhất với muôn hoa đua nở, muôn thú tung tăng và con người khởi sắc, cho những dự tính mới, những hy vọng hội ngộ, tha thứ và yêu thương? Có phải mùa Xuân đã mang lại hạnh phúc trọn vẹn trong mỗi gia đình, khi chúng ta đón và vui Xuân với đầy đủ thân quyến trong an lạc, ấm no và thanh bình? Có phải mùa Xuân thật sự đem lại hạnh phúc trọn vẹn cho cả dân tộc Việt Nam (VN) khi mỗi gia đình hạnh phúc vui Xuân trọn vẹn của riêng mình?

Không phải lúc nào cũng thế. Dân tộc VN chúng ta chưa có được một mùa Xuân hạnh phúc đúng nghĩa trong tình gia đình, hay tình dân tộc kể từ khi chủ thuyết và bè lũ Cộng Sản tràn vào VN. Dân tộc VN chúng ta chỉ có những mùa Xuân trong chia ly, lo lắng, nhớ thương và đói khổ.

Hòa trong không khí Xuân, đón chào những ngày Tết cổ truyền của dân tộc đang về trong mỗi gia đình VN khắp nơi, tôi đang mang tâm trạng băng khuâng của một người con viễn xứ, đang mong chờ đón chào một mùa Xuân trong tình tự dân tộc trên quê hương VN. Ngày ấy liệu có thể sớm hay không?

Xuân đất khách, tôi nhớ mãi những mùa Xuân quê nhà năm nào của tuổi thơ trong thời chiến, trong nhà tù CSVN và trên bước đường lưu vong. Nhìn chú chim thánh thót, hót vang trên cành cây sau nhà, dưới những tia nắng vàng buông nhẹ, tôi thả tâm hồn miên man theo dòng suy tưởng về những mùa Xuân năm xưa.

Ở một góc nhỏ nào đó, là một hậu duệ Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) có cha là lính chiến, tôi đã trải qua những mùa Xuân trong đời với đầy thương nhớ, trông chờ, đói ăn thiếu mặc và căm hận. Những ký ức mùa Xuân này luôn mãi ghi đậm trong tâm trí của tôi từ thuở còn thơ đến mãi hôm nay. Một chút rung động nào đó, những kỷ niệm ấy được gọi đến như chợt kéo về, mang những hồi ức xa xưa trở về hiện tại.

* Mùa Xuân Thời Chiến.

Như các bạn trẻ cùng trang lứa, anh em tôi đã sinh ra trong thời gian mà miền Nam đang trải qua cuộc chiến điều linh. Chúng tôi đã may mắn được lớn lên trong vài năm đầu trong xã hội Miền Nam Việt Nam (MNVN) mà chính phủ VNCH đã lo cho người dân được ấm no và hạnh phúc. Cho dù được nuôi dưỡng và hít thở trong môi trường lành mạnh, chúng tôi còn quá nhỏ để cảm thấy được được không khí tự do, dân chủ và nhân quyền đang hiện hữu trên mảnh đất thân yêu MNVN mà thế hệ cha anh, những người lính VNCH, đang ngày đêm cầm súng bảo vệ, chống lại đoàn quân Cộng Sản Bắc Việt (CSBV) xâm lược. Theo lời mẹ kể, những mùa Xuân đầu đời của anh em chúng tôi có đầy đủ ấm no, nhưng thường thiếu vắng hình bóng người cha, khi ông vẫn còn cùng đơn vị hành quân ở những vùng địa đầu giới tuyến.

Trong khi anh em tôi hồn nhiên quây quần nô đùa bên nhau, bên mẹ trong những ngày Tết, thì ở đâu đó nơi miền chiến tuyến, có

những người cha, người anh đang ghì chặt tay súng, chào Xuân bằng những tràng đạn pháo giao tranh với quân thù. Tiếng pháo Xuân, hay tiếng đạn pháo kích vang vọng về thành phố, là niềm vui cho lũ trẻ ngây thơ, lại là nỗi lo sợ cho những người mẹ, hay người vợ lính VNCH. Những mùa Xuân đầu đời của anh em tôi như thế. Chúng tôi có đầy đủ tình yêu thương của mẹ nhưng luôn thiếu vắng tình cha, mà chúng tôi nào hay biết. Đó cũng là mùa Xuân tuổi thơ của những đứa trẻ có cha là lính chiến.

Khi người dân miền Nam đang được hưởng những mùa Xuân an lành và hạnh phúc thì cũng đây đó trên mảnh đất MN có những gia đình đang đón Xuân trong niềm thương nhớ và thiếu vắng người con, người cha hay người anh, những người lính trận đang giữ yên bờ cõi trước đoàn quân CS hiếu chiến xâm lăng. Khi mùa Xuân đi qua, có những gia đình mãi không còn có dịp gặp lại người con, người cha, người anh thân yêu vì đã xả thân ngoài mặt trận, cho mùa Xuân được về trên thôn xóm MN.

Mùa Xuân thời chinh chiến đã là mùa Xuân không trọn vẹn trong từng gia đình và dân tộc VN. Chỉ có bè lũ CSVN vô thần cho tham vọng xâm chiếm, gieo rắc chủ nghĩa CS lên cả dân tộc, đã đánh phá các xóm làng MN khi Xuân về. Mùa Xuân thời chinh chiến đã ghi đậm những hy sinh của người lính VNCH, những trông chờ, hay mất mát của người mẹ, người vợ, hay người con lính VNCH.

Mùa Xuân thời chinh chiến đã ghi lại một mùa Xuân đau buồn cho cả dân tộc VN. Dòng sử Việt sẽ mãi ghi lại tội ác của CSVN khi thảm sát người dân vô tội vào mùa Xuân Mậu Thân 1968. Thật thiếu xót, nếu bài viết này bỏ qua cái mùa Xuân tang thương ấy. Xin mượn vài dòng chữ ghi lại theo những gì học hiểu qua sách vở, báo chí về thảm sát Mậu Thân 1968. Hy vọng các dòng chữ chứng minh và lưu lại

cho quý bạn, những thế hệ trẻ hôm nay và mai sau, về tội ác của CSVN - Kẻ đã, đang và sẽ mãi cướp đi những mùa Xuân của dân tộc VN.

* Mùa Xuân Tang Thương.

Lợi dụng sự tin tưởng của quân đội miền Nam vào lệnh hưu chiến đã được cam kết giữa CSBV với đồng minh Hoa Kỳ và VNCH, tên CS khát máu Hồ Chí Minh đã xua quân tấn công vào các tỉnh thành lớn nhỏ từ sau vĩ tuyến 17 cho tới tận mũi Cà Mau, vào thời khắc giao thừa của Tết Mậu Thân 1968. Cả MNVN chìm trong biển lửa, trong mưa đạn. Mùa Xuân thiêng liêng của dân tộc đã bị hủy hoại trong bàn tay CSBV, lũ cầm thú, vô nhân tính. Nhiều khu dân cư đã bị chúng vào bắn phá, gây ra muôn cảnh màn trời chiếu đất, chết chóc tang thương. Khi quân lính CSBV bị đánh bật ra khỏi thành thị, chúng đã dã man đốt nhà và giết sạch những thường dân vô tội đang bị chúng bắt giữ. Thảm khốc nhất xảy ra tại Huế, CSBV đã tàn bạo giết những thường dân bằng cách đập đầu hay lùa vào hàng chục hố chôn tập thể. Theo nhiều thống kê được ghi nhận lại (theo nguồn wikipedia) thì đã có hơn 3,000 thường dân bị CS giết chết trong hơn 6,000 thường dân vừa chết, vừa mất tích do CS gây ra chỉ qua Mậu Thân 68 tại Huế.

Thương thay cho dân tộc VN đã không có những mùa Xuân thanh bình từ trong thời chiến! Những tiếng ai oán, khóc than của các gia đình nạn nhân CS qua các mùa Xuân tại đâu đó hay tại Huế năm 1968 vẫn mãi vang vọng tới tận trời cao và dội về qua những trang Sử đau thương của dân tộc VN. Mỗi khi ngày Tết đến, trong khi các gia đình đang vui đón Xuân, thì lại có nhiều gia đình khói hương nghi ngút, cúng giỗ người thân bị CSVN giết chết vào cái Tết Mậu Thân 68 năm nào.

* Mùa Xuân Nhớ Thương

Những mùa Xuân đầu đời tiếp nối trôi qua.

Có ai nhớ và tự hỏi là đã biết được mùa Xuân đầu tiên trong đời, cũng như biết được những vui mừng khi đón Xuân về? Tôi đã không có ý thức rõ rệt về những cảm giác hạnh phúc đầu tiên. Nếu có thì đó là hình ảnh của một mùa Xuân trong đau thương, cùng khó. Đó là những hình ảnh của mùa Xuân của một đứa trẻ sống trong cơ cực, thiếu thốn mọi thứ, và nhất là thiếu hẳn hình bóng người cha, khi ông đang bị giam cầm trong lao tù CS, nơi miền Bắc xa xôi.

Sau ngày đen tối 30-4-1975, ngày CS đã cưỡng chiếm miền Nam, hàng trăm ngàn cựu Quân-Dân-Cán-Chính VNCH bị lừa vào những nhà tù khổ sai từ miền Nam ra tận miền Bắc. Dân tộc VN đã đi vào một khúc quanh đen tối với những chuỗi ngày dài bị CS đàn áp, cướp đoạt và giết hại. Tự do, hạnh phúc, và ấm no của dân tộc bị CS cướp sạch. Cuộc sống của thường dân đã bị CS bóp nghẹt trong xiềng xích gông kìm búa liềm CS. Dân chúng đã bị đối xử tàn tệ như thế nên chúng ta không ngạc nhiên khi CSVN đối xử càng thậm tệ hơn với những gia đình có liên hệ với chính quyền VNCH.

Vì bị liệt kê có chồng là sĩ quan cao cấp của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH), mẹ tôi cũng như bao người vợ lính VNCH đồng cảnh, đã bị trừ dập, không xin được một công việc hăng xướng, hiện do chế độ CS kiểm soát và ban phát. Mẹ đã lấy việc buôn bán làm nguồn sống cho gia đình. Vất vả nắng mưa, đi sớm về khuya, mẹ cũng chỉ kiếm đủ tiền lo cho 5 anh em tôi tạm đủ ăn mặc và được cấp sách tới trường. Có chút dành dụm là mẹ gói quà gửi cho ba. Thương mẹ anh em tôi sớm phụ mẹ trong công việc gia đình, buôn bán nhỏ và không đòi hỏi bất cứ điều gì vì sợ mẹ buồn.

Mỗi chiều, anh em tôi như những đàn chim nhỏ, ra trước đầu ngõ, trông ngóng mẹ về. Khi những ngày Tết đến gần, mẹ buôn bán về trễ

hơn thường ngày. Để cho các con có được niềm vui qua một bộ đồ mới đón Xuân, mẹ thường dẫn anh em tôi đi mua sắm ở phiên buổi chợ cuối năm, khi các sạp quần áo cũng đang chuẩn bị đóng lại. Niềm vui Xuân của anh em tôi thật nhỏ bé qua một bộ quần áo và đôi giày mới duy nhất của năm. Chúng tôi sẽ được mặc vào và khoe với chúng bạn trong những ngày Tết. Chúng tôi sẽ giữ gìn, mặc kỹ lưỡng cho cả một năm trước khi có thêm một bộ quần áo mới vào năm tới. Có được niềm vui qua từng tấm áo đôi giày mẹ cho, anh em tôi rất trân quý vì đó là tình thương yêu của mẹ đã buôn bán vất vả dành dụm mua cho. Nghèo lắm, mẹ cũng ráng lo cho 5 anh em tôi được khoác lên người một bộ đồ mới, vui với chúng bạn qua 3 ngày Tết, khóa lớp niềm thương nhớ người cha, vẫn còn trong lao tù CS.

Tuổi thơ của chúng tôi, những đứa bé đã biết nhận thức trong hoàn cảnh thiếu thốn, bên tình yêu thương chăm sóc của mẹ, cũng cảm thấy an ủi phần nào, dù thiếu vắng cha. Chúng tôi có 3 ngày Tết bên mẹ, với những bữa ăn đạm bạc, tuy khá hơn hàng ngày với những miếng thịt mà chế độ Cộng Sản Việt Nam (CSVN) chỉ bán “tiêu chuẩn” cho người dân vào dịp Tết đến.

Thương cho thân phận anh em tôi, cho các bạn đồng cảnh của tôi, và xa hơn cho cả dân tộc VN tôi khi đang chịu chung số phận với những mùa Xuân thiếu vắng niềm vui, tiếng cười và hạnh phúc với người thân! Chính bè lũ CSVN đã cướp đi những mùa Xuân trong mọi gia đình của người dân VN.

Cho dù cuộc chiến đã đi qua, dân tộc VN vẫn mãi đắm chìm trong chuỗi ngày dài đen tối khi những kẻ cầm quyền CSVN, đã và đang cai trị người dân bằng đàn áp và cướp bóc. Một dân tộc không thể nói là đang có mùa Xuân thanh bình khi vô số người dân đón Xuân trong

cảnh màn trời chiếu đất, trong cảnh thiếu ăn thiếu mặc, trong cảnh nom nớp lo sợ hay trong cảnh gia đình ly tán khi có người thân đang bị CSVN giam cầm vì các tội yêu nước chống Trung Cộng xâm lược hay các tội vì đòi hỏi quyền sống, được tự do, dân chủ và nhân quyền. Một khi những viễn cảnh đen tối ấy vẫn còn bao trùm lên dân tộc VN thì sẽ không có một mùa Xuân thanh bình đúng nghĩa cho dân tộc VN.

* Mùa Xuân Đoàn Tụ.

Vào buổi trưa của một ngày cận Tết, tôi đang phụ ông ngoại cạo sét và sơn lại hàng rào cửa sắt, bỗng chợt nhìn thấy một chiếc xích lô máy nổ inh ỏi, đậu lại trước thềm nhà. Bước trên xe xuống, là hai bác ở tuổi trung niên trong bộ đồ xám nhạt, tiến vào sát cửa và một bác đã cất tiếng hỏi:

- Thưa bác, cho con hỏi... đây có phải là nhà của vợ con anh Nguyễn Minh Đường không bác?

Ông ngoại và tôi quá đỗi ngạc nhiên khi nghe câu hỏi về tên của ba tôi. Một cái tên đã lâu lắm không ai hỏi tới kể từ ngày bọn giặc đỏ CS có mặt trên mảnh đất Sài Gòn, Gia Định này. Ngoại tôi liền hỏi lại:

- Cháu vừa hỏi gì?

- Dạ, tụi con hỏi... có phải nhà vợ con của anh Đường, Nguyễn Minh Đường ở đây không bác? Bác kia lên tiếng.

- Đúng rồi, đúng rồi các cháu. Đây là nhà của vợ con thằng Đường. Ngoại tôi vồn vã trả lời. Quay sang tôi, ông nói tiếp:

- Đây là con trai lớn của nó.

- Con ghé ngang báo cho bác tin vui là Đường đã được thả về cùng tụi cháu. Đường đi xe lửa nên có thể về tới nhà vào tối ngày mai. Bác ấy tiếp lời.

Thấy ông ngoại tôi ngập ngừng như muốn

dò hỏi gì, bác lớn tuổi nói tiếp.

- Tụi con nhờ có chút tiền gia đình gởi cho, nên đã nhảy xe đò về trước và luôn thể ghé sang báo tin cho bác và vợ con Đường biết.

Một niềm vui bất chợt đến, không được báo trước, ông ngoại tôi thoáng qua một chút bàng hoàng, nhưng kịp nhớ và nói liền:

- Vợ Đường đi bán không có nhà. À, hai cháu tên gì? Mời hai cháu vào nhà dùng nước.

- Dạ, con tên Thành và đây là Cư. Tụi con cảm ơn bác. Tụi con ghé qua báo tin cho gia đình Đường vui. Tụi con phải đi ngay, về lại xum họp với gia đình. Tụi con kính chào bác.

- Bác cảm ơn hai con nhiều. Ông tôi nói lại.

Quay nhìn về phía tôi, bác Thành nói tiếp:

- Cho hai bác gởi lời thăm mẹ. Thôi hai bác đi nha con.

Tôi chỉ kịp ừ ừ thưa:

- Dạ, con cảm ơn hai bác nhiều.

Tiếng xích lô máy lại nổ inh ỏi, quay đầu và khuất dạng qua ngã ba đầu đường, trong khi ngoại và tôi vẫn dõi mắt nhìn theo. Giờ đây, tâm trí tôi đang thần thờ ôm chặt lấy tin vui lớn này. Tôi không thể tin vào những lời đối đáp ngắn gọn của hai bác và ông ngoại. Đây quả là tin vui quá lớn, mà tôi đã trông chờ theo năm tháng tuổi thơ và nay nó đến một cách bất ngờ. Tôi bỏ hết công việc sơn cửa còn dang dở, chạy bộ thật nhanh ra chợ Bà Chiểu để báo tin cho mẹ hay. Chiều hôm đó, mẹ tôi đóng vội gian hàng bán quần áo may sẵn, về nhà sớm hơn mọi khi, để thu xếp đón lại người chồng, đã qua 10 năm xa cách.

Đúng như lời bác Thành dự đoán, ba tôi đã đi trên chuyến xe lửa cuối năm về tới ga Bình Triệu vào chiều tối 28 Tết. Nhờ người dì, em mẹ, nhà gần ga Bình Triệu. Qua quen biết, dì đã xin vào bên trong ga và đi dọc theo từng toa xe, gọi tên ba tôi: “Anh Đường”... “Anh

Đường”. Cuối cùng dì cũng tìm được ba tôi.

Trong niềm sung sướng vô tận, mẹ và anh em tôi đã gặp lại ba tôi trong nỗi ngỡ ngàng. Trước mắt tôi là người cha cao to, đầu tóc bạc trắng, khác hẳn với thân hình cao ốm mà tôi ghi lại trong trí nhớ sau lần duy nhất cùng mẹ ra Bắc thăm ba vào năm 1979. Chỉ sau sáu năm, thân hình của ba tôi đã thay đổi nhiều. Sau này, tôi được biết cái thân thể to lớn của ba là do căn bệnh phù thũng, còn đầu tóc bạc trắng vì ăn uống thiếu chất bổ gây ra. Ba tôi trông già hơn so với cái tuổi trung niên. Đúng như câu “nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại”. Có nghĩa là một ngày trong tù như bằng hàng ngàn năm sống bên ngoài.

Hình ảnh mùa Xuân đoàn tụ đã mãi ghi lại dấu ấn trong tâm hồn tôi. Anh em tôi đã lâu rồi mới có những ngày Xuân hạnh phúc của một gia đình có cha mẹ đầy đủ. Từ Xuân đó, mẹ tôi đã có người chồng bên cạnh, để cùng đồng cam cộng khổ, lèo lái gia đình trong bể khổ trần ai, trong cái xã hội CS. Cũng từ Xuân đó, anh em tôi đã có người cha bên cạnh, để được uốn nắn, dạy dỗ, và diu dắt bước đi trong xã hội CS có nhiều tệ đoan, hư hại, và thối nát.

Mùa Xuân đoàn tụ năm đó đã cho tôi thấy rõ cái tình thương của mọi người trong gia đình, họ hàng, và bạn bè. Mọi người đã tìm đến thăm ba tôi, an ủi hay tặng một chút quà nhỏ, nhưng rất lớn so với cuộc sống khó khăn của họ trong chế độ nhiều nhượng CSVN. Những người bạn tù CS đã tìm đến thăm và chúc sức khỏe ba tôi. Và đậm nét, tình cảm của hai bác Thành và Cụ đã dành cho ba và gia đình tôi. Sau này, tôi được ba cho biết rõ thêm, đó là bác bảy Thành và bác mười Cụ, bạn thân với ba tôi trong tù. Bác Thành cũng là cựu thiếu tá, cùng binh chủng Lực Lượng Đặc Biệt, QLVNCH với ba tôi trước đây.

Việc báo tin của hai bác Thành và Cụ đã

cho tôi một bài học quý về tình bạn, tình thương yêu của những người tù của chế độ CS. Tới giờ phút được thả về với gia đình, họ vẫn nghĩ tới nhau, tìm tới và đem đến niềm vui cho vợ con người bạn tù cho dù chỉ sớm hơn một ngày. Thời gian ấy tuy ngắn, nhưng rất dài đối với mẹ và anh em tôi đang nôn nóng chờ đợi. Tôi luôn mãi nhớ và trân quý tình cảm của hai bác đã dành cho ba tôi. Sau này, sống gần bên ba, tôi đã được nghe ba kể rất nhiều mẫu chuyện về đời lính VNCH và đời tù CSVN. Đâu đó trong các câu chuyện, tôi luôn nhìn thấy hình ảnh những người lính VNCH thương yêu, chăm sóc và che chở nhau qua các chiến trường lửa khói; hay hình ảnh những người tù dưới chế độ CS chia xẻ từng tấm áo, mảnh chăn chắp vá cho qua cơn giá lạnh; hay từng củ khoai, muống bắp, muống bo bo cho qua cái đói; hay là tách trà cho ấm lòng qua đêm lạnh trong ngục tù. Đẹp thay cho tình lính, tình bạn tù của những người cùng chung lý tưởng Quốc Gia, sống còn theo vận nước và luôn mãi bên nhau!

Những mùa Xuân hạnh phúc cho gia đình có cả cha mẹ của tôi tiếp tục đi qua. Anh em tôi ngày một khôn lớn, đã biết phụ giúp cha mẹ nhiều hơn trong các công việc nhà và buôn bán. Qua dạy dỗ và chỉ bảo từ ba, anh em tôi hiểu biết nhiều hơn về những gì xảy ra trên quê hương VN qua cuộc chiến điêu tàn, hiểu biết nhiều hơn về chính nghĩa VNCH, bảo quốc an dân, trong đó là vô số những mất mát tang thương của người dân tù trong cuộc chiến cho mãi tới hôm nay.

* Mùa Xuân Ly Hương

Có lớn lên trong xã hội CS, tôi đã tận mắt nhìn thấy rõ bộ mặt thật của CSVN, những kẻ cầm quyền đang cai trị người dân bằng bạo lực, cướp đoạt mọi quyền sống của họ qua các sinh hoạt như đi lại, buôn bán, hay giải trí. Chúng

cướp đoạt tài sản người dân bằng các thủ đoạn đê hèn như đổi tiền, cướp nhà bằng cách bắt dân đi kinh tế mới, cướp cơ sở làm ăn bằng cách bắt dân đưa tài sản vào hợp tác xã. Đã có những phản kháng mạnh mẽ với bọn cầm quyền CSVN khi nổi uất ức của người dân lên cao, bị dồn vào đường cùng. Tôi nhớ mãi hai sự việc xảy ra trong khu phố tôi ở.

- Vụ thứ nhất: Vì bị CSVN cưỡng ép cướp lấy cây xăng nằm trên đường Lê Quang Định, ở khúc giữa đường Nơ Trang Long và Phan Văn Trị, một bạn trẻ trạc tuổi tôi đã giữ lấy bình xăng, thách thức bọn cầm quyền, nếu ra tay thì bạn sẽ liều mình cho nổ các bình xăng, thiêu rụi cây xăng. Việc bạn trẻ làm đã gây ra sự chú ý của rất nhiều người qua lại và gây cảm phần vì hành động ăn cướp của bọn CS. Bọn công an đã không dám ra tay với bạn trẻ ấy, nhưng đêm về thì chúng tìm đến bắt bạn ta cho tội phá rối trật tự xã hội. Sau này, cái cây xăng ấy cũng nằm trong tay bọn chúng.

- Vụ thứ hai: Vì bị CSVN ngang nhiên đem xe tới chở đi cái máy in duy nhất, là kế sinh nhai cho gia đình, người anh trai đã nổi giận cầm dao la lớn và thách thức ai dám vào chở đi máy in. Sự việc náo động cả khu phố và hàng xóm khiến mọi người đều đồng ý với hành động của anh thanh niên, nhưng không ai dám lên tiếng. Cũng như việc đòi đốt cây xăng, công an phường đã không làm gì nhưng đêm về thì tới bắt anh thanh niên và cũng cướp đi cái máy in.

Hai vụ trên chỉ là những ví dụ nhỏ ghi lại những tội ác của những kẻ cướp CSVN lên người dân Miền Nam. Còn nhiều hành động bất nhân của chúng bộc lộ rõ bản chất thật của chúng, những kẻ cướp có thủ đoạn, những kẻ thống trị độc ác, những kẻ dối trá mị dân cho mưu đồ thôn tính VN để gieo rắc nỗi thống khổ lên cả dân tộc VN, bằng chủ thuyết CS vô thần và không tưởng. Chính vì thế hàng triệu người

dân VN đã tìm đường vượt biên, trốn khỏi VN.

Tôi đã có chung ước mơ như đại đa số dân Việt là được thoát khỏi cái “thiên đường Cộng Sản” VN, cái thiên đường mù, giả tạo mà như ai đã nói “cái cột đèn có chân cũng sẽ bỏ đi”.

Nhưng công việc buôn bán nhỏ của ba mẹ lo cho gia đình đủ ăn đủ mặc là diễm phúc lắm rồi thì lấy đâu ra tiền lo cho gia đình vượt biên. Nhưng rồi niềm vui đã đến, chương trình tỵ nạn HO được mở ra cho các gia đình cựu tù nhân chính trị được đi tỵ nạn chính trị tại Hoa Kỳ. Qua những trắc trở từ những thủ tục hành chánh, gia đình tôi được xếp vào danh sách HO 26. Nhờ có tên trong danh sách RD3 do đại sứ quán Hoa Kỳ ở Thái Lan chuyển giao cho VN, gia đình tôi được đôn lên đi cùng HO 20. Nhưng vì trục trặc sức khỏe, gia đình tôi rút cuộc cũng được thoát khỏi VN vào những ngày trước Tết của năm 1995.

Mùa Xuân ly hương 1995 đã là mùa Xuân rất vui khiến tôi và gia đình nhớ mãi, sau mùa Xuân đoàn tụ. Thay vì chuẩn bị đón Xuân như mỗi năm, ba mẹ tôi lo thu xếp hành trang gọn nhẹ cho một chuyến đi xa, chuyến đi vượt thoát khỏi nhà tù lớn CS, nơi mà gia đình đã bị giam cầm trong suốt 20 năm với những buồn tủi cho thân phận bị CSVN phân biệt đối xử, kỳ thị, cưỡng ép và bóc lột.

Ngày rời xa quê hương, vào khoảng hơn một tuần trước Tết năm 1995, gia đình tôi đã được nhiều người thân, trong đó có bà ngoại là người bà duy nhất còn sống trong các ông bà nội ngoại, tiễn đưa ra tận phi trường Tân Sơn Nhất. Những dòng nước mắt biệt ly giữa người đi khỏi VN và người ở lại VN mãi rơi trên từng khuôn mặt thân quen. Ba tôi và tôi, đứng chết lặng trong niềm vui, nỗi buồn trong khung cảnh biệt ly, đã không thể rơi một giọt nước mắt. Tôi đã trò chuyện, chào tạm biệt và nhìn lại những người thân lần cuối.

Khi máy bay cất cánh rời khỏi VN cũng là lúc tôi đã nhận ra rằng: Quê hương VN kể từ hôm nay sẽ là quê hương của “nghìn trùng xa cách”. Chắc sẽ không một con dân nước Việt nào lại muốn rời bỏ quê hương VN nếu nơi đó thật sự là nơi bình an, hạnh phúc và công bằng. Một khi chế độ CSVN, buôn dân bán nước còn hiện hữu trên quê hương VN, vẫn sẽ còn nhiều người muốn rời xa quê hương VN.

Khi máy bay từ từ lăn bánh và cất lên trên phi đạo, một cảm giác nhẹ nhàng đã đến với tôi. Từ giây phút này, tôi đã biết chắc gia đình mình đã thoát khỏi VN, thoát khỏi cái kim kẹp và cai trị của CSVN.

* Mùa Xuân Viễn Xứ Đầu Tiên

Sau khi rời phi trường Tân Sơn Nhất và đổi chuyến bay hai lần tại Thái Lan và Nhật, gia đình tôi và vài gia đình VN ra đi theo diện HO, ODP, và con lai đã đáp xuống phi trường Seatac, thuộc thành phố Seattle, tiểu bang Washington vào rạng sáng mùa Đông. Sau khi qua hải quan phi trường với các thủ tục nhập cảnh, gia đình tôi đã ngạc nhiên gặp được nhiều chú bác trong Hội HO Tiểu Bang Washington ra đón.

Các chú bác phát cho mỗi người trong gia đình tôi những cái áo khoác rất dày, phủ kín từ đầu tới chân. Chúng tôi bước theo họ ra bãi đậu xe trong cảm giác lạnh se thất của mùa Đông nơi xứ người. Kể từ giờ phút này, gia đình tôi đã thật sự đặt chân trên miền đất hứa, xứ sở của cờ hoa, đứng đầu thế giới tự do. Kể từ giờ phút này, gia đình tôi sẽ bắt đầu lại cho một tương lai mới, tươi sáng, trong xã hội tự do và dân chủ. Kể từ giờ phút này, tôi đã hứa với chính mình là sẽ không bỏ lỡ cái cơ hội tốt đẹp để học hỏi và vươn lên cho tương lai, sống hữu ích cho gia đình và xã hội.

Khi xe rời phi trường Seatac, cũng là lúc gia đình tôi bắt gặp nhiều điều mới lạ trong đời

và đi từ ngạc nhiên này tới ngạc nhiên khác. Trước mắt tôi là những con đường rộng sạch, những xa lộ (freeway) nhiều làn đường xe chạy. Trên đó toàn là xe ô tô, mà không có bóng xe mô tô, hay xe đạp. Xa xa, tôi bắt gặp những cao ốc, hay những căn nhà với khoảng sân cỏ xanh mượt. Khi xe chạy vào con đường nhỏ, tôi cảm thấy như đang ở trong một thành phố trống vắng, vì không thấy không khí nhộn nhịp với người đi bộ như ở VN. Những hạt mưa phùn lất phất cứ mãi nhẹ rơi gõ đều trên các mặt kính xe tạo nên một khung cảnh trầm lặng, nhẹ nhàng, và lành lạnh. Trái ngược với thời tiết chung quanh, lòng tôi lại có cảm giác ấm áp lạ kỳ.

Gia đình tôi được đưa về một căn hộ có 3 phòng ngủ cho gia đình 7 người. Ngay ngày đầu tiên, tôi đã làm quen với nhiều gia đình HO đang ở chung khu apartment này. Đắt khách quê người, tình đồng hương đã thắt chặt các gia đình chúng tôi lại với nhau qua những chia sẻ buồn vui và giúp nhau trong con đường mới, con đường lưu vong mà chúng tôi cùng chung bước trên đó.

Mãi lo ổn định cuộc sống với các giấy tờ, học hỏi để kịp hòa nhập vào xã hội Hoa Kỳ, gia đình tôi cũng sắp xếp để hưởng một mùa Xuân đầu tiên nơi xứ người. Chúng tôi đón Xuân trong ba ngày Tết với các món ăn đơn giản, dù thiếu hẳn cành mai, bánh mứt, hay những hình bóng thân yêu của người thân, họ hàng năm nào. Xuân đầu tiên trên xứ người không rộn rã nhưng tôi cảm thấy tâm hồn thật hạnh phúc. Chúng tôi đã trải qua những giây phút thoải mái hòa nhập cùng với thời khắc giao thoa của trời đất trong đêm giao thừa. Chúng tôi an vui đón chào Xuân mới, không còn những lo âu như khi còn ở VN.

Cũng như nhiều người Việt chịu chung kiếp đời lưu vong, tôi đã trải qua những mùa Xuân viễn xứ rất an vui và hạnh phúc từ vật chất lẫn tinh thần. Cứ độ Xuân về Tết đến, một chút

rung động lại nhớ về những mùa Xuân năm nào. Vui Xuân đất khách, nhớ Xuân quê nhà. Đâu đó trên quê hương VN ngày nay vẫn còn có những đứa trẻ như chúng tôi năm nào, đang có những mùa Xuân không trọn vẹn vì thiếu vắng cha, mẹ, anh hay chị, đang bị CSVN giam cầm vì những tội yêu nước khi cất tiếng nói chống lại chính quyền CSVN buôn dân bán nước, hay chống Trung Quốc đang từng bước xâm lược bờ cõi và hủy hoại dân tộc Việt Nam bằng hóa chất độc hại. Những mùa Xuân hạnh phúc trọn vẹn với đầy đủ an lạc, ấm no và thanh bình chỉ có trong mỗi gia đình VN, trong lòng dân tộc VN, khi và chỉ khi chế độ CSVN bị xóa bỏ khỏi VN. Ước mong sao, dân tộc VN sớm có những mùa Xuân như vậy!

Vì sự sống còn của dân tộc VN, vì đem lại mùa Xuân dân tộc đứng nghĩa cho mỗi gia đình VN, xin ước mong toàn dân VN sớm thức tỉnh, can đảm cùng nhau đứng lên, tạo thành một sức mạnh vô biên, dùng mọi phương cách lật đổ chế độ CSVN. Cầu mong anh linh của các vị tiền nhân, anh hùng dân tộc và các bậc thánh nhân sáng soi, bảo vệ và truyền dũng khí cho con dân nước Việt cùng chung bước trên con đường cứu lấy dân tộc Việt Nam!

Hùng Biên

ĐÒI LẠI QUÊ HƯƠNG

Ngô Minh Hằng

Thân mến gửi toàn thể đồng bào, và tuổi trẻ
Việt nam trong và ngoài nước.

*Ngày xưa có Mạc Đăng Dung
Giết vua, cướp chôn cửu trùng làm vinh
Nhưng sau lại tự trói mình
Đem thân qùy trước giặc Minh, xin hàng
Đình, điền, châu báu bạc vàng
Mạc đem đến cổng Nam Quan cổng Tàu*

*Đảng kia nay khác gì đâu
Giang sơn dằng Chết để hầu vinh thân!
Phản nhà, phản nước, phản dân
Nam Quan, Bản Giốc, chia phần, dâng Tàu
Mặc dân bao triệu lòng đau
Mặc hồn sông núi u sầu tái tê
Ngày xưa, con cháu vua Lê
Giang sơn lấy lại, đem về từng phần
Nay người bán đất tiền nhân
Nhưng ta thì phải từng phần, giữ nguyên
Việt Nam! Xin hãy đứng lên
Nam Quan, xương máu Tổ Tiên, phải đòi!
Hãy mau để tiếng thom đời
Và đưa dân nước đến nơi phú cường
Nam Quan, Bản Giốc, quê hương
Của ta, ta phải yêu thương, giữ gìn
Ta không được phép đứng nhìn
Như người ngoại cuộc, hồi tim Lạc Hồng!
Ai nghe núi gọi tình sông
Thì xin chung sức, chung lòng né ai
Nước non đau khổ đã dài
Chờ người đem trí, đem tài dựng xây
Anh hùng, xin hãy ra tay
Muôn dân chờ đợi một ngày bình minh
Hồi quân đội, hồi học sinh
Đứng lên đòi lại cho mình: Quê Hương!
(Trích trong tập thơ "Tiếng Hồn Sông Núi"
- một trong 6 tập thơ của Ngô Minh Hằng
vừa mới xuất bản)*

1- TẠ ƠN

Hôm nay ngày lễ tạ ơn,
 Chắp tay cầu nguyện tạ ơn đất trời.
 Vàng dương soi sáng bầu trời,
 Soi miền nhân thế rạng ngời nghĩa nhân,
 Cho ta hy vọng thế trần,
 Qua bao đời đời còn lần thương nhau.
 Tạ ơn đời sống tình giàu,
 Thế gian còn thắm hương màu vị tha.
 Tạ ơn thiên địa bao la,
 Nước nguồn nuôi dưỡng an hòa đất đai,
 Thiên nhiên hoà nhịp âm giai,
 Bốn mùa luân chuyển, lâu dài nắng trong,
 Nhịp nhàng nhật nguyệt xoay vòng,
 Hoà đồng mưa nắng trên dòng nhân gian.
 Tạ ơn tinh tú sao ngàn,
 Chuyển lời thiên tạo thương ngàn chúng nhân,
 Như muôn mắt sáng thiên thần,
 Thiên thu bảo trợ nhân quần ấm êm,
 Còn là gương sáng êm đềm,
 Tương thân tương ái bên thềm thế gian.
 Tạ ơn ân nghĩa nhân gian,
 Dù đời dâu bể còn tràn yêu thương,
 Đắp xây một cõi ngàn thương,
 Quân bình an lạc mọi đường muôn nơi.
 Tạ ơn đất nước ân trời,
 Hòa bình mọi nẻo, người người an vui.
 Thuyền đời một chuyến êm xuôi,
 Dòng êm, sóng lặn, chẳng ngùi bão giông.
 Gia đình thân quyến tổ tông,
 Đậm tình gia tộc, thương dòng hậu sinh,
 Vợ chồng ân nghĩa ba sinh,

Ấm êm đời sống, nồng tình lửa hương.
 Tạ ơn ân nghĩa song đường,
 Nắng mưa dầu gội, gió sương chẳng màng,
 Miễn sao con trẻ bằng an,
 Đường quang, nẻo sáng, huy hoàng tương lai.
 Tạ ơn ta có tình dài,
 Mưa mang nước bể, mây bay tưới nguồn,
 Cháu con trọng vọng suối nguồn,
 Tình cha nghĩa mẹ trào tuôn trên dòng,
 Thế gian nước chảy non mòn,
 Còn tình cha mẹ thương con đầy lòng.
 Tạ ơn tình bạn thanh trong
 Nguồn vui như nắng xóa giòng gió sương.
 Tạ ơn ta có nguồn thương,
 Đỡ nâng những kẻ đường trường phong ba,
 Cho ta ân nghĩa đậm đà,
 Tha nhân sương gió thiết tha ân cần.
 Tạ ơn người lạ, người gần,
 Câu cười, lời đẹp ta dâng ân tình.
 Tạ ơn sách vở sử kinh,
 Mở mang trí tuệ, chân tình, tâm linh.
 Tạ ơn một thuở điều linh,
 Trên bao sóng gió còn tình người chân,
 Đất người còn chốn dung thân,
 Bước chân du mục còn lân an ninh.
 Tạ ơn đất nước ân tình,
 Một vùng hoa gắm hiển linh bao đời
 Mang theo góc bể chân trời,
 Tình người xứ Việt sống đời trong ta.
 Một vùng trời bể bao la,
 Sĩ giòng Hồng Lạc, đất nhà quê hương,
 Nghĩa ân sóng Thái Bình Dương,

Phù sa sông nước, gió sương công trình.

*Bao nhiêu ân nghĩa chân tình
Tĩnh thanh tâm tưởng, ân tình nay mai,
Đơn sơ, sâu đậm, lâu dài,
Ân cần tôi gửi trong ngày tạ ơn.*

2- IN GRATITUDE

*When the dawn unveils the sky from its night
cloak,*

*Paints the pristine nature with beautiful strokes,
When the azure waves reflect the serene dome,
The world celebrates the divine gift to the earth,
our home.*

*Content as the child at his mother's bosom,
Humble like the pilgrim on his quest for wisdom,
Pure like the rain drops from the sky,
Hope fills my soul with gratitude and delight.*

*Joy of life, happiness of a bright day of renewal,
Are precious gifts of reflection, of benevolence,
On peaceful hearts, on serene souls,
Graced with faith in God greatness and in human
quintessence.*

*Light and darkness are feats of natural elements,
Faith and doubts are facets of the human psyche,
Successes and failures are aspects of life events,
It is up to us to find the balance between
contrasting currents.*

*The hardest the climb on rugged lanes to the
summit,*

*The more rewarding is the respite at the zenith.
The more the hurdles on our way,
The more we reap the fruits of the workday.*

*If the world is an on-earth paradise,
With easy life bringing all delights,
The human mind with his environment will fast be
at odds,
And fail to appreciate the world gift from God.*

*Life comes with its daily difficulties and fines,
The real world is a course of obstacles and bores,
Whoever is indecisive won't reach the finishing
line,
Whoever doesn't work hard will not see the fruits
of his chores.*

*In hurdles, I appreciate the human wisdom,
In upheavals, I have faith in the divine kingdom.
If darkness and clarity are facts of life's grind,
Compassion and altruism are apogees of the
human mind.*

*Thus, of each day, we fashion a happy event,
From each hurdle we enjoy the result,
Be it a success or a lesson for the soul,
We appreciate it as a gift for self-improvement.*

*With all gratitude and humbleness,
On this day of Thanksgiving and every day of our
on-earth odyssey,
May we realize the treasures we have been given,
And live in peace and love in the grace of heaven,
Amidst the ups and downs of our human journey.*

Huỳnh Anh Trần-Schroeder

- Chim Tu hú là loài chim không ấp trứng, và cũng không nuôi con. Loài chim này chỉ đẻ trứng vào tổ chim khác. Ở Việt Nam tu hú thường đẻ vào tổ Sáo sậu rồi mặc kệ cho Sáo sậu ấp trứng nở và nuôi hộ con mình. Lý do đơn giản khiến Tu hú không gửi trứng vào tổ loài chim khác mà chỉ làm khổ Sáo sậu là vì Tu hú rất giống Sáo sậu, chỉ khác nhau ở tiếng hót (mà quả trứng thì không biết hót). Khi trứng nở thành chim con rồi lớn lên và biết hót thì lúc đó Sáo sậu mới biết không phải là con mình. Thế nhưng khi đó thì mọi sự đã muộn.

Tu hú có tên tiếng Anh là Asian Koel, còn tên Khoa học là *Eudynamys scolopaceus*, thuộc họ Cucu (*Cuculidae*) được tìm thấy ở Nam Á, Tàu, và Đông Nam Á. Từ “Koel” có gốc từ tiếng Hindi, còn gốc tiếng Phạn là “Kokila” (theo văn chương Phạn vào khoảng 2000 năm trước Công nguyên loài chim này được gọi là Anya-Vapa có nghĩa là “lớn nhờ người khác nuôi”). Đặc điểm của loài Tu hú là loài đẻ nhờ (không bao giờ làm tổ mà chỉ tìm các tổ chim khác để đẻ). Vì vậy chim Tu hú non được các loài chim khác nuôi dẫn đến nhiều trường hợp chim con lớn gấp nhiều lần chim cha mẹ nuôi). Khi đẻ, Tu hú chỉ đẻ một trứng duy nhất của nó trong tổ của nhiều loài chim khác nhau, kể cả tổ của các loài chim nhỏ. Thường con Tu hú trống có nhiệm vụ bay vờn quanh tổ để thu hút sự chú ý của chim chủ nhà, và cố tình dụ cho chim chủ nhà bay ra khỏi tổ đuổi mình (để bảo vệ trứng) nhằm đánh lạc hướng cho Tu hú mái có cơ hội đẻ một quả trứng của mình vào đó. Một nghiên cứu ở Việt Nam cho thấy sau khi chim chủ của tổ chim đẻ trứng đầu tiên được một ngày rưỡi thì Tu hú tìm cách đẻ trứng vào đó. Trứng Tu hú thường nở trước 2, 3 ngày so với trứng của chim chủ nhà, nhưng để bảo đảm trứng của

mình được chăm sóc, Tu hú mái ác độc thường ăn trứng hoặc làm hư hại trứng của chim chủ nhà, rồi mới đẻ trứng của mình vào. Chim Tu hú Á châu là loài ăn tạp, chúng ăn tất cả các loại côn trùng, sâu bướm, trứng, và các động vật có xương sống nhỏ, cũng như ăn cả trái cây.

Đó là nói chuyện chim. Chuyện Việt Nam cho tới bây giờ vẫn lắm điều chẳng khác gì chuyện Tu hú.

Năm 1954, Hiệp định Genève ra đời. Nhiều thanh niên trong hàng ngũ kháng chiến chống Pháp (không ngờ cuộc kháng chiến đó của họ đã bị CS lợi dụng) theo lệnh trên, đã cưới vợ vội vã, gấp rút như kiểu cưới chạy tang. Sau đó, cũng theo lệnh cấp trên, họ rời bỏ người vợ mới cưới hay người họ mới yêu để tập kết ra Bắc. Ra ngoài Bắc rồi, nhiều người lập gia đình mới nhưng lại vẫn theo lệnh đảng CS và nhà nước CS ngoài Bắc, trở về Nam chiến đấu, họ tìm và được người vợ, người yêu khi xưa tận tình giúp đỡ, che chở, nuôi giấu. Hơn thế, cái trứng “Tu hú” trước kia gửi trong bụng vợ (hay người yêu), được sự bảo bọc của xã hội miền Nam, cũng sẵn lòng làm chuyện đó. Bởi thế CS mới phát động được cái gọi là “chiến tranh nhân dân”, nhất là ở những vùng xôi đậu. Bởi thế mới có chuyện

con cái của đảng viên CS tập kết lớn lên trong miền Nam, cũng được học hành tử tế, cũng được phép phục vụ trong hàng ngũ quân cán chính miền Nam, và nhiều kẻ đã len lỏi vào tận những cơ quan, đơn vị nòng cốt của chế độ Cộng Hòa và chỉ lộ mặt sau ngày 30/4/1975! Bên cạnh đó cũng phải nhắc đến số đảng viên CS được lệnh theo chân đoàn người di cư vào Nam sau ngày Hiệp định Geneva 1954, để rồi trong 21 năm chiến tranh, cũng là những phần tử nằm vùng hoạt động cho miền Bắc.



Thế rồi ngày 30/4/1975 đến. Nhiều người dân miền Nam di tản kịp thời, được định cư ở các nước Âu Mỹ, và tiếp theo sau đó là những đợt thuyền nhân, bộ nhân lữ lượt bỏ quê hương, rời gia đình họ hàng vượt biên vượt biển đi tỵ nạn. Lại một lần nữa trong hàng ngũ tỵ nạn lại đầy rẫy những kẻ “ra đi theo chỉ thị”. Con cái những kẻ này trưởng thành, học hành, thành tài tử tế là nhờ sự che chở, giúp đỡ của các nước tự do, như thể chim Tu hú lớn lên trong tổ chim Sáo sậu và những đứa con ấy khi lớn lên, lại tiếp tục công việc của cha mẹ được đảng CS, và nhà nước CSVN giao phó là hòa trộn vào tập thể tỵ nạn, xúi giục gây mâu thuẫn, bất hòa để cái cộng đồng tỵ nạn ấy càng ngày càng suy yếu đi. Và trên hết là làm sao để nắm quyền lãnh đạo những hội đoàn, đoàn thể trong cộng đồng, dần dần lèo lái cộng đồng -và lớp trẻ con cái những người tỵ nạn chân chính rời xa lý tưởng mà cha mẹ đã phải liều mình hy sinh cố tìm ra sự sống trong cái chết của thuở ban đầu!

Công việc chống Cộng mỗi ngày một khó khăn. Đối phương ở xa chưa làm gì được mà nội bộ, đồng bào, chiến hữu từng cùng thân phận tỵ nạn đã xào xáo, chia rẽ. Mười hội thì ít ra cũng năm, sáu thể nào sau một thời gian hoạt động hăng say, đoàn kết gắn bó keo sơn cũng phân làm hai, cố dành bằng được vai trò “chân chính”, không ngại ngần thóa mạ, chụp mũ những người mới hôm trước còn là đồng chí, chiến hữu là “tay sai VC”, là “nằm vùng” Ai nói phải quấy thì chụp ngay cho cái “nón cối”. Chuyện buồn cười (và đáng cay ấy) như thế cứ liên tiếp xảy ra, hết lúc này đến lúc khác, hết nơi này tới nơi khác. Vì nếp sống tự do và nguyên tắc tôn trọng đa số của các nước định cư chỉ phù hợp với một nền sinh hoạt chính trị dân chủ kiểu Tây phương, dựa trên truyền thống phong tục đã có lâu đời; nhiều người có lòng nhưng vì tự trọng đành ngậm ngùi rút lui, từ già mọi sinh hoạt để mặc cho kẻ khác tha hồ nhảy múa.



Tình thế lại càng trở nên khó khăn hơn cho những người còn có lòng, có chí tranh đấu cho một đất nước Việt Nam tự do dân chủ không Cộng sản kể từ khi Hoa Kỳ và các nước Tây phương theo chủ nghĩa tư bản bãi bỏ cấm vận, bắt tay với chế độ cầm quyền ở Việt Nam CS để làm ăn. Giao thương ngày càng tăng dẫn theo một làn sóng “Tu hú” mới từ trong nước ào ạt đổ ra hải ngoại để “đẻ trứng” vào những chiếc tổ mà đoàn “Sáo sậu tỵ nạn” đã dày công xây đắp.

Thử nhìn ở nước Úc này thì thấy ngay! Với làn sóng du học sinh và lấy chồng lấy vợ (thật lẫn giả) ngày càng gia tăng; chuyện thực tế phải đến đã đến là thành phần người tỵ nạn thật sự trong cộng đồng người Việt định cư ở Úc càng lúc càng hao hụt đi nhiều. Điều này khiến cho cuộc chiến nhằm đạt được tự do, nhân quyền và dân chủ cho người dân tại quê nhà vẫn còn đầy khó khăn. Chế độ CSVN trong bao năm qua vẫn không bao giờ lơ là việc tấn công vào thành trì tỵ nạn hải ngoại bằng đủ mọi phương cách qua việc ban hành và nỗ lực thi hành nghị quyết 36.

Sau thời kỳ hoạt động mạnh mẽ -cả về chính trị lẫn quân sự- của những năm đầu ngay sau 1975, nhiều tổ chức đảng phái của người Việt tại hải ngoại đã đóng góp khá nhiều vào cuộc đấu tranh chung. Nhưng đáng tiếc trong khoảng gần 2 thập niên trở lại tới nay, rõ ràng tình hình đã diễn biến theo chiều hướng bất lợi hơn cho khối người Việt tỵ nạn ở hải ngoại. Trong thời gian đó, một bên là lớp người tỵ nạn ban đầu (thế hệ thứ nhất) ngày càng già yếu, hao hụt dần, lý tưởng “chống Cộng” mỗi ngày mỗi bớt đi mà chiến thuật “đẻ nhờ” của Tu hú vẫn được CSVN tận tình khai thác. Họ đem “trứng CS” gieo khắp nơi, bất cứ lúc nào thuận tiện ở bất cứ nơi đâu có người Việt định cư. Ba mươi năm qua, nhất là từ khi phải mở cửa từ năm 1990 đến nay, việc du lịch, du học, hay lập gia đình giữa trai hải ngoại, gái trong nước (hay ngược lại) đã thành chuyện bình thường. Nhưng

có ai dám nói chắc rằng: Trong những cuộc hôn nhân ấy không có trường hợp CSVN dùng để tiếp tục gửi người ra ngoại quốc? Gửi “cái trứng” ra ngoài, cái trứng đó được người Việt ở hải ngoại chăm sóc; hay nói cho đúng hơn là “cái trứng” đó được xã hội các nước khác nuôi nấng bảo bọc; với việc gửi trứng đó, CSVN có thiệt thòi gì? Khi trứng phát triển, trưởng thành bắt đầu làm việc, để cung phụng lại nơi được coi là nguồn gốc, nơi đã gửi chúng ra ngoại quốc, đó là điều Hà Nội không trông mong gì khác hơn.

Chưa kể, khi nhà cầm quyền CSVN trước bờ vực sụp đổ vì kinh tế kiệt quệ, phải chọn con đường “mở cửa kinh tế” để vừa cứu vãn chế độ, vừa thu hút được lòng hám lợi của tư bản ngoại quốc và đặc biệt, không ít bọn “ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản”, bọn chỉ vì đồng tiền sẵn sàng quay lưng 180 độ, phủ nhận ngay chính những gì chúng từng mạnh miệng khi vừa định cư để trở về ôm chân những Lãnh tụ CS, những kẻ mà mới hôm trước chúng còn dả đảo! Người Việt tỵ nạn ở Úc trong hai thập niên qua đã lần lượt chứng kiến tận mắt, nghe tận tai những vụ “trở cờ, đón gió” ấy. Và đáng buồn thay, những khuôn mặt phản bội ấy đa số là những kẻ từng cũng có thời là quân nhân, là công chức VNCH, từng cũng có thời là Chủ tịch Cộng đồng, Chủ tịch Cựu quân nhân... Vậy mà lần lượt “cóc chết ba năm quay đầu...” hết lời ca tụng “đất nước đổi mới, đời sống kinh tế phát triển”, liếm sạch những thứ mà chúng trước đó đã nhổ!

* * *

Cũng vẫn chuyện “Tu hú đẻ nhờ để rồi chiếm cả tổ Sáo sậu” trong cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Úc càng lúc càng có nhiều điều xác nhận rằng: “Công sức xây dựng cộng đồng đến mức phát triển như ngày nay” đang dần dà có nguy cơ về tay CS. Bao năm nay chúng ta nói nhiều đến chuyện CSVN ra sức xâm nhập vào cộng đồng về mọi mặt. Nếu chịu khó nhìn kỹ một chút thì không khó gì để không thấy. Trong mọi lĩnh vực, từ truyền thông, văn hóa đến xã hội, giáo dục; sau gần 40 năm định cư cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Úc đã xây dựng được rất nhiều cơ sở và dần dà phát triển càng ngày càng lớn mạnh. Thế nhưng có bao giờ chúng ta bần

khảo rằng “những cơ sở ấy tương lai sẽ do ai quản trị, ai điều hành và đường lối hoạt động có còn giữ nguyên vẹn như ban đầu là phục vụ, đáp ứng nhu cầu của người Việt tỵ nạn và tiếp tục công cuộc tranh đấu cho một nước Việt Nam thật sự dân chủ, tự do, cho người dân được hưởng mọi quyền làm người?”

Những cơ quan truyền thông Việt ngữ - cả của tư nhân lẫn của chính phủ lập ra để phục vụ cộng đồng Việt tỵ nạn - đã có bao nhiêu bộ mặt mới? Bao nhiêu gia đình chỉ vì thích nghe tiếng Việt, đã mở cửa cho các chương trình truyền hình của nhà nước CSVN tiếp vận qua vệ tinh xâm nhập vào nhà 24 trên 24 giờ mỗi ngày? Bao nhiêu lớp học Việt ngữ dạy cho trẻ con tại Úc bằng giáo trình do Bộ Giáo dục CSVN soạn thảo? Những đoàn thể xã hội đã có thêm bao nhiêu thành viên mới, không ít người là những kẻ đến Úc theo diện di dân - đoàn tụ gia đình hay doanh nhân, và trong số đó bao kẻ là cán bộ, viên chức nhà nước CSVN tìm đủ mọi cách tẩu tán tài sản làm ăn bất chính? Biết bao nhiêu tu sĩ “quốc doanh” chễm chệ trong các cơ sở tôn giáo mà người tỵ nạn đã chất bóp công sức bao năm xây dựng? Bao nhiêu kẻ - đã và sẽ - là người hưởng thụ những dịch vụ chăm sóc phụ nữ, người già - do chính phủ tài trợ, giúp đỡ cho các Hội đoàn đoàn thể trong cộng đồng lập ra, với sự đóng góp của biết bao nhiêu người hằng tâm hằng sản vô danh? Như thế nếu không gọi là “Tu hú xâm lăng chiếm tổ Sáo sậu” thì gọi là gì?

Nhưng quan trọng hơn, có ai nghĩ đến thế hệ tương lai con cháu chúng ta lớn lên chúng lâm cảnh “trông gà hóa cuốc”, kẻ thật tưởng người gian... và ngược lại, trông kẻ gian mà cứ ngỡ là người ngay thẳng để rồi như “Cô bé quàng khăn đỏ” bị chó sói ăn thịt mà vẫn cứ tưởng là mình được người bà kính mến yêu thương? Đến khi đó thì cuộc chiến giữa cái thiện và cái ác đã sang trang. Và khi đó thì thế hệ thứ nhất này chắc chắn không thể nào ngậm cười nơi chín suối được.

Vu Thanh Thai

48 NĂM NHÌN LẠI

Nguyễn Như Thành

CTNCT Khu Hội Canada

Đã 48 năm trôi qua... nhìn lại những ngày tháng cũ:

- 17/3/1975 VNCH mất Kon Tum & Pleiku
 - 19/3/1975 Quảng Trị bị giặc chiếm
 - 23/3/1975 Quảng Ngãi mất
 - 26/3/1975 Huế rơi vào tay giặc
 - 1/4/1975 Tuy Hòa - Nha Trang không còn nữa
 - 10/4/1975 ở Xuân Lộc Lữ Đoàn 2 Dù & Sư Đoàn 18 chặn được VC
 - 16/4/1975 mất Phan Rang
 - 21/4/1975 Xuân Lộc thất thủ
 - 28/4/1975 Phi trường Tân Sơn Nhất bị pháo kích
 - 30/4/1975 Tổng Thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng lúc 10h45 trong tủ nhục...
- Từ đó đã 48 năm với bao bi kịch:
- Hơn 1 triệu tù nhân cải tạo, với hơn 200 ngàn tù nhân bị bức tử với nhiều lý do...
 - Thảm trạng thuyền nhân với gần 500 ngàn người đã chết trên đường tìm Tự Do với nhiều lý do
 - Cải Tạo Công Thương nghiệp chỉ là hình thức cướp của bần cùng hóa nhân dân miền Nam cho nghèo như miền Bắc.....
 - Đất nước miền Nam đã nghèo đi... không còn là Hòn Ngọc Viễn Đông.
- BS Trần Mộng Lâm đã viết: 100 năm sau sẽ có người hỏi tại sao người Việt ra đi nhiều như vậy, trong những năm cuối thế kỷ 21?
- Và 100 năm sau sẽ có những người gốc

Việt muốn biết vì sao tổ tiên của họ đã đổ máu và nước mắt đón đầu đến mức nào chỉ vì 2 chữ Tự Do?

- Sử gia Trần Gia Phụng cũng viết: Đây là cuộc bỏ phiếu vĩ đại chống lại chế độ Cộng Sản bằng chính mạng sống của mình cũng vì muốn có quyền làm Người!

Cuộc chiến bức tử Miền Nam VNCH... bị lụy LỊCH SỬ CHIẾN TRANH VN:

Chúng ta hãy thắp một nén hương lòng cho QLVNCH, các Chiến Sĩ vô danh đã đi vào lịch Sử vì đã hy sinh đời mình cho Tổ Quốc và Lý Tưởng Tự Do.

Nhà Văn gốc Bình Chủng Nhảy Dù Phan Nhật Nam đã viết:

Trận chiến mất Nước 52 ngày của VNCH được khởi đầu bằng cuộc rút quân Tại Cao Nguyên và Huế thật hỗn loạn... Các vị Tướng Tá mặt trận trong ngày 30/4/1975 đã chọn cái chết sau lệnh đầu hàng của Tướng Dương Văn Minh là quyết định anh hùng, đáng kính: Tướng Phạm Văn Phú, Tướng Nguyễn Khoa Nam, Tướng Lê Văn Hưng, Tướng Trần Văn Hai, Tướng Lê Nguyên Vỹ, Đại tá Nguyễn Hữu Thông, Trung tá Cảnh Sát Quốc Gia Nguyễn Văn Long...

Chúng ta phải ngả đầu ngưỡng phục và dành ngôi vị anh hùng cho những Người Lính, những Cán Bộ cấp nhỏ trong Chính Quyền và những Sĩ Quan từ cấp Trung Đoàn Trưởng, Lữ Đoàn Trưởng trở xuống...

Nhân cuộc Chiến đấu Bi Hùng ca của Quân Dân Ukraina...

Trông Người mà nghĩ đến Ta:

Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu & Đại Tướng Trần Thiện Khiêm đã bằng lòng đề nhân viên Toà Đại Sư Mỹ lo chuyện di tản... mặc dù trong ngày từ chức Tổng Thống đã nói: Tôi từ chức Tổng Thống nhưng Quân Lực VNCH còn Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu..." Ông mang xuống tuyến đài câu nói này! Ông hành động:

Khác với Thủ Tướng của Cao Miên Sirik Matat. Ông này nói: "Tôi ở và Chết ở đây. Chỉ trách chúng tôi đã quá tin người Mỹ..."

Khác với Tổng Thống Ukraina Volodymyr Zelensky khi ông được người Mỹ đề nghị cho di tản; ông nói: "I need more ammunition, I don't need a ride" (Tôi cần thêm đạn, tôi không cần phương tiện để chạy).

Phải chi nếu Tổng Tham Mưu Trưởng là các Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, Đại Tướng Đỗ Cao Trí, Thiếu Tướng Nguyễn Văn Hiếu....thì cuộc chiến Việt Nam có thể khác chăng?

Tôi tin rằng: nếu biết kết cuộc Chiến Tranh VNCH

Là 48 năm dài tù nhục

Là những năm tháng dài thảm hại trong các trại tù cải tạo ...

Là bỏ xác trên đường vượt biên, vượt biển

...

Là một kết cục bán nước của tập đoàn tư bản đồ Mafia Cộng Sản VN

Là một chế độ độc tài Đảng trị Hèn với Giặc, Ác với Dân.....

Là lao động bị bóc lột, bán mồ hôi của công nhân Việt...

Là Người con gái VN phải bán thân....

Thì chắc chắn Quân Dân VNCH sẽ chiến đấu đến cùng cho dù phải tan hoang, phải đồ nát như Ukraina. Chúng ta vẫn còn canh bạc cuối: từ thủ vùng 4 khi Quân Dân sát cánh một lòng... với các dũng tướng của Quân Đoàn 4 Quân Khu 4.

...Chỉ vì chúng ta bị nằm vùng và phong trào của các Thành phần Thứ 3, Các chính khách, Trí thức Sa lông, Tôn Giáo Ru ngũ không có lập trường rõ ràng...

Chúng ta khác với Ukraina, vì họ đã có kinh nghiệm với hơn 4 triệu người đã chết vì nạn đói do Cộng Sản Xô Viết thời Stalin gây ra.



Tay Em Ôm Súng Mà Mắt Em Thật Buồn

*Tay em ôm súng mà mắt em thật buồn
Không hận thù nhưng em phải ra trận
Viên đạn bay ra khỏi nòng em không thật
nhắm vào ai,
Những anh lính Nga chúng ta đã từng là bạn
Sao lại xâm lăng tàn phá quê em?
Chẳng dặng đưng em phải siết tay vào cò súng
Đạn trúng tim anh em buồn não ruột
Tình thật trong lòng em có muốn thế đâu
Chiến tranh nào phải để cho nhau
Và em tin cả anh cũng đâu muốn thế
Trời đang xanh, tuyết tan và hoa hương
dương sắp mọc
Sao chúng ta lại hướng mũi súng vào nhau
Viên đạn bay ra lòng em quặn thắt
Em nào đâu có muốn bắn nhau*

LUY DANG

Lại một mùa Quốc Hận với Quân Cán

Chính và Người dân VNCH nói riêng và cả nước VN đang sống không có quyền làm Người, thiếu Tự Do với đảng CSVN độc tài đảng trị, Hèn với Giặc, Ác với Dân:

*Tôi viễn xứ... người biển sâu
Chung hồn lưu lạc, chung sầu quê hương
Người trên sóng nước trùng dương
Tôi khung cửa hẹp, gió sương bốn mùa
Bóc tờ lịch lại Tháng Tư
Dem tình sông núi làm Thơ khóc người
Người vùi xương trắng biển khơi
Còn Tôi sống kiếp dân Hời vì Ai
(trích thơ Ngô Minh Hằng)
* * **

48 lại về, ray rứt lòng Quân Cán Chính và Người Dân VNCH.

Viết cho Tôi, viết cho những Ai còn nghĩ đến tiền đồ Dân Việt...

Nghĩ đến 4000 năm Cha Ông gìn giữ bờ cõi, nòi giống Tiên Rồng

Vẫn mơ thành Người Quang Trung, Hai Bà Trưng, Triệu Ẩu, Trần Hưng Đạo, Ngô Quyền, Lê Lợi... sử sách còn ghi...

*Độc lập, Tự Do chỉ là Bánh vẽ
Hạnh phúc Quê Hương sao thấy khô hài
Em đừng về, ngõ cũ chẳng thân quen
Cả nước đang tù, quê hương đói khổ
Hãy đốt lên đi ngọn lửa xuống đường
Mưa buồn, bụi đỏ vào mùa tranh đấu
Chút nào ấm nóng quê hương giữ lửa
Hét vang xa rung chuyển thế gian này
Tha phương đất khách, thương trời cũ
Quốc hận muôn đời, giấc Nam Kha
Sài Gòn chợt nắng, chợt mưa
Bốn mươi bảy năm, Trời Buồn ray rứt...*



**Tổng thống
Volodimir Zelensky**

**TINH
THẦN
UKRAINA
BẤT
DIỆT**

Khoảng xế trưa một ngày giữa năm 1974, tôi tới tiền trạm của tiểu đoàn tại Lai Khê, Trung Úy Long ban 4, chỉ huy tiền trạm của tiểu đoàn ra chào tôi, rồi nói với tôi là chờ chú báo cho chồng tôi, đơn vị đang ở phía bắc của Lai Khê, chú sẽ đưa tôi lên chỗ nhà tôi, lúc đó mấy chú ở tiền trạm cũng đang quây quần ăn cơm trưa.

Bỗng từ đâu xa lấm có mấy tiếng ục ục..., chú Long kéo tay tôi, miệng la thật to: pháo kích... pháo kích... vài tiếng la pháo kích tiếp theo.

Chú Long nhào xuống cái hố gần nhất, tôi cũng cuống quýt, và theo đà nhào xuống theo, những tiếng nổ âm âm rung rinh mặt đất, những miếng đạn trái pháo rơi rào rào trên mái nhà, lá cây cao su vung vãi đầy sân, ngó lên một cây cao su chỉ cách chúng tôi khoảng 10 thước, cành cây xơ xác, thân cây bị chẻ đôi một khúc, tiếp theo có những tiếng đạn rít trong không khí, nổ đâu đó ngoài rừng.

Xong đợt pháo kích, chú Long mới hoảng hồn, thấy lưng chú có vết máu, chú sờ khắp người, không thấy gì, thì ra là 2 đầu guốc cao gót của tôi đã in vào 2 vai của chú Long. rồi khỏi hầm chú la trời:

Trời ơi chị đã gắn lon trung úy vĩnh viễn cho em.

Tôi thấy mấy chú ngồi trong nhà vẫn cứ ngồi ăn cơm tỉnh bơ như chẳng có chuyện gì xảy ra, tôi hỏi mấy chú sao không chạy xuống hầm, mấy chú cười cười trả lời tôi:

Chị ơi, đạn nó tránh người, chứ người đâu

có tránh được đạn.

Chú Long ôm vai xít xoa vì đầu guốc trên vai chú, biện hộ cho mấy chú kia: chị coi kìa xung quanh tụi nó bao gạo chất đầy, chỉ trái hỏa tiễn nào lạc loài rơi trúng đầu chúng nó thì

đạn nó mới không tránh người; Và các chú cũng cho tôi biết ở nơi chồng tôi cũng đang bị

MỘT CHIỀU LAI KHÊ

Bích Lan

pháo kích, mấy chú dẫn tôi vào trong nhà có những bao gạo chất xung quanh, nhìn ra ngoài trời đúng là cảnh chiến trường, cây lá xác xơ, cành, lá cây rơi rớt ngổn ngang khắp nơi, đó chỉ là trong khoảnh khắc thế mà quê hương tôi đã bao năm chiến tranh.

Tôi cũng đã từng đi qua nơi vừa xảy ra đụng độ, trên Quốc Lộ 22 đường đi Đà Lạt, giữa Túc Trưng và cầu La Ngà, vài chiếc xe tải chở rau từ Đà Lạt về Sài Gòn, rau quả vương vãi đầy đường, có chiếc xe nằm nghiêng vệ đường còn đang nghi ngút khói, trong bìa rừng những người lính còn đang lùng sục từng bụi cây, từng gò đất, nhưng đó là lúc trận chiến đã tàn, xe cộ mới được đi lại, còn lần này đạn pháo nổ ngay bên cạnh, ngay trên đầu, thì tôi đã cảm nhận được cái tiếng gầm thét của tử thần như thế nào, và sức chịu đựng của người lính chiến thật phi thường, họ đã đối diện với nguy hiểm từng giờ, hàng ngày, hàng đêm, ngày này sang ngày khác, hàng tháng, hàng năm, năm này tiếp năm tới, cả cuộc đời trai trẻ của các anh, ở khắp mọi nơi trên quê hương tôi.

Tôi cũng đã có lần ôm con vẫy chào đoàn

quân lên xe ra đi, những cánh tay xạm nắng, và những tiếng cười nói trên xe hẹn trở về, nhưng vài giờ sau thì trong máy truyền tin nghe vang lên những tiếng nổ, và tiếp theo sau là sự im lặng đáng sợ, đã mất liên lạc. chúng tôi ôm con bàng hoàng, chúng tôi hỏi dồn những câu hỏi vô nghĩa, bao nhiêu ý nghĩ quay cuồng, một chú lính tay trái còn băng bột, cánh tay treo lơ lửng trước ngực, tay phải cầm cái radio nhỏ đang hát tới câu: anh trở về trên đôi nạng gỗ... đi ngang phòng truyền tin hậu cứ, nghe câu này nước mắt tôi trào ra, tôi ôm con siết chặt vào lòng. Sau cũng liên lạc trở lại được, nhưng cũng có những mất mát, sau những hồi hộp lo âu như vậy chúng tôi là những người vợ lính chiến lại sống với cái hạnh phúc khi chồng bình yên trở về, như mọi chuyện đã đi qua, cố ôm chặt lấy cái hạnh phúc đang có; nhưng lần này đạn pháo đã nổ trên đầu, tôi đã cùng đứng với các anh, các anh vẫn cười vui sau phút giây réo gọi của tử thần.



Chờ cho tiếng pháo yên, chú Long dùng xe dodge đưa tôi lên chỗ chồng tôi, tới đơn vị của chồng tôi, mấy chú cũng cho biết mấy trái nỏ ở ngoài rừng hay rải rác đâu đó. Chồng tôi lúc đó cũng không có mặt tại tiểu đoàn, anh đang ở ngoài một đại đội, các chú dẫn tôi xuống một cái hầm cho an toàn.

Khi nghe tiếng xe thì tôi biết là chồng tôi đã về tới, tôi vui mừng ra khỏi hầm, tính kể

cho anh là đã may mắn vừa thoát chết, nhưng mừng quá tôi quên hết. Chú tài xế theo sau chồng tôi cảm một cái gì trông kỳ cục lắm, màu trắng, te tua như cái loa kèn, chú đặt vật đó lên cái bàn bằng gỗ thông, rồi nói:

Giữa đường từ đại đội ở ngoài về, trông thấy cái đuôi hoả tiễn nỏ lúc này, ông bảo em ngừng xe lại, ông nhẩy xuống, ông bê cái đuôi đạn này nói là có cô lên nên mang về tặng cô.

Trời! cái đồ quý quái này nó có quý hoá gì, hàng ngàn, hàng vạn trái nó đã tàn phá xóm làng yên tĩnh miền Nam, nó cũng vừa mới nổ ầm ầm ngay gần tôi, nó rít gió, doạ nạt tôi, nó có quý hoá gì đâu.

Buổi chiều thật yên tĩnh, nắng chiều êm dịu, con đường quốc lộ quanh co, giốc thoải về phía xa xa, tôi thầm nghĩ nếu như không có chiến tranh mình được chồng nắm tay dẫn đi trên những con đường thơ mộng ấy thì thật là hạnh phúc biết bao, nhưng đó chỉ là ước mơ cũng như bao ước mơ của những người vợ lính.

Mọi sinh hoạt bình thường trở lại với một đơn vị tuyến đầu ở phía bắc căn cứ Lai Khê, khoảng 5 giờ chiều các chú nhà bếp dọn cơm cho các sĩ quan tiểu đoàn ăn cơm chiều, đang ngồi ăn, bỗng ngoài xa có tiếng nổ ầm khá to, tôi liên tưởng tới trận pháo kích lúc trưa, tôi cuống quýt ôm chầm lấy ông xã, tôi nhìn mọi người, trên nét mặt các sĩ quan như ai ai cũng như đang cười tôi,

Một chú nói: lại có thịt ăn rồi, Chồng tôi gỡ tay tôi ra, rồi cười cười nói: xuống hầm thì chạy lẹ lẹ chứ ôm anh không cho anh chạy thì tính chết chung à.

Tôi cãi lại: sao anh không dẫn em chạy xuống hầm?

Và hỏi tiếp: mấy anh không xuống hầm, mà còn nói có thịt ăn?

Chồng tôi không nói gì chỉ cười, một sĩ quan giải thích: tiếng nổ này không phải là tiếng pháo kích vì tiếng nổ như vỡ âm tại chỗ nên chúng tôi không thấy nguy hiểm, cậu ta còn đề nghị ông xã tôi để tôi ở lại đơn vị mấy hôm để nghe quen những tiếng pháo kích, cậu ta còn nhấn mạnh nhất là chúng em còn được ăn ngon hơn thường ngày vì có tôi..

Tiếng nổ cũng làm cho sinh hoạt của đơn vị rộn ràng, tất bật, hầm truyền tin bên dưới ồn ào, ngoài báo về như có hai cái vật đen bất động, nó đưa lên trời như hai cây súng, 1môt ông sĩ quan vội chạy khỏi bàn ăn để chuẩn bị súng cối gì đó, một ông chạy lên chạy xuống hầm truyền tin, rồi mấy ông chụm nhau vào tâm bản đồ.

Đây là chuyện quân sự, chuyện nhà binh của mấy ông, tôi chỉ biết im lặng. Tất cả chỉ ồn ào khoảng nửa giờ rồi lại yên tĩnh. gần một giờ sau chú lính ôm con công vừa vướng mình mang tặng tiểu đoàn, và các sĩ quan lại được bữa cháo công buổi tối.

Tô cháu công cũng đầy đủ hành, tiêu, tỏi, ớt, chú nhà bếp biết nêm nếm ngọt, mặn, cay nhưng có chút gì đắng đắng trong tôi, còn các ông có thêm vị nồng của mấy lon bia là quên đi hay đã quen với những tiếng hú của đạn pháo ầm ầm thường xuyên trong đời người lính.

Trong chiến tranh, chim trời cũng phải chịu cảnh tang thương, đôi chim công ấy cũng có tổ, những con chim non đang chờ chim mẹ mang mỗi về tổ; hai đứa con tôi cũng đang ở với Bà Ngoại, lúc trưa nay, một mảnh đạn vô tình nếu như tôi bị vào hoàn cảnh như đôi chim kia thì con tôi sẽ sao đây? chim thì trời sinh, trời dưỡng! Những con chim non nốt đêm nay mất cha, mất mẹ phải chịu cảnh trời

sinh trời dưỡng, hay là mặc cho dòng đời đưa đẩy.

Khi tiếp tục ăn cháo các chú còn nói với tôi là nếu tôi lên đơn vị tuần trước thì sẽ được thưởng thức món bê thui, mà con bò và con bê đang gặm cỏ bên bờ suối gần đây, 2 mẹ con bò, bê đã bị pháo kích chết tuần trước, nhà bếp mua rẻ được cái đùi bê, mấy ông lai rai cả tuần; các chú còn khoe có cả thịt heo rừng nướng vì nữa ...

Đó, muông thú trong rừng cũng cùng cảnh tang thương. Các anh kể rằng những dòng suối, hố bom ở trong rừng sâu, khi mức nước lên nấu cơm, rửa ráy, nhiều khi có những bộ xương của thú rừng, và lẫn cả xương người. Những bộ xương người, những nắm xương tàn cu của những ai, xương tàn của những người sinh Bắc tử Nam, ai đã vào đây gây cảnh chiến tranh này để khi nằm xuống tro lạnh nơi chốn rừng hoang!

Đêm xuống thật yên tĩnh, mọi người trở về hầm của mình, các sĩ quan chúc tôi bình an.

Đêm trôi đi được đánh dấu bằng những tiếng lách tách lên đạn của những chú lính đổi gác tại hầm truyền tin, và lời nói của các chú trực máy trả lời nhau hay trả lời một ông sĩ quan:

- Có chuyện gì không?
- Tình hình vừa qua?
- Vô sự.

Tình hình vừa qua vô sự, cầu xin đêm nay được như những phút giây vừa qua đều vô sự.

Tiếng hát của chương trình Dạ Lan: giặc từ Bắc vô đây... Thật vậy, giặc từ Bắc vô đây, quê hương tôi mới chịu cảnh điêu tàn, mới có súng nổ đạn rơi.

THÁI BÁ TÂN

Học giả Thái Bá Tân, một trí thức của Miền Bắc, hiện đang sống tại Hà Nội: nhà văn Đỗ Trường viết lời giới thiệu. (Thien Ho)

THÁI BÁ TÂN, KHÔNG THỂ SỐNG TRONG IM LẶNG...

Có thể nói, kể từ ngày lập quốc, chưa có chế độ xã hội nào thối nát, con người vô cảm như hiện nay. Sự vô cảm ấy, làm con người trở nên yếu đuối, và đê hèn. Cả ngàn người viết, hàng vạn người mang danh học hành, bằng cấp, nhưng khó tìm ra một nhà văn, một trí thức đích thực.

Vâng! Một đất nước có hồn khí như vậy, chắc chắn đang bước tới hố sâu, và ngõ cụt. Từ đó có thể thấy, thịnh suy dẫn đến sự đổ nát, suy tàn của một triều đại là điều khó tránh khỏi. Đó cũng là qui luật tất yếu của lịch sử. Bởi, cái cũ chắc chắn sẽ được thay bằng cái mới phù hợp với sự phát triển văn hóa, khoa học cũng như khát vọng của con người. Tuy nhiên, để làm được điều đó, cần phải có nhiều yếu tố. Thơ văn và nhận thức tư tưởng thi sĩ nói riêng và của con người nói chung là một trong những ngòi dẫn, yếu tố quan trọng.

Và trong cái gập gù, u mê ấy, nếu được phép chọn ra những nhà văn, thi sĩ ở trong nước gạt bỏ được tạp niệm, bùa chú đó, với tôi, người đầu tiên phải là Thái Bá Tân, Nguyễn Quang Lập, Bành Thanh Bần...

* Từ trách nhiệm công dân đến chuyển biến tư tưởng.



Nói đến Thái Bá Tân, có lẽ rất nhiều người biết, ông là một nghệ sĩ đa tài. Ngoài tài năng văn thơ, đàn ca sáo nhị, ông còn là dịch giả, một người thầy đầy lòng nhân ái.

Thái Bá Tân sinh năm 1949 tại Diễn Châu, Nghệ An, trong một gia đình truyền thống khoa bảng. Ông tốt nghiệp trường Đại học ngoại ngữ Moskau, rồi về giảng dạy tại trường Đại học sư phạm ngoại ngữ Hà Nội, và Ủy viên đối ngoại của Hội nhà văn VN sau này. Có thể nói, ông là một trí thức, con cung của chế độ CS, được đào cơ bản từ trong cho đến ngoài nước, hiện đang sống và làm việc tại Hà Nội.

Khởi đầu Thái Bá Tân đến với văn chương bằng dịch thuật, rồi truyện ngắn và thơ lục ngôn, bát ngôn... Tuy nhiên, những năm gần đây, ông được mọi người biết đến và yêu mến nhiều hơn với mảng thơ thể sự, xã hội theo thể ngũ ngôn. Thơ thời sự là mảng thơ khó nhằn, khó viết, cho nên rất ít người dám đi đến tận cùng. Bởi, ngoài tài năng, nó cần sự dũng khí, cũng như mát mát, hy sinh không chỉ riêng bản thân người viết, mà cho cả gia đình, dòng họ.

Khi đọc và nghiên cứu Thái Bá Tân, tôi thực sự khâm phục sự lòng dũng cảm, can trường của ông. Thơ ông gắn liền với thân phận

đất nước và con người, cũng như phơi bày sự thối nát của chế độ xã hội đương thời. Để có những vần thơ, trang viết này, tôi nghĩ, ngoài tình yêu đất nước, lẽ phải, công bằng, Thái Bá Tân còn được đi nhiều, và hầu hết khắp các châu lục, nhất là các nước tự do dân chủ. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức, tư tưởng của ông. Ta có thể thấy, sự chuyển biến nhận thức, tư tưởng của ông thật rõ ràng về chân tướng cũng như sự lưu manh hóa của chủ nghĩa CS qua bài thơ Cộng Sản:



Boris Nikolayevich Yeltsin (Russian: Борис Николаевич Ельцин)

1 February 1931 – 23 April 2007

“...Elsin, ai cũng biết,
 Trùm cộng sản Nga Xô:
 Cộng sản không thể sửa,
 Mà phải chôn xuống mồ.
 Rồi ông Gorbachev:
 Tôi bỏ nửa đời người
 Theo lý tưởng cộng sản,
 Tưởng nó đẹp nhất đời.
 Thế mà giờ chua xót,
 Phải tuyên bố điều này:
 Cộng sản chỉ dối trá,
 Luôn dối trá xưa nay.
 Tiếp đến, một trùm nữa,
 Ông Putin, người hùng:
 Ngu mới tin cộng sản.
 Theo cộng sản là khùng.

*Từng sống với cộng sản,
 Bà Merkel ngày nay
 Là thủ tướng nước Đức
 Thì phát biểu thế này:*

*Cộng sản thật đáng sợ,
 Làm tha hóa con người,
 Biến họ thành dối trá,
 Thờ ơ và lười đời.*

*Một người rất đáng kính,
 Đức Dalai Lạt Ma
 Của nước xưa Tây Tạng
 Thì nói với chúng ta:*

*Cộng sản là cỏ dại
 Trên đồ nát chiến tranh.
 Nó là loài trùng độc
 Trên rác đời hôi tanh...”*

Đọc nhiều, đi nhiều đã cho Thái Bá Tân sự hiểu biết, để có thời gian nhìn lại mình, và nhận ra giá trị thật sự của đất nước, con người dưới chế độ cộng sản, mà bấy lâu nay từng được tô hồng, che đậy. Qua bài Tự Bạch, ta không chỉ thấy được sự thật nhục nhã ấy, mà còn thấy được tính khăng khái, lòng dũng cảm của ông:

*“...Chứ nói chung là nhục.
 Nhục phải làm thẳng dân
 Một nước giỏi nói phét,
 Lãnh đạo thì ngu dân.
 Riêng hai chữ “cộng sản”
 Đã đủ nói phần nào.
 Làm thẳng dân cộng sản
 Có gì mà tự hào?
 Mà tự hào sao được
 Khi mấy triệu dân ta
 Vượt biên, thà chết biển*

*Hon phải chết ở nhà!
 Tự hào là yêu nước.
 Yêu nước phải biểu tình.
 Mà biểu tình nó oánh.
 Quân ta oánh quân mình.”*

Nếu không có nhận thức và biến chuyển tư tưởng, thì có lẽ, thơ Thái Bá Tân không thể có cái đau cùng nỗi đau của dân tộc và đồng loại. Khóc là một bài thơ như vậy. Ngoài sự phơi bày tội ác đày đọa, giết người hàng loạt, một cách dã man của chủ nghĩa CS, nó còn cho người đọc thấy được diễn biến tâm lý của nhà thơ: “*Vứt mẹ cái khẩu hiệu / Còn đảng là còn mình./ Thế mai kia đảng chết / Không lẽ mày quyên sinh?*” Và từ diễn biến nội tâm ấy, đã đẩy tâm trạng từ ngạc nhiên lên đến sự phẫn uất căm hờn. Có thể nói, nhận thức tư tưởng của nhà thơ đi từ thấp đến cao, và nó đã hoàn toàn tháo bỏ được chiếc ách cộng sản quàng chặt trên mình từ bấy nay:

*“Mười mấy năm về trước
 Tôi đọc cuốn “Sách Đen
 Về chủ nghĩa cộng sản”,
 Rồi ngồi thừ, ngạc nhiên.
 Sách đen nhưng giấy trắng,
 Nói về chủ nghĩa này,
 Về số triệu người chết,
 Và người bị đọa đày.
 Khi đọc đến con số
 Người Việt Nam, than ôi,
 Đã phải chết vì nó,
 Tôi khóc cho nước tôi.
 Con số là nhiều triệu,
 Nhiều triệu những mạng người.
 Rất có thể, ai biết,
 Thêm người nữa là tôi.*

*Gần mười năm sau đó,
 Tôi đến Washington,
 Và rồi tôi lại khóc,
 Khi phẫn uất, căm hờn
 Tôi đứng bên bức tượng
 Nạn nhân chủ nghĩa này.
 Một trăm triệu người chết.
 Một trăm triệu xưa nay...”*

(Khóc)

Tuy nhiên, cũng cần phải nói thêm, Thái Bá Tân hay Bành Thanh Bần, Nguyễn Quang Lập... họ chỉ là những nhà thơ, nhà văn bình thường, và làm đúng nghĩa vụ công dân. Họ viết và nói lên những sự thật đang diễn ra hàng ngày, khi hàng ngàn nhà văn, trí thức khác lặng im, ngậm miệng ăn tiền. Chúng ta (người đọc) không nên nghĩ, ghép họ với những nhà dân chủ, hay phản kháng xô toẹt Mác, ly khai cộng sản như các nhà văn: Võ Thị Hảo, Dương Thu Hương, Phạm Thành... để rồi đến lúc thất vọng, buông ra những lời nói, từ ngữ xúc phạm không đáng có, như thời gian vừa qua.

Có điều kỳ lạ, nhiều người không biết sống ở trong nước hay nước ngoài, tên đều hay tên thật, luôn lớn tiếng cho tự do dân chủ. Thế nhưng chỉ cần một ý kiến, một bài viết khác ý, họ sẵn sàng mạt sát bằng những từ ngữ chợ búa. Tôi không rành về chính trị, nhưng thiết nghĩ, chính quyền rơi vào tay những người này, có lẽ họ còn sát máu hơn cả CS Mao- polpot.

Và với tôi, chỉ cần một nửa nhà văn VN, viết và có tư tưởng nhận thức như thi sĩ Thái Bá Tân, Nguyễn Quang Lập, Bành Thanh Bần... thì đất nước, con người có lẽ đã khác đi rất nhiều. **Sự thối nát, độc quyền tư tưởng, độc quyền chân lý, độc quyền lãnh đạo của Đảng CS sẽ bị phơi bày.** Nó góp phần không nhỏ cho sự nghiệp dân chủ hóa đất nước.

Vâng! Đang sống dưới chế độ CS, làm được như vậy, đã là điều đáng kính, đáng khâm phục lắm rồi. Điều đó, không phải ai cũng làm được.

*** Nghệ thuật sử dụng con chữ trong ngữ ngôn thơ.**

Có thể nói, tôi đã đọc Thái Bá Tân khá nhiều. Thơ cũng như văn của ông từ ngữ mộc mạc, dễ hiểu. Truyện ngắn gây cho tôi nhiều ấn tượng, bởi nó gần với đạo giáo, cùng với lòng nhân đạo cao cả. Đôi khi nó chỉ là những câu chuyện vặt hàng ngày, nhưng mang thông điệp lớn, buộc người đọc phải suy nghĩ. Với tôi, Chuyện Làng Và Người Làng là một trong những truyện ngắn hay nhất của ông, và cũng là truyện ngắn hay của văn học Việt, trong thời gian gần đây. Có điều lạ, dường như Thái Bá Tân ít quan tâm đến đặt tên (tựa đề) cho truyện của mình. Chuyện Làng Và Người Làng là một ví dụ. Tuy chuyện kể về làng và người làng, nhưng hòn cốt là quá trình diễn biến nội tâm dẫn đến sự sám hối (tội lỗi) của một con người, hay của cả thế hệ... Do vậy, với cái tựa đề sơ sài trên, khó có thể là cái hom, cái giỏ chứa đựng hết hàm ý nội dung, ý đồ chuyển tải của tác giả.

Và những năm gần đây tôi được đọc, biết đến thơ thể sự, xã hội của Thái Bá Tân, viết dưới thể ngữ ngôn. Phải nói, nó đã gây cho tôi ấn tượng và cảm xúc mạnh. Bởi, ông không chỉ thổi hồn, mà còn làm mới ngữ ngôn thơ bằng nghệ thuật sử dụng từ ngữ, cũng như kỹ thuật vắt dòng, hay bắc cầu. Giống như lục bát, thơ ngữ ngôn dễ làm, nhưng khó hay, nếu nhà thơ không có tài. Theo dòng văn học sử, ta có thể thấy, ngoài Ông Đồ của Vũ Đình Liên, Em Đi Chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp, Tiếng Thu của Lưu Trọng Lư, Khi Chưa Có Mùa Thu của Trần Mạnh Hảo... thơ ngữ ngôn để lại cho đời không nhiều.

Có một điều thú vị, cả hai tác giả đương đại đưa khẩu ngữ vào văn và thơ đều xuất thân từ miền Trung (Quảng Bình, Nghệ an). Nếu khẩu văn Nguyễn Quang Lập gần gũi hài tính, gây cười, thì khẩu thơ của Thái Bá Tân là lời tự sự, truy vấn làm cho người đọc chìm vào nỗi đau của đất nước, con người, cũng như thế thái nhân tình.

Thái Bá Tân viết nhiều thể loại, dịch nhiều sách, tuy được nhiều người biết đến, kể cả độc giả ngoại quốc. Nhưng chỉ đến khi ông dùng ngữ ngôn thơ chọc thẳng vào ung nhọt của xã hội, nóng hổi tính thời sự thì tên tuổi ông mới đóng đinh vào lòng người đọc trong và ngoài nước. Và chính nó đã làm nên chân dung nhà thơ, nhà văn vạm vỡ Thái Bá Tân được nhiều người yêu mến của ngày hôm nay.

Có thể nói ngay, thơ Thái Bá Tân hay trước nhất ở cái tứ. Và dường như bài nào cũng vậy. Đến với ngữ ngôn thơ ta thấy ông đã thay đổi hoàn toàn cách viết, từ ngôn ngữ cho đến cách gieo vần. Tuy lời thơ dân dã, nhưng ông đã sử dụng kỹ thuật ngắt nhịp, vắt dòng làm cho bài thơ hay đến lạ lùng. Những Người Ở Lại là bài thơ điển hình như vậy. Nó không chỉ cho ta thấy sự ngỡ ngàng, mất niềm tin đi đến bế tắc của người dân lương thiện, mà còn thấy được sự lưu manh hóa của những ông quan cách mạng, dưới cái chủ thuyết xã hội không tưởng. Chúng ta đọc lại lời kê, hay của một lời than dưới đây để thấy rõ điều đó:

"...Quan, những người cách mạng,

Lặng lẽ tích đô-la

Để thành công dân Mỹ,

Tây Âu, Canada!...

Ta, những người ở lại,

Đang thử hỏi còn gì?

Còn lại một núi nợ,

Một xã hội trái chiều.

*Những câu khẩu hiệu đỏ
Và một mớ giáo điều.
Một môi trường hủy diệt.
Một đất nước, người dân
Mất niềm tin, ngơ ngác,
Đành tin vào thánh thần.
Một dân tộc bất lực
Nhìn cái ác lên ngôi.
Bất lực chịu ngang trái
Và đạo đức suy đồi.”*

Tôi đã đọc, và viết khá nhiều về chân dung các nhà thơ, nhà văn đang sống trong cũng như ở ngoài đất Việt. Hai nhà thơ Luân Hoán và Thái Bá Tân để lại trong tôi ấn tượng khá đặc biệt, bởi cái lối kể chuyện bằng thơ. Luân Hoán hiện đang cư ngụ tại Canada, là nhà thơ miền Nam, thuộc thế hệ đi trước. Nếu thơ của Luân Hoán là câu chuyện tình, chuyện đời, thì thơ ngũ ngôn Thái Bá Tân mang nặng tính thời sự, với những câu chuyện nóng hổi vừa xảy ra. Nó bám chặt lấy cuộc sống, bám chặt lấy những thăng trầm của đất nước, và con người. Đọc, nghiên cứu, ta cảm giác, Thái Bá Tân làm thơ cứ như đùa, như chơi vậy. Mộc mạc, thô ráp là thế, nhưng cái dí dỏm ấy sắc nhọn như mũi dao chích vào lòng người.

Thật vậy, đọc bài Lại Phim Hăm Mốt Tỉ, ông viết cách nay không lâu, cho ta thấy, dù có đốt đến tiền tỉ, hút kiệt máu và nước mắt của nhân dân, cũng không thể che đậy được cái giả dối, bày đàn, một cách kịch cỡm của những kẻ xu thời, nịnh thế:

*Một bộ phim hoành tráng,
Tồn hăm một tỉ đồng
Để ca ngợi tướng Giáp.
Thế mà rạp trống không.
Là con người, ông Giáp*

*Chết, tất nhiên tôi thương.
Là lãnh đạo, thủ thật,
Tôi thấy cũng bình thường.
Chỉ ít không vật vã
Gào khóc như lên đồng.
Lạ, những người khóc ấ
Sao bây giờ lặng thinh?
Không xem phim ca ngợi
Người anh hùng của mình?
Mà trước đây tướng Giáp
Bị làm nhục nhiều năm,
Rồi óm nặng, sao họ
Không một lần đến thăm?
Bao giờ dân Đại Việt,
Vốn văn minh, khôn ngoan
Mới chột tình để thoát
Cái tâm lý bày đàn?”*

Ngược dòng văn học sử, ta có thể thấy từ thuở chưa có chữ viết, ông cha ta đã sáng tác, đúc kết truyền miệng những câu hoặc bài thơ châm ngôn về đạo đức và lối sống. Trải qua bao thăng trầm, nhiều câu, nhiều bài còn nguyên giá trị đến ngày hôm nay. Tuy nhiên, những năm gần đây, cùng với văn học dân gian, thơ châm ngôn ít được nhà chức trách và giới sáng tác, nghiên cứu quan tâm. Người sáng tác chuyên tâm, chuyên nghiệp dường như không có. Có lẽ, nó đòi hỏi một sự khắt khe chăng? Bởi, người viết thơ châm ngôn, ngoài tài năng, nhân cách, dứt khoát phải có kiến thức, vốn sống và từng trải về nhiều lãnh vực.

Thế nhưng, khi đi vào nghiên cứu Thái Bá Tân, ta có thể thấy, riêng thơ châm ngôn của ông không dừng lại con số bảy tập. Đây là con số nói lên sức viết, khả năng sáng tạo đáng kính phục, bởi một người cùng lúc làm nhiều

công việc như Thái Bá Tân. Và không đi theo thể lục bát truyền thống, thơ châm ngôn năm chữ (ngũ ngôn) của ông vẫn thủ thi, mang đậm tính triết lý của cuộc sống:

*“Ta hay quá sốt sắng
Quan tâm đến mọi người,
Mà quên ta là người
Đáng được quan tâm nhất.

Ta thường tìm hạnh phúc
Ở đâu đó rất xa,
Mà quên rằng hạnh phúc
Ở ngay chính trong ta.

Nghe, ai mà chả thích
Nghe những điều ngọt ngào.
Vì mặt trời chói mắt,
Ta thích ngắm trời sao.

Nhưng làm nên sự sống
Lại chính là mặt trời,
Không phải sao lấp lánh,
Mờ ảo và xa vời.”*

Ngũ ngôn là thể thơ có nhịp cũng như ngôn từ gần gũi với câu nói thường nhật, nên dễ nhớ, dễ thuộc đi vào lòng người, kể cả những đề tài khô khan như thời sự, xã hội. Tuy nhiên, do những đặc điểm như vậy, nên giữa thơ và vẻ luôn có khoảng cách rất mong manh, nếu nhà thơ thật sự không có tài. Và đọc Thái Bá Tân ta có thể thấy, dù là nhà thơ tài năng, luôn tìm tòi, sáng tạo, nhưng thơ ngũ ngôn của ông cũng còn một số câu, bài dở, nhất là mảng thơ châm ngôn. Có lẽ, do ông viết nhanh và nhiều chăng? Ấu đó cũng là điều rất bình thường của bất cứ nhà thơ, nhà văn nào.

* Bộ mặt thật của chế độ, và sự nhu nhược của con người.

Hơn một lần tôi đã viết, Thái Bá Tân và

Bành Thanh Bần là hai thi sĩ đang sống ở trong nước, viết về mảng thế sự, xã hội, mang lại nhiều xúc cảm cho người đọc. Tuy bút pháp, cũng như thể loại thơ hoàn toàn khác biệt, nhưng không ai có thể phủ nhận dũng khí của hai thi sĩ Thái Bá Tân và Bành Thanh Bần. Có lẽ, đây là hai cây bút hàng đầu của thi ca đất Việt dám đi đến tận cùng những vấn đề gai góc, nhức nhối nhất của đất nước, con người trong thời gian gần đây. Nếu Bành Thanh Bần, chỉ có vốn liếng của một gã thợ cày, với những câu lục bát dân dã, đã lật ngược bộ mặt thật của chế độ, thì Thái Bá Tân, một trí thức được đào tạo cơ bản từ trong đến ngoài nước, dùng “Ngũ ngôn thơ” chọc thẳng vào những ung nhọt của xã hội.

Thật vậy, Thái Bá Tân luôn trần trụi cùng quốc gia, dân tộc. Mỗi biến cố, sự kiện dù lớn hay nhỏ, thơ ông đều ghi lại cùng với những câu hỏi, truy vấn làm quặn thắt lòng người. Dẫu biết rằng, câu hỏi ấy, ai cũng biết và có thể trả lời. Xin Nhường Cho Chính Quyền, tuy chưa phải là bài thơ hay nhất của Thái Bá Tân, nhưng tôi thích, không phải vì tiếng cười thích thú, hân hoan của dân chúng trước sự bắn giết nhau của đám quan tham, mà bởi tiếng sùng ấy, đã báo hiệu ngày cận kề sụp đổ, đền tội của một chế độ đã mục nát:

*“Dường như đang bung vỡ
Khỏi ung nhọt lâu nay.*

Bí thư đảng Yên Bái

Bị bắn giữa ban ngày...

Thủ phạm, cũng quan lớn –

Trưởng chi cục kiểm lâm.

Còn một nạn nhân nữa,

Một quan ban phát quyền,

Là trưởng ban tổ chức,

Mà chức là có tiền.

*Mạng người nào cũng quý,
Cả dân và cả quan.
Sao nhiều người không xót,
Thậm chí còn hân hoan?”*

Không chỉ quay ngược bút, chọc vào đám văn nô cùng trong Hội: **“Lũ văn nô, đĩ bút/ Mới là bọn bắt lương/ Khóc mướn quan tham nhũng/ Lên mặt dạy dân thường.”** mà Thái Bá Tân còn vạch trần bộ mặt ngu xuẩn, lộn ngược gia phong của những tên quan tuyên huấn: **“Chắc có thằng tuyên huấn/ Vừa ngu dốt vừa lười/ Xưa tón lên, chấp bút/ Đặt đẳng ngang với trời.** “Bời, với chúng, **chỉ có nắp sau đẳng, sau cái thứ quyền lực đổi trác, bán mua ấy mới có thể đục khoét, làm giàu một cách bất lương:**

*“...Biệt thự tám mươi tí
Bên túp lều xác xơ
Là bắt lương tột đỉnh
Đất nước ta bây giờ
Quan xứ núi đã thế,
Quan thủ đô thì sao?
Chúng, quan của mọi xứ,
Đang hút máu đồng bào...”*

Không dừng lại mức độ đục khoét tham nhũng, mà bọn cường hào thống trị mới còn tàn nhẫn, man rợ hơn nữa. Thật vậy, chúng không từ bất cứ một thủ đoạn nào đối với đất nước, đồng bào, đồng đội. Hình ảnh những người lính gục ngã, bởi bị bán mua ngay nơi chiến trường là bức tranh thu nhỏ của đất nước hôm nay:

*“...Chuyện kể rằng, lần ấy,
Khi đánh nhau với Tàu,
Quân ta và quân địch
Cách nhau một chiếc cầu.
Bỗng từ trên có lệnh*

*Một đại đội xung phong
Vượt qua cây cầu ấy,
Sang bờ bên kia sông.
Thế mà lạ, sau đó,
Hai bên đang đánh nhau,
Có lệnh từ trên xuống.
Lần này lệnh phá cầu!...”*

(Ballad về một đại đội bị bỏ rơi)

Võ Nguyên Giáp cũng là một bài thơ hay của Thái Bá Tân. Ông có một cái nhìn trung thực, và đánh giá một cách khách quan về một nhân vật của lịch sử. Bài thơ ra đời, có lẽ ông bị áp lực từ nhiều phía, nhất là những kẻ có hai bộ mặt trong một con người. Đọc bài thơ này, dường như có một sự đồng cảm nào đó, làm tôi nghĩ ngay đến một bài viết của mình, ngay sau ngày tang lễ cụ Võ Nguyên Giáp:

“...Sau cái chết và lễ tang cụ Võ Nguyên Giáp, một nhóm, trong đó có cả một số nhà thơ tên tuổi, phát động, cùng nhau làm thơ, viết thơ về cụ Giáp. Tôi vui, buồn lẫn lộn, nhưng ông bạn nghiên cứu triết của tôi bảo, thơ ca gì, đọc lên sao thấy nó giống như dàn kèn tụng ca vua chúa thời phong kiến vậy... Và không hiểu sao, dạo này các bác hay đùa dai đến thế: Cứ bảo, cụ Giáp về với dân. Về với dân có nghĩa là như các bậc tiền nhân, sau khi hoàn thành nhiệm vụ, dám từ bỏ quyền lực, trở về ngôi nhà cũ của gia đình dòng họ và làm lại đúng cái nghề gõ đầu trẻ của mình. Chứ ai lại về với dân, mà sau khi thắng giặc, cụ ngự Villa to vật vĩa giữa lòng thủ đô. Không phải ai muốn gặp cụ cũng được. Khi mất, lăng mộ cụ lại ngự nơi được cho có phong thủy đẹp, lưng là núi mặt tiền là biển và dường như có cả lính túc trực ngày đêm? Vậy là xa dân, chứ làm sao có thể nói, cụ gần dân, về với dân. Thôi thì, cụ cứ nằm chung với các đồng chí của mình giữa thủ đô, có người chăm sóc luôn thể, có khi lại gián dị, đỡ tốn kém hơn.

Vâng! Người có công với chế độ như cụ

Giáp, được hưởng thụ ở mức “đại Nhà Thờ, đại Tôn Đản” là điều đương nhiên, khỏi bàn cãi. Nhưng các bác cứ cố gò ép, cụ về với dân, quả thật nó vênh, tội và oan cho dân lắm.

Có lẽ, do quá yêu quý cụ, nên nhiều người, trong đó có cả những nhà văn, trí thức cho rằng, cụ Giáp không vướng vào những sai lầm cải cách ruộng đất, nhân văn giai phẩm v.v... Dù là người dốt về chánh trị, cũng có thể nhận ra, **chủ trương dẫn đến những sai lầm này, của cả bộ chính trị**, không phải chỉ có riêng các cụ Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Hồ Viết Thắng gánh chịu, **mà phải tính từ cụ Hồ trở xuống**. Cụ Giáp lúc đó là ủy viên bộ chính trị, uy tín, tiếng tăm đang lẫy lừng, quyền hạn cao chót vót, nên không thoát khỏi trách nhiệm này...” (đoạn trích trong bài *Sám Hối*)

Và chúng ta hãy đọc lại bài Võ Nguyên Giáp để thấy rõ bộ mặt thật đê hèn, mà bấy lâu nay tưởng chừng cao đạo của giới chóp bu CS:

*“Nhẫn nhục mưu việc lớn
Là việc rất đáng khen.
Nhẫn nhục để khởi chết
Là thứ nhẫn nhục hèn.*

*

*Tôi không yêu, không ghét
Ông tướng cộng sản này.
Kính trọng cũng không nót,
Vì ba điều sau đây.*

*Một, thua xa Trần Độ,
Đến trăm tuổi, mà rồi
Vẫn nghĩ cộng sản tốt,
Không hỏi hận, theo tôi,*

*Đó là sự mù quáng,
Là giáo điều nặng nề.*

*Riêng việc ấy cho thấy
Đầu óc có vấn đề.*

*Hai, người ta nhẫn nhục
Để phục quốc cứu người.*

***Ông thì hèn, chịu nhục
Để được sống hết đời.***

Ba, tài năng quân sự.

Tôi không là chuyên gia.

Nghe đồn cái tài ấy

Là của người Trung Hoa.

Ông, như nhiều tướng khác,

Chiến tranh thì nhân dân,

Mà trận nào cũng thế,

Nổi tiếng nường nhiều quân...”

Gần đây, nghe nói, Thái Bá Tân đã tìm đến Phật Pháp. Và có lẽ, đó là nơi trú ngụ hồn ông lúc về chiều. Và càng đi sâu vào Phật pháp mênh mêng, dường như thơ của Thái Bá Tân đến gần hơn với luật báo ứng, nhân quả. Dân Đại Bái Chơi Đẹp là một bài thơ như vậy. Tuy chỉ là những thông kê qua lời kể, nhưng những cái chết đó như một lời cảnh tỉnh, đầy lòng nhân ái của người thi sĩ gửi đến những kẻ đang cõng lên đầu, lên cổ người dân lương thiện:

“...Nghe nói đâu thảng trước

Cả gia đình sáu người

Của một quan địa chính

Từng vang bóng một thời

Đã phải chết thảm khóc

Vì tai nạn giao thông.

Phải chăng là nhân quả?

Dẫu sao cũng đau lòng.

Lại nữa, một cán bộ

Cũng liên quan đất đai,

Đã bị dân chém chết

Đâu đó ở Gia Lai.

Chuyện như thế nhiều lắm.

Chuyện ân oán giang hồ.

Chắc quan tham cũng biết

Và chắc cũng đang lo.”

Đọc thơ ngũ ngôn Thái Bá Tân, cho tôi cảm giác mỗi bài là một trang sử ký, mà ông đã cần mẫn ghi lại. Với tôi, đó là những trang thơ, trang sách sống. Và tôi tin, dù còn phải sống trong một xã hội mịt mù, u ám, cùng với nó, trái tim người nghệ sĩ đích thực Thái Bá Tân vẫn sống cùng thời gian.

Dân Cuba chống Cộng sản, CS đã hết thời



Anti Communist = Chống Cộng Sản

NHỮNG ĐIỀU ĐƠN GIẢN

Thái bá Tân

Bị xuyên tạc, bóp méo,

Lịch sử của nước nhà

Có nhiều điều đơn giản

Mà ta không nhận ra.

Cộng sản là số một

Về nghệ thuật tuyên truyền.

Hơn cả vua nói dối

Đức Quốc Xã - Goebbels.

*

Mỹ không phải để quốc.

Cũng không xâm lược ta.

Thế mà dân Miền Bắc

Tin Mỹ xâm lược ta.

Xâm lược phải cướp đất,

Là việc Mỹ không làm.

Mỹ đơn giản chỉ giúp

Bạn đồng minh Miền Nam.

Nếu xét theo nghĩa ấy,

Xâm lược chính là ta.

Ta Nam Tiến, chiếm đất

Của Việt Nam Cộng Hòa.

Không có chuyện “giải phóng”.

Nếu có thì thực tình

Người Nam đánh người Bắc

Để tự giải phóng mình.

*

Miền Nam không phải Ngụy,

Mà quốc gia văn minh.

Cả thế giới công nhận,

Dân chủ và hòa bình.

Ngụy là một tổ chức

Tiến quyền và xấu xa.

Nhưng chính phủ ông Diệm

Được nhân dân bầu ra.

Bầu một cách dân chủ,

Các phe phái với nhau.

Còn Mặt Trận Giải Phóng

Thì chẳng được ai bầu.

*

Liên Xô và Trung Quốc

Thì ủng hộ phe ta.
 Mỹ, Nam Hàn và Úc -
 Phe Việt Nam Cộng Hòa.

Đơn giản chỉ như vậy.
 Chỉ người Việt đánh nhau.
 Anh em ruột thịt đấy,
 Mà sứt trán vêu đầu.

*

Không có chuyện cộng sản
 Được người dân tin yêu.
 Sợ, nói yêu thì có,
 Chứ thực lòng không yêu.

Năm Năm Tư, đình chiến.
 Vào Nam - mấy triệu dân.
 Ra Bắc - chỉ mấy chú
 Bộ đội, thiếu sinh quân.

Trong chiến dịch giải phóng,
 Cách mạng đi đến đâu
 Là dân chạy đến ấy,
 Cả trước và cả sau.

Yêu thì chẳng có chuyện
 Vượt biển, vượt đại dương
 Làm thuyền nhân, thà chết,
 Không ở lại “thiên đường”.

*

Những điều đơn giản ấy
 Là sự thật hiển nhiên,
 Nhưng chúng ta hiểu lạc
 Vì bộ máy tuyên truyền.

Không có gì chua xót
 Bằng viết những dòng này.
 Nhưng mà rồi phải viết,
 Hai khóe mắt cay cay.

Thái Bá Tân

TÔI YÊU SÀI GÒN XƯA TRƯỚC 1975

(Thơ Thái Bá Tân)



Saigon trước 30 tháng 4 1975. Nguồn internet.

Tôi là người Hà Nội
 Hơn bốn chục năm nay.
 Chính xác hơn - dân Nghệ.
 Chính xác nữa - dân cà.

Giờ về hưu, rồi rồi,
 Thỉnh thoảng vào Sài Gòn.
 Tôi nói Sài Gòn nhé -
 Vào Sài Gòn thăm con.

Sài Gòn, tên thật đẹp.
 Con gái Sài Gòn xinh. ♡
**Tôi nói Sài Gòn nhé,
 Không phải hồ chí minh.**

Nếu cần, đảng cứ việc
 Bỏ tiền ra mà xây
 Một thành phố cực lớn,
 Đặt tên cho ông này.

Còn Sài Gòn yêu quý,
 Sài Gòn của muôn đời,

***Thì làm ơn để đây
Cho tôi và mọi người.***

*Nhớ xưa đảng có nói,
Thề nguyện theo ý dân
Mà đổi tên thành phố,
Rằng việc ấy rất cần.*

***Vì tôi không được hỏi,
Nên khi vào thăm con,
Ai gọi gì mặc kệ.
Tôi cứ gọi Sài Gòn.***

***Nhớ nhé, Sài Gòn nhé.
Chỉ cái tên này thôi.
Xin đừng gọi tên khác
Khi nói chuyện với tôi.***

Thái Bá Tân.

Hiện tượng Thái Bá Tân

(Mặc Lâm, biên tập viên RFA)



Nhà thơ Thái Bá Tân.

Mạng xã hội hôm nay không những nóng lên vì tin biên đã sạch, phi trường Tân Sơn Nhất ngập như sông, máy bay huấn luyện rơi giết phi công còn rất trẻ và đầu đó người này người khác lại bực dọc vì một nhà thơ mà họ yêu mến nay bỗng dung tuyên bố những điều

gián tiếp từ khước tất cả những gì mà ông từng viết và được ưa chuộng trước đây. Nhà thơ ấy là Thái Bá Tân, với cung cách “khẩu thơ” của những bài ngũ ngôn tuyệt vời.

Từ hơn 5 năm trước thơ Thái Bá Tân được cộng đồng chia sẻ và mức lan tỏa của nó phải nói là khá lớn. Người ta thích thú vì ông viết xoáy vào các chủ đề xảy ra hàng ngày. Tính thời sự trong thơ ông rất rõ, kèm theo đây ông bày tỏ thái độ của mình và chính điều này đã làm nên Thái Bá Tân.

Tháng 7 năm 2012 trong bài viết: “*Thái Bá Tân và những bài thơ 5 chữ*” chúng tôi đã được ông cho biết về thái độ của mình, với tư cách một nhà thơ như sau:

*“Tôi nghĩ rằng nhà văn nhà thơ mà cứ im
mãi thì không đúng. Phải có trách nhiệm của
công dân. Tôi chẳng chống phá gì đâu thậm
chí tôi còn ăn lộc của chế độ vì được ăn học từ
tổ nhưng chuyện nào ra chuyện ấy trách nhiệm
công dân thì mình phải nói.”*

Trong bài thơ “*Mắng con*” Thái Bá Tân đã làm cho không khí biểu tình chống Trung Quốc lúc ấy thêm lửa. Cách thể hiện thái độ của ông trước sự vô cảm của con ông, mà chính ra là của nhà nước, của đa số người dân trong xã hội, đã khiến cư dân mạng nức lòng vì ông đã dùng thơ nói lên những ẩn ức cháy lòng của người khác.

*“Mày lão, dám khuyên bố
Mai không đi biểu tình.
Chuyện ấy có nhà nước,
Không liên quan đến mình.*

*Mày nói y như đảng.
Không liên quan thế nào?
Nước là của tất cả,
Của mày và của tao.*

Mày bảo có nhà nước.
Nhà nước hèn thì sao?
Mà ai cho nhà nước
Quyết việc này thay tao?

Chính vì khôn, “biết sống”
Tức ngậm miệng, giả ngây,
Mà thế hệ của bố
Để đất nước thế này.

Ừ, bố già, lẩn thẩn,
Nhưng vẫn còn là người.
Mà người thì biết nhục,
Biết xấu hổ với đời.

Mai biểu tình, thế đấy.
Bố không bắt con đi,
Nhưng cũng đừng cản bố.
Cản cũng chẳng ích gì.”

Người biểu tình biết ông từ đó và niềm tin yêu đặt vào ông ngày một cao hơn qua các bài thơ khác.

Thái độ của nhà thơ Thái Bá Tân là thái độ của một sĩ phu Bắc Hà. Là nhà giáo ông biết rõ nhân cách của một công dân trong xã hội, một công dân khi ứng xử với nước ngoài và nhất là lòng tự hào của một công dân đối với quốc gia mình. Thế nhưng ông đã tự bộc lộ nỗi thất vọng khi được làm công dân của một nước Cộng sản, như nước mà ông đang sống: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

“Chứ nói chung là nhục
Nhục phải làm thẳng dân
Một nước giỏi nói phét
Lãnh đạo thì ngu đần
Riêng hai chữ Cộng sản
Đã đủ nói phân nào
Làm thẳng dân Cộng sản
Có gì mà tự hào?”

Thái Bá Tân không mạnh mẽ đến độ làm

cho nhà nước nghĩ rằng ông chống phá, thế nhưng khi nói tới cùng cái điều mà ông trông thấy hàng ngày có lẽ Thái Bá Tân không phải là người cuối cùng nói lên sự thật:

“Vứt mẹ cái khẩu hiệu
Còn đảng là còn mình.
Thế mai kia đảng chết,
Không lẽ mày quyền sinh?”

Thế nhưng chỉ vài ngày trước đây trên trang Facebook của mình nhà thơ đã làm cho mạng dậy sóng.

Trong status có tựa Đồi lòi, nhà thơ Thái Bá Tân đã bộc bạch những điều mà trước đây ông đã phá. Từ biết ơn đảng đã đổi mới, cho tới ông Nguyễn Phú Trọng liêm khiết không hề tham nhũng, ông khen Thủ tướng Phúc quyết liệt Bí thư Thăng năng nổ và xác định lòng tin của nhà thơ là đại cục không phải xấu đi mà đang tốt lên.

Thấy chưa đủ ông còn viết thêm một bài thơ, diễn tả tâm trạng mình cũng theo thể thơ đã làm ông nổi tiếng, bài thơ có tên “Ghi nhận”

“Các bác thử tưởng tượng,
Nếu đảng ta trước đây
Không mở cửa, đổi mới,
Sẽ thế nào hôm nay?”

Hôm nay ta chắc chắn
Như dân Bắc Triều Tiên.
Không được nói, được chỉ,
Không cơm ăn, không tiền.

Không có internet,
Không được đi nước ngoài,
Không có chiếc xe đạp,
Không có cả chiếc đài.

Không được mặc quần xộc,
Cắt tóc theo ý mình.

*Không khách sạn, nhà nghỉ,
Không có cả ngoại tình...*

*Chắc chắn là như thế.
Các bác cứ tin đi.
Nếu đảng không đổi mới,
Hỏi ta biết làm gì?*

*Định vùng lên lật đổ
Rồi thoát khỏi thằng Tàu?
Đừng đùa với cộng sản.
Không có chuyện ấy đâu.*

*Cho nên chửi cứ chửi,
Nhưng cũng phải phân minh.
Biết lượng sức mà tiến,
Biết người và biết mình.*

*Đảng có gì không đúng
Thì nói, ta, người dân
Việc mình làm thật tốt
Để mọi cái tốt dần.*

*Tôi không ưa cộng sản,
Cả xưa và cả nay.
Nhưng đảng đã đổi mới
Thì ghi nhận việc này”*

Khi xưa làm một bài thơ hay phải chờ đến hàng năm thì cộng đồng mới biết tới để khen, để phản hồi. Bây giờ chỉ sau một đêm, một ý kiến một bài thơ của ông được sự phản hồi ào ạt tới không kịp xem cho hết. Người tích cực và nhanh nhất là Facebooker Dương Hoài Linh, ông dùng lại chính thể thơ mà Thái Bá Tân nổi tiếng để diễn tả tâm trạng mình:

Gửi thầy Thái Bá Tân

*“Nghe thầy Thái Bá Tân.
Phân trần về chính trị.
Mà cảm thấy phân vân.
Bởi quá nhiều vô lý.*

*Mới hôm nào thầy nói.
Chính trị là thực tế,
Là cuộc sống, là đời.
Nói thật tôi rất nể.*

*Không có nước nào nhỏ.
Chỉ có những công dân
Cam chịu sống bé nhỏ,
Gục mặt vào miếng ăn.*

*Nghĩ thầy thật can trường.
Chẳng kém phần dũng cảm.
Dành tất cả tình thương.
Cho dân đầy can đảm.*

*Nhưng hôm nay thầy bảo.
Trọng là người liêm khiết.
Không bán nước cho Tàu.
Nghe mà buồn khôn xiết.*

*Chắc thầy hẳn đã quên.
Chỉ cách đây mấy tháng.
Trọng là một tên hèn.
Khi đi vào Vũng Áng.*

*Mặc cá chết, dân đói.
Biết bao nỗi đoạn trường.
Nước mắt hòa với máu.
Trong những lần xuống đường.*

*Bao cảnh đời tang thương.
Trọng chẳng thèm hay biết.
Một vùng biển miền Trung.
Đã biến thành biển chết.*

*Thủ tướng quyết cho liệt.
Mọi đường lối chủ trương.
Lừa dân năm trăm triệu.
Dối trá đủ mọi đường.*

Môi trường không còn nữa.
 Chúng chẳng thèm quan tâm.
 Cả một bầu lộn sừa.
 Rủ nhau xuống biển ngâm.

Ôi đất nước như thế.
 Rất một lũ chuyên lừa.
 Ăn của dân bất kể.
 Chẳng biết máy cho vừa.

Xã hội đang sôi sục.
 Như nồi cơm sắp trào.
 Chúng vẫn không biết nhục.
 Gấp lửa bỏ thêm vào.

Cuộc đời phức tạp lắm,
 Vàng ròng lẫn đồng thau.
 Đã cùng dân một nước
 Thì phải yêu thương nhau.

Thế mà nay thầy khác.
 Nói chẳng ra làm sao.
 Phủ nhận và bài bác.
 Không như cái thuở nào.

Tôi mong thầy bị hack.
 Viết những lời mất trí.
 Để xác tín trên đời.
 Rằng vẫn còn chân lý.

Bá Tân ơi Bá Tân
 Chẳng lẽ tôi đã lầm?
 Thì ra cái hai mặt.
 Không của riêng người nào.

Nhẫn nhục mưu việc lớn
 Là việc rất đáng khen.
 Nhẫn nhục để khỏi chết
 Là thứ nhẫn nhục hèn.”

Thế nhưng nhà báo Võ Văn Tạo lại nhìn nhà thơ Thái Bá Tân qua một lăng kính khác

ông cho rằng khi chưa hiểu tường tận câu chuyện lại đánh giá nặng nề nhà thơ là việc không nên làm, ông nói:

“Tôi rất ngạc nhiên đồng thời tôi cũng thấy có nhiều ý kiến nặng nề thóa mạ bác một cách quá đáng. Theo tôi nghĩ đánh giá một con người thì có cả một quá trình. Mình đã đọc nhiều tác phẩm của bác. Bác là một dịch giả, nhà văn viết rất hay và đặc biệt những bài phê bình thể loại thơ 5 chữ rất dí dỏm mang tính chất phê phán nhẹ nhàng đối với tiêu cực xã hội hiện nay, đột nhiên lại có một status đi ngược với điều đó thì cộng đồng người ta shock là điều dễ hiểu nhưng tôi cho rằng bác là con người tử tế chứ không phải là loại cơ hội sớm đầu tối đánh như một số bạn nóng nảy kết án.”

Một Facebooker khác là Nguyễn An Dân cũng làm thơ 5 chữ ghi lại nhận định của mình theo một hướng khác, ông viết:

“Có ông Thái Bá Tân
 Thích làm thơ chính trị
 Quần chúng nghe thành quen
 Nghĩ ông làm chính trị
 Ông chỉ là nhà thơ
 Không phải nhà chính trị
 Xin đừng đòi hỏi ông
 Giống như nhà chính trị
 Nếu hâm mộ thơ ông
 Thì cứ đọc cho đủ
 Chuyện chính trị quốc gia
 Nói bằng thơ - không đủ
 Hãy tìm những thông tin
 Bỏ ích mà học hỏi
 Nhà chính trị quốc gia

*Ít ai làm thơ nổi
Nhà thơ là nhà thơ
chính trị là chính trị
Đừng đòi hỏi nhà thơ
Phải như nhà chính trị
Đừng mong nhà chính trị
Cũng biết làm thơ hay
Tập trung làm thơ giỏi
Chính trị sẽ...trên mây
Chúng ta cần lãnh đạo
Chứ không cần thơ hay
Tự chính mình học hỏi
Để phát triển ngày ngày
Thế nên đừng ném đá
Vào ông Thái Bá Tân
Mà tập trung sức khỏe
Vào chuyện quốc gia cần”*

Trong một cái nhìn khác về trường hợp “quy hàng” của nhà thơ Thái Bá Tân, nhà báo Võ Văn Tạo kể câu chuyện mới xảy ra trong gia tộc ông đề từ đó đặt ra câu hỏi “phải chăng Thái Bá Tân cũng là nạn nhân của an ninh khiến ông phải quay lại chĩa ngòi bút mình vào nhân dân, những người từng nhiệt tình kính trọng ông trước đây?

“Tôi xin kể câu chuyện mà tôi là người trong cuộc đó là vụ tháng Năm vừa rồi cá chết. Hôm mừng một tháng Năm cô em họ tôi là Hoàng Thị Minh Hồng, trước đây cô đi Nam cực thám hiểm hai lần cô có thời gian làm đại sứ cho UNESCO và Trưởng đại diện cho Quỹ bảo vệ động vật hoang dã của thế giới.

Cô là người của công chúng cho nên khi ngày 1 tháng 5 cô xuất hiện ở cuộc biểu tình với tấm bảng đề là “con tôi cần nước sạch, không khí sạch, thực phẩm sạch, chính quyền sạch” Cái hình ảnh đó rất ấn tượng và không hiểu sao hai tuần sau, ngày 15 tháng 5 cô ấy xuất hiện với cái bảng “đả đảo Việt Tân”.

Nhiều người dự đoán cô bị sức ép hay có cái gì đấy. Tôi rất ngạc nhiên và gọi cô ấy nhưng rất khó liên lạc cho tới khi liên lạc được thì cô nói thật do bị sức ép của an ninh nên buộc lòng cô phải làm việc ấy.

Cô kể hết sự tình ra là an ninh đã đe dọa cô ấy thông qua nhân viên của tổ chức cô ấy làm việc, đồng thời gửi e-mail nặc danh dọa giết cháu Giang là con của hai vợ chồng cô. Chúng còn biết cháu học ở trường nào nữa cho nên cô rất sợ cuối cùng đi đến việc làm dở như thế.

Có khả năng chứ không dám khẳng định: bác Thái Bá Tân cũng rơi vào tình trạng đó do có một cái ý mà bác nói “cảm ơn đảng, chính phủ qua cái việc chủ trương đổi mới” bác nói “quá nghèo mà được như thế này là tốt lắm rồi!” Tôi thấy nó giống như giọng lưỡi an ninh mà mỗi lần tiếp xúc làm việc với tôi cũng nói những câu như thế của dư luận viên và tôi không thể tin được đó là cái đầu hay cái cách của bác”

Trong xã hội nhiều tầng nấc trái ngược và điều gì cũng có thể xảy ra như hiện nay, nên chẳng hãy để câu chuyện Thái Bá Tân ngủ yên với cái nó vốn có. Lịch sử còn dài và trên từng trang viết của nó không ai có thể trốn tránh, nhất là khi đã tự chọn cho mình là người của công chúng.

DANG'S General Construction and Engineering 

Contractor State Licenses # 447924 A-B-C10-C20-C36-C38-HIC

- General Engineering
- General Construction
- Air Conditioning
- Electrical
- Plumbing

Rex H. Dang, CPE
General Engineering
Mechanical & Electrical
Contractor

8402 Satinwood Circle, Westminster, CA 92683
Tel: 714-390-9424
Email: rex.cpe@gmail.com



Home Trade Realty & Funding Advantages:

- Get funding as fast as 21 business days
- No tax return / No income verification
- Monthly interest – only payment
- Maximum 80% LTV
- Minimum credit score 680

Home Trade Realty & Funding can help people who are:

- For traditional mortgage
- Home Equity Line of Credit (HELOCK)
- Commercial loan
- Bridge loan
- Construction loan

Name: Tam Hoang

Phone: (714) 733-9666

Email: tamrealestate@yahoo.com

DRE#: 01788761